NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM

MƯỜI TẬP

III

vh

VĂN HỌC

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI

VĂN HỌC ẢRẬP

TỦ SÁCH GIA ĐÌNH
NGUYÊN NGUYỄN

NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM

TRUYỆN KỂ

(Mười tập)

III

PHAN QUANG

dịch và giới thiệu

(In lần thứ hai, có sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Hà Nội — 1982

Dịch theo bản dịch tiếng Pháp
CONTES DES MILLE ET UNE NUITS của Antoine Galland
Nhà xuất bản FRÈRES GARNIER — Paris, 1962

ALÁTĐANH VÀ CÂY ĐÈN THẦN

Tại kinh đô một nước thuộc Trung Quốc, rất giàu và rất rộng, giờ đây tôi quên mất tên, có một người thợ may tên là Mutxtapha, ông ta không có danh vị nào khác ngoài cái mà nghề nghiệp ông ta đưa lại. Mutxtapha là một người thợ may rất nghèo; công việc làm ăn giật gấu vá vai vẫn không đủ để nuôi sống vợ và một đứa con trai tên là Alátđanh.

Được nuôi dạy theo lối gặp chăng hay chớ, chú mắc nhiều nết xấu. Chú nghịch ngợm, bướng bỉnh, không vâng lời bố mẹ. Chú vừa mới lớn lên một chút, bố mẹ chú đã không giữ được chú ở nhà. Từ sáng sớm, chú đã bỏ nhà ra đi, chơi bời lêu lổng suốt ngày ở ngoài đường phố và các nơi công cộng với những đứa bé con du thủ du thực có khi còn ít tuổi hơn chú.

Khi chú đến tuổi học việc, bố chú chẳng có điều kiện cho chú theo một nghề nào khác ngoài nghề nghiệp của mình, liền giữ chú ở quán may và bắt đầu bày cho chú cách cầm cái kim sợi chỉ. Nhưng, lời lẽ dịu dàng không được, đe dọa roi vọt cũng không xong, ông bố chẳng còn có cách gì giữ chân con được, buộc chú ngồi yên cần cù chăm chỉ với nghề, như ông ta mong

muộn. Mutxtapha vừa quay lưng đi, Alátđanh đã lẩng trốn mất, và suốt cả ngày hôm ấy, chú không đặt chân trở về quán may nữa. Ông bố lại đánh cho một trận; nhưng Alatđanh vẫn tính nào tật ấy; ông ta buộc phải để mặc cho chú tự do, muốn làm gì thì làm. Điều đó làm ông ta rất phiền lòng, và nỗi buồn không dạy bảo được con nên người khiến cho ông ta lâm bệnh nặng mấy tháng thì qua đời.

Bà mẹ Alátđanh thấy con không chịu theo nghề nghiệp của bố, liền đóng cửa quán may và bán hết đồ nghề để góp thêm vào số tiền ít ỏi bà kiếm được bằng nghề kéo sợi, cho hai mẹ con sống lần lữa qua ngày.

Chú bé Alátđanh, trước đây đến bố còn không bảo được; thì giờ đây còn coi mẹ ra gì; chú to gan đến mức dám đe dọa cả mẹ mỗi lần bị bà trách mắng, thành ra chú tha hồ chơi bời lêu lổng. Chú đàn đúm với lũ trẻ con cùng lứa tuổi, và càng ham mê chơi bời với chúng hơn cả trước kia. Chú sống theo cách ấy mãi đến năm mười lăm tuổi, đầu óc chẳng mở mang về bất cứ một việc gì, chẳng bao giờ suy nghĩ sau này mình sẽ ra sao. Chú đang ở trong tình cảnh ấy, thì một hôm, trong khi chú đang cùng một lũ trẻ du thủ du thực nô đùa trên một đám đất rộng, có một người lạ mặt đi qua dừng chân lại và chăm chú nhìn chú.

Người lạ mặt ấy là một lão phù thủy cao tay mà những tác giả chép câu chuyện này chỉ gọi là lão phù thủy người Phi. Chúng ta cũng sẽ gọi hắn như vậy, và gọi như vậy cũng phải thôi bởi vì quả thật hắn là người châu Phi, vừa đặt chân đến đây mới có hai ngày trời.

Hoặc giả, lão phù thủy người Phi, vốn giỏi nghề xem tướng mặt, đã nhận ra ở khuôn mặt Alatđanh những nét gì tuyệt đối cần thiết cho công việc đen tối của lão, khiến lão cất công đến tận đây. Hoặc giả cũng có thể là lão đã khôn khéo tìm hiểu trước về gia đình chú để biết

rõ chú là ai, người ngợm và tính nết chú như thế nào. Khi đã rõ điều muốn biết rồi, lão đến gần chú, kéo riêng chú ra cách bạn bè mấy bước rồi hỏi : «Cháu ơi, có phải bố cháu tên là Mutxtapha – thợ may không ?

– Thưa ông vâng, nhưng bố cháu mất đã lâu rồi, – Alatđanh đáp.

Nghe câu đáp, lão phù thủy người Phi ôm chầm lấy Alatđanh, hôn chú nhiều lần, nước mắt rưng rưng và thở dài thườn thượt. Alatđanh thấy thế, liền hỏi tại sao lão khóc. Lão phù thủy người Phi kêu lên : «Ôi cháu ơi ! làm sao chú có thể cầm được nước mắt ? Chú là chú ruột cháu đây, bố cháu là anh của chú. Đã nhiều năm nay chú đi xa, và đúng vào lúc chú đến đây hi vọng gặp lại bố cháu, để cho bố cháu vui lòng là chú đã trở về, thế mà cháu lại cho chú hay tin bố cháu đã qua đời ! Thật đau xót lắm sao, chú đã không đạt được niềm an ủi mà chú mong chờ. Nhưng có điều làm cho chú cũng khuây khỏa được phần nào, ấy là khi nhìn cháu, nhận ra nét mặt của bố cháu mà chú còn nhớ rõ ; và chú thấy chú đã không nhầm khi đến hỏi chuyện cháu».

Lão vừa thọc tay vào túi tiền vừa hỏi Alatđanh mẹ chú ở đâu. Alatđanh vâng đáp, lão đặt vào tay chú một nắm tiền và bảo : «Cháu ơi, cháu hãy về tìm mẹ cháu, nhớ nói là chú gửi lời chào, và thưa với mẹ cháu là nếu thì giờ cho phép, sáng mai chú sẽ đến thăm để được nhìn lại nơi ông anh của chú đã sống một thời gian khá lâu và cũng là nơi ông vĩnh biệt cõi đời».

Lão phù thủy người Phi từ biệt cậu cháu hờ, và Alatđanh liền chạy vội về nhà, rất vui mừng với số tiền ông chú vừa cho. Vừa về tới nhà, chú hỏi mẹ : «Mẹ ơi, xin mẹ cho con biết, con có ai là chú không ?».

– Không con ạ, con chẳng có chú nào bên nội cũng như bên ngoại cả.

— Ấy thế mà con vừa gặp một người bảo là chú ruột bên nội của con cơ đấy, bởi vì theo như lời ông ta quả quyết thì cha con là anh cả của ông ta. Ông ta còn khóc và ôm hôn con nữa khi nghe con nói bố con đã qua đời. Đây là bằng chứng con nói thật — chú đưa ra khoe số tiền vừa nhận được. Ông ta còn nhờ con chuyển lời chào mẹ và nói với mẹ rằng, nếu có thì giờ, ông ta sẽ đến thăm mẹ và cũng để viếng ngôi nhà, nơi bố con đã sống và đã qua đời.

— Con ạ — bà mẹ nói — đúng là cha con có một người em trai, nhưng chú ấy mất đã lâu, và mẹ không bao giờ nghe bố con nói có một chú em nào khác.

Đến đây hai mẹ con không nhắc gì đến lão phù thủy người Phi nữa.

Ngày hôm sau, trong khi Alátđanh đang chơi với một lũ trẻ con khác ở một nơi khác trong thành phố, thì lão phù thủy lại đến tìm một lần nữa. Lão lại ôm hôn chú như ngày hôm trước, rồi đặt vào tay chú hai đồng tiền vàng và bảo : «Cháu hãy mang tiền này về đưa cho mẹ cháu; nói rằng tối nay chú sẽ đến chơi, mẹ cháu hãy đi mua thứ gì để chú cháu ta cùng ăn với nhau. Nhưng trước hết, cháu hãy nói cho chú biết nhà cháu ở đâu». Alátđanh chỉ cho lão rõ nhà của mình, lão liền để chú đi.

Alátđanh mang hai đồng tiền vàng về đưa cho mẹ và cho bà rõ ý định của lão phù thủy người Phi. Bà đi mua nhiều thức ăn ngon; và vì nhà không có đủ bát đĩa, bà phải sang hàng xóm mượn. Suốt ngày hôm ấy, bà lụi cụi sửa soạn bữa cơm chiều, và khi đã sắp xong đâu vào đấy, bà bảo Alátdanh : «Con ạ, có thể chú con không biết nhà ta ở đâu, con hãy đi đón, hễ trông thấy thì đưa chú về».

Mặc dù Alátdanh đã chỉ cho lão phù thủy biết rõ nhà ở chỗ nào, chú vẫn sửa soạn đi đón. Vừa lúc ấy, có

tiếng gõ cửa. Chú ra mở và thấy lão phù thủy; lão bước vào tay cắp nhiều chai rượu và trái cây để dùng trong bữa cơm chiều.

Lão trao tất cả những thứ đó cho Alátđanh, rồi chào bà mẹ và yêu cầu bà chỉ cho biết ông anh Mutxtapha của lão trước đây ngồi ở chỗ nào trên ghế. Bà trỏ, lão lập tức quỳ xuống hôn chỗ ấy nhiều lần, nước mắt rưng rưng. Lão than thở: «Ôi! hỡi anh tội nghiệp của em ơi, khổ thân cho em biết bao đã không về kịp để được ôm hôn anh một lần cuối cùng trước khi anh mất!». Mặc cho bà mẹ Alátđanh mời mọc, lão nhất định không chịu ngồi vào chỗ ấy. Lão nói: «Không, tôi chẳng bao giờ dám thế đâu; chị hãy vui lòng cho tôi ngồi ở chỗ đối diện này, để nếu không được cái sung sướng nhìn thấy mặt anh tôi còn sống, ông anh quyền huynh thế phụ cho cả một gia đình thân yêu của tôi, thì ít ra tôi cũng có thể nhìn vào đấy như thể anh tôi còn có mặt vậy». Bà mẹ Alátđanh không nài thêm, để mặc cho lão muốn ngồi đâu tùy ý.

Khi đã yên vị vào cái chỗ lão tự chọn lấy rồi, lão phù thủy người Phi bắt đầu chuyện trò với bà mẹ Alátđanh. Lão nói: «Thưa chị, xin chị chớ lấy làm lạ sao không hề trông thấy tội kể từ ngày chị về làm bạn với ông anh đáng thương tiếc của tôi. Đã bốn mươi năm nay tôi ra đi khỏi mảnh đất quê hương của tôi cũng như của ông anh đã quá cố của tôi. Từ dạo ấy, sau khi đã chu du khắp các nước Ấn-độ, Ba-tư, Árập, Xyry, Ai-cập, và cư trú tại nhiều thành phố đẹp nhất của những nước đó, tôi sang châu Phi và sống lâu nhất ở bên ấy. Cuối cũng, — và đây cũng là điều tự nhiên cho tất cả mọi người, dù cách xa quê hương đến đâu cũng không thể không nhớ tới nơi chôn rau cắt rốn, không thể không nhớ đến họ hàng thân thuộc và anh em cùng được nuôi dạy với mình, — tôi nảy ra lòng mong muốn

thiết tha được nhìn thấy lại quê hương, được ôm hôn ông anh thân yêu vào lúc mình chưa quá già yếu và còn đủ dũng cảm để làm một chuyến đi xa xôi như vậy, đến nỗi tôi lao vào việc chuẩn bị rồi lên đường ngay. Tôi sẽ không kể cho chị hay đã phải mất biết bao thời giờ, vượt qua biết bao trở ngại trên đường, chịu đựng biết bao gian lao khổ ải để về tới được chốn này. Tôi chỉ xin nói rằng không có gì làm cho tôi tủi phận hơn, buồn bã hơn, so với tất cả các chuyến đi khác của tôi, bằng lúc được tin ông anh trai của tôi luôn luôn yêu mến, với những tình cảm thật sự là anh em ruột thịt, đã qua đời. Tôi nhận ra ngay những nét mặt của anh tôi trên khuôn mặt cháu, và điều đó đã giúp tôi phân biệt được cháu ở giữa đám trẻ đang chơi đùa. Cháu có thể cho chị nghe tôi đã đón nhận tin buồn ông anh tôi mất như thế nào. Nhưng thôi, chúng ta hãy tạ ơn trời đất về điều này hơn hết thảy : ấy là niềm an ủi được thấy lại ông anh tôi qua những nét đặc sắc còn lưu lại trên khuôn mặt của cháu đây».

Nhận thấy bà mẹ Alátđanh xúc động khi nghe gọi đến vong linh chồng, lão phù thủy người Phi liền chuyển sang nói chuyện khác. Lão quay lại phía Alátđanh và hỏi chú tên gì. Chú đáp : «Tên cháu là Alátđanh»»

– Thế nào, Alátđanh ! – lão phù thủy nói tiếp – cháu hiện đang làm gì ? Cháu có biết nghề gì không ?»

Nghe hỏi, Alátđanh cúi gằm mặt và tỏ ra bối rối. Nhưng bà mẹ đã đỡ lời :

«Alátđanh là một đứa vô tích sự. Khi bố cháu còn sống, bố cháu đã cố gắng hết sức mình để dạy nghề cho nó, thế mà không sao làm được, và từ khi bố cháu mất đi, mặc cho tôi nói gì thì nói, mặc cho tôi ngày nào cũng nhắc đi nhắc lại có bấy nhiêu điều, nó chẳng chịu làm nghề ngỗng gì ngoài cái việc đi

lang thang, đàn đúm suốt ngày với lũ trẻ con, mà như chú thấy đấy, có phải nó còn bé bỏng gì cho cam. Nếu chú không giúp được cho nó thấy điều đó để lấy làm xấu hổ mà tỉnh dần, thì tôi cho là chẳng bao giờ nó có thể nên người. Nó biết bố nó chẳng để lại một chút của cải nào, và tôi lụi hụi kéo sợi từ sáng sớm tới đêm khuya vẫn không sao kiếm ra đủ ngày hai bữa, nó cũng thấy đấy, chứ phải không đâu. Tôi đã định bụng hôm nào tống khứ nó ra khỏi nhà, cho nó muốn tìm đấu ra cái ăn thì đi mà tự tìm lấy».

Bà mẹ nói xong tủi thân khóc nức nở, lão phù thủy người Phi liền bảo Alátđanh: «Như thế không tốt đâu, cháu ạ, cháu phải nghĩ tới chuyện cố gắng lên và tự mình kiếm sống chứ. Nhân sinh bách nghệ, cháu hãy thử xem có nghề nào cháu thích hơn cả hay không? Có thể cháu không thú nghề của bố cháu và hợp với một nghề gì khác cũng nên; cháu cứ nói thật với chú, chú chỉ muốn giúp đỡ cháu mà thôi».

Thấy Alátđanh chẳng nói chẳng rằng, lão tiếp: «Nếu cháu ngại không muốn đi học nghề nhưng lại muốn có một cửa hiệu bán vải vóc, lụa là đắt tiền, thì cháu phải đứng ra quản lý lấy, rồi đến khi bán hết hàng, cháu lấy tiền ấy cất hàng khác về, bằng cách đó cháu sẽ sống rất đàng hoàng. Cháu hãy suy nghĩ cho kỹ, rồi thẳng thắn cho chú biết ý kiến cháu thế nào. Cháu sẽ thấy chú lúc nào cũng sẵn sàng giữ lời hứa với cháu».

Lời gợi ý ấy làm Alátđanh rất thú vị; chú vốn không thích lao động chân tay, hơn nữa chú cũng đã có đủ trí khôn mà nhận thấy rằng những hiệu buôn loại ấy đều sạch sẽ và đông khách, còn các ông chủ hiệu thì ăn mặc sang trọng và rất được nể vì. Chú nói với lão phù thủy, mà chú tưởng là chú ruột của mình thật, rằng chú vẫn thích làm nghề buôn bán ấy hơn mọi nghề nào khác, nếu được lão gây dựng cho thì chú sẽ nhớ ơn

đến trọn đời. Lão phù thủy nói: «Cháu đã thích nghề buôn bán, vậy thì sáng sớm mai chú sẽ dẫn cháu đi may mặc cho nó chỉnh tề và sang trọng, giống hệt như một người chủ hiệu buôn lớn nhất của thành phố ta ấy, rồi đến ngày kia, chúng ta sẽ tính tới chuyện tậu một cửa hiệu đúng như cung cách mà chú hằng suy tính».

Bà mẹ Alátđanh, cho đến lúc bấy giờ, vẫn chưa thật tin lão phù thủy là em thật chồng mình, nhưng sau khi nghe thấy bao nhiêu điều mà lão hứa làm cho con trai mình, bà không còn nghi ngờ gì nữa. Bà cám ơn lão về những ý nghĩ tốt lành; và sau khi khuyến khích Alátđanh hãy tỏ ra xứng đáng với những điều hay ho như ông chú định gây dựng cho, bà soạn bữa cơm chiều. Suốt bữa ăn câu chuyện vẫn chỉ xoay quanh mỗi một việc ấy, cho đến khi lão phù thủy thấy đêm đã khuya, liền cáo từ hai mẹ con ra về.

Sáng sớm hôm sau, lão phù thủy người Phi không quên trở lại nhà bà vợ góa của Mutxtapha – thợ may, như lão đã hứa. Lão dẫn Alátđanh đi và đưa chú vào một hiệu buôn lớn chuyên bán quần áo may sẵn bằng đủ loại vải, cho đủ mọi lứa tuổi, người sang cũng như người hèn. Lão gọi mang ra những áo quần hợp với khổ người Alátđanh, rồi sau khi để riêng ra những bộ lão thích nhất và trả lại những bộ lão cho là không đẹp, lão nói với chú: «Cháu hãy chọn trong số này bộ áo quần nào cháu thích hơn cả». Thú vị về sự hào phóng của ông chú, Alátđanh chọn một bộ; lão phù thủy liền mua cùng với mọi thứ kèm, và trả tiền toàn bộ không hề cò kè mặc cả.

Thắng bộ cánh sang trọng từ đầu đến chân, Alátđanh hết lời cám ơn ông chủ, lão phù thủy lại hứa hẹn sẽ không rời bỏ chú, sẽ luôn luôn kèm chú bên mình. Đúng như vậy, lão dẫn chú đến những nơi đông đúc nhất trong kinh thành, đặc biệt là đến khu phố những

hiệu buôn giàu có, và khi đi vào phố có những cửa hiệu bán các loại vải lụa đẹp đắt tiền nhất, mượt mà nhất, lão nói với Alatđanh : «Chẳng bao lâu nữa cháu sẽ trở thành chủ hiệu như những người cháu thấy kia, vậy cho nên cháu hãy đến chỗ họ buôn bán để cho họ biết cháu, đó cũng là việc nên làm». Lão cho chú đi xem những nhà thờ đẹp nhất, lớn nhất, lão dẫn chú vào những nhà trọ mà các nhà buôn nước ngoài thường nghỉ lại, và đến những nơi nhân dân được phép tự do ra vào trong hoàng thành. Sau khi cùng nhau đi xem những cảnh đẹp nhất ở kinh đô, lão phù thủy đưa Alatđanh đến cái quán trọ mà lão thuê buồng. Ở đấy, lão đã mời sẵn mấy nhà buôn lão mới làm quen từ hôm đến đây để thết đãi và đồng thời để giới thiệu đứa cháu hờ luôn thể.

Mãi đến tối bữa tiệc mới tàn. Alatđanh muốn cáo từ ông chú để trở về nhưng lão phù thủy không cho chú bé về một mình, lão thân hành đưa cháu về tận nhà. Bà mẹ trông thấy con ăn mặc đẹp đẽ quá, hết sức mừng rỡ; bà không tiếc lời ca ngợi lão phù thủy đã chi tiêu một món tiền lớn đến thế để sắm sanh cho con trai bà. Bà nói : «Chú tốt bụng quá, tôi không biết làm sao cám ơn hết tấm lòng hào hiệp của chú : tôi biết rằng cháu chẳng xứng đáng với những việc tốt lành chú làm cho nó đâu; và nếu nó không biết tỏ ra hàm ơn và ăn ở sao cho xứng với ý muốn đẹp đẽ của chú là gây dựng cho nó một cơ ngơi làm ăn quý báu, thì nó thật không đáng làm người. Về phần tôi, một lần nữa, tôi xin cám ơn chú từ đáy lòng, tôi xin chúc chú sống lâu để mà chứng kiến sự biết ơn của cháu, nó không có cách nào tỏ rõ lòng biết ơn hơn là cố ăn ở sao cho đúng các lời chú dạy bảo.

– Alatđanh là một thằng bé lành, – lão phù thủy tiếp, – cháu chịu nghe lời tôi, và tôi tin rằng chúng ta

có thể dạy dỗ nó nên người. Tôi chỉ có một điều chưa bằng lòng : ấy là ngày mai chưa thực hiện được điều tôi đã hứa với cháu. Mai là thứ sáu, các hiệu buôn đều đóng cửa; không thể nào tính đến chuyện thuê một gian hàng và sắm sanh hàng họ trong khi các nhà buôn người ta còn mải lo việc vui chơi; bởi vậy, công việc đó đành phải lùi sang thứ bảy vậy. Nhưng sáng mai tôi sẽ đến đón cháu, cho cháu đi dạo trong các công viên mà giới thượng lưu thường lui tới. Chắc cháu chưa bao giờ được xem những trò giải trí trong đó; cho mãi đến bây giờ cháu mới chỉ có chơi với trẻ con, cần để cho cháu giao du với người lớn».

Cuối cùng, lão phù thủy người Phi các từ hai mẹ con ra về. Alátđanh đang hết sức vui mừng vì được ăn mặc đẹp, càng sung sướng hơn về chuyện sắp được đi dạo ra những vùng ngoài thành phố. Quả vậy, chưa bao giờ chú được đi xa ra ngoài các cổng thành, chưa bao giờ chú được đi đến những vùng phụ cận, phong cảnh vốn rất tươi đẹp và hữu tình.

Sáng hôm sau, Alátđanh thức dậy và mặc áo quần thật sớm, để sẵn sàng lên đường ngay khi ông chú đến gọi. Sau khi chờ đợi một thời gian mà chú cho là rất lâu, sốt ruột quá, chú mở cửa và đứng ở bậc thềm ngóng xem có thấy lão đến không. Vừa trông thấy lão đằng xa, chú đã báo cho mẹ biết, rồi vừa xin phép mẹ vừa đóng cửa lại và chạy ra với lão.

Lão phù thủy xoa đầu chú rất thân mến và tươi cười bảo : «Cháu thân yêu ơi, chúng ta hãy đi thôi, hôm nay chú muốn cho cháu xem nhiều cảnh vật ngoạn mục». Lão dẫn chú đi qua một cái cổng lớn đến nhiều ngôi nhà to và lộng lẫy, hay đúng hơn là những lâu đài tráng lệ, nhà nào cũng có nhiều vườn tược rất đẹp có thể ra vào tự do. Cứ đến mỗi tòa lâu đài, lão lại hỏi Alátđanh có thấy đẹp không, và Alátđanh mỗi lần đến

một lâu đài mới, lại vội nói : «Chú ơi, tòa nhà này còn đẹp hơn cả những tòa chúng ta vừa xem cơ đấy». Hai chú cháu cứ thế đi xa mãi về thôn quê. Và lão phù thủy tinh ranh lợi dụng cơ hội để đi sâu vào một trong những khu vườn. Lão ngồi xuống cạnh một bể nước lớn hứng một dòng nước rất đẹp tuôn xuống từ mõm một con sư tử bằng đồng, và vờ làm ra vẻ mệt để ép Alátđanh ngồi nghỉ. «Cháu ơi — lão nói — chắc cháu cũng mệt như chú, chúng ta hãy nghỉ ở đây một chốc để lấy hơi, thì mới có thêm sức lực để tiếp tục cuộc du ngoạn của chúng ta chứ».

Hai người ngồi xuống, lão phù thủy người Phi mở chiếc khăn buộc ở thắt lưng lấy ra bánh ngọt và nhiều trái cây mang theo, đặt lên thành bể. Lão bẻ đôi một chiếc bánh chia cho Alátđanh một nửa, còn về trái cây thì lão để cho chú tha hồ chọn lấy quả nào thích nhất. Trong bữa ăn, lão dạy bảo đứa cháu họ nhiều điều, khuyên cháu chớ nên chơi bời với lũ trẻ con nữa mà nên gần gũi những người khôn ngoan, thận trọng, lắng nghe ý kiến họ và học hỏi những điều họ trao đổi với nhau. Lão nói : «Chẳng bao lâu nữa cháu cũng sẽ là một người như bọn họ, và cháu không thể không sớm noi gương họ mà nói năng cho chững chạc». Sau khi dùng xong bữa ăn nhẹ, hai chú cháu đứng dậy và tiếp tục đi băng qua các khu vườn không có hàng rào mà chỉ có những hào nhỏ ngăn cách : nhân dân thành phố này vốn tin cậy lẫn nhau cho nên không cần rào dậu gì hơn để phòng chuyện mất mát có thể xảy ra làm thiệt hại lẫn nhau. Dần dà lão phù thủy người Phi dẫn Alátđanh đi cách khu vườn một quãng khá xa, băng qua nhiều cánh đồng đến gần sát chân núi.

Alátđanh, từ thuở bé chưa bao giờ đi nhiều đường đất như vậy, thấy thấm mệt. Chú hỏi lão phù thủy : «Chú

ơi, chúng ta đi đâu thế này ? Bao nhiêu vườn tược đều ở đằng sau ta cả rồi, trước mặt cháu chỉ thấy toàn là núi. Nếu chúng ta đi xa hơn nữa, cháu không biết cháu có đủ sức quay trở về được thành phố hay không».

— Hãy dũng cảm lên, cháu của chú ạ — lão chú họ nói, — chú muốn cho cháu xem một khu vườn đẹp hơn tất cả những khu vườn chúng ta vừa thấy; chẳng còn xa đâu, chỉ mấy bước nữa thôi; khi đến nơi rồi, tự cháu sẽ nói cho chú biết có phải đã tới gần như thế này rồi mà bỏ về không xem thì đáng tiếc hay không».

Alátđanh nghe cũng bùi tai; thế là lão phù thủy dẫn chú đi càng xa hơn nữa, vừa đi vừa kể chuyện vui cho chú nghe để chú thấy đường đi bớt chán và đỡ mệt được phần nào.

Cuối cùng hai người đi đến quãng giữa hai quả núi không lấy gì làm cao và xấp xỉ như nhau, cách nhau bởi một thung lũng rất hẹp. Đấy chính là nơi hệ trọng mà lão phù thủy người Phi muốn đưa Alátđanh đến để thực hiện một mưu đồ to lớn đã khiến lão phải cất công đi từ nơi tận cùng châu Phi đến đất Trung Quốc này.

Lão nói với Alátđanh : «Thôi không đi xa nữa; chú muốn cho cháu xem ở đây những điều kỳ lạ chưa một ai biết, và khi đã nhìn thấy rồi, cháu sẽ cám ơn chú đã cho cháu chứng kiến biết bao điều kỳ diệu mà trừ cháu ra, không có một ai trên đời này được trông thấy. Trong khi chú đánh lửa, cháu hãy đi nhặt lại đây mọi thứ củi khô nỏ nhất mà cháu trông thấy để nhóm lửa».

Ở chỗ ấy có rất nhiều bụi bờ, chỉ một loáng Alátđanh đã thu nhặt được một đống thừa đủ, trong khi lão phù thủy đánh lửa. Lão châm lửa, và khi củi cháy, lão ném vào đấy một loại hương trầm cầm sẵn ở tay. Một ngọn khói rất dày bốc lên cao; lão niệm những câu thần chú mà Alátđanh nghe chẳng hiểu tí gì, làm cho ngọn khói chao đảo bên này bên kia.

Cùng lúc ấy, mặt đất khẽ rung và mở ra, ngay chỗ trước mặt lão phù thủy và Alátđanh đang đứng, để lộ một phiến đá nằm ngang, rộng mỗi bề khoảng một bộ rưỡi và dầy chừng một bộ, chính giữa có gắn một cái vòng bằng đồng để nắm mà nhấc lên. Khiếp đảm về những điều trông thấy. Alátđanh hoảng hốt muốn bỏ chạy.

Nhưng sự có mặt của chú cần thiết cho phép ma. Lão phù thủy giữ chú lại, mắng rất và cho chú một cái tát nên thân đến nỗi chú ngã lăn ra đất, hộc máu mồm, thiếu tí nữa thì gãy hết răng cửa. Chú bé Alátđanh đáng thương run lẩy bẩy nước mắt chảy ròng ròng, vừa khóc vừa kêu : «Chú ơi, cháu có tội gì mà chú nỡ đánh cháu đau như vậy ?

– Tao có lý do để đánh mày – lão phù thủy đáp – tao là chú mày, lúc này đây cũng như bố mày, mày không được phép cãi lại bố. Nhưng thôi con ạ, – lão dịu giọng nói tiếp – con đừng sợ gì cả, chú chẳng đòi hỏi gì ở con, ngoài việc con phải làm theo lời chú thật đúng đắn, nếu con muốn được hưởng thụ xứng đáng tất cả những mối lợi to lớn mà chú muốn gây dựng cho con đây !»

Những lời hứa hẹn tốt đẹp ấy làm giảm bớt phần nào mối sợ hãi và lòng căm ghét của Alátđanh; khi thấy chú đã hoàn toàn trấn tĩnh, lão phù thủy nói tiếp : «Cháu đã thấy rõ rồi đấy những việc chú vừa làm bằng hương trầm và các thần chú. Bây giờ cháu nên biết rằng ở dưới phiến đá cháu nhìn thấy kia có giấu nhiều kho tàng để dành cho cháu, nó sẽ làm cho cháu một ngày kia giàu có hơn tất cả những nhà vua vĩ đại nhất trên trần gian. Thật đúng như vậy, vì trên đời này chỉ có cháu là được phép chạm vào phiến đá này và nhấc nó lên để đi vào mà thôi. Ngay cả chú đây cũng không được phép động vào phiến đá và bước chân vào kho tàng đã mở. Bởi vậy, cháu cần phải thực hiện đúng từng

điểm một những điều chú sắp dặn đây, không được bỏ sót một chi tiết nào : việc này hết sức hệ trọng đối với cháu cũng như đối với chú».

Vẫn chưa hết kinh ngạc trước những điều mắt thấy tai nghe về các kho tàng mà lão phù thủy nói sẽ làm cho chú suốt đời sung sướng, Alátđanh quên ngay tất cả những chuyện vừa xảy ra : «Thế thì cần phải làm những gì, hỏ chú ? Chú hãy truyền, cháu sẵn sàng vâng lệnh» – chú vừa nói vừa lóp ngóp đứng lên.

Lão phù thủy liền ôm hôn Alátđanh và nói : «Cháu ơi, chú rất hài lòng là cháu đã nhất quyết như vậy; cháu hãy đến đây, hãy tới gần hơn nữa, hãy cầm lấy cái vòng này và nhấc phiến đá lên.

– Nhưng, thưa chú, cháu làm sao đủ sức nhấc lên nổi, chú phải giúp cháu một tay.

– Không, cháu không cần có chú giúp sức, nếu chú giúp vào thì chú cháu ta sẽ chẳng làm được gì sất : cháu phải tự mình nhấc nó lên. Khi nắm cái vòng, cháu chỉ cần đọc tên bố cháu và tên ông nội cháu rồi kéo lên, cháu sẽ thấy là chẳng nặng nhọc gì .

Alátđanh làm theo lời lão phù thủy, chú nhấc phiến đá lên một cách dễ dàng và đặt sang bên cạnh.

Phiến đá được nhấc đi, để lộ ra một cái hầm con sâu chừng ba bốn bộ, có một cái cửa nhỏ và các bậc thang để xuống sâu hơn nữa. Lão phù thủy liền bảo Alátđanh : «Cháu ơi, cháu hãy thực hiện đúng dặn tất cả những điều chú dặn đây. Cháu hãy đi xuống cái hầm này; khi xuống đến bậc thang cuối cùng, cháu sẽ trông thấy một cái cửa mở sẵn dẫn tới một chỗ có xây vòm bên trên và chia làm ba căn phòng lớn kế tiếp nhau. Ở phòng nào, cháu cũng sẽ thấy ở bên phải và bên trái có bốn chiếc vại bằng đồng to như những cái lẫm, chứa đầy vàng bạc, nhưng cháu chớ có động vào. Trước khi bước vào căn phòng thứ nhất, cháu hãy vén áo lên và

buộc thật gọn vào quanh người; và khi đã vào được phòng thứ nhất thì hãy sang ngay phòng thứ hai không dừng lại, và từ phòng thứ hai hãy sang tiếp ngay phòng thứ ba, cũng chớ có dùng dằng. Điều quan trọng hơn hết thảy là cháu hãy chú ý, chớ có đi sát vách và chạm vào, kể cả chạm tà áo của cháu, bởi vì nếu chạm vào đó cháu sẽ chết ngay tức khắc. Chính vì vậy mà chú đã dặn cháu hãy quấn gọn áo quanh người. Cuối căn phòng thứ ba, có một cửa đưa sang một khu vườn trồng những cây đẹp, cây nào cũng trĩu quả. Cháu cứ thẳng trước mặt mà đi và băng qua khu vườn ấy theo một con đường dẫn đến một cầu thang có năm mươi bậc đưa lên một sân thượng. Lên đến sân thượng rồi, cháu sẽ trông thấy trước mặt cháu một cái khám, trong khám có một cây đèn thắp sáng. Cháu hãy cầm lấy cây đèn và thổi tắt đi, và sau khi đó ngắt chiếc bấc và đổ hết nước, cháu hãy ôm vào lòng và mang lên đây cho chú. Cháu đừng sợ làm bẩn áo, thứ nước trong đèn ấy không phải dầu đâu, khi đã đổ hết nước rồi thì cây đèn sẽ khô ngay. Nếu cháu thấy thích các quả ở trong vườn, cháu có thể hái bao nhiêu thì hái, mặc sức, điều này không cấm».

Nói xong, lão phù thủy người Phi rút ở ngón tay lão ra một chiếc nhẫn, đeo vào cho Alátđanh và bảo rằng đây là một thứ bùa hộ mệnh phòng những điều không may có thể xảy ra, miễn là cháu phải tuân theo đầy đủ những điều chú dặn. Căn dặn xong đâu đấy, hắn nói tiếp: «Nào, cháu hãy mạnh dạn lên mà bước xuống, hai chú cháu ta đều sắp giàu có suốt đời rồi».

Alátđanh nhẹ nhàng nhảy vào chiếc hầm con và tụt xuống tận bậc thang cuối cùng. Chú trông thấy ba căn phòng mà lão phù thủy đã tả; chú đi qua hết sức thận trọng vì luôn luôn tâm niệm là sẽ chết nếu không chú ý nhất nhất làm đúng theo những lời dặn dò. Chú đi

băng qua khu vườn không dừng lại, trèo lên sân thượng, cầm lấy cây đèn đang cháy sáng trong cái khám, ngắt chiếc bấc và đổ nước đi, và thấy cây đèn khô ráo đúng như lão phù thủy đã nói, chú chỏ luôn vào lòng. Chú bước xuống khỏi sân thượng và dừng lại trong khu vườn để ngắm nghía các trái cây mà chú chỉ thoáng trông thấy khi đi qua. Tất cả cây cối trong vườn này đều trĩu những quả kỳ lạ. Mỗi cây có những quả màu sắc khác nhau. Có những quả màu trắng, có những quả lấp lánh và trong suốt như pha lê; có những quả màu đỏ đậm nhạt không đều; có những quả màu lục, màu xanh, màu tím, màu ngà và nhiều màu sắc khác nữa. Những quả trắng ấy chính là ngọc trai, những quả sáng và trong suốt là kim cương; những quả màu đỏ thắm là xích ngọc, những quả đỏ nhạt hơn là hồng ngọc; những quả màu lục là bích ngọc, những quả màu xanh là lam ngọc; những quả màu tím là tử ngọc; những quả màu ngà là thạch ngọc; các quả khác cũng đại loại như vậy. Mỗi quả đều to và hoàn hảo chưa từng ai trông thấy trên đời này. Alătđanh không hề biết tên gọi và giá trị của chúng, cho nên nhìn các quả ấy chẳng chút xúc động, vì không hợp với sở thích của chú như vải, nho và các loại quả khác rất ngon lành mà ở nước Trung Hoa đâu đâu cũng có. Hơn nữa, chú cũng chưa đến tuổi biết được giá cả các thứ đó. Chú nghĩ rằng đây chẳng qua là đồ thủy tinh pha màu và cũng chẳng có giá trị gì hơn thế; tuy nhiên, màu sắc rực rỡ, vẻ đẹp và cỡ lớn kỳ lạ của mỗi quả gây cho chú lòng ham thích muốn hái đủ các thứ để chơi. Thế là cứ mỗi loại cùng màu chú lại hái nhiều quả, bỏ đầy hai túi áo và hai cái túi dùng để đựng tiền mới toanh mà lão phù thủy đã mua cùng với áo quần hắn cho chú, để cho toàn bộ cánh đều là của mới; và vì các túi áo đều đầy ắp, chú đeo luôn hai cái túi đựng tiền vào thắt lưng, mỗi bên một cái,

Chú còn nhét cả vào trong thắt lưng, nó là một tấm lụa rộng quấn nhiều vòng quanh bụng và chú ý nhét cẩn thận sao cho các quả khỏi rơi. Chú cũng không quên tuồn chặt quanh mình, vào giữa lần áo ngoài và áo lót nữa.

Mang theo bấy nhiêu của báu mà không hay biết, Alátđanh vội vàng trở lại con đường băng qua ba gian phòng để lão phù thủy người Phi khỏi phải chờ đợi lâu và sau khi đi ngang qua để trở về cũng thận trọng như lúc bước vào, chú trèo lên các bậc thang tới cửa miệng cái hầm con, ở đây lão phù thủy đang nóng lòng chờ đợi. Vừa trông thấy lão, Alátđanh nói : «Chú ơi, xin chú hãy đưa tay đỡ cháu trèo lên». Lão phù thủy bảo : «Cháu hãy đưa trước cây đèn cho chú, nó có thể làm cháu vướng đấy».

— Xin chú miễn thứ, nó chẳng làm cháu vướng đâu — Alátđanh đáp, — lên được rồi cháu sẽ đưa ngay cho chú.

Lão phù thủy khăng khăng đòi Alátđanh phải giao chiếc đèn vào tay lão trước khi kéo chú lên khỏi hầm, còn Alátđanh thì vì lỉnh kỉnh với bấy nhiêu thứ quả chú nhét cùng với cây đèn, cứ một mực đòi ra khỏi hầm rồi mới chịu giao đèn cho lão. Thế là lão phù thủy, thất vọng vì bị chú bé cự tuyệt, điên tiết lên; lão ném một ít hương thơm vào ngọn lửa mà lão chú ý giữ cho cháy suốt từ nãy đến giờ, và đọc xong hai câu thần chú, tức thì phiến đá dùng để lấp lối vào hầm tự động chạy về đúng chỗ cũ, đất lại phủ kín bên trên, giống y như khi lão phù thủy và Alátđanh vừa mới tới đây vậy.

Rõ ràng là lão phù thủy không phải là em trai của Mutxtapha — thợ may như lão vẫn rêu rao, và do đó không phải là chú ruột Alátđanh. Lão đúng là người châu Phi, ra đời ở bên ấy; và bởi vì châu Phi là nơi người ta say mê ma thuật hơn bất cứ nơi nào khác, ngay từ khi còn trẻ lão đã học phù phép, và sau khoảng

bốn mươi năm khổ công tu luyện và đọc hết sách vở dạy ma thuật, cuối cùng lão phát hiện ra được trên thế giới có một ngọn đèn kỳ diệu, nếu lão chiếm đoạt và trở thành chủ nhân của nó thì lão sẽ có quyền lực hơn bất kỳ bậc đế vương nào trong vũ trụ. Nhờ một quẻ bấm độn mới nhất, lão biết được cây đèn ấy ở vào một nơi nào đó dưới đất chính giữa nước Trung Hoa, vào đúng địa điểm và trong hoàn cảnh như chúng ta vừa thấy. Tin chắc điều phát hiện của mình là đúng, lão bắt đầu đi từ chốn tận cùng của châu Phi, như chúng ta đã biết; và sau một chuyến đi lâu dài và gian khổ, lão đến được cái thành phố ở gần nơi cất giấu bảo vật. Nhưng, mặc dù cây đèn chắc chắn ở nơi lão đã biết rõ, lão vẫn không được phép tự mình cầm lấy cũng như không được bước vào cái hầm ngầm giấu nó. Cần phải có một người khác đi xuống đấy, lấy cây đèn và đưa tận tay cho lão; chính vì vậy lão phải tìm đến Alátđanh, một chú bé mà lão biết là cầu bơ cầu bất và rất thích hợp để làm cái việc lão đang cần; lão nhất quyết là khi đã nắm được cây đèn trong tay, sẽ làm phép xông hương và đọc mấy câu thần chú để làm hại chú, cho không còn một ai biết được hành tung của lão nữa. Cái bạt tai lão đánh Alátđanh, cũng như cái quyền uy mà lão tạo nên, chỉ nhằm mục đích là làm cho chú sợ hãi, chú sẽ giao ngay cho lão cây đèn thần trứ danh ấy. Nhưng sự tình đã xảy ra trái với điều lão định liệu. Cuối cùng phải lão hành động độc ác một cách vội vã để giết hại chú bé Alátđanh đáng thương, bởi vì lão sợ nếu có tranh cãi với chú lâu hơn nữa, nhỡ có kẻ nào đi tới, nghe được và sẽ làm lộ việc mà lão đang muốn giữ cho thật kín nhẹm.

Khi thấy mọi ước mơ to lớn và tốt đẹp của mình vĩnh viễn tan thành mây khói, lão phù thủy biết không có cách nào khác hơn là tìm đường trở về châu Phi,

Và lão đi ngay trong ngày hôm ấy. Lão tìm đường vòng để khỏi phải trở về thành phố mà ban sáng lão đã cùng Alátđanh ra đi. Quả vậy, lão sợ có người trông thấy lão đi chơi cùng chú bé rồi trở về có một mình, mà hỏi nguyên cớ chăng.

Cứ sự tình này thì rồi sẽ chẳng bao giờ có ai nghe nói đến Alátđanh nữa. Nhưng, con người tưởng vĩnh viễn tiêu diệt được chú đã không chú ý chính mình đã đeo vào ngón tay chú một chiếc nhẫn có thể dùng để cứu nguy cho chú. Đúng như vậy, chính chiếc nhẫn ấy mà Alátđanh không mảy may biết rõ quyền lực lại là nguyên nhân cứu sống Alátđanh; Và cũng thật đang ngạc nhiên là lão phù thủy, cùng một lúc mất luôn hai thứ : chiếc nhẫn cùng với cây đèn thần, mà không tuyệt vọng đến nỗi quyên sinh. Nhưng bọn phù thủy vẫn quá quen với những việc không may và những sự kiện trái với những ước mong của chúng, chonên chừng nào còn sống là chúng còn lao vào những chuyện hão huyền, những hi vọng viễn vông.

Alátđanh không ngờ ông chú hờ, sau bấy nhiêu lời đường mật và những việc làm tốt đẹp, lại có thể độc ác đến thế, cho nên rất đỗi ngạc nhiên; nỗi kinh ngạc của chú kể cũng dễ hiểu thôi song thật khó mà diễn tả nên lời. Khi thấy mình bị chôn sống, chú gọi ông chú hờ đến một nghìn lần vừa gọi vừa kêu to lên rằng chú sẵn sàng đưa cây đèn cho lão; nhưng mọi tiếng kêu của chú đều vô ích không còn có ai có thể nghe được, Thế là chú lâm vào cảnh tăm tối mịt mù. Cuối cùng, tạm ngừng than khóc chú mò mẫm tụt xuống đến bậc cuối cùng của chiếc cầu thang trong hầm ngầm để may ra thấy được ánh sáng ở khu vườn mà chú đã đi qua. Nhưng bức tường lúc nãy được ma thuật mở ra thì bây giờ đã bị ma thuật đóng vào cho liền lại. Chú sờ soạng trước mặt bên phải và bên trái nhiều lần,

nhưng không sao tìm thấy của nữa. Chú kêu khóc, chú ngồi xuống bậc thang trong hầm chẳng chút hy vọng gì nhìn thấy ánh sáng nữa; chú chắc chắn mình sắp chết đến nơi.

Alátđanh sống hai ngày trong tình trạng ấy chẳng có lấy một miếng cơm hay một giọt nước. Cuối cùng, đến ngày thứ ba thấy không còn cách nào thoát chết chú chắp hai tay lại đưa lên cao và hoàn toàn khuất phục trước ý trời, chú thốt lên: «Sức mạnh và quyền uy chỉ có ở Thượng đế tối cao và vĩ đại!» Trong khi chắp tay vào nhau chú vô tình miết vào chiếc nhẫn mà lão phù thủy người Phi đã đeo vào ngón tay và chú vẫn chưa hiểu rõ quyền lực. Lập tức một ông thần có bộ mặt to tướng và đôi mắt khủng khiếp như từ dưới đất chui lên sừng sững trước mặt chú, đầu chạm mái vòm cao. Thần nói với Alátđanh những lời sau đây: «Ngài cần gì? Tôi xin sẵn sàng tuân lệnh. Tôi và tất cả nô lệ của chiếc nhẫn này đều là nô lệ của ngài cũng như của tất cả những ai đeo nó ở ngón tay».

Vào một lúc khác và trong một trường hợp khác, Alátđanh vốn chưa từng quen với những hiện hình kiểu ấy có thể đã khiếp đảm không thốt được nên lời khi thấy một bộ mặt dị kỳ của thần. Nhưng mải lo âu cho số phận đang lâm nguy của mình chú trả lời không chút do dự: «Cho dù ông là ai đi nữa, hãy đưa ta ra khỏi chốn này nếu ông có đủ quyền lực». Chú chưa dứt lời đất đã mở ra và chú thấy mình đã ở bên ngoài hầm ngầm đúng vào nơi lão phù thủy đưa chú đến hôm trước.

Thoạt tiên mắt Alátđanh không chịu nổi ánh sáng ban ngày. Lát sau, mắt chú mới quen dần. Nhìn ra chung quanh chú rất ngạc nhiên thấy mặt đất không có chỗ hở chú không hiểu được mình từ lòng đất chui ra được bằng lối nào. Chỉ có nhờ vào dấu cái bếp lửa đốt

từ hai hôm trước chú mới mang máng nhận ra được cái hầm đại khái ở vào chỗ nào Sau đấy quay đầu nhìn lại, chú trông thấy thành phố nằm giữa các khu vườn bao bọc và nhận ra con đường hôm nọ lão phù thủy đã dẫn chú đến Chú theo con đường đó đi ngược trở lại vừa đi vừa cảm tạ Thượng đế đã cho mình sống lại mặc dù đã chắc mầm chết mười mươi, Chú lần vào thành phố, và vất vả lắm mới lê về được đến nhà. Vào được nhà mẹ đẻ quá vui mừng vì gặp lại mẹ cộng thêm nỗi gần ba ngày trời không được ăn chú ngã lăn ngất đi một lát. Bà mẹ tưởng chú bị lạc hay là đã chết, trông thấy con trong tình trạng ấy, vội tìm đủ mọi cách chạy chữa cho chú hồi tỉnh. Cuối cùng chú tỉnh lại và lời đầu tiên chú thốt lên là câu nói: «Mẹ ơi trước hết xin mẹ hãy cho con ăn, ba ngày nay con chẳng có một miếng gì vào bụng». Bà mẹ mang những thứ có ở trong nhà ra để trước mặt con và nói: «Con ơi chớ có vội vàng sẽ nguy hiểm đấy con hãy ăn từng chút một và ăn thong thả. trong lúc con đang đói như thế này hãy giữ lấy hơi sức. Mẹ cũng không muốn cả việc con nói chuyện với mẹ nữa. Bao giờ lại sức con sẽ tha hồ kể cho mẹ nghe những gì đã xảy ra cho con Trông thấy con là mẹ thỏa rồi sau bấy nhiêu lo âu và chạy vạy ngược xuôi để tìm xem con kể từ hôm con ra đi, khi mẹ thấy trời tối mà con không trở về».

Alátđanh nghe lời mẹ ăn từ tốn từng ít một và uống có mức độ. Ăn xong chú nói: «Mẹ ạ, con rất phàn nàn sao mẹ lại nhẹ dạ giao phó con vào tay một kẻ mang dã tâm hãm hại con, một kẻ mà trong giờ phút con đang nói chuyện với mẹ đây, đang cầm chắc con không còn nữa hắn nhất quyết con đã chết rồi thậm chí đã chết ngay trong ngày đầu Ấy thế mà mẹ lại tin hắn là chú con, và con cũng tin như mẹ mới khổ chứ Ừ, làm sao chúng ta có thể nghĩ khác về một con người âu yếm, vồ

về con, cho con biết bao tiền của, lại còn hứa hẹn với con đủ điều lợi lộc ? Thật ra hắn chỉ là một đứa phản trắc một tên độc ác, một thằng bịp bợm . Hắn làm cho con bao nhiêu việc tốt và hứa hẹn với con bấy nhiêu điều là chỉ nhằm đi đến mục đích hãm hại con như con vừa nói mà mẹ cũng như con đều không thể nào đoán ra được tại sao . Về phần mình con có thể quả quyết đã không hề gây nên cho lão bất cứ một điều gì đáng để cho lão đối xử như vậy. Qua câu chuyện con sẽ kể lại trung thực cho mẹ nghe , từ khi con từ giã mẹ cho đến lúc lão thực hiện cái mưu đồ độc địa của lão rồi mẹ khắc hiểu».

Alátđanh bắt đầu thuật lại tất cả những việc xảy ra cho chú cùng với lão phù thủy từ cái ngày thứ sáu lão đến tìm để đưa chú đi xem các lâu đài và vườn tược ở ngoài thành phố; những gì đã xảy ra trên quãng đường cho đến các địa điểm nằm giữa hai quả núi , nơi lão phù thủy thực hành phép lạ ly kỳ của lão với một ít hương thơm ném vào bếp lửa và vài câu thần chú mặt đất đã mở ra ngay tức khắc và để lộ lối đi xuống cái hầm con dẫn tới một kho tàng vô giá như thế nào. Chú không quên nhắc đến cái bạt tai của lão rồi sau đó giảm bớt cơn giận dữ lão đeo cho chú chiếc nhẫn hứa hẹn rất nhiều để khuyến khích chú đi xuống hầm ngầm . Chú không bỏ qua một tình tiết nào về những gì chú nhìn thấy khi đi ngang qua và quay trở lại ba gian phòng, trong khu vườn và trên sân thượng, nơi chú lấy được cây đèn kỳ diệu. Chú rút từ trong người ra khoe với mẹ cây đèn cùng với các thứ quả trong suốt và nhiều màu sắc chú đã hái trong vườn khi quay trở ra cùng với hai túi đầy. Chú đưa cho mẹ xem , nhưng bà chẳng chút lưu tâm. Ấy thế mà các quả ấy lại là những viên ngọc quý đang ánh lên rực rỡ như mặt trời dưới ánh sáng của ngọn đèn soi tỏ căn buồng. Nhưng bà mẹ Alátđanh

vốn cũng chẳng hiểu biết gì về những thứ ấy hơn con trai; bà được nuôi dạy trong hoàn cảnh rất nghèo hèn; chồng bà chẳng giàu có gì để có thể cho bà những của quý ấy; hơn nữa bà cũng chưa bao giờ trông thấy bất kỳ một người bà con hay hàng xóm nào đeo ngọc; bởi vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi bà coi những thứ ấy như những đồ vật chẳng có mấy chút giá trị, họa chăng chỉ làm vui mắt người ta nhờ những màu sắc khác nhau của chúng. Thế là Alátđanh đành nhét tất cả vào đằng sau một chiếc gối đặt trên bộ phản chú đang ngồi. Để kết thúc câu chuyện, chú kể tiếp cho mẹ nghe, sau khi trở ra, lên đến miệng hầm và sắp sửa bước ra ngoài, thì, vì chú không chịu đưa cây đèn cho lão phù thủy, lão ném một ít hương thơm vào đống lửa mà lão vẫn giữ không tắt cho đến lúc bấy giờ và đọc mấy câu thần chú, thế là miệng hầm tự động đóng lại ngay tức khắc. Nhưng chú nghẹn ngào không thể nói thêm mà không rơi nước mắt lúc thuật lại cho mẹ nghe tình cảnh khốn đốn từ khi bỗng nhiên thấy mình bị chôn sống trong căn hầm ác hại cho đến lúc thoát ra được, hay cũng có thể nói là sống lại được nhờ chạm vào chiếc nhẫn mà chú vẫn chưa được biết rõ quyền uy. Kể đến đấy, chú nói với mẹ: «Chẳng cần phải nói thêm nhiều hơn nữa những việc gì xảy ra sau đó, mẹ đã biết cả rồi. Tóm lại, đầu đuôi câu chuyện xảy ra với con và những nỗi hiểm nghèo mà con phải trải qua từ hôm con xa mẹ đến nay là như vậy đấy».

Bà mẹ Alátđanh kiên nhẫn lắng nghe mà không ngắt lời câu chuyện kỳ diệu và lạ lùng đồng thời cũng đáng lo âu nữa cho một người mẹ thương yêu con tha thiết bất chấp tính xấu của nó. Tuy vậy, đến những đoạn xúc động nhất, làm nổi bật sự đểu cáng của lão phù thủy người Phi, bà không thể để lộ ra mặt bà oán ghét lão ta đến chừng nào. Alátđanh vừa nói xong, bà đã

không tiếc lời nguyền rủa tên bất lương ấy, bà gọi lão nào là phản trắc, xảo trá, dã man, giết người, lừa dối, phù thủy, thù địch và là kẻ hủy diệt loài người. «Đúng như vậy, con ạ, – bà tiếp, – đó là một tên phù thủy, mà bọn phù thủy thảy đều là dòi bọ : bằng những bùa ma phép quỷ, chúng toàn giao du với loài yêu quái. Tạ ơn Thượng đế đã không để cho sự độc ác của lão làm hại đến con ! Con tạ ơn trời đất về cái phúc lành con vừa được hưởng. Nếu con không nhớ đến Thượng đế và cầu xin sự cứu vớt của Người, thì chắc chắn con đã không thể nào thoát nạn». Bà còn nói nhiều điều nữa nguyền rủa lão phù thủy đã hãm hại con trai bà, thì chợt nhớ ra Alátđanh, đã ba ngày rồi không chợp mắt, đang cần được nghỉ ngơi. Bà sửa soạn nơi cho chú nằm, và một lát sau bà cũng đi ngủ luôn.

Alátđanh không hề được nghỉ ngơi suốt thời gian bị chôn sống trong cái hầm ngầm, cho nên đêm hôm ấy ngủ say như chết và sáng hôm sau dậy thật muộn, vừa thức dậy, câu đầu tiên chú nói với mẹ là chú đói lắm, và chú sẽ sướng tuyệt nếu bà có thức gì ăn. Bà mẹ đáp : «Than ôi, con ơi, mẹ chẳng còn lấy một mẩu bánh cho con, tối hôm qua con đã ăn hết mọi thức ăn còn lại trong nhà rồi. Nhưng con hãy cố nén lòng chờ một tí, mẹ khắc có thứ mang về cho con. Nhà còn có một ít sợi mẹ kéo được, mẹ sẽ mang bán, đi mua bánh mì và một chút gì cho mẹ con tạ ăn sáng.

– Mẹ ơi, mẹ hãy để dành sợi ấy cho bữa khác – Alátđanh nói – và hãy đưa cây đèn con mang về hôm qua ra đây; con sẽ đem bán, với số tiền bán được chắc đủ cho mẹ con ta ăn lót lòng và ăn bữa sáng, may ra còn có thể ăn bữa chiều nữa cũng nên».

Bà mẹ liền vào chỗ con nằm, lấy cây đèn ra đưa cho con và bảo : «Đây, đèn của con đây, nhưng mà nó bẩn lắm;

hãy đánh qua đi một chút mẹ tin là sẽ bán được tiền hơn».

Bà đi tìm nước và một ít cát để đánh bóng cây đèn. Nhưng bà vừa cọ xát cây đèn ấy, thì lập tức một ông thần gớm ghiếc cao lớn như hộ pháp, hiện ra trước mặt hai mẹ con và cất giọng ồm ồm như sấm : «Bà cần gì ? Cùng với tất cả những nô lệ khác của cây đèn, tôi sẵn sàng tuân lệnh bà cũng như tuân lệnh bất cứ ai cầm cây đèn trong tay».

Bà mẹ Alátđanh không còn miệng lưỡi nào để trả lời. Trông thấy bộ mặt gớm ghiếc và đằng đằng sát khí của ông thần, bà khiếp đảm đến nỗi vừa nghe thần nói mấy tiếng đầu, bà đã ngã vật ra bất tỉnh nhân sự.

Alátđanh đã từng gặp một sự hiện hình tương tự trong hầm ngầm, không cần suy nghĩ cho mất thời giờ, chú cầm vội cây đèn, và thay lời mẹ, chú đáp giọng kiên quyết : «Ta đang đói, hãy mang thứ gì lại đây cho ta ăn». Thần đèn biến mất, và một lát sau trở về, đội một chiếc mâm bạc lớn trên đầu, trên mâm có mười hai chiếc đĩa cũng bằng bạc đựng đầy những thức ăn tuyệt diệu, kèm sáu chiếc bánh mì trắng như tuyết đặt trên đĩa, hai chai rượu ngon và hai chiếc ly bằng bạc cặp ở tay. Thần đặt tất cả xuống tấm phản, rồi biến ngay lập tức.

Tất cả những việc đó xảy ra trong chốc lát, nhanh đến nỗi khi thần biến mất lần thứ hai, bà mẹ Alátđanh vẫn chưa hồi tỉnh. Alátđanh dấp một ít nước lạnh vào mặt bà nhưng chưa có kết quả, đang định làm thêm để cho bà tỉnh lại thì, hoặc là do tâm thần bà đang hồi trở lại dần dần, hoặc là mùi thơm các món ăn thần đèn mang lại góp sức vào đấy phần nào, bà tỉnh dậy ngay. Alátđanh nói : «Mẹ ơi, không hề gì đâu, mẹ hãy dậy và đến ăn, những món ăn này đủ làm cho mẹ an thần và làm tan cơn đói như bào của con. Chúng ta hãy ăn đi, chớ để nguội lạnh những thức ăn ngon thế này».

Bà mẹ Alátđanh cực kỳ ngạc nhiên khi mắt nhìn thấy chiếc mâm to, mười hai cái đĩa, sáu chiếc bánh, hai chai rượu và hai cái ly, và mũi ngửi thấy mùi thơm quyến rũ tỏa lên từ những thức ăn ấy. Bà hỏi : «Con ơi, ở đâu ra nhiều của thế này, và chúng ta chịu ơn ai hào phóng như vậy ? Hay là hoàng đế biết đến nỗi nghèo khổ của gia đình ta nên đoái thương chúng ta chăng ?»

—«Mẹ ơi, chúng ta hãy ngồi vào mâm và ăn thôi, — Alatđanh đáp, — mẹ cũng đang đói như con; ăn xong rồi con sẽ thưa để mẹ rõ».

Hai mẹ con ngồi vào, ăn càng ngon vì suốt đời họ chưa bao giờ có một mâm cỗ thịnh soạn như vậy.

Bà mẹ Alátđanh vừa ăn vừa ngắm nghía và xuýt xoa ca ngợi chiếc mâm và các đĩa, mặc dù bà cũng không phân biệt được những thứ ấy làm bằng bạc hay bằng một chất gì khác, bởi vì chẳng mấy khi được nhìn thấy những đồ dùng giống như vậy; và thật ra bà cũng chẳng biết giá trị là bao nhiêu; điều bà ca ngợi nhất là nó mới nguyên, và cậu con trai Alátđanh thì cũng chẳng hay biết gì hơn bà.

Hai mẹ con lúc đầu tưởng chỉ ăn lót dạ bình thường, nhưng mãi đến giờ ăn trưa vẫn chưa đứng dậy. Chả là những món ăn tuyệt diệu làm cho họ cảm thấy rất ngon miệng và, trong khi thức ăn còn nóng, họ nghĩ ra rằng thà chén luôn một mạch cả bữa sáng và bữa trưa còn hơn là ăn làm hai bận. Ấy thế mà ăn xong luôn cả hai bữa, vẫn còn lại không những đủ để ăn tối mà còn có thể để dành cho ngày hôm sau hai bữa cũng như vậy.

Sau khi đã dọn mâm đĩa và cất số thịt chưa động đến, bà mẹ Alátđanh đến ngồi xuống tấm phản bên cạnh con trai và nói : «Mẹ sốt ruột chờ con kể cho mẹ câu chuyện con vừa hứa với mẹ». Alátđanh thuật lại đầy đủ những việc đã xảy ra giữa thần đèn và chú trong khoảng thời gian bà ngất đi cho đến khi bà tỉnh lại.

Bà mẹ Alátđanh rất đỗi ngạc nhiên về câu chuyện con kể và về sự xuất hiện của thần đèn. Bà nói tiếp: «Nhưng, con này, những chuyện về thần và thánh của con là thế nào nhỉ? Từ khi mẹ lọt lòng cho đến nay, chưa bao giờ mẹ nghe một người quen biết nào nói có trông thấy thần thánh cả. Tại làm sao cái lão hung thần gớm ghiếc ấy lại đến với mẹ? Tại sao lão nói với mẹ mà không nói với con, lão đã hiện lên với con một lần trong cái hầm ngầm giấu kho tàng rồi kia mà?»

– Mẹ ơi, ông thần vừa hiện lên trước mặt mẹ không phải là ông thần đã hiện lên với con. Hai thần có giống nhau chừng nào về dáng vóc khổng lồ, nhưng họ hoàn toàn khác nhau về vẻ mặt và cách ăn mặc; bởi vậy họ thuộc về những chủ nhân khác nhau. Mẹ còn nhớ không, ông thần hiện lên với con xưng là nô lệ của chiếc nhẫn con đeo ở ngón tay, còn ông thần hiện lên với mẹ lại xưng là nô lệ của cây đèn mẹ đang cầm; nhưng con nghĩ là mẹ không nghe được hết vì, hình như ông ta vừa mở miệng nói, mẹ đã ngất xỉu đi rồi.

– Sao! Thế ra tại cây đèn của con cho mà lão hung thần chết tiệt ấy nói với mẹ chứ không nói với con à? Ôi! con ơi, con hãy cất nó đi cho khuất mắt mẹ nhờ, con muốn để nó ở đâu tùy ý, mẹ chẳng muốn động vào nó nữa. Mẹ cho tốt hơn là nên quẳng hay bán đi còn hơn là để có ngày chết khiếp vì chạm phải nó. Nếu con nghe lời mẹ thì con nên vứt luôn cả chiếc nhẫn nữa. Không nên giao du với quỷ thần, chúng nó đều là loài yêu quái cả. Đấng tiên tri của chúng ta chẳng đã dạy như vậy sao?

– Mẹ ơi, xin mẹ cho phép, bây giờ con sẽ không bán nữa như con đã định làm lúc nãy, cây đèn này sẽ có ích cho mẹ con ta. Mẹ không thấy những thức ăn nó vừa mang lại cho chúng ta đó ư? Phải để cho nó tiếp tục cung đốn cho mẹ con ta sống chứ. Mẹ hẳn phải

thấy như con rằng, chẳng phải không có lý do mà cái lão chú hờ độc địa của con lại chịu làm bao nhiêu việc, chịu cất công đi xa vất vả như vậy, chỉ nhằm mục đích là chiếm bằng được cây đèn thần diệu này, mà lão còn chuộng hơn tất cả vàng bạc lão biết rõ để trong các căn phòng như lão đã nói trước với con và chính mắt con cũng trông thấy. Lão biết rõ tác dụng và giá trị của cây đèn này lắm, cho nên mới không đòi hỏi một thứ gì khác trong cả một kho tàng quý báu như vậy. Nhờ sự tình cờ mà mẹ con ta nhận ra được công dụng của nó, thì chúng ta hãy sử dụng sao có lợi cho nhà ta mà không làm ồn ào để khỏi làm cho hàng xóm sinh lòng ham muốn và ghen tị. Mẹ đã sợ các thần thánh đến thế, thì con sẵn sàng mang cây đèn đi cho khuất mắt mẹ và cất ở một nơi để có thể tìm lại khi cần. Còn về chiếc nhẫn, con không thể đang tâm vứt nó đi. Không cơ chiếc nhẫn ấy, mẹ đã không thể gặp lại con; và nếu vào lúc này đây con có còn sống thì có lẽ cũng chẳng được sống thêm bao lâu. Vậy mẹ hãy cho phép con giữ lấy và luôn luôn trang trọng đeo ở ngón tay. Ai có thể nói trước sẽ không có một tai nạn hiểm nghèo nào xảy đến với con, mẹ lẫn con đều không thấy trước được, và biết đâu chiếc nhẫn này sẽ chẳng giải thoát cho con ?»

Lý lẽ Alátđanh nghe cũng xuôi tai, bà mẹ chẳng biết cãi lại thế nào. Bà nói : «Con ơi, con muốn làm gì tùy ý; về phần mẹ, mẹ chẳng muốn dính dáng gì đến các quỷ thần. Mẹ nói rõ với con là mẹ không chịu trách nhiệm, và từ nay mẹ chẳng bao giờ nói thêm với con về chuyện ấy nữa».

Ngày hôm sau, ăn xong bữa tối thì chẳng còn sót tí gì trong số những thức ăn thần đèn mang về. Hôm sau nữa, Alátđanh không chờ đến lúc cơn đói thúc bách, chú lấy một chiếc đĩa bạc dấu dưới vạt áo rồi mang đi bán rất sớm. Dọc đường, gặp một lão Do thái, chú kéo

riêng lão ta ra một nơi, đưa cho xem cái đĩa và hỏi lao có muốn mua không ?

Lão Do thái tinh ranh và khôn khéo, cầm lấy chiếc đĩa xem xét và vừa thấy nó bằng bạc tốt, liền xăm xăm hỏi ngay Alátđanh định giá bao nhiêu. Chú không hiểu rõ giá trị của nó và chưa bao giờ buôn bán loại hàng này, đành phải đáp rằng lão hẳn biết rõ chiếc đĩa này đáng giá bao nhiêu, và chú tin vào sự ngay thật của lão. Lão Do thái bối rối trước sự khôn ngoan của Alátđanh. Phân vân không rõ chú có biết chiếc đĩa làm bằng gì và giá trị của nó hay không, lão móc ở túi tiền ra một đồng tiền vàng – có giỏi lắm thì cũng mới bằng một phần bảy mươi hai giá trị của cái đĩa – và đưa cho chú. Alátđanh vội vã đón lấy đồng tiền vàng, và khi đã nắm được ở trong tay rồi chú bỏ đi hấp tấp đến nỗi lão Do thái, không bằng lòng với món lời quá mức vừa thu được qua chuyện mua bán ấy, tự lấy làm bực sao mình đã không nắm chắc Alátđanh không hay biết giá cả thứ hàng vừa bán, thành ra không thể trả giá thấp hơn nữa. Suýt nữa lão đuổi bổ theo chàng trai, hy vọng có thể bớt lại được một chút ít nào trong đồng tiền vàng của lão; nhưng Alátđanh chạy đã khá xa, lão có vất vả lắm cũng chưa chắc đã đuổi kịp.

Trên đường về, Alátđanh ghé vào một hiệu bánh mì, mua phần bánh cho cả hai mẹ con, chú đưa đồng tiền vàng ra trả và lấy lại tiền lẻ. Về đến nhà, chú đưa số tiền còn lại cho mẹ, bà ra chợ mua thêm những thức cần thiết khác đủ cho hai mẹ con sống qua mấy ngày.

Hai mẹ con tiếp tục sống theo lối ấy, nghĩa là Alátđanh lần lượt bán hết tất cả các đĩa cho đến cái thứ mười hai, vẫn theo cách thức chú bán chiếc đầu, mỗi khi trong nhà hết tiền tiêu. Lão Do thái đã bỏ ra một đồng tiền vàng để mua chiếc đầu, không dám giảm bớt giá, sợ mất món bở, lão đành mua tất cả cùng một giá

ấy. Khi đã tiêu hết số tiền bán chiếc đĩa cuối cùng rồi, Alátđanh tính đến cái mâm, nặng bằng mười cái đĩa cộng lại. Chú muốn mang đến bán cho bạn hàng quen thuộc của chú nhưng nặng quá không mang nổi. Chú buộc phải đi tìm lão Do thái dẫn về nhà; lão Do thái, sau khi xem xét trọng lượng của cái mâm, lập tức đem trả mười đồng tiền vàng, và Alátđanh lấy thế làm vừa lòng.

Chừng nào các đồng tiền vàng ấy hãy còn, thì nó được dùng trang trải các khoản tiêu pha hằng ngày trong gia đình. Trong thời gian ấy, Alátđanh quen với lối sống an nhàn; từ hôm xảy ra cái chuyện rắc rối với lão phù thủy người Phi, chú thôi không đùa với bọn trai cùng lứa tuổi nữa. Suốt ngày chú đi dạo chơi hoặc trò chuyện với những người chú làm quen; một đôi khi chú dừng lại ở các hiệu buôn lớn, lắng nghe những người quyền quý ghé qua hay hẹn hò ở đấy trao đổi với nhau; và những câu chuyện ấy dần dần cũng giúp cho chú có ít nhiều hiểu biết về cuộc đời.

Khi đã tiêu hết sạch mười đồng vàng, Alátđanh phải nhờ đến cây đèn. Chú cầm đèn ở tay, tìm cái chỗ mẹ chú trước đây đã chạm vào; và nhận ra cái vết xây xát do cát gây nên, chú miết vào đấy và lập tức thần đèn đã hiện ra lần trước xuất hiện trước mặt chú. Nhưng, vì Alátđanh miết nhẹ tay hơn, thần đèn nói với chú giọng dịu dàng hơn, vẫn những lời lẽ như lần trước: «Ngài cần gì? Cùng với tất cả nô lệ khác của cây đèn, tôi sẵn sàng tuân lệnh ngài cũng như lệnh của những ai cầm cây đèn trên tay». Alátđanh bảo: «Ta đang đói, hãy mang lại cho ta thức gì ăn». Thần đèn biến mất và chỉ lát sau lại xuất hiện, mang theo một mâm cỗ giống y như lần trước. Thần đặt mâm thức ăn xuống phản rồi biến ngay lập tức.

Bà mẹ Alátđanh, biết trước việc con sắp làm, liền bỏ ra ngoài để khỏi có mặt trong nhà khi thần đèn xuất hiện. Lát sau bà trở vào, trông thấy bàn và chạn đầy ắp thức ăn, bà càng ngạc nhiên về tác dụng kỳ lạ của cây đèn không kém gì lần trước. Hai mẹ con ngồi vào bàn; và sau bữa ăn, vẫn còn lại đủ cho hai người sống thoải mái hai ngày sau đó.

Khi trông thấy trong nhà không còn có bánh mì hoặc thức ăn gì khác và cũng chẳng có tiền để đi mua. Alátđanh cầm một chiếc đĩa bạc đi tìm lão Do thái quen biết để bán. Đường chú đi ngang qua trước cửa hiệu một nhà buôn vàng bạc, một cụ già đáng kính, lương thiện và rất ngay thẳng. Trông thấy chú, cụ già gọi lại bảo chú vào nhà và nói : «Con ơi, lão từng nhìn thấy con nhiều lần đi qua, mang theo một vật như hôm nay đến gặp tên Do thái nọ, rồi sau đó trở về không có vật ấy nữa. lão nghĩ rằng chắc con mang đến bán cho lão. Nhưng có lẽ con chưa biết lão là một tên bịp bợm nhất trong những tên bịp bợm Do thái ở đây; không một ai đã biết lão còn muốn có quan hệ gì với hắn. Hơn nữa, điều lão nói với con đây là chỉ vì lợi ích của con. Nếu con vui lòng đưa cho lão xem cái vật con hiện đang mang theo trong người, và nếu con có ý định bán thì lão sẽ trả cho con thật đúng giá của nó, nếu vật đó hợp ý lão; bằng không lão sẽ giới thiệu con với những nhà buôn khác họ sẽ không lừa bịp con».

Hi vọng có thể bán được nhiều tiền hơn, Alátđanh lấy chiếc đĩa giấu trong vạt áo ra đưa cho cụ già xem. Cụ nhìn biết ngay chiếc đĩa bằng bạc tốt, liền hỏi có phải chú đã từng bán những chiếc giống thế này cho tên Do thái nọ không, và được hắn trả bao nhiêu tiền. Alátđanh ngây thơ đáp chú đã bán mười hai chiếc, và mỗi chiếc chỉ được hắn trả cho có mỗi một đồng tiền vàng. «Chao ôi ! tên kẻ cắp ! – cụ già thốt lên. – Con ạ,

việc gì đã qua rồi thì thôi, chẳng cần phải nghĩ đến nữa làm gì, nhưng lão nói cho con rõ cái đĩa của con bằng thứ bạc tốt hơn cả những thứ bán trong các hiệu của lão đây, tên Do thái đã bịp mất của con không biết bao nhiêu tiền».

Cụ già buôn đồ bạc lấy chiếc cân ra cân cái đĩa; và sau khi giảng cho Alátđanh biết thế nào là một nén bạc, một nén có bao nhiêu lạng và trị giá bao nhiêu tiền, cụ căn cứ vào trọng lượng của nó, nói cái đĩa đáng giá bảy mươi hai đồng vàng. Nói xong, cụ đếm ngay tiền mặt và bảo: «Đấy, cái đĩa của con trị giá đúng chừng này. Nếu con không tin, con có thể đi hỏi bất kỳ hàng bạc nào con muốn; nếu có ai bảo rằng nó đáng giá cao hơn thì lão hứa sẽ trả gấp đôi. Những người làm nghề bạc như lão đây mua bạc là chỉ để lấy công làm lãi; việc đó thì đến những người Do thái ngay thật nhất cũng không chịu làm».

Alátđanh hết lời cám ơn cụ hàng bạc đã có lời khuyên bảo giúp chú thu được một món lời rất lớn. Từ đấy trở đi, chú chỉ bán cho cụ tất cả các đĩa bạc, cũng như chiếc mâm, cái này cũng vẫn được trả đúng giá tương xứng với trọng lượng của nó. Mặc dù hai mẹ con Alátđanh có một nguồn tiền bạc vô tận ở cây đèn, tiêu hết cần có thêm bao nhiêu khắc được bấy nhiêu, họ vẫn tiếp tục sống thanh đạm như trước, trừ những khi Alátđanh cần chi tiêu riêng để sống cho chững chạc hoặc mua sắm những thứ cần thiết cho gia đình. Bà mẹ, về phần mình, cũng chỉ dám may mặc bằng món tiền bán số sợi bà kéo được. Với lối sinh hoạt phải chăng như vậy, cũng dễ tính ra được khoảng thời gian mà số tiền bán mười hai cái đĩa và chiếc mâm – theo giá bán cho cụ già hàng bạc – nuôi họ được bao lâu. Họ sống như vậy trong mấy năm, chỉ thỉnh thoảng Alátđanh mới nhờ đến cây đèn.

Trong thời gian ấy, Alátđanh vẫn không quên lui tới gặp gỡ thường xuyên những người giàu có ở các hiệu buôn dạ vàng, dạ bạc, lụa là, gấm vóc và kim hoàn lớn nhất, thỉnh thoảng bắt chuyện với họ, dần dần cậu trở nên khôn ngoan và vô tình bắt chước kiểu cách của hạng người sang trọng. Đặc biệt chính tại các hiệu buôn đồ ngọc mà cậu vỡ lẽ ra là mình đã hiểu sai về các thứ trái cây trong suốt hái trong khu vườn khi đi lấy cây đèn, đấy không phải là thủy tinh màu mà chính là châu báu rất đắt tiền. Nhìn mãi người ta mua đi bán lại những thứ ấy trong các hiệu buôn, cậu biết được tên gọi và giá cả; và vì không hề thấy có những viên ngọc nào đẹp và to bằng những viên của mình, cậu hiểu rằng cậu sở hữu cả một kho tàng vô giá, chứ không phải là những mảnh thủy tinh mà cậu từng coi như những thứ vớ vẩn. Cậu cẩn thận không nói cho ai biết, kể cả mẹ đẻ, và rõ ràng sự kín tiếng của cậu đã giúp cho cậu vươn lên địa vị cao sang mà chúng ta sẽ thấy sau này.

Một hôm, đang đi dạo trong một khu phố, Alátđanh nghe có lời rao to lệnh của hoàng đế truyền cho mỗi nhà cửa, quán xá đều phải đóng cửa, ai nấy đều phải ở trong nhà, chờ cho đến sau khi công chúa Badrunbudua, con gái của vua, đi ngang qua phố để đến nơi tắm và tắm xong trở về.

Lời rao ấy làm Alátđanh nảy ra sự tò mò muốn nhìn công chúa tận mặt. Nhưng cậu chỉ có thể làm được việc đó bằng cách nấp vào một nhà quen rồi nhìn qua khe cửa, mà cậu lại không bằng lòng như vậy, bởi vì công chúa theo phong tục sẽ phải mang mạng che mặt khi đến nhà tắm. Để thỏa tính tò mò, cậu nghĩ ra một cách rất hay: Cậu đến nấp sau cửa nhà tắm, và tìm lối đứng thế nào để có thể nhìn thẳng vào mặt công chúa khi nàng đi tới.

Alátđanh không phải chờ lâu. Công chúa xuất hiện, và cậu có thể nhìn rõ qua một khe cửa khá rộng mà không bị lộ. Một đám đông nàng hầu và hoạn nô quây quần hai bên và theo sau công chúa. Đến cách cửa nhà tắm chừng ba, bốn bước, nàng bỏ tấm mạng che mặt cho khỏi vướng, thành thử tạo điều kiện cho Alátđanh thạ hồ nhìn ngắm thỏa thê vì nàng đi thẳng về phía cậu đang nấp.

Cho đến lúc ấy, Alátđanh chưa bao giờ trông thấy mặt một người đàn bà nào không đeo mạng ngoài bà mẹ, bà đã già và nét mặt hồi trẻ cũng không đẹp để cho cậu nghĩ rằng những người phụ nữ khác có thể đẹp hơn. Hẳn cậu cũng từng có lần được nghe nói có người này người kia xinh đẹp tuyệt trần, song cho dù có dùng lời lẽ đến thế nào chăng nữa để ca ngợi sắc đẹp thì vẫn không bao giờ gây được ấn tượng mạnh mẽ như chính mắt nhìn thấy người đẹp.

Trông thấy công chúa Bađrunbuđua, Alátđanh mất ngay ý nghĩ vẫn cho rằng tất cả phụ nữ đều na ná giống như mẹ cậu. Cảm xúc của cậu khác hẳn, và tim cậu không thể không rung động trước sắc đẹp đang làm cậu đắm say. Quả vậy, công chúa là một người con gái có mái tóc đen đẹp nhất trần thế. Đôi mắt nàng to, không sâu, tinh nhanh và trong sáng, cái nhìn dịu dàng và khiêm tốn, mũi nàng cân xứng tuyệt vời, miệng nàng nhỏ, môi đỏ như son và đều đặn trông thật đáng yêu. Tóm lại, mọi đường nét trên khuôn mặt nàng đều hết sức cân đối. Thêm vào nhan sắc ấy, thân hình nàng nở nang, dáng đi và điệu bộ oai vệ làm cho bất cứ ai thoạt nhìn cũng đều phải đem lòng kính trọng.

Công chúa đã vào trong nhà tắm rồi, Alátđanh vẫn còn đứng ngẩn hồi lâu như mê mẩn, cố hình dung lại và khắc sâu vào tâm trí hình dáng một con người làm cậu đắm đuối và yêu dấu đến tận đáy lòng. Cuối cùng

cậu chợt tỉnh, và hiểu rằng công chúa đã đi qua rồi, dù cho cậu có cố đứng đây chờ nàng tắm xong trở ra cũng vô ích thôi, bởi lẽ nàng sẽ quay lưng lại phía cậu và sẽ đeo mạng che mặt, vì vậy cậu quyết định ra về.

Về nhà, Alátđanh không thể giấu không để lộ cho mẹ thấy nỗi băn khoăn tư lự của mình. Bà ngạc nhiên thấy con trai buồn bã và mơ màng trái với thói quen của cậu. Bà hỏi có việc gì xảy ra, hay là cậu khó ở chăng. Nhưng Alátđanh không đáp lại một tiếng, cậu hững hờ buông mình xuống phản, và ngồi yên một chỗ, mê mải hình dung bóng dáng yêu kiều của công chúa Badrunbuđua. Bà mẹ mải bận thổi cơm chiều cũng không gặng hỏi thêm. Cơm chín, bà dọn ra cạnh Alátđanh rồi cũng đến ngồi xuống phản; thấy con không mảy may chú ý, bà nhắc con ăn đi, và cậu có vẻ như vất vả lắm mới quay lại được. Cậu ăn ít hơn nhiều so với lúc bình thường, mắt vẫn luôn luôn nhìn xuống và miệng vẫn câm như thóc, đến nỗi bà không thể nào cạy ra được một lời nào, mặc cho bà hỏi dồn để cố tìm hiểu vì sao có sự thay đổi khác thường như vậy.

Sau bữa cơm, bà mẹ lại muốn hỏi cho rõ vì đâu có nỗi buồn da diết đến thế nhưng cũng chẳng biết gì thêm; và cậu quyết định đi ngủ chứ không chịu hé răng cho mẹ hay biết một tí gì.

Chẳng cần biết rõ anh chàng Alátđanh, cảm sắc đẹp và vẻ yêu kiều của công chúa Badrunbuđua, đêm hôm ấy đã ngủ nghê như thế nào, chúng ta chỉ cần chú ý là ngày hôm sau lúc ngồi trên bức phản đối diện với mẹ đang kéo sợi như lệ thường, cậu nói với bà : «Mẹ ơi, con nói cho mẹ rõ chứ không im lặng như từ hôm qua đến bây giờ nữa. Sự im lặng của con chắc làm mẹ phiền lòng, con biết lắm. Hôm qua, con không ốm như mẹ tưởng đâu, và bây giờ cũng vậy. Nhưng con có thể nói với mẹ rằng cái điều con cảm thấy hôm qua và

bây giờ cũng vẫn đang cảm thấy là một cái gì còn tệ hơn cả ốm đau. Con không rõ cái bệnh ấy là gì, song con tin rằng những điều mẹ sắp nghe đây sẽ làm cho mẹ rõ.

«Ở khu phố ta – Alátđanh nói tiếp – không ai biết và bởi vậy mẹ không sao biết được, là hôm qua công chúa Bađrunbuđua, con gái của hoàng đế, đi tắm sau bữa ăn trưa. Con biết được tin ấy khi đi dạo ngoài phố. Lệnh trên truyền cho nhân dân đóng các cửa hiệu và ai trở về nhà nấy để tỏ lòng kính-trọng công chúa và để cho quang các phố nàng qua để tới nhà tắm. Lúc ấy con ở không xa nhà tắm, sự tò mò muốn nhìn tận mặt công chúa đã khiến con nảy ra cái ý đến nấp sau cửa ra vào, con nghĩ rằng chắc nàng sẽ cất tấm mạng che mặt khi sắp bước vào nhà tắm. Mẹ đã biết chỗ cái cửa ra vào rồi đấy, mẹ có thể hình dung là con sẽ tha hồ mà ngắm nàng nếu như sự việc xảy ra đúng như con dự định. Quả nhiên, khi bước vào, nàng cất tấm mạng che mặt, và con có được niềm hạnh phúc ngắm nghía thỏa thê nàng công chúa yêu kiều ấy. Thưa mẹ, đấy là nguyên nhân khiến cho con bần thần và im lặng cho đến bây giờ. Con yêu công chúa mãnh liệt lắm, không thể nào nói hết lời, và mối tình ấy từng giờ từng phút càng thêm nồng cháy thiết tha. Con nghĩ rằng con chỉ có được hạnh phúc chừng nào con lấy được nàng công chúa Bađrunbuđua dáng yêu, vì vậy con định nhờ người hỏi xin hoàng đế gả nàng cho con».

Bà mẹ Alátđanh lắng nghe con trai khá chăm chú cho đến hết; nhưng khi nghe con ngỏ ý muốn hỏi công chúa làm vợ, bà không nén khỏi phá lên cười làm cậu phải ngừng lại. Alátđanh muốn nói tiếp, nhưng bà lại ngắt lời : «Này, con ơi, con mơ màng gì thế ? con hẳn mất trí đi rồi, cho nên mới nói với mẹ những điều như vậy».

– Mẹ ạ, con có thể quả quyết với mẹ rằng con không mất trí – Alátđanh đáp – con hoàn toàn minh mẫn, con đã biết trước rằng mẹ sẽ trách mắng con điên cuồng và kỳ dị; nhưng mặc dù vậy vẫn không ngăn con nói với mẹ một lần nữa rằng con quyết tâm xin hoàng đế gả công chúa Bađrunbuđua cho con.

– Thật ra, mẹ không thể không nói rằng con đã hoàn toàn mất trí, con ạ – bà mẹ nói rất nghiêm trang và cho dù con có ý muốn ấy đi nữa, mẹ không rõ ai sẽ là người có gan đến gặp hoàng đế để thay con ngỏ lời cầu hôn.

– Mẹ chứ ai nữa ? – cậu con trai đáp không chút trù trừ.

– Mẹ ư ? – bà mẹ thốt lên vừa bất ngờ vừa kinh ngạc. – Mẹ đến gặp hoàng đế ? Chao ôi, mẹ chẳng bao giờ dám dấn thân vào một việc như vậy. Con ơi, con là ai, mà con dám cả gan tơ tưởng đến con gái hoàng đế ? Phải chăng con đã quên mất bố con là một người thợ may, loại hèn mọn nhất trong kinh đô của Người, và dòng dõi nhà mẹ cũng chẳng chút cao sang hơn ? Con có biết không, rằng các bậc hoàng đế không thèm gả con gái của mình cho ngay cả những hoàng tử nào không có hy vọng một ngày kia sẽ lên ngôi báu trị vì như họ ?

– Mẹ ơi, con đã thưa với mẹ là con đã đoán trước tất cả những điều mẹ vừa nói, và cho dù mẹ có bảo gì đi nữa, con cũng chỉ đáp một lời ấy mà thôi. Mọi lời trách mắng của mẹ không làm con đổi ý. Con đã thưa với mẹ là con sẽ nhờ mẹ ra đi hỏi công chúa Bađrunbuđua cho con. Vì kính yêu mẹ, con mới nhờ mẹ giúp cho việc đó. Con van mẹ chớ có khước từ, trừ phi là mẹ muốn con chết chứ không muốn đẻ ra con một lần nữa.

Bà mẹ Alátđanh rất bối rối khi thấy con khăng khăng giữ mãi ý nghĩ chẳng biết điều chút nào. «Con ơi – bà mẹ nói – mẹ là mẹ con, mẹ đã đứt ruột đẻ ra con, nếu mẹ sẵn sàng làm việc đó thì cũng là điều hợp tình hợp lý đối với mẹ cũng như đối với con thôi. Giá như đây là chuyện đi hỏi con gái một gia đình nào hàng xóm với nhà ta, mà gia cảnh cũng giống nhà ta hoặc hơn kém chút ít, thì mẹ đã chẳng nề hà khó nhọc, mẹ sẽ hết lòng cố gắng và tìm đủ mọi cách lo liệu cho con, đấy là chưa nói, muốn đạt được kết quả, con phải có ít nhiều tài sản hay lợi tức, hoặc là biết một nghề nghiệp nào đó. Khi những kẻ nghèo khó như chúng ta muốn lập gia đình, điều đầu tiên phải nghĩ tới là lấy gì mà sống. Ấy thế mà con chẳng suy nghĩ gì sất đến dòng dõi hèn hạ của mình, đến việc mình chẳng có tiếng tăm hoặc của cải bao nả, mà đi mơ ước tận đỉnh cao danh vọng, lại tính đến chuyện đi hỏi lấy con gái vua về làm vợ, con gái Người mà chỉ cần phán một lời là đủ tống con xuống vực và xéo nát con! Mẹ để riêng những việc có liên quan đến con, mặc cho con suy nghĩ lo liệu lấy, nếu con còn có chút trí khôn. Mẹ chỉ nói đến điều có liên quan đến mẹ. Làm sao con có thể nảy ra cái ý kỳ quặc là muốn cho mẹ đến gặp hoàng đế xin Người gả công chúa cho con? Nói giả dụ mẹ dám láo xược – chứ đừng nói là bạo gan – đến gặp hoàng đế để tâu xin một việc kỳ dị như vậy đi nữa, thì thử hỏi mẹ biết nhờ ai dẫn mẹ vào? Con có nghĩ là người đầu tiên mẹ ngỏ ý nhờ việc ấy sẽ cho mẹ là một con điên và đánh đuổi mẹ đi mà cũng chẳng phải oan ức gì? Lại giả dụ nữa rằng mẹ không gặp khó khăn gì và vào được đến nơi hoàng đế thiết triều; mẹ biết là người ta vẫn có thể vào được đến nơi để kêu van hoàng đế xét cho một nỗi oan ức nào đó và Người sẵn sàng minh xét; mẹ cũng biết nữa rằng khi có ai

đến xin vua một ân huệ nào đó, Người vui lòng ban cho nếu xét thấy kẻ đó đáng được hưởng. Nhưng con có thuộc vào trường hợp ấy không ? Có phải con tin là con đáng được hưởng đặc ân mà con muốn mẹ tâu xin cho ? Con có xứng đáng không ? Con đã làm gì cho hoàng đế hay cho nước nhà; con đã có công lao về những mặt nào ? Nếu con chưa hề làm gì để đáng hưởng đặc ân đó và bây giờ con cũng không xứng đáng, vậy thì làm sao mẹ dám cả gan tâu xin cho con ? Làm sao mẹ có thể mở miệng tâu với hoàng đế chuyện đó ? Chỉ cần trông thấy hoàng thượng uy nghiêm với tất cả triều đình lộng lẫy là mẹ đã câm tịt như hến; ngay đối với bố con xưa kia, mỗi lần muốn hỏi xin bố con một điều gì, mẹ cũng còn run cầm cập nữa là. Còn một điều khác nữa là con chưa nghĩ tới, là không bao giờ người ta đến gặp các bậc vua chúa để cầu xin một việc gì đó mà không có lễ vật cầm tay. Có lễ vật ít ra cũng có cái lợi là, dù hoàng đế có từ chối không ban ân vì những lý do nào đó, Người cũng sẽ lắng nghe trình bày mà chẳng lấy làm khó chịu. Nhưng con thì có lễ vật gì dâng lên hoàng đế nào ? Mà cho dù con có biện được một lễ gì dâng cho hoàng thượng hạ cố chút nào, thì thử hỏi cái lễ vật ấy có xứng với lời cầu xin con định tâu lên hoàng đế hay không ? Con ơi, hãy tỉnh trí lại; con hãy hiểu rằng ước mơ của con không thể nào thực hiện được».

Alátđanh rất bình tĩnh lắng nghe tất cả những lời mẹ cố làm cho cậu từ bỏ ý định của mình. Và, sau khi suy nghĩ về mọi điều bà vừa nói, cậu đáp : «Mẹ ạ, con nhận con thật quá bạo gan nên mới dám có những ước mong cao xa như vậy, và con đã thiếu suy nghĩ khi quá nôn nóng và thiết tha nhờ mẹ đi gặp hoàng đế hỏi công chúa cho con mà không lo trước những thứ cần thiết để mẹ được phép

vào nơi triều yết và được hoàng đế vui vẻ tiếp; xin mẹ tha lỗi cho. Nhưng, vì con quá say mê cuồng nhiệt xin mẹ chớ ngạc nhiên sao thoạt đầu con chưa tính toán hết tất cả những gì có thể giúp cho con toại nguyện. Mẹ không thể tưởng tượng được con yêu công chúa Badrunbudua đến thế nào, hay đúng hơn là con sùng ái nàng, và con vẫn nhất quyết giữ ý định là sẽ kết hôn cùng nàng bằng được. Đó là một điều con đã dứt khoát và quyết tâm. Con cám ơn mẹ về những điều mẹ vừa chỉ bảo cho, con coi đó là bước cố gắng đầu tiên để đạt kết quả mà con quyết giành cho bằng được.

Mẹ bảo rằng không có lệ vào triều kiến vua mà không có lễ vật cầm tay, và con chẳng có gì xứng đáng để dâng lên hoàng đế. Về việc này, con thú thật là con đã không nghĩ tới, nhưng về điểm mẹ nói con chẳng có gì đáng dâng lên vua, thì, những thứ con mang về hôm con thoát được một cái chết đã cầm chắc mười mươi, như mẹ đã biết đấy, mẹ có cho là đủ làm thành một lễ vật sẽ khiến cho hoàng đế rất bằng lòng không ? Con muốn nói đến những thứ con mang về trong hai cái túi và đắt trong người, mà cả hai mẹ con ta đều tưởng là đồ thủy tinh màu ấy. Bây giờ con đã hiểu ra và xin nói để mẹ rõ, mẹ ạ, đấy là những châu ngọc vô giá chỉ đáng cho những bậc đế vương lớn nhất dùng mà thôi. Con biết rõ giá trị của nó nhờ hay lui tới các hiệu buôn vàng bạc, mẹ có thể tin lời con. Tất cả những châu ngọc mà con trông thấy ở các hiệu buôn vàng ngọc ở ta không thể so sánh với những viên ngọc nhà ta cả về cỡ lớn cũng như về vẻ đẹp, ấy thế mà họ đặt những giá cao quá mức cơ đấy. Thật ra, mẹ cũng như con, chúng ta làm sao biết được những viên ngọc của chúng ta đáng giá bao nhiêu; nhưng dù thế nào chăng

nữa, dựa vào chút kinh nghiệm ít ỏi của con, con tin tưởng chắc chắn rằng lễ vật này chỉ có thể làm hoàng đế vui lòng. Mẹ có một chiếc bình sứ khá to và bình dáng thích hợp để đựng ngọc; mẹ hãy lấy ra đây, chúng ta hãy xem sau khi xếp loại các viên ngọc theo màu sắc, trông sẽ đẹp như thế nào».

Bà mẹ Alátđanh đi tìm chiếc bình sứ, và Alátđanh lấy các viên ngọc đựng trong hai cái túi ra xếp vào bình. Dưới ánh sáng ban ngày, các viên ngọc khác màu sắc, ngời lên và lấp lánh rực rỡ đến nỗi làm cho hai mẹ con gần như chói mắt. Họ đều rất ngạc nhiên bởi vì trước đây chỉ nhìn từng viên một dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu. Đúng là Alátđanh đã từng nhìn thấy các viên ngọc ấy mắc lên cây như quả và cảnh tượng đó thật mê ly, song dạo ấy chú còn là một đứa trẻ con, cậu chỉ nhìn những viên ngọc như là những đồ trang điểm chỉ có thể dùng mà chơi, và cậu hái về cũng chỉ nhằm thế thôi chứ chẳng hay biết gì hơn nữa.

Sau khi ngắm nghía một lát vẻ đẹp của tặng phẩm ấy, Alátđanh nói với mẹ : «Mẹ ơi, mẹ không còn có thể thoái thác không đi gặp hoàng đế với cái cớ là không kiếm được lễ vật để dâng lên Người nữa nhé : cái lễ vật này theo ý con, sẽ làm cho mẹ được đón tiếp một cách tử tế nhất».

Bà mẹ Alátđanh tuy có nhận thấy lễ vật đẹp và rực rỡ thật, song vẫn không tin rằng nó đắt tiền đến mức như con bà nói, tuy nhiên bà vẫn nghĩ là nó sẽ được nhà vua nhận, bà biết là không thể cãi lý với con. Nhưng bà vẫn trở lại chuyện Alátđanh muốn bà nhận việc dâng lễ vật này mà tâu xin hoàng đế vì bà vẫn rất ngại ngùng. «Con ơi, mẹ cũng cho là lễ vật này sẽ có tác dụng, hoàng đế chắc sẽ nhìn mẹ với con mắt thiện cảm, nhưng con hãy miễn cho mẹ cái việc con lôi mẹ phải tâu xin Người, mẹ e rằng

mẹ sẽ không đủ sức nói, mẹ sẽ im thin thít mất thôi. Như vậy, không những mẹ sẽ lúng túng mà còn mất không cả lễ vật mà con cho là cực kỳ quý báu, và rồi mẹ sẽ trở về bối rối nói với con rằng con chẳng còn mảy may hi vọng nữa đâu. Mẹ đã nói với con, con phải tin chắc cơ sự sẽ diễn ra như vậy cho mà xem.

Nhưng – bà nói tiếp – mẹ muốn cố ép mình phải chiều ý con, và cứ cho là mẹ có gan tâu xin việc con muốn mẹ làm đi nữa, thì chắc chắn mười mươi hoặc là hoàng đế sẽ chế giễu mẹ và đuổi mẹ về như đuổi một con điên, hoặc là Người sẽ nổi cơn thịnh nộ thật đáng sợ, làm cho mẹ con ta đến phải tội mất».

Bà mẹ Alátđanh còn nói với con thêm nhiều lý lẽ khác hòng làm cậu thay đổi ý kiến; song vẻ kiều diễm của công chúa Bađrunbuđua đã khắc vào lòng cậu một hình ảnh quá ư mãnh liệt đến nỗi không có cách gì lay chuyển cậu. Alátđanh vẫn khăng khăng đòi mẹ làm cái việc cậu đã quyết. Và, phần thì thương con, phần thì e con phẫn chí mà dại dột liều thân chăng, bà đành cố vượt qua mọi ngần ngại để chiều ý con trai.

Lúc ấy đã quá muộn, hết giờ vua thiết triều rồi, công việc đó đành gác sang hôm sau. Từ bấy cho đến hết ngày, hai mẹ con chẳng nói gì khác ngoài chuyện ấy, và Alátđanh tìm đủ mọi cách làm cho mẹ giữ vững quyết tâm đi gặp hoàng đế. Mặc dù như vậy, bà mẹ vẫn không thể nào tin tưởng là mình có thể thành công trong việc này. Thật ra phải nhận rằng bà có lý để nghi ngờ. Bà hỏi Alátđanh :

«Con ơi, nếu hoàng đế tiếp mẹ tử tế được như mẹ mong muốn, nếu Người bình tĩnh nghe hết lời mẹ trình bày đúng theo ý của con, và sau buổi tiếp đón tốt đẹp ấy Người có ý muốn hỏi xem của cải, tài sản và vương quốc của con ở đâu – bởi vì trước hết Người

sẽ hỏi về những điều đó chứ không phải hỏi con là người ra thế nào – mẹ nhắc lại, nếu hoàng đế hỏi mẹ như vậy, thì con bảo mẹ nên trả lời ra sao ?

– Mẹ ơi – Alátđanh đáp – xin mẹ chớ nên vội lo về một điều chưa chắc đã xảy ra. Trước hết, chúng ta hãy xem hoàng đế sẽ tiếp mẹ như thế nào và sẽ trả lời mẹ ra làm sao. Nếu đúng là Người muốn biết về những gì mẹ vừa nói với con đấy, lúc ấy con sẽ tính đến câu trả lời. Và con tin tưởng là cây đèn, nhờ có nó mà mẹ con ta sống được mấy năm nay, sẽ không để cho con thiếu thốn thứ gì».

Bà mẹ Alátđanh chẳng còn biết đáp lại con thế nào. Bà nghĩ rằng cây đèn cậu nói đến ấy có thể giúp cho mẹ con bà những điều kỳ diệu lớn lao hơn là mỗi một việc kiếm cho hai người đủ sống. Ý nghĩ đó khiến bà vui lòng, đồng thời làm tiêu tan mọi khó khăn có thể khiến cho bà nản, không muốn đến tâu xin hoàng đế cho con trai cái việc đã hứa. Alátđanh hiểu thấu ý nghĩ của mẹ, liền bảo là : «Mẹ ơi, ít ra mẹ cũng cần nhớ là phải kín tiếng : đó là điều quyết định sự thành công mà mẹ con ta trông chờ đấy».

Hai mẹ con chia tay nhau đi nghỉ. Những mối tình say đắm và những dự định to tát về một cuộc đời phú quý vinh hoa cứ quay cuồng trong đầu óc cậu con trai, không cho cậu ngủ bình yên như mong muốn. Tảng sáng, cậu đã trở dậy đánh thức mẹ, giục bà mặc áo quần thật nhanh vào và đến chực sẵn ở cổng hoàng cung, để khi cổng mở là vào ngay triều đường cùng một lúc với tể tướng, các quan thượng thư, các vị đại thần chầu vua.

Bà mẹ Alátđanh làm tất cả những gì con trai muốn. Bà mang cái bình sứ đựng ngọc làm lễ vật, bọc trong hai lần vải sạch sẽ, một lần vải mịn màng, một lần vải hơi

thô rồi buộc chéo bốn góc lại cho dễ xách. Cuối cùng, bà ra đi, theo đường dẫn đến hoàng cung. Khi bà tới cổng thì tể tướng, có các thượng thư và các vị đại thần xuất sắc nhất trong triều đi theo, đã vào rồi. Rất đông dân chúng có việc lang tụ tập ở đấy. Cổng mở, bà theo họ đi vào. Đó là một đại sảnh rất đẹp vừa sâu vừa rộng, lối vào thênh thang và đẹp đẽ. Bà dừng lại và tìm chỗ đứng sao cho có thể nhìn thẳng vào hoàng đế cùng tể tướng và các vị đại thần chầu hai bên tả hữu. Quan hầu lần lượt gọi tên những người đến kêu với vua, theo thứ tự các đơn họ đưa lên : Những công việc đó đều được tâu trình, bào chữa và phán xét cho đến giờ bãi triều theo như thường lệ. Thế là hoàng đế đứng lên, truyền cho các quan ra về, rồi đi vào hậu cung, chỉ có tể tướng theo vào. Các thượng thư và đại thần lui về. Tất cả dân chúng đến chầu chực vì việc riêng cũng ra về, người thì vui mừng vì được kiện, người thì không bằng lòng về lời phán xét đối với mình, và người khác nữa thì hi vọng phiên sau sẽ được vua xét đến.

Bà mẹ Alátđanh hiểu rằng ngày hôm nay vua sẽ không trở ra nữa. Bà cũng quyết định trở về nhà. Alát-đanh, trông thấy mẹ về mà vẫn mang theo lễ vật định dâng lên hoàng đế, không biết chuyến đi đạt kết quả thế nào. Cậu không đủ sức mở miệng ra hỏi mẹ sự tình ra làm sao. Bà mẹ hiền từ chưa bao giờ đặt chân vào cung điện và cũng không hề hay biết tí gì về những công việc ở đấy, nói một cách rất thật thà, làm cho cậu con trai hết lo âu : «Con ạ, mẹ đã nhìn thấy đức vua và mẹ chắc chắn là Người cũng nhìn thấy mẹ, nhưng Người quá bận với những kẻ ở hai bên tả hữu ai cũng nói với Người, đến nỗi mẹ đâm

thương không hiểu tại sao đức vua lại chịu vất vả và kiên nhẫn lắng nghe như vậy. Công việc cứ thế diễn ra rất lâu, cuối cùng mẹ nghĩ chắc là đức vua mệt bởi vì bất thần Người đứng lên và bỏ đi khá đột ngột, không muốn nghe những người sắp đến lượt trình bày. Việc đó làm cho mẹ khá thú vị. Quả vậy, mẹ đã bắt đầu sốt ruột và hết sức mệt vì phải đứng lâu. Nhưng không hề gì; sáng mai mẹ nhất định sẽ trở lại; có lẽ đức vua ngày mai sẽ không quá bận rộn như hôm nay».

Dù si tình đến bao nhiêu, Alátđanh cũng đành bằng lòng với lời phân trần của mẹ và đành phải kiên nhẫn thôi. Ít ra cậu cũng hài lòng thấy mẹ đã chịu được cái bước khó khăn nhất là dám đến trước mặt đức vua; và cậu hy vọng là theo gương những người đã tâu với vua trước mặt bà, bà cũng sẽ không do dự mà làm công việc được cậu ủy thác khi nào có cơ hội thuận tiện.

Ngày hôm sau, bà mẹ Alátđanh lại trở dậy rất sớm như hôm trước và lại mang cái lễ vật toàn châu báu đến hoàng cung; nhưng việc làm của bà không được ích lợi gì; cổng điện đóng kín, người ta cho bà biết hai ngày hoàng đế mới thiết triều một lần; như thế là ngày hôm sau bà lại phải đến nữa. Bà trở về nói cho con biết như vậy, và cậu con trai cũng đành phải cố kiên nhẫn thôi. Bà đi đến hoàng cung lần nữa, vào những ngày có thiết triều, chẳng có kết quả gì hơn, và có lẽ bà sẽ lại đến một trăm lần cũng đều vô ích như vậy nếu như hoàng đế không để ý thấy phiên triều nào bà cũng đứng đối diện với mình. Điều đáng lạ nữa là chỉ thấy những người có việc đến kêu với vua lần lượt theo thứ tự xếp hàng tiến lên trình bày, còn bà mẹ Alátđanh lại không làm như vậy.

Ngày hôm ấy, sau khi bãi triều và trở về hậu cung, hoàng đế bảo tể tướng: «Ít lâu nay ta để ý thấy một

người đàn bà phiên triều nào cũng đến rất đều đặn, mang theo một vật gì buộc trong tấm vải; bà ta đứng suốt từ đầu cho đến lúc bãi triều và bao giờ cũng cố ý đứng trước mặt ta. Khanh có biết bà ta kêu xin việc gì không?

Tể tướng cũng chẳng rõ gì hơn hoàng đế, tuy vậy không muốn tỏ ra không biết: «Tâu bệ hạ, – ông đáp, – bệ hạ lạ gì bọn đàn bà thường hay kêu ca về những việc chẳng đâu vào đâu. Có lẽ thị này kêu lên hoàng thượng về việc bị người ta bán bột mì xấu cho hoặc là về một việc nhỏ nhặt nào đại loại như vậy». Hoàng đế không bằng lòng với câu trả lời ấy, vua phán: «Ngày thiết triều đầu tiên sắp tới đây, nếu người đàn bà ấy lại đến, khanh nhớ gọi lên để ta nghe thị nói».

Tể tướng không đáp mà chỉ hôn bàn tay và đặt lên đầu để tỏ ý rằng mình sẽ chịu mất đầu nếu dám quên lệnh đó.

Bà mẹ Alátđanh đã quá quen đến chầu chực các buổi vua thiết triều, bà chẳng nề hà vất vả miễn là tỏ cho con trai thấy bà không từ nan một việc gì có thể làm được, để cho cậu vui lòng. Bởi vậy, bà lại vào cung vua ngày vua thiết triều, và lại đứng ở trước điện, đối diện với hoàng đế như thói quen của bà.

Tể tướng chưa kịp bắt đầu tâu một việc gì thì vua đã nhìn thấy bà mẹ Alátđanh. Xúc động về sự kiên nhẫn của bà, vua truyền cho tể tướng: «Trước hết mọi sự, để khanh khỏi quên mất, ta nhắc lại: kia là người đàn bà ta nói với khanh hôm nọ; hãy gọi thị đến, chúng ta hãy bắt đầu nghe và giải quyết công việc của thị trước».

Lập tức tể tướng trỏ bà cho một viên thị vệ đang đứng chờ lệnh, và sai gã xuống dẫn bà lên.

Viên thị vệ đến gần bà mẹ Alátđanh; theo hiệu của gã, bà đi theo đến tận chân ngai vàng; gã để bà lại đấy và lui về chỗ cũ bên cạnh tể tướng.

Bà mẹ Alátđanh đã học được cách thức của bao nhiêu người có việc tâu với vua mà bà trông thấy, bà quỳ lạy dập đầu xuống tấm thảm phủ các bậc cấp dưới chân ngai và cứ phủ phục như vậy cho tới khi hoàng đế truyền bảo đứng lên. Bà đứng lên, hoàng đế liền phán : «Bà già kia, đã lâu ta trông thấy bà cứ đến buổi triều là đến đứng ở lối đi lên điện từ đầu cho đến hết buổi. Bà đến đây có việc gì vậy ?»

Nghe lời phán hỏi, bà mẹ Alátđanh lại phủ phục một lần nữa rồi ngẩng đầu lên đáp : «Tâu lạy đức cửu trùng, trước khi trình bày với bệ hạ nguyên do kỳ lạ và hầu như khó tin nữa đã khiến con đến trước ngai vàng tôn kính, cúi xin tha thứ cho con cái tội dã dám cả gan, nếu không nói là hỗn xược, đến cầu xin bệ hạ việc này. Nó đặc biệt quá, nên con run sợ và xấu hổ không dám tâu lên bệ hạ». Để cho bà được tự do giải bày, vua ra lệnn cho tất cả mọi người hãy lui ra ngoài điện, chỉ để lại một mình vua cùng tể tướng, sau đó bảo bà cứ việc tâu bày, không phải sợ hãi.

Bà mẹ Alátđanh chưa vừa lòng về thái độ của hoàng đế đã vui lòng miễn cho bà nỗi ngại ngùng phải nói ra trước đông người; bà còn muốn tránh sự phẫn nộ nhà vua có thể nổ ra khi nghe lời đề nghị khá bất ngờ của bà đối với vua. Bà nói tiếp : «Tâu bệ hạ, con muốn cầu xin bệ hạ để được yên tâm trước, là bệ hạ sẽ tha thứ và xá tội cho, nếu như lời yêu cầu của con có chút nào xúc phạm đến oai danh của bệ hạ».

– «Dù việc đó là thế nào chăng nữa, – hoàng đế đáp, – ngay từ giờ ta tha tội cho bà, bà sẽ không phải chịu bất cứ một tội vạ nhỏ nhặt nào. Bà cứ bạo dạn nói đi».

Sau khi đã cẩn thận rào đón trước sau, đúng như mọi người đàn bà sợ nhà vua nổi cơn thịnh nộ khi phải tâu trình một việc tế nhị như vậy, bà kể lại trung thành

NGUYỄN NGUYỄN

chuyện Alátđanh nhìn trộm công chúa Badrunbuđua trong trường hợp như thế nào, mối tình nồng nhiệt nảy ra do cái nhìn vụng trộm ấy, những lời cậu nói với bà về nỗi tình si và tất cả những điều bà đã giảng giải cho con trai để hy vọng cậu từ bỏ mối tình đắm đuối xúc phạm đến hoàng thượng cũng như xúc phạm đến công chúa. «Nhưng – bà nói tiếp – không những cháu đã không nghe ra và thừa nhận mình quá to gan mà lại còn cứng đầu cứng cổ, khăng khăng đến mức dọa sẽ liều thân nếu con không chịu đến tâu xin bệ hạ gả công chúa cho cháu. Thật đúng là sau khi dằn vặt mình hết sức, con mới đành chiều theo ý cháu, bởi vậy một lần nữa xin rập đầu kêu bệ hạ mong Người tha tội không những cho con mà cả cho cháu đã dám có ý nghĩ táo tợn là tơ tưởng đến một bậc cao sang như công chúa».

Hoàng đế rất dịu dàng và nhân hậu lắng nghe bà, không chút tỏ vẻ giận dữ hay phẫn nộ, cũng chẳng chế giễu lời cầu hôn của bà. Nhưng trước khi đáp lời bà già hiền hậu, vua hỏi bà mang theo vật gì bọc trong vải. Lập tức bà lấy cái bình sứ bà đã đặt xuống chân ngai vàng trước khi quỳ lạy, mở ra và dâng lên hoàng đế.

Không thể nào diễn tả được sự ngạc nhiên và kinh lạ của nhà vua khi nhìn thấy dồn trong chiếc bình ấy bấy nhiêu châu ngọc, quá nhiều, quá quý báu, quá hoàn hảo, quá rực rỡ, viên nào cũng quá to mà vua chưa từng trông thấy bao giờ. Người khâm phục đến nỗi ngồi im sững sờ một lúc lâu. Cuối cùng chợt tỉnh, vua nhận lễ vật từ tay bà mẹ Alátđanh trao, và vui sướng thốt lên : «Chao ! thật đẹp làm sao ! thật quý làm sao !» Sau khi ngắm nghía và mân mê từng viên một gần như hết lượt cả số ngọc ấy, vua quay sang tể tướng, chỉ cho ông xem chiếc bình và nói : «Hãy xem đây, khanh có đồng ý là trên thế giới không ở đâu có vật quý báu hơn, hoàn hảo hơn thế này không ?» Tể tướng

cũng rất lấy làm thú vị. Hoàng đế nói tiếp : «Nào, khanh nghĩ sao về món tặng phẩm này ? Có phải là xứng đáng với công chúa con gái ta, và có phải là với cái giá này ta có thể gả nó cho người đến cầu hôn ?»

Những lời của vua làm cho tể tướng hết sức xúc động. Cách đây ít lâu, hoàng đế có để lộ cho ông biết ý định sẽ gả công chúa cho một con trai của ông. Ông e rằng – và nỗi lo sợ này không phải là vô căn cứ – hoàng đế bị lóa mắt trước món lễ vật quá quý báu và quá kỳ lạ thế này, sẽ thay đổi ý kiến chăng. Ông tiến đến gần rỉ tai vua : «Tâu bệ hạ, không ai có thể nói là lễ vật này không xứng đáng với công chúa. Nhưng, cúi xin bệ hạ thư cho tôi ba tháng trước khi đi đến quyết định. Tôi hy vọng rằng, trước khi hết hạn ấy thì con trai tôi, mà bệ hạ đã có lần tỏ ý là có thể hạ cố, chắc sẽ dâng được lên Người một tặng vật còn giá trị hơn tặng vật của Alátđanh, một kẻ bệ hạ chưa hề biết». Mặc dù tin chắc tể tướng sẽ không thể nào tìm được cho con trai một tặng phẩm có giá trị hơn thế này để dạm hỏi công chúa, hoàng đế vẫn lắng nghe và chuẩn y lời thỉnh cầu đó. Bởi vậy, quay sang bà mẹ Alátđanh, vua nói : «Bà già kia, bà hãy trở về nhà, và nói cho con trai bà biết là ta chấp nhận lời bà vừa xin cho nó, nhưng ta không thể cho công chúa thành gia thất trước khi sắm sanh đồ đạc trong nhà cho cháu, công việc này phải mất ba tháng mới xong. Vậy ba tháng nữa bà hãy trở lại».

Bà mẹ Alátđanh trở về nhà rất vui mừng vì nghĩ rằng với địa vị của mình, từ đầu vẫn tưởng như không thể nào gặp được hoàng đế, ấy thế mà lại nhận được một câu trả lời tốt đẹp, chứ không phải là một lời ruồng rẫy, nó sẽ làm cho bà vô cùng bối rối. Thấy mẹ trở về, Alátđanh chú ý hai điều làm cho cậu tin là bà mang về tin vui : một là, bà trở về sớm hơn thường lệ,

và hai là, nét mặt bà rạng rỡ : «Thế nào, thưa mẹ ! Con có nên sống vì hi vọng hay phải chết vì tuyệt vọng ?» Cất tấm mạng che mặt và ngồi xuống phản bên cạnh con trai, bà từ tốn đáp : «Con ơi, để cho con đỡ phải sốt ruột mẹ nói ngay rằng con không phải nghĩ đến chuyện chết, ngược lại con có lý do để mà hài lòng». Tiếp đó, bà kể cho Alátđanh nghe, bằng cách nào, bà được vua tiếp trước tất cả mọi người, do đâu bà được về sớm đến thế, những lời rào đón để khỏi làm phật ý hoàng đế trước khi cất lời cầu hôn công chúa Bađrunbuđua, và câu trả lời tốt đẹp từ miệng đức vua thốt ra. Bà nói thêm, theo như nhận xét của bà, qua những vẻ lộ ra bên ngoài của hoàng đế, thì chính món lễ vật, hơn tất cả mọi sự, đã khiến Người đi đến cái ý định bà vừa nói : «Mẹ đã ít hi vọng khi thấy tể tướng rỉ tai đức vua trước khi Người trả lời, mẹ chỉ e ông ấy làm cho vua thay đổi lời hứa tốt lành đối với con».

Nghe tin, Alátđanh, tự cho mình là con người hạnh phúc nhất thế gian. Cậu cám ơn mẹ đã chịu đựng biết bao vất vả để đeo đuổi công việc này, mà kết cục tốt đẹp hết sức quan trọng cho sự thanh thản của tâm hồn cậu. Và mặc dù nôn nóng muốn được hưởng thụ ngay kết quả mối tình tha thiết, ba tháng đối với cậu thật là một thời gian vô cùng tận, song cậu vẫn sẵn sàng kiên nhẫn chờ đợi, tin vào lời hứa của nhà vua mà cậu nghĩ là như dao chém đá.

Trong khi cậu đếm không những từng giờ, từng ngày, từng tuần mà cả từng khắc nữa, trông cho cái thời hạn ấy trôi qua, thì khoảng hai tháng sau, một tối bà mẹ muốn thắp đèn, chợt nhận ra trong nhà hết dầu. Bà đi mua, và khi ra tới phố, bà nhận thấy đâu đâu cũng đang như ngày hội. Quả vậy, các hiệu buôn mở chứ không đóng cửa : người ta tết lá, treo đèn, nhà nào cũng

cố gắng trang hoàng thật đẹp thật sang để tỏ rõ sự sốt sắng của mình. Hơn nữa, mọi người đều biểu lộ sự vui mừng hoan hỉ. Đường phố chậtních những quan hầu mặc lễ phục, cưỡi trên mình ngựa thắng yên cương lộng lẫy và có một đám đông lính bộ theo hầu, đi đi lại lại. Bà hỏi người chủ hiệu bán dầu có việc gì thế. «Bà từ đâu đến vậy, hở bà già ? – ông ta đáp – bà không biết là đêm nay cậu ấm con trai tể tướng kết hôn cùng công chúa Badrunbuđua, ái nữ hoàng đế ư ? Công chúa đi nhà tắm sắp về, và các quan mà bà trông thấy kia đang tập trung chờ rước công chúa đến hoàng cung để làm lễ đấy».

Bà mẹ Alátđanh không muốn hỏi gì thêm nữa. Bà vội vã trở về, bà bước vào nhà thở không ra hơi. Bà tìm con trai và thốt lên : «Con ơi, việc của con hỏng mất rồi. Con cứ tin vào lời hứa tốt đẹp của đức vua, nhưng chẳng được gì đâu, con ạ».

Nghe nói, Alátđanh hoảng hốt :

– «Mẹ ơi, đức vua không giữ lời hứa ở chỗ nào ? làm sao mẹ biết được ?

– Tối nay, con trai tể tướng kết hôn cùng công chúa Badrunbuđua ngay ở hoàng cung đấy».

Rồi bà kể cho con nghe do đâu bà biết được qua bao nhiêu sự việc không còn gì có thể nghi ngờ.

Alátđanh ngẩn người như vừa bị sét đánh. Bất cứ ai ở vào địa vị cậu cũng đều rầu rĩ, nhưng một cơn ghen ngấm ngầm ngăn không để cho cậu ngồi lâu. Lập tức cậu nhớ tới cây đèn đã có ích xiết bao cho đến lúc này, và không cần nổi xung thốt ra những lời vô bổ đối với nhà vua, tể tướng hay là con trai ông ta, cậu chỉ nói : «Mẹ ạ, con trai tể tướng đêm nay sẽ không sung sướng như hắn ta chờ đợi đâu. Mẹ hãy đi sửa soạn bữa cơm tối, để con lui vào buồng riêng một lúc».

Bà mẹ biết con muốn sử dụng cây đèn để, nếu có thể, ngăn cản không cho đám cưới con trai tể tướng lấy công chúa đi đến kết cục hoàn toàn, và bà đã không nhầm. Đúng như vậy, sau khi vào buồng riêng, Alátđanh cầm lấy cây đèn cậu đã mang vào đấy cho khuất mắt mẹ sau lần bà quá khiếp đảm trước sự xuất hiện của thần đèn. Cậu cầm lấy cây đèn và miết đúng vào chỗ mọi lần. Ngay tức khắc thần đèn hiện ra: «Ngài cần gì? tôi cùng với mọi nô lệ khác của cây đèn, xin sẵn sàng tuân lệnh ngài cũng như của tất cả những ai cầm đèn ở tay».

– Hãy nghe đây, – Alátđanh nói, – cho đến hôm nay ngươi đã mang đến cho ta thức ăn mỗi khi ta cần, song bây giờ là một công việc có tầm quan trọng khác hẳn kia. Ta đã xin hoàng đế gả công chúa Bađrunbuđua cho ta; vua đã hứa, và hẹn ta một thời hạn ba tháng. Đáng lẽ phải giữ lời hứa, thì tối nay, trước khi hết hạn, vua lại gả cho con trai tể tướng: ta vừa được biết tin chắc chắn. Điều ta yêu cầu ngươi là, chừng nào chú rể và cô dâu đi nằm, ngươi hãy nhấc bổng cả cái giường ngủ của chúng lên và mang đến đây cho ta.

– Thưa chủ nhân, – thần đèn đáp, – tôi xin tuân lệnh. Ngài có gì truyền bảo nữa không?

– Lúc này thì chẳng có gì thêm – Alátđanh đáp.

Lập tức thần đèn biến mất.

Alátđanh ra tìm mẹ; và ăn cơm tối với bà, vẫn bình thản như mọi ngày. Ăn xong, cậu nói chuyện một lúc với mẹ về cái đám cưới của công chúa như là nói về một chuyện không làm cho cậu quan tâm. Cậu trở về buồng riêng và để cho mẹ nghỉ ngơi thoải mái. Về phần mình, Alátđanh không ngủ mà chờ thần đèn thực hiện xong mệnh lệnh của cậu trở lại.

Trong thời gian đó, ở hoàng cung, mọi việc đều được chuẩn bị rất huy hoàng để làm lễ cưới cho công chúa;

trời chưa tối hẳn, đêm hội đã bắt đầu. Khi mọi lễ tiết đều xong xuôi đâu vào đấy, cậu ấm con trai tể tướng, theo lệnh tên cầm đầu các hoạn nô của công chúa, khéo léo lánh đi, và được gã dẫn vào cung của công chúa, đến tận căn buồng đặt chiếc giường cưới. Chú rể leo lên nằm trước Một lát sau, hoàng hậu cùng các người hầu dẫn cô dâu đến. Nàng chống cự rất dữ, theo thói thường của các cô dâu mới cưới. Hoàng hậu giúp nàng cởi áo và gần như dùng sức mạnh đặt nàng lên giường, rồi sau khi hôn và chúc nàng ngủ ngon, đi ra cùng với tất cả những người hầu; người ra cuối cùng khép cửa buồng lại.

Cánh cửa buồng vừa khép thì thần nô lệ trung thành của cây đèn, sẵn sàng thi hành mệnh lệnh của những ai cầm đèn ở tay, không để cho chú rể kịp đưa tay vuốt ve vợ, đã nhấc bổng chiếc giường với cả chú rể và cô dâu nằm ở trên trước sự kinh ngạc của hai người, rồi ngay tức khắc mang đến buồng của Alátđanh và đặt xuống.

Alátđanh đang nóng lòng chờ đợi giây phút ấy, cậu không chịu nổi cảnh chàng rể vẫn cứ nằm chung với cô dâu. Cậu bảo thần đèn : «Ngươi hãy túm thằng chồng mới cưới này nhốt nó vào nhà tiêu; rồi sáng sớm mai, trước khi trời sáng một lúc, trở lại đây».

Thần đèn nhấc cậu ấm con quan tể tướng đang mặc áo cộc ra khỏi giường, đưa vào nơi Alátđanh dặn, để lại đấy sau khi phả vào người cậu một luồng hơi chạy suốt từ đầu đến chân, làm cho cậu tê dại và đứng yên không thể nào nhúc nhích.

Dù say mê công chúa tha thiết, khi còn lại một mình với nàng, Alátđanh vẫn không dông dài. Cậu chỉ nói : «Xin chớ sợ hãi, hỡi công chúa kính yêu, nàng rất an toàn ở đây; và dù cho tình yêu của tôi đối với sắc đẹp và dáng điệu yêu kiều của nàng có mãnh liệt đến đâu,

tôi vẫn không bao giờ đi quá giới hạn của lòng kính trọng sâu sắc. Nếu tôi buộc phải có hành động này, tôi không nhằm xúc phạm đến nàng mà cốt để ngăn cản một kẻ tình địch bất công kết hôn với nàng, trái với lời hoàng đế phụ vương nàng đã hứa với tôi».

Không hề hay biết chút gì về những tình tiết ấy, công chúa chẳng chú ý nhiều những điều Alátđanh vừa nói. Hơn nữa, nàng cũng không còn hơi sức mở miệng đáp lời. Khiếp sợ và ngạc nhiên vì phải trải qua một việc quá ư kỳ lạ và bất thường, nàng ngẩn người đến nỗi Alátđanh gạn hỏi đến đâu nàng cũng không sao nói lên được một lời. Thế là cậu quyết định cởi áo, leo lên giường nằm vào chỗ cậu ấm con trai tể tướng, sau khi cẩn thận đặt một thanh gươm vào chỗ giữa công chúa và mình, để tỏ ý là cậu thà chịu trừng phạt còn hơn là phạm đến danh tiết của nàng.

Hài lòng vì ngăn cản được tên tình địch không cho đó hưởng hạnh phúc chờ đợi, Alátđanh đêm hôm đó ngủ khá thanh thản. Công chúa Badrunbudua lại khác: từ bé nàng chưa bao giờ phải trải qua một đêm đáng bực mình và khó chịu như đêm đó. Còn cậu ấm con quan tể tướng: nếu ta suy nghĩ một chút về cái nơi và cách thức cậu bị thần đèn nhốt, ta sẽ hiểu ngay là chàng rể mới trải qua đêm ấy còn rầu rĩ hơn nhiều.

Sáng hôm sau, Alátđanh không cần miết vào cây đèn để gọi thần đèn. Thần đến đúng giờ hẹn, vừa vặn vào lúc cậu mặc áo xong.

«Tôi đây, ngài có điều gì cần truyền bảo»? – thần hỏi Alátđanh.

– Ngươi hãy mang con trai tể tướng từ chỗ nó bị nhốt, đem về để lại trên chiếc giường này, rồi đưa trả cái giường về chỗ cũ của nó trong hoàng cung.

Thần đèn nhấc cậu ấm đang đứng yên như phỗng trở lại khi Alátđanh vừa cất thanh gươm. Thần đặt chàng

rể mới xuống bên cạnh công chúa, và ngay lập tức mang chiếc giường cưới trả về căn buồng cũ trong cung vua. Công chúa và cậu ấm không trông thấy thần đèn khi thần làm những công việc đó, nếu không hình dạng gớm ghiếc của thần có lẽ đã làm cho hai người chết khiếp. Họ cũng chẳng nghe thấy gì về những lời qua lại giữa Alátđanh và thần; họ chỉ cảm thấy chiếc giường tự nhiên chuyển động và bay bổng từ chỗ này đến chỗ kia, và như vậy cũng đủ gây nên cho họ một nỗi khủng khiếp khôn tả...

Thần đèn đặt cái giường về chỗ cũ vừa đúng lúc hoàng đế, muốn biết con gái mình đã trải qua đêm tân hôn như thế nào, bước vào buồng chào hỏi con. Cậu ấm con quan tể tướng đang còn tê cóng vì cái rét suốt đêm và chưa đủ thời giờ nằm cho người ấm lên một chút, vừa nghe tiếng mở cửa đã vội dậy và lẻn sang phòng để áo, nơi cậu thay áo quần tối hôm qua.

Hoàng đế đến gần giường con gái, hôn lên trán chính giữa hai mắt con như tục lệ, chào con rồi vừa mỉm cười vừa hỏi con thấy đêm vừa qua như thế nào. Nhưng ngẩng đầu lên nhìn con chăm chú hơn, vua cực kỳ ngạc nhiên thấy công chúa u buồn chứ không hề đỏ mặt lên xấu hổ hay là tỏ một dấu hiệu gì khác có thể làm thỏa được sự hiếu kỳ của vua. Nàng chỉ nhìn cha bằng một cái nhìn phiền muộn nhất, biểu lộ một mối sầu não vô biên hay một nỗi bất bình ghê gớm. Vua hỏi mấy câu nữa, nhưng thấy không thể làm cho con gái mở miệng. Tưởng là vì ngượng ngùng cho nên nàng im lặng, vua liền bỏ đi ra. Tuy nhiên vua vẫn không khỏi ngờ ngợ có một chuyện gì bất thường trong sự im lặng của con gái, vì vậy vua vội vã sang ngay cung hoàng hậu, thuật lại cho hoàng hậu nghe thái độ của công chúa khi tiếp đón cha. Hoàng hậu đáp: «Tâu bệ hạ, xin bệ hạ chớ ngạc nhiên, sau đêm tân hôn chẳng có cô dâu nào

không có thái độ như vậy; hai ba hôm sau sẽ khác; đến lúc đó con nó sẽ đón tiếp phụ vương theo đúng lễ. Tôi sẽ đến xem, nếu con cũng tiếp đón tôi như thế thì tôi nhầm».

Hoàng hậu mặc áo đi sang buồng công chúa, nàng vẫn chưa dậy. Bà đến gần giường, hôn và chào hỏi con. Nhưng bà ngạc nhiên lắm sao: nàng không đáp lại. Chỉ thoáng nhìn con, bà cũng có thể thấy nàng đang hết sức rầu rĩ, khiến bà nghĩ rằng chắc có một việc gì đây xảy ra mà bà chưa rõ: «Con ơi – bà nói – do đâu con không đáp những lời chào hỏi của mẹ? Con cư xử như vậy với mẹ con hay sao? Và con tưởng là mẹ không biết điều gì có thể xảy ra trong những trường hợp như trường hợp con hôm nay sao? Mẹ muốn tin là con không nghĩ như vậy. Vậy thì đã có chuyện gì xảy ra nào? Con hãy nói thật với mẹ, chớ để mẹ phải lo lắng lâu hơn».

Công chúa Bađrunbuđua phá tan sự im lặng bằng một cái thở dài não nuột: «Ôi, mẹ rất kính yêu của con ơi, xin mẹ tha lỗi cho con đã không giữ được lễ đối với mẹ. Đầu óc con đang bị ám ảnh về những chuyện dị kỳ xảy ra cho con đêm hôm qua; con chưa định thần, chưa hết ngạc nhiên và kinh hãi, và con thật ra cũng không biết mình đang tỉnh hay đang mơ». Thế rồi công chúa thuật lại cho hoàng hậu nghe một cách rành mạch: sau khi hai vợ chồng vừa nằm xuống, lập tức chiếc giường bị nhấc bổng và chuyển đến một căn buồng tối tăm bẩn thỉu. Ở đây chồng bị đưa đi nơi khác để lại một mình nàng, không biết chồng ra làm sao, rồi có một chàng trai trẻ đến nói với nàng mấy câu gì đấy mà vì khiếp đảm quá nàng không nghe rõ, chàng nằm xuống bên cạnh, vào chỗ chồng nàng, sau khi đặt một thanh gươm vào chỗ giữa hai người; rồi sáng hôm sau, chồng nàng được trả lại, chiếc giường lại được trả

về chỗ cũ trong một thời gian cũng ngắn như khi bị chuyển đi. – Tất cả những việc đó vừa mới diễn ra xong – công chúa nói tiếp – thì phụ vương con bước vào buồng con. Con đang sầu não đến nỗi không thể hé răng đáp lời cha con một câu nào. Bởi vậy con chắc phụ vương bất bình về thái độ của con đối với người; nhưng con hy vọng sẽ được tha thứ khi cha con biết rõ câu chuyện đáng buồn đã xảy ra và tình cảnh thảm thương của con ngay cả trong lúc này».

Hoàng hậu bình tĩnh lắng nghe tất cả những lời công chúa nói, nhưng bà chẳng muốn tin một chút nào. «Con ạ – bà nói – con không nói gì với phụ vương về những chuyện đó là phải. Con cũng chớ nên nói với ai: nghe những lời con vừa kể người ta sẽ bảo là con hoá điên mất rồi».

– Thưa mẹ, – công chúa đáp, – con có thể quả quyết là con nói chuyện với mẹ rất tỉnh táo. Mẹ có thể hỏi chồng con, anh ta cũng sẽ nói y như vậy cho mà xem.

– Mẹ sẽ hỏi; nhưng cho dù nó có nói như con, mẹ cũng sẽ không tin hơn. Thôi con hãy dậy đi, con đừng suy nghĩ về chuyện huyền hoặc ấy nữa. Thật đẹp chưa, nếu con cứ đem những chuyện mê sảng ấy mà làm rối các lễ tiết của đám cưới con đã được xếp đặt đâu vào đấy và sẽ còn kéo dài nhiều ngày ở nội phủ cũng như trong cả nước! Con không nghe thấy tiếng kèn đồng hoà cùng tiếng trống, tiếng chiêng đó sao? Tất cả những cái đó phải làm cho con vui mừng và thích thú lên chứ, phải làm cho con quên đi tất cả những chuyện vớ vẩn con vừa nói với mẹ.

Hoàng hậu cất tiếng gọi các người hầu của công chúa. Sau khi thấy con gái dậy và bắt đầu trang điểm, bà đi sang cung của hoàng đế. Bà nói với vua quả là có một chuyện vớ vẩn nào đấy đã ám ảnh đầu óc cô con gái, song chẳng hề gì. Bà cho gọi cậu ấm con trai tể

tướng đến để hỏi cho rõ về những điều công chúa vừa nói: song cậu ta biết rằng được kết hôn cùng công chúa thật là một vinh hạnh lớn cho nên giấu biệt chuyện vừa xảy ra. Hoàng hậu nói: «Con rể của ta ơi, con hãy cho ta biết, có phải con cũng dở hơi như vợ con không?

– Thưa mẫu hậu, – cậu ấm đáp, – con xin được phép thưa lại: mẫu hậu muốn hỏi con về chuyện gì?

– Thế là đủ – hoàng hậu nói – ta không cần biết thêm nữa; con khôn ngoan hơn nó.

Các cuộc vui chơi tiếp tục suốt ngày trong hoàng cung, và hoàng hậu không rời công chúa một bước, cố tìm mọi cách làm cho nàng vui và tham gia các cuộc vui chơi hát xướng nhưng công chúa, quá xúc động về những điều đã xảy ra đêm hôm qua, lúc nào cũng có vẻ đăm chiêu. Con trai quan tể tướng cũng băn khoăn không kém. Nhưng vì hiếu danh, cậu phải che giấu nỗi băn khoăn của mình cho nên nhìn cậu, ai cũng nghĩ đúng là một người chồng sung sướng.

Alátđanh biết rõ những việc xảy ra trong cung, chắc là đôi vợ chồng mới cưới thế nào cũng lại nằm với nhau, mặc dù có cái chuyện bực mình xảy ra đêm hôm trước. Cậu không muốn để cho họ được yên tĩnh; bởi vậy khi đêm mới về khuya, cậu đã lại nhờ đến cây đèn. Lập tức thần đèn lại xuất hiện và lại chào Alátđanh bằng câu nói như mọi lần, tỏ ý sẵn sàng chờ lệnh. Alátđanh bảo: «Con trai tể tướng và công chúa Badrunbuđua đêm nay chắc sẽ lại ngủ với nhau. Ngươi hãy đi đi, hễ lúc nào chúng nó đi nằm, ngươi hãy mang chiếc giường lại đây cho ta y như đêm hôm qua».

Thần đèn làm theo lời Alátđanh cũng trung thành và đúng đắn như đêm hôm trước. Cậu ấm con trai tể tướng lại trải qua một đêm cũng lạnh lẽo và cũng khó chịu như đã từng bị; và công chúa lại cũng ngượng

ngủ vì có Alátđanh nằm chung bên cạnh, giữa hai người có đặt thanh gươm. Theo lệnh của Alátđanh, sáng hôm sau thần đèn lại trở lại, lại trả ông chồng về bên cạnh cô vợ, lại mang chiếc giường có đôi vợ chồng mới cưới về đặt trả lại căn buồng cũ trong hoàng cung.

Hoàng đế, sau lần bị con gái đón tiếp lạnh nhạt, lo âu muốn biết con trải qua đêm thứ hai như thế nào và xem thử sẽ đón tiếp mình có giống như lần vừa rồi không, cho nên đến buồng con cũng sớm như hôm trước để tìm cho ra nhẽ. Con quan tể tướng, xấu hổ và tủi nhục về cái đêm thứ hai này hơn cả đêm tân hôn, vừa nghe tiếng bước chân hoàng đế đến, đã lật đật chồm dậy chui vào buồng áo.

Hoàng đế vừa chào con gái vừa đến gần giường, và sau khi hôn con như hôm trước, vua hỏi : «Thế nào, con gái của ta, sáng nay con có còn bực mình như sáng qua không ? Con có thể nói cho cha biết đêm hôm qua con ngủ thế nào ?» Công chúa vẫn lặng im, và hoàng đế nhận thấy nàng còn có vẻ băn khoăn và sầu não hơn cả hôm đầu. Vua chắc là một chuyện gì bất thường đã xảy ra cho công chúa. Thế là thốt nhiên nổi giận vì con gái dám giấu mình, hoàng đế rút gươm ra và giận dữ nói : «Này con ! hoặc là con nói cho ta biết điều con giấu ta, hoặc là ta sẽ chặt đầu con ngay tức khắc».

Hốt hoảng vì giọng nói và lời đe dọa của vua cha đang nổi cơn thịnh nộ hơn cả nhìn thấy thanh gươm tuốt trần, công chúa đành phải cất lời : «Lạy cha thân yêu, muôn tâu bệ hạ» – nàng nói, nước mắt rưng rưng, – xin cha thứ tội nếu con có nhỡ làm cha bực mình; con hi vọng rằng sau khi nghe thuật lại đầy đủ câu chuyện đã làm cho con lâm vào cảnh thảm thương đêm hôm qua và đêm hôm kia, cha sẽ cám cảnh mà đổi giận làm thương».

Sau lời dạo đầu làm cho hoàng đế bớt giận và dịu lại phần nào, nàng kể cho cha nghe trung thực tất cả những gì đã xảy ra trong hai đêm đáng bực bội. Vẻ mặt đau xót của nàng khiến cho hoàng đế vốn yêu thương con rất mực, càng thêm xúc động. «Nếu bệ hạ còn có điểm nào nghi ngờ về những điều con vừa kể, – công chúa nói – xin người hãy hỏi chồng con, con tin chắc chàng sẽ chứng thực những gì con vừa tâu bệ hạ».

Hoàng đế hết sức buồn phiền, sao một chuyện kỳ lạ như vậy lại xảy ra cho công chúa. Vua bảo nàng : «Con ơi, con đã sai, sao hôm qua con không nói ngay cho cha rõ cái việc dị kỳ con vừa cho cha biết, nó cũng quan hệ đến cha không kém gì con. Cha tác thành con đâu để cho con chịu đau khổ, mà chính là để được nhìn thấy con sung sướng ung dung, để cho con tận hưởng hạnh phúc xứng đáng khi con thành thân với một người chồng mà cha cho là xứng đôi vừa lứa. Con hãy quên đi những điều bực dọc vừa kể với cha. Cha sẽ thu xếp để con không còn xảy ra cho con những đêm đáng bực mình khó chịu đựng như những đêm vừa qua».

Trở về cung, vua cho triệu ngay tể tướng đến và hỏi : «Khanh đã gặp con trai chưa, và cậu ta chẳng nói gì sao ?. Tể tướng đáp là chưa gặp lại con trai mình, vua liền thuật lại tất cả những điều công chúa Badrunbudua vừa cho biết rồi nói thêm : «Ta không chút nghi ngờ công chúa dám nói sai. Tuy nhiên, ta cũng muốn biết con trai khanh xác nhận chuyện đó thế nào. Vậy khanh hãy đi đi, hãy hỏi cậu ấy xem cơ sự ra sao».

Tể tướng vội vã đi tìm con trai, thuật lại với con những điều vua vừa cho biết, và dặn thêm là không được giấu diếm chút gì mà phải nói cho ông rõ có thật đúng như vậy hay không. Cậu đáp : «Con không dám giấu cha điều gì. Thưa cha, tất cả những điều công chúa

tâu với hoàng đế là đúng; nhưng nàng không thể nói cho người rõ những sự ngược đãi riêng phần con phải chịu. Cơ sự thế này đây, thưa cha: từ buổi kết hôn, con đã phải trải qua hai đêm khổ cực không thể tưởng tượng, và thật không có đủ lời lẽ để thuật lại đúng đắn và chi tiết cho cha nghe những nỗi khổ con đã phải chịu đựng. Con xin không nói đến nỗi khủng khiếp khi đang nằm trên giường tự dưng không hiểu làm sao bị nhấc bổng và đưa đi chuyển lại đến bốn lần. Xin cha hãy hình dung tình cảnh của con qua hai đêm ròng, mặc áo lót và đứng im như phỗng suốt sáng trong một thứ hố xí chật hẹp, không thể nào nhấc chân ra khỏi hoặc làm một cử động nào, mặc dù nhìn thì chẳng nom thấy có vật gì ngăn trở. Sau chuyện ấy rồi, con thiết nghĩ không phải trình bày dài dòng với cha về những nỗi đau khổ của con; đúng là những chuyện xảy ra không hề làm cho mất đi những tình cảm thương yêu, kính nể và hàm ơn đối với vợ con mà nàng xứng đáng; tuy nhiên xin thành khẩn thú thực với cha rằng dù cái việc được làm phò mã lấy con gái vua có làm cho con thêm vinh dự và có tăm tiếng đến bao nhiêu, con vẫn muốn thà chết còn hơn là sống lâu hơn nữa với người vợ cao sang ấy, mà con phải chịu đựng những cách đối xử tàn tệ như thế. Con tin rằng công chúa cũng có những ý nghĩ giống con, chắc nàng cũng sẽ thừa nhận phải chia lìa nhau thì nàng cũng như con mới có thể yên thân được. Bởi vậy, thưa cha, như cha đã thương con mà đưa lại cho con một vinh dự lớn lao dường ấy, xin cha hãy tâu với hoàng đế cho hủy bỏ việc thành hôn của chúng con».

Dù cho tham vọng của tể tướng muốn cho con trai được làm phò mã có to lớn đến đâu, trước quyết tâm của cậu muốn ly hôn công chúa, ông biết rằng lúc này không nên khuyên nhẫn nhục thêm mấy ngày nữa

để thử xem cái chuyện ngang trái kia có chấm dứt không. Ông trở lại cung hoàng đế, thật thà tâu với vua là ông đã gặp con trai, đúng là câu chuyện đã xảy như vậy. Không chờ vua phán bảo nên hủy bỏ việc thành hôn, mà xem ra vua đã quá sẵn sàng, ông xin phép cho con trai được rời hoàng cung trở về nhà, viện cớ rằng thật là không phải nếu chỉ vì cậu mà dám để cho công chúa phải chịu dựng thêm một sự hành hạ kinh khủng như vậy.

Tể tướng chẳng phải khó khăn gì mà không được chấp thuận. Vốn đã định bụng, hoàng đế lập tức hạ lệnh bãi bỏ mọi cuộc vui chơi ở hoàng cung và trong cả kinh thành; hơn nữa vua còn sai phát lệnh đi khắp nước ngược hẳn với những lệnh vừa mới phát đi hôm trước; thế là chỉ lát sau mọi cuộc vui chơi ở kinh đô và trong toàn vương quốc đều chấm dứt.

Sự thay đổi đột ngột không mấy ai chờ đợi ấy gây nên nhiều điều bàn tán khác nhau. Ai nấy hỏi nhau do đâu mà có chuyện trái khoáy ấy, và cũng chẳng có ai trả lời được, trừ mỗi một việc là có trông thấy tể tướng từ giã hoàng cung trở về nhà riêng, có công tử theo sau, hai cha con dáng điệu đều rất âu sầu. Chỉ có mỗi một mình Alátđanh là biết rõ điều bí ẩn, và trong thâm tâm chàng rất thích thú về kết quả tốt đẹp mà cây đèn thần mang lại. Khi biết chắc kẻ tình địch của mình đã phải rời bỏ hoàng cung, và việc kết hôn giữa cậu ấm và công chúa hoàn toàn bị hủy bỏ rồi, Alátđanh thấy không cần phải miết vào cây đèn và gọi thần đèn xuất hiện nữa, để tránh làm phiền đến thần. Điều kỳ cục là cả hoàng đế cũng như tể tướng đều đã quên khuấy mất Alátđanh cùng với việc cầu hôn của chàng, nên không một ai thoáng cơ ý nghĩ là

có bàn tay chàng dính líu vào chuyện phù phép dẫn tới sự phá ngang việc công chúa lấy chồng.

Alátđanh chờ cho hết hạn ba tháng mà nhà vua đã định để cho phép chàng kết hôn với công chúa. Chàng cẩn thận tính từng ngày, và vừa hết hạn định, ngay sáng hôm sau chàng đã nhờ mẹ đến cung vua nhắc hoàng đế nhớ lại lời đã hứa.

Nghe lời con, bà mẹ Alátđanh lại đến hoàng cung, chực trước cửa triều đường, vẫn đứng vào nơi đã đứng y như những lần trước. Hoàng đế thoáng thấy bà đã nhận ra ngay và đồng thời cũng nhớ lại việc bà cầu hôn và thời hạn vua đã định. Lúc ấy tể tướng đang tâu về một việc khác. Vua ngắt lời: «Tể tướng à, ta trông thấy bà già đã dâng ta một món lễ vật rất quý cách đây mấy tháng. Khanh hãy gọi bà đến đây, ta sẽ lại xét đến việc khanh đang trình bày sau khi đã hỏi chuyện bà».

Tể tướng đưa mắt nhìn ra, ông cũng trông thấy bà mẹ Alátđanh. Ông liền gọi một tên thị vệ và trỏ bà, truyền cho y dẫn bà đến gần ngai vua.

Bà mẹ Alátđanh bước đến chân ngai và phủ phục xuống như thường lệ. Chờ bà ngẩng lên, hoàng đế hỏi bà muốn gì. Bà đáp: «Tâu bệ hạ, tôi lại đến thay mặt Alátđanh con trai tôi, xin được phép tâu rằng thời hạn ba tháng mà hoàng thượng định hôm tôi mạo muội đến cầu hôn công chúa nay đã hết, cầu mong bệ hạ vui lòng nhớ cho».

Khi nêu ra thời hạn ba tháng cho bà mẹ Alátđanh hôm tiếp bà lần đầu, vua những tưởng là sẽ không bao giờ còn nghe nói đến một chuyện gả bán mà chỉ riêng địa vị thấp hèn và sự nghèo khó của bà – bà mẹ Alátđanh đến gặp vua ăn mặc rất xoàng xĩnh – cũng đã đủ thấy là không môn đăng hộ đối rồi. Tuy nhiên, lời hứa bà nhắc đến làm cho vua bối rối. Vua không

biết nên trả lời như thế nào. Vua hỏi ý kiến tể tướng và để lộ cho ông thấy nỗi bực mình nếu phải gả con gái cho một kẻ vô danh tiểu tốt, mà chắc là gia sản hắn còn ít ỏi hơn gia sản của người tầm thường nhất.

Không chút do dự, tể tướng trình bày ý kiến của mình : «Tâu bệ hạ, tôi nghĩ là có một cách khôn khéo để tránh một cuộc hôn nhân quá không cân xứng mà Alátđanh cho dù có được bệ hạ biết đến, cũng chẳng dám phàn nàn. Ấy là thách cưới công chúa bằng một giá thật cao, đến nỗi hắn ta có giàu đến đâu cũng không thể nào với tới. Đó sẽ là cách cho hắn phải từ bỏ sự đeo đẳng to gan, nếu không gọi là táo tợn, mà có lẽ hắn ta đã không suy nghĩ chín chắn trước khi lao vào».

Hoàng đế chấp thuận lời khuyên của tể tướng. Người quay lại và, sau một lúc suy nghĩ, nói với bà mẹ Alátđanh : «Bà già ạ, các đấng đế vương cần phải giữ đúng lời hứa của mình; ta sẵn sàng giữ lời ta đã hứa và cho phép con trai bà được sánh đôi cùng công chúa. Nhưng ta không thể nhận lời nếu ta chưa biết rõ gả con ta cho bà thì nó sẽ được lợi lộc gì; bà hãy về nói với con trai bà rằng ta sẽ thực hiện ngay lời hứa chừng nào cậu sai người mang đến cho ta bốn chục chiếc mâm lớn bằng vàng khối, xếp đầy những thứ giống như thứ cậu đã nhờ bà mang đến dâng ta dạo nọ, do bốn chục tên nô lệ da đen đội trên đầu, và có bốn chục tên nô lệ da trắng trẻ đẹp và khôi ngô, ăn mặc lộng lẫy, dẫn đường. Đấy là những điều kiện để ta sẵn sàng gả con gái ta cho cậu. Thôi, bà già hãy về đi, ta cho bà trở lại mang theo lời đáp của con trai bà».

Bà mẹ Alátđanh lại phủ phục lạy vua một lần nữa rồi ra về. Vừa đi, bà vừa cười thầm cho sự điên cuồng của con trai : «Thật vậy, nó đào đâu ra bấy nhiêu chiếc mâm vàng và một số viên thủy tinh màu lớn đến thế để xếp cho đầy ? Hay nó trở lại cái hang ngầm dưới đất, mà

cửa đã bít lại rồi để hái trên cây ?! Và tất cả cái đám nô lệ bảnh chọe mà nhà vua đòi, nó lấy ở đâu ra ?! Đấy nhé, cu cậu quá bất cẩn rồi, chắc cu cậu chẳng hài lòng với chuyến đi sứ của già này».

Về đến nhà, đầu óc còn mải suy nghĩ tới những điều ấy, bà bảo Alátđanh chẳng còn gì mà trông mong nữa : «Con ơi, mẹ khuyên con thôi chớ nên tơ tưởng đến việc kết hôn cùng công chúa Bađrunbuđua. Đúng là hoàng đế có tiếp mẹ rất nhân từ, và mẹ tin là Người có lòng thương con thật, nhưng quan tể tướng, nếu mẹ không nhầm, đã làm cho vua thay đổi ý kiến; con nghe mẹ kể đấy rồi con cũng sẽ nghĩ y như mẹ. Sau khi tâu với vua là thời hạn ba tháng đã hết rồi, xin vua hãy nhớ lấy lời hứa; mẹ nhận thấy là vua thầm thì một lúc với quan tể tướng rồi mới trả lời như thế này». Bà mẹ Alátđanh thuật lại cho con trai nghe thật rành rọt tất cả những điều hoàng đế đã nói với bà và những điều kiện vua đặt ra để thách cưới. Cuối cùng, bà nói thêm : «Con ơi, vua đang chờ con trả lời đấy, nhưng nói riêng giữa mẹ con ta – bà mỉm cười – chắc vua sẽ còn phải chờ lâu».

– Không quá lâu như mẹ nghĩ đâu, mẹ ạ. Và cả nhà vua cũng nhầm, nếu ông cho rằng bằng cách thách cưới cao quá mức, ông ta sẽ làm cho con không thể nào nghĩ tới công chúa Bađrunbuđua nữa. Con chờ đợi những khó khăn còn lớn hơn nữa kia, hoặc là ông ta sẽ thách cưới nàng công chúa tuyệt thế vô song của con bằng một giá cao hơn nhiều. Nhưng bây giờ thì con bằng lòng, và những thứ vua đòi ấy chẳng đáng bao nhiêu so với khả năng của con có thể bỏ ra để lấy được công chúa. Mẹ hãy đi kiếm thức gì ăn đi, để yên cho con nghĩ tới việc đáp ứng những điều vua thách thức.

Bà mẹ Alátđanh vừa ra khỏi nhà đi mua thức ăn, Alátđanh lấy cây đèn thần và miết vào. Lập tức thần đèn hiện ra, và vẫn với những câu nói như chúng ta biết, hỏi chàng cần gì và ngỏ ý sẵn sàng cho lệnh. Alátđanh bảo : «Hoàng đế gả công chúa cho ta; nhưng đòi ta dẫn cưới bốn chục chiếc mâm lớn bằng vàng ròng thật nặng, xếp thật đầy những thứ quả trong khu vườn ta đã đến lấy cây đèn mà ngươi là nô lệ. Vua lại đòi ta phải cho bốn chục tên nô lệ da đen đội những mâm vàng ấy, và có bốn chục nô lệ da trắng trẻ đẹp, khôi ngô, ăn mặc sang trọng đi trước dẫn đường. Ngươi hãy đi đi, và hãy mang tặng vật ấy đến cho ta thật nhanh vào, để ta có thể đưa đến nhà vua trước giờ bãi triều». Thần đèn đáp : lệnh của ngài sẽ được thi hành ngay tức khắc, và biến luôn.

Chỉ một loáng sau, thần đèn lại hiện ra cùng với bốn mươi nô lệ da đen, mỗi tên đội một chiếc mâm vàng nặng hai chục mác (1) xếp đầy châu ngọc và kim cương còn đẹp còn to hơn những loại đã dâng vua lần trước. Mỗi chiếc mâm được phủ một tấm khăn dệt bằng sợi bạc thêu hoa vàng. Đám nô lệ vừa da đen vừa da trắng với những chiếc mâm vàng ấy chiếm gần hết cả căn nhà vốn vốn dĩ không lấy gì làm rộng với một chiếc sân con đằng trước và một mảnh vườn nhỏ đằng sau. Thần đèn hỏi Alátđanh đã hài lòng chưa và chàng có truyền lệnh gì nữa không. Alátđanh đáp chàng không đòi hỏi gì hơn nữa, thế là thần đèn biến mất ngay.

Bà mẹ Alátđanh về chợ; bước vào nhà, bà hết sức ngạc nhiên thấy bấy nhiêu là người và châu báu. Bỏ những thức ăn vừa mua về xuống, bà định cất tấm mạng che mặt thì Alátđanh đã ngăn lại : «Mẹ ơi, chớ nên để mất thời giờ; trước khi hoàng đế bãi triều, mẹ

---

(1) Đơn vị đo lường cũ, một mác bằng tám lạng.

cần trở lại hoàng cung, mang theo ngay tặng vật và món của hồi môn cho công chúa Bađrunbuđua mà vua đã thấy, để cho Người thấy rõ sự sốt sắng và chữ tín của con mà hiểu thấu tấm lòng thiết tha của con muốn được làm rể Người».

Không đợi mẹ trả lời, Alátđanh mở cửa thông ra đường phố và cho đám nô lệ lục tục kéo ra, cứ một tên da trắng kèm một tên da đen đội chiếc mâm vàng trên đầu. Bà mẹ đi sau rốt, theo sau tên nô lệ da đen cuối cùng; chàng đóng cửa lại và bình tĩnh trở về buồng riêng, hy vọng là hoàng đế sau khi nhận được lễ vật đúng như lời thách cưới, sẽ bằng lòng gả công chúa cho chàng.

Tên nô lệ da trắng đầu tiên vừa bước ra khỏi nhà Alátđanh đã làm cho tất cả những người qua đường trông thấy dừng chân lại; và trước khi tám chục nô lệ vừa da trắng vừa da đen ra hết, phố xá đã đông nghịt những người từ mọi nơi chạy xô lại để xem cảnh tượng xiết bao đẹp mắt và khác thường. Áo quần những tên nô lệ may bằng gấm vóc đắt tiền và đính nhiều châu báu đến nỗi những kẻ sành sỏi nhất cũng quả quyết là mỗi chiếc áo ấy giá đến những một triệu đồng. Áo quần sang trọng và dĩ nhiên được cắt rất khéo. Diện mạo tuấn tú khôi ngô, tầm vóc xinh đẹp và đều đặn của mỗi tên nô lệ, dáng đi trang trọng với khoảng cách nhau rất đều, cùng với ánh sáng lấp lánh tỏa ra từ những viên ngọc cực to đát lên những chiếc thắt lưng bằng vàng khối, và những phù hiệu và châu ngọc buộc bên trên mũ của chúng, mọi thứ đều đặc biệt mỹ quan, khiến cho tất cả người xem cực kỳ khâm phục. Họ ngắm nghía không biết chán và còn đưa mắt nhìn theo cho đến khi mất hút mới thôi. Nhưng vì phố xá chậtních những người, cho nên ai đứng đâu đành phải ở yên nơi đấy.

Đám nô lệ mang lễ vật đó phải đi qua nhiều phố mới đến được hoàng cung, thành thử cả một phần khá lớn kinh thành bao gồm đủ hạng người giàu khó sang hèn, được chứng kiến cảnh lộng lẫy mê hồn. Lính cấm vệ canh giữ hoàng cung vừa trông thấy cái đoàn kỳ diệu ấy từ xa đã vội vã xếp hàng, và khi tên đi đầu trong số tám chục nô lệ tới nơi, lính cấm vệ tưởng nhầm đấy là một ông vua, vì trang phục của gã quá ư lộng lẫy và đắt tiền, liền tiến lên định hôn gấu áo của gã. Nhưng tên nô lệ đã được thần đèn chỉ bảo, vội ngăn lại và trịnh trọng nói với bọn lính: «Chúng tôi chỉ là nô lệ, còn chủ nhân chúng tôi sẽ xuất hiện lúc nào xét thấy cần».

Tên nô lệ đi đầu, và theo sau là cả bọn, tiến vào tận cái sân thứ hai rất rộng, nơi tất cả quân lính trong nội phủ đến xếp hàng tề chỉnh mỗi buổi nhà vua thiết triều. Các võ quan đứng đầu các hàng quân, ăn mặc rất sang trọng, nhưng đều bị lu mờ hẳn khi tám chục tên nô lệ mang lễ vật của Alátđanh tiến vào và xếp hàng ngay bên cạnh. Trong cung của hoàng đế cũng không có gì đẹp đẽ và rực rỡ bằng, và tất cả vẻ cao sang của các quan đại thần đang quây quần quanh vua cũng đều chẳng có nghĩa lý gì trước cảnh tượng mới đang diễn ra trước mắt vua.

Nhà vua đã được báo tin trước về việc đoàn nô lệ diễu qua các phố và tiến vào triều đường, liền truyền cho mời vào. Bởi vậy khi đoàn nô lệ tới nơi, cổng triều đã mở sẵn, và chúng chia thành hai đoàn tả, hữu bước vào rất trật tự. Khi cả đoàn đã vào hết trong sân triều và xếp thành hình cung trước ngai vàng, các nô lệ da đen liền hạ những chiếc mâm đội trên đầu, đặt xuống tấm thảm để chân. Tất cả cùng một loạt khấu đầu xuống đất. Bọn nô lệ da trắng cũng làm như vậy. Rồi tất cả đứng lên, những tên da đen nhanh nhẹn dỡ các tấm vải

phủ chiếc mâm vàng để trước mình sau đó cả bọn đứng im, tay chắp trước ngực, vẻ rất cung kính.

Trong thời gian ấy, bà mẹ Alátđanh đã tiến tới sát chân ngai, quỳ xuống và thưa : «Tâu bệ hạ, Alátđanh con trai tội không phải là không biết món lễ vật cháu dâng lên bệ hạ thật quá hèn mọn so với công chúa Bađrunbuđua. Tuy nhiên, cháu vẫn hy vọng rằng bệ hạ vui lòng chấp nhận, và xin công chúa hiểu cho rằng cháu đã cố gắng thực hiện đúng với điều kiện bệ hạ đã đoái thương mà phán bảo».

Hoàng đế lúc ấy chẳng còn bụng dạ nào nghe lời chúc tụng của bà cụ. Vừa đưa mắt nhìn qua bốn chục chiếc mâm vàng xếp đầy ắp những châu ngọc long lanh nhất, rực rỡ nhất, quý giá nhất chưa từng thấy trên đời, và tám chục tên nô lệ vừa tuấn tú khôi ngô, vừa ăn mặc sang trọng lộng lẫy như những ông hoàng, vua đã loá mắt đến ngẩn ngơ mê mẩn. Vua không đáp lời bà mẹ Alátđanh mà lại quay sang hỏi tể tướng, ông này cũng đang thẳng thốt không hiểu lấy từ đâu ra những bấy nhiêu ngọc ngà châu báu. «Này tể tướng ! — vua lớn tiếng hỏi — ông nghĩ sao về con người, cho dù đấy là ai chăng nữa, đã dâng lên ta một lễ vật quý báu và lạ thường dường này, mà cả ta cả ông đều chưa từng được biết ? Ông có cho là nó không xứng đáng kết hôn với công chúa Bađrunbuđua con gái ta nữa không ?

Cho dù tể tướng có ganh tị và đau xót đến đâu khi trông thấy một tiểu tốt vô danh sắp trở thành phò mã chứ không phải là con trai mình, ông vẫn không dám nói khác. Rõ ràng lễ vật của Alátđanh quá đủ để cho chàng được kết thân với nơi lá ngọc cành vàng. Bởi vậy ông đành trả lời cho hợp ý với vua : «Muôn tâu bệ hạ, không những tôi không nghĩ kẻ đã dâng lên bệ hạ một lễ vật quý giá thế này không xứng đáng với ân

huệ bệ hạ định ban cho, mà tôi còn dám nói rằng kẻ đó đáng được hưởng nhiều hơn nữa, nếu như tôi không tin chắc rằng ở trên đời này chẳng có kho tàng vật báu nào có thể mang ra so sánh với công chúa ta». Các quan đại thần đang dự buổi triều đều vỗ tay tán đồng những ý kiến của tể tướng.

Hoàng đế không chút đắn đo, và cũng không buồn nghĩ tới cả chuyện hỏi xem Alátđanh có những đức tính nào khác cần thiết cho một con người rắp ranh trở thành phò mã hay không. Chỉ nhìn những của cải vô giá ấy và sự sốt sắng của Alátđanh đáp lời thách cưới mà chẳng chút nề hà về những điều kiện cao quá mức, vua đã loá mắt và dễ dàng tin rằng chàng hoàn toàn có đầy đủ mọi điều như vua mong đợi. Bởi vậy, để cho mẹ Alátđanh hoàn toàn mãn nguyện, vua phán : «Bà cụ à, bà hãy về bảo với con trai bà rằng ta đang nồng nhiệt chờ đón chào và ôm hôn chàng; và ta cho phép chàng đến đây để được thành thân với công chúa càng sớm bao nhiêu, ta càng vui lòng bấy nhiêu».

Bà mẹ Alátđanh khấp khởi mừng vui nghĩ đến thân phận hèn mọn của mình mà lại được nhìn thấy con trai đạt tới địa vị cao sang quá lòng mong ước. Bà vừa đi khỏi, vua đã ra lệnh bãi triều. Rồi, bước xuống ngai vàng, vua sai các hoạn nô chuyên hầu hạ công chúa đến mang các mâm châu báu về cung của nàng, vua cũng sẽ thân hành đến tận nơi để ngắm nghía cho thỏa thích. Lệnh đó được thi hành ngay tức khắc dưới sự đôn đốc của viên chỉ huy bọn quan hoạn trong cung.

Tám chục tên nô lệ da đen và da trắng cũng không bị bỏ quên : chúng được vào hoàng cung, và lát sau, khi hoàng đế đã kể cho con gái nghe về sự sang trọng đẹp đẽ của chúng, vua sai dẫn chúng vào tận cung riêng của công chúa để cho nàng nhìn qua rèm cửa mà thấy

rằng không những vua cha không nói quá lời mà có khi còn chưa diễn tả đúng thực trạng của bọn người nhà Alátđanh là khác.

Còn bà mẹ trong thời gian ấy đã về đến nhà, vẻ mặt rạng rỡ của bà báo trước cho con tin mừng. «Con ơi, – bà nói, – con tha hồ mà thích nhé. Con đã đạt được mọi điều mong ước mà mẹ không hề dám nghĩ tới, hẳn con còn nhớ mẹ đã nói với con những gì. Để con đỡ sốt ruột, mẹ nói ngay rằng, hoàng đế sau khi hỏi ý triều đình, đã tuyên bố con xứng đáng được kết hôn cùng công chúa Bađrunbuđua. Người đang chờ để ôm hôn con và làm lễ cưới. Giờ con phải lo chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ ấy sao cho nó xứng đáng với lòng tin yêu của nhà vua đối với hai mẹ con ta. Sau bấy nhiêu chuyện kỳ diệu mà mẹ đã thấy con làm, mẹ tin chắc rồi sẽ chẳng thiếu một thứ gì. Mẹ không thể quên không nói với con rằng hoàng đế đang nóng lòng đợi con; con hãy chớ để mất thời giờ, hãy đến ngay với Người».

Khoái chá vì tin vui và cũng đang mải tơ tưởng đến người yêu, Alátđanh không nói nhiều với mẹ. Chàng lui về buồng riêng. Cầm lấy cây đèn đã giúp chàng thực hiện mọi điều mong ước, chàng vừa chạm khẽ, thần đèn đã hiện ra ngay tức khắc và tỏ ý sẵn sàng chờ lệnh. Alátđanh bảo: «Thần đèn, ta gọi ngươi đến để sửa soạn cho ta tắm ngay, và khi tắm xong, ta muốn ngươi đã để sẵn cho ta một bộ y phục đắt tiền nhất, đẹp đẽ nhất chưa bậc đế vương nào từng mặc». Chàng chưa dứt lời, thần đèn đã hoá phép tàng hình, làm cho chàng cũng vô hình giống như thần, rồi đưa chàng đến một nhà tắm hoàn toàn xây bằng cẩm thạch quý nhiều màu sắc trông vô cùng đẹp mắt. Ở phòng khách rộng và rất sạch sẽ, có người giúp cởi áo quần cho chàng mà chàng không hề trông thấy người phục dịch. Từ phòng

khách, chàng được mời sang buồng tắm nhiệt độ vừa phải, ở đây chàng được kỳ cọ và tắm rửa bằng nhiều thứ nước hoa. Sau khi đã qua nhiều buồng tắm, mỗi buồng có nhiệt độ khác nhau, chàng đi ra thì con người đã khác hẳn lúc mới vào. Da dẻ chàng tươi tắn, trắng trẻo, hồng hào; thân thể chàng nhẹ nhàng, khoan khoái hơn. Trở lại phòng khách, chàng không còn trông thấy bộ áo quần cũ của mình để ở đây nữa. Thần đèn đã cẩn thận thay vào đấy bộ y phục mà chàng đòi hỏi. Alátđanh kinh ngạc trước vẻ xa hoa của bộ quần áo sắp sẵn cho mình. Có thần đèn giúp, chàng vừa mặc vừa ngắm nghía từng chiếc, chiếc nào cũng đẹp cũng sang quá mức tưởng tượng. Chàng mặc xong, thần đèn đưa trả chàng về căn buồng cũ ở nhà riêng như trước, rồi hỏi chàng có lệnh gì sai bảo nữa không. «Có, – Alátđanh đáp – ta chờ ngươi mang đến cho ta một con ngựa đẹp và thuần hơn con ngựa được quý trọng nhất trong đàn ngựa của vua; và yên cương đệm ngự phải trị giá hơn một triệu đồng. Ta muốn ngươi đưa đến hai chục tên nô lệ ăn mặc cũng sang trọng và gọn ghẽ như những tên đã mang dâng lễ vật, để đi hầu ở hai bên tả hữu, và đàng sau ta, cùng với hai chục tên khác tương tự để dàn hàng đôi đi trước. Ngươi hãy đưa đến cho mẹ ta sáu nô tì để hầu hạ cụ, đứa nào cũng ăn mặc sang trọng ít ra không kém các nữ tì của công chúa Bađrunbuđua, mỗi đứa mang theo một bộ y phục đầy đủ, đẹp tốt và lộng lẫy như thứ dành cho hoàng hậu. Ta cũng cần mười túi tiền, mỗi túi đựng một nghìn đồng vàng. Đấy là mệnh lệnh ta truyền, ngươi hãy đi đi và thi hành nhanh lên».

Alátđanh vừa truyền lệnh xong, thần đèn biến mất và một lát sau xuất hiện cùng với con ngựa và bốn chục nô lệ, mười tên trong số này cầm mỗi đứa một túi đựng một nghìn đồng vàng, và sáu nữ tì mỗi người đội

trên đầu một bộ quần áo khác nhau dành cho mẹ Alátđanh bọc trong một tấm vải dệt bằng bạc. Thần đèn trình tất cả lên Alátđanh.

Alátđanh cầm lấy bốn túi tiền đưa cho mẹ, bà bảo giữ lấy để dùng riêng khi cần. Sáu túi còn lại giao cho các tện nô lệ giữ, để bốc từng nắm mà tụng ra cho dân chúng trong lúc đoàn đi qua các phố xá tới cung vua. Chàng truyền cho sáu tện này cùng với những tên khác xếp thành hai hàng đi trước chàng, ba tện đi bên phải, ba tên đi bên trái. Cuối cùng, chàng giao sáu ả nữ tì cho mẹ, nói rằng đó là những người hầu riêng của bà, bà toàn quyền sai bảo, và những bộ áo quần chúng đội trên đầu là để cho bà dùng.

Sau khi sắp xếp xong mọi việc, chàng cho thần đèn lui ra, nói rằng sẽ gọi đến khi nào cần, thế là thần biến mất ngay. Alátđanh lúc này chỉ còn nghĩ tới việc đáp ứng mong muốn của nhà vua đang muốn gặp chàng. Chàng sai một trong số bốn chục tên nô lệ – tội không nói là đứa nào bảnh bao nhất vì tất cả bọn chúng đều bảnh bao như nhau – đến ngay hoàng cung để hỏi người chỉ huy đội cấm vệ xem thử lúc nào thì chàng được vinh dự đến phủ phục trước ngai vàng. Tên nô lệ nhanh nhẩu hoàn thành nhiệm vụ được giao, và trở về cho biết là hoàng đế đang sốt ruột đợi chàng.

Không chậm trễ, Alátđanh lên ngựa và truyền lệnh khởi hành theo trịnh tự đã nói ở trên kia. Mặc dù suốt đời chưa cưỡi ngựa bao giờ, ngay lần đầu tiên chàng đã lên yên với phong thái ung dung đến nỗi kỵ sĩ giàu kinh nghiệm nhất cũng không thể cho đây là một người mới bước vào nghề. Trong chốc lát, phố xá đều chậtních người, đông không thể nào đếm được, và vang dậy những lời hoan hô, những lời trầm trồ ngợi ca và cảm tạ, đặc biệt là những khi sáu tện nô lệ mang các túi tiền vàng

hốt từng nắm vung ra tứ phía. Tuy vậy, những lời hoan hô ấy không phải thốt ra từ những người đang chen lấn, xô đẩy và cúi xuống để nhặt tiền, mà là từ miệng những kẻ có địa vị cao sang hơn đám bình dân, họ không thể nén lòng không công khai ca ngợi một cách xứng đáng sự hào phóng của Alátđanh. Nhiều kẻ vẫn từng cùng Alátđanh chơi bời lêu lổng trên đường phố như một tên du thủ du thực khi còn nhỏ tuổi không nhận được ra chàng. Và ngay những người mới gặp chàng cách đây chưa lâu cũng khó nhận ra được, vì nét mặt chàng thay đổi quá nhiều, do cây đèn thần có đặc tính từng bước một làm cho những ai làm chủ nó thay đổi dần cho phù hợp với cương vị mới. Lúc này người ta chú ý nhiều đến con người Alátđanh hơn là xa hoa lộng lẫy đang diễn ra quanh chàng, mà phần đông đã được trông thấy hồi nãy, khi đoàn nô lệ mang lễ vật tiến vào hoàng cung. Tuy nhiên những người sành về ngựa rất ca ngợi con tuấn mã, họ biết nhận đúng vẻ đẹp của nó mà không bị loá mắt bởi bộ yên cương đắt tiền cũng như những kim cương và châu ngọc sáng chói dát lên trên đó. Khắp nơi đồn đại rằng hoàng đế đã gả công chúa Bađrunbuđua cho chàng, nhưng phong thái chàng tỏ ra xứng đáng với việc đó quá, thành ra không một ai vì chuyện xuất thân hèn mọn của chàng mà tỏ ý ganh tị sao chàng giàu có và đạt tới địa vị cao sang như vậy.

Alátđanh tới hoàng cung. Ở đây đã bày biện đâu vào đấy để nghênh tiếp chàng. Vào đến cổng thứ hai, chàng muốn xuống ngựa theo đúng tục lệ như tể tướng, các vị tướng lĩnh và đại thần vẫn làm, song viên chỉ huy thị vệ, theo lệnh vua, đã trực sẵn ở đấy ngăn không để chàng xuống ngựa mà phò chàng đến tận triều đường mới giúp chàng hạ mã. Alátđanh muốn cưỡng lại, nhưng không thể được. Tại nơi này, quân cấm vệ đã dàn thành hàng

đôi, viên chỉ huy thị vệ mời Alátđanh đứng sang bên phải mình rồi rước chàng cùng đi giữa hai hàng quân tới ngai vàng.

Trông thấy Alátđanh, hoàng đế đã ngạc nhiên về trang phục đắt tiền và đẹp đẽ của chàng, (về bản thân vua cũng chưa bao giờ ăn vận sang như vậy), lại càng vô cùng kinh ngạc về vẻ mặt khôi ngô, tầm vóc cân đối và phong thái cao sang mà vua không hề chờ đợi, nó khác hẳn địa vị hèn kém của bà mẹ mỗi lần đến ra mắt trước ngai vàng. Tuy nhiên, vua vẫn đứng lên và xuống khỏi ngai vàng mấy bước khá nhanh để kịp đỡ không cho Alátđanh phủ phục, rồi ôm hôn chàng vô cùng thắm thiết. Sau nghi thức ấy, Alátđanh còn muốn quỳ lạy, song hoàng đế đã cầm tay, buộc chàng bước lên ngồi vào giữa vua và tể tướng.

Lúc bấy giờ Alátđanh mới cất lời : «Muôn tâu bệ hạ, kẻ hèn mọn này được hưởng những vinh dự vừa rồi là bởi lòng nhân từ và cao ý của bệ hạ muốn như vậy, song xin phép tôi được tâu là tôi sinh ra vốn là thần dân của bệ hạ, tôi biết rõ địa vị cao cả và uy danh vinh hiển của người, thật là một trời một vực so với sự xuất thân hèn mọn của tôi. Nếu có một điểm nào khiến cho tôi được nghênh tiếp nồng hậu như thế này, ấy chính là do tính táo bạo và sự tình cờ khi tôi mạo muội ngẩng đầu đưa mắt nhìn lên, và dâng tất cả tình cảm và ước vọng của mình lên công chúa thiêng liêng, người đã làm cho tôi thầm mong trộm nhớ. Xin bệ hạ hãy tha thứ cho, tôi không thể nào che giấu là tôi sẽ chết vì đau khổ nếu không còn được niềm hy vọng ước mơ của mình sẽ thành sự thực».

– Con của ta ơi, – hoàng đế ôm hôn chàng một lần nữa và đáp, – con sẽ làm cho ta buồn, nếu con có một khoảnh khắc nào nghi ngờ ta thất tín. Cuộc sống của con đối với ta từ nay quá quý báu, ta không thể để con chết mà không cho con môn thuốc chữa thuộc quyền hạn của ta. Được trông thấy con và nghe con nói, ta còn thú hơn tất cả mọi kho tàng của ta và của con góp lại.

Dứt lời, vua đưa tay ra hiệu, thế là vang lên tiếng sáo tiếng đàn; và ngay lúc đó hoàng đế dẫn Alátđanh bước sang một phòng khách tráng lệ đã bày sẵn một bữa tiệc linh đình. Hoàng đế ngồi tiếp riêng Alátđanh. Tể tướng và các đại thần trong triều, tùy theo phẩm trật của mình, phân ngôi thứ theo hầu trong suốt bữa tiệc. Hoàng đế mắt không rời khỏi Alátđanh mà càng nhìn vua càng ưa thích; vua đàm đạo với chàng về nhiều chuyện khác nhau. Alátđanh đối đáp rất khôn ngoan và thông thạo, làm cho hoàng đế càng tin chắc những cảm nghĩ tốt đẹp đầu tiên của mình đối với chàng là đúng.

Tiệc tan, vua cho triệu viên đệ nhất pháp quan trong kinh thành đến, ra lệnh cho ông lập và hoàn chỉnh ngay tức khắc khế ước kết hôn giữa công chúa Bađrunbu-đua và Alátđanh. Trong thời gian đó, hoàng đế chuyện trò với Alátđanh trước mặt tể tướng và các triều thần; những vị này đều lấy làm khâm phục trí thức vững chắc, cách ăn nói thông minh, hoạt bát cũng như những ý kiến tinh tường và tế nhị của chàng.

Khi pháp quan đã lập xong bản khế ước hợp thức về mọi mặt, hoàng đế hỏi Alátđanh xem chàng có muốn lưu lại hoàng cung để hoàn tất mọi nghi tiết của lễ thành hôn ngay trong ngày hôm nay không, chàng đáp: «Tâu bệ hạ, mặc dù rất nóng lòng được thừa hưởng ngay tấm lòng nhân từ của bệ hạ đoái thương, tôi vẫn

cúi xin bệ hạ hãy thư cho, để tôi kịp sai xây dựng một cung điện rước công chúa về cho thật xứng với phẩm cách của nàng. Xin bệ hạ hãy ban cho một nơi thích đáng ở trước điện của người, để cho tôi được ở gần mà tới lui chầu chực. Tôi sẽ xin cố gắng hết sức để cung điện chóng xây dựng xong».

– Con ơi, tùy con muốn cắm đâu thì cắm: trước cung của ta còn quá nhiều đất trống và ta cũng đã nghĩ tới chuyện xây dựng thêm ở đó; – hoàng đế đáp, – nhưng con nên nhớ là ta nóng lòng muốn được sớm hưởng niềm vui trông thấy các con thành vợ thành chồng.

Dứt lời, vua lại ôm hôn Alátđanh một lần nữa; và chàng xin cáo từ hoàng đế, phong thái xử sự lịch sự, cung kính, như thể chàng đã sinh ra và suốt đời sống ở chốn cung đình vậy.

Alátđanh lên ngựa trở về nhà, gia nhân liền theo hầu rất trật tự như khi đi, và dân chúng tụ tập lại lớn tiếng chúc chàng mọi điều hạnh phúc, mọi thứ phú quý vinh hoa. Về đến nhà, vừa đặt chân xuống đất, chàng đã cầm lấy cây đèn và gọi thần đến như mọi bận. Không để chủ phải chờ đợi, thần đèn hiện lên ngay, chờ lệnh. Alátđanh nói: «Thần à, ta rất vừa ý, cho tới nay ngươi đã thực hiện đầy đủ và nhanh chóng mọi việc ta truyền. Còn bây giờ, ngươi hãy nhanh chóng vì cây đèn chủ của ngươi mà, nếu có thể được, tỏ ra nhiệt thành và mẫn cán hơn nữa. Ta yêu cầu ngươi hãy sai xây dựng cho ta một cung điện xứng đáng để đón công chúa Bađrunbuđua vợ ta, chỉ cách một quãng vừa phải ngay trước cung của hoàng đế, trong thời gian ngắn nhất. Ta để cho ngươi được tự do lựa chọn vật liệu xây dựng, tức là chọn trong các loại vân ban thạch, mã não, lưu ly và đá hoa mịn màng nhất, màu sắc phong phú nhất, cũng như tự ý định đoạt về mọi

mặt khác của công trình. Nhưng ta muốn rằng, ở nơi cao nhất trong cung điện ấy, ngươi sẽ cho xây lên một phòng khách có mái vòm cao, bốn mặt bằng nhau, mà tường hoa thì không bằng vật liệu gì khác hơn vàng và bạc khối ken nhau; mỗi mặt có sáu cửa sổ, vị chi hai mươi bốn cửa tất cả; các bức mành che cửa đều được nạm thật khéo léo và đối xứng bằng kim cương, ngọc đỏ và ngọc lam, sao cho thật đẹp, chưa từng ai trông thấy ở trên đời – trừ một bức, mà ta muốn làm dở dang. Ta cũng muốn rằng cung điện ấy có một cái sân ngoài, một sân trong, một khu vườn, nhưng trước hết, phải có ở một nơi nào đó mà ngươi sẽ cho ta biết sau, một kho tàng chứa đầy vàng và tiền bạc. Ta cũng muốn rằng trong cung điện có các nhà bếp, nhà ngang, kho chứa, kho cất đồ đạc có đủ bàn ghế quý giá để bày biện cho hợp với từng mùa và tương xứng với vẻ tráng lệ của nhà cửa; những chuồng ngựa nhốt đầy những tuấn mã kèm theo giám mã và người chăn, và có đủ bộ đồ đi săn nữa. Cũng cần phải có những gia nhân, tôi tớ, nô tì cần thiết để hầu hạ công chúa. Hẳn ngươi đã hiểu rõ ý định của ta; thôi đi đi, bao giờ làm xong thì trở lại».

Lúc Alátđanh giao xong cho thần đèn việc xây dựng tòa cung điện theo như trí tưởng tượng của chàng, mặt trời vừa mới lặn. Tảng sáng ngày hôm sau, Alátđanh vừa mới dậy – suốt đêm chàng không ngủ yên giấc vì tơ tưởng đến công chúa – thì thần đèn đã hiện ra trước mặt và nói: «Thưa ngài, cung điện của ngài đã hoàn thành, xin mời ngài đến xem thử đã hợp ý ngài chưa». Alátđanh vừa ngỏ ý sẵn lòng, thần đã mang chàng đi trong nháy mắt. Tòa lâu đài đẹp quá sức mong đợi; đâu đâu cũng quý giá, sạch sẽ và tráng lệ, với gia nhân và tôi tớ, mỗi người ăn mặc đúng theo ngôi thứ và công việc được giao. Thần cũng không quên

đưa chàng đi xem kho tàng, coi đây là một trong những việc chủ yếu; viên coi kho mở khoá. Alátđanh nhìn vào và trông thấy hàng đống túi đựng tiền to nhỏ khác nhau xếp đặt có trật tự nom rất thích mắt. Lúc trở ra, thần đèn quả quyết với chàng là viên coi kho này rất trung thành. Tiếp đó, thần dẫn chàng đi xem các chuồng ngựa, và chỉ cho chàng thấy những con tuấn mã đẹp nhất trần gian; bọn chăn ngựa đang bận rộn chải lông cho chúng. Thần lại đưa chàng đi thăm tiếp các kho chứa đủ các loại thức ăn vật dụng cần thiết, cũng như yên cương, vật trang trí và thức ăn cho ngựa.

Sau khi xem xét xong toàn bộ tòa lâu đài từ gian này đến gian khác, buồng nọ đến buồng kia, từ tầng trên xuống tầng dưới, và đặc biệt là cái phòng khách có hai mươi bốn cửa sổ, ở đây vật gì cũng đắt tiền và sang trọng, tiện nghi đầy đủ quá mức tưởng tượng, Alátđanh bảo thần đèn : «Thần à, ta rất hài lòng, thế này mà còn phàn nàn thì thật là không đúng. Duy có một điều ta chưa bảo ngươi vì hôm qua ta chưa nghĩ ra, ấy là hãy trải một tấm thảm nhung đẹp nhất từ cửa buồng dành riêng cho công chúa trong lâu đài này đến tận cung hoàng đế, để cho nàng bước lên trên đó mà đi.»

– Tôi sẽ trở lại đây trong giây lát.

Nói xong thần đèn biến mất, và một lát sau Alátđanh ngạc nhiên thấy điều chàng mong muốn đã thực hiện mà cũng chẳng rõ là bằng cách nào. Thần đã lại hiện lên và mang Alátđanh trở về nhà chàng vào lúc người ta mở cổng hoàng cung.

Những người canh cổng trước kia nhìn ra phía lâu đài Alátđanh vừa xây vẫn chỉ thấy khoảng đất trống, thì nay đều rất đỗi ngạc nhiên thấy khoảng đất ấy có tường thành vây quanh, và từ nơi đó có một tấm thảm nhung trải dài lên tận cổng hoàng cung. Tể tướng vừa

đến công cũng kinh ngạc không kém mọi người. Ông là người đầu tiên đến tâu vua rõ việc xảy ra, nhưng lại muốn làm cho vua nghĩ rằng đấy chẳng qua là ảo thuật. Vua đáp: «Tể tướng à tại sao ông cứ muốn cho rằng đấy là ảo thuật nhỉ. Ông cũng rất biết rõ như ta đấy chính là tòa lâu đài Alátđanh đã xin phép ta dựng lên để đón công chúa con gái ta, và ta đã chuẩn y ngay trước mặt ông. Sau khi đã trông thấy những của cải quý giá qua các lễ vật chàng dâng ta, làm sao chúng ta lại đi ngạc nhiên về việc chàng xây dựng xong tòa lâu đài này trong thời gian ngắn nhỉ. Chẳng qua là chàng muốn làm chúng ta ngạc nhiên và thấy rằng hễ cứ có tiền mặt thì người ta có thể thực hiện được ngay mọi điều kỳ diệu như kiểu ấy trong một sớm một chiều đó thôi. Thôi ông hãy thú thật với ta đi: vì có lẫn một chút ganh tị cho nên ông mới muốn gọi đó là trò ảo thuật chứ gì»

Vì đã đến giờ thiết triều, câu chuyện giữa vua và tể tướng dừng lại ở đấy.

Khi Alátđanh về tới nhà và cho phép thần đèn lui ra, thì mẹ chàng đã dậy và đang bắt đầu thắng một trong những bộ cánh mà chàng đã sai mang đến cho bà. Vào quãng thời gian chắc hoàng đế đã xong công việc triều đình, Alátđanh nhờ mẹ cùng với đám nô tì do thần đèn đưa lại đến cung vua. Chàng dặn mẹ tâu là bà tới để ở lại cho đến tối xin rước dâu. Bà ra đi. Mặc dù bà cũng như bọn nữ tì theo hầu đều ăn mặc như những bà hoàng, nhưng dân chúng ra xem không đông lắm vì họ đeo mạng che mặt và dùng áo choàng giản dị khoác lên trang phục lộng lẫy và đắt tiền. Còn về phần Alátđanh, chàng lên ngựa mang theo cây đèn thần đã giúp cho chàng đạt tới đỉnh cao của hạnh phúc từ giã ngôi nhà của bố mẹ để không còn bao giờ trở về nữa và cờ dong trống mở đi đến dinh riêng của mình với

những nghi thức cũng sang trọng như lần chàng đến ra mắt hoàng đế ngày hôm trước.

Lính canh cổng hoàng cung vừa trông thấy bà mẹ Alátđanh đi tới đã vội vào báo với vua. Lập tức lệnh truyền cho các đội kèn đội trống tổ sáo tổ đàn đã chực sẵn ở nhiều nơi trên sân thượng của hoàng cung cử nhạc, thế là trong nháy mắt không gian vang dậy tiếng trống chiêng, tiếng đàn sáo báo tin vui cho cả kinh thành. Các nhà buôn bắt đầu trang trí cửa hiệu của họ bằng những tấm thảm đẹp, gối tựa và lá cây, chuẩn bị đèn hoa để thắp vào đêm tối. Thợ thuyền tạm nghỉ việc dẫn chúng nô nức đổ về quảng trường lớn nằm giữa cung điện nhà vua và lâu đài của Alátđanh. Lâu đài này lập tức làm mọi người trầm trồ khen ngợi, không phải vì ai nấy đã quen nhìn hoàng cung mà chính là vì cung vua không thể nào sánh nổi. Nhưng điều làm cho mọi người lạ lùng nhất không sao hiểu nổi là do phép thần nào mà một tòa lâu đài tráng lệ như vậy lại mọc lên từ một nơi vừa ngày hôm trước không hề ai trông thấy có vật liệu hay móng nền đào sẵn.

Đến hoàng cung, bà mẹ Alátđanh được đón tiếp trọng thể rồi viên chỉ huy thị vệ dẫn bà đến buồng riêng của công chúa Badrunbuđua. Vừa trông thấy bà, công chúa đã chạy đến ôm hôn và mời bà ngồi lên sập của mình. Trong khi các người hầu trang điểm và đeo cho nàng những vòng ngọc quý nhất của Alátđanh tặng, công chúa sai dọn ra mời bà một tiệc rượu nhẹ tuyệt diệu. Hoàng đế, đến chơi với con gái trước khi nàng từ biệt để về nhà chồng, cũng tiếp bà rất trọng vọng. Bà mẹ Alátđanh đã nhiều lần được hầu chuyện vua trước đám đông, song chưa bao giờ vua nhìn thấy bà không đeo mạng che mặt như lúc bấy giờ. Mặc dù tuổi của bà cũng đã khá cao, vẫn còn có thể nhận ra những nét

chung tỏ là hồi còn trẻ bà cũng thuộc vào hạng người có nhan sắc. Hoàng đế xưa nay chỉ trông thấy bà ăn mặc giản dị, nếu không nói là tồi tàn rất cảm phục khi trông thấy bà trong bộ cánh cũng sang trọng và đẹp đẽ không kém con gái mình. Điều đó càng làm cho vua suy nghĩ là Alátđanh đúng là con người thận trọng, khôn ngoan và sành sỏi mọi bề.

Tối đến công chúa xin từ biệt cha. Buổi chia tay thật là lưu luyến hai cha con rơi nước mắt ôm nhau chẳng nói nên lời. Cuối cùng công chúa ra đi, có bà mẹ Alátđanh cùng đi bên trái, theo sau là một trăm nữ tì ăn mặc lộng lẫy lạ thường. Tất cả các đội nhạc đã không ngừng tấu nhạc từ khi Alátđanh đến tập trung lại và bắt đầu cuộc rước dâu. Đi tiếp sau nữa là một trăm thị vệ và một trăm hoạn nô xếp hàng đôi, do các võ quan dẫn đầu. Bốn trăm viên quan hầu trẻ của nhà vua, xếp hàng đôi đi ở hai bên, mỗi người cầm một ngọn đuốc; ánh đuốc cộng với ánh đèn trong cung điện hoàng đế và lâu đài Alátđanh tỏa sáng rực rỡ không khác ban ngày.

Cùng với đám rước, công chúa bước đi trên tấm thảm trải từ hoàng cung đến dinh phò mã; và đám rước càng đến gần dinh, tiếng trống tiếng chiêng của đoàn nhạc công dần dần hoà cùng tiếng đàn, tiếng sáo của các đội nhạc ngồi trên các sân thượng lâu đài Alátđanh, tạo nên một điệu nhạc tuy lạ kỳ và hỗn độn thật đấy nhưng cũng làm tăng thêm niềm vui không những cho đám đông dân chúng tụ tập ở quảng trường mà cho cả những người trong hai cung, trong cả kinh thành và cả những nơi xa xôi ở ngoại thành nữa.

Cuối cùng công chúa tới nơi Alátđanh hết sức mừng rỡ chạy đến nghênh tiếp ngay trước cửa phòng dành riêng cho nàng. Bà mẹ đã cẩn thận trỏ để công chúa phân biệt được Alátđanh giữa đám đông kẻ hầu người

hạ đang vây quanh; nàng rất xúc động thấy chàng thật tuấn tú khôi ngô. Alátđanh tiến đến gần và chào rất kính cẩn : «Thưa công chúa kính yêu, nếu kẻ này có phải chịu điều bất hạnh để công chúa bực mình vì đã táo tợn dám cầu hôn một con người kiều diễm, ái nữ của hoàng đế thì xin cho kẻ này được mạo muội thưa rằng đấy là lỗi tại đôi mắt xinh đẹp và dáng điệu yêu kiều của nàng chứ không phải ở kẻ này»

– Thưa phò mã, – giờ đây em được quyền gọi chàng như vậy, – em vâng lệnh vua cha, nhưng chỉ cần trông thấy chàng là em có thể nói rằng em vâng lời vua cha không một chút băn khoăn.

Thú vị vì câu trả lời đáng yêu và làm danh giá cho mình, Alátđanh không để cho công chúa đứng lâu hơn nữa sau khi vừa đi bộ một quãng đường, – việc này nàng vốn không quen, – chàng cầm bàn tay của nàng đưa lên hôn rồi vui mừng dẫn nàng vào một phòng khách lớn được rất nhiều ngọn nến chiếu sáng, ở đây thần đèn đã cẩn thận cho bày sẵn một bữa tiệc thịnh soạn. Các đĩa đều đúc bằng vàng khối và đựng đầy thịt tuyệt ngon. Các thứ mâm khay, chai cốc xếp đầy tủ ăn cũng đều bằng vàng và chế tạo khéo léo. Các vật bày biện và tất cả những thứ trang hoàng khác trong phòng khách đều hoàn toàn tương xứng với những đồ dùng quý báu ấy. Hân hoan thấy bấy nhiêu của cải dồn vào một nơi, công chúa nói với Alátđanh : «Phò mã ơi, trước đây em cứ tưởng không có gì đẹp hơn cung điện của vua cha em; nhưng chỉ nhìn riêng cái phòng khách này em đủ thấy rằng em đã nhầm».

Alátđanh mời nàng ngồi vào chỗ dành cho nàng và đáp : «Nàng quá khen đấy thôi».

Công chúa Bađrunbuđua, Alátđanh và bà mẹ ngồi vào bàn tiệc, lập tức tiếng đàn sáo du dương gợi cảm cử lên, hòa với tiếng hát ngọt ngào của nhiều nữ ca sĩ,

và tiếng ca tiếng nhạc ấy tiếp tục không ngừng cho mãi đến khi mãn tiệc. Công chúa hết sức say mê, nàng nói chưa bao giờ được nghe một buổi ca nhạc hay như vậy trong cung hoàng đế. Ấy là vì nàng không biết các người này đều là những nàng tiên đã được thần đèn tuyển lựa.

Khi tiệc đã tàn và các gia nhân vội vã thu dọn, thì một tốp vũ công và vũ nữ vào thay các tốp hát. Họ múa nhiều điệu vũ tượng trưng theo tục lệ nước này, và cuối cùng, một vũ công và một vũ nữ múa riêng một cách linh hoạt lạ kỳ, mỗi người đều mang hết tài sức ra trình diễn. Đến nửa đêm, theo như tục lệ ở Trung Quốc thời ấy, Alátđanh đứng lên cầm tay công chúa để cùng múa một bài kết thúc lễ thành hôn của họ. Hai người múa rất khéo làm cho ai nấy đều khâm phục. Múa xong, Alátđanh vẫn nắm tay công chúa đưa nàng vào buồng tân hôn đã bày biện sẵn. Các người hầu của công chúa giúp nàng thay áo, các gia nhân của Alátđanh cũng giúp chàng làm như vậy, xong đâu đấy tất cả lui ra. Đến đây kết thúc lễ mừng thành hôn của Alátđanh với công chúa Bađrunbuđua.

Sáng hôm sau, Alatđanh thức dậy những người hầu phòng bước vào thay áo cho chàng. Họ mặc cho chàng một bộ áo quần khác bộ mặc hôm làm lễ cưới song cũng đắt tiền, cũng lộng lẫy như vậy. Sau đó chàng sai đưa đến một con ngựa trong đàn ngựa dành riêng cho mình. Chàng cưỡi lên đi đến hoàng cung giữa một đám đông nô lệ quây quần đi đằng trước, đằng sau và hai bên tả hữu. Hoàng đế tiếp chàng cũng đủ mọi nghi thức như lần đầu; vua ôm hôn chàng, mời chàng ngồi xuống ngai vàng bên cạnh mình rồi sai bày tiệc. Alátđanh nói: «Tâu bệ hạ, hôm nay xin bệ hạ miễn cho con cái vinh dự ấy. Con đến đây kính mời hoàng

thượng cùng với tể tướng và các quan lớn trong triều vui lòng sang bên lâu đài của chúng con dự bữa cơm cùng chúng con»

Hoàng đế vui vẻ nhận lời. Người đứng lên ngay, và bởi vì đường không xa người muốn đi bộ. Thế là người rời hoàng cung có Alátđanh đi bên phải tể tướng đi bên trái theo sau là các đại thần trước mặt là các thị vệ và quan chức chính trong nội phủ.

Càng đến gần lâu đài của Alátđanh, vua càng sửng sốt vì vẻ đẹp của nó. Vào đến trong dinh thì càng khác nữa: trông thấy vật gì vua cũng kêu lên thán phục. Nhưng khi theo lời mời của Alátđanh, vua lên tới phòng khách lớn có hai mươi bốn cửa sổ, trông thấy đồ vật trang hoàng và nhất là khi nhìn thấy các bức mành có gắn kim cương, ngọc hồng và ngọc bích, viên nào cũng hoàn hảo cũng cân xứng, và khi nghe Alátđanh nói rằng mặt ngoài cũng quý báu như vậy, thì vua ngạc nhiên đến nỗi đứng ngây người không nhúc nhích. Sau một lúc vua mới quay sang nói với tể tướng đứng ở bên cạnh: «Có thể nào trong nước ta ngay bên cạnh cung điện của ta có một lâu đài tráng lệ dường này mà cho mãi đến bây giờ ta vẫn không hay biết»

– Hẳn bệ hạ còn nhớ là mãi đến hôm kia mới cho phép Alátđanh, mà bệ hạ vừa chuẩn y làm phò mã, được xây dựng một dinh cơ đối diện với hoàng cung. Cho đến tối hôm đó vẫn chưa có nhà cửa gì trên khoảng đất này và sáng hôm qua tôi được vinh dự là kẻ đầu tiên tâu bệ hạ toà lâu đài đó hoàn thành.

– Ta còn nhớ chứ – vua đáp – nhưng ta không bao giờ nghĩ rằng lâu đài là một kỳ quan trên thế giới như thế này. Tìm đâu ra được trong vũ trụ này những dãy tường hoa xây bằng vàng khối và bạc khối chứ không phải đá xanh hay đá hoa, và mành che cửa sổ thì lát

đầy kim cương, ngọc hồng và ngọc bích ? Trên đời này chưa bao giờ có ai nói đến một chuyện tương tự.

Hoàng đế tỏ ý muốn xem kỹ hai mươi bốn bức mành. Khi đếm, vua nhận ra chỉ có hai mươi ba chiếc có dát ngọc quý như nhau còn chiếc thứ hai mươi bốn không hoàn chỉnh. Vua ngạc nhiên nói với tể tướng, vị đại thần này luôn luôn không rời vua một bước : «Ta lấy làm lạ sao một phòng khách lộng lẫy dường này lại sót một chỗ không hoàn hảo. Ấy là do sơ xuất, do chểnh mảng hay là tại vì thợ không có đủ thời gian để hoàn thành nốt một công trình kiến trúc đẹp đẽ xiết bao này ?

Alátđanh đáp :

«Tâu bệ hạ bức mành này bị bỏ dở không phải tại những lẽ như bệ hạ vừa nói. Ấy là do lệnh của con cho nên bọn thợ đã làm dở dang như vậy : con muốn nhường bệ hạ sự quang vinh hoàn tất phòng khách này và qua đó hoàn tất cả tòa lâu đài. Cúi xin bệ hạ chuẩn y cho, để cho con được coi đó là một kỷ niệm về những ân huệ bệ hạ đã ban cho»

– Nếu con đã có ý như vậy – hoàng đế nói – thì ta rất lấy làm vui lòng : ta sẽ truyền cho làm công việc ấy ngay bây giờ.

Quả như lời vua truyền cho vời những nhà buôn ngọc giàu có nhất và những thợ kim hoàn khéo tay nhất trong kinh thành đến ngay lập tức.

Trong thời gian ấy, Alátđanh mời vua ra khỏi phòng khách xuống gian phòng chàng đã chiêu đãi công chúa Bađrunbuđua hôm tân hôn. Một lát sau công chúa cũng đến ; nhìn vẻ mặt con, vua vui mừng hiểu rằng nàng hết sức hài lòng về cuộc hôn nhân của mình. Ở đây đã bày sẵn hai bàn tiệc đầy những món ăn thịnh soạn, bát đĩa thảy đều bằng vàng. Vua ngồi vào bàn thứ nhất cùng với công chúa, Alátđanh và tể tướng. Tất cả triều thần được mời ngồi vào chiếc bàn thứ hai khá dài. Hoàng

để thấy các món ăn nấu ngon và thú thật là mình chưa bao giờ được dự một bữa ăn thoả thích như vậy. Rượu cũng tuyệt vời. Điều làm cho vua phục hơn nữa là bốn chiếc tủ lớn xếp đầy những chai đĩa và chén bằng vàng khối có nạm ngọc. Vua cũng say sưa về đội ca nhạc bố trí ngay trong phòng khách, trong khi các đội kèn đồng và chiêng trống thì được sắp xếp ở bên ngoài, cách một khoảng xa vừa phải để nghe cho đỡ chối tai.

Hoàng đế dự tiệc xong, quân hầu vào báo những nhà buôn ngọc và thợ kim hoàn đã đến. Vua trở lên phòng khách có hai mươi bốn cửa sổ và chỉ cho họ xem bức mành che cửa chưa hoàn thành : «Ta cho triệu các người đến đây – vua phán – để nhờ các người hoàn thành cho ta bức mành này sao cho giống hệt những bức kia. Các người hãy xem xét cho kỹ và bắt tay làm ngay cho ta»

Các nhà buôn ngọc và thợ kim hoàn chăm chú xem xét hai mươi ba bức mành, rồi sau khi đã trao đổi với nhau để cho mỗi người đóng góp hết ý kiến của mình, họ đến gặp hoàng đế. Người thợ ngọc thường vẫn làm các công việc trong nội phủ bước ra nói : «Tâu bệ hạ, chúng tôi sẵn sàng mang tất cả tài nghề và công sức để tuân lệnh bệ hạ, nhưng chúng tôi không thể nào có đủ bấy nhiêu châu ngọc quý để làm một công trình to lớn thế này»

– Ta có đủ và thừa nữa là khác – vua nói – Các người hãy đến cung ta, ta sẽ bỏ ra cho các người chọn.

Trở về cung, vua cho mang tất cả châu báu của mình tới; các bọn thợ lấy và mang đi một số rất lớn, đặc biệt là những viên trước là tặng phẩm của Alátđanh. Họ đem số đó ra dùng hết rồi còn quay trở lại nhiều lần để lấy thêm song một tháng trôi qua mà vẫn chưa làm xong một nửa công trình. Dùng hết ngọc của hoàng đế

họ còn vay thêm ngọc của tể tướng, song tất cả những thứ đó giỏi lắm cũng chỉ đủ làm xong một nửa bức mành.

Alátđanh biết nhà vua cố hết sức để làm cho bức mành giống hệt các bức kia nhưng vô ích và sẽ không bao giờ có thể hoàn thành liền cho gọi các thợ kim hoàn đến, bảo họ không những ngừng công việc mà còn tháo dỡ tất cả công trình đã làm, mang về trả lại cho hoàng đế tất cả châu ngọc của vua cũng như những thứ vay của tể tướng.

Công trình những người thợ kim hoàn làm suốt sáu tuần bị phá đi trong mấy tiếng đồng hồ. Họ ra về, để lại Alátđanh một mình trong phòng khách. Chàng lấy cây đèn luôn luôn mang theo trong người ra miết tay vào. Lập tức thần đèn hiện lên. Alátđanh bảo: «Thần à, trước đây ta truyền cho ngươi để lại một trong số hai mươi bốn cửa sổ ở phòng khách không hoàn chỉnh và ngươi đã thi hành lệnh của ta; giờ đây ta gọi ngươi đến để nói cho ngươi biết là ta muốn chiếc mành cửa này cũng hoàn hảo như tất cả những chiếc kia».

Thần đèn biến mất. Alátđanh cũng đi ra khỏi phòng khách. Lát sau chàng trở lại thì đã trông thấy bức mành này giống hệt như những chiếc kia.

Trong thời gian đó các nhà buôn ngọc và thợ kim hoàn được đưa vào cung ra mắt hoàng đế. Viên thợ cả thay mặt cả nhóm nói: «Tâu bệ hạ, suốt một thời gian dài chúng tôi đã mang tất cả tài nghệ ra để hoàn thành công trình bệ hạ giao phó. Hôm qua vào lúc đã khá muộn, Alátđanh buộc chúng tôi không những phải ngừng việc mà còn phải tháo dỡ tất cả những gì chúng tôi đã làm được và bảo chúng tôi mang trả lại bệ hạ và tể tướng số châu ngọc này».

Vua hỏi Alátđanh có cho họ rõ lý do không. Những người thợ đáp chàng không hề cho biết một tí gì, vua liền truyền lấy ngay lập tức một con ngựa. Ngựa được

đưa đến, vua lên đi ngay không có đoàn hộ giá nào khác số quân hầu cận chạy bộ theo. Đến dinh Alátđanh, đến tận chân cầu thang, vua mới xuống ngựa và không báo cho phò mã biết đi thẳng lên phòng khách hai mươi bốn cửa sổ. Nhưng Alátđanh đã chực sẵn ở đấy và kịp nghênh tiếp vua ngay từ ngoài cửa.

Không để Alátđanh kịp hỏi sao vua không cho báo trước để chàng đến nỗi phải thất lễ, hoàng đế nói ngay: «Con ạ, ta thân hành đến đây hỏi tại làm sao con lại muốn để cho một toà lâu đài tráng lệ và kỳ lạ như dinh của con không hoàn hảo?»

Alátđanh không nói thật là hoàng đế không có đủ châu báu để dùng vào việc đó. Nhưng để cho vua thấy rõ lâu đài của chàng không những hơn đứt cung điện của vua mà con hơn hẳn mọi cung điện khác trên đời, bởi vì chính vua cũng không đủ sức hoàn thành một bộ phận nhỏ nhặt nhất của nó, chàng đáp: «Tâu bệ hạ, đúng hôm trước bệ hạ có thấy phòng khách này chưa hoàn hảo; nhưng giờ đây xin bệ hạ hãy nhìn xem thử có khiếm khuyết chỗ nào».

Hoàng đế bước thẳng đến cái cửa sổ trước đây có bức mành làm dở, và khi nhận thấy bức mành này cũng chẳng khác gì các bức kia, vua tưởng là mình trông nhầm. Không những vua xem kỹ hai cửa sổ kề bên mà còn lần lượt xem tất cả; và khi biết chắc bức mành đã làm cho vua mất bao thời gian, dùng hết bao công thợ, đã được hoàn thành trong một thời gian ngắn ngủi, vua liền ôm chầm lấy Alátđanh và hôn lên trán chàng, vào chỗ giữa hai mắt. Vua kinh ngạc nói với chàng: «Con ơi, con là ai mà làm nên bao nhiêu điều kỳ lạ hầu như trong nháy mắt? Trên đời này con thật là độc nhất vô song, và càng hiểu con ta càng thêm mến phục».

Alátđanh tỏ vẻ khiêm nhường trước những lời khen của vua, chàng trả lời như sau: «Muôn tâu bệ hạ, thật là vạn hạnh cho con được bệ hạ đoái thương mà khen ngợi; điều con có thể khẳng định là xin luôn luôn cố gắng để xứng đáng với tình thương cũng như lời khen của bệ hạ».

Hoàng đế trở về cung cũng đơn giản như khi đi, không cho Alátđanh được theo tiễn. Tể tướng đã chực sẵn ở hoàng cung. Tâm trí còn trạn trề khâm phục về điều kỳ diệu vừa trông thấy, vua kể lại say sưa đến nỗi tể tướng không những không hoài nghi, mà càng tin chắc rằng tòa lâu đài chỉ là chuyện ma thuật, như ông đã thổ lộ với vua ngay hôm tòa nhà vừa xuất hiện. Tể tướng muốn nhắc lại ý nghĩ đó của mình song vua đã ngắt lời: «Khanh ạ, ông đã từng nói với ta điều đó nhưng rõ ràng là ông chưa muốn quên cái đám cưới giữa con gái ta và con trai ông».

Tể tướng thấy rõ vua đã có định kiến. Ông không muốn tranh luận, mặc cho vua giữ ý kiến của mình. Như đã thành lệ, ngày nào cũng vậy, hễ thức dậy là hoàng đế đến ngay một căn buồng từ đấy nhìn rõ toàn bộ dinh phò mã; và trong ngày, thế nào vua cũng đến nơi để ngắm nghía trầm trồ khen ngợi.

Còn Alátđanh không muốn ở mãi trong nhà; chàng để ra mỗi tuần vài lần đi xem phố hoặc đến đọc kinh, hôm ở nhà thờ này, hôm ở nhà thờ khác; thỉnh thoảng lại đến thăm tể tướng, ông này vẫn thích đến chơi với chàng vào những ngày nhất định, có khi chàng lên thăm các quan đại thần mà chàng vẫn thường mời đến dinh để đãi ngộ. Mỗi lần ra phố, chàng sai hai tên trong đám đông nô lệ theo hầu, bốc những nắm tiền vàng tung ra các phố xá và quảng trường thưởng cho dân chúng thường tụ tập đông đảo những nơi chàng đi qua. Ngoài

ra chưa từng có một kẻ nghèo khó nào đến gõ cửa dinh phò mã mà ra về không hài lòng về sự hào phóng của chàng.

Alátđanh tính sắp xếp thời giờ sao cho tuần nào cũng đi săn hược ít ra là một lần, khi thì ở quanh thành phố, khi thì xa hơn, và đi qua thôn xã nào chàng cũng đều tỏ ra rộng rãi như vậy. Tính tình hào phóng ấy làm cho dân chúng hết lời ca ngợi và chàng không bao giờ nặng lời với một ai. Tóm lại, tuy không muốn làm lu mờ hoàng đế – chàng thường xuyên đến chầu – ta có thể nói là nhờ phong thái đáng yêu và tính tình hào phóng chàng được nhân dân rất quý mến nhìn chung họ còn quý mến chàng hơn cả nhà vua. Đi đôi với những đức tính tốt đẹp ấy, chàng còn tỏ ra là người có tài năng và hết lòng vì lợi ích nước nhà. Chàng có dịp tỏ rõ phẩm cách ấy nhân một dịp giặc cướp nổi lên ở biên thùy. Vừa nghe tin hoàng đế cử binh đi tiễu phạt, chàng vội đến xin vua cho phép được cầm đạo binh ấy. Vua bằng lòng ngay. Chàng hành quân thần tốc đến nỗi hoàng đế nhận được tin cho biết giặc đã bị đánh bại, diệt trừ và dẹp xong, cùng một lúc với tin chàng đến nắm quyền chỉ huy quân đội. Chiến công đó làm cho tên tuổi chàng vang dội khắp cả nước. Nhưng Alátđanh không vì vậy mà kiêu căng: Chiến thắng trở về, chàng vẫn là con người hiền dịu và đáng mến như bất cứ bao giờ.

Alátđanh sống và xử thế theo cách đó trong nhiều năm; chợt một hôm lão phù thủy – đã trở về châu Phi và đưa lại cho chàng phương tiện để đạt lên địa vị cao sang ấy – sực nhớ tới chàng. Mặc dù tin chắc là Alátđanh đã bỏ mạng trong hang sâu, lão vẫn cứ nảy ra ý thử tìm hiểu chính xác xem chàng đã chết như thế nào. Vốn là một tên có tài bấm độn, lão mang các dụng cụ ra phù phép; và nhìn kết quả, lão phát hiện ra rằng

không phải Alátđanh đã chết trong hang sâu dưới mặt đất, mà trái lại, chẳng đã thoát ra được và hiện đang sống huy hoàng trên mặt đất, cực kỳ giàu có, lấy con gái vua, được mọi người trọng vọng, kính mến.

Lão phù thuỷ, nhờ pháp thuật vừa biết rõ Alátđanh đang ở vào địa vị rất cao sang, liền nổi cơn tức giận đến điên cuồng. Lão tự bảo : «Thằng khốn nạn con lão thợ may ấy đã phát hiện được điều bí mật và quyền năng của cây đèn: ta tưởng nó đã chết mất giống rồi, hoá ra nó đang tọa hưởng kỳ thành kết quả công sức tu luyện của ta ! Hoặc là ta ngăn không cho nó hưởng thụ, hoặc là ta chết ! »

Lão không phải mất nhiều thì giờ suy nghĩ nên hành động như thế nào. Ngay sáng hôm sau lão dắt con ngựa trong chuồng ra và khởi hành. Qua không biết bao nhiêu là đường đất, từ thành phố này sang thành phố khác, hết tỉnh này đến tỉnh nọ chỉ dừng chân cho ngựa lấy hơi, cuối cùng lão đến được Trung Quốc và tới kinh đô nước Alátđanh đang làm phò mã. Đến một quán trọ, lão xuống ngựa vào hỏi thuê một buồng. Lão nghỉ lại một ngày một đêm ở đấy để lấy lại sức sau chuyến đi vất vả gian lao.

Ngày hôm sau, việc đầu tiên của lão phù thuỷ là tìm hiểu xem dân chúng nói [illegible] gì về Alátđanh. Lão đi dạo qua các phố xá rồi đi vào nơi nổi tiếng nhất, có nhiều kẻ quyền cao chức trọng tới lui, họ tụ họp ở đây để uống một loại rượu hâm nóng mà lão đã từng được biết trong chuyến đi trước. Lão vừa ngồi yên chỗ đã có người rót và mang tới một bát rượu. Vừa uống, lão vừa lắng tai nghe : người ta đang nói về dinh quan phò mã. Uống xong bát rượu lão đến gần một người đang nói chuyện, và chờ lúc thuận tiện hỏi riêng người đó dinh phò mã như thế nào mà được ca ngợi đến vậy. «Bác từ đâu đến ? – người kia đáp – Chắc hẳn bác là

người nơi khác đến đây cho nên mới chưa từng trông thấy hay nghe nói đến phò mã Alátđanh (từ ngày chàng kết hôn với công chúa Bađrunbudua, mọi người đều gọi chàng bằng danh vị ấy). Tôi sẽ không nói với bác đây là một kỳ quan của thế giới, mà còn nói rằng đây là kỳ quan duy nhất của thế giới chưa từng ai trông thấy bao giờ một cái gì vĩ đại, quý báu, huy hoàng như vậy. Chắc hẳn bác từ một nơi xa lắm đến đây cho nên mới chưa nghe nói tới nó. Thật vậy, từ khi tòa lâu đài ấy được cất lên, cả quả đất này đều nghe tiếng. Bác hãy đến mà xem, rồi bác sẽ thấy lời tôi nói đúng hay không đúng».

– Xin ông hãy bỏ qua cho về sự ngu dốt của tôi – lão phù thủy nói – chả là tôi mới đến đây từ hôm qua, và đúng là từ rất xa đến, tôi muốn nói từ nơi tận cùng của châu Phi, ở đấy khi tôi ra đi tiếng tăm về tòa lâu đài này chưa đồn tới. Và bởi vì tôi có việc cần kíp, dọc đường chỉ nghĩ tới chuyện đi sao cho chóng tới nơi, không ghé lại ở đâu và cũng chẳng làm quen với ai, cho nên chẳng rõ được những điều ông vừa cho biết. Nhưng thế nào tôi cũng đến xem; hơn nữa tôi còn quá nôn nóng đến nỗi sẵn sàng đi ngay bây giờ để thỏa tính hiếu kỳ của mình, nếu như ông vui lòng chỉ giúp đường cho.

Người nói chuyện với lão phù thủy vui lòng chỉ cho lão lối đi để tới xem dinh quan phò mã, thế là lão đứng lên và đi ngay tức khắc. Tới tận nơi xem xét kỹ tòa lâu đài ở cả bốn phía, lão càng không ngờ vực chút nào chính Alátđanh đã nhờ cây đèn thần mà xây cất nên. Chưa nói đến chuyện chàng ta, con một bác thợ may bình thường không thể nào có đủ tiền của, lão còn biết rằng chỉ có những quỷ thần nô lệ của cây đèn – đã trượt khỏi tay của lão – mới có khả năng làm nên những chuyện kỳ diệu thế này. Ngậm đắng

nuốt cay trước hạnh phúc và danh vọng của Alátđanh, gần như không kém gì hạnh phúc và danh vọng của hoàng đế, lão phù thủy trở về quán trọ của mình.

Vấn đề là làm sao biết được cây đèn để ở đâu, hoặc là Alatđanh mang theo bên người hoặc là chàng cất giấu ở một chỗ nào, đó là việc lại phải nhờ đến phép bấm độn. Vừa về tới nơi nghỉ trọ, lão đã dở ra bộ đồ nghề mà bất cứ đi đâu lão cũng mang theo. Bấm độn xong, lão biết được cây đèn để ở trong dinh của Alátđanh; và sự phát hiện ấy làm cho lão mừng rơn đến gần như không tự chủ nổi. «Ta sẽ có cây đèn thần; ta thách Alátđanh ngăn không cho ta lấy khỏi tay hắn và đưa hắn trở về địa vị xuất thân hèn hạ trước khi hắn vươn lên tới đỉnh cao sang thế này».

Điều không may cho Alátđanh là trong thời gian ấy chàng đang làm một chuyến đi săn lâu tới tám ngày, và chàng mới đi được ba hôm. Lão phù thủy biết được điều đó là nhờ mánh khoé sau đây. Sau cái quẻ bấm độn đã làm cho lão xiết bao vui mừng, lão đi tìm ngay người trông nom quán trọ, lấy cớ là muốn chuyện trò, và quả là lão có tài về môn tán tỉnh thật. Lão nói với người trong quán rằng lão vừa đi xem dinh quan phò mã; và sau khi đã nói quá lâu về những điều trông thấy mà lão cho là kỳ lạ và chú ý nhất, và những thứ mà bất kỳ ai cũng chú ý; lão nói tiếp: «Tính hiếu kỳ của tôi còn đòi hỏi nhiều hơn cơ, tôi sẽ không hài lòng nếu chưa được nhìn thấy chủ nhân của một dinh cơ diệu kỳ dường ấy».

– Việc đó cũng chẳng có gì khó khăn đâu – người trông nom quán trọ đáp – không ngày nào quan phò mã không đi ra phố; nhưng đã ba hôm nay ngài đi săn xa, cuộc săn này kéo dài đến tám ngày.

Lão phù thủy không cần biết nhiều hơn; lão từ biệt người trông quán, và vừa đi vừa tự nhủ : «Đây là thời cơ hành động, ta không được để lỡ mất».

Lão đến cửa hiệu của một người sản xuất và bán đèn : «Bác cả ạ, tôi cần một tá đèn đồng, bác có đủ để bán cho tôi không ?» Người bán đèn đáp còn thiếu vài chiếc, nhưng nếu khách vui lòng nán cho đến sáng mai, ông ta sẽ giao đủ vào bất cứ lúc nào khách muốn. Lão phù thủy bằng lòng. Lão dặn các cây đèn phải sạch sẽ và bóng lộn, và hứa sẽ trả giá hời, rồi trở về quán trọ.

Ngày hôm sau, người bán đèn giao đủ một tá đèn, lão phù thủy trả đủ số tiền người đó đòi, không bớt một xu. Lão cho tất cả vào một chiếc thúng mang theo sẵn, rồi cắp chiếc thúng bên nách đi về phía tòa lâu đài của Alátđanh. Gần tới nơi, lão lớn tiếng rao : «Ai có đèn cũ muốn đổi lấy đèn mới nào ?» Lão vừa tới, thì lũ trẻ con chơi trên quảng trường nghe tiếng rao chạy vội đến vây quanh, rồi reo hò mà nhìn lão như nhìn một thằng điên. Những người qua đường cũng cười cho sự ngốc nghếch của lão. Họ nói : «Lão này hẳn phải mất hết trí khôn cho nên mới mang đèn mới đi đổi lấy đèn cũ».

Lão phù thủy người Phi chẳng quan tâm đến những tiếng reo hò của trẻ con cũng như tất cả những điều người ta có thể nói về lão; để đổi được hàng, lão tiếp tục rao : «Ai có đèn cũ muốn đổi lấy đèn mới nào ?». Lão cứ qua qua lại lại trước và quanh tòa lâu đài, và cứ rao mãi, đến nỗi công chúa Bađrunbuđua lúc ấy đang ngồi trong phòng khách hai mươi bốn cửa sổ, cũng nghe tiếng. Nhưng vì nàng không phân biệt rõ lời rao vì những tiếng hò reo của lũ trẻ con đi theo mỗi lúc một đông hơn, nàng sai một ả nữ tì ở gần nhất đi nghe cho rõ tiếng ồn ào ấy là gì.

Lát sau người nữ tì trở lên, ả vào phòng khách vừa đi vừa cười như nắc nẻ, đến nỗi công chúa trông thấy cũng không nhịn được cười : «Con điên kia, mày có chịu nói cho ta rõ vì sao mày cười không nào ?»

– Thưa công chúa, ai có thể nhịn cười được khi trông thấy một người điên tay cắp một chiếc thúng đựng đầy những cây đèn mới toanh, nhưng không rao bán mà lại đòi đổi lấy đèn cũ ! Chính lũ trẻ con đang vây kín lão, hầu như không cho lão đi, và chế giễu lão cho nên mới sinh ra tiếng ồn ào như vậy.

Đến đây, một nữ tì khác nói chen vào : «Nhân chuyện đèn cũ, không biết công chúa có để ý không, trên nóc cột kia của nhà ta có một chiếc. Ai là chủ nó chắc sẽ không bất bình về việc đánh đổi nó lấy một chiếc đèn mới. Nếu công chúa bằng lòng, ta có thể mang ra thử xem lão kia có thật là điên không, ai lại đổi đèn mới lấy đèn cũ mà không đòi bù các thêm tí gì bao giờ».

Cây đèn mà ả nữ tì nói đến ấy chính là cây đèn kỳ diệu đã đưa Alátđanh lên tới địa vị cao sang hiện nay; chàng đã để lên lấy trước khi đi săn để khỏi đánh rơi mất, mỗi khi đi xa chàng vẫn làm như vậy. Nhưng các nữ tì, hoạn nô cho đến công chúa cũng không ai để ý. Ngoài thời gian đi săn, chàng luôn luôn mang theo bên mình. Chắc có người sẽ bảo Alátđanh cẩn thận như vậy là đúng, song ít ra chàng phải cất kín cây đèn vào một nơi nào chứ. Đúng như vậy, nhưng thời buổi nào người ta chẳng phạm những sơ xuất tương tự, bây giờ cũng vậy và mãi mãi sau này cũng thế thôi.

Công chúa Bađrunbuđua không biết cây đèn quý báu vô cùng, nó quan hệ đến vận mệnh của Alátđanh cũng như của bản thân nàng, không được ai đụng đến mà phải giữ gìn cẩn thận, cho nên nàng cũng muốn đùa chơi. Nàng truyền cho một hoạn nô mang cây đèn xuống đổi. Viên hoạn nô tuân lệnh đi ra và vừa ra ngoài dinh

đã trông thấy lão phù thủy người Phi. Gã cất tiếng gọi, lão phù thủy đến gần, viên hoạn nô chỉ cây đèn cũ mà nói: «Hãy đổi cho tôi một cây đèn mới, lấy cây đèn này».

Lão phù thủy biết chắc đấy là cây đèn lão đang tìm kiếm. Không thể có một cây đèn nào khác trong lầu đài của Alátđanh, nơi mà tất cả đồ dùng đều bằng vàng hay bằng bạc. Lão nhanh nhẹn đỡ lấy, nhét sâu vào dưới áo rồi chìa cái sọt cho viên hoạn nô, bảo muốn lấy cây đèn mới nào thì lấy. Viên hoạn nô chọn lấy một chiếc rồi bỏ lão phù thủy ở đấy, mang cây đèn mới lên cho công chúa Bađrunbuđua. Cuộc đổi chác vừa xong, lũ trẻ con đã cười reo ầm ĩ vang cả quảng trường, chúng vừa cười vừa chế giễu cái mà chúng cho là sự ngốc nghếch của lão phù thủy.

Lão cứ để mặc cho chúng tha hồ hò la. Lão không nấn ná quanh dinh thự của Alátđanh nữa mà lặng lẽ và kín đáo lảng dần, tức là chẳng kêu rao gì nữa về chuyện đổi đèn mới lấy đèn cũ; lão chẳng còn thiết những cây đèn nào khác ngoài chiếc đang mang trong người, và lũ trẻ thấy lão im lặng cũng lảng xa dần và để cho lão đi..

Khi đã đi xa quảng trường nằm giữa hai tòa lâu đài, lão lẩn vào những đường phố vắng người qua lại nhất, và vì chẳng còn cần đến đèn và thúng nữa, lão nhìn trước nhìn sau không thấy có ai, liền bỏ tất cả lại giữa phố, rồi chuồn sang một phố khác và bước gấp cho đến khi tới được cổng thành. Đi một mạch ra ngoại ô cũng khá rộng, lão mua ít nhiều thức ăn rồi đi thẳng ra khỏi kinh thành. Đến nông thôn, lão rẽ ngang vào một nơi vắng vẻ không có ai trông thấy, cho đến lúc tìm được chỗ thuận tiện để thực hiện ý đồ đã đưa lão từ châu

Phi đến. Lão cũng chẳng tiếc con ngựa đã bỏ lại nơi quán trọ: lão cho rằng các báu vật lão vừa chiếm đoạt quá đủ đền bù cho lão rồi.

Suốt ngày hôm ấy lão ở yên chỗ đó, đợi cho đến đêm, vào lúc tối trời nhất. Lúc ấy lão mới lấy cây đèn từ dưới làn áo ra và miết tay vào. Theo lệnh gọi, thần đèn xuất hiện: «Ngài cần gì? Cùng với các nô lệ khác của cây đèn, tội sẵn sàng tuân lệnh ngài cũng như tuân lệnh tất cả những ai cầm đèn ở tay».

– Ta ra lệnh cho ngươi – lão phù thủy nói – ngay tức khắc hãy mang tòa lâu đài mà ngươi và các nô lệ khác của cây đèn đã cất nên trong thành phố này, y nguyên như vậy với tất cả những người sống bên trong, chuyển đến châu Phi vào chỗ ấy chỗ ấy...

Không đáp, thần đèn chuyển lão phù thủy và toàn bộ tòa lâu đài đến đúng vào nơi lão chỉ ở châu Phi, trong một thời gian rất ngắn.

Đến đây, chúng ta hãy tạm để lão phù thủy cùng tòa lâu đài và công chúa Badrunbuđua ở châu Phi, để nói về nỗi kinh ngạc của hoàng đế Trung Quốc.

Theo thường lệ, vừa ngủ dậy hoàng đế đã đến ngay cái buồng trống của mình để ngắm nghía lâu đài Alátđanh. Nhìn về phía vẫn quen nhìn, vua chỉ thấy một quãng đất trống giống hệt như dạo chưa xây dựng tòa nhà. Ngỡ mình nhầm, vua đưa tay dụi mắt, nhưng vẫn không trông thấy gì hơn mặc dù thời tiết rất tốt, bầu trời quang đãng và mặt trời cũng sắp mọc, làm cho mọi vật đều rất rõ. Vua nhìn qua cả hai cửa ở bên phải và bên trái, và vẫn chẳng trông thấy gì. Vua kinh ngạc đến nỗi đứng sững hồi lâu, mắt không rời phía tòa lâu đài giờ đây không còn nữa, cố nặn óc mà không làm sao hiểu được, không làm sao biết được do đâu một dinh cơ to lớn, lồ lộ như dinh của Alátđanh, mà từ ngày được xây cất theo phép của vua cho đến hôm qua

đấy, hầu như không hôm nào vua không trông thấy: ấy thế mà tự nhiên tan biến đi mất không để lại một chút dấu vết nào. «Ta không thể nhầm — vua tự nhủ — tòa lâu đài trước đây ở vào chỗ kia. Nếu nó đổ sụp xuống thì ít ra vật liệu cũng hãy còn thành đống; nếu nó lún ngầm vào dưới đất thì ít ra cũng có thể nhìn thấy vết ch...» Mặc dù chắc chắn tòa lâu đài không còn ở đấy nữa và chẳng biết nó biến mất bằng cách nào, vua vẫn chờ đợi một lúc để xem thử có phải mình quáng mắt không. Cuối cùng vua cũng đành bỏ đi và trước khi đi khuất còn quay lại nhìn một lần nữa, rồi trở về buồng riêng và ra lệnh hỏa tốc triệu tể tướng đến. Trong khi chờ đợi, vua ngồi xuống, đầu óc trăm mối ngổn ngang, không biết nên xử trí thế nào.

Tể tướng vội vàng đến ngay: ông đi hộc tốc đến nỗi cả ông và tất cả gia nhân tùy tùng đi ngang qua dinh phò mã mà không một ai để ý rằng nó không còn ở chỗ cũ nữa. Ngay cả bọn lính canh cổng, lúc mở cổng hoàng thành, cũng không để ý điều đó.

Vừa tới nơi, tể tướng nói: «Tâu bệ hạ, được lệnh đòi hỏa tốc, thần nghĩ chắc có một việc kỳ lạ làm vừa xảy ra, bởi vì bệ hạ rõ hôm nay là ngày thiết triều và thế nào trong chốc lát nữa thôi thần cũng đến làm phận sự».

— Việc vừa xảy ra thật là kỳ lạ, đúng như ông nói, rồi ông sẽ thấy ra. Hãy cho ta biết, dinh Alátđanh đâu rồi?

— Dinh quan phò mã ư tâu bệ hạ! — tể tướng ngạc nhiên đáp — thì thần vừa đi qua trước đó, và hình như nó vẫn ở nguyên chỗ cũ. Những công trình xây dựng kiên cố loại ấy không đổi chỗ dễ dàng như vậy.

— Ông hãy đi đến căn buồng kia mà xem, rồi trở lại đây cho ta hay có nhìn thấy hay không.

Tể tướng đi đến căn buồng trống, và nhận thấy đúng như hoàng đế vừa nói. Khi đã chắc chắn là tòa lâu đài

của Alátđanh không còn ở chỗ cũ nữa và cũng chẳng để lại một vết nhỏ nào, tể tướng quay trở lại buồng của vua.

«Thế nào, ông có nhìn thấy tòa lâu đài không? – hoàng đế hỏi».

– Tâu bệ hạ, bệ hạ chắc còn nhớ thần đã từng hân hạnh tâu với Người rằng tòa lâu đài với những của cải bên trong đã từng làm cho bệ hạ khâm phục, chỉ là trò ma phép quỷ của một tên phù thủy, nhưng bệ hạ đã không buồn để ý đến lời thần.

Không có cách gì bác điều tể tướng vừa nói vua càng nổi cơn thịnh nộ, nhất là khi không thể không thừa nhận là mình đã nhầm: «Tên dối trá, thằng súc sinh ấy đâu rồi, để cho ta ra lệnh chặt đầu?

– Tâu bệ hạ cách đây mấy hôm y có đến xin phép bệ hạ vắng mặt; ta hãy sai người tìm hỏi y dinh thự của y ở đâu rồi, không lý gì y không biết rõ

– Đối xử với nó như vậy thì quá khoan hồng – vua nói – ông hãy sai ba chục kỵ sĩ của ta đi bắt và xích cổ nó lại giải về đây cho ta.

Tể tướng đi truyền lệnh của vua cho các kỵ sĩ, và ra lệnh cho viên võ quan những việc làm cần thiết để Alátđanh khỏi trốn mất. Đội kỵ sĩ lên đường và gặp chàng đi săn trở về, ở cách kinh thành khoảng năm sáu dặm. Gặp chàng viên võ quan thưa hoàng đế nóng lòng muốn gặp phò mã, đã sai họ đến nói cho chàng rõ và rước chàng về.

Alátđanh không mảy may ngờ vực nguyên cớ thực đưa đội cận vệ của hoàng đế tới; trên đường về chàng vẫn tiếp tục săn bắn ung dung. Nhưng khi chỉ còn cách kinh thành chừng nửa dặm, đội cận vệ vây chặt chàng rồi viên võ quan cất lời: «Thưa phò mã Alátđanh, chúng tôi lấy làm tiếc mà thưa với ngài rằng theo lệnh của hoàng

để chúng tôi phải bắt và giải ngài về như một quốc tặc xin ngài thông cảm chúng tôi phải làm phận sự mà tha thứ cho».

Alátđanh vẫn nghĩ mình vô tội khi nghe lệnh hết sức ngạc nhiên. Chàng hỏi viên võ quan có biết chàng bị kết tội gì không, song chỉ được trả lời là cả y và lính dưới quyền của y không một ai hay biết gì sất.

Alátđanh thấy gia nhân của mình ít hơn nhiều so với đội lính, hơn nữa chúng cũng đang lảng xa dần, chàng liền xuống ngựa và nói: «Ta đây, các ngươi hãy thi hành mệnh lệnh được giao. Tuy nhiên ta có thể nói là ta không thấy mình tội gì đối với hoàng đế cũng như đối với triều đình». Bọn lính lấy sợi xích rất to, rất dài tròng vào cổ chàng rồi trói chặt hai tay vào thân, không cho cử động. Viên chỉ huy đi đầu hàng quân, một tên lính cưỡi ngựa cầm một đầu sợi xích đi bên cạnh, bắt Alátđanh phải đi bộ, và cứ như thế giải chàng về kinh thành.

Tốp kỵ binh vào đến ngoại ô, những người đầu tiên trông thấy Alátđanh bị giải như một tên trọng tội, đều tin chắc chàng bị đưa đi chặt đầu. Chàng vốn được mọi người yêu mến, cho nên dân chúng kẻ cầm gươm kẻ cầm giáo, những ai không có gươm giáo thì vác đá rượt theo bọn kỵ binh. Một vài tên lính đi cuối hàng quay trở lại làm ra vẻ muốn giải tán đám đông, nhưng chỉ một lát sau người ùn ùn kéo đến đông đến nỗi bọn lính đành phải vờ làm như không trông thấy, miễn làm sao về được đến hoàng cung mà không bị họ cướp mất Alátđanh là được. Để đạt mục đích đó, tùy theo đường phố rộng hay hẹp, bọn lính dàn hàng ngang khi thì dãn ra, khi thì khép lại cho chật hết lòng đường. Cứ như vậy, khi về đến quảng trường trước hoàng cung, chúng dàn thành hàng một quay mặt lại đám đông dân chúng vũ trang, cho đến khi viên võ quan cùng tên lính giải

Alátđanh vào lọt được trong hoàng thành và bọn lính cấm vệ đã đóng cổng lại, không cho dân tràn vào.

Alátđanh bị giải đến trước mặt hoàng đế. Vua đang cùng với tể tướng đứng chờ trên bao lơn; vừa trông thấy chàng vua liền truyền cho đao phủ đã được lệnh túc trực ở đấy, chặt đầu ngay tức khắc mà không buồn hỏi chàng một câu cho sáng tỏ ngọn nguồn.

Đao phủ túm lấy Alátđanh, tháo sợi xích tròng quanh cổ và quanh người chàng; rồi sau khi trải ra đất một tấm da từng nhuộm máu không biết bao nhiêu tội nhân y đã hành quyết, bảo chàng quỳ xuống và lấy khăn bịt mắt. Xong đâu đấy y rút gươm ra khỏi vỏ, lấy thế để chém, ướm thử rồi vung gươm múa ba vòng, quay tít trên đầu, chờ vua ra lệnh là chặt lấy thủ cấp Alátđanh.

Vừa lúc ấy tể tướng trông thấy đám đông dân chúng đã đẩy lùi được tốp kỵ binh và ùa vào chật cả quảng trường, đang trèo lên hoàng thành ở nhiều nơi, và bắt đầu phá một chỗ làm lối vào. Ông kịp nói, trước khi vua ra hiệu cho đao phủ: «Tâu bệ hạ, xin hãy nghĩ cho chín điều bệ hạ sắp làm, có thể dẫn đến nguy cơ hoàng cung bị tàn phá – Nếu biến cố ấy xảy ra kết quả sẽ rất tai hại».

– Hoàng cung của ta bị tàn phá!! Kẻ nào dám to gan như vậy?

– Xin hãy nhìn xuống tường hoàng thành và nhìn ra quảng trường bệ hạ sẽ thấy sự thật.

Nhìn thấy quần chúng xúc động sôi sục, vua khiếp quá, vội vàng hạ lệnh ngay cho đao phủ tra gươm vào vỏ, mở khăn bịt mắt cho Alátđanh và ân xá cho chàng. Vua cũng sai lính rao lớn là hoàng đế tha tội cho phò mã, truyền cho mọi người ai về nhà nấy.

Thế là những người đã trèo lên trên tường thành chứng kiến cảnh vừa xảy ra, liền từ bỏ ý định của mình. Chẳng mấy chốc họ xuống hết, và sung sướng vì đã cứu được tính mạng của một con người họ mến yêu thật

sự, họ loan truyền tin đó cho những kẻ đứng chung quanh. Tin truyền ra khắp đám đông trong quảng trường, cộng với tiếng rao của bọn lính leo lên các chòi cao, làm cho mọi người đều biết rõ. Tin hoàng đế ân xá Alátđanh làm quần chúng hạ khí giới, ngừng tiếng ồn ào, và không ai bảo ai, mọi người lục tục trở về nhà.

Được tự do, Alátđanh ngẩng đầu nhìn lên bao lơn trông thấy hoàng đế: «Muôn tâu bệ hạ — chàng cất lời thảm thiết — cúi xin bệ hạ ban thêm cho một ân huệ nữa, là ngoài việc ân xá vừa rồi, xin cho biết tôi đã phạm tội gì».

— Tội của mày ư tên khốn nạn! — vua đáp — mày không biết sao? Mày hãy lên đây, ta sẽ chỉ cho mày rõ».

Alatđanh lên tới nơi hoàng đế bảo: «Hãy đi theo ta» rồi vua đi trước mà không thèm nhìn chàng. Vua dẫn chàng đến căn buồng trống, và khi vừa đến trước cửa buồng vua bảo: «Hãy vào đi, mày hẳn biết rõ dinh thự của mày ở chỗ nào; hãy nhìn khắp nơi đi rồi nói cho ta biết nó ở đâu rồi».

Alátđanh nhìn và không trông thấy gì cả. Chàng nhận rõ đám đất nơi trước đây là tòa lâu đài của mình; nhưng vì không biết nó đã biến mất như thế nào, hiện tượng bất thường và kỳ dị ấy làm cho chàng hoang mang và kinh ngạc đến nỗi không thể nở miệng trả lời vua một tiếng.

Sốt ruột vua nhắc lại: «Hãy nói đi nào, dinh thự của mày và con gái ta ở đâu rồi?»

Bây giờ Alátđanh mới lên tiếng: «Tâu bệ hạ, xin thú thật là tôi đã nhận ra tòa lâu đài tôi cho xây cất nay không còn ở chỗ cũ nữa, nó đã biến mất và tôi cũng không thể tâu bệ hạ là hiện giờ nó ở chỗ nào, song tôi có thể quả quyết là kẻ này hoàn toàn chẳng dính líu gì đến sự kiện đó»

— Dinh cơ của mày ra sao, ta không cần biết — hoàng

để nói – con gái ta còn quý hơn một triệu lần. Ta muốn mày tìm ngay công chúa cho ta, nếu không ta sẽ chém đầu mày, và sẽ không ai còn có thể can ngăn ta không làm việc đó.

– Tâu bệ hạ, cúi xin bệ hạ cho tôi một thời hạn bốn mươi ngày, tôi xin cố hết sức mình; hết thời hạn đó nếu không đạt được kết quả, tôi xin thề sẽ mang đầu tôi đến đặt dưới chân ngai vàng để tùy ý bệ hạ định đoạt.

Hoàng đế nói :

«Ta đồng ý cho bốn mươi ngày nhưng mày chớ có lạm dụng lòng tốt của ta mà hòng trốn tránh. Mày có trốn lên trời, ta cũng có cách tìm ra»

Alátđanh từ giã hoàng cung vô cùng tủi nhục, dáng điệu của chàng trông thật đáng thương. Chàng cúi đầu bước qua cái sân, không dám ngước mặt nhìn lên; và các đại thần trong triều vốn là bè bạn của chàng và chưa từng có ai bị chàng làm phật ý, nay cũng không một người nào tiến đến gần để an ủi chàng và mời chàng về tạm trú tại nhà mình, tất cả đều quay mặt đi để khỏi nhìn thấy chàng cũng như để cho chàng khỏi nhận ra họ.

Nhưng cho dù có ai đến gần chàng để nói lên một vài lời an ủi hoặc hứa giúp đỡ một việc gì họ cũng không nhận ra Alátdanh nữa, chàng không còn tự chủ, đầu óc chàng không còn minh mẫn. Điều đó càng lộ rõ khi chàng ra khỏi hoàng thành; chàng ngơ ngẩn vào hết nhà này tới nhà khác và hỏi tất cả những ai gặp trên đường xem có trông thấy lâu đài của chàng ở đâu không, có ai biết tin tức gì về dinh cơ của chàng thì xin cho chàng rõ với.

Những câu hỏi đó làm mọi người cho là Alátđanh đã mất trí. Một số người chỉ cười thôi, nhưng những kẻ biết điều hơn, hoặc đã từng có chút cảm tình hay từng giao thiệp với chàng đều thực sự lấy làm thương hại.

Chàng lang thang ba ngày liền trong thành phố, khi thì đi về hướng này, khi thì chạy sang hướng nọ; ai làm phúc cho được miếng gì thì ăn miếng ấy, mà chẳng biết nên xử trí ra làm sao.

Cuối cùng, không thể chịu nổi cảnh thân tàn ma dại ngay trong một thành phố mình đã từng có một thời oanh liệt, chàng quyết định bỏ về nông thôn. Chàng tránh những con đường lớn và sau khi đi băng qua nhiều cánh đồng với một tâm trạng hoang mang cực độ, cuối cùng vào chập tối chàng đến bên bờ một con sông. Một ý nghĩ tuyệt vọng nảy ra trong trí, Chàng tự hỏi: «Ta đi tìm dinh thự của ta ở đâu? Ở tỉnh nào, ở nước nào, ở nơi nào trên trái đất, ta có thể tìm được tòa lâu đài cũng như nàng công chúa yêu quý của ta như nhà vua đã hỏi? Không bao giờ ta có thể đạt được kết quả, vậy thì tốt hơn là ta nên tự giải thoát khỏi bao nhiêu gian lao vất vả mà rút cuộc chẳng đi tới đâu, giải thoát khỏi những nỗi đau buồn cay đắng đang gặm nhấm người ta». Quyết định như vậy rồi, chàng sắp nhảy xuống sông; nhưng vốn là một người hồi giáo ngoan đạo, chàng tự thấy không thể quyên sinh khi chưa đọc kinh cầu nguyện. Để sửa soạn làm việc đó, chàng xuống sát mép nước định rửa mặt mũi chân tay đúng theo tục lệ. Nhưng vì bờ sông chỗ ấy khá dốc và trơn, chàng trượt chân và có lẽ đã lăn xuống nước, nếu không kịp bám vào một tảng đá trồi khỏi mặt đất cao chừng hai bộ. May mắn cho chàng, ở ngón tay chàng vẫn còn đeo chiếc nhẫn mà lão phù thủy người Phi đã đưa cho trước khi sai chàng xuống hang lấy chiếc đèn thần. Lúc tay chàng bấu hòn đá, chiếc nhẫn chạm vào khá mạnh. Lập tức thần nhẫn đã từng hiện lên dưới hang sâu sau khi lão phù thủy lấp hang chôn sống chàng, lại hiện ra trước mặt: «Ngài cần gì? – thần nhẫn hỏi – cùng với các nô lệ

khác của nhẫn tôi sẵn sàng tuân lệnh ngài cũng như tất cả những ai đeo nhẫn ở tay».

Sự xuất hiện thật quá bất ngờ đối với Alátđanh trong cơn tuyệt vọng, chàng vui mừng đáp : «Hỡi thần, người hãy cứu sống ta một lần nữa bằng cách nói cho ta rõ tòa lâu đài của ta đâu rồi, hoặc là đưa nó trở về ngay chốn cũ của nó»

— Điều ngài đòi hỏi không thuộc quyền lực của tôi — thần nhẫn đáp — tôi chỉ là nô lệ của cái nhẫn ngài h... hỏi nô lệ của cây đèn

Alátđanh tiếp :

«Nếu vậy thì ta ra lệnh cho người hãy đưa ta tới nơi có lâu đài của ta, cho dù nó đang ở chốn nào trên mặt đất và hãy đặt ta bên dưới cửa sổ buồng công chúa Bađrunbuđua»

Chàng vừa dứt lời, thần nhẫn đã cắp chàng mang sang châu Phi, đến tòa lâu đài xây dựng giữa một bãi cỏ rộng không xa một thành phố lớn, và đặt chàng đứng ngay vào bên dưới cửa sổ buồng riêng của công chúa. Tất cả những việc đó chỉ xảy ra trong nháy mắt.

Mặc dù đêm tối mịt, Alátđanh vẫn nhận rõ dinh thự của mình và buồng riêng của công chúa. Nhưng vì đêm đã khá khuya và mọi vật trong lâu đài đều êm ả, chàng lùi ra một ít, đến ngồi dưới một gốc cây. Ở đây, lòng tràn trề hi vọng, suy nghĩ đến sự may mắn hoàn toàn do tình cờ mà có, chàng cảm thấy tâm hồn yên tĩnh hơn rất nhiều kể từ khi bị bắt giải đến trước hoàng đế và sau đó được tạm tha tội chết. Chàng vui mừng hồi lâu với những ý nghĩ ấy; nhưng bởi vì đã năm sáu ngày liền không chợp mắt, buồn ngủ quá không cưỡng được, chàng thiếp đi ngay dưới gốc cây.

Sáng hôm sau, trời vừa rạng, Alátđanh được đánh thức dậy một cách khoan khoái bởi tiếng hót líu lo của muôn ngàn chim chóc ngủ đêm trên cây mà chàng đang

nằm dưới gốc và trên các cây cối rậm rịt trong vườn lâu đài. Đưa mắt nhìn tòa nhà tráng lệ, chàng cảm thấy một niềm vui không thể nào tả xiết, tưởng như mình sắp lại trở thành chủ nhân, và đồng thời cũng lại là chủ nhân của công chúa Badrunbudua yêu quý. Chàng đứng lên và bước đến gần buồng riêng của công chúa. Chàng đi đi lại lại một lúc bên dưới cửa sổ, chờ cho trong nhà sáng hẳn và có người nhìn thấy chàng. Trong khi chờ đợi, chàng cố nghĩ xem do đâu xảy ra điều bất hạnh, và sau khi suy đi nghĩ lại kỹ càng, chàng không chút nghi ngờ gì nữa, bao nhiêu điều không may xảy ra chỉ vì chàng đã xa rời cây đèn. Chàng tự trách mình hớ hửng và sơ suất, đáng ra không nên xa rời cây đèn bất cứ một lúc nào. Điều làm cho chàng băn khoăn hơn nữa là không biết ai là kẻ ghen ghét hạnh phúc của mình. Hẳn chàng đã hiểu ra ngay nếu biết lúc này đây chàng và tòa lâu đài đang ở trên đất Phi châu; song thần nhân không hề nói chàng rõ điều đó, và chính chàng cũng không hỏi. Chỉ cần nhắc đến hai tiếng châu Phi thôi đã đủ để gợi lên trong ký ức Alátđanh lão phù thủy người Phi, kẻ thù không đội trời chung với chàng.

Công chúa Badrunbudua, từ khi bị lão phù thủy dùng ma thuật bắt cóc đưa sang châu Phi, sáng nào cũng thức dậy sớm hơn thường lệ. Cho đến lúc bây giờ, ngày nào nàng cũng phải gặp mặt lão, bởi vì lão là chủ nhân tòa lâu đài; song lần nào nàng cũng đối xử với lão rất tàn tệ đến nỗi, lão chưa dám đến ở lại hẳn trong lâu đài. Sáng hôm ấy, nàng vừa mặc áo xong thì một ả nô tì nhìn qua bức mành che cửa sổ, nhìn thấy Alátđanh, vội vàng chạy đến báo cho nàng biết. Công chúa không dám tin là thật, lật đật đến bên cửa sổ và cũng nhìn thấy Alátđanh. Nàng vén bức mành. Nghe tiếng động Alátđanh ngước mắt, nhận ra nàng và chào

nàng với một vẻ mừng vui đến cực độ. Công chúa nói: «Để khỏi mất thì giờ sẽ có người xuống mở cánh cửa bí mật, chàng hãy vào và lên đây», nói xong hạ bức mành xuống.

Cái cửa bí mật ở ngay phía dưới buồng của công chúa, cửa mở, Alátdanh bước lên buồng nàng. Không thể nào diễn tả hết nỗi mừng của đôi vợ chồng tưởng đã vĩnh viễn biệt ly, nay lại được tái ngộ. Họ ôm hôn nhau nhiều lần và bằng nhiều cử chỉ tỏ rõ tình cảm nồng nàn sau thời gian xa cách đáng buồn và thật bất ngờ. Sau những cái hôn đầm đìa nước mắt họ ngồi xuống và Alátđanh bắt đầu nói «Công chúa ơi, trước khi nói đến chuyện gì khác, nàng hãy vì lợi ích của nàng, của phụ vương tôn kính và lợi ích của riêng tôi, mà xin cho biết cây đèn cũ tôi để trên đầu cột trong phòng khách có hai mươi bốn cửa sổ trước khi đi săn, nay ra sao rồi»

– Chàng thân yêu ơi – công chúa đáp – em đã ngờ ngợ rằng tai họa chung xảy đến cho hai ta là từ cây đèn ấy, và điều làm cho em buồn khổ là chính tự em gây nên tai họa

– Xin nàng chớ tự trách mình, gây nên mọi việc là tại tôi, lẽ ra tôi phải giữ gìn cây đèn cẩn thận hơn nữa thì mới phải. Thôi chúng ta hãy chỉ nên nghĩ tới cách bù đắp sự mất mát ấy, và vì vậy xin nàng hãy vui lòng kể cho tôi nghe sự việc đã xảy ra như thế nào, và cây đèn hiện rơi vào tay ai.

Công chúa Bađrunbuđua liền kể cho Alátđanh nghe đầu đuôi câu chuyện từ khi đổi cây đèn cũ lấy cây đèn mới – mà nàng sai mang đến cho chàng xem – cho đến đêm tiếp sau đó, nàng cảm thấy tòa lâu đài bị chuyển đi, rồi buổi sáng thức dậy thấy mình đã ở giữa châu Phi, mảnh đất xa lạ, mà sở dĩ nàng biết được là

do chính miệng tên lừa bịp ấy nói ra sau khi đã dùng thuật yêu phép quỷ chuyển dịch tòa nhà.

Alátđanh ngắt lời nàng :

«Công chúa ơi, tôi hiểu ngay tên phản phúc ấy là ai khi nàng cho biết chúng ta đang ở trên đất Phi châu. Hắn là tên gian trá nhất trần đời. Nhưng bây giờ không phải là lúc là nói kể lại cho nàng nghe chi tiết hơn về những việc làm độc ác của hắn. Tôi chỉ xin nàng cho biết hắn đã làm gì cây đèn và hiện nay cây đèn để ở đâu.

– Nó gói ghém rất cẩn thận và luôn luôn dắt trong người – công chúa đáp – em có thể quả quyết như vậy bởi vì hắn đã từng lấy từ trong người hắn ra và mở gói ngay trước mặt em.

Alátđanh liền bảo :

«Công chúa ơi, xin nàng chớ phiền lòng sao tôi hỏi chi nhiều cho nàng thêm mệt: những việc này rất hệ trọng đối với nàng cũng như đối với tôi. Điều đặc biệt quan trọng mà tôi muốn biết là tên độc ác và gian trá ấy đối xử với nàng thế nào»

– Từ hôm em đến đây, mỗi ngày hắn ta chỉ đến gặp em một lần, và em tin chắc là vì không hài lòng về những chuyến viếng thăm ấy cho nên hắn không quấy rầy em nhiều hơn nữa. Lần nào hắn ta cũng chỉ nói đi nói lại với em mỗi một chuyện là thôi đừng gắn bó với chàng nữa mà nên lấy hắn làm chồng. Hắn muốn làm cho em tin rằng không còn hi vọng gặp lại chàng, rằng chàng không còn nữa, phụ vương em đã sai hành quyết chàng rồi. Để thanh minh, hắn nói thêm, chàng là một người bội nghĩa, mọi phú quý vinh hoa của chàng chẳng qua đều nhờ hắn; hắn còn nói bao nhiêu chuyện khác nữa mà em đều để ngoài tai.

Lần nào hắn cũng buộc phải ra về không hài lòng gì hơn lúc đến bởi vì chỉ nhận được ở em những lời khóc lóc thở than. Tuy nhiên em cũng biết là hắn chờ cho

em khuây khỏa bớt những nỗi đau buồn sâu sắc nhất, may ra sẽ thay đổi ý kiến, sau đó nếu em còn cứ khăng khăng cự tuyệt hắn sẽ dùng đến lối vũ phu. Nhưng, hỡi chàng thân yêu, chàng tới được đây làm cho mọi nỗi lo âu của em tan biến hết.

— Công chúa ơi — Alátđanh ngắt lời — nàng nghĩ như vậy là rất tốt và ta đã tìm ra được cách xử trí kẻ thù của nàng và cũng là của ta. Nhưng để thực hiện được việc đó, ta cần phải lên tỉnh. Đến trưa ta sẽ quay lại, lúc ấy sẽ nói cho nàng rõ ý định của ta và những việc nàng cần làm để cho ý định ấy đạt kết quả. Song cũng xin nói trước để nàng khỏi ngạc nhiên là ta sẽ trở về trong một bộ áo quần khác; nàng hãy truyền để có người mở cánh cửa bí mật ngay cho ta khi nghe tiếng gõ.

Công chúa hứa với chàng là sẽ có người túc trực, sẵn sàng mở cửa ngay cho chàng.

Alátđanh rời buồng riêng của công chúa vẫn bằng cái cửa ngách ấy; ra ngoài đường đưa mắt nhìn quanh, chàng trông thấy một nông dân đang đi ra đồng.

Người nông dân ở phía bên kia tòa lâu đài và đi cũng đã khá xa, Alátđanh rảo bước đuổi theo. Đuổi kịp, chàng đề nghị người đó đổi áo và nói thiết tha đến nỗi anh ta nhận lời. Hai người ghé vào thay áo ở một bụi rậm rồi chia tay. Alátđanh trở về thành phố. Chàng đi vào phố chính thẳng đến cổng thành, rồi rẽ qua những đường phố đông đúc nhất tới một nơi có những phố phường riêng của mỗi loại nhà buôn và thợ thủ công. Đến phố hàng thuốc, chàng vào cửa hiệu to nhất, có nhiều mặt hàng nhất, hỏi chủ hiệu có bán một loại bột nọ hay không.

Người chủ hiệu thấy Alátđanh ăn mặc xoàng xĩnh, tưởng chàng nghèo, e không đủ tiền trả đáp rằng có nhưng cũng khí đắt đấy! Biết gã cho là mình nghèo, Alátđanh rút túi tiền ra cho gã xem tiền vàng rồi hỏi

mua nửa cân loại bột ấy. Chủ hiệu cân xong, gói lại trao cho Alátđanh và đòi giá một đồng vàng. Alátđanh đặt đồng tiền vào tay lão, rồi chỉ nán lại trong phố một chốc lát vừa vặn để ăn qua loa một thức gì đó rồi trở về ngay dinh cơ của mình. Đến cánh cửa bí mật, chàng không phải chờ đợi lâu, có người mở ngay, và chàng đi thẳng lên buồng riêng của công chúa: «Nàng ơi, vì căm ghét tên cưỡng đoạt ấy, chắc nàng sẽ không lấy gì làm vui mà thực hiện điều ta sẽ khuyên đây. Nhưng, cho phép ta được nói thật; giờ đây nàng phải giấu giếm tình cảm thật của mình, thậm chí phải nén lòng mà làm, nếu nàng muốn thoát khỏi bàn tay vũ phu của hắn, để cho phụ vương của nàng và cũng là chúa tể của ta, sung sướng được gặp lại nàng.

Nếu nàng sẵn lòng nghe lời ta – Alátđanh nói tiếp – thì ngay từ bây giờ nàng hãy lấy bộ áo quần đẹp nhất ra mặc, rồi lúc nào lão phù thủy người Phi đến, nàng hãy cố gắng tiếp đãi cho thật nồng nhiệt, một cách tự nhiên, thoải mái, nét mặt thật hân hoan, để cho dù có thoáng lộ đôi chút buồn phiền, lão cũng tin rằng với thời gian, rồi nó sẽ tiêu tan. Trong câu chuyện, nàng hãy làm cho lão thấy rằng nàng đang cố gắng quên ta, và để cho lão càng tin chắc vào lòng chân thực của nàng, hãy mời lão đến cùng ăn tối và nói thêm: nàng sẽ rất vui thích được thưởng thức loại rượu ngon nhất của quê hương lão. Chắc chắn lão sẽ tạm biệt nàng để đi lấy rượu. Thế là trong thời gian chờ lão trở lại, khi bàn tiệc đã bày ra, nàng hãy bỏ gói bột này vào một chiếc ly giống hệt như chiếc nàng vẫn thường dùng, rồi dặn trước một con hầu, bảo khi nào nàng ra một dấu hiệu đã giao hẹn trước với nó, thì hãy rót đầy rượu vào ly và mang đến cho nàng, chú ý không được để lẫn. Khi lão phù thủy trở lại và nàng cùng với lão đã ngồi vào bàn ăn, uống mấy lần tùy nàng xét định, lúc

ấy nàng sẽ gọi cho mang ly rượu có pha bột ra và đánh đổi ly rượu của nàng lấy ly của lão. Lão ta sẽ không dám từ chối một đặc ân lớn như vậy đâu. Lão sẽ uống kỳ cạn, không sót một giọt, và ly rượu vừa cạn, lão sẽ ngã vật ra ngay. Nếu nàng ghê không dám uống ly rượu của lão thì hãy làm bộ giả vờ như uống cũng được, chẳng có gì phải sợ: tác dụng của thuốc nhanh đến nỗi lão ta không kịp suy nghĩ xem nàng có uống thật hay không».

Alátđanh vừa dứt lời, công chúa nói: «Xin thú thật là em phải hết sức gắng lòng mới có thể tiếp đãi lão phù thủy theo cách chàng dặn, mà chính em cũng thấy là cần. Nhưng với một kẻ thù độc ác như hắn còn có cách nào khác hơn? Vậy nên em sẽ làm tất cả những gì chàng bảo, bởi vì sự yên vui của em cũng như của chàng đều tùy thuộc vào đây»

Bàn bạc xong đâu vào đấy với công chúa, Alátđanh cáo từ, ra ẩn nấu một nơi gần lâu đài cho đến tối mới trở lại cạnh cái cửa bí mật

Công chúa Bađrunbuđua, từ ngày phải xa cách không riêng Alátđanh, người chồng thân thương mà nàng yêu trước tha ngay từ khi mới gặp và sau đó vẫn tiếp tục yêu – xuất phát từ đáy lòng hơn là vì nghĩa vụ – mà còn phải xa cách vua cha nàng rất yêu quý và cũng rất quý yêu nàng, hoàn toàn không một lúc nào nghĩ tới chuyện điểm trang. Có thể nói nàng hầu như không đoái hoài tới lược gương, như thói thường của nữ giới, đặc biệt từ sau lần đầu tiên lão phù thủy châu Phi đến gặp nàng và bị các nữ tì nhận ra và cho nàng hay chính lão là kẻ đã mang đèn mới đến đổi lấy chiếc đèn cũ; nàng ghê tởm lão vì sự đảo điên ghê gớm ấy. Nhưng đây là một dịp để trả thù một cách xứng đáng, mà chính nàng cũng không hề dám ước mơ, cho nên nàng quyết định làm theo lời Alátđanh. Bởi vậy, chàng vừa đi khỏi,

nàng bắt đầu trang điểm, nàng sai bọn con hầu chải tóc vấn khăn thế nào cho đẹp nhất, rồi mặc bộ áo quần sang trọng nhất, thích hợp nhất với ý nghĩ của mình. Chiếc thắt lưng nàng thắt toàn bằng vàng lại nạm những viên kim cương to nhất, đều nhặt, đi đôi với cái thắt lưng ấy nàng đeo một chuỗi hạt chỉ gồm mười ba viên ngọc, sáu viên mỗi bên đều cân xứng với viên chính giữa cực to cực quý, đến nỗi những hoàng hậu và vương phi lớn nhất nếu có được một chuỗi gồm những hạt ngọc chỉ to bằng hai viên bé nhất của công chúa thôi cũng đủ lấy làm hạnh phúc lắm rồi. Các vòng tay nạm lẫn kim cương và hồng ngọc, cũng đều quý giá và cân xứng tuyệt với với chiếc thắt lưng và chuỗi hạt

Ăn mặc điểm trang xong đâu vào đấy, công chúa Badrunbuđua soi gương, hỏi ý kiến những người hầu về toàn bộ bộ cánh của mình, và sau khi thấy không còn sót một thứ gì không làm cho lão phù thủy điên cuồng mê mẩn, nàng ngồi xuống chiếc sập chờ lão đến.

Lão phù thủy quả đến đúng giờ thường lệ. Ngồi trong phòng khách hai mươi bốn cửa sổ, vừa trông thấy lão bước vào, công chúa đã vội đứng lên, xiêm y rực rỡ, nhan sắc tuyệt trần, và đưa tay chỉ chỗ danh dự mời lão ngồi rồi đến cùng ngồi bên cạnh lão — đấy là một cử chỉ lịch thiệp đặc biệt nàng chưa hề đối xử với lão bao giờ.

Choáng váng trước nhan sắc lộng lẫy của công chúa cũng như trước bao ngọc ngà châu báu mà nàng điểm trang, lão phù thủy cực kỳ kinh ngạc. Phong thái đường bệ và vẻ yêu kiều đặc biệt của nàng khi đón tiếp lão, ngược hẳn với thái độ cự tuyệt của nàng từ trước tới nay mỗi lần lão đến, làm cho lão đâm ra bối rối. Thoạt tiên lão muốn ngồi vào một góc sập; nhưng thấy công chúa không chịu an tọa chừng nào lão còn chưa ngồi vào nơi nàng muốn, lão đành vâng lời.

Khi lão phù thủy đã ngồi yên chỗ, công chúa muốn giúp lão thoát khỏi cơn bối rối, liền đưa mắt nhìn lão với cái nhìn cố ý làm cho lão thâm hiểu đối với nàng, lão không còn khá ỏ như những lần gặp trước, rồi cất lời: «Có lẽ ngài lấy làm lạ sao hôm nay thái độ của em khác với mọi lần trước gặp ngài, nhưng ngài sẽ hiểu rõ một khi biết rằng bản tính em không thích sầu não, nhớ nhung, buồn phiền, lo lắng, việc gì đã qua rồi thì em cố hết sức để không nghĩ ngợi đến nữa. Em đã suy nghĩ nhiều những điều ngài nói về số phận của Alatđanh, và em biết tính vua cha em lắm cho nên em cũng tin như ngài rằng chàng khó thoát khỏi búa rìu sấm sét của cha em. Đã thế thì dù em có cố tình than khóc suốt cả đời, nước mắt của em vẫn không thể nào làm cho chàng sống lại được. Chính vì vậy mà sau khi đã đền đáp nghĩa chàng cho đến khi vĩnh quyết đựng với đạo vợ chồng, em thấy rằng phải tìm cách để tự mình khuây khỏa. Đó chính là nguyên nhân đưa đến sự thay đổi mà ngài trông thấy ở em hôm nay. Em đã quyết sẽ thôi không buồn nữa, và để giải hẳn mối sầu này, em xin mời ngài dự cơm tối với em. Tin chắc ngài sẽ không từ chối em đã truyền cho gia nhân bày tiệc. Nhưng bởi vì nhà chỉ có rượu Trung Quốc mà em lại đang ở trên đất châu Phi, em nảy ra ý muốn được thưởng thức rượu đặc sản của địa phương, và em tin rằng nếu có thì ngài hẳn có thể cho tìm những thứ nào ngon nhất.

Lão phù thủy người Phi vẫn nghĩ rằng không thể nào mau chóng và dễ dàng được công chúa Bađrunbudua đối xử thân tình đến thế liền đáp là lão không tìm được lời lẽ nào xứng đáng để nói lên sự cảm kích trước lòng tốt của nàng. Và để tránh phải kéo dài một câu chuyện mà có lẽ lão sẽ không biết cách nào đối đáp, lão vội quay sang nói về rượu châu Phi mà nàng vừa

nhắc tới. Lão nói rằng trong tất cả những ưu thế mà cháu Phi có thể tự hào, sản xuất rượu ngon là một trong những ưu thế chính nhất, đặc biệt tại vùng nàng đang ở đây; rằng lão có một loại rượu cất đã bảy năm nay chưa hề động đến, dù không dám nói quá lời, đó là loại rượu ngon hơn tất cả mọi loại rượu tuyệt vời trên thế gian.

«Nếu công chúa vui lòng cho phép – lão nói tiếp – tôi sẽ đi lấy hai chai và trở lại ngay tức khắc».

– Em không dám phiền ngài; có lẽ ngài nên sai một người nào đi lấy thì hơn.

– Tôi phải thân hành đi – lão phù thủy nói – không một ai ngoài tôi ra biết chìa khóa kho để ở đâu, và cũng không một ai ngoài tôi ra biết cách mở khóa.

– Nếu quả như vậy thì xin ngài hãy đi đi, và xin trở lại nhanh nhanh cho. Ngài càng đi lâu, em càng sốt ruột; xin ngài nhớ cho rằng ngài trở lại lúc nào chúng ta vào tiệc ngay lúc ấy.

Lòng tràn trề hy vọng về cái hạnh phúc lão không ngờ, lão phù thủy người Phi không phải chạy mà là bay đi lấy thứ rượu cất đã bảy năm của lão, và trở lại khá nhanh. Công chúa cũng thừa biết lão sẽ quay trở lại ngay, cho nên đã tự tay bỏ gói thuốc bột Alátđanh đưa cho vào một cái ly nàng vừa mới dùng, và để riêng ra một chỗ. Nàng và lão phù thủy ngồi vào bàn ăn, mặt đối mặt, và nàng cố tình để cho lão ngồi quay lưng về phía tủ rượu. Vừa mới lão ăn những món ngon nhất, công chúa vừa bảo «Nếu ngài muốn, em sẽ truyền cho cử nhạc và ca hát; song bởi vì chỉ có hai ta em nghĩ rằng chúng ta nói chuyện với nhau có lẽ thích hơn» Lão phù thủy cho rằng công chúa nghĩ như vậy thật là một đặc ân nữa đối với lão.

Ăn được mấy miếng công chúa sai rót rượu. Nàng nâng cốc chúc sức khỏe lão phù thủy; và cạn chén

xong nàng nói : «Ngài khen loại rượu này là phải lắm; chưa bao giờ em được uống thứ rượu tuyệt diệu thế này».

Sau khi tiếp tục ăn và uống vài ba tuần rượu nữa, thấy lão phù thủy đã thật sự mê mẩn vì thái độ lịch sự và cách thù tiếp ân cần của mình, công chúa liền ra hiệu cho a nô tì đang tiếp rượu, vừa lớn tiếng sai ả rót đầy ly của nàng và ly của khách. Kẻ hầu dâng rượu. Khi lão phù thủy và nàng mỗi người đã cầm một ly, nàng nói : «Em không hiểu theo phong tục ở quý quốc, khi đã thật sự yêu nhau và cùng uống rượu với nhau như hai ta đây, thì người ta xử sự thế nào. Còn ở bên Trung Quốc quê em đôi uyên ương cùng nhau đổi chén, và như vậy là uống để chúc mừng sức khỏe của nhau». Vừa nói nàng vừa nâng ly rượu của mình đưa cho lão đồng thời đưa tay kia ra chờ đón ly rượu lão trao.

Lão phù thủy người Phi vội vàng đổi ly rượu, lão càng chắc mẩm đây là dấu hiệu rõ ràng chứng tỏ lão đã hoàn toàn chinh phục được trái tim công chúa, và ý nghĩ đó càng làm cho lão sướng rơn. Trước khi cạn chén, lão nói, ly rượu cầm ở tay : «Thưa công chúa, người châu Phi chúng tôi quả là chưa được tinh tế bằng người Trung Quốc trong các chuyện yêu đương, và trong khi tiếp thu một bài học chưa từng được biết, tôi cũng hiểu thêm là tôi thật thấm thía sâu sắc đặc ân của nàng. Công chúa yêu kiều ơi, tôi sẽ không bao giờ quên rằng, uống rượu trong ly của nàng kẻ này tìm lại được cuộc sống tưởng đã tuyệt vọng nếu nàng cứ đối xử với tôi như trước đây».

Công chúa Badrunbudua đã chán ngấy những lời tán tỉnh tràng giang đại hải của lão phù thủy, liền ngắt lời : «Mời ngài hãy cạn chén, rồi sẽ nói tiếp những lời ngài muốn dạy bảo em».

Vừa nói năng vừa đưa ly rượu lên miệng và chỉ chạm đầu môi vào, trong lúc lão phù thủy, để tỏ ra nhanh nhẩu đã nốc cạn một hơi cho đến giọt cuối cùng. Uống xong, lão hơi ngửa đầu về sau để tỏ ra mình đã cạn chén, và đứng sững một lúc như vậy cho đến khi công chúa, ly rượu vẫn chạm ở đầu môi, trông thấy đôi mắt lão trợn trừng và thân hình lão ngã vật ra bất tỉnh nhân sự.

Công chúa không cần truyền lệnh mở cánh cửa bí mật cho Alatđanh. Những người hầu của nàng, được mật báo từ trước, đã rải ra từng quãng một từ phòng khách xuống tận dưới chân cầu thang, thành thử lão vừa lăn kềnh xuống thì cánh cửa cũng vừa mở ra gần như ngay tức khắc.

Alátđanh đi lên và bước vào phòng khách. Chàng ôm hôn công chúa vừa đứng dậy định ra đón chàng. Thấy nàng tỏ ý mừng vui chàng nói: «Công chúa ơi, bây giờ chưa phải lúc; xin nàng vui lòng trở về buồng riêng và ra lệnh cho mọi người đi ra ngoài, trong khi tôi làm cái việc đưa nàng trở về Trung Quốc cũng nhanh chóng như lúc nàng bị đưa đến đây».

Đúng như vậy, khi công chúa cùng với những người hầu và hoạn nô đi ra ngoài, Alátđanh đóng cửa lại, đến gần xác lão phù thủy nằm chết thẳng cẳng, mở khuy áo lão và lấy ra cây đèn được gói ghém cẩn thận đúng như công chúa đã chú ý. Chàng mở gói và miết vào đèn. Lập tức thần đèn hiện lên với lời chào hỏi thường lệ. Alátđanh bảo: «Ta gọi ngươi đến đây để nhân danh cây đèn chủ của ngươi mà ngươi trông thấy đây, ra lệnh cho ngươi ngay tức khắc hãy đưa toà lâu đài này trả về đúng vào chỗ cũ của nó bên Trung Quốc». Thần đèn khẽ cúi đầu tỏ ý tuân lệnh và biến mất. Quả nhiên việc di chuyển diễn ra; và mọi người chỉ cảm thấy hai lần bị lay động nhẹ, một lần lúc toà lâu đài được nhấc

bổng lên từ một nơi bên châu Phi, và một lần khi nó được đặt xuống đất Trung Quốc, đối diện với hoàng cung, hai lần lay động cách nhau một thời gian rất ngắn.

Alátđanh đi xuống buồng riêng của công chúa, ôm hôn nàng và nói: «Công chúa ơi, ta có thể quả quyết với nàng rằng niềm vui của nàng và của ta sáng sớm mai sẽ trọn vẹn». Vì công chúa chưa ăn xong và Alátđanh thì đang đói, nàng liền sai mang từ phòng khách hai mươi bốn cửa sổ xuống những món ăn vừa dọn ra đấy và hầu như chưa ai động vào. Hai vợ chồng cùng ăn và uống thứ rượu quý lâu năm của lão phù thủy; sau đó chuyện trò vui vẻ rồi lui về buồng riêng.

Từ khi lâu đài Alátđanh biến mất và công chúa Bađrunbuđua bị bắt cóc, hoàng đế vua cha của nàng tưởng đã mất hẳn con, buồn không thể nào tả xiết. Hầu như ngày cũng như đêm vua không chợp mắt; và đáng lẽ tránh những thứ gì có thể gợi buồn, vua lại cố tình tìm những cái đó. Khác với trước kia mỗi ngày vua chỉ đến căn phòng trống vào buổi sáng để ngắm nghía tòa lâu đài cho thỏa thích và không bao giờ lấy làm chán, bây giờ một ngày vua đến đấy nhiều lần, mỗi lần lại khóc lóc và đau khổ hơn, nuối tiếc hơn vì không thể nhìn thấy lại cái mình xiết bao ưa thích, vì đã mất đi đứa con yêu quý nhất trên đời. Đúng vào buổi sáng tòa lâu đài của Alátđanh được đưa trả về chỗ cũ, trời vừa rạng đông, hoàng đế đã đến căn phòng trống ấy. Lòng quá sầu não, lúc bước vào vua chỉ đưa đôi mắt buồn bã nhìn về phía quảng trường, ngỡ là chỉ nhìn thấy cảnh trống trải như mọi bận. Nhưng khi nhìn thấy khoảng trống ấy đã có vật gì che lấp, thoạt tiên vua tưởng rằng đây là do sương mù gây nên. Vua nhìn chăm chú hơn, và nhận ra đây là dinh cơ của Alátđanh mà vua biết quá rõ, không thể nào nhầm lẫn được. Thế là, hết buồn phiền sầu não, lòng rạng rỡ mừng vui, vua

rảo bước trở về buồng riêng và truyền lệnh thắng yên cương mang ngựa lại ngay cho mình. Ngựa được đưa đến, vua nhảy lên đi ngay mà vẫn cảm thấy sao chậm đến được tới dinh Alátđanh thế!

Đã đoán được điều sẽ xảy ra Alátđanh thức dậy từ lúc tảng sáng. Vừa mặc xong bộ áo quần sang trọng nhất, chàng lên phòng khách hai mươi bốn cửa sổ, thì vừa trông thấy hoàng đế đang đi ngựa tới. Chàng xuống thang, vừa kịp đón vua ngay ở chân cầu thang lớn và đỡ vua xuống ngựa. Vua nói: «Alátđanh, ta chỉ có thể nói chuyện với người sau khi ta trông thấy và ôm hôn con gái ta».

Alátđanh dẫn vua tới buồng riêng của công chúa Badrunbuđua. Công chúa vừa thức dậy đã được Alátđanh nhắc là nên nhớ nàng không còn trên đất Phi châu mà ở Trung Quốc, ngay trong kinh thành của phụ vương mình, bên cạnh cung điện của người; lúc ấy nàng cũng vừa mặc áo xong. Hoàng đế ôm hôn con gái nhiều lần, mặt đầm đìa nước mắt mừng vui, và công chúa cũng không sao biểu lộ hết lòng hân hoan được gặp lại cha.

Hoàng đế một lúc lâu không tài nào mở miệng nói lên lời để tỏ cho con gái biết mình xúc động xiết bao được trông thấy nàng sau khi đã bao lần than khóc tưởng nàng chắc chắn không còn sống nữa. Công chúa về phần mình cũng khóc như mưa vì mừng được gặp lại cha.

Cuối cùng vua nói nên lời: «Con ơi, cha muốn tin rằng vì vui mừng được gặp cha cho nên con có vẻ không thay đổi nhiều, như thể đã không xảy ra việc gì đáng bực. Tuy nhiên, cha tin chắc con đã phải đau khổ nhiều. Không thể nào bị chuyển đi cùng với cả tòa lâu đài, đột ngột như đã từng xảy ra với con, mà không

phải hoảng hốt và lo âu ghê gớm. Cha muốn con hãy thuật lại cho cha nghe mọi việc và không che giấu một điều gì».

Công chúa lấy làm vui lòng được trình bày rõ ràng điều vua cha muốn biết. «Tâu bệ hạ – nàng đáp – nếu con có vẻ không thay đổi mấy, ấy là nhờ con bắt đầu thở được từ sáng sớm hôm qua khi trông thấy Alátđanh người chồng thân yêu và người giải thoát cho con, mà con vẫn khóc than cầm bằng như đã mất rồi, và chính niềm hạnh phúc được ôm hôn cha hôm nay đã làm cho con gần lại sức hoàn toàn như trước.

Tuy nhiên, tất cả mọi nỗi đau khổ của con thật ra chỉ tại con buộc phải xa lìa vua cha và người chồng thân yêu của con, con không chỉ thương nhớ chàng mà còn e chàng phải chịu oai sấm sét mặc dù vô tội. Con không phải khổ nhiều vì tội hỗn xược của tên đã bắt cóc con, hắn chỉ nói những điều con không thích. Con có cách ngăn không cho hắn nói. Ngoài ra, con cũng chẳng bị bó buộc gì hơn lúc này đây. Còn về việc con bị bắt cóc, Alátđanh hoàn toàn không can dự; chính con đã gây nên, tuy rằng không phải tại lòng con muốn thế».

Để cho hoàng đế tin chắc những lời vừa nói là đúng sự thật, công chúa kể lại chi tiết từ việc lão phù thủy cải trang làm người đi buôn đổi đèn mới lấy đèn cũ; việc nàng vì không rõ bí mật và tầm quan trọng của cây đèn thần cho nên sai mang ra đổi lấy đèn mới cho vui; việc phải chuyển sang châu Phi cùng với lão phù thủy, lão này sau khi thành công trong việc làm táo bạo ấy, lần đầu tiên đến gặp nàng và đòi nàng lấy lão, thì bị hai người hầu gái và viên hoạn nô đã mang cây đèn xuống đổi nhận diện; cho đến cảnh đày đọa nàng phải chịu đựng mãi tới khi Alátđanh đến; cách thức hai vợ chồng cùng bàn bạc và thực hiện để đoạt lại cây đèn lão phù thủy mang trong người; và hai vợ chồng,

đặc biệt là nàng đã thành công như thế nào qua việc giả vờ ân cần với lão, mời lão ăn cơm tối với mình để rồi đánh tráo ly rượu; «Còn những gì xảy ra sau đó, con xin nhường lời để Alátđanh tâu với cha» — nàng nói tiếp.

Alátđanh chẳng có gì nhiều để kể lại cho vua nghe. Chàng nói: «Khi cánh cửa bí mật mở ra, con lên tới phòng khách hai mươi bốn cửa sổ, đã thấy tên phản trắc bị thuốc độc ngấm vào nằm chết trên sập, và vì không tiện để công chúa ở lại đấy lâu hơn, con đã mời nàng cùng với bọn hầu gái và hoạn nô xuống buồng riêng. Con ở lại một mình, và sau khi lấy cây đèn trong người lão phù thủy, con lại dùng cái bí quyết lão ta đã dùng để cưỡng đoạt tòa lâu đài cùng công chúa. Con sai chuyển tòa lâu đài trả về chỗ cũ, và được vinh hạnh đưa công chúa về với bệ hạ, như ý nguyện của nàng. Con không dám mời bệ hạ, nhưng nếu người vui lòng quá bộ lên phòng khách, người sẽ trông thấy lão phù thủy bị trừng trị đáng với tội trạng của lão»

Để hoàn toàn nắm chắc sự thật, hoàng đế đứng dậy, đi lên phòng khách; và khi trông thấy lão phù thủy người Phi nằm chết, mặt nhợt nhạt vì ngấm thuốc độc, vua ôm hôn Alátđanh rất âu yếm và nói với chàng: «Con ơi, xin con chớ để bụng về những cách cha đã đối xử với con; tình phụ tử buộc cha phải làm như vậy, con hãy tha thứ cho cha những việc làm hơi quá đáng»

— Tâu bệ hạ, con hoàn toàn không có điều gì dám phàn nàn về cách xử sự của bệ hạ. Ngài làm như vậy cũng phải thôi. Chính lão phù thủy, tên súc sinh, kẻ đốn mạt ấy mới là nguyên nhân duy nhất làm cho con bị thất sủng. Bao giờ bệ hạ rỗi rãi, con sẽ xin kể lại hầu Ngài một chuyện độc ác khác của lão đối

với con, còn hơn chuyện vừa rồi, mà con thoát được đặc biệt nhờ ơn cao Thượng đế.

– Ta sẽ dành riêng một buổi cho chuyện đó, và cũng gần đây thôi. – vua đáp – Giờ đây chúng ta hãy nghĩ tới chuyện mừng vui; con hãy cho dọn cái vật gớm ghiếc kia đi.

Alatđanh sai mang xác lão phù thủy đi, và truyền đưa vất ở bãi rác cho diều tha quạ mổ. Trong thời gian ấy hoàng đế ra lệnh nổi tiếng chiêng đàn sáo báo tin vui chung, và cho ban bố hội lớn kéo dài mười ngày để mừng công chúa và phò mã trở về bình yên cùng với tòa lâu đài của họ.

Lần thứ hai, Alatđanh thoát được một cơn hoạn nạn, gần như khó tránh khỏi thiệt mạng. Nhưng đây cũng chưa phải là lần cuối cùng. Chàng còn phải lâm nạn một lần thứ ba nữa.

Số là lão phù thủy người Phi có một đứa em một, không những pháp thuật cao cường không kém lão mà tính tình độc ác và mánh khóe hại người lại còn hơn đứt lão. Vì không phải lúc nào chúng cũng ở cùng với nhau trong một thành phố, và thường là khi tên này ở xứ đông thì lão kia ở xứ đoài, cho nên năm nào chúng cũng không quên dùng phép bấm độn để biết tên kia hiện đang ở nơi nào trên trái đất, tình cảnh ra làm sao và có gì cần cứu giúp lẫn nhau hay không.

Ít lâu sau khi lão phù thủy bỏ mạng trong mưu đồ phá hoại hạnh phúc của Alatđanh, tên em trai của lão lúc bấy giờ đang ở một xứ rất xa xôi nên không có mặt tại châu Phi. Từ một năm nay không biết tin tức ông anh, hắn muốn tìm hiểu xem anh hiện đang ở nơi nào trên trái đất, có mạnh khỏe không và đang làm gì. Hắn mang

các thứ đồ nghề ra, tính tính toán toán. Gieo quẻ đầu, hắn biết ông anh không còn sống trên đời này nữa; gieo quẻ thứ hai, hắn biết ông anh đã bị đầu độc và chết bất đắc kỳ tử; gieo quẻ thứ ba, hắn biết việc ấy xảy ra bên Trung Quốc; gieo quẻ nữa, hắn biết là đúng vào chỗ nọ trong kinh thành nước này; và cuối cùng biết được lão ta bị đầu độc bởi một con người xuất thân hàn vi vừa lấy được công chúa con vua làm vợ.

Sau khi đã bằng cách đó, biết được số phận đáng buồn của ông anh rồi, hắn không để mất thời giờ khóc lóc thở than, vì có làm như vậy cũng chẳng khiến cho anh sống lại được. Quyết trả thù cho anh, hắn lập tức lấy ngựa lên đường đi sang Trung Quốc. Đi một mạch qua hết đồng bằng, núi non và sa mạc, hắn không dừng chân ở một nơi nào, chịu đựng không biết bao gian nan khổ ải. Cuối cùng hắn đến được đất Trung Quốc, rồi ít lâu sau vào tới kinh thành, đúng như quẻ bói của hắn đã cho biết. Chắc chắn là không nhầm lẫn hắn dừng lại và tìm chỗ trọ.

Ngày hôm sau, lão phù thủy đi dạo ra phố không phải để ngắm cảnh đẹp – hắn cũng chẳng thiết gì đến danh lam thắng cảnh – mà để bắt đầu tìm cách thực hiện mưu đồ độc địa của mình. Hắn đi đến những nơi đông đúc nhất và lắng tai nghe người ta đàm đạo. Tại một nơi có đủ các trò chơi giải trí, những người này thì vui chơi, những người kia thì nói chuyện với nhau về nhân tình thế thái hoặc về công việc làm ăn, hắn nghe người ta bàn tán về một người đàn bà sống ẩn dật tên là Phatim phép thuật nhiệm màu, đức độ vô song, có thể làm nên những điều kỳ diệu nữa là khác. Nghĩ rằng bà này có thể có ích ít nhiều cho mưu đồ của mình, hắn gọi một người đang nói chuyện ra riêng một

nói và yêu cầu vui lòng nói rõ hơn cho hắn nghe người đàn bà thánh ấy là ai và bà ta làm nên những phép nào như ra sao.

– Thế nào! bác chưa bao giờ trông thấy hoặc nghe nói đến bà ấy ư? Cả thành phố này đều ngưỡng mộ sự chân tu khổ hạnh và tấm gương đạo đức của bà. Trừ ngày thứ hai và thứ sáu, bà không ra khỏi cái am nhỏ của mình, còn những ngày ra phố bà ban không biết bao nhiêu là phép lành; chưa hề một ai khổ sở vì cơn bệnh đau đầu mà không được chữa khỏi nhờ bàn tay bà đặt lên trán.

Lão phù thủy không muốn biết nhiều hơn về chuyện ấy nữa, hắn chỉ hỏi thăm cái am tu của bà ở vào khu nào trong thành phố. Người kia chỉ cho; thế là sau khi trù tính xong âm mưu đen tối của mình, hắn chờ cho đến hôm bà đi làm phúc đầu tiên kể từ khi hắn hỏi dò, hắn bám sát cho đến chiều tối, lúc bà trở về am. Nhận kỹ địa điểm rồi hắn trở về quán trọ, nơi người ta vẫn đến uống rượu hâm nóng và cũng có thể nghỉ lại, đặc biệt vào những tiết trời nóng nực, khi mọi người thích trải chiếu ra đất nằm hơn là ngủ trên giường.

Lão phù thủy sau khi trả cho chủ quán món tiền trọ chẳng đáng là bao, đến nửa đêm thức dậy ra khỏi quán và đi thẳng đến cái am của Phatim thánh nữ – khắp kinh thành này mọi người đều gọi bà bằng cái tên ấy. Cửa am chỉ cài then, hắn mở chẳng khó nhọc gì. Hắn nhẹ nhàng đóng cửa lại, đi vào và nhờ ánh trăng nhìn thấy Phatim đang nằm ngủ ngoài trời, trên một chiếc chiếu rách và dựa vào am tu. Hắn tiến đến gần, rút chiếc dao găm vẫn đeo bên người ra khỏi vỏ, rồi đánh thức bà dậy.

Bừng tỉnh, bà Phatim đáng thương rất ngạc nhiên thấy một người đàn ông sắp giết mình. Hắn dí lưỡi dao vào ngực bà, sẵn sàng đâm, và dọa: «Nếu mày

kêu lên hoặc gây nên một tiếng động nhỏ, thì tao giết. Hãy đứng lên, tao bảo gì làm nấy».

Bà Phatim vẫn mặc áo quần ngoài mà ngủ, vừa run vừa đứng dậy. Lão phù thủy nói: «Chớ có sợ, tao chỉ cần chiếc áo của mày, hãy cởi ra đưa đây và mặc áo của tao vào» Hai bên đổi áo cho nhau. Mặc xong chiếc áo của Phatim vào người hắn bảo bà: «Hãy tô mặt cho ta như mặt mày, làm sao cho giống và không phai màu». Thấy bà vẫn còn run; để cho bà vững tay làm công việc hắn truyền, lão phù thủy nói: «Đừng sợ nghe ta bảo đây ta thề trước Thượng đế là ta sẽ để cho mày sống» Bà Phatim đưa lão vào trong am, thắp đèn lên, rồi lấy một cái lọ đựng một thứ nước gì đó và một cái bút lông, bà phết lên mặt lão và quả quyết là màu sẽ không phai, màu da mặt của hắn sẽ giống mặt bà như in; bà lại đội lên đầu hắn chiếc khăn của mình, kèm theo một tấm mạng che mặt và bày cho hắn biết cách dùng để che mặt lúc đi ra phố. Cuối cùng, sau khi quàng vào cổ hắn một chuỗi hạt to trễ xuống tận rốn, bà đặt vào tay hắn chiếc gậy bà vẫn dùng, rồi đưa cho hắn một chiếc gương soi: «Đây, ngài xem, ngài sẽ thấy giống tôi như lột».

Lão phù thủy thấy vừa ý, nhưng hắn không giữ ven lời thề thốt long trọng với bà Phatim hiền hậu. Để người ta khỏi thấy vết máu đâm bằng dao, lão phù thủy bóp cổ bà, rồi khi thấy bà tắt thở, hắn cầm chân kéo xác bà đến cái giếng xây cạnh am và ném xuống đấy.

Sau khi phạm tội ác ghê tởm, lão phù thủy cải trang làm Phatim thánh nữ ngủ lại cho hết đêm hôm ấy ở trong am. Sáng hôm sau, vào khoảng một hai giờ sáng, mặc dù ngày hôm ấy không phải là ngày thánh nữ thường đi làm phúc, hắn vẫn cứ đi ra, tin chắc rằng chẳng có ai hỏi về việc đó và nếu nhỡ có ai hỏi thì

hắn cũng nghĩ sẵn câu trả lời. Bởi vì một trong những việc đầu tiên của hắn khi mới đến kinh thành này là xem cho biết tòa lâu đài của Alátđanh ở đâu, cho nên hắn tìm cách dò đường đến đó.

Vừa trông thấy bà thánh – ai cũng tưởng đấy là thánh nữ thật – mọi người ùn ùn kéo đến vây quanh. Người thì xin bà cầu nguyện cho, kẻ thì hôn tay bà, có những người thì hoặc là đang đau đầu hoặc là muốn phòng ngừa bệnh đó, cúi đầu trước mặt lão phù thủy để cho hắn đặt tay lên; hắn cũng cứ làm vã lẩm bẩm vài câu trong miệng như thể đọc kinh; hắn bắt chước khéo đến nỗi mọi người đều tin rằng đấy chính là bà thánh thật. Sau khi dừng lại mấy lần để làm vui lòng những người muốn chữa bệnh đau đầu theo cách đó, hắn lần được tới quảng trường trước lâu đài Alátđanh. Người tụ tập càng đông hơn, ai muốn đến gần hắn phải chen lấn ra trò mới vào được tới nơi. Những kẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn nhất chen vai thích cánh mà bằng vào, gây nên những điều qua tiếng lại ồn ào vang vọng đến tận phòng khách hai mươi bốn cửa sổ nơi công chúa Bađrunbuđua đang ngồi.

Nàng hỏi có việc gì ồn ào như vậy, không ai trả lời được nàng liền sai người ra xem rồi vào trình cho rõ. Một người hầu gái không bước ra khỏi phòng khách, chỉ nhìn qua bức mành, trở lại thưa rằng tiếng ồn ào ấy là do đám đông đang tụ tập quanh thánh nữ để xin bà chữa bệnh đau đầu bằng cách đặt tay lên trán.

Công chúa từ lâu đã nghe nói nhiều điều tốt lành về thánh nữ nhưng chưa trông thấy bà, tò mò muốn gặp mặt và hỏi chuyện. Cũng như bất cứ lúc nào nàng tỏ một mong muốn gì, viên chỉ huy hoạn nô có mặt ở đấy vội thưa: "nếu công chúa cần, xin cứ truyền bảo, gã sẽ

có cách mời bà lên. Công chúa bằng lòng, lập tức gã ra lệnh cho bốn tên hoạn nô, xuống mời bà thánh giả hiệu lên phòng khách.

Khi bọn hoạn nô ra khỏi cổng lâu đài, và mọi người trông thấy chúng đi thẳng về phía lão phù thủy cải trang, thì đám đông giải tán. Lão phù thủy được rảnh rang, thấy các hoạn nô đến, liền tiến lên mấy bước, lòng khấp khởi mừng thầm là mưu đồ của mình đang được thuận chiều. Một hoạn nô bảo hắn : «Thưa thánh nữ, công chúa tôi muốn gặp bà, mời bà hãy đi theo chúng tôi».

— Công chúa lắm vinh hạnh cho già quá — bà Phatim giả hiệu đáp — già sẵn sàng tuân lệnh.

Vừa nói hắn vừa theo mấy gã hoạn nô đi vào dinh phò mã.

Khi lão phù thủy nấp dưới chiếc áo chân tu để che đậy một tấm lòng quỷ dữ, bước vào phòng khách hai mươi bốn cửa sổ và trông thấy công chúa, hắn đọc một thôi kinh kệ và nói những lời dài dòng chúc tụng công chúa phúc lộc an khang, vạn sự như ý. Tiếp đó hắn mang tất cả mồm mép liến láu của một tên chuyên nghề lường gạt và dối trá để lòe công chúa, làm cho nàng tin rằng đây quả là một đấng đại đức chân tu; việc đó cũng dễ thôi bởi vì bản chất công chúa vốn tốt, nàng tin tưởng chắc chắn trên đời ai cũng tốt như mình, đặc biệt là những người đã lánh trần tục để đi ẩn dật mà tu hành.

Chờ cho Phatim giả hiệu đọc xong lời chúc tụng dông dài của hắn, công chúa nói : «Mẹ ơi, xin cám ơn những lời cầu nguyện tốt lành của mẹ, con tin tưởng lắm, và hi vọng là những lời của mẹ sẽ linh hiển. Xin mời mẹ hãy đến gần và ngồi xuống đây bên cạnh con».

Phatim giả cố tình làm ra vẻ khiêm nhường. Công chúa lại nói : «Mẹ ơi, con xin mẹ một điều ; mong mẹ

ứng cho, chớ có khước từ: ấy là mời mẹ ở hẳn lại đây với con, để ban phước lành cho con, để cho con được noi gương sáng của mẹ và phụng thờ Thượng đế».

Phatim giả hiệu liền đáp:

– Thưa công chúa, xin công chúa chớ đòi hỏi già này làm một điều buộc phải xa rời và xao nhãng công việc tu hành cầu nguyện».

– Xin mẹ chớ băn khoăn – công chúa nói tiếp – nhà này còn nhiều căn buồng không ai ở, mẹ sẽ chọn một buồng thích hợp với mẹ nhất, ở đấy mẹ sẽ tự do làm mọi việc tu hành y như ở trong am của mẹ vậy.

Lão phù thủy không có mục đích nào khác hơn là được vào trong lâu đài Alátđanh, ở đây dưới sự chăm sóc và che chở của công chúa, hắn sẽ dễ dàng thực hiện mưu đồ ác độc của mình, còn hơn là phải đi đi về về từ am của hắn đến lâu đài và từ lâu đài trở về am, cho nên không chờ công chúa khẩn khoản hơn nữa. Hắn đáp: «Thưa công chúa mặc dù một kẻ tu hành khốn khổ và hèn mọn như già đã quyết tâm xa lánh cuộc đời trần tục, lẩn tránh mọi phú quý vinh hoa, nhưng già cũng không dám cưỡng lại ý muốn và mệnh lệnh của một vị nữ đạo thành tâm như công chúa».

Nghe câu nói đó công chúa liền đứng lên thưa: «Xin mẹ hãy đứng dậy đi theo con, con sẽ chỉ cho mẹ xem những căn buồng con để trống, tùy ý mẹ chọn». Hắn đi theo công chúa Badrunbudua và qua tất cả các căn buồng đến xem, buồng nào cũng rất sạch sẽ và bày biện rất sang trọng, hắn chọn căn buồng có vẻ ít sang hơn cả, và vờ vịt nói rằng căn buồng này quá tốt đối với hắn, hắn chịu ở đây chẳng qua để làm vui lòng công chúa mà thôi.

Công chúa muốn mời tên gian ngoan ấy trở lại phòng khách hai mươi bốn cửa sổ ăn cơm với nàng. Nhưng hắn sợ khi ăn thì phải cất tấm mạng, mà hắn vẫn đeo

luôn trên mặt cho đến lúc bấy giờ, e công chúa sẽ nhận ra đây không phải là Phatim thánh nữ như nàng vẫn tưởng, cho nên khẩn khoản xin nàng miễn cho, nói rằng hắn quen ăn bánh mì với vài thứ quả khô, xin hãy cho phép hắn dùng bữa thanh đạm của mình trong buồng riêng. Hắn nài nỉ quá đến nỗi công chúa phải thuận tình. «Mẹ ạ, xin tùy ý mẹ, mẹ hãy tự nhiên như ở am nhà – nàng nói – Con sẽ sai người mang thức ăn lại cho mẹ, nhưng xin mẹ nhớ cho là con chờ mẹ dùng bữa xong xin mời mẹ đến ngay cho».

Công chúa đi ăn cơm; và khi một viên hoạn nô được công chúa sai đến báo cho biết nàng đã xong bữa, hắn vội vàng đến ngay. Công chúa nói: «Mẹ ạ, con rất bằng lòng được có riêng một thánh nữ như mẹ để ban phước cho dinh cơ này. Nhân thể, xin hỏi, mẹ thấy tòa lâu đài này thế nào? Nhưng, trước khi con dẫn mẹ đi xem kỹ từng buồng một, xin mẹ hãy cho biết ý kiến về phòng khách này».

Phatim giả, để đóng thật khéo vai trò của mình, cho đến lúc này vẫn luôn luôn cúi đầu, ngay đến đưa mắt nhìn sang hai bên cũng không, nghe hỏi như vậy mới ngẩng đầu lên, nhìn từ đầu này tới đầu kia căn phòng, và sau khi xem xét cẩn thận, hắn đáp: «Thưa công chúa, phòng khách này thật sự là tuyệt tác và đẹp đẽ vô song. Tuy nhiên theo ý của một kẻ sống cô đơn, không am hiểu thế nào là cái đẹp ở trên đời, thì hình như còn thiếu một vật».

– Vật gì vậy, hả mẹ? – công chúa hỏi – con van mẹ, mẹ hãy nói cho con biết. Riêng con, xưa nay con vẫn tưởng và vẫn nghe người ta nói là nhà này chẳng thiếu một thứ gì; nếu quả là còn thiếu, con sẽ cho làm thêm ngay cho kỳ đủ.

– Xin công chúa hãy tha thứ cho già đã dám mạo muội nói bừa – Phatim giả lại vờ vĩnh nói – Ý kiến

của già chẳng có gì quan trọng lắm đâu, nhưng giá có một quả trứng chim đại bàng treo trên cao, ở chính giữa mái vòm kia, thì phòng khách của công chúa sẽ có một không hai trong khắp bốn biển năm châu, và lâu đài của công chúa sẽ là kỳ quan của vũ trụ.

– Mẹ ơi, con chim đại bàng ấy là chim gì vậy, và tìm ở đâu ra trứng của nó hả mẹ?

– Thưa công chúa, đó là một con chim to một cách kỳ lạ đậu trên đỉnh cao nhất của dãy núi Côcadơ và người đã xây nên tòa lâu đài này có thể tìm được cho công chúa một quả trứng của con chim đó.

Công chúa cảm ơn Phatim giả về ý kiến hay ho của hắn, rồi tiếp tục chuyện trò với hắn về nhiều chuyện khác; nhưng đầu óc vẫn không sao quên được quả trứng chim đại bàng, và định bụng sẽ nói lại với Alátđanh ngay sau khi chàng đi săn về. Chàng đi săn đã sáu ngày rồi và lão phù thủy không phải là không biết điều đó cho nên đã lợi dụng lúc chàng vắng mặt. Chàng trở về tối hôm ấy, vào lúc Phatim giả vừa từ biệt công chúa để trở về buồng của hắn.

Về tới nhà, Alátđanh vào buồng riêng của công chúa, nàng cũng vừa về đây. Chàng chào và ôm hôn vợ, nhưng cảm thấy hình như nàng hơi có vẻ lạnh lùng. «Công chúa ơi, ta thấy công chúa không được vui như bình thường. Phải chăng trong thời gian ta đi vắng, đã có việc gì xảy ra không đáng hài lòng, gây nên cho nàng sầu muộn hoặc bất bình? Xin nàng chớ giấu, ta sẽ làm đủ mọi cách mà quyền lực của mình cho phép để xua tan nỗi không vui ấy.

– Chẳng có gì quan trọng đâu – công chúa đáp – Tuy có một việc hơi làm cho em vướng chút băn khoăn, không ngờ nó lại hiện lên nét mặt để chàng nhận thấy. Nhưng, bởi chàng đã nhận ra sắc mặt em có ít nhiều đổi khác, thì em cũng chẳng dám giấu chàng, dù nó

chỉ là việc nhỏ nhặt. Từ trước tới nay cũng như chàng em vẫn tưởng – công chúa Badrunbudua nói tiếp. – là lâu đài của chúng ta nguy nga nhất, tráng lệ nhất, hoàn hảo nhất trần đời. Ấy thế mà, em xin thưa ý nghĩ vừa đến với em sau khi xem xét thật kỹ cái phòng khách hai mươi bốn cửa sổ của chúng mình, chẳng rõ chàng có thấy như em không, rằng sẽ thật tuyệt vời nếu có một quả trứng chim đại bàng treo lên chính giữa phòng, dưới cái vòm cao này?»

– Công chúa ơi, chỉ cần nàng nói ra phòng khách còn thiếu một quả trứng chim đại bàng là ta cũng thấy đúng là nó còn chỗ khiếm khuyết ấy thật. Ta sẽ mau mau cho bù đắp vào chỗ thiếu ấy, và nhờ dịp may mắn này, nàng càng thấy rõ là vì nàng, ta không từ nan bất cứ một việc gì.

Nói xong, Alátđanh cáo từ công chúa, trở lên ngay phòng khách hai mươi bốn cửa sổ, lấy cây đèn – mà chàng thường xuyên mang theo trong người, bất cứ đi đâu, kể từ hôm xảy ra tai biến do sơ xuất không mang theo – và miết vào. Thần đèn lập tức hiện lên. Alátđanh bảo: «Thần à, dưới mái vòm cao này thiếu một quả trứng chim đại bàng; nhân danh cây đèn ta cầm ở tay ta yêu cầu ngươi hãy làm sao bù đắp chỗ thiếu sót ấy».

Alátđanh chưa dứt lời thần đèn đã thét lên một tiếng âm vang như sấm, rung chuyển cả phòng khách và làm cho Alátđanh loạng choạng, suýt nữa thì ngã lộn nhào: «Thế nào, tên khốn nạn kia – thần đèn nói với Alátđanh, giọng dữ tợn đến người bạo dạn nhất nghe cũng phát khiếp – các bạn của ta và ta đã làm nên cho mày bấy nhiêu công danh phú quý, mày vẫn chưa cho là đủ hay sao mà dám vô ơn bạc nghĩa đến cùng cực, dám đòi ta mang chủ của ta đến và treo cổ ngài lên dưới mái vòm này?»

Riêng điều xúc phạm ấy đáng để cho cả vợ chồng mày cùng với tòa lâu đài này trở thành tro bụi. Cũng phúc cho mày không phải là kẻ gây nên, và đòi hỏi ấy không phải tự mày nghĩ ra. Ta nói cho mày biết kẻ đã thật sự gây nên điều xúc phạm ấy chính là em trai lão phù thủy người Phi, kẻ thù của mày. Hắn đang ở trong dinh cơ này, cải trang dưới chiếc áo của Phatim thánh nữ mà nó đã giết hại, và chính hắn đã gợi ý cho vợ mày xui mày đòi hỏi ta làm điều khốn nạn mày vừa nói đó. Nó mưu toan giết mày đấy hãy liệu mà phòng thân».

Nói xong thần đèn biến mất.

Alátđanh chú ý những lời cuối cùng của thần. Chàng từng nghe tiếng tăm của Phatim thánh nữ và cũng không phải là không biết cách bà chữa khỏi bệnh đau đầu như mọi người vẫn đồn đại. Trở lại buồng công chúa, chàng không đả động gì tới việc vừa xảy ra, chỉ ngồi xuống đưa tay bóp trán và nói rằng bỗng dưng bị một cơn đau đầu ghê gớm. Công chúa lập tức sai mời thánh nữ đến và trong thời gian chờ người đi gọi, nàng kể cho Alátđanh nghe bà đến ở lâu đài này trong hoàn cảnh như thế nào và nàng đã mời bà ở riêng một căn buồng.

Phatim giả hiệu đến; hắn vừa bước vào, Alátđanh đã nói: «Mẹ ơi, mời mẹ vào đây, con rất sung sướng được gặp mẹ; chính nhờ vận may của con dun dủi mẹ có mặt ở đây lúc này. Tin tưởng vào những lời cầu nguyện của mẹ, con xin mẹ cứu cho, và hy vọng mẹ sẽ không từ chối con điều mẹ đã làm phúc cho biết bao nhiêu người».

Nói xong chàng đứng dậy cúi đầu và Phatim giả hiệu bước tới bàn tay nắm chặt chuôi chiếc dao găm dắt ở thắt lưng, dưới lần áo. Alátđanh theo dõi riết, chàng kịp giữ chặt tay không cho hắn rút dao, rồi

v

đứng dao của mình đâm đúng vào tim, quật nó ngã xuống chết thẳng cẳng giữa sàn nhà.

– Chàng thân yêu của em ơi, chàng làm gì thế? – công chúa kinh ngạc kêu lên – chàng đã giết mất thánh nữ rồi.

– Không đâu, công chúa ạ – Alátđanh bình tĩnh đáp – không phải ta sát hại Phatim mà là giết chết một tên súc sinh định hại ta nếu ta không biết trước. Chính cái thằng độc ác nàng thấy đây – chàng vừa nói tiếp vừa cắt tấm mạng che mặt lão phù thủy – đã bóp chết Phatim mà nàng thương tiếc và trách ta sao lại đi giết hại, chính hắn đã náu mình dưới chiếc áo của bà để định đâm ta. Và nói thêm để nàng biết, hắn chính là em trai lão phù thủy người Phi đã từng bắt cóc nàng đấy.

Alátđanh thoát khỏi sự ám hại của hai anh em lão phù thủy như vậy đó. Ít lâu sau hoàng đế quá cao tuổi, qua đời. Vì vua không có con trai, công chúa Bađrunbuđua thừa kế lên làm vua và truyền ngôi báu cho chồng. Hai vợ chồng cùng trị vì nhiều năm và lưu danh thơm hậu thế.

CHUYỆN ALI BABA VÀ BỐN MƯƠI TÊN CƯỚP

Trong một thành phố nọ thuộc nước Ba-tư, có hai anh em nhà kia, người anh tên là Catxim, người em là Ali Baba. Cha họ chết đi, để lại ít của cải, được chia thành hai phần bằng nhau; nhưng tướng số phận họ

rồi cũng sẽ giống nhau, không ngờ sự tình cờ lại xui nên khác.

Catxim cưới vợ, người vợ này chẳng bao lâu sau khi kết hôn, được thừa kế một cửa hiệu đàng hoàng cùng một kho đầy hàng hóa tốt, lại thêm nhiều ruộng đất nữa, khiến cho gã trở thành một trong những thương nhân giàu có nhất thành phố.

Ali Baba, ngược lại, lấy một người vợ cũng nghèo như mình, ở nhà cửa tồi tàn; để kiếm sống và nuôi con, anh chẳng có nghề ngỗng gì ngoài việc vào một khu rừng ở gần, chặt củi xếp lên lưng ba con lừa, đó là tất cả sản vật của anh, mang về phố bán.

Một hôm, Ali Baba vào rừng, chặt gần đủ củi cho ba con lừa thồ, thì chợt trông thấy có một đám bụi tung mù đang tiến thẳng về phía mình. Chăm chú nhìn, anh ta nhận ra đấy là một toán đông người đang cưỡi ngựa phi nước đại tới.

Mặc dù trong vùng chẳng nghe nói đến trộm cướp bao giờ, Ali Baba vẫn nghĩ những người cưỡi ngựa kia có thể là kẻ cướp. Không kịp nghĩ tới mấy con lừa của mình sẽ còn hay mất, anh chỉ tính tới chuyện thoát thân. Anh trèo lên một cây to, thân cây này cách mặt đất không cao lắm phân thành nhiều cành sát nhau, chỉ để hở một chỗ rất hẹp. Anh ta ngồi vào giữa chỗ phân cành ấy, yên trí là không ai có thể trông thấy mình; cây này mọc cạnh một tảng đá cao hơn nhiều, cách biệt các khối đá chung quanh, và hiểm trở đến mức không ai có thể trèo lên đỉnh bằng bất cứ lối nào.

Các kỵ sĩ cao lớn vạm vỡ, cưỡi những con ngựa tốt và trang bị khí giới đầy đủ, đến gần tảng đá thì xuống ngựa. Ali Baba đếm được bốn mươi người; nhìn vẻ mặt và cách ăn mặc của họ, không nghi ngờ gì nữa, anh cho đấy là những tên cướp. Anh không nhầm; quả vậy đấy là những tên cướp, nhưng không gây chuyện ở

quanh vùng, chúng đi cướp bóc thật xa và lấy nơi đây làm chỗ hẹn, những điều trông thấy xác nhận ý nghĩ ấy của anh.

Các kỵ sĩ tháo cương, buộc ngựa lại, lấy một túi đại mạch buộc trên lưng treo vào cổ con vật, rồi mỗi tên vác cái hòm của nó; phần lớn các hòm trông nặng đến nỗi Ali Baba cho rằng đều chứa đầy vàng hoặc bạc.

Kỵ sĩ mà Ali Baba thấy có vẻ là tên cầm đầu cả bọn, cũng vác cái hòm của nó như những tên khác, tiến đến gần tảng đá, sát ngay gốc cây anh đang nấp, và sau khi vạch bụi cỏ đi mấy bước, hắn đọc rất rành mạch mấy tiếng: «Vừng ơi hãy mở ra». Tên cầm đầu bọn cướp vừa đọc xong, lập tức một cánh cửa mở; sau khi chờ cả bọn vào xong, hắn cũng vào và cánh cửa đóng lại.

Bọn cướp ở lại rất lâu sau tảng đá. Ali Baba sợ nếu mình bỏ trốn, chẳng may một tên hoặc cả bọn đi ra trông thấy thì chết, đành ngồi yên trên cây và kiên nhẫn chờ đợi. Tuy cũng có lúc anh ta nảy ra ý muốn đoạt hai con ngựa, cưỡi một con, dắt một con và xua ba con lừa chạy về thành phố, nhưng cứ phần vẫn sợ bị bắt chợt, cuối cùng đành giữ đạo ăn chắc.

Cuối cùng, cánh cửa lại mở, bốn mươi tên cướp đi ra; tên cầm đầu hồi nãy vào sau rốt, nay lại ra đầu tiên. Ali Baba trông thấy cả bọn lần lượt đi qua trước mặt tên đầu lĩnh, và tên này đọc: «Vừng ơi hãy đóng lại», thế là cánh cửa đóng lại ngay. Bọn cướp đến tháo dây ngựa, buộc chiếc hòm của mình lên lưng, rồi lên yên. Khi tên đầu lĩnh thấy cả bọn đã sẵn sàng, hắn đi lên đầu đoàn, và bọn cướp bỏ đi theo con đường cũ.

Ali Baba chưa tụt xuống khỏi ngọn cây ngay, anh tự nhủ: «Biết đâu chúng chẳng quên một thứ gì và quay trở lại; ta sẽ bị chúng bắt được». Đưa mắt nhìn theo đợi cho đến khi cả bọn đi mất hút, rồi chờ một hồi lâu nữa cho thật yên tâm anh mới xuống. Vẫn còn nhớ

cấu thần chú tên đầu lĩnh bọn cướp dùng để mở và đóng cánh cửa, anh tò mò muốn thử xem nếu mình đọc tới có được hiệu quả ấy hay không. Anh vạch bụi bờ, nhận ra một cái cửa khuất đằng sau. Anh đến trước cửa và đọc: «Vừng ơi hãy mở ra», thế là lập tức cánh cửa mở rộng.

Ali Baba ngạc nhiên thấy một cái hang rộng rãi, sáng sủa do tay người đào, bên trên vòm khá cao, có mở một lỗ thông để lấy ánh sáng từ trên chiếu vào. Trong hang có nhiều thức ăn dự trữ, hàng đống hàng hóa đắt tiền, lụa là gấm vóc, những tấm thảm quý, và nhất là tiền vàng và tiền bạc đổ thành đống hoặc chứa trong những cái bị và túi da xếp chồng lên nhau, của cải tiền bạc nhiều đến mức anh nghĩ cái hang này được dùng làm sào huyệt của bọn cướp không phải từ nhiều năm mà từ nhiều thế kỷ, hết bọn này đến bọn khác kế tục.

Không chút đắn đo, Ali Baba bước vào hang; anh vừa vào khỏi, cánh cửa đóng lại ngay, nhưng anh không chút sợ hãi; anh đã nắm được câu thần chú để mở cửa. Anh không màng gì đến bạc mà chỉ chú ý tiền vàng, đặc biệt những thứ đựng sẵn trong các túi. Anh lấy nhiều túi, mang ra làm nhiều lần, tùy theo sức có thể mang nổi và vừa đủ cho ba con lừa thồ. Anh đi lùa ba con lừa đang tản mác trở về, đưa đến gần tảng đá, xếp các túi vàng lên, rồi lấy củi chất lên trên để che mắt mọi người. Xong đâu đấy, anh đến trước cửa, vừa đọc xong câu thần chú «Vừng ơi, hãy đóng lại» là cửa đã sập lại ngay; bởi vì mỗi lần có người vào thì cửa tự đóng, còn mỗi khi có người từ trong hang ra thì cửa vẫn để ngỏ.

Làm xong, Ali Baba trở về thành phố. Đến nhà, anh đánh lừa vào sân sau và đóng cổng lại thật cẩn thận. Anh dỡ ít củi xếp bên trên rồi mang các túi vàng vào

nhà, đặt trước mặt vợ lúc ấy đang ngồi trên một chiếc ghế dài.

Cô vợ nhấc thử các túi thấy chứa đầy tiền, đâm nghi chồng vừa đi ăn trộm ở đâu đó về; vì vậy khi anh [mang] hết các túi vào nhà, chị không nhịn được nữa:

– Ali Baba này, sao anh khốn nạn đến mức...!

Ali Baba vội ngắt lời:

– Ấy, mình ơi, chớ có làm toáng lên vậy; tôi không phải là đứa ăn trộm, trừ phi là trộm của quân kẻ trộm. Hãy lắng nghe tôi kể hết vận may, mình sẽ thôi nghĩ xấu về chồng.

Anh dốc các túi ra nhà thành một đống vàng lớn, làm cô vợ loá cả mắt; xong kể lại tất cả câu chuyện từ đầu đến cuối, rồi dặn vợ điều quan trọng hơn hết là phải giữ bí mật.

Người vợ, qua cơn lo sợ, cùng với chồng vui mừng về vận may vừa đến. Chị muốn đếm từng đồng một tất cả đống vàng trước mặt. Ali Baba nói:

– Mình ơi, mình chẳng khôn ngoan chút nào, mình định làm gì đấy? Đến bao giờ mình mới đếm xong? Thôi ra đào một cái hố và chôn ngay đi, chúng ta không được để mất thời giờ.

– Nếu chúng ta ang áng biết có được bao nhiêu cũng thích. Tôi sang bên hàng xóm mượn cái đấu, tôi sẽ đong trong khi mình đào hầm.

– Mình ạ – Ali Baba lại nói – việc mình làm chẳng ích lợi gì đâu, nếu mình tin tôi thì nên nghỉ đi cho khoẻ. Nhưng thôi mình muốn làm thì cứ làm, có điều phải giữ bí mật.

Để thỏa sự mong muốn của mình, vợ Ali Baba đến nhà Catxim ông anh chồng, cách cũng chẳng xa. Catxim không có nhà, chị đành hỏi vợ gã, xin cho mượn cái đấu một chút. Người chị dâu hỏi muốn mượn đấu to hay đấu bé, vợ Ali Baba xin mượn cái bé thôi

– Rất sẵn lòng – người chị dâu nói – thím chờ cho một lát, tôi mang ra ngay.

Cái đấu tìm thấy ngay, nhưng bà chị dâu xưa nay vẫn biết gia đình Ali Baba nghèo, tò mò muốn rõ cô em dâu hôm nay mượn đấu về đong hạt gì, liền nghĩ ra cách bôi một tý mỡ bò vào bên dưới đáy. Trở lại đưa cái đấu cho vợ Ali Baba, chị xin lỗi để em chờ lâu, vì tìm mãi mới thấy.

Vợ Ali Baba về nhà, để cái đấu lên đống vàng đong và đổ sang chiếc ghế dài; đong xong chị rất hài lòng vì được con số khá lớn, và mách với chồng vừa lúc anh chàng đào xong hố.

Trong khi Ali Baba chôn vàng, chị vợ muốn tỏ cho chị dâu biết mình mau mắn và đúng hẹn liền mang trả chiếc đấu ngay, nhưng không để ý một đồng vàng dính vào dưới đáy:

– Chị ạ, chị thấy là em chẳng giữ lâu cái đấu của chị làm gì em mang trả chị đây, cám ơn chị lắm.

Vợ Ali Baba vừa sấp lưng đi, người chị dâu đã nhìn đáy đấu, và cực kỳ ngạc nhiên khi thấy có một đồng tiền vàng dính ở đó:

– Quái thật! Ali Baba đong vàng bằng đấu! Thằng khố rách ấy đào đâu ra lắm vàng thế nhỉ?

Ông chồng vắng nhà, như chúng ta đã biết; gã đang trông nom cửa hiệu, chiều tối mới về. Sốt ruột muốn báo cho chồng hay một cái tin chắc sẽ làm gã ngạc nhiên không kém mình, cô vợ thấy thời gian chờ đợi chồng về lâu bằng cả thế kỷ.

Catxim vừa bước vào nhà cô vợ đã bảo:

– Anh Catxim ạ, anh tưởng anh giàu, anh nhầm rồi. Ali Baba muôn vạn lần giàu hơn, nó không đếm từng đồng vàng như anh, nó đong vàng bằng đấu.

Catxim hỏi câu nói khó hiểu đó có ý nghĩa gì, cô vợ thuật chuyện và khoe mánh khóe của mình dùng để biết sự thật. Chị đưa cho chồng xem đồng tiền vàng dính vào đáy đấu: đồng tiền xưa đến mức gã không biết cả niên hiệu ông vua đúc trên đó.

Gã không vui mừng vì điều may mắn vừa giúp chú em thoát khỏi khốn cùng, Catxim thấy nổi dậy trong lòng một sự ganh tị ghê gớm. Hầu như suốt đêm gã không chợp mắt. Sáng hôm sau, mặt trời chưa mọc gã đã đến nhà Ali Baba. Gã chẳng coi Ali là em trai mình; gã đã quên mất tiếng em kể từ ngày lấy được người đàn bà góa giàu. Trông thấy em, gã nói ngay:

– Này Ali Baba, các ngươi làm ăn kín tiếng thật; các ngươi làm ra vẻ nghèo khổ, bần cùng, rách rưới, ấy thế mà các ngươi đong vàng bằng đấu.

– Thưa anh – Ali Baba đáp – em chẳng rõ anh định nói gì với em. Xin anh giảng giải rõ hơn.

– Chú đừng vờ vĩnh nữa – Catxim nói. Và đưa đồng tiền vàng mà vợ gã đưa cho, gã nói tiếp:

– Chú có được bao nhiêu đồng giống hệt đồng này, mà bà nhà tôi tìm thấy dính vào đáy cái đấu cho vợ nhà chú mượn hôm qua?

Nghe nói như vậy, Ali Baba biết hai vợ chồng Catxim đã rõ điều bí mật mà anh cố giữ (mà lại do sự bướng bỉnh của chính vợ anh gây nên), nhưng đằng nào việc cũng đã xảy ra rồi, có hối cũng chẳng sửa chữa được. Không để lộ cho ông anh thấy chút gì ngạc nhiên hoặc buồn bã, anh thú thật, và thuật lại cho ông anh nghe, do sự tình cờ thế nào mà phát hiện được sào huyệt của bọn cướp ở chỗ nọ. Anh ngỏ ý, nếu ông anh đồng lòng giữ bí mật, thì sẽ chia cho một phần kho tàng.

Catxim trả lời kiêu kỳ:

– Ta đồng ý như vậy nhưng ta còn muốn biết chính xác kho tàng ấy ở đâu, dấu hiệu, đặc điểm, và nếu ta thích thì làm thế nào để tự ta vào đó; nếu không, ta sẽ đi tố giác chú mày với quan trên. Nếu mày từ chối, không những mày không hi vọng gì có thêm nữa, mà còn mất cả phần mày vừa chiếm được, trong khi ta lại được chia phần vì đã cáo giác chú mày.

Ali Baba, do bản chất tốt chứ không gì sợ hãi lời dọa dẫm láo xược của ông anh dã man, cho gã biết đầy đủ những điều gã muốn biết, kể cả câu thần chú nhất định phải dùng nếu ai muốn vào hang cũng như muốn từ đó ra ngoài.

Catxim không hỏi Ali Baba nhiều hơn. Gã từ giã em ra về và quyết tâm phỗng tay trên. Hi vọng một mình chiếm gọn cả kho tàng, sáng hôm sau gã lên đường thật sớm, trước khi trời rạng, cùng mười con la mang những hòm to tướng mà gã định sẽ chứa đầy vàng; lại còn tính toán, tùy theo số của cải sẽ thấy trong hang, chuyến sau nếu cần thì đưa đi nhiều súc vật hơn nữa để chở.

Theo con đường Ali Baba chỉ dẫn, gã đến gần tảng đá và nhận ra những dấu hiệu cùng cây cổ thụ mà Ali Baba đã ẩn nấp. Gã tìm được cái cửa, và để mở ra, gã niệm câu thần chú «Vừng ơi, hãy mở ra». Cửa mở, gã đi vào lập tức cửa đóng lại. Xem xét cái hang, gã lóa mắt khi nhìn thấy quá nhiều của cải, hơn cả sự tưởng tượng của gã khi nghe Ali Baba thuật lại; niềm thán phục càng tăng khi gã xem xét kỹ từng vật riêng biệt. Vốn keo kiệt và ham thích của cải, hắn gã dành suốt cả ngày để ngắm nghía bao nhiêu là vàng và vàng, nếu không chợt nhớ ra, mình đến đây cốt lấy vàng thỏi nặng mười con la mang về. Gã liền lấy một số túi, sức bao nhiêu mang bấy nhiêu; ra tới cửa, đầu óc còn đang mải nghĩ làm sao mang được nhiều hơn, gã đâm quên khuấy mất câu thần chú. Đáng lẽ phải nói : «Vừng ơi,

hãy mở ra» gã lại niệm : «Đại mạch ơi, hãy mở ra», và rất ngạc nhiên thấy cánh cửa không mở mà cứ đóng im ỉm. Gã gọi tên nhiều loại hạt khác, trừ tiếng vừng, và cửa vẫn không chịu mở ra.

Catxim không chờ đợi cơ sự này. Trong cơn nguy cấp, gã đâm kinh hoàng, và càng cố đập óc để nhớ lại tiếng vừng, gã càng làm cho trí nhớ rối như mớ bòng bong, chẳng mấy chốc cái tiếng ấy biến mất như cả đời gã chưa từng nghe nói đến nó bao giờ. Gã ném xuống đất những túi tiền vừa lấy, và sải bước đi đi lại lại dọc ngang trong hang đá; bao nhiêu của cải đồ đồng dưới chân không còn làm gã động lòng mảy may.

Chúng ta hãy để cho Catxim khóc than số phận của gã tên bất lương ấy chẳng đáng cho ta thương hại.

Đến trưa, bọn cướp trở lại cái hang; sắp tới nơi, trông thấy đàn la của Catxim gần tảng đá, con nào cũng mang hòm; lo lắng về cảnh tượng mới lạ này, chúng cho ngựa phi nước đại đến, khiến lũ la, mà Catxim đã quên không buộc, sợ hãi chạy tản mác trong rừng, xa đến nỗi mất hút không nhìn thấy nữa.

Bọn cướp không thèm đuổi theo các con la, điều quan trọng hơn đối với chúng là tìm xem chúng thuộc về ai. Trong lúc vài ba tên lùng sục quanh tảng đá, tên đầu lĩnh cùng cả bọn xuống ngựa, tuốt kiếm cầm tay và đi thẳng tới trước cửa, đọc câu thần chú; cánh cửa liền mở ra.

Catxim ở trong hang nghe tiếng ngựa đến gần, biết chắc bọn cướp trở về, và mình sắp chết đến nơi. Quyết định làm liều may ra thì thoát thân được, gã chờ sẵn để khi cánh cửa vừa mở thì lao ra ngoài. Sau khi nghe được đến tiếng vừng, mà gã đã quên khuấy mất, và thấy cánh cửa vừa mở, gã lập tức lao ra đột ngột đến nỗi xô ngã cả tên đầu lĩnh. Nhưng gã không thể nào chạy

thoát khỏi những tên cướp khác, tên nào cũng lăm lăm kiếm ở tay, và bị chúng giết chết ngay tức khắc.

Điều quan tâm đầu tiên của bọn cướp sau khi giết Catxim, là vào ngay trong hang: chúng thấy ở gần cửa hang những chiếc túi gã bắt đầu mang ra đây, định xếp lên các con la, chúng liền đưa trở về chỗ cũ mà không nhận ra thiếu phần Ali Baba đã lấy đi hôm trước. Họp nhau lại để bàn bạc việc xảy ra vừa rồi, chúng hiểu ngay vì đâu Catxim không ra được ngoài hang, nhưng không làm sao sáng tỏ bằng cách nào gã vào được đến đây. Cũng có ý kiến gã có thể từ trên nóc hang tụt xuống, nhưng lỗ thông ánh sáng ở quá cao, và phía ngoài tảng đá quá hiểm trở, loại trừ khả năng có thể vào bằng con đường đó. Cả bọn đành chịu không làm sao hiểu được. Bọn chúng không thể tin là gã đã vào qua cửa trừ phi gã biết được câu thần chú. Bọn cướp chắc chắn là chỉ có bọn chúng mới biết điều bí mật; ở chỗ này chúng đã nhầm vì không hay Ali Baba tình cờ nghe trộm được, nên cũng biết rõ câu thần chú ấy.

Cho dù sự việc đã xảy ra cách nào chăng nữa, thì nó cũng quan hệ tới sự an toàn cho tài sản chung của cả bọn, lũ cướp thoả thuận xả thây Catxim ra làm bốn mảnh, để làm khủng khiếp bất kỳ kẻ nào dám to gan làm một việc như thế nữa, trừ khi kẻ đó đến một thời gian rất lâu sau khi mùi hôi thối của xác chết đã tiêu tan mất hết. Quyết định xong, chúng thực hiện ngay; và khi không còn việc gì cầm chân lại nữa, chúng lên ngựa đến những nơi các đoàn nhà buôn mang hàng hóa thường hay qua lại, để đón đường, đâm chém và cướp bóc như thường lệ.

Trong lúc ấy, vợ Catxim rất lo lắng thấy trời tối mịt rồi mà chồng chưa trở về. Thị hoảng hốt chạy đến nhà Ali Baba:

– Chú ơi, – thị nói – chắc chú cũng đã biết là anh Catxim của chú đi vào rừng có việc gì rồi. Trời tối đã lâu mà không thấy anh ấy về, tôi lo có việc gì không may xảy ra cho anh ấy chăng.

Ali Baba không lạ gì về chuyến đi của ông anh, sau khi nghe những lời gã thốt ra hôm qua; chính vì vậy anh cố tình không vào rừng hôm ấy để khỏi làm phiền đến gã. Không tỏ ý trách móc để khỏi xúc phạm đến bà chị dâu hoặc ông anh trai, nếu gã còn sống, anh bảo thị chớ nên quá hoảng hốt, chắc Catxim nghĩ là không nên trở về nhà lúc đầu hôm đó thôi.

Vợ Catxim tin ngay, và càng dễ tin bởi vì thị biết chồng thị phải hành động bí mật là điều cực kỳ quan trọng. Thị trở về nhà kiên nhẫn chờ cho đến nửa đêm. Nhưng sau đấy, thị càng hoảng hốt, càng đau khổ hơn, nhất là vì biết rõ mình không được khóc lóc kêu la ầm ĩ, để làm kinh động hàng xóm. Thế là, nếu lỗi lầm của thị là vô phương cứu chữa, thì thị lấy làm hối hận về tính tò mò rồ dại của mình, vì sự ganh tị đáng chê trách, đã đi sâu vào chuyện làm ăn của em trai và em dâu. Thị khóc suốt đêm, vừa tảng sáng, chạy vội tới nhà báo tin cho em rõ bằng nước mắt hơn là lời nói.

Ali Baba không chờ chị dâu phải nhờ anh chịu khó đi tìm xem ông anh ra sao rồi. Anh vội thắng ba con lừa, rồi sau khi khuyên giải chị dâu chớ quá buồn phiền, anh đi thẳng vào rừng. Không gặp trên đường đi người anh hoặc đàn la, tới gần tảng đá nhận thấy có vết máu gần cửa hang, anh cho đây là dấu hiệu không hay rồi. Anh đến trước cửa đọc câu thần chú; cửa mở, và quang cảnh đáng buồn: thi thể ông anh bị xả thành bốn khúc hiện ra trước mắt. Không chút do dự, quên đi cách đối xử tàn tệ của anh vẫn đối với mình, Ali Baba tính ngay tới chuyện làm lễ mai táng. Anh tìm trong hang những thứ có thể gói bốn mảnh thi thể thành hai kiện, buộc

lên lưng một con lừa rồi xếp củi lên trên để che mắt thế gian. Anh lại vội vã xếp lên lưng hai con đứa kia những túi đầy vàng, rồi cũng lại chất củi lên, giống hệt như lần trước: xong đâu đấy, niệm thần chú đóng cửa hang lại và tìm đường trở về thành phố; nhưng ra khỏi rừng, còn cẩn thận, nán chờ cho đến tối mới về nhà. Anh chỉ đánh hai con lừa chở vàng vào nhà mình, và sau khi giao cho vợ việc cất dỡ hàng, cũng như nói vắn tắt về việc gì đã xảy ra cho Catxim, anh đánh con lừa kia sang nhà chị dâu.

Ali Baba gõ cửa, người ra mở là Mocjian một người ở gái lanh lợi, sáng ý và giàu mưu mẹo, có thể làm đến nơi đến chốn những công việc khó khăn nhất; xưa nay Ali Baba từng biết vậy. Vào trong sân, anh dỡ củi và hai túi kia xuống, rồi gọi riêng Mocjian ra bảo:

– Mocjian à, điều đầu tiên ta yêu cầu ở cô là tuyệt đối giữ bí mật; cô sẽ thấy nó cần thiết đến mức nào cho chủ của cô cũng như cho ta. Kia là thi hài chủ cô trong hai cái gói; chúng ta cần phải chôn cất như thể anh ấy qua đời một cách tự nhiên vậy. Cô hãy để ta bàn chuyện với chủ cô, và chú ý lắng nghe những điều ta nói.

Mocjian đi báo cho bà chủ hay; Ali Baba theo chân cô vào nhà. Người chị dâu nôn nóng hỏi:

– Thế nào chú? Chú có mang tin gì của anh về cho chị đấy? Xem vẻ mặt chú thì chẳng phải là tin vui.

– Chị ạ, tôi không thể nói gì với chị nếu chị không hứa là sẽ lắng nghe tôi từ đầu chí cuối mà không mở miệng nói một lời nào; trong cơ sự này, điều quan trọng đối với chị không kém với tôi, vì lợi ích của chị cũng như vì sự yên ổn của tôi, là phải hết sức bí mật.

– Ôi! – người chị dâu thốt lên, nhưng không cao giọng – qua câu mở đầu này tôi biết là anh ấy không còn nữa, nhưng đồng thời tôi cũng nhận ra cần phải

giữ bí mật như lời chú dặn. Thôi đành phải nén lòng vậy chứ biết làm sao chú nói đi, tôi nghe đây.

Ali Baba kể cho chị dâu nghe đầu đuôi câu chuyện cho tới khi lấy được xác Catxim về, rồi nói tiếp :

«Chị ạ, việc đã xảy ra quả là đau buồn cho chị, nhất là vào lúc chị không chờ đợi chút nào. Mặc dù điều bất hạnh chẳng có gì bù đắp được, nhưng nếu có điều gì khả dĩ an ủi chị chừng nào, ấy là tôi khuyên chị nên lấy tôi để có thể góp phần của cải trời vừa cho tôi vào tài sản của chị; tôi bảo đảm là vợ tôi sẽ không ghen tuông, và hai người rồi sẽ sống hòa thuận. Nếu chị chấp nhận điều đó, thì chúng ta phải nghĩ cách sao cho ông anh tôi có vẻ như qua đời một cách tự nhiên; việc này chị có thể tin tưởng ở Mocjian; về phần mình, tôi sẽ hết sức góp phần cho được việc».

Đối với người vợ góa của Catxim, còn có đám nào tốt hơn điều Ali Baba vừa đề nghị; cùng với những tài sản người chồng cũ để lại, lấy được một người chồng mới giàu có hơn, thậm chí với kho tàng vừa phát hiện, còn có thể giàu nhiều hơn nữa ? Thị không khước từ, ngược lại, còn cho đấy là một cái lý phải chăng để mang lại niềm an ủi. Thị lau khô nước mắt vừa tuôn lã chã và nén những tiếng gào la thông thường của đàn bà khi chồng mất, chừng ấy đủ chứng tỏ cho Ali Baba biết thị chấp nhận lời anh cầu hôn.

Sau khi dặn dò Mocjian sắm thật tốt vai tuồng, anh để người vợ góa của Catxim lại đó và đánh lừa về nhà mình.

Mocjian không chậm trễ chi đi ra cùng một lúc với Ali Baba, đến nhà một thầy lang vẫn bốc thuốc trong vùng. Chị gõ cửa hỏi mua một thứ thuốc viên rất công hiệu dùng trong những căn bệnh hiểm nghèo. Thầy lang nhận tiền, giao thuốc, và hỏi ở nhà chủ của cô, ai là người ốm nặng vậy, Mocjian thở dài :

– Ồi, chính là Catxim, ông chủ hiền từ của tôi, chứ còn ai nữa! Chẳng biết ông ấy mắc bệnh gì mà chẳng nói năng ăn uống gì được sất.

Nói xong; cô mang thuốc về mà thực tế Catxim không còn dùng được nữa.

Ngày hôm sau, lại chính Mocjian đến đập cửa vẫn nhà thầy lang ấy, và nước mắt lưng tròng, hỏi mua một loại thuốc nước mà người ta thường cho những người ốm thập tử nhất sinh uống: nếu loại thuốc này cũng không công hiệu nốt, thế là biết chẳng còn hy vọng gì cứu chữa nữa.

– Chao ôi! – Cô buồn rầu nói khi nhận chai thuốc trong tay – tôi e rằng thứ thuốc nước này rồi cũng chẳng công hiệu gì hơn loại thuốc viên hôm qua. Ôi; tôi đến bỏ mất một ông chủ tốt bụng xiết bao!

Mặt khác, bà con hàng xóm thấy suốt ngày hai vợ chồng Ali Baba nhiều lần qua lại nhà Catxim, vẻ mặt âu sầu, bởi vậy tối đến chẳng ai ngạc nhiên khi nghe tiếng khóc than thảm thiết của vợ Catxim và nhất là của Mocjian, báo tin gã đã qua đời.

Ngày hôm sau rất sớm, ngay khi trời vừa bắt đầu rạng, Mocjian vốn biết ở gần chợ có một người thợ chữa giày rất già bao giờ cũng mở cửa hiệu đầu tiên, sớm hơn tất cả mọi người, liền đến tìm ông ta. Cô đến gần, cất tiếng chào, và dúi vào tay ông một đồng tiền vàng.

Baba Muxtafa đó là tên thường gọi của ông thợ chữa giày, bản tính vui nhộn, bao giờ cũng tìm được một câu hóm hỉnh, nhìn kỹ đồng tiền, bởi vì trời chưa thật sáng tỏ, sau khi nhận ra đúng là vàng, liền nói:

– Quả mở hàng tốt đẹp làm sao! Nào, có việc gì nào? Thân già này sẵn sàng làm giúp.

– Cụ Baba Muxtafa ạ, cụ hãy cầm những thứ cần thiết để khâu, và nhanh chóng đi theo cháu; nhưng với một điều kiện là đến một nơi nào đó, cụ phải để cho cháu bịt mắt cụ lại.

Nghe vậy, Baba Muxtafa làm ra vẻ khó dễ:

– Ồ! Ồ! Cô lại muốn già này làm một việc gì trái với lương tâm hay danh dự của già chăng?

Mocjian dúi thêm một đồng tiền vàng nữa vào tay ông và nói:

– Nói có trời chứng giám, cháu đâu giám đòi hỏi cụ làm việc gì trái với lương tâm. Xin cụ hãy đến đây, chớ sợ gì sất.

Baba Muxtafa đồng ý để cô dẫn đi, tới một nơi đã định, cô lấy khăn bịt mắt ông già lại rồi dắt đến nhà ông chủ vừa qua cố của mình; cô đưa thẳng ông vào phòng để xác chết, đã xếp bốn mảnh lại cho giống nguyên hình, rồi mới mở băng bịt mắt. Xong cô nói:

– Cụ Baba Muxtafa ạ, chính để khâu bốn mảnh kia lại với nhau mà cháu dẫn cụ tới đây. Xin cụ chớ để mất thời giờ, chừng nào cụ làm xong, cháu sẽ gửi cụ một đồng vàng nữa.

Baba Muxtafa khâu xong, Mocjian bịt mắt ông già ngay trong phòng, rồi sau khi trả cho ông đồng vàng thứ ba như đã hứa và dặn giữ bí mật, cô dẫn ông lão trở lại nơi bịt mắt lúc đến, mở khăn tay và để ông trở về; cô còn cẩn thận đứng trông theo cho đến khi ông mất hút, để đề phòng ông lão nảy ra ý tò mò quay trở lại quan sát chính cô ta chăng.

Mocjian đã cho đun sẵn nước để rửa thi hài Catxim, bởi vậy khi Ali Baba đến, vừa lúc cô quay trở về, thì đã có thể lau rửa người, xức nước hương và khâm liệm ông anh theo đúng phong tục. Người thợ mộc, theo lối đặt hàng của Ali Baba, cũng vừa mang quan tài đến.

Để người thợ mộc không nhận thấy điều gì khác thường. Mocjian đón nhận chiếc quan tài ở cổng, sau khi trả tiền và cho người thợ trở về, cô giúp Ali Baba đặt thi hài vào, đóng nắp quan tài xong cô ra giáo đường báo tin mọi việc đã sẵn sàng để làm lễ an táng. Người của giáo đường chuyên lo việc lau rửa thi thể và khâm liệm xin được làm công việc của họ, nhưng cô trả lời mọi sự đã xong xuôi.

Mocjian vừa quay về đến nhà, đã thấy trưởng giáo và các chức việc khác của giáo đường tới nơi. Bốn người hàng xóm vác quan tài lên vai, và theo sau viên trưởng giáo vừa đi vừa cầu kinh, đưa ra nghĩa địa. Mocjian, với tư cách là con ở của người quá cố, để đầu trần, nước mắt đầm đìa vừa đi theo, vừa đưa tay đấm thùm thụp vào ngực và bứt tóc; sau nữa là Ali Baba cùng những người hàng xóm, những người này thỉnh thoảng lại tách ra để lên đổi vai cho bốn người đang khiêng quan tài, cứ như vậy cho tới nghĩa địa.

Còn người vợ của Catxim, theo phong tục, ở lại nhà mà kêu la than khóc cùng bà con hàng xóm đến dự lễ tang. các bà cũng với người vợ góa lớn tiếng khóc van, làm buồn bã cả vùng.

Bằng cách đó cái chết bất đắc kỳ tử của Catxim được che giấu và ngụy trang khéo léo giữa bốn người: Ali Baba cùng với vợ, người vợ góa của Catxim và Mocjian, khiến không một ai trong thành phố hay biết chút gì mà thậm chí chẳng một ai gợn chút ngờ vực.

Ba bốn ngày sau khi chôn cất, Ali Baba chuyển số đồ đạc ít ỏi của mình cùng với số tiền lấy được trong kho tàng của bọn cướp – tiền này chỉ chuyển vào đêm – sang nhà bà chị dâu góa, để ở luôn đấy, và báo tin cho xóm giềng bè bạn biết mình lấy bà chị dâu. Và, bởi vì những đám cưới kiểu ấy không phải là chuyện lạ trong tục lệ đạo hồi, chẳng ai lấy việc đó làm ngạc nhiên.

Còn về cái cửa hiệu của Catxim, Ali Baba vốn có một đứa con trai lâu nay vẫn cho học việc ở một nhà buôn lớn và vẫn được người này khen đức hạnh tốt; anh liền cho luôn cậu con trai cửa hiệu ấy và còn hứa nếu cậu tiếp tục ăn ở cho phải đạo thì sẽ cưới cho một cô vợ thật ra trò xứng đáng với địa vị của cậu.

Chúng ta hãy để Ali Baba yên hưởng những ngày đầu tiên trong vận may của anh, mà nói về bốn mươi tên cướp. Chúng trở lại hang ở trong rừng cùng vào lúc đã thỏa thuận với nhau, và đều rất ngạc nhiên thấy không còn xác của Catxim, và càng ngạc nhiên hơn nữa khi thấy số túi vàng giảm bớt. Tên đầu lĩnh nói:

– Thế là chúng ta đã bị phát giác, và sẽ chết tất nếu không phòng bị. Nếu chúng ta không mau mau tìm ra cách đối phó, thì vô tình chúng ta sẽ để mất hết bấy nhiêu của cải mà tổ tiên chúng ta và chúng ta đã vất vả gian nan biết bao mới có được. Căn cứ vào tình trạng thiệt hại ở đây thì rõ ràng tên kẻ cắp đã bắt chợt được câu thần chú để mở cửa hang, và may mắn sao chúng ta trở về đúng lúc nó sắp ra. Nhưng nó không phải chỉ có một mình, một tên khác nữa cũng biết câu thần chú. Xác của nó được đưa đi, và kho tàng của chúng ta giảm bớt là những bằng chứng không thể chối cãi, và bởi vì không có dấu hiệu gì cho thấy là có hơn hai đứa nắm được điều bí mật, vậy thì sau khi giết được một tên, chúng ta phải hạ sát nốt tên kia. Các bạn nghĩ sao, hỡ các hảo hán? Các bạn có đồng ý như kẻ này chăng?

Ý kiến của tên đầu lĩnh được cả bọn cho là hợp lý, chúng đều tán thưởng và đi đến thỏa thuận là phải bỏ mọi công chuyện khác để lo riêng vụ này, và sẽ chưa thôi chừng nào chưa làm xong dự định. Tên đầu lĩnh lại nói:

– Tôi hoàn toàn tin tưởng ở sự dũng cảm và lòng gan dạ của các bạn, nhưng trước tất cả mọi sự, cần có một người trong các bạn gan góc lanh lợi và tháo vát, vào thành phố không mang theo khí giới và cải trang thành một du khách từ nơi khác đến; người ấy phải dở hết tài tháo vát của mình ra để dò hỏi xem trong phố người ta có bàn tán về cái chết bất thường của một người, nó chính là kẻ chúng ta đã trừng trị một cách đích đáng và phải dò xem nhà nó ở đâu. Đó là điều quan trọng chúng ta cần biết trước tiên, để khỏi phải có hành động gì rồi làm chúng ta hối hận, khi xuất đầu lộ diện ở một nơi đã từ lâu không ai hay biết hành tung chúng ta, mà chúng ta lại rất cần giữ nguyên tình trạng ấy, vì lợi ích của mình. Nhưng, để khích lệ trang hảo hán trong số các bạn ở đây sẽ tình nguyện nhận làm việc ấy, và phòng ngừa vị đó nhầm lẫn mà báo với anh em một địa điểm sai có thể làm cho cả bọn ta bị nguy hiểm, tôi xin các bạn cân nhắc xem trong trường hợp đó, vị ấy có nên tự ghép mình vào tội chết hay không?

Không chờ đợi cả bọn bày tỏ ý kiến, một tên cướp đứng ra nói:

– Tôi xin nhận, và tôi lấy làm vinh quang được xả thân vào chốn gian nguy để làm bổn phận. Nếu tôi làm không được việc, xin các bạn ít ra cũng nhớ cho là kẻ này không phải thiếu nhiệt tâm cũng như dũng khí, vì lợi ích chung của đồng bọn.

Sau khi nhận những lời khen ngợi nồng nhiệt của tên đầu lĩnh và của chúng bạn, tên cướp cải trang để không ai nhận được mặt. Từ giã đồng dội, nó ra đi trong đêm, và tính toán sao cho vào tới thành phố đúng vừa rạng sáng. Nó đến gần chợ, trông thấy chỉ một quán mở cửa, ấy là quán của Baba Muxtafa.

Baba Mutxafa ngồi trên chiếc ghế xếp, tay cầm dùi, sẵn sàng làm nghề. Tên cướp đến gần định cất tiếng chào chợt nhận ra tuổi tác cao của lão, nó nói :

– Cụ già làm việc sớm thế, lẽ nào cao tuổi như cụ mà mắt còn sáng vậy. tôi e rằng khi trời sáng tỏ thì mắt cụ không còn đủ tốt để mà khâu nữa.

– Cho dù ngài là ai – Baba Muxtafa đáp – đúng là ngài chưa biết rõ lão này. Tôi già thế này nhưng mắt tôi còn sáng lắm; ngài không thể ngờ là cách đây chưa lâu, tôi đã khâu một xác chết ở một nơi không sáng hơn lúc này.

Tên cướp rất mừng là vừa tới nơi, nói chuyện với người đầu tiên, đã biết được điều khiến nó phải cất công để tìm hiểu, mà không cần dọ hỏi.

– Một xác chết ư ? – nó ngạc nhiên thốt lên. Và để khích ông già nói tiếp, nó lại hỏi :

– Sao lại khâu một xác chết ? Hẳn là cụ muốn nói đã khâu tấm vải để liệm người chết ?

– Không, không – Baba Muxtafa đáp – tôi biết tôi nói gì. Ngài muốn tôi mở miệng, nhưng ngài chẳng được biết gì thêm đâu.

Tên cướp không cần được giải thích sáng tỏ hơn nữa vì tin chắc đã tìm ra được điều muốn tìm hiểu. Nó rút ra một đồng tiền vàng, đặt vào tay Baba Muxtafa và nói :

– Tôi chẳng muốn đi sâu vào điều bí mật của cụ làm gì, mặc dù tôi có thể quả quyết với cụ là tôi sẽ chẳng cho ai biết nếu cụ tâm sự với tôi. Điều duy nhất tôi muốn nhờ cụ là hãy vui lòng cho tôi hay, hoặc dẫn tôi đến và chỉ cho thấy ngôi nhà mà cụ đã khâu xác chết ấy.

Ông già nắm đồng tiền trong tay sẵn sàng đưa trả lại:

– Cho dù có muốn làm được điều ngài nhờ, tôi xin cũng quả quyết là không thể nào làm được, xin ngài

hãy tin cho như vậy. Lý do là thế này: người ta đưa tôi đến một chỗ rồi bịt mặt tôi lại, mới dẫn tôi đến nhà ở đây tôi làm xong việc người ta lại bịt mắt và đưa tôi về chỗ cũ. Ngài thấy rõ tại sao tôi không có cách nào giúp ngài.

– Ít ra cụ cũng còn nhớ mang máng con đường mà người ta bịt mắt cụ rồi dắt đi chứ. Xin cụ hãy đi với tôi, tôi sẽ bịt mắt cụ đúng ở chỗ ấy, rồi hai chúng ta cùng đi theo con đường và rẽ những khúc quanh mà cụ còn nhớ được; và bởi vì việc làm giúp nào cũng đáng được thưởng công đấy xin biếu cụ một đồng vàng nữa. Nào, xin cụ hãy giúp cho tôi chút việc tôi nhờ.

Vừa nói mới vừa dút một đồng tiền nữa vào tay cụ già.

Hai đồng tiền vàng hấp dẫn Baba Muxtafa quá; lão lặng yên ngắm nghía hai đồng tiền trong lòng bàn tay, vừa cố nghĩ xem nên làm thế nào. Cuối cùng, lão rút hầu báo của mình ra, bỏ hai đồng vàng vào đấy, và nói với tên kẻ cướp:

– Tôi không thể nói dứt khoát với ngài rằng tôi nhớ chính xác con đường người ta dẫn tôi đi; nhưng, vì ngài đã muốn như vậy thì chúng ta cũng đi, tôi sẽ cố gắng hết sức để nhớ lại xem.

Baba Muxtafa đứng lên, khiến tên kẻ cướp rất bằng lòng; và không cần đóng cửa quán, bởi vì cũng chẳng có gì đáng giá để mà sợ mất, lão dẫn tên cướp đến chỗ lần trước Mocjian đã bịt mắt lão. Tới nơi, lão nói:

– Chính chỗ này đây, người ta bịt mắt tôi ở đây, rồi tôi quay về phía ngài đang thấy đây này.

Tên cướp đã sắp sẵn một chiếc khăn tay, liền bịt mắt lão lại, rồi cặp kè dắt lão đi bên cạnh, nửa để cho lão dẫn đường, nửa tự nó dẫn đường lão, đi cho đến nơi lão dừng lại và nói:

– Có lẽ lão đã đi không quá chỗ này.

Quả thật lão đang đứng trước nhà của Catxim, nơi hiện Ali Baba ở. Trước khi cất chiếc khăn bịt mắt lão, tên cướp nhanh nhẹn đưa viên phấn cầm sẵn ở tay, đánh dấu vào cửa; và sau khi tháo khăn, hỏi lão có biết nhà này của ai không. Baba Muxtafa nói lão không phải người cùng khu phố, cho nên không thể trả lời.

Tên cướp không thể moi gì hơn nữa từ miệng của Baba Muxtafa, liền cảm ơn lão đã chịu khó nhọc vì mình; và sau khi từ giã, để cho lão trở lại quán của mình, nó tìm đường đông lên rừng, bụng tin chắc là sẽ được đồng bọn hoan nghênh.

Ít lâu sau khi tên cướp và Baba Muxtafa chia tay nhau, Mocjian ra khỏi nhà có việc gì đấy, lúc trở lại, thấy dấu phấn mà tên cướp vừa vẽ lên cửa, liền dừng lại để xem cho kỹ:

– Cái dấu này nghĩa là thế nào? – chị tự hỏi –. Có ai muốn làm hại đến chủ ta, hay là họ làm như vậy vì nghịch ngợm thôi? Dù sao đi nữa, ta cẩn thận vẫn hơn.

Chị liền lấy viên phấn, và bởi vì cửa mấy nhà liền đều giống hệt nhau, chị đánh dấu luôn mấy cái, vào cùng một nơi tương tự, rồi vào nhà mà chẳng nói gì cho ông chủ bà chủ hay...

Trong thời gian đó, tên cướp vẫn tiếp tục đi, nó lên tới rừng và gặp đồng bọn rất sớm. Đến nơi, nó vừa thuật lại chuyến đi thành công của mình, vừa thổi phồng sự may mắn đã gặp ngay từ phút đầu tiên một người cho biết sự việc đang cần điều tra mà chắc chắn ngoài ông lão ra, chẳng còn ai có thể hay biết. Cả bọn nghe một cách hài lòng. Sau khi khen ngợi sự nhanh nhẩu của nó, tên đầu lĩnh cất lời nói với cả bọn:

– Các bạn ạ, chúng ta không được để mất thời giờ!

chúng ta hãy lên đường nhưng đừng để cho người ta thấy chúng ta mang theo khí giới. Chúng ta lại phải vào trong thành phố từng nhóm một, kẻ trước người sau, để đừng gây nên sự ngờ vực; nơi hẹn gặp nhau là quảng trường lớn, một số anh em đứng mạn bên này, một số khác đứng phía bên kia. Trong lúc ấy, tôi sẽ cùng anh bạn vừa mang tin tốt lành về với chúng ta đây đi nhận dạng ngôi nhà, rồi mới quyết định xem nên ra tay thế nào là hay nhất.

Lời tên đầu lĩnh được cả bọn nhiệt liệt tán thưởng. và chẳng mấy chốc cả bọn đã lên đường. Chúng đi thành từng tốp hai, ba tên một, đi cách nhau khá xa, và vào gọn trong thành phố mà chẳng ai ngờ vực. Tên đầu lĩnh và tên buổi sáng đã tới đây vào sau rốt. Tên này dẫn chỉ huy của nó tới phố có nhà của Ali Baba. Đến trước một ngôi nhà có đánh dấu phấn của Mocjian, nó bảo chính nhà này đây. Nhưng tiếp tục đi một quãng nữa để khỏi bị nghi ngờ, tên đầu lĩnh để ý thấy ngôi nhà tiếp theo cũng được đánh dấu ở cửa, vào cùng một chỗ ấy, liền chỉ cho tên dẫn đường thấy và hỏi vậy là nhà này hay nhà kia? Tên đưa đường bối rối, không biết trả lời thế nào, nhất là khi cùng với tên đầu lĩnh nó thấy bốn, năm nhà liền đều có vạch phấn giống nhau. Nó thề rằng nó chỉ đánh dấu mỗi một cửa mà thôi, và nói tiếp:

– Tôi không rõ ai là người đánh dấu các nhà kia mà giống hệt nhau như vậy, nhưng xin thú thật là tôi hoang mang chẳng nhận ra được mình đã đánh dấu nhà nào.

Tên đầu lĩnh thấy mưu đồ của mình đã bị ung từ trong trứng, liền đến quảng trường, gặp một tên đồng bọn, nó sai báo cho tất cả biết, cả đội đã vất vả một chuyến đi vô ích, giờ chỉ còn có việc tìm đường tháo lui thôi.

Chính nó rút trước; cả bọn lần lượt theo sau, vẫn với cung cách như lúc đến.

Khi cả bọn tập hợp đông đủ trong rừng rồi, tên đầu lĩnh giải thích lý do tại sao nó ra lệnh rút lui. Lập tức chúng đồng thanh tuyên bố tên dẫn đường đáng tội chết; chính tên này cũng tự kết tội ấy, nói đáng lẽ nó phải chu đáo hơn rồi mạnh bạo giương cổ ra để chịu chặt đầu.

Vì sự tồn vong của cả lũ, không thể để cho kẻ khác gây thiệt hại mà không trả thù, một tên cướp khác tự cho mình sẽ được việc hơn tên vừa bị xử phạt, bước ra xin được chọn đi làm bổn phận. Cả bọn cướp đồng ý. Tên này lại đi vào thành phố, lại mua chuộc Baba Muxtafa như tên trước nó đã làm; và lão lại chịu để bịt mắt và dẫn nó tới chỉ nhà Ali Baba. Nó đánh một cái dấu đỏ ở một nơi ít lộ liễu hơn, cho rằng như vậy sẽ dễ dàng phân biệt với các nhà khác được đánh dấu bằng phấn trắng.

Nhưng một lát sau, Mocjian đi ra khỏi nhà y như hôm trước, và khi trở lại, cái dấu đỏ không thoát khỏi đôi mắt tinh tường của chị. Chị lại lập luận y như hôm trước và lại không quên đánh dấu phấn đỏ tất cả các cửa nhà hàng xóm, vào cùng một chỗ như nhau.

Tên trộm trở lại với đồng bọn trong rừng, khoe khoang sự cẩn thận mà nó cho là không thể nhầm lẫn, để phân biệt nhà của Ali Baba với các nhà khác. Tên đầu lĩnh cùng với cả bọn đều nghĩ rằng lần này ắt thành công. Chúng lại trở về thành phố, với sự sắp đặt và cung cách đi đường giống hệt lần trước, cũng mang theo khí giới được che giấu cẩn thận, sẵn sàng làm bằng được mưu mô của chúng. Tên đầu lĩnh cùng đứa dẫn đường lại đến thẳng phố có nhà của Ali Baba, và lại cũng gặp trở ngại y như lần trước. Tên đầu lĩnh rất bực mình, còn tên dẫn đường thì hoang mang không kém đứa bạn

của nó đã làm công việc này lần trước.

Toàn bọn cướp buộc phải rút lui và tên dẫn đường tự nguyện dơ cổ chịu chém vì tội lỗi của mình.

Thấy toán lâu la của mình đã hụt mất hai tên dũng mãnh, tên đầu lĩnh sợ nếu cứ tiếp tục dựa vào những đứa khác để dò xem đâu là ngôi nhà thật của Ali Baba, thì sẽ còn tiếp tục chịu tổn thất nữa. Gương của chúng cho nó thấy rõ, bọn này chỉ giỏi tay gậy tay dao, còn dùng trí thông minh vào những trường hợp thế này thì hoàn toàn bất lực. Nó đứng ra tự mình đảm đương công việc ấy. Nó vào thành phố và cũng với sự giúp đỡ của Baba Muxtafa y như lão từng làm cho hai tên do thám trước, nó đến tận nơi nhưng không dại gì đánh dấu để sau này nhận dạng, mà quan sát thật kỹ lưỡng, không chỉ bằng lòng xem xét đến nơi đến chốn, nó còn đi qua đi lại trước cửa nhiều lần, cho đến khi không thể nào nhầm được nữa mới thôi.

Hài lòng về chuyến đi, và biết được điều mong muốn, tên trùm bọn cướp trở về rừng. Khi đã vào trong hang nơi cả bọn đang chờ, nó nói:

– Các bạn, bây giờ thì chẳng còn gì có thể ngăn cản chúng ta trả thù tận gốc sự thiệt hại gây nên cho chúng ta. Tôi đã nắm chắc ngôi nhà kẻ thủ phạm mà chúng ta phải trả thù; trên đường đi tôi đã suy nghĩ cách ra tay sao cho khéo léo, để không một ai còn có thể biết được nơi ẩn náu cũng như chôn cất giấu kho tàng của chúng ta; bởi vì đây là mục đích của chuyến ra quân này, làm khác đi thì chẳng những không có ích mà có thể còn tai hại cho chúng ta. Để đạt được mục đích ấy – nó nói tiếp – đây là cách tôi nghĩ ra. Sau khi tôi trình

bày xong, nếu bạn nào có một cách thức nào tốt hơn, xin cứ cho biết. Nói xong, gã vạch ra kế hoạch dự định làm. Cả bọn đồng tình, rồi chia nhau về các trấn các làng lân cận, thậm chí vào cả trong thành phố mua lừa cho đủ số lượng mười chín con, và ba mươi tám chiếc vại bằng da dùng để đựng dầu nhưng chỉ có một cái chứa đầy dầu còn những cái khác thì để không.

Sau hai hoặc ba ngày, bọn cướp đã thu thập được đủ các thứ đó. Vì các vại hơi chật miệng, tên đầu lĩnh cho nới ra một chút. Sau đó, nó ra lệnh cho bọn lâu la mang theo khí giới cần thiết, mỗi đứa chui vào trong một cái vại, nhưng không khâu lại để có không khí thở, rồi dậy cái túi sao cho trông như có vẻ đựng đầy dầu. Để ngụy trang cho khéo hơn nữa, nó lấy dầu ở cái vại đầy, bôi lên bên ngoài những chiếc kia.

Mọi sự sắp đặt như vậy rồi, ba mươi bảy tên cướp được xếp lên lưng các con lừa, mỗi tên trong một cái vại, cùng với cái vại đựng dầu, còn tên đầu lĩnh đóng vai người dẫn đường, kéo nhau về thành phố. Chúng tính toán để đến nơi vào buổi tối, chừng một giờ sau khi mặt trời lặn, như đã bàn bạc với nhau. Tên đầu lĩnh sẽ đi thẳng tới nhà Ali Baba, gõ cửa và xin nghỉ nhờ lại ban đêm cùng với đàn lừa. Nó vừa gõ cửa, đã thấy Ali Baba ở cổng: anh vừa ra đây hóng mát sau bữa cơm chiều. Nó cho đàn lừa đứng lại và thưa với Ali Baba:

– Thưa ngài, tôi từ xa đến, mang theo dầu mà ngài trông thấy kia, để sáng mai đưa ra chợ bán, vào giờ này quả thật tôi không biết trọ ở đâu. Nếu không phiền ngài nhiều quá, xin ngài vui lòng cho tôi được nghỉ nhờ một tối, tôi sẽ xin đội ơn ngài.

Mặc dù Ali Baba đã trông thấy người đang nói chuyện với mình ở trong rừng, thậm chí nghe cả giọng nói của hắn ta, nhưng làm sao anh có thể nhận ra được tên cầm đầu bốn mươi kẻ cướp cải trang dưới dạng một người buôn dầu lương thiện?

– Xin hoan nghênh – anh đáp – mời vào

Nói xong, anh đứng tránh ra bên để tên đầu lĩnh đưa đàn lừa vào.

Đồng thời, Ali Baba gọi một người ở đến, ra lệnh cho y, sau khi lừa được dỡ hàng xuống rồi, sẽ phải lùa chúng vào chuồng và cho chúng ăn cỏ khô và đại mạch. Anh lại chịu khó vào nhà bếp bảo Mocjian mau mau làm cho người khách mới tới một bữa ăn chiều, và soạn cho ông ta chỗ nghỉ trong một gian buồng.

Ali Baba còn làm hơn nữa để tiếp đón khách thật ân cần. Khi thấy tên đầu lĩnh đã dỡ hết hàng xuống, và đàn lừa đã được người nhà đánh vào chuồng như anh dặn, đang loay hoay tìm một chỗ ngủ ở ngoài trời, anh liền đến mời hắn vào phòng khách, viện cớ mình không thể để khách ngủ đêm ngoài sân. Tên trùm bọn cướp hết lời từ tạ, nhưng kỳ thực là muốn được dễ dàng thực hiện mưu đồ của hắn. Ali Baba mời mọc mãi, hắn đành phải nhận lời.

Không những chỉ bằng lòng ngồi tiếp chuyện kẻ đang tìm cách giết hại mình cho đến khi Mocjian dọn bữa tối ra, Ali Baba còn tiếp tục nói những chuyện tưởng làm cho khách vui lòng, cho mãi tới khi hắn ăn xong, anh mới giã từ:

– Xin ngài cứ tự nhiên như ở nhà – anh bảo hắn – cần gì xin ngài cứ hỏi; bất cứ vật gì ở đây ngài đều có thể dùng.

Tên đầu lĩnh đứng lên cùng một lúc với Ali Baba và tiễn anh ra tận cửa. Trong khi anh vào bếp nói chuyện với Mocjian thì nó ra sân, viện cớ là đến chuồng ngựa xem các con lừa của nó còn thiếu gì không.

Sau khi một lần nữa dặn dò Mocjian hãy hết sức chăm nom người khách, đừng để cho ông ta thiếu thốn thứ gì, Ali Baba nói thêm:

– Mocjian à, ta báo trước cho cô biết, sáng mai ta sẽ đi nhà tắm lúc trời chưa sáng, vậy cô hãy soạn sẵn áo quần thay cho ta và đưa cho Apđanla giữ (Apđanla là tên người đầy tớ trai), rồi nấu cho ta một bát cháo thật ngon để ta ăn khi đi tắm về.

Trong khi đó, tên trùm kẻ cướp thăm đàn lừa xong, ra lệnh cho người của nó nên làm những gì. Nó đi từ vại đầu đến vại cuối và nói với từng đứa: «Khi nào từ căn buồng ta nghỉ, ta ném sỏi xuống, thì các bạn hãy lấy con dao mà các bạn đã mang theo, rạch chiếc vại từ trên xuống dưới, rồi bước ra ngoài; lập tức ta sẽ đến ngay với các bạn»

Các con dao mà nó nói, đều nhọn và được mài rất sắc để dùng vào mục đích ấy.

Dặn dò xong, nó trở lại; vừa đi ngang qua cửa nhà bếp, Mocjian vội cầm đèn dẫn nó vào phòng khách đã dọn dẹp, mời nghỉ lại đấy, sau khi hỏi khách có còn cần thứ gì nữa hay không. Để khỏi gây ngờ vực, lát sau nó tắt đèn, và cứ để nguyên quần áo đi nằm, tự hẹn sẽ dậy hành động sau một giấc ngủ ngắn.

Mocjian không quên những lời chủ dặn. Chị sửa soạn áo quần tắm cho chủ, giao cho Apđanla, anh này cũng chưa đi ngủ, rồi nhóm lửa nấu cháo; cháo vừa sôi thì cây đèn vụt tắt. Trong nhà hết dầu, nến cũng không có nốt. Chị lại cần có ánh sáng để hớt bọt cháo, liền phàn nàn với Apđanla.

– Cô thật bối rối quá nhỉ, – anh ta bảo – sao không ra lấy dầu ở một trong những cái vại ngoài sân.

Mocjian cám ơn Apđanla về ý kiến ấy. Trong khi anh đi ngủ ngay cạnh phòng của Ali Baba để sáng mai theo chủ đi nhà tắm sớm, chị cầm cái bình đựng dầu ra sân. Vừa đi đến cái vại đầu tiên, thì nghe tiếng tên cướp nấp trong ấy hỏi thì thào:

– Đã đến giờ chưa?

Dù tên cướp nói rất nhỏ, Mocjian vẫn nghe rành mạch, vì khi dỡ hàng trên lưng lừa xuống, tên đầu lĩnh không những mở nắp chiếc vại này mà còn mở tất cả để cho người của nó được thoáng hơn; bọn này tuy không bị chết ngạt song rất tù túng khó chịu.

Bất kỳ một người ở nào khác, bất chợt thấy có người trong vại, chứ không phải dầu, đã làm ầm ĩ lên và do đó có thể gây nên điều bất hạnh lớn. Nhưng Mocjian khôn ngoan hơn tất cả, chị hiểu ra ngay tức khắc cần phải giữ nhẹm việc này, Ali Baba và cả gia đình, trong đó có chị, đang trải qua một cơn nguy biến khẩn cấp, cần phải tìm phương đối phó mà không làm ồn ào. Vốn thông minh, chị hiểu nên làm những gì. Bình tĩnh lại ngay, không tỏ ra chút xúc động, chị giả giọng tên đầu lĩnh, đáp:

– Chưa, nhưng sắp rồi.

Chị sang cái vại thứ hai, lại nghe câu hỏi đó, cứ thế cho đến cái vại cuối cùng, và chị lại vẫn trả lời như thế ấy.

Qua việc đó, Mocjian hiểu rằng ông chủ của mình tưởng cho một người buôn dầu trú ngụ, thật ra đã để cho ba mươi tám tên cướp, kể cả tên đầu lĩnh vào nhà, Chị vội vàng múc dầu cho đầy cái bình của mình, trở lại nhà bếp rót vào đèn và châm lên, tiếp đó lấy một cái chảo lớn, trở ra sân, vục đầy dầu. Đặt cái chảo

lên bếp, chị chất thật nhiều củi vào đun, nghĩ rằng dầu càng chóng sôi mình càng mau chóng thực hiện được việc sẽ cứu sống cả nhà. Cuối cùng dầu sôi, Mocjian bưng ra, rót dầu đang sôi sùng sục vào từng cái vại một, giết chết tất cả bọn cướp, từ tên đầu tới tên cuối. Cả bọn chết không còn đứa nào.

Hành động dũng cảm ấy của Mocjian được thực hiện một cách im lìm, như dự định của chị; làm xong, chị trở vào nhà bếp với chiếc chảo không, rồi đóng cửa lại. Chị dụt bớt củi chỉ để lửa cháy lim rim, đủ hầm dừ nồi cháo nấu cho Ali Baba. Chị tắt đèn, dứt khoát không đi ngủ mà ngồi thật im ắng, nhìn ra cửa sổ trông xuống sân, chờ xem có việc gì sẽ xảy ra.

Mocjian chờ chưa tới một khắc thì tên đầu lĩnh bọn cướp thức giấc. Hắn đứng lên, mở cửa sổ nhìn ra, thấy khắp nhà không còn ánh đèn lửa và hoàn toàn im lặng. Hắn ném những viên sỏi xuống báo hiệu, nhiều viên rơi trúng các vại, nghe tiếng dội lại hắn biết chắc như vậy. Nhưng cố lắng tai, hắn vẫn không nghe cũng như không thấy đồng bọn của nó động tĩnh. Đâm lo, hắn lại ném sỏi lần thứ hai rồi lần thứ ba nữa. Sỏi lại rơi trúng các vại, thế mà đồng bọn của hắn vẫn lặng như tờ, hắn chẳng hiểu ra làm sao cả. Hoảng hốt, hắn nhào xuống sân, cố đi hết sức nhẹ nhàng. Đến gần chiếc vại đầu tiên, hắn định hỏi tên lâu la mà hắn ngỡ còn sống, có phải đang ngủ say chăng, thì chợt ngửi mùi dầu sôi và mùi thịt cháy tỏa ra khỏi vại. Thế là hắn hiểu âm mưu giết hại Ali Baba, cướp bóc của cải trong nhà, và nếu có thể thì mang theo luôn cả số vàng của chúng bị mất đã thất bại. Lần lượt đi qua tất cả các vại, hắn đều thấy đồng bọn bị giết chết theo cùng một cách; đến vại đựng dầu, nhìn thấy dầu đã vơi hẳn đi, hắn hiểu ra người ta đã làm thế nào diệt gọn cả lũ, khiến cho hắn bây giờ không còn ai để tiếp

tay. Tuyệt vọng vì hỏng việc, tên trùm kẻ cướp lẻn qua ngõ sân thông ra vườn, rồi vượt tường từ vườn này sang vườn khác chuồn thẳng.

Chờ một chốc không nghe có tiếng động, và cũng không trông thấy tên cướp quay trở lại, Mocjian biết hắn đã trốn theo lối nào, vì cổng chính thông ra đường phố đã bị khóa chặt. Hài lòng, và rất vui mừng vì đã gìn giữ sự trọn vẹn bình yên cho cả nhà, chị đi nằm và ngủ luôn.

Trong thời gian đó, Ali Baba dậy từ khi trời chưa sáng, cùng với người đầy tớ đến nhà tắm, hoàn toàn không hay biết về sự việc kỳ lạ vừa xảy ra trong nhà khi anh ngủ, mà Mocjian chẳng hề cho biết, vì chị cho rằng không thể để mất thời giờ khi cần đối phó với nỗi hiểm nguy, còn khi đã làm xong đâu vào đấy rồi thì lại chẳng cần phải làm mất giấc ngủ của ông chủ làm chi.

Tắm xong trở về nhà, thì mặt trời đã mọc, Ali Baba ngạc nhiên thấy các vại dầu vẫn y nguyên chỗ cũ, và người buôn dầu không đánh đàn lừa ra chợ, liền hỏi Mocjian. Chị dẫn anh tới, mở từng chiếc vại ra cho anh thấy, để dễ kể lại rành mạch đã làm thế nào bảo toàn tính mạng cho cả nhà.

– Thưa ông chủ. Xin Thượng đế phù hộ ông và cả gia đình ta! Ông sẽ hiểu rõ hơn điều ông muốn biết, khi nhìn thấy những gì tôi chỉ cho ông đây, mời ông vui lòng đi theo tôi.

Ali Baba theo chị. Mocjian đóng cửa lại rồi dẫn anh tới cái vại thứ nhất:

– Xin ông hãy ghé mắt nhìn vào bên trong – chị nói – xem có dầu hay không.

Ali Baba nhìn vào trong thấy một con người trong vại, anh khủng khiếp nhảy thụt lùi và thét lên một tiếng lớn.

– Xin ông đừng sợ hãi – Mocjian bảo anh – người ông trông thấy kia không còn có thể làm hại ông được nữa, nó đã từng làm hại nhiều người, nhưng giờ nó không còn có thể làm gì ông nữa hay bất cứ người nào khác: nó đã chết rồi.

– Mocjian – Ali Baba kêu lên – tất cả những điều cô cho ta thấy đây là thế nào? Hãy nói rõ đi.

– Tôi sẽ nói rõ, Mocjian đáp – nhưng xin ông chớ tỏ vẻ ngạc nhiên quá, làm thu hút sự tò mò của hàng xóm muốn biết một việc mà ông rất cần phải giữ cho kín. Xin mời ông hãy đi xem các vại khác hẵng.

Ali Baba đi xem các vại, từ chiếc đầu tới chiếc cuối, và thấy dầu trong chiếc cuối cùng này đã vơi hẳn đi. Xem xong, anh đứng im như phỗng, khi nhìn những cái vại, khi thì nhìn Mocjian mà không thốt ra được lời nào, bởi ngạc nhiên quá mức. Cuối cùng khi nói được ra lời anh hỏi:

– Thế còn lão buôn dầu? Nó ra sao rồi?

– Lão ấy không phải nhà buôn, cũng giống như tôi đây không phải là nhà buôn vậy. Tôi sẽ nói rõ nó ra sao rồi. Nhưng ông vào trong nhà nghe chuyện sẽ tiện hơn, bởi lẽ đã đến lúc ông dùng một bát cháo nóng; ăn cháo sau khi tắm, có lợi cho sức khỏe của ông.

Trong khi Ali Baba lên buồng mình, Mocjian vào nhà lấy cháo bưng lên theo, nhưng anh không chịu ăn ngay mà nói:

– Ta đang nôn nóng muốn biết, cô hãy kể lại cho ta nghe đầy đủ chi tiết câu chuyện lạ lùng đến vậy.

Vâng lời anh, Mocjian kể:

– Thưa ông, tối hôm qua, khi ông đã đi nghỉ, tôi chuẩn bị áo quần tắm cho ông, như ông vừa dặn, và giao cho Apđanla. Sau đó tôi nhóm lò hầm cháo, và trong khi đang hớt bọt thì ngọn đèn hết dầu, tắt phụt,

mà trong bình nhà cũng chẳng còn một giọt nào. Tôi tìm các nẩu nến cũng không có nốt. Apdanla thấy tôi bối rối, nhắc tôi ở ngoài sân có nhiều vại đựng đầy dầu; anh ta tưởng như vậy cũng giống như tôi và ông tướng. — Tôi xách chiếc bình chạy ra cái vại gần nhất. Nhưng vừa tới nơi đã nghe có tiếng người hỏi: «Đến giờ chưa?» Tôi không sợ hãi, mà hiểu ra ngay thủ đoạn của lão nhà buôn giả hiệu, tôi không ngần ngại đáp: «Chưa, nhưng sắp rồi». Tôi sang cái vại thứ hai, lại có tiếng người hỏi câu đó, và tôi lại trả lời y như lần trước. Tôi đi qua hết các vại, đến đâu cũng vẫn câu hỏi ấy và vẫn được trả lời như vậy, mãi đến vại cuối cùng mới thấy có dầu thật. Tôi múc đầy bình. Khi nhận ra trong sân nhà có ba mươi bảy tên cướp đang chờ mệnh lệnh của trùm bọn chúng, mà ông ngỡ là nhà buôn mà đón tiếp linh đình, đến mức đồ của đồ nhà ra thết đãi hắn tôi liền không để mất thời giờ. Tôi mang bình dầu về, thắp đèn lên, rồi lấy cái chảo to nhất nhà bếp, đưa ra vào đầy dầu. Tôi đặt chảo lên bếp đun, khi dầu đã sôi sùng sục, tôi mang ra rót vào các vại chứa quân ăn cướp đủ để ngăn không cho chúng làm cái điều độc ác đã dẫn chúng tới đây. Mọi việc xong xuôi đâu vào đấy như dự định, tôi trở lại nhà bếp, tắt đèn, nhưng trước khi đi ngủ còn ngồi bình tĩnh nhìn qua cửa sổ ngóng xem lão buôn dầu giả sẽ hành động thế nào. Một lát sau tôi nghe hắn ném sỏi từ cửa sổ xuống để ra hiệu nhiều viên sỏi rơi chạm vào các vại. Hắn ném lần thứ hai rồi lần thứ ba nữa; và bởi vì không trông thấy cũng như không nghe động tĩnh gì, hắn xuống sân, tôi thấy rõ hắn đi từ vại này sang vại khác, rồi sau đó vì tối quá tôi không nhìn thấy hắn nữa. Tôi ngóng chờ thêm ít lâu, nhưng không trông thấy hắn trở lại, bèn nghĩ rằng do tuyệt vọng vì hỏng

việc hắn đã chuồn theo ngả thông ra vườn rồi. Tôi cho rằng cả nhà ta thế là đã được bằng an, tôi đi ngủ.

Đến đây, Mocjian nói tiếp:

– Đó là câu chuyện ông bảo tôi thuật lại, và tôi tin chắc đây là cái đuôi của một việc tôi để ý thấy vài ba ngày nay, mà tôi nghĩ chẳng cần thưa ông rõ. Ấy là một lần, vào lúc rất sớm, tôi ra phố về, nhận thấy cửa ra đường của nhà ta có một dấu phấn trắng, rồi hôm sau, một dấu phấn đỏ; mỗi lần như vậy, tuy không rõ ai có ý đồ gì, tôi vẫn đánh dấu thêm vào cùng chỗ ấy ở cửa hai ba nhà hàng xóm nữa, phía trên cũng như phía dưới nhà ta. Nếu ông ráp nối việc đó với chuyện vừa xảy ra, ông sẽ thấy rằng tất cả mọi việc đều do bọn cướp trong rừng mưu mô xếp đặt, mà không hiểu sao bọn chúng lại thiếu mặt hai tên. Dù sao đi nữa, bây giờ còn nhiều lắm cũng chỉ có ba thằng. Những việc vừa xảy ra chứng tỏ chúng nó quyết diệt ông và tốt hơn là ông nên phòng bị, chừng nào còn sót lại một tên trên đời. Về phần tôi, tôi sẽ không lơ là trông nom tính mệnh ông, bổn phận của tôi là như vậy.

Mocjian kể xong, Ali Baba rất lấy làm cảm kích, liền nói:

– Ta chưa chết được chừng nào chưa thưởng công xứng đáng cho cô. Cô đã cứu sống ta, và để bắt đầu tỏ lòng cám ơn cô, ta cho cô được tự do kể từ giờ phút này, trong khi chờ đợi thực hiện đầy đủ hơn nữa điều ta đang suy tính. Ta cũng tin chắc như cô rằng chính bốn mươi tên cướp đã bày ra những cạm bẫy này để hại ta. Thượng đế đã qua tay cô cứu cho ta thoát khỏi. Ta hi vọng Người sẽ còn bảo hộ ta thoát khỏi tội ác của chúng, và qua đó mà giải thoát cho loài người khỏi những việc làm tội lỗi đáng nguyền rủa của chúng.

Bây giờ, chúng ta cần phải chôn ngay những xác chết thối tha kia, sao cho thật bí mật, không để một ai nghi ngờ về số phận của chúng; công việc này để ta cùng Apđanla lo liệu.

Vườn của Ali Baba rất dài, ở phía cuối có nhiều cây to. Không chút chậm trễ, anh cùng người đầy tớ trai đào dưới hàng cây ấy một cái hố vừa đủ rộng và sâu để chôn bằng ấy xác chết. Đất ở đây cũng dễ đào, chẳng mấy chốc mà xong. Họ lôi các xác chết khỏi các vại, lấy khí giới của chúng để riêng ra, rồi mang ra vườn xếp xuống hố. Sau khi vùi lại, họ san số đất còn thừa ra chung quanh để cho mặt đất bằng phẳng y như cũ. Ali Baba sai cất giấu cẩn thận các vại cùng khí giới; còn đàn lừa, vì lúc ấy chưa cần dùng đến, anh cho người đầy tớ đưa ra chợ bán dần.

Trong khi Ali Baba lo làm những việc ấy để cho mọi người khỏi thấy được tại sao anh trở nên giàu có trong một thời gian ngắn như vậy, tên đầu lĩnh bọn cướp trở lại rừng, buồn phiền không thể nào tả xiết. Trong niềm xúc động, hay đúng hơn là sự hoang mang về một thất bại sâu cay trái ngược với dự định, hắn vào đến trong hang mà vẫn chưa suy tính được, trong suốt cả thời gian đi đường, nên làm gì hoặc không nên làm gì đối với Ali Baba.

Sự cô đơn trong hang thật khủng khiếp đối với hắn.

– Hỡi các trang hảo hán, đồng đội của tôi trong những chuyến ngang dọc giang hồ, các bạn đâu cả rồi? Ta có thể làm gì thiếu các bạn? Phải chăng ta đã chọn lọc và tụ tập các bạn lại để rồi trông thấy các bạn bỏ mình cùng một lúc vì số phận tai ương và không chút xứng đáng với sự quả cảm của các bạn? Ta sẽ đỡ thương tiếc hơn, nếu các bạn bỏ mình trong trận mạc, gươm cầm tay, như những trang hảo hán. Đến bao giờ ta mới có

được một toán tay chân như các bạn. Và dù ta có muốn chăng nữa, ta sao lại làm chuyện đó trong khi đang phơi bày bao nhiêu vàng, bạc và của cải cho một tên đã làm giàu một phần nhờ những thứ ấy? Ta chưa thể và chưa nên nghĩ đến chuyện ấy chừng nào chưa hạ sát được tên này. Điều mà ta đã không thể làm nên với sự trợ giúp hùng hậu của các bạn, ta sẽ tự làm lấy một mình. Đến bao giờ biết chắc kho tàng của ta không bị kẻ khác dòm ngó nữa, ta mới cố làm sao để khi ta qua đời rồi, không đến nỗi không có người thừa kế hay làm chủ, để cho kho báu ấy được bảo toàn và tiếp tục tăng lên cùng với hậu thế.

Đã định bụng như vậy rồi, thì chẳng khó khăn gì mà không tìm ra cách thực hiện; thế là lòng tràn trề hi vọng và thanh thản, hắn đi nằm và ngủ yên giấc suốt cả đêm.

Sáng hôm sau, tên đầu lĩnh thức dậy thật sớm, mặc một bộ áo quần tươm tất, rồi đi vào thành phố, đến trọ trong một cái **khan**. Hắn chờ đợi việc xảy ra ở nhà Ali Baba đang làm ồn ào cả thành phố, vì vậy tìm người gác cổng chuyện trò, hỏi thăm có gì mới lạ xảy ra trong phố xá hay không; người nầy lại đi kể lể toàn những chuyện khác xa điều nó muốn biết. Từ đó, hắn suy đoán ra lý do sở dĩ Ali Baba phải giữ kín nhẹm như vậy, là để khỏi loan truyền rộng rãi cho mọi người biết anh làm chủ kho tàng và biết cách thức để vào nơi cất giấu; hơn nữa, anh cũng đã biết rằng chính vì chuyện ấy mà có người đang âm mưu hại anh. Điều đó càng làm cho hắn cũng phải tính toán sao để trừ khử được anh trong vòng bí mật.

Tên đầu lĩnh tậu một con ngựa, dùng ngựa chở từ hang về nơi trọ nhiều loại vải lụa đẹp và đắt tiền, bằng

cách đi lại nhiều lần với sự gìn giữ ý tứ để không cho ai biết rõ nơi lấy hàng. Khi xét thấy đã mang về tạm đủ, hắn tìm thuê một cửa hiệu bày ra bán. Tìm được một nơi, hắn hỏi thuê, rồi cho sắm đồ đạc và dọn đến ở. Hiệu buôn của hắn đối diện với cửa hiệu trước đây thuộc về Catxim, và nay do con trai của Ali Baba cai quản chưa được bao lâu.

Tên đầu lĩnh kẻ cướp, đội tên là Cojia Hutxanh, với tư cách người mới dọn đến, không quên đi chào hỏi các ông chủ hiệu láng giềng, đúng như phong tục. Nhưng, vì cậu con trai Ali Baba còn trẻ, khôi ngô, khá thông minh, và vì có nhiều dịp chuyện trò cho nên chẳng bao lâu hắn kết thân với cậu hơn những người khác. Hắn càng chăm lo lui tới và làm thân với người bạn mới quen này nhiều hơn nữa, nhất là ba, bốn hôm sau, khi hắn nhận được ra chính Ali Baba đến thăm và chuyện trò với cậu, như anh thỉnh thoảng vẫn làm. Hỏi ra, biết rằng đây chính là cha đẻ của cậu, hắn càng thêm săn đón, vuốt ve, quà cáp, đãi đằng, và có nhiều lần mời cậu ta ăn cơm nữa.

Cậu con trai của Ali Baba không muốn chịu ơn Cojia Hutxanh nhiều mà không đáp lại. Nhưng cửa hiệu của cậu chật chội, và cũng không có điều kiện thuận tiện để thết đãi nó như cậu mong muốn. Cậu liền nói ý định của mình với cha, và tỏ ý rằng thật là không tiện nếu để lâu hơn nữa mà không đáp lễ Cojia Hutxanh.

Ali Baba vui lòng nhận lấy việc thết đãi khách. Anh nói:

– Con ạ, mai là thứ sáu là ngày mà các nhà buôn lớn như Cojia Hutxanh và con đóng cửa hiệu nghỉ, con hãy rủ ông ta đi dạo chơi vào buổi chiều; khi trở về con hãy làm sao đưa ông đi ngang qua nhà ta và mời ông ta ghé vào. Như thế sẽ hay hơn là con ngỏ lời mời hẳn hoi. Ta sẽ bảo Mocjian lo sửa soạn bữa tối cho đâu vào đấy.

Chiều thứ sáu, con trai Ali Baba và Cojia Hutxanh hẹn gặp nhau cũng một nơi, rồi cùng đi dạo mát. Trên đường về, cậu con trai cố tình đưa bạn đi qua phố có nhà của Ali Baba; đến trước nhà, cậu dừng lại gõ cửa và bảo:

– Đây là nhà cha tôi. Ông cụ nghe tôi kể lại tình bạn mà ngài có lòng hạ cố kết thân với tôi, đã giao cho tôi bổn phận giới thiệu, để cha tôi cũng được hân hạnh làm quen với ngài. Tôi mong ngài vui lòng nhận lời cho một điều ấy nữa, sau bấy nhiêu điều ngài đã làm ơn cho tôi.

Mặc dù Cojia Hutxanh đã đạt được mục đích tự hắn đề ra, là vào nhà của Ali Baba và giết hại anh ta mà không làm nguy hại đến tính mạng của hắn và cũng chẳng gây nên chuyện ồn ào, hắn vẫn ta từ, làm ra vẻ muốn xin cáo biệt; nhưng lúc đó, người ở đã ra mở cổng, và cậu con trai đã nhã nhặn nắm tay hắn bước vào trước và ép khách cùng vào; thế là hắn làm như thể vì miễn cưỡng mà vào chơi vậy.

Ali Baba đón Cojia Hutxanh cởi mở và ân cần. Anh cám ơn nó về lòng tốt đối với cậu con trai mình.

– Ngài làm ơn cho cháu cũng chính là làm ơn cho tôi vậy, – anh nói – nhất là cháu còn trẻ dại, chưa quen giao thiệp với đời; thật là ngài đã có lòng thương mà góp phần kèm cặp cháu.

Cojia Hutxanh hết lời đưa đẩy, hắn quả quyết với Ali Baba rằng, nếu cậu quý tử của anh chưa từng trải bằng một số vị cao niên nào đó, thì anh lại có cái khiếu làm cho anh trội hẳn bao nhiêu người khác từng trải với đời hơn.

Sau vài ba câu trao đổi ngắn ngủi về những chuyện chẳng có liên quan gì đến ai, Cojia Hutxanh muốn cáo từ. Ali Baba vội ngăn lại:

– Ngài định đi đâu, thưa ngài? Xin ngài cho tôi hân hạnh được mời ngài dùng bữa tối với gia đình. Bữa của chúng tôi thật quá xoàng xĩnh so với ngài; mặc dù vậy, tôi mong ngài hãy vui lòng nhận lời đáp lại thiện ý của tôi.

– Thưa ngài Ali Baba – Cojia Hutxanh đáp – tôi hoàn toàn tin chắc vào thiện ý của ngài, và xin ngài chớ cho việc tôi ra về mà không nhận lời mời mọc ân cần của ngài là xuất phát từ sự khinh khi hoặc bất lịch sự, mà chính vì một lý do mà ngài hẳn đã đồng tình nếu ngài rõ

– Lý do gì vậy, thưa ngài? Có thể hỏi ngài được chăng?

– Tôi có thể nói rõ thôi – Cojia Hutxanh nói tiếp – ấy là bởi tôi không ăn được thịt hoặc các món có bỏ muối; ngài thấy như vậy là tôi phải khiêng khem thế nào khi dùng bữa với ngài.

– Nếu chỉ vì một lý do ấy thôi – Ali Baba nài – thì không nên vì thế mà ngài không cho tôi được hân hạnh hầu tiếp, trừ phi ngài thật lòng không muốn. Trước hết, trong bánh mì của nhà tôi không có muối, còn về món thịt và món hầm, xin hứa là sẽ không bỏ muối trong đĩa mời ngài, tôi đi ra lệnh ngay tức khắc cho người nhà. Vậy là xin mời ngài hãy ngồi lại, tôi trở về trong chốc lát thôi.

Ali Baba xuống bếp dặn Mocjian chớ cho muối vào thịt sẽ mời khách, và làm nhanh vài ba món hầm nhạt, thêm vào số món ăn anh đã dặn làm từ trước.

Mocjian đã nấu nướng xong đâu vào đấy, không thể không bực mình về lệnh mới này. Chị nói thẳng với Ali Baba:

– Vị khách khó tính ấy là ai mà không chịu ăn muối? Bữa ăn chiều của ông thế là chẳng ngon lành gì nữa nếu tôi phải dọn muộn hơn.

– Chớ có bực mình Mocjian à. – Ali Baba nói – đây là một con người trung hậu. Cô hãy làm điều ta bảo.

Mocjian vâng lời, nhưng trong bụng không vui. Chị này ra sự tò mò muốn biết ông khách không ăn muối ấy là ai. Khi chị đã nấu nướng xong và Apđanla đã bày ra bàn, chị giúp anh ta bưng thức ăn lên. Nhìn Cojia Hutxanh, chị nhận ra ngay đấy chính là tên đầu lĩnh bọn cướp, mặc dù nó đã cải trang; và xem xét thật cẩn thận, chị thấy nó mang theo một cây dao găm giấu dưới tà áo. Chị tự bảo:

– Ta chẳng lấy gì ngạc nhiên sao tên vô lại này lại không chịu ăn muối cùng với chủ ta; ông ta là kẻ thù không đội trời chung của nó mà; nó muốn giết hại ông nhưng ta sẽ ngăn không cho nó ra tay.

Khi đã cùng với Apđanla bày bàn xong, Mocjian nhân lúc mọi người đang ăn, đi chuẩn bị những thứ cần thiết để làm một việc thật táo bạo; vừa xong thì Apdanla xuống báo đã đến lúc đưa trái cây ra. Chị mang trái cây lên, và trong khi Apđanla thu dọn bàn ăn, chị đưa trái cây mời khách. Tiếp đó, chị để bên cạnh Ali Baba một chiếc bàn nhỏ trên có rượu nho cùng ba cái chén. Bước ra khỏi phòng, chị kéo Apđanla theo, làm như thể gọi nhau đi ăn, để cho Ali Baba, theo phong tục, được tự do trò chuyện và chơi đùa thoải mái với khách, cũng như mời khách uống rượu.

Thế là anh chàng Côjia Hutxanh giả hiệu, hay đúng hơn là tên đầu lĩnh bọn cướp, tưởng rằng cơ hội thuận lợi để hạ sát Ali Baba đã tới.

– Ta sẽ làm cho cả bố lẫn con mày cùng say túy lúy – nó tự nhủ – và thằng con, mà ta muốn để cho sống, lúc ấy cũng không thể ngăn ta thọc lưỡi dao găm vào tim bố nó; rồi ta sẽ theo ngõ sau mà chuồn, như ta

đã từng làm, trong khi con nấu bếp và tên đầy tớ ăn chưa xong bữa hoặc đã ngủ kỹ trong bếp.

Nắm được mưu đồ của lão Côjia Hutxanh giả hiệu, Mocjian không đi ăn tối, và không để cho hắn có đủ thời giờ thực hiện tội ác của nó. Chị vận một bộ áo quần vũ nữ thật tinh tươm, đội chiếc khăn đúng kiểu và thắt một sợi thắt lưng bạc mạ vàng, đeo một con dao găm vỏ và chuôi dao đều bằng bạc, thêm vào đó còn mang một mặt nạ thật đẹp. Hóa trang như vậy rồi, chị bảo Apđanla :

– Apđanla này, hãy mang cái trống của anh ra đây, chúng ta sẽ mua vui cho vị khách của chủ ta và là bạn của cậu cả, như thỉnh thoảng chúng ta vẫn mua vui cho ông chủ ấy mà.

Apđanla mang trống ra, vừa chơi vừa bước vào phòng, đi trước Mocjian. Chị vào sau, cúi đầu chào thật thấp, dáng điệu ung dung và cố tình để người ta nhìn ngắm, làm như thể chờ được phép trình diễn những gì mình có thể làm.

Apđanla thấy Ali Baba có ý muốn nói, liền thôi đánh trống.

– Hãy vào đi Mocjian, vào đi – Ali Baba nói – ngài Côjian Hutxanh sẽ xem cô làm được những gì và sẽ nói cho chúng ta nghe ý kiến của ngài. Ít ra, thưa ngài – anh quay lại nói với tên nhà buôn giả hiệu – xin ngài chớ nghĩ rằng tôi bày ra chuyện tiêu xài tốn kém để mua vui cho ngài. Đây là cây nhà lá vườn, ngài thấy đó, chỉ là tên đầy tớ cùng với cô đầu bếp của gia đình trình diễn mà thôi. Tôi mong ngài sẽ không cho là quá dở.

Côjia Hutxanh không chờ đợi Ali Baba lại có tiết mục giải trí này sau bữa thết đãi mình. Hắn hiểu ngay, như vậy là không thể lợi dụng được dịp tốt nữa.

Sự việc đã diễn ra thế này, âu là đành tự an ủi sẽ tìm được dịp khác, bằng cách nuôi dưỡng tình bè bạn với cả hai cha con. Bởi vậy, mặc dù trong lòng không muốn Ali Baba bày trò này ra, hắn vẫn làm ra vẻ như lấy làm cảm kích, và đành phải nói đãi bôi rằng cái gì ông chủ đã cho là hay thì chắc chắn hắn cũng sẽ lấy làm thích thú.

Khi Apđanla thấy Ali Baba và Côjia Hutxanh thôi nói chuyện với nhau, anh tiếp tục đánh trống và cất giọng hát. Mocjian múa rất khéo, không thua kém gì những vũ nữ chuyên nghiệp, đến nỗi không những mấy người xem ở đây mà bất kỳ ở đâu khác cũng phải thán phục, có loại trừ chăng là anh chàng Côjia Hutxanh giả hiệu đang chẳng còn bụng dạ nào chú ý đến trò vui.

Sau khi múa nhiều khúc cũng duyên dáng cũng mạnh mẽ như nhau, cuối cùng chị rút dao găm ra cầm ở tay, rồi bắt đầu múa một bài còn hay hơn các bài trước, với những cử chỉ uyển chuyển, những bước nhảy bất ngờ, những cố gắng kỳ diệu, khi thì đơ con dao ra phía trước như sắp đâm ai, khi thì quay dao trở lại như định thọc vào chính ngực mình.

Cuối cùng như thể hết hơi, chị giật cái trống khỏi tay Apđanla, cầm bằng tay trái, trong khi tay phải vẫn nắm cây dao găm chị lật ngược cái trống chìa ra trước mặt Ali Baba bắt chước các vũ công và vũ nữ chuyên nghiệp làm như vậy với khán giả để xin tiền thưởng.

Ali Baba ném một đồng tiền vàng vào trống của Mocjian. Chị lại chìa cái trống sang con trai Ali Baba, cậu ta bắt chước bố cũng thưởng tiền. Côjia Hutxanh thấy chị sắp chìa cái trống về phía mình, đã rút sẵn túi tiền chực thưởng; hắn vừa cho tay vào túi thì Mocjian, với sự dũng cảm xứng đáng với tính tình cứng rắn và sự gan dạ chị vẫn biểu lộ cho đến lúc bấy giờ, thọc lưỡi dao

vào đúng tim nó, thật sâu, và chỉ rút ra khi tên cướp đã tắt thở.

Ali Baba và cậu con trai kinh hoàng trước cảnh tượng ấy, anh thét to lên một tiếng :

– Ôi, con khốn nạn – Ali Baba kêu – mày làm gì vậy ?: Để giết ta và cả gia đình ta sao ?

– Không phải để giết ông – Mocjian đáp – tôi làm như vậy là để cho ông sống đấy.

Vén tà áo của Cojia Hutxanh, chị trỏ cho Ali Baba thấy chiếc dao găm của hắn, và nói tiếp :

– Ông thấy đấy, ông gặp một kẻ thù nguy hiểm thế nào. Hãy nhìn kỹ mặt nó, ông sẽ nhận ra lão buôn dầu giả hiệu và cũng chính là đầu sỏ của bốn mươi tên cướp. Ông không để ý là nó không chịu ăn muối cùng với ông ư ? Ông còn cần gì thêm nữa để tin chắc âm mưu hiểm độc của nó ? chưa trông thấy nó, tôi đã đâm nghi, khi vừa nghe ông nói cho hay có một người khách như vậy. Tôi đã nhìn nó, và các ông rõ rồi đấy, sự nghi ngờ của tôi không phải là vô căn cứ.

Một lần nữa, biết ơn Mocjian đã cứu sống mình lần thứ hai, Ali Baba ôm cô hôn :

– Mocjian à – anh nói – hôm ta trả lại tự do cho cô, ta đã hứa là không chỉ dừng lại ở đấy, và chẳng bao lâu sẽ còn thưởng một mức cao hơn nữa. Cái lúc ấy đã đến rồi : ta cưới cô làm con dâu của ta.

Quay về phía cậu con trai, anh nói tiếp :

– Con ơi, cha tin rằng con là đứa con hiếu thảo, con không lấy làm lạ sao cha định cưới Mocjian cho con làm vợ, mà không hỏi trước ý kiến của con. Con cũng chịu ơn cô không kém gì cha. Con đã thấy đấy, Côjia Hutxanh kết bạn với con là nhằm giết hại cha một cách phản trắc; và nếu nó làm được việc ấy, thì hẳn con không nghi ngờ gì nó không giết nốt con để trả thù. Hãy nên

nghĩ thêm rằng, lấy Mocjian con sẽ lấy một người đảm đang cho nhà ta chừng nào cha còn sống, và là người sẽ làm rường cột cho gia đình suốt cả đời con.

Cậu con trai chẳng những không mảy may tỏ ra phật ý, mà còn nói rõ mình bằng lòng kết hôn, không chỉ vì để khỏi trái ý cha, mà chính mình cũng có cảm tình với cô gái ấy.

Tiếp đó, cả nhà Ali Baba lo chuyện chôn xác tên đầu lĩnh bên cạnh xác ba mươi bảy tên cướp kia; công việc ấy làm kín đáo đến nỗi nhiều năm sau người ta mới hay biết, khi không còn một ai quan tâm tới việc công bố câu chuyện đáng ghi nhớ này.

Mấy ngày sau, Ali Baba làm đám cưới cho con trai lấy Mocjian rất trọng thể, chè chén linh đình, kèm theo nhảy múa, diễn trò và các cuộc vui chơi như phong tục đã định. Anh rất vui lòng thấy bạn bè và hàng xóm, được mời đến dự. Tuy không ai rõ nguyên nhân thật của vụ hôn nhân, nhưng đều biết chắc phẩm chất tốt đẹp của Mocjian, cho nên đều hết lời ca ngợi lòng hào hiệp và sự tốt bụng của anh.

Sau lễ cưới, Ali Baba vốn đã tránh không trở lại cái hang kể từ hôm anh đến lấy xác của ông anh trai Catxim chở trên lưng lừa mang về cùng với một số vàng, vì sợ gặp bọn kẻ cướp ở đấy; nay cũng vẫn tránh không đến, dù ba mươi tám tên cướp, kể cả tên đầu lĩnh, đã bị tiêu diệt, vì anh ngại còn hai tên nữa mà anh chưa rõ số phận ra sao, biết đâu đang còn sống.

Nhưng một năm sau, thấy không có hiện tượng gì đáng lo lắng, anh lại nảy ra sự tò mò muốn đến đấy, xem sao. Anh lên ngựa, đến gần cái hang, thấy tuyệt nhiên không có dấu chân người hay chân ngựa, đã cho là triệu chứng đáng mừng. Anh đặt chân xuống đất, buộc ngựa vào một nơi, rồi đến trước cửa hang, đọc câu thần

chú mà anh vẫn chưa quên : «Vừng ơi, hãy mở ra». Cửa hang mở, anh bước vào; nhìn quang cảnh trong hang, anh cho rằng kể từ khoảng thời gian tên buôn giả hiệu Côjia Hutxanh về thuê một cửa hàng trong phố cho đến nay, không có người nào đặt chân vào đây; như vậy là cả bọn bốn mươi tên cướp đã bị tiêu diệt hoàn toàn trong thời gian ấy. Không nghi ngờ gì nữa, anh là người duy nhất trên đời biết được câu thần chú để mở cửa hang, và như vậy cả kho tàng này thuộc quyền sở hữu của anh. Hôm ấy có mang theo một cái hòm xách tay, anh lấy vàng vừa sức chở của con ngựa và trở về thành phố.

Từ buổi ấy, Ali Baba và con trai anh, mà anh dẫn đến hang và bày cho câu thần chú để mở cửa, tiếp đó là những thế hệ sau của họ, được truyền khẩu câu đó, nối tiếp sử dụng nguồn của cải ấy một cách phải chăng. Tất cả đều sống giàu sang và được cất nhắc lên những vai vế quan trọng nhất nhì trong thành phố.

CHUYỆN ALI CÔJIA, NHÀ BUÔN THÀNH PHỐ BATĐA

Dưới triều đại hoàng đế Harun An-Rasit, ở thành phố Batđa có một nhà buôn tên là Ali Cojia, ông ta không thuộc loại giàu có nhất cũng chẳng phải hạng bần cùng. Vợ con không có, ông sống một mình trong ngôi nhà cha để lại. Vào thời gian đang sống thoải mái và bằng lòng về công việc buôn bán của mình, thì ba đêm liền, ông có một giấc mộng giống nhau. Trong mộng, một cụ

già đáng kính xuất hiện, nghiêm khắc nhìn ông và quở trách về việc ông chưa làm một chuyến hành hương về La Mếchcơ.

Giấc mộng ấy xáo động sự yên tĩnh của Ali Côjia, làm cho ông rất đỗi bối rối. Vốn là một người hồi giáo ngoan đạo, không phải ông không biết trong đời ai cũng bắt buộc phải làm chuyến hành hương ấy; nhưng vì còn vướng ngôi nhà, đồ đạc và cửa hiệu chẳng biết phó thác cho ai, từ trước tới giờ ông vẫn cho đây là những khó khăn để tự cho phép mình miễn nghĩa vụ ấy, và thay vào đó bằng cách siêng năng bố thí và làm những việc phước khác. Nhưng, từ hôm nằm mộng, lương tâm thôi thúc quá mạnh, khiến ông lo có thể xảy ra điều gì bất hạnh chăng, nên đi tới quyết định thôi không nấn ná chần chừ nữa.

Để có thể làm cuộc hành hương vào năm tới, Ali Côjia bắt đầu bán đồ đạc, tiếp đó bán nốt cửa hiệu cùng phần lớn hàng hóa trong đó, chỉ giữ lại những thứ có thể mang đi bán buôn tại La Mếchcơ; còn ngôi nhà thì cho một người thuê trọ. Mọi việc sắp đặt như vậy rồi, ông sẵn sàng lên đường bất cứ lúc nào có đoàn lữ hành rời Batđa đi La Mếchcơ (1).

Còn lại mỗi một việc phải làm là cất giấu số tiền một nghìn đồng vàng, có thể làm cho ông lúng túng trong khi hành hương, vì ông đã mang theo đủ tiền ăn đường và trang trải các khoản tiêu pha khác.

Ali Cojia liền chọn một cái vò lớn vừa phải, bỏ nghìn đồng tiền vàng vào trong, rồi xếp đầy quả ô liu lên trên. Sau khi nút kỹ cái vò, ông mang đến nhà một người bạn cũng làm nghề buôn, và nói:

---

(1) Thời trước, để làm nản lòng bọn cướp đường và đủ sức chống cự nếu cần, những người đi xa thường ghép nhau thành đoàn lớn (N.D.).

– Người anh em ạ, bạn đã biết là ít ngày nữa tôi sẽ lên đường hành hương về La Mêchcơ cùng với đoàn lữ hành, xin bạn vui lòng cho tôi gửi vò ô liu này, và xin giữ hộ cho đến khi tôi trở về.

Nhà buôn kia đáp nhã nhặn:

– Chìa khóa nhà kho của tôi đây xin bạn hãy cầm lấy, mời bạn thân hành mang cái vò của bạn vào, bạn thấy chỗ nào thuận tiện xin cứ để vào đấy, tôi xin hứa là bạn để đâu sẽ lại thấy nguyên đấy khi trở về.

Ngày khởi hành của đoàn lữ hành tới, Ali Côjia cưỡi lên lưng con lạc đà chở những hàng hóa mà ông đã chọn nhập vào đoàn, và đến La Mêchcơ an toàn vô sự. Cùng với những người hành hương khác, ông viếng ngôi đền rất nổi tiếng, hằng năm được những người hồi giáo từ khắp các quốc gia theo đạo này trên thế giới đến thăm, và thực hành đủ mọi lễ tiết quy định. Sau khi làm xong bổn phận của kẻ hành hương, ông mang bày hàng hóa của mình ra, định để bán và đổi chác.

Có hai nhà buôn đi qua; trông thấy hàng hóa của Ali Côjia quá đẹp, họ dừng lại ngắm nghía tuy không cần mua. Một lát sau, họ bỏ đi, người này bảo người kia: «Nếu vị thương nhân này biết được số lãi sẽ kiếm được ở Cairô với hàng hóa của ông, chắc hẳn ông ta sẽ mang tới đó, chứ dại gì bán quá rẻ ở đây».

Ali Côjia nghe được và xưa nay từng nghe nói không biết bao nhiêu lần về những điều kỳ thú bên Ai-cập, ông liền quyết định ngay tức khắc nhân cơ hội này, sang bên ấy một chuyến. Vậy là, sau khi gói ghém và cho trở lại vào hòm hàng hóa của mình, ông không trở về Batđa mà sáp nhập vào một đoàn lữ hành sang Cairô, lên đường đi Ai-cập. Đến Cairô, ông thấy ngay không có gì phải hối tiếc về quyết định của mình: công việc buôn bán ở đây tốt đẹp đến mức chỉ trong ít ngày ông đã

bán hết hàng hóa với một số lãi lớn quá mức mong đợi. Ông lại mua nhiều hàng khác, với ý định mang sang bán ở Đamat. Trong khi chờ đợi lập xong một đoàn lữ hành sẽ lên đường trong sáu tuần nữa, ông không chỉ bằng lòng đi xem những gì đáng thấm ở Cairô, mà còn đi viếng cả các kim tự tháp, và ngược dòng sông Nin một chặng khá xa, để xem các thành phố nổi tiếng nhất ở hai bên bờ.

Trong chuyến đi Đamat, vì con đường của đoàn lữ hành ngang qua Iêruyzalem, ông bạn nhà buôn thành phố Batđa của chúng ta lợi dụng cơ hội ấy viếng ngôi đền vẫn được những người hồi giáo xem là thiêng liêng nhất sau ngôi đền ở La Mêchcơ, và nhờ đó thành phố này được gọi là thành phố Thánh.

Ali Côjia thấy thành phố Đamat, với nguồn nước ngọt dồi dào, những thảm cỏ và vườn cây xanh tốt, đúng là một nơi tuyệt diệu, thực tế hơn hẳn những điều vẫn được mô tả trong sử sách mà ông từng được đọc. Ông nán lại đây một thời gian dài. Nhưng vì không quên mình là người Batđa, cuối cùng ông lại lên đường; đến Alep, ông dừng lại ít lâu, rồi từ đây, sau khi sang sông Ơphơrát, ông theo đường tới Mutxun, với ý định sẽ xuôi dòng sông Tigơrơ để rút ngắn đường trở về.

Nhưng khi Ali Côjia đến Mutxun, thì các thương nhân người Ba-tư, mà ông đã đánh bạn từ khi cùng nhau rời Alep và rất cảm mến vì thái độ lịch sự và cách chuyện trò khả ái của họ, chẳng khó khăn gì không thuyết phục được ông chớ nên chia tay, mà nên cùng nhau đi tới Sirazơ, từ đây có thể trở về Batđa lợi hơn nhiều. Họ đưa ông qua các thành phố Xuntani, Rây Côam, Casan, Ixpahan, rồi đến Sirazo (1) từ đây ông còn vui chân theo họ tới mãi Ấn-độ rồi cùng họ quay trở về Sirazơ.

---

(1) Tên các thành phố thuộc Ba-tư.

Như vậy là tính cả những thời gian lưu trú ở các thành phố, bảy năm trôi qua kể từ ngày Ali Côjia rời Batđa cho đến khi ông quyết định trở về. Suốt thời gian ấy, người bạn mà ông gửi cái vò ô liu nhờ giữ hộ không hề nghĩ tới ông cũng như tới cái vò. Đúng vào khoảng thời gian ông lên đường cùng một đoàn lữ hành rời Sirazơ, thì một tối, người bạn thương nhân của ông ăn cơm cùng gia đình; vô tình nhắc tới quả ô liu, bà vợ chợt tỏ ý thèm, nói rằng đã lâu lắm trong nhà không thấy loại trái cây đó. Ông chồng nói:

– Nhân chuyện ô liu, bà làm tôi sực nhớ đến Ali Côjia, cách đây bảy năm, trước khi lên đường đi La Mécchơ, ông ta có gửi cho tôi một cái vò, tự tay ông mang cất trong kho nhà ta, bảo sẽ lấy lại khi trở về. Nhưng từ chuyến đi ấy, bây giờ Ali Côjia ở đâu rồi nhỉ? Đúng là sau khi đoàn lữ hành trở về, có người nói với tôi ông ta sang bên Ai-cập. Hẳn ông ta đã chết rồi, bởi bao nhiêu năm không thấy trở về. Từ nay, chúng ta có thể ăn ô liu, nếu nó còn tốt. Nào, hãy đưa cho tôi một cái đĩa cùng với cây đèn, tôi đi lấy và chúng ta nếm thử xem.

– Thôi ông ơi, – bà vợ nói – nhân danh Thượng đế, xin ông chớ có phạm một hành động đen tối như vậy; ông biết đấy, không có gì thiêng liêng hơn một vật ký gửi. Ông bảo rằng đã bảy năm nay, Ali Côjia đi La Mécchơ và không thấy trở về; nhưng người ta đã bảo ông ta đi Ai-cập, ông có biết rằng từ Ai-cập, ông ta còn đi đến đâu nữa hay không? Chỉ cần chưa có tin ông ta chết, vậy là ông ta có thể trở về ngày một ngày hai. Còn gì xấu hổ hơn cho ông và cho cả gia đình ta, nếu nay mai ông ta trở về và ông ta trả lại cái vò không còn nguyên vẹn như khi bạn ông mang đến gửi! Tôi xin nói rõ là tôi không thèm ăn ô liu nữa, và tôi

sẽ không ăn. Sở dĩ tôi vừa nhắc đến, là để nói cho vui vậy thôi. Hơn nữa, ông tưởng rằng sau bấy nhiêu năm, những quả ô liu ấy vẫn còn tốt chắc? Nó đã thối và hỏng hết rồi. Và nếu Ali Côjia trở về như linh tính tôi báo cho biết, và nhận ra ông đã động tay vào đấy, thì ông ta nghĩ như thế nào về tình bạn bè và tính thủy chung của ông? Thôi, ông ơi, xin ông hãy bỏ ý xấu ấy đi, tôi van ông đấy.

Bà vợ phải nói dài dòng như vậy vì thấy ông chồng lộ vẻ khăng khăng ra mặt.. Quả vậy, không chịu nghe những lời khuyên đúng, ông cứ đứng dậy, cầm đèn và một cái đĩa, đi vào kho. Bà vợ liền bảo:

– Đã vậy thì ít ra xin ông hãy nhớ cho là tôi không dính dáng gì đến việc ông sắp làm, để cho sau này ông khỏi bảo là tại tôi gây nên, nếu như có lúc nào đó ông phải hối hận về chuyện này.

Người nhà buôn vẫn bỏ lời vợ ngoài tai, và khăng khăng giữ lòng ham muốn của mình. Vào kho, ông sờ đến cái vò, mở nắp và nhận ra tất cả quả ô liu đều đã thối. Để thử xem những quả xếp dưới có hỏng như những quả bên trên không, ông trút ra đĩa; và khi lắc mạnh chiếc vò, một vài đồng vàng rơi xuống.

Trông thấy tiền, người lái buôn dĩ nhiên háu của, lão vội nhìn vào trong vò nhận ra, dưới lớp ô liu còn lại, toàn tiền vàng sáng chóe. Lão trút ô liu trở lại vò, đậy nắp và gọi vợ:

– Bà nó ạ, bà có lý: tất cả ô liu đã thối, tôi đã đậy nắp lại sao cho Ali Côjia không nhận ra là mình có động vào, nếu một mai ông ta trở về.

– Giá ông nghe lời tôi mà đừng động vào, có phải tốt hơn không. Cầu Thượng đế chớ để xảy ra chuyện gì không may cho ông!

Lão nhà buôn không chút xúc động về những lời lẽ vừa rồi của vợ, cũng như những câu trách móc của bà hồi nãy. Gần suốt cả đêm lão nghĩ cách chiếm đoạt số vàng của Ali Côjia và làm sao vẫn giữ được số tiền đó, trong trường hợp ông ta trở về và hỏi xin lại chiếc vò. Sáng hôm sau, thật sớm, lão đi mua những quả ô liu vừa hái trong năm; trở về nhà, lão vứt tất cả những quả thối trong vò của Ali Côjia, lấy hết vàng, cất giấu một nơi kín đáo, sau đó, xếp đầy vò những quả ô liu mới mua, đậy nắp lại như cũ, và để nguyên vào chỗ Ali Côjia gửi.

Khoảng một tháng sau khi lão nhà buôn có hành động hèn hạ mà rồi lão phải trả giá đắt ấy, Ali Côjia về đến Batđa sau một chuyến đi lâu ngày. Vì nhà đã cho thuê trước khi đi, ông mướn buồng nghỉ trọ ở một cái khan, trong khi chờ đợi báo cho người thuê nhà biết và để cho người đó có thời giờ tìm một nơi ở khác.

Ngày hôm sau, Ali Côjia đến tìm ông bạn nhà buôn của mình, lão này ôm ông ta hôn và tỏ nỗi vui mừng thấy ông trở về, sau khi vắng nhà lâu năm đến vậy, khiến cho lão đã bắt đầu mất hy vọng – theo lời lão – được gặp lại người bạn vàng.

Sau những lời chúc tụng lẫn nhau thường lệ trong một cuộc gặp gỡ như vậy, Ali Côjia xin lão lái buôn vui lòng cho lại cái vò đựng quả ô liu mà ông đã gửi nhờ trông dùm, và xin lỗi đã mạo muội làm phiền bạn lâu như vậy. Lão nhà buôn đáp:

– Anh bạn thân mến Ali Côjia của tôi ơi, sao bạn lại xin lỗi, cái vò của bạn có làm bận bịu gì đến tôi đâu; vào địa vị tôi trong cùng một trường hợp ấy, hẳn tôi cũng phải nhờ đến bạn như bạn đã nhờ tôi đấy thôi. Đây, chìa khóa nhà kho của tôi, xin bạn hãy cầm lấy và vào lấy lại cái vò, bạn để ở đâu thì nó vẫn còn nguyên ở đấy.

Ali Côjia vào kho của lão nhà buôn, lấy chiếc vò, và sau khi trả chìa khóa và cảm ơn, ông trở về nơi ở trọ. Mở nắp vò, thò tay vào đến tầm xếp nghìn đồng tiền vàng, ông rất ngạc nhiên không thấy tiền. Tưởng mình nhầm, và để mau chóng thoát khỏi nỗi lo âu, ông vội lấy mấy cái đĩa và lọ vẫn nang theo để dùng trong khi đi đường, trút vội tất cả quả ô liu ra, vẫn không hề tìm thấy một đồng tiền vàng nào. Ông ngạc nhiên ngồi ngây như phỗng, rồi chắp tay đưa lên trời kêu lên : «Có thể nào một người mà ta vẫn coi là bạn tốt lại lật lọng vô liêm sỉ đối với ta như vậy !»

Hoảng hốt vì sợ mất một số tiền lớn dường ấy, Ali Côjia trở lại ngay nhà lão buôn :

– Ông bạn của tôi ơi, – ông bảo lão – xin bạn chớ ngạc nhiên sao tôi quay trở lại ngay. Tôi nhận là tôi đã xin lại đúng cái vò mà tôi gửi nhờ trong kho của bạn, nhưng, cùng với các quả ô liu, tôi có bỏ trong đó một nghìn đồng tiền vàng mà nay không thấy. Có lẽ bạn đã có lúc cần, và đã dùng số tiền ấy vào việc làm ăn chăng. Nếu quả như vậy thì xin bạn cứ dùng. Tôi chỉ xin bạn đỡ cho tôi khỏi phải băn khoăn, bằng cách viết cho một biên nhận, rồi bạn sẽ hoàn lại cho tôi lúc nào bạn thấy thuận tiện.

Lão buôn vẫn chờ đợi Ali Côjia trở lại nói như vậy, cho nên đã nghĩ sẵn câu trả lời :

– Này bạn Ali Côjia của tôi ơi, khi bạn mang cái vò ô liu đến gửi, tôi có động tay đến không ? Tôi chẳng đã giao cho bạn chìa khóa kho của tôi là gì ? Và chẳng phải chính bạn nang vào cất rồi cũng chính tay bạn lấy lại, và chẳng phải cái vò vẫn còn nguyên đậy điệm như cũ hay sao ? Nếu bạn quả có để vàng trong đó, hẳn bạn đã lại tìm thấy. Bạn chỉ bảo tôi vò đựng có ô liu, và tôi đã tin lời bạn. Đó là tất cả những gì tôi

biết. Bạn có muốn tin lời tôi hay không thì tùy, chứ tôi không hề đụng tay vào.

Ali Côjia cố tìm những lời lẽ mềm mỏng để thuyết phục lão nhà buôn nghĩ lại. Ông nói:

– Xưa nay tôi chỉ thích chuyện ôn hòa. Tôi sẽ rất tiếc phải đi tới những việc lắm quá đáng, nó chẳng làm rạng rỡ gì danh giá của bạn trên đời, mà về phần tôi cũng sẽ rất khổ tâm nếu phải dùng tới. Bạn nên nhớ rằng những người buôn bán như cánh ta có khi phải từ bỏ mọi lợi ích để giữ tín nhiệm của mình. Một lần nữa, tôi hết sức phiền lòng nếu thái độ khăng khăng của bạn buộc tôi phải đưa vụ này thưa với quan trên, tôi là người xưa nay thà chịu thiệt chút lợi ích của mình hơn là phải đưa nhau đến cửa quan.

– Ali Côjia – lão nhà buôn đáp – ông nhận rằng ông có mang đến gửi ở nhà tôi một vò ô liu; ông đã lấy lại, đã mang đi nơi khác, rồi ông trở lại đòi tôi một nghìn đồng tiền vàng! Ông có bảo cho tôi biết trước rằng có vàng trong vò hay không? Tôi cũng không biết cả trong vò có ô liu hay không, nào ông có trỏ cho tôi xem đâu. Tôi ngạc nhiên sao ông chỉ đòi tôi vàng chứ không đòi châu báu hoặc kim cương. Xin ông nghe lời tôi: hãy về đi, chớ làm cho người qua đường xúm xít trước cửa hiệu của tôi như vậy.

Một vài người qua đường quả đã dừng chân; những lời sau cùng của lão nhà buôn, thốt với giọng một người không còn giữ được bình tĩnh, chẳng những càng làm cho thêm đông người xúm lại, mà đến các nhà buôn lân cận cũng ra khỏi nhà, sang xem lão và Ali Côjia cãi nhau việc gì, để tìm cách dàn hòa. Sau khi Ali

Côjia trình bày sự việc, những vị có vai vế nhất hỏi lão nhà buôn trả lời việc đó thế nào.

Lão nhà buôn nhận có giữ hộ Ali Côjia chiếc vò trong kho, nhưng chối không động tay vào, lão thề rằng sở dĩ lão biết cái vò đựng ô liu cũng chỉ vì Ali Côjia bảo cho biết vậy. Lão xin mọi người làm chứng cho việc Ali Côjia đã đến tận nhà lão, gây nên cho lão điều xúc phạm và sỉ nhục này. Ali Côjia liền nắm cánh tay lão và nói:

– Điều xúc phạm ấy, tự ông gây nên, nhưng vì ông đã xử sự xấu xa như vậy, tôi xin viện đến lệ luật của Thượng đế, thử xem ông có gan nói năng như thế trước mặt pháp quan hay không.

Khi đã có lời đòi hỏi như vậy thì tất cả những người hồi giáo ngoan đạo đều phải tuân theo, trừ phi là muốn chống lại luật đạo. Lão nhà buôn không dám cả gan khước từ. Lão nói:

– Nào, chúng ta hãy đi, đó cũng là điều tôi đòi hỏi. Thử xem giữa ông và tôi ai là người sai trái.

Ali Côjia dẫn lão nhà buôn đến trước tòa án của pháp quan. Ông tố cáo lão đã chiếm đoạt của ông một nghìn đồng vàng gửi nhờ, qua cách trình bày như chúng ta đã biết. Pháp quan hỏi có người làm chứng hay không. Ông đáp ông đã không tính đến chuyện đó, vì vẫn tin rằng người mình ký thác là một ông bạn, mà cho đến bấy giờ ông vẫn cho là một người bạn trung hậu.

Để tự bào chữa, lão nhà buôn không nói gì khác hơn những điều lão nói với Ali Côjia trước mặt người hàng phố. Cuối cùng, lão quả quyết là sẵn sàng thề, không những lão đã không chiếm đoạt một nghìn đồng tiền vàng như người ta vu cho lão, mà cũng không biết gì về khoản tiền đó. Pháp quan buộc lão thề, sau đó cho về trắng án.

Cực kỳ phiền muộn vì đành để mất toi một số tiền lớn như vậy Ali Côjia tuyên bố chống án. Ông nói với pháp quan rằng mình sẽ kêu lên hoàng đế Harun An-Rasit, và Người sẽ xử công bằng cho ông. Nhưng pháp quan không hề lấy làm lạ về sự chống án, ông cho rằng đấy là thái độ thường tình của những người thua kiện, ông nghĩ mình đã làm tròn bổn phận khi xử trắng án một bị cáo về tội chiếm đoạt mà bên nguyên lại không dẫn được người ra làm chứng.

Trong khi lão nhà buôn trở về nhà, hớn hở vì tự dưng có được một nghìn đồng vàng dễ dàng đến vậy, thì Ali Côjia đi làm một cái đơn khiếu nại, và ngay hôm sau, chờ lúc hoàng đế đến giáo đường cầu kinh trưa trở về, ông đón ở một phố, hai tay nâng lá đơn quá đầu. Một viên quan vốn được giao chuyên trách việc thu đơn thỉnh nguyện của dân, đi trước hoàng đế, trông thấy liền tách ra khỏi hàng tới nhận mang dâng lên nhà vua.

Ali Côjia biết hoàng đế có thói quen, vừa về tới cung là xem ngay các đơn thỉnh nguyện dâng lên kiểu ấy, bèn đi theo xa giá vào hoàng cung, chờ viên quan hồi nãy nhận đơn quay trở ra. Viên quan báo cho ông biết hoàng đế đã đọc đơn, và hẹn giờ cho ông được vào triều yết ngay ngày mai. Sau khi hỏi nhà lão nhà buôn, viên quan cũng cho người đến báo cho lão biết sáng mai, đúng vào giờ ấy phải có mặt.

Tối hôm ấy, hoàng đế cùng với tể tướng Giafa và Mêrua, viên chỉ huy các hoạn nô, tất cả đều cải trang, đi vòng quanh các phố. Như chúng ta đã biết hoàng đế có thói quen thỉnh thoảng vẫn cải trang vi hành như vậy.

Qua một phố, nghe có tiếng ồn ào. Vua rảo bước tới một cái cổng mở vào một cái sân; nhìn qua

khe hở ở cổng vua nhìn thấy chừng mười mười hai em bé chưa đi ngủ, còn nô đùa dưới ánh trăng.

Tò mò muốn biết các em chơi trò gì, hoàng đế ngồi xuống một phiến đá kê sẵn cạnh cổng ra vào, và tiếp tục nhìn qua khe hở. Một em bé bộ dạng nhanh nhẹn và thông minh hơn tất cả nói với cả bọn:

– Chúng ta hãy chơi trò pháp quan. Ta là pháp quan. Hãy dẫn Ali Côjia và lão nhà buôn đã chiếm đoạt của ông ta một nghìn đồng tiền vàng vào đây.

Nghe nói, hoàng đế chợt nhớ tới lá đơn khiếu nại vừa nhận được sáng nay mà vua đã đọc, nên càng chú ý theo rõi hơn, để xem kết quả vụ xử kiện thế nào.

Vì vụ tranh chấp giữa Ali Côjia và lão nhà buôn vừa xảy ra, đang làm ồn ào cả thành phố Batđa, ngay trẻ con cũng biết, bọn trẻ vui vẻ nhận chơi trò đó và đồng ý phân vai. Không có em nào phản đối em vừa tự nhận vai pháp quan. Khi em này đã ngồi vào chỗ với vẻ đường bệ của một vị quan tòa, một em khác đóng vai quan chức tòa án, dẫn tới hai em nữa, và trình đây là Ali Côjia, còn kia là người bị Ali Côjia thưa kiện.

Thế là vị pháp quan giả lên tiếng trịnh trọng hỏi Ali Côjia giả:

– Ali Côjia, ông kiện người buôn kia về việc gì?

Em bé đóng giả Ali Cojia chắp tay vái, trình bày cặn kẽ đầu đuôi. Kết luận, em xin quan lớn hãy dùng uy quyền của mình mà phán xét để giúp cho em khỏi chịu thiệt thòi lớn như vậy.

Em bé đóng pháp quan, sau khi nghe em đóng vai Ali Côjia trình bày, liền quay lại hỏi em đóng vai nhà buôn tại sao không chịu trả cho Ali Côjia số tiền ông ta đòi.

Em bé đóng vai lão nhà buôn lại giải bày những lý lẽ mà lão đã thưa với vị pháp quan thực của thành phố Batđa. Và cũng thề thốt rằng điều mình nói là đúng sự thật.

– Chớ vội vàng thế – em bé đóng vai pháp quan chặn lại – trước khi nghe lời thề của ông, ta rất muốn xem cái vò đựng ô liu. Ali Côjia, ông có mang theo cái vò tới đây không?

Được trả lời có, em nói tiếp:

– Vậy thì hãy đưa ra đây cho ta xem.

Em bé đóng Ali Côjia biến mất trong chốc lát, rồi quay trở lại làm ra vẻ đặt một cái vò trước mặt pháp quan, và thưa đây chính là cái vò mình đã gửi cho bị cáo và đã lấy về. Không bỏ qua một thủ tục nào, pháp quan hỏi lão nhà buôn có nhận đúng cái vò ấy hay không. Lão ta im lặng, chứng tỏ là không thể phủ nhận, em bé đóng vai pháp quan liền sai mở nắp. Em bé đóng vai Ali Côjia làm ra vẻ mở nắp vò. Em bé đóng vai pháp quan lại làm ra vẻ nhìn vào trong đó và nói:

– Chà những quả ô liu ngon quá, để ta thử nếm xem.

Em vờ lấy một quả đưa vào miệng ăn, rồi khen:

– Ô liu ngon thật.

– Nhưng – em nói tiếp – hình như những quả ô liu cất giữ những bảy năm, không thể nào ngon như thế này. Hãy đi mời những người buôn ô liu đến đây, để họ xem sao.

Hai em bé được dẫn ra, với tư cách là những người buôn ô liu. Pháp quan hỏi:

«Các ông có phải là những người buôn ô liu không?» Hai em đóng vai nhà buôn ô liu đáp: «Chính là nghề nghiệp của chúng tôi».

– Các ông hãy cho biết, trong tay những người thành thạo nhất, quả ô liu cất giữ bao lâu thì vẫn ăn được?

– Bẩm quan lớn, dù cố gắng như thế nào chăng, thì sau ba năm ô liu cũng không ăn được nữa: nó không có mùi vị, không màu sắc, chỉ đáng vứt đi thôi.

– Nếu quả đúng như vậy, – em bé đóng vai pháp quan truyền – các ông hãy xem cái vò kia và nói cho ta biết những quả ô liu trong đó giữ đã bao nhiêu lâu rồi.

Các em giả làm nhà buôn vờ xem xét và nếm ô liu, rồi thưa với quan những quả này mới hái, còn ngon lành lắm. Em bé đóng vai pháp quan liền nói:

– Các ông nhầm rồi, ông Ali Côjia kia bảo cho ô liu vào đó đã bảy năm nay cơ mà.

– Bẩm quan lớn, – các em đóng vai người buôn được gọi tới làm nhà chuyên môn thành thạo cãi – chúng tôi chỉ có thể quả quyết là những quả ô liu này vừa hái trong năm, và chúng tôi xin bảo đảm là không một nhà buôn ô liu nào ở thành phố Batđa này lại không chứng thực y như chúng tôi

Em bé đóng vai lão nhà buôn định mở miệng cãi, nhưng vị pháp quan giả không cho em nói:

– Im mồm đi, mày là một tên kẻ cắp. Hãy treo cổ nó lên cho ta.

Thế là các em bé chấm dứt trò chơi một cách cực kỳ vui vẻ, vừa vỗ tay vừa đổ xô tới em đóng vai kẻ phạm tội, làm như thể sắp mang nó đi treo cổ.

Không thể nào diễn tả hết nỗi khâm phục của hoàng đế Harun An-Rasit trước sự khôn ngoan và trí thông minh của em bé vừa phân xử một cách tài giỏi vụ kiện mà chính vua sẽ phải phán xét ngay sáng mai, vua không nhìn qua khe hở nữa mà đứng lên hỏi tể tướng, cũng vừa chăm chú theo rõi như vua, có nghe thấy những điều

em bé phán xử hay không, và nghĩ gì về việc đó. Tể tướng đáp:

– Tâu Bệ hạ! Thống lĩnh các tín đồ, thật không thể có ai ngạc nhiên bằng tôi, sao một em bé còn ít tuổi mà khôn ngoan đường ấy.

– Nhưng, – hoàng đế lại nói – ông có biết là sáng mai chính ta cũng phải phán xử về vụ đó, mà chính lão Ali Côjia thật vừa dâng sớ khiếu nại hôm nay?

– Bệ hạ có nói cho tôi rõ – tể tướng đáp.

– Vậy, ông có nghĩ rằng ta có sự phán quyết nào khác hơn điều chúng ta vừa nghe hay không?

– Nếu sự tình cũng y như vậy – tể tướng nói – thì tôi nghĩ rằng bệ hạ không có cách hỏi cung nào khác, cũng như không thể tuyên án khác hơn.

– Ông hãy chú ý ngôi nhà này, – hoàng đế bảo – và sáng mai hãy dẫn em bé này đến với ta, để cho em xử vụ ấy ngay trước mặt ta. Hãy cho đòi cả viên pháp quan đã xử trắng án cho lão buôn ăn cắp đến, để cho lão ta noi gương một em bé mà học cách làm bổn phận và tự sửa chữa sai lầm. Ta cũng muốn rằng ông dặn Ali Côjia nhớ mang vò ô liu của nó đến, và tìm hai người buôn ô liu đến dự phiên tòa.

Hoàng đế ra những mệnh lệnh đó ngay trong khi tiếp tục đi vòng qua các phố chẳng còn gặp chuyện gì khác đáng chú ý nữa.

Ngày hôm sau, tể tướng Giafa đến ngôi nhà hoàng đế đã xem các em bé đóng trò chơi, hỏi chủ nhà. Ông chủ vừa đi vắng, bà vợ ra tiếp. Tể tướng hỏi bà có con không. Bà đáp mình có ba đứa, và sai gọi đến ra mắt quan. Tể tướng liền hỏi:

– Các cháu, hôm qua trong lúc chơi đùa, cháu nào đóng vai pháp quan?

Em lớn nhất và cũng là anh cả đáp : «Chính em». Vì không rõ tại sao tể tướng lại hỏi như vậy, em hơi biến sắc. Tể tướng bảo :

– Cháu hãy đi với bác, hoàng đế muốn gặp cháu.

Bà mẹ kinh hoảng khi thấy tể tướng muốn bắt con trai mình đi. Bà hỏi :

– Bẩm quan lớn, có phải hoàng đế muốn bắt con trai tôi chăng ?

Tể tướng vừa trấn an bà, vừa hứa sẽ đưa con trai bà trở về nhà trong vòng một giờ, lúc ấy bà sẽ rõ vì sao hoàng đế cho gọi em bé vào và bà sẽ lấy làm hài lòng.

– Bẩm quan lớn – bà mẹ lại nói – nếu quả như vậy thì trước hết xin cho phép tôi mặc cho cháu một bộ áo quần tươm tất hơn để cháu xứng đáng ra mắt Đấng thống lĩnh các tín đồ.

Và không để mất thời giờ, bà lấy áo quần thay cho con ngay.

Tể tướng dẫn em bé đến bệ kiến hoàng đế đúng vào giờ đã hẹn Ali Côjia và lão nhà buôn đến hầu kiện.

Thấy em bé hơi có vẻ lo lắng, hoàng đế thương tình bảo :

– Con hãy đến đây, đến gần ta. Có phải chính con hôm qua đã xử vụ Ali Côjia kiện lão nhà buôn đã ăn cắp vàng của ông ta không ? Ta đã xem và đã nghe con xử, ta rất hài lòng về con.

Không chút bối rối, em bé khiêm tốn nhận chính mình đã làm việc đó.

Hoàng đế lại bảo :

– Con ạ, hôm nay ta muốn cho con xem Ali Côjia thật thà hay lão nhà buôn thật thà.

Thế là hoàng đế cầm tay em bé, bước ra ngồi lên ngai vàng. Sau khi cho em ngồi bên cạnh, vua cho đòi hai bên đương sự. Hai người được lính dẫn vào và

xướng tên ; họ quỳ xuống, dập đầu vào tấm thảm dưới chân ngài . Chờ họ đứng lên, hoàng đế nói :

– Các ngươi hãy trình bày lý lẽ của mình , em bé đây sẽ nghe và phân xử cho các ngươi , nếu nó có thiếu sót điều gì , ta sẽ bổ sung.

Ali Côjia và lão nhà buôn lần lượt nói . Nhưng khi lão nhà buôn đòi thề như lão đã làm trong phiên xử trước, em bé bảo rằng chưa đến lúc, việc trước tiên là phải xem xét cái vò ô liu đã.

Nghe nói , Ali Côjia liền đưa cái vò đến, đặt dưới chân hoàng đế và mở nắp . Hoàng đế nhìn các quả ô liu, lấy một quả ra nếm thử . Cái vò lại được chuyển cho các nhà buôn thành thạo được mời tới xem xét , họ đều nói ô liu rất ngon, vừa mới hái trong năm nay . Còn em bé nói Ali Côjia quả quyết đã cho ô liu vào vò trước đây bảy năm rồi, các nhà buôn thành thạo đều trả lời giống như các em bé đóng giả họ đã nói , mà chúng ta đã nghe .

Đến đây, lão bị cáo thấy rõ hai nhà buôn ô liu vừa tuyên án kết tội mình, tuy vậy lão vẫn tỏ ra không muốn nói gì để tự biện bạch, nhưng em bé lại giữ, không sai đưa treo cổ . Em nhìn hoàng đế mà nói :

– Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, đây không phải là một trò chơi . Chỉ ngài mới có quyền kết tội tử hình một cách nghiêm chỉnh , chứ không phải cháu ; hôm qua cháu chỉ làm cho vui .

Hiểu rõ dã tâm của lão nhà buôn, hoàng đế giao lão cho các quan tư pháp đưa đi xử tử . Bản án được thi hành sau khi lão khai ra nơi giấu một nghìn đồng vàng, số này được trả lại Ali Côjia . Cuối cùng , hoàng đế công minh và ngay thẳng, bảo viên pháp quan đã xử kiện, lúc ấy cũng có mặt , rằng nên học trẻ con để thi hành chức vụ của mình một cách đúng đắn hơn nữa , rồi vua ôm hôn em bé và cho em trở về nhà cùng cái túi đựng một trăm đồng tiền vàng làm quà thưởng

Tâu bệ hạ, (1) »

Như bệ hạ đã rõ, từ những thời xa xưa, trong khắp nước Ba-tư, Tết Nguyên đán, ngày mở đầu năm mới và mùa xuân là một ngày hội trọng thể và có truyền thống lâu đời. Ngay cả sau khi đạo Hồi chân chính của chúng ta đã được truyền bá vào đây rồi, nhưng phong tục và lễ nghi cũ vẫn tiếp tục tồn tại. Không nói đến các thành phố lớn, ngay các thành phố nhỏ, thị trấn, làng quê hoặc xóm lẻ không nơi nào là không cử hành ngày hội đó với những cuộc vui chơi kỳ lạ.

Nhưng những cuộc vui trong cung đình vượt xa tất cả bởi những cảnh tượng lạ lùng và mới mẻ ấy muôn màu muôn vẻ. Ngay người nước ngoài, từ những nước lân bang đến những nước xa xôi, cũng được thu hút tới bởi những món tiền thưởng và ân huệ mà các nhà vua tặng cho những ai có sáng kiến và kỹ xảo tài giỏi, nhờ thế không một nơi nào khác trên thế giới có thể so sánh với sự huy hoàng của những ngày hội đầu năm ở đây.

Vào một trong những ngày hội đó, sau khi những người khéo léo và tài hoa nhất nước cùng với những người ngoại quốc kéo về Sirazơ – kinh đô của nước Ba-tư hồi bấy giờ – đã trình bày với vua và tất cả triều đình của Người mọi điều mới lạ, vua liền hào phóng ban thưởng cho mỗi người một cách công bằng và xứng đáng về những gì được coi là kỳ diệu nhất và hay ho nhất, khiến cho ai nấy đều bằng lòng. Giữa lúc vua chuẩn bị lui về và cho chấm dứt

(1) Lời nàng Sêhêrazat kể.

ngày hội, thì một gã thổ dân xuất hiện dưới chân ngai. Gã dẫn tới một con ngựa gỗ thắng yên cương và trang hoàng lộng lẫy, được tô vẽ một cách tài tình đến mức thoạt nhìn qua, ai cũng tưởng đây là một con ngựa thật.

Gã thổ dân phủ phục trước ngai vàng, rồi đứng dậy trỏ con ngựa và nói với vua :

– Tâu bệ hạ, mặc dù tôi là người cuối cùng đến ra mắt bệ hạ trong cuộc đua tài này, tôi vẫn dám quả quyết với bệ hạ rằng, trong ngày hội này, bệ hạ chưa từng thấy một vật gì kỳ diệu và lạ lùng hơn con ngựa mà tôi cúi mong được bệ hạ hạ cố để mắt nhìn kia.

– Ta chẳng thấy ở con ngựa này có gì khác hơn là nghệ thuật và kỹ xảo của người thợ đã làm cho nó giống y như con ngựa thật, và quả họ đã làm được như vậy. Nhưng một người thợ khác hẳn cũng có thể làm một việc tương tự, mà có thể còn tinh xảo hơn nhiều

– Tâu bệ hạ – gã thổ dân lại nói – chẳng phải vì cách chế tạo hoặc vẻ bên ngoài giống như thật của nó mà tôi dám mong được bệ hạ xem là một điều kỳ diệu; chính là cách sử dụng nó; không một ai khác có thể làm như tôi nhờ cái bí quyết tôi có thể tâu để bệ hạ rõ : Khi đã cưỡi lên lưng con ngựa này rồi, thì bất cứ một nơi nào trên trái đất, dù xa xôi đến đâu mà tôi muốn bay tới, tôi đều có thể đến được ngay trong một thời gian rất ngắn. Tâu bệ hạ, đấy là tôi tóm tắt sự thần kỳ của con ngựa của tôi, một sự thần kỳ chưa ai từng nghe nói đến, và tôi có thể thực nghiệm ngay, nếu bệ hạ ra lệnh.

Vua nước Ba-tư xưa nay vốn tò mò đối với tất cả những gì là kỳ diệu; sau biết bao nhiêu vật lạ đã thấy, đã tìm xem và muốn xem, vua chưa bao giờ trông thấy

hoặc nghe nói tới một vật kỳ lạ dường này. Vua liền bảo ngay gã thổ dân là chỉ có sự thực nghiệm mà gã vừa nói tới mới làm được vua tin và vua sẵn sàng xem sự thật thế nào.

Gã thổ dân cho chân vào bàn đạp, leo lên lưng ngựa một cách nhẹ nhàng, và sau khi đã ngồi vững chắc trên yên, gã hỏi vua Ba-tư muốn phái gã tới đâu.

Cách Sirazơ ba dặm có một quả núi, đứng từ quảng trường trước cung điện mà vua đang cùng quần chúng tụ tập có thể nhìn thấy rất rõ. Vua trỏ ngọn núi bảo gã thổ dân:

– Anh trông thấy ngọn núi kia chứ. Ta muốn anh đi tới đó, khoảng cách không xa, nhưng cũng đủ cho ta xét xem anh từ đây đến đó trở về nhanh chóng thế nào. Vì không thể nào đưa mắt rõi theo anh tận đấy, anh hãy mang về đây một ngọn lá của cây cọ mọc ở chân núi, coi đấy là bằng chứng anh đã đến tận nơi.

Vua vừa dứt lời, gã thổ dân chỉ cần xoay một cái chốt hơi nhô lên ở cổ con ngựa. Ngay lập tức, con ngựa vút lên không, mang theo người kỵ mã nhanh như một tia chớp và lên cao tới mức chẳng bao lâu những đôi mắt tinh tường nhất cũng không còn trông thấy. Vua, triều đình, cũng như tất cả những người được mục kích đang tụ tập ở đấy đều hết sức khâm phục và thốt lên những tiếng ngạc nhiên từ mọi phía.

Chưa đầy một khắc sau, mọi người đã thấy gã thổ dân trở về trên không, tay cầm ngọn lá cọ. Gã bay trên quảng trường, cho ngựa uốn éo lượn mấy vòng trước những tiếng hò hét vui mừng của nhân dân rồi hạ xuống trước ngai vàng, đúng vào chỗ lúc nãy từ đó bay đi, một cách thật nhẹ nhàng êm ả. Xuống ngựa, gã tiến tới gần ngai vàng, quỳ xuống và đặt ngọn lá cọ dưới chân vua.

Đầy kinh ngạc và khâm phục trước cảnh chưa từng có mà gã thổ dân vừa trình diễn, vua Ba-tư nảy ngay lòng ham muốn được có con ngựa đó. Tin chắc rằng không gặp khó khăn gì trong việc thương lượng với người chủ, vì cho dù gã có đòi một số tiền lớn bao nhiêu, vua cũng đồng ý trả, nhà vua đã cầm chắc như đây là vật quý báu nhất bổ sung cho kho tàng của mình Vua bảo gã:

– Thoạt nhìn vẻ bên ngoài của con ngựa, ta không hiểu hết giá trị của nó. Ta nhận hồi nãy có xúc phạm tới anh, và để chứng tỏ lòng quý trọng của ta, ta sẵn sàng mua con ngựa nếu anh bằng lòng bán.

– Tâu bệ hạ – gã thổ dân đáp – tôi xưa nay vẫn tin chắc, trong số các vị quân vương hiện nay đang trị vì trên trái đất, bệ hạ là người hơn ai hết có sự phán xét và đánh giá từng vật đúng với giá trị của nó, nhất định bệ hạ sẽ có sự nhận xét công minh đối với con ngựa của tôi, một khi tôi trình bày để bệ hạ rõ do đâu nó đáng được chú ý. Tôi cũng đã dự kiến không những bệ hạ chỉ bằng lòng xem và khen ngợi, mà có thể bệ hạ còn muốn trở thành người sở hữu nó, đúng như bệ hạ vừa ngỏ ý. Về phần mình, tâu bệ hạ, cho dù tôi biết rõ hơn ai hết giá trị của nó, và quyền sở hữu con ngựa này có thể làm cho tên tuổi tôi trở thành bất tử, tôi vẫn không dám bo bo giữ nó tới mức không thỏa mãn mong muốn cao cả của bệ hạ. Nhưng, khi tuyên bố như vậy, tôi lại xin có lời về điều kiện, mà thiếu nó tôi sẽ không bao giờ để cho con ngựa chuyển sang tay người khác, một điều kiện mà có lẽ bệ hạ không chấp nhận. Xin bệ hạ biết cho, – gã thổ dân nói tiếp – tôi đã không mua con ngựa này. Tôi chỉ có thể nhận được từ tay người sáng chế ra nó bằng cách gả cho ông ta đứa con gái duy nhất của tôi, mà ông ta đòi lấy. Đồng thời, ông

ta lại buộc tội không được bán, mà cũng chỉ đổi chác theo cách mà tôi cảm thấy thỏa đáng.

Gã thổ dân còn muốn nói tiếp nhưng vừa nghe hai tiếng đổi chác vua Ba-tư đã vội ngắt lời gã. Vua nói:

– Ta đồng ý đánh đổi với anh tất cả những gì anh đòi hỏi. Anh biết rằng vương quốc ta rộng lớn, có nhiều thành phố to, mạnh, giàu có, đông dân. Ta cho anh chọn lấy một nơi, anh sẽ được toàn quyền làm chủ cho đến trọn đời.

Đối với cả triều đình Ba-tư có mặt lúc ấy, sự đổi chác ấy thật quá vương giả, song nó còn thấp so với điều tên thổ dân đòi hỏi. Mắt gã nhìn lên một mục tiêu còn cao quý hơn nhiều. Gã đáp lời vua:

– Tâu bệ hạ, tôi cực kỳ biết ơn bệ hạ về đề nghị đó và không biết làm sao cảm tạ cho hết sự hào hiệp của bệ hạ. Tuy nhiên, cầu xin bệ hạ chớ cho là bị xúc phạm nếu tôi dám ngỏ ý rằng, tôi chỉ đồng ý đổi con ngựa nếu được bệ hạ đồng ý cho tôi lấy công chúa con bệ hạ làm vợ. Tôi chỉ chịu mất quyền sở hữu với cái giá ấy thôi.

Các triều thần đang chầu quanh vua Ba-tư không thể nhịn được cười ha hả, khi nghe gã thổ dân đòi hỏi kỳ cục như vậy. Nhưng hoàng tử Firu Sát, đông cung thái tử, người thừa kế ngai vàng, không thể nghe mà không bất bình. Nhà vua lại nghĩ khác, vua cho là có thể hy sinh công chúa nước Ba-tư cho gã thổ dân để lòng hiếu kỳ của mình được như ý muốn. Tuy nhiên, vua vẫn còn lưỡng lự.

Thái tử Firu Sát thấy vậy, lo ngại vua có thể đồng ý điều gã đòi hỏi, một việc mà chàng xem như đồng thời làm sỉ nhục đến uy danh của hoàng gia, công chúa và của chính chàng. Thái tử liền cắt lời:

– Tâu bệ hạ, xin bệ hạ tha thứ cho con được tự hỏi tại sao bệ hạ có thể còn do dự, cân nhắc mà chưa khước từ ngay đòi hỏi láo xược của một tên vô danh tiểu tốt một tên làm trò múa rối vô sỉ, lại để cho nó dám mơ tưởng rằng sắp được môn đăng hộ đối với một trong những vị quân vương hùng mạnh nhất thế gian. Con xin bệ hạ hãy cân nhắc không chỉ vì trách nhiệm đối với chính mình, mà còn vì tình máu mủ và trách nhiệm đối với oai phong của các đấng tiên vương nữa.

– Con ạ, – vua Ba-tư đáp – ta vui lòng nghe lời con can gián và thông cảm mối quan tâm của con gìn giữ uy danh của hoàng tộc, nhưng con chưa hiểu hết sự kỳ diệu của con ngựa này, cũng như chưa thấy rằng gã thổ dân đến đề nghị ta đây, nếu bị từ chối, có thể mang tới một nơi khác mà người ta không quá coi trọng danh giá; và rồi ta sẽ lấy làm tuyệt vọng nếu một vị quân vương khác có thể khoe khoang là đã hào hiệp hơn ta, và đã làm cho ta mất niềm quang vinh được chiếm giữ con ngựa này, mà ta cho là vật đặc biệt đáng cho mọi người khắp thế giới thán phục. Tuy nhiên, không phải ta muốn nói rằng ta đồng ý chấp nhận lời yêu cầu của nó, có lẽ tự nó cũng chưa hiểu hết đòi hỏi của nó quá đáng; gạt riêng chuyện công chúa sang bên cạnh, ta có thể bằng lòng với một điều kiện khác hẳn. Nhưng, trước khi đi đến chỗ ngã ngũ, ta muốn từ con xem xét con ngựa, dùng thử, và cho ta biết cảm tưởng của con. Ta tin rằng chủ con ngựa đồng ý để con làm việc đó.

Thông thường ai mong muốn điều gì thì hi vọng đạt được điều mong ước; qua những lời nghe được, gã thổ dân tưởng nhà vua chắc cũng có thể nhận lời đổi con gái lấy ngựa; và hoàng thái tử, chẳng những không chống lại mà rồi còn có thể nói điều thuận lợi cho gã. Vì vậy, đã không phản đối ý kiến của nhà vua, gã còn

tỏ vẻ vui mừng và sẵn sàng giúp đỡ thái tử lên ngựa, rồi sau đó sẽ nói rõ nên làm thế nào để điều khiển ngựa cho tốt.

Với một sự nhanh nhẹn diệu kỳ, hoàng thái tử Firu Sát vọt lên lưng ngựa mà không cần gã thổ dân giúp; vừa đặt hai chân vào hai bàn đạp, không chờ nghe ý kiến của tên thổ dân, chàng đã vặn cái chốt lúc nãy thấy gã vặn. Lập tức, con ngựa vụt lên không như một mũi tên bắn bởi một xạ thủ dũng mãnh và tài hoa nhất; và như vậy, trong chốc lát, nhà vua, cả triều đình và tất cả đám đông tập họp trong quảng trường không nhìn thấy chàng nữa.

Thái tử Firu Sát mất hút trong không trung. Trong lúc vua Ba-tư cố gắng một cách vô ích nhìn xem có còn thấy con không, thì gã thổ dân hốt hoảng vì sự việc vừa xảy ra vội chạy tới phủ phục trước ngai, xin vua hãy đoái nhìn và nghe gã nói:

– Tâu bệ hạ, chính mắt bệ hạ đã thấy thái tử vì quá nhanh nhẩu, đã không để cho tôi kịp chỉ dẫn những điều cần thiết để điều khiển con ngựa. Chỉ nhìn qua cách tôi làm, thái tử đã muốn tỏ ra không cần tôi chỉ dẫn cách bay lên không, không chịu nghe cách làm cho con ngựa quay trở về đúng nơi xuất phát. Bởi vậy, tâu bệ hạ, xin bệ hạ gia ân cho, đừng buộc tôi phải bảo đảm về những gì có thể xảy đến với chàng. Bệ hạ quá công minh, sẽ không bắt tội tôi về điều bất hạnh có thể xảy đến.

Lời gã thổ dân làm vua Ba-tư rất phiền muộn. Vua hiểu sự nguy hiểm mà thái tử đang trải qua là không thể tránh khỏi, nếu quả thật, như lời gã thổ dân vừa nói, có một bí quyết điều khiển con ngựa quay trở lại, khác với cách làm cho nó bay lên.

Vua hỏi gã tại sao gã không gọi lại ngay khi thái tử vừa lên ngựa. Gã đáp:

– Tâu bệ hạ, chính bệ hạ đã trông thấy con ngựa cùng thái tử vút lên không trung nhanh đến mức nào. Lúc đầu, tôi kinh ngạc đến không thốt nên lời; khi đã nói được rồi, thì chàng đã đi xa không thể nghe tiếng tôi gọi nữa, mà cho dù có nghe được, làm sao lái được con ngựa quay trở về, một khi chàng không rõ bí quyết và cũng không đủ kiên nhẫn nghe tôi trình bày. Nhưng tâu bệ hạ: vẫn có thể hi vọng là trong cơn bối rối, thái tử sẽ nhận ra một cái chốt khác, nếu vặn nó, thì con ngựa sẽ thôi bốc lên cao mà hạ dần xuống, rồi thái tử sẽ có thể dùng cương điều khiển cho nó đặt chân xuống một nơi mà chàng thấy thuận tiện.

Gác ngoài tai lời lẽ của gã thổ dân nghe cũng phần nào có lý, vua Ba-tư hoảng hốt trước tai nạn khó tránh của con trai. Vua nói:

– Ta tin rằng, và điều này rất không chắc chắn, là thái tử sẽ nhận ra cái chốt kia và sử dụng nó đúng như mày nói; nhưng nếu con ngựa không đỗ xuống đất mà rơi vào núi đá, hoặc cùng thái tử lao xuống biển cả thì sao?

– Tâu bệ hạ – gã thổ dân đáp – xin bệ hạ đừng lo ngại, tôi bảo đảm con ngựa bay qua biển không bao giờ hạ xuống, và bao giờ nó cũng đưa người cưỡi tới nơi người đó muốn đặt chân. Bệ hạ có thể tin chắc rằng, chỉ cần thái tử trông thấy cái chốt mà tôi nói, thế nào con ngựa cũng đưa chàng quay trở lại nơi chàng muốn; và chẳng lẽ chàng lại không biết hạ xuống một nơi có người cứu giúp và nhận rõ chàng là ai hay sao.

Nghe đến đây, vua Ba-tư nói:

– Cho dù thế nào chăng nữa, ta không thể tin vào lời bảo đảm của mày. Mày phải chịu trách nhiệm về tính mạng của con ta. Nếu trong hạn ba tháng, ta chưa thấy con ta trở về an toàn vô sự, hoặc chưa được tin chắc

chắc là còn sống thì ta sẽ lấy đầu mày.

Vua ra lệnh giữ gã thổ dân lại, tống vào một nhà giam chật chội; sau đấy trở về hoàng cung, cực kỳ phiền muộn vì ngày tết Nguyên đán trọng thể biết bao trong khắp nước Ba-tư nay lại kết thúc một cách đáng buồn như vậy đối với nhà vua và cả triều đình.

Trong thời gian đó, thái tử Firu Sát bốc lên không trung nhanh chóng, như tôi đã kể; chỉ chưa đầy một giờ sau chàng đã lên cao tới mức không còn nhận ra vật gì dưới đất nữa: núi và thung lũng đều trông chẳng khác gì đồng bằng. Lúc ấy chàng mới nghĩ tới chuyện trở về nơi xuất phát. Chàng tưởng là, muốn vậy, chỉ cần quay ngược cái chốt và gò cương quay đầu ngựa lại là được; nhưng chàng cực kỳ kinh ngạc thấy con ngựa vẫn tiếp tục bốc lên vẫn cùng tốc độ ấy. Chàng vặn đi vặn lại cái chốt nhiều lần đều vô ích. Chỉ đến lúc ấy chàng mới nhận ra sai lầm lớn của mình là đã không để cho gã thổ dân kịp chỉ dẫn những điều cần thiết để điều khiển tốt con ngựa trước khi khởi hành. Lập tức, chàng nhận ra ngay nỗi hiểm nguy to lớn mình đang trải qua; tuy vậy điều đó không làm cho chàng mất trí phán đoán. Chàng tập trung suy nghĩ, cố sức quan sát cẩn thận từ đầu tới cổ con ngựa, và nhận ra một cái chốt khác, nhỏ hơn và ít lộ liễu hơn cái chốt kia, bên cạnh tai phải của con ngựa. Chàng vặn cái chốt này và tức khắc, chàng thấy mình hạ xuống, tuy vẫn theo con đường thẳng như lúc bay lên, nhưng không nhanh bằng. Đã nửa giờ rồi, đêm tối phủ xuống mặt đất dưới chỗ thái tử Firu Sát đang bay khi chàng vặn cái chốt. Nhưng vì đang bay xuống, chẳng mấy chốc chính chàng cũng không nhìn thấy mặt trời nữa, cho tới khi lao vào đêm tối mịt mùng. Như vậy, không thể nào chọn một chỗ đặt chân xuống đất cho

thuận tiện, chàng đành thả lỏng cương trên cổ ngựa và kiên nhẫn chờ cho đến lúc nó dừng lại, bất kể đấy là một nơi có người ở, sa mạc, sông lớn hay biển cả.

Cuối cùng, con ngựa dừng lại và đặt chân chạm đất. Đã quá nửa đêm. Thái tử Firu Sát xuống ngựa, nhưng người rất mệt, bởi vì từ sáng sớm, khi ra khỏi hoàng cung cùng vua cha dự ngày hội cho đến bây giờ, chàng không ăn uống một miếng gì. Công việc đầu tiên của chàng, là trong đêm tối, cố nhận ra mình đang ở đâu: chàng đang đứng trên mái bằng của một cung điện lộng lẫy, chung quanh có lan can bằng cẩm thạch vừa ngang tầm tựa. Quan sát cái sân thượng, chàng nhận ra cầu thang xuống tầng dưới, cánh cửa không đóng kín mà hé mở.

Giá một người nào khác đã không dám cả gan xuống trong đêm đen bao phủ cầu thang, hơn nữa còn có thể gặp người, chưa rõ là bạn hay thù. Thái tử Firu Sát không vì thế mà ngại ngần. Chàng tự bảo: «Ta không đến đây để làm hại cho ai, có lẽ những người đầu tiên gặp, không thấy ta cầm khí giới ở tay, sẽ có lòng nhân đạo nghe ta nói trước khi làm hại tính mạng ta» Chàng nhẹ nhàng mở rộng thêm cửa mà không gây tiếng động, và xuống thang rất cẩn thận, tránh bước hụt chân có thể gây nên tiếng ồn làm người ta tỉnh giấc. Làm được việc đó, chàng đến một nơi cầu thang quặt lại, và nhận ra một cánh cửa mở vào một gian phòng rộng có ánh đèn.

Dừng lại trước cửa, thái tử lắng tai, không nghe động tĩnh nào ngoài những tiếng ngáy khác nhau của đông người đang ngủ. Chàng tiến mấy bước vào trong phòng, nhờ ánh sáng một ngọn đèn treo, nhận ra những người ngủ đều là hoạn nô đen, mỗi tên có một thanh gươm tuốt trần đặt bên cạnh, điều đó làm chàng hiểu đây là đội bảo vệ cung riêng của một hoàng hậu hoặc công chúa. Và quả đúng, đây là cung của một nàng công chúa.

Buồng công chúa ngủ kề ngay căn phòng này. Nhờ cánh cửa để ngỏ và đèn thắp sáng choang, chàng có thể nhìn rõ qua bức màn che làm bằng một tấm lụa rất mỏng.

Thái tử Firu Sát tiến đến tận bức màn, chân bước thật nhẹ nhàng, để khỏi làm tỉnh giấc các hoạn nô. Chàng mở cửa bước vào, và không dừng chân ngắm vẻ huy hoàng của căn phòng rất vương giả, điều chẳng quan trọng mấy trong hoàn cảnh hiện nay, vì còn phải quan tâm tới những việc hệ trọng hơn. Trong buồng có nhiều giường ngủ, một chiếc kê trên bục cao và những chiếc khác thấp hơn. Những người hầu của công chúa ngủ ở các giường thấp này, để làm bạn và hầu hạ nàng khi cần tới, còn công chúa ngủ trên chiếc giường cao.

Thấy rõ sự phân biệt đó, thái tử biết ngay nên chọn công chúa để ngỏ lời. Chàng tiến đến gần giường, không làm thức giấc nàng cũng như một người hầu nào. Đến gần, chàng nhận ra đây là một người đẹp kỳ lạ, đẹp đáng ngạc nhiên, đến nỗi chàng thấy xúc động và nồng cháy yêu đương ngay từ phút đầu. Chàng ngâm kêu: «Trời đất! Phải chăng số mệnh dắt dẫn ta tới chốn này để làm cho ta mất tự do mà ta vẫn gìn giữ được trọn vẹn cho đến bây giờ? Phải chăng ta sẽ trở thành một tên nô lệ không thể tránh, chừng nào nàng mở mắt, nếu đôi mắt ấy, đúng như ta chờ đợi, sẽ càng làm rạng rỡ hơn vẻ yêu kiều và duyên dáng kỳ diệu của con người kia? Ta phải quyết định thôi, bởi vì không thể thoái lui mà không tự mình làm hại tính mạng của mình, sự cần thiết bức ta phải làm như vậy»

Suy nghĩ về liên quan giữa tình cảnh hiện nay của mình và sắc đẹp của công chúa, thái tử Firu Sát liền quỳ hai gối xuống, cầm đầu ống tay áo của công chúa buông thõng, để lộ một cánh tay tròn và trắng như tuyết, kéo nhè nhẹ.

Công chúa mở mắt. Ngạc nhiên thấy trước mình có một chàng trai khôi ngô, tuấn tú, ăn mặc sang trọng, nàng lặng đi, tuy vậy không hề tỏ dấu hiệu khủng khiếp hay kinh hoàng.

Lợi dụng giây phút thuận lợi đó, thái tử rập đầu xuống tận thảm, rồi ngẩng lên nói:

– Thưa công chúa đáng kính, do một chuyện lạ lùng và kỳ diệu nhất chưa từng ai nghĩ tới, cho nên nàng mới thấy một hoàng tử, con trai quốc vương Ba-tư, đang quỳ gối cầu khẩn dưới chân mình. Sáng hôm qua, tôi còn ở bên cạnh vua cha, dự cuộc vui chơi của một ngày hội trọng thể, thế mà bây giờ đến một xứ xa lạ, đang có nguy cơ mất mạng nếu nàng không hào hiệp đoái thương để cứu giúp và bảo vệ. Thưa công chúa quý yêu, tôi van xin nàng che chở, và tin chắc là sẽ không bị khước từ. Tôi có đầy đủ căn cứ để dám tin như vậy, vì không thể một con người xinh đẹp, duyên dáng và oai vệ dường này lại không có lòng nhân đạo.

Nàng công chúa mà thái tử Firu Sát đang ngỏ lời ấy chính là công chúa Bengan, con gái cả của quốc vương nước ấy. Nhà vua đã xây cất cho con gái cung điện này, không xa kinh đô mấy, và nàng vẫn thường về đây giải trí cho cách biệt chốn thị thành. Sau khi lắng nghe chàng nói, với sự hiền từ quá mức chàng mong đợi, nàng ân cần đáp:

– Thưa hoàng tử, xin hãy yên tâm, không phải chàng đang ở trong một xứ dã man. Sự hiếu khách, lòng nhân đạo và phong cách lịch sự cũng trị vì ở vương quốc Bengan này không kém ở vương quốc Ba-tư. Không phải chỉ có riêng tôi là người đồng ý bảo vệ chàng, theo lời chàng yêu cầu, chàng có thể tìm được điều mình mong ước ấy ngay trong cung này cũng như trong cả vương quốc. Chàng có thể tin tưởng và trông cậy vào lời tôi vừa nói.

Thái tử nước Ba-tư muốn ngỏ lời cảm tạ công chúa nước Bengan về sự chân thành và mối ân huệ nàng tỏ rõ với mình ; chàng đã cúi đầu rất thấp định cất lời chúc tụng, nhưng nàng không để cho chàng kịp nói.

– Cho dù tôi rất nóng lòng mong muốn – nàng nói, – được biết do sự kỳ diệu thế nào mà chàng từ kinh đô nước Ba-tư đến tận đây trong thời gian ngắn như thế, và bằng phép thần nào chàng có thể ra mắt tôi một cách bí mật, vượt qua được sự canh gác của đội bảo vệ ; tuy nhiên, chắc chắn chàng đang cần được ăn uống, và tôi coi chàng như một người khách được hoan nghênh, bởi vậy tôi xin gác sự hiếu kỳ của mình tới sáng sớm mai, để cho các người hầu của tôi đưa chàng đến một căn phòng, mời chàng dùng bữa, và chàng nghỉ ngơi đỡ mệt, cho tới chừng nào thấy có điều kiện thuật lại cho tôi nghe làm sao chàng tới chốn này, tôi sẵn sàng nghe chàng nói.

Những người hầu của công chúa đã thức giấc ngay từ những câu đầu tiên của thái tử ; họ cực kỳ ngạc nhiên thấy chàng quỳ cạnh giường công chúa, họ không biết chàng làm cách nào vào được tận chốn này mà họ cũng như bọn hoạn nô vẫn ngủ say. Vừa hiểu rõ ý định của công chúa, họ vội vàng dậy mặc áo, sẵn sàng thực hiện mọi mệnh lệnh của nàng. Cầm mỗi người một cây nến, họ chờ chàng cáo biệt nàng cực kỳ lễ độ xong, mời đi trước dẫn đến một căn phòng rất đẹp ; rồi những người này lo sửa soạn nơi nghỉ, những người kia chạy đi làm thức ăn.

Mặc dù giờ giấc có trái khoáy, những người lo việc làm bếp không để thái tử phải chờ lâu. Họ mang đến rất nhiều loại thức ăn. Chàng chọn những thứ mình thích ; khi chàng dùng đủ, họ thu dọn, để chàng ở lại

nghỉ ngơi, sau khi trỏ cho thấy những cái tủ đựng những thư chàng có thể cần.

Công chúa nước Bengan, qua cuộc nói chuyện ngắn ngủi với thái tử, còn xúc động bởi vẻ lịch thiệp, trí thông minh, sự lễ độ và những đức tính khác của chàng, chưa ngủ lại được thì những người hầu đã quay trở về. Nàng hỏi họ đã chăm sóc chàng chu đáo chưa, chàng có hài lòng không, chàng có thiếu gì chăng, và nhất là họ nghĩ thế nào về hoàng tử ấy.

Những người hầu, sau khi đáp lời chủ về những câu hỏi trên, có ý kiến về điều cuối như sau:

– Thưa công chúa, chúng tôi không rõ công chúa nghĩ về chàng như thế nào. Về phần mình, chúng tôi sẽ rất sung sướng nếu đức vua cho công chúa kết hôn với một hoàng tử khả ái như vậy. Ở triều đình nước Bengan ta, không một ai có thể sánh được chàng và chúng tôi cũng biết rằng ngay cả các quốc gia lân bang với ta cũng chẳng có ai xứng đáng với công chúa như chàng.

Lời tán tụng đó không phải không làm vừa lòng công chúa, nhưng vì không muốn để lộ tình cảm của mình, nàng bảo họ đừng nói nữa:

– Các cô đến lắm điều, hãy ngủ đi và để yên cho ta ngủ tiếp.

Sáng hôm sau, việc đầu tiên công chúa làm, sau khi thức dậy, là bắt đầu trang điểm. Chưa bao giờ nàng tốn nhiều công sức như hôm ấy để nhìn vào gương mà ngắm nghía chải chuốt. Chưa bao giờ các người hầu lại phải kiên nhẫn làm đi làm lại mỗi một việc kỹ cho tới lúc công chúa bằng lòng. Nàng tự nhủ:

– Ta đã không đến nỗi để cho hoàng tử nước Ba-tư chê ta khi còn đang giấc ngủ, thì chàng sẽ còn thấy ta khác nhiều nữa lúc ta đã trang điểm rồi.

Nàng cài lên mái tóc những viên kim cương lớn nhất, sáng nhất, rồi mang một chuỗi ngọc, những đôi vòng và một cái thắt lưng cũng đính ngọc đẹp, tất cả đều đắt vô giá; còn chiếc áo nàng mặc thì may bằng thứ lụa đẹp nhất xứ Ấn-độ, chỉ dành riêng cho vua, hoàng tử và công chúa dùng, màu sắc hài hòa với các vật trang sức. Sau đó, nàng còn soi gương nhiều, hỏi đi hỏi lại những người hầu xem trang phục này còn thiếu thứ gì nữa không, rồi mới cho người sang xem hoàng tử nước Ba-tư đã ngủ dậy chưa; nếu chàng đã dậy và ăn mặc rồi, thì báo cho chàng rõ tự nàng sẽ tới thăm, vì nàng biết chắc thế nào chàng cũng xin đến chào mình trước; và nàng có lý do để làm như vậy.

Thái tử nước Ba-tư ban ngày trông còn khôi ngô tuấn tú hơn đêm qua, đã hoàn toàn lại sức sau một chuyến đi vất vả. Chàng vừa mặc quần áo xong, thì người hầu của công chúa mang đến lời chào của nàng.

Không chờ cho người hầu kịp thưa lại những điều công chúa dặn, thái tử vội hỏi công chúa đã sẵn sàng để cho phép chàng tới vấn an chưa. Nhưng, khi được nghe ý kiến của công chúa chàng đáp: «Công chúa là chủ nhân, tôi có mặt ở đây là chỉ để thi hành những mệnh lệnh của nàng».

Vừa hay tin thái tử nước Ba-tư đang chờ, công chúa nước Bengan vội tới ngay. Sau những lời chúc tụng lẫn nhau, hoàng tử thì muôn nghìn lần xin lỗi đã vô tình làm mất giấc của nàng, còn công chúa thì hỏi chàng có ngủ được không, và hiện nay trong người thế nào; công chúa ngồi xuống chiếc ghế trường kỷ, thái tử cũng ngồi cùng ghế nhưng cách xa một chút, để tỏ lòng kính trọng.

Lúc ấy, công chúa cất lời nói:

– Thưa hoàng tử, lẽ ra tôi có thể tiếp chàng ngay trong căn phòng, nơi chàng thấy tôi ngủ tối hôm qua;

nhưng vì ở đây viên chỉ huy hoạn nô của tôi được phép tự do ra vào, còn ở đây nó không bao giờ dám vào nếu không được phép. Tôi nôn nóng muốn rõ câu chuyện kỳ lạ làm cho tôi có diễm phúc được gặp chàng, nên tôi đến xin nghe chàng ở đây là nơi mà cả chàng lẫn tôi không ai bị kẻ khác làm gián đoạn câu chuyện. Vậy thì, tôi mong chàng hãy kể lại điều tôi yêu cầu.

Để làm hài lòng công chúa nước Bengan, thái tử Firu Sát bắt đầu thuật lại về ngày lễ Nguyên đán long trọng trong khắp nước Ba-tư, với những cảnh đáng gợi được hiếu kỳ, làm cho triều đình và cả kinh đô Sirazo vui thích. Tiếp đó, chàng kể đến chuyện con ngựa thần kỳ và mô tả con ngựa. Điều kỳ diệu mà gã thổ dân trình diễn trước một cử tọa nổi tiếng như vậy, thuyết phục được công chúa rằng trên đời thật khó tưởng tượng ra một vật gì đáng ngạc nhiên hơn. Thái tử nước Ba-tư nói tiếp:

– Thưa công chúa, xin nàng biết cho là phụ vương tôi xưa nay không ngại tiêu pha tốn kém để cho kho tàng của Người ngày càng có nhiều hơn những vật hiếm hoi và ngộ nghĩnh nhất mà Người biết được, nên rất say sưa muốn có thêm một con ngựa loại ấy. Quả như vậy, Người đã không ngần ngại hỏi gã thổ dân đòi bao nhiêu.

Câu trả lời của gã thật là kỳ cục. Gã đáp không phải gã mua con ngựa, mà đã đánh đổi nó bằng người con gái duy nhất của gã, và bởi vì đã trót hứa là chỉ có thể nhường lại với điều kiện tương tự, gã chỉ đồng ý để lại cho Người với điều kiện là Người cho phép được lấy công chúa em gái tôi làm vợ.

Các vị triều thần đang chầu quanh ngai vàng cha tôi lúc đó đều cất cao lời chế nhạo gã; riêng phần mình, tôi cảm thấy bất bình tới mức không thể nào che

dấu được, nhất là khi trông thấy cha tôi cân nhắc trước khi trả lời. Tuy nhiên, lời can gián của tôi không đủ sức làm cho Người từ bỏ hoàn toàn ý định hy sinh công chúa em gái tôi cho một con người đáng khinh như gã. Người tưởng rằng tôi sẽ đồng tình, một khi cũng hiểu được như Người, về giá trị của con ngựa, do tính chất độc đáo của nó. Với ý nghĩ đó, Người muốn tôi xem xét con ngựa, cưỡi lên nó và đi thử.

Để làm vui lòng vua cha, tôi lên ngựa. Vì đã được trông thấy gã thổ dân xoay một cái chốt khiến cho con ngựa bay lên, tôi đã làm như vậy mà không hỏi thêm gã, thế là ngay tức khắc tôi được phóng lên trời nhanh như mũi tên bắn bởi cánh tay một xạ thủ khỏe mạnh nhất, giàu kinh nghiệm nhất.

Chẳng mấy chốc, tôi lên cao cách xa mặt đất đến nỗi không phân biệt được một vật gì dưới ấy nữa, và tưởng như mình sắp chạm tới vòm trời, đụng vào đấy vỡ đầu. Thoạt đầu được phóng đi nhanh quá, tôi mất tự chủ hồi lâu, không nhận ra hết nỗi hiểm nghèo mình đang trải qua. Tôi muốn vặn ngược lại cái chốt lúc nãy, nhưng kết quả không như mong đợi. Cuối cùng, nhận ra được một cái chốt khác, tôi vặn nó, và con ngựa không tiếp tục bay lên nữa mà bắt đầu hạ xuống; và bởi vì chẳng mấy chốc trời tối hẳn, không thể nào điều khiển cho nó hạ xuống một nơi không xảy ra nguy hiểm cho mình, tôi đành buông cương, và phó thác cho Thượng đế định đoạt số phận của tôi tùy theo ý nghĩ của Người.

Cuối cùng con ngựa hạ xuống đất; tôi xuống yên, và xem xét chỗ ấy, tôi thấy mình đang ở trên sân thượng tòa cung điện này. Tôi tìm thấy cửa cầu thang mở hé, tôi xuống mà không gây tiếng động, rồi một cánh cửa có ít nhiều ánh đèn mở ra trước mắt tôi. Tôi thò đầu nhìn vào thấy các hoạn nô đang ngủ, và sau một bức

màn, có nhiều ánh sáng; trong tình trạng bức bách lúc bấy giờ, mặc cho nỗi hiểm nguy không thể nào tránh khỏi nếu các hoạn nô thức giấc, tôi đành phải bạo dạn nếu không nói rằng to gan, nhẹ nhàng tiến lên vén bức màn.

Thưa công chúa – hoàng tử nói tiếp – không cần kể thêm nữa, nàng đã rõ. Tôi chỉ còn có việc cảm tạ sự hiền từ và lòng hào hiệp của công chúa, và xin nàng cho tôi được biết bằng cách nào tôi có thể chứng tỏ lòng biết ơn của mình và làm vừa lòng công chúa, bởi vì theo luật lệ người đời, tội hiện đã là nô lệ của nàng, do đó không thể hiến dâng nàng con người của tôi nữa, chỉ còn mỗi một trái tim nữa mà thôi. Tôi biết nói sao, thưa công chúa! Trái tim ấy cũng không còn thuộc về tôi nữa, nàng đã chiếm đoạt nó bằng vẻ yêu kiều; và tôi không những không muốn đòi trái tim của mình lại mà còn giao phó hẳn cho nàng. Bởi vậy xin cho phép tôi được tuyên bố rằng, tôi coi công chúa không những là chủ nhân của mọi ý chí mà còn của trái tim tôi nữa.

Những câu sau cùng của thái tử Firu Sát được nói ra với giọng nói và vẻ mặt khiến công chúa nước Bengan không mảy may nghi ngờ những việc xảy ra là do vẻ đẹp hấp dẫn của nàng, đúng như nàng chờ đợi. Nàng không lấy làm xúc phạm vì lời tỏ tình hơi vội vã của thái tử nước Ba-tư. Mặt nàng đỏ ửng khiến cho thái tử thấy càng xinh tươi càng đáng yêu.

Khi thái tử Firu Sát dứt lời, công chúa nước Bengan nói:

– Thưa hoàng tử, chàng đã đưa đến cho tôi niềm thú vị hiếm có khi thuật lại những điều lạ lùng và diệu kỳ mà tôi vừa được nghe; mặt khác, tôi cũng không thể không khủng khiếp nhìn chàng bay cao vút tận mây xanh; và mặc dù chàng ngồi trước mặt tôi an toàn vô

sự, tôi vẫn không hết lo sợ, mãi cho tới đoạn chàng kể tới việc con ngựa của gã thổ dân hạ xuống bình yên trên sân thượng của cung tôi, việc đó có thể diễn ra ở hàng nghìn chỗ khác, nhưng tôi rất hài lòng là sự ngẫu nhiên đã cho tôi có cơ hội chứng tỏ với chàng rằng không ở đâu đón tiếp chàng thoải mái và thích thú như ở nơi đây.

Bởi vậy thưa hoàng tử, tôi tự cho mình rất bị xúc phạm nếu tin rằng ý kiến của chàng nói chàng là nô lệ của tôi là một ý kiến nghiêm túc, tôi cho rằng chàng nói như vậy vì lịch sự hơn là xuất phát từ tình cảm chân thành Sự đón tiếp của tôi đối với chàng tối hôm qua hẳn đủ làm cho chàng thấy rõ ở đây chàng cũng được tự do không kém gì giữa triều đình nước Ba-tư.

Còn về trái tim của chàng, – công chúa nói thêm với giọng không có vẻ gì là khước từ, – vì tôi chắc không phải đợi đến bây giờ chàng mới sử dụng tới nó, và hẳn chàng đã trao cho một công chúa nào xứng đáng rồi, tôi sẽ rất không hài lòng nếu mình là cơ hội để cho chàng bỏ mất lòng chung thủy.

Thái tử Firu Sát muốn phản đối, và tỏ cho công chúa nước Bengan biết rằng trái tim mình chưa có ai làm chủ khi từ giã nước Ba-tư, nhưng chàng vừa định cất lời thì một người hầu của công chúa, đã nhận được lệnh từ trước, vào mời hai người đi dùng bữa sáng.

Việc đó gỡ cho thái tử và công chúa khỏi bối rối vì một sự giải thích xét ra không cần thiết. Công chúa nước Bengan hoàn toàn tin chắc ở sự chân thành của thái tử, mặc dù công chúa không nói ra, qua lời lẽ và thái độ thuận chiều của nàng, chàng vẫn có thể nghĩ là mình có thể vừa lòng với hạnh phúc.

Công chúa đứng lên mời thái tử vừa lúc thái tử cũng đứng dậy như nàng. Nàng nói không có thói quen dùng bữa sáng sớm thế này, nhưng vì nghĩ rằng tối hôm

qua, những người hầu của nàng hẳn đã mời chàng dùng một bữa tối chẳng ra sao, cho nên nàng đã ra lệnh chuẩn bị bữa ăn sáng sớm hơn thường lệ. Vừa nói nàng vừa dẫn chàng qua một cánh cửa mà người hầu hồi nãy vẫn bỏ ngỏ, sang một căn phòng lộng lẫy, ở đây người ta đã bày sẵn nhiều món ăn tuyệt vời. Họ ngồi vào bàn, và khi hai người đã yên vị, những người hầu của công chúa, rất đông, đẹp và ăn mặc sang trọng, bắt đầu đàn hát múa vui cho tới hết bữa ăn. Cuộc hòa tấu rất nhẹ nhàng không trở ngại tới cuộc nói chuyện của thái tử và công chúa. Suốt bữa ăn, hai người dành nhiều thời giờ để chúc tụng và mời mọc nhau dùng những món ngon nhất. Qua những thù tạc này, tình yêu giữa hai người càng mặn mà hơn cả tình yêu sau một cuộc gặp gỡ tay đôi định sẵn nhắm mục đích ấy.

Cuối cùng, thái tử và công chúa rời bàn ăn. Công chúa mời hoàng tử nước Ba-tư sang một căn phòng rộng và lộng lẫy bởi sự kiến trúc và cách trang trí màu vàng và màu thanh thiên rất hài hòa, cùng những bàn ghế sang trọng. Họ ngồi xuống một trường kỷ, nhìn khu vườn đẹp mắt. Thái tử Firu Sát khen ngợi các loài hoa. Cây cối thì đa dạng, khác hẳn bên Ba-tư, và đẹp không kém các loại cây bên nước mình. Chàng nhân cơ hội này mà nói tiếp câu chuyện với công chúa:

– Thưa công chúa, trước đây tôi vẫn tưởng trên khắp thế giới chỉ nước Ba-tư là có những cung điện hùng vĩ và vườn hoa đẹp mắt, xứng với oai phong các đấng quân vương; nhưng bây giờ tôi thấy rằng ở đâu có những quốc vương vĩ đại, thì các vị đó biết cho xây dựng cung điện phù hợp với tầm vóc và quyền lực của mình. Nếu có sự khác biệt nhau về cung cách xây cất trang hoàng, thì lại có sự giống nhau về tầm cỡ lớn lao và vẻ huy hoàng tráng lệ.

– Thưa hoàng tử, – công chúa nước Bengan đáp – vì chưa nhìn thấy cung điện ở nước Ba-tư, tôi không thể có ý kiến so sánh nó với cung điện của tôi để biểu lộ với chàng; nhưng cho dù chàng rất chân thực, tôi vẫn khó nghĩ rằng ý kiến của chàng là đúng, chắc hẳn chàng do nhã ý mà quá khen. Tuy tôi không muốn hạ thấp giá trị cung điện của tôi trước mặt chàng, hẳn chàng có con mắt tinh tường và khiếu thẩm mỹ cao quý hơn để phán đoán; song quả quyết là tôi thấy cung điện của tôi rất tầm thường, nếu đem so sánh với cung điện của cha tôi, vô cùng lớn lao hơn, đẹp đẽ hơn và sang trọng hơn cái này. Chàng sẽ nói cho tôi hay chàng nghĩ như thế nào sau khi nhìn thấy nó. Bởi vì sự tình cờ đã dun dủi chàng đến tận kinh đô nước này, tôi không nghĩ rằng chàng không muốn tới thăm và chào vua cha tôi, để cho Người có dịp được tiếp đón long trọng một hoàng tử có cương vị và danh giá như chàng.

Gợi ý với hoàng tử nước Ba-tư nên tới thăm cung điện nước Bengan và chào vua cha của mình, công chúa hi vọng rằng nếu được như vậy, cha nàng thấy một hoàng tử tuấn tú, khôn ngoan và có nhiều đức tính tốt đẹp, có thể đi tới quyết định gả nàng cho chàng; và bởi vì đã biết chắc tình cảm của mình đối với chàng, và chàng thì hiển nhiên sẽ không từ chối cuộc hôn phối ấy; thế là nàng có thể toại nguyện mà vẫn giữ được tư thế xứng đáng của một vị công chúa lúc nào cũng chỉ biết tuân theo ý muốn của phụ vương. Nhưng thái tử nước Ba-tư lại không đáp ứng điều đó như nàng mong muốn. Chàng nói:

– Thưa công chúa, theo lời nàng nói tôi hoàn toàn tin rằng cung điện của quốc vương nước Bengan vĩ đại hơn cung điện của nàng. Còn về lời nàng muốn tôi đến triều kiến Người, tôi thấy rằng đây không chỉ là một niềm vui mừng mà còn là một sự vinh hạnh lớn cho riêng

tôi. Nhưng, thưa công chúa, xin nàng hãy suy xét cho, lẽ nào nàng khuyên tôi nên đến ra mắt một đấng quân vương oai nghi, vĩ đại đường ấy, với bộ dạng của một kẻ phiêu lưu, không có đoàn tùy tòng và phụ tá thích đáng với địa vị của mình?

– Thưa hoàng tử, – công chúa lại nói, – xin chàng đừng băn khoăn về việc đó. Chàng cứ việc ngỏ ý, tiền chẳng thiếu đâu, chàng muốn sắm đoàn tùy tùng thế nào, xin tùy tiện, tôi xin cung ứng đầy đủ. Ở đây có rất nhiều nhà buôn người nước chàng, hoàng tử có thể chọn bao nhiêu người tùy ý, đủ làm rạng rỡ cho chàng.

Thái tử Firu Sát thấu hiểu ý nghĩ của công chúa nước Bengan, và điều đó càng làm cho chàng thêm say mê nàng, nhưng cho dù tình yêu có nồng nhiệt đến bao nhiêu, chàng cũng không thể lãng quên bổn phận. Chàng đáp không chút chần chừ:

– Thưa công chúa, nhẽ ra tôi vui lòng nhận sự giúp đỡ của công chúa và không biết làm sao để cảm tạ cho xứng đáng, nhưng nỗi lo lắng của cha tôi thấy con tuyệt vô âm tín không cho phép tôi xử sự như vậy. Tôi sẽ không xứng đáng với tấm lòng hiền từ cũng như tình yêu thương của Người, nếu tôi không trở về sớm nhất và đến ngay bên cạnh để cho Người hết lo âu. Tôi biết như vậy lắm. Trong khi tôi đang có hạnh phúc được dạo đạo với một công chúa khả ái đường này, thì chắc chắn cha tôi đang trải qua những nỗi đau đớn sâu xa, và đã mất hết hy vọng thấy con trở về. Mong công chúa anh minh hiểu cho, tôi không thể vô ơn và không phạm tội ác, nếu không trở về ngay để cứu cha tôi khỏi cái chết, mà chắc chắn sẽ xẩy ra nếu tôi còn lần chần không chịu về.

Sau việc đó rồi, thưa công chúa, – thái tử nói tiếp, – nếu nàng xét thấy tôi xứng đáng được mong ước trở thành hôn phu của nàng, vì cha tôi xưa nay vẫn nói

cho tôi rõ. Người không bao giờ cưỡng ép tôi trong việc hôn nhân, chắc chắn tôi sẽ chẳng khó khăn gì mà không xin được Người cho phép trở lại đây, không phải như một kẻ vô danh, mà với tư cách hoàng tử, thay mặt Người xin với quốc vương nước Bengan cho được kết liên, qua việc hôn nhân của hai ta. Tôi tin chắc rằng tự cha tôi sẽ ngỏ ý ấy trước, khi nghe tôi trình bày tấm lòng hào hiệp mà nàng đã đón tiếp tôi trong bước không may.

Qua cung cách thái tử nước Ba-tư vừa giải bày, công chúa nước Bengan là người biết điều nên không nài ép chàng đến chào phụ vương mình nữa, hoặc đòi hỏi chàng làm việc gì khác trái với bổn phận và lương tâm; nhưng nàng hoảng hốt thấy chàng nghĩ tới chuyện ra đi nhanh chóng vậy. Nàng lo sợ rằng, chàng đã cáo biệt nàng sớm đến thế, thì một khi đã xa nhau, chàng sẽ quên nàng ngay, chứ không giữ lời hứa quay trở lại nữa. Để làm chàng thay đổi ý kiến, nàng bảo:

– Thưa hoàng tử, khi gợi ý chàng nên đến chào phụ vương tôi, quả thật tôi không hề có ý muốn làm ngược lại điều chàng vừa trình bày rất chính đáng, mà tôi đã không nghĩ ra. Nếu tôi có ý nghĩ ấy, thì tự mình đã trở thành tòng phạm của tội lỗi mà chàng có thể mắc phải. Nhưng tôi không thể nào tán thành ý kiến chàng muốn ra đi vội vã, như chàng vừa nói. Ít ra xin chàng hãy vui lòng đồng ý cho một điều tôi yêu cầu, ấy là nên để thì giờ lấy lại sức. Và, bởi vì may mắn sao cho tôi, chàng đã đáp xuống vương quốc nước Bengan chứ không phải giữa một sa mạc hoặc trên đỉnh một ngọn núi hiểm trở không có đường xuống, vậy thì xin chàng hãy nghỉ lại đây một thời gian đủ để cho tôi mang tin chi tiết sang thông báo với triều đình nước Ba-tư.

Công chúa nước Bengan nói câu này nhằm mục đích giữ thái tử Firu ở lại lâu hơn một ít, rồi chàng sẽ vô

tình đam mê mình hơn, nàng hy vọng, qua việc đó sẽ trì hoãn việc chàng trở về nước Ba-tư, và rồi chàng sẽ đồng ý xuất hiện công khai và đến ra mắt quốc vương Bengan. Thái tử nước Ba-tư không lòng nào nỡ từ chối điều nàng yêu cầu, trước sự đãi đằng và đón tiếp nồng hậu của nàng đối với chàng. Chàng đành nhận lời. Và nàng chỉ còn nghĩ tới việc bày ra nhiều trò giải trí để cho việc lưu lại của chàng trở nên thoải mái.

Ấy thế là trong nhiều ngày liền, chỉ toàn có hội hè, nhảy múa, hòa nhạc, đại yến và tiểu yến, dạo chơi ở vườn hoa và săn bắn trong rừng cấm gần cung điện; ở đây có đủ các loại dã thú như hươu, nai, hoẵng và nhiều loài vật tương tự đặc sản của nước Bengan, mà sự săn bắn, không nguy hiểm, có thể hợp với công chúa.

Sau mỗi chuyến săn, thái tử và công chúa lại gặp nhau tại một nơi đẹp mắt nào đấy trong rừng, ở đấy người hầu đã trải sẵn một tấm thảm cùng nhiều chiếc gối, để họ ngồi nghỉ cho được thoải mái. Ở đây, tinh thần hết căng thẳng và thể chất dần trở lại bình thường sau những giờ hoạt động dồn dập, họ chuyện trò về mọi việc. Công chúa nước Bengan chú ý, hơn tất cả mọi điều, lái câu chuyện về tầm cỡ vĩ đại, sự hùng mạnh, và sự giàu có của vương quốc Ba-tư, để cho sau khi thái tử đáp lời, đến lượt nàng có dịp lại nói về nước Bengan và những lợi thế của nước mình, và từ đó, cố làm cho chàng quyết tâm lưu lại. Nhưng nàng đã đạt được kết quả ngược với ý định của mình.

Quả vậy, thái tử nước Ba-tư, không hề nói quá xa, đã khéo léo mô tả sự hùng cường của vương quốc Ba-tư, về sự huy hoàng và phồn thịnh của nước ấy, về lực lượng quân sự, việc thương mại trên đường bộ và đường biển đến tận những nước rất xa xôi, mà một vài nước ngay cả chàng cũng chưa hề biết tới, về cơ

man thành phố lớn, thành phố nào cũng đông dân cư như nơi chàng chọn làm chỗ ở, ở đây có nhiều lâu đài bàn ghế đầy đủ, sẵn sàng đón khách tùy theo thời tiết khác nhau, đến mức có thể lựa chọn để cho quanh năm lúc nào cũng là mùa xuân. Chàng chưa nói hết, công chúa đã thấy vương quốc của mình thua kém nước Ba-tư về nhiều mặt. Đến nỗi, sau khi kể xong, chàng yêu cầu đến lượt nàng, hãy mô tả những lợi thế của vương quốc Bengan, thì nàng chần chừ, đợi chàng giục giã nhiều lần mới chịu nói.

Vậy là công chúa nước Bengan bằng lòng yêu cầu của thái tử Firu Sát, nhưng nói bớt đi nhiều những lợi thế mà vương quốc Bengan thực sự trội hơn hẳn vương quốc Ba-tư. Nàng còn để lộ rõ nàng sẵn sàng theo chàng đi đến đấy, và chàng cũng biết là nếu mình ngỏ ý nàng sẽ thuận tình; nhưng chàng nghĩ chỉ nên làm việc đó chừng nào đã lưu lại đây một thời gian khá lâu, đủ để chứng minh cho nàng thấy nàng sai lầm nếu còn tỏ ý muốn giữ chàng ở lại nữa, ngăn cản chàng làm bổn phận cần thiết là trở về bên cạnh vua cha.

Suốt hai tháng liền, thái tử Firu Sát sống hoàn toàn tùy theo ý của công chúa nước Bengan, chàng có mặt ở tất cả mọi cuộc giải trí mà nàng có thể nghĩ ra và tổ chức cho chàng dự, làm như thể chàng chẳng có việc gì trên đời khác hơn là sống cùng nàng theo lối đó. Nhưng, hết thời hạn ấy, chàng nghiêm chỉnh tuyên bố rằng chàng không làm nghĩa vụ của mình đã quá lâu rồi, xin cho phép chàng được thực hiện điều đó, và nhắc lại lời hứa là sẽ trở lại ngay, với một phái đoàn xứng đáng với nàng và với chàng, để cầu hôn với quốc vương nước Bengan theo đúng nghi lễ.

– Thưa công chúa, – chàng nói tiếp – có lẽ nàng chưa tin lắm lời tôi nói, có lẽ qua việc tôi xin phép cáo từ, nàng hẳn xếp tôi vào loại những con người giả dối

vừa xa mặt đã xa lòng. Vậy thì, để chứng tỏ nỗi đam mê chân thành và không che giấu của tôi, kẻ vẫn cho rằng cuộc đời của mình chỉ có thể hạnh phúc nếu được chung sống với một công chúa khả ái như nàng, một người cũng yêu lại tôi; để khỏi phải dài dòng, tôi xin phép ngỏ ý mong được đưa nàng cùng đi theo; mong nàng không cho lời yêu cầu của tôi là một sự xúc phạm.

Thái tử Firu Sát nhận thấy công chúa đỏ mặt khi nghe những lời sau cùng và không tỏ dấu hiệu giận dữ, nàng có vẻ lưỡng lự không biết nên quyết định thế nào liền nói tiếp:

– Thưa công chúa, về chuyện cha tôi có đồng ý không và người sẽ đón tiếp công chúa như thế nào trong sự hôn phối của chúng ta tôi xin bảo đảm. Còn về phía quốc vương nước Bengan, qua những dấu hiệu thương yêu, thân mến và quý trọng Người hằng có và đang có đối với con gái thì trừ phi Người là một vị khác hẳn người mà nàng vẫn mô tả cho tôi nghe, nghĩa là chống lại sự yên vui và hạnh phúc của con, tôi tin chắc Người sẽ rộng lượng đón tiếp sứ bộ mà phụ vương tôi phái đến xin chấp thuận đám cưới của hai ta.

Công chúa nước Bengan lặng im không đáp lời thái tử nước Ba-tư, nhưng sự im lặng và đôi mắt nhìn xuống của nàng đủ cho chàng thấy rõ, hơn tất cả mọi lời tuyên bố, rằng nàng không thấy khó chịu phải theo chàng sang Ba-tư, và như vậy là thuận tình. Khó khăn duy nhất mà nàng còn e ngại trong việc này là thái tử nước Ba-tư chưa có đủ kinh nghiệm điều khiển con ngựa; nàng e sẽ cũng gặp sự bối rối như lần chàng đi thử. Nhưng thái tử Firu Sát mau chóng giải thoát cho nàng khỏi nỗi lo âu ấy; chàng thuyết phục nàng có thể tin cậy ở chàng, sau những việc đã xảy ra, giờ chàng có thể thách gã thổ dân điều khiển con ngựa thạo hơn mình. Thế là nàng chỉ còn việc cùng với chàng tìm ra

mọi cách để ra đi được hết sức bí mật, sao cho không một người nào trong cung này sinh chút nghi ngờ.

Việc này thực hiện được. Ngay sáng hôm sau, trước khi trời tảng sáng, khi cả cung điện còn chìm sâu trong giấc ngủ nồng, nàng theo thái tử lên sân thượng. Chàng quay con ngựa về hướng nước Ba-tư, và đặt nó sao cho công chúa cũng lên yên được một cách dễ dàng. Chàng lên ngựa trước, và khi công chúa đã ngồi sau lưng một cách thoải mái và ôm vòng lưng chàng cho thêm chắc chắn, chàng vặn cái chốt như đã từng làm khi rời kinh đô nước Ba-tư; thế là con ngựa đưa họ bay vút lên trời.

Con ngựa bay nhanh chóng như thường lệ. Thái tử Firu Sát điều khiển nó khoảng hai giờ rưỡi thì nhận ra kinh đô nước Ba-tư. Chàng không đỗ xuống quảng trường nơi chàng đã xuất phát, cũng không phải trong cung của nhà vua, mà ở một cung nghỉ mát, cách thành phố không xa. Chàng dẫn công chúa vào căn phòng đẹp nhất, nói với nàng: để được đón tiếp theo đúng lễ nghi phù hợp với tước vị của mình, chàng cần đi báo cho vua cha biết mình đã trở về, rồi sẽ quay lại với nàng ngay. Đồng thời, chàng ra lệnh cho người trông nom cung điện, lúc ấy đang có mặt không được để nàng thiếu thốn một thứ gì nàng cần.

Để công chúa lại trong phòng, thái tử Firu Sát lại sai người trông nom cung điện thắng một con ngựa. Ngựa được dẫn tới, chàng lên yên; sau khi cho người trông nom cung điện trở lại với công chúa và ra lệnh, trước hết, hãy mau chóng mời nàng dùng bữa sáng, chàng lên đường. Qua các nẻo đường và phố xá trong thành phố để vào hoàng cung, chàng được hoan hô nhiệt liệt. Dân chúng đổi buồn thành vui, vì sau khi chàng biến mất, không ai hi vọng chàng còn có thể trở về. Nhà vua đang thiết triều thì thái tử xuất hiện, giữa đông đủ triều

thần đều mặc tang phục giống như nhà vua, kể từ hôm con ngựa đưa chàng đi mất. Vua ôm con hôn, lòng tràn đầy vui mừng và thương mến, vua vội vã hỏi chàng về con ngựa của gã thổ dân đã ra sao.

Câu hỏi ấy tạo cơ hội để hoàng tử thuật lại cho vua nghe sự bối rối và nỗi hiểm nghèo mà mình trải qua sau khi con ngựa bốc lên không trung: chàng đã thoát khỏi thế nào và đến cung của công chúa nước Bengan ra sao; sự đón tiếp nồng nhiệt của nàng đối với chàng; lý do buộc chàng phải lưu lại lâu hơn ý muốn, nhã ý của nàng; việc chàng thuyết phục được nàng nhận lời cùng chàng đến Ba-tư, lúc chàng hứa sẽ cưới nàng làm vợ. Kết thúc câu chuyện thái tử nói:

– Tâu bệ hạ, chắc bệ hạ không khước từ việc con đưa nàng cùng về trên con ngựa của gã thổ dân. Hiện nàng đang đợi trong cung nghỉ mát của bệ hạ, nói con để nàng ở lại, nàng đang chờ con đến báo cho nàng biết là con không phải đã hứa xuông.

Nói xong, thái tử định quỳ xuống trước hoàng đế để khẩn cầu, nhưng nhà vua đã ngăn lại, ôm hôn chàng một lần nữa và nói:

– Con ạ, không những ta đồng ý cho con cưới nàng công chúa nước Bengan, ta còn muốn thân hành đến đón nàng về hoàng cung để cảm ơn nàng và tổ chức lễ cưới ngay ngày hôm nay.

Nhà vua, liền ra ngay những mệnh lệnh về việc đón tiếp công chúa nước Bengan, và truyền cho mọi người cởi bỏ áo tang. Các cuộc vui chơi bắt đầu bằng tiếng hòa tấu thanh la, kèn trống cùng với các loại nhạc khí khác. Vua còn cho thả gã thổ dân khỏi nhà tù và đưa gã tới ra mắt mình.

Gã thổ dân được dẫn đến. Vua nói:

– Ta đã cho giữ mày lại, để buộc mày phải lấy mạng sống trả lời về tính mạng của thái tử, cho dù mạng sống của mày không đáng bù đắp cơn thịnh nộ cũng như nỗi đau đớn của ta. Hãy tạ ơn thượng đế đã cho ta tìm lại được con ta. Mày hãy đi đi, hãy lấy lại con ngựa của mày và đừng có bao giờ xuất hiện ở đây nữa.

Vừa đi khuất mắt vua nước Ba-tư, gã thổ dân nhờ những người đến mở nhà giam giải thoát nói cho biết rằng thái tử Firu Sát đã trở về, mang theo công chúa trên con ngựa thần kỳ, nơi nàng đang chờ cũng như việc nhà vua sắp đến đón về hoàng cung. Thế là gã không ngần ngại phỗng tay trên cả nhà vua lẫn thái tử. Không để mất thời giờ, gã vội vã đến ngay cung nghỉ mát, nói với người trông nom cung rằng, quốc vương và thái tử nước Ba-tư phái gã đến mời công chúa lên lưng ngựa bay tới chỗ nhà vua, hiện đang chờ ở quảng trường trước hoàng cung, để đón tiếp nàng trước mặt cả triều đình và dân chúng kinh thành Sirazơ.

Người trông nom cung điện vốn đã biết chuyện thổ dân bị vua cầm tù, bởi vậy càng dễ tin lời gã, khi thấy gã được tự do. Gã đến ra mắt công chúa nước Ben-gan. Nàng vừa nghe nói gã được thái tử nước Ba-tư đặc phái tới, thế là nàng đồng tình ngay ý kiến của thái tử vì lầm tưởng nhầm.

Hoan hỉ thấy thực hiện một cách quá dễ dàng mưu độc của mình, gã thổ dân lên ngựa, nhờ người trông nom cung điện đỡ công chúa lên ngồi đằng sau. Gã vặn cái chốt, thế là con ngựa bay vút, đưa cả gã và nàng công chúa lên không trung.

Cũng lúc ấy, vua nước Ba-tư cùng cả triều đình mới ra khỏi hoàng thành. Vừa khi thái tử định bứt đi trước để báo cho công chúa chuẩn bị đón tiếp nhà vua, thì gã thổ dân từ cung nghỉ mát bay trở lại, bay ngang qua kinh thành với con mồi của mình để khiêu khích hoàng

để cùng thái tử và trả thù nhà vua về cách xử sự đối với gã, mà gã cho là không công bằng.

Trông thấy tên bắt cóc người, vua nước Ba-tư sửng sốt đứng khựng lại. Nỗi phiền muộn của vua càng sâu cay bởi không có cách gì buộc gã phải hối hận về điều sỉ nhục gã gây ra với vua trước con mắt thần dân. Nhà vua, cũng như tất cả triều thần và những người mục kích đều lên tiếng nguyền rủa gã sao dám láo xược và độc ác chưa từng thấy.

Chẳng xúc động về những lời xỉ vả vang đến tận tai, gã thổ dân tiếp tục đường bay của nó, trong khi nhà vua trở về cung, cực kỳ rầu rĩ vì sự sỉ nhục và vì tự thấy mình bất lực, không có cách gì trừng trị hung thủ.

Thái tử Firu Sát cảm thấy vô cùng đau khổ khi mọi việc xảy ra trước mắt mình mà không có cách gì ngăn cản, gã thổ dân bắt cóc công chúa nước Bengan, người chàng yêu say đắm sẽ làm cho chàng không thể nào sống nổi nếu thiếu nàng. Trước sự bất ngờ ấy, chàng đứng sững chưa kịp quyết định nên nguyền rủa gã thổ dân hay phàn nàn cho số phận đáng thương của nàng công chúa, hoặc là xin nàng tha thứ cho mình về tội sơ suất không biết bảo vệ con người đã phó thác thân phận vào tay mình, thì con ngựa thần đã đưa cả nàng và tên bắt cóc người mất hút trong nháy mắt. Làm thế nào đây? Trở về cung của phụ vương, tự nhốt vào phòng riêng để buông mình cho sầu não, mà không có hành động nào truy nã gã thổ dân để giải thoát nàng công chúa và trừng trị nó cho xứng tội ư? Lòng hào hiệp, tình yêu và sự dũng cảm không cho phép chàng làm như vậy. Thế là chàng tiếp tục đi đến cung nghỉ mát.

Trông thấy chàng đến, người trông nom cung điện biết mình vì cả tin mà để cho gã thổ dân đánh lừa, liền

chạy ra quỳ xuống dưới chân chàng, nước mắt lưng tròng, tự kết án và xin được nhận tội chết. Thái tử bảo:

– Hãy đứng lên, ta không đổ tội cho anh đã để công chúa bị bắt cóc, ta tự kết tội ta, vì đã suy nghĩ quá giản đơn. Chớ để mất thời giờ, hãy tìm cho ta một bộ áo quần giáo sĩ và nhớ chớ nói là tìm cho ta dùng.

Cách cung nghỉ mát không xa, có một tu viện, người bề trên của các giáo sĩ lại là bạn của người trông nom cung. Anh này tìm người bề trên, giả vờ tâm sự về việc một vị quan cao cấp trong triều vừa bị thất sủng; anh ta chịu ơn vị quan này nhiều lắm, cho nên cố tìm cách đưa ông ta lẩn tránh khỏi cơn thịnh nộ của vua; nhờ vậy, chẳng khó khăn gì mà xin đưa bộ áo quần giáo sĩ mang về cho thái tử. Chàng cởi y phục của mình, rồi mặc quần áo giáo sĩ vào. Cải trang xong, sẵn có hộp ngọc và kim cương định mang đến làm quà tặng công chúa, có thể dùng tạm làm tiền tiêu pha trong lúc đi đường, thái tử ra khỏi cung nghỉ mát vào lúc chập tối, tuy chưa biết đi hướng nào, nhưng quyết tâm không trở về chừng nào chưa tìm ra công chúa và đưa nàng về cùng mình.

Chúng ta hãy trở lại với gã thổ dân. Gã điều khiển con ngựa thần kỳ và ngay ngày hôm đó, hạ xuống khá sớm trong một khu rừng, gần kinh đô của vương quốc Casơmia. Vì cảm thấy đói, và nghĩ là hẳn công chúa nước Bengan cũng cần ăn, gã xuống ngựa, để nàng ngồi trên bãi cỏ, cạnh một con suối nước rất mát và rất trong.

Công chúa nước Bengan thấy mình bỗng chốc sa vào tay một tên bắt cóc vô liêm sỉ, sợ bị gã cưỡng bức, trong lúc vắng mặt gã, đã nghĩ tới chuyện trốn đi, tìm một nơi nương náu. Nhưng vì buổi sáng, khi đến cung mát, nàng chỉ ăn tí chút, bây giờ nàng thấy yếu và mệt đến nỗi cho dù muốn thực hiện ý nghĩ ấy, cũng đành chịu bó tay; vậy là chỉ còn lại quyết tâm thà chịu chết chứ nhất

định không thất tiết. Bởi vậy không chờ gã thổ dân mời đến lần thứ hai, nàng ăn ngay, và nhờ thế lấy lại ít nhiều sức lực, đủ đáp lại những lời sỗ sàng gã tuôn ra vào cuối bữa ăn. Trông thấy gã thổ dân, sau nhiều lời dọa nạt, định dùng lối cưỡng hiếp, nàng liền đứng lên để chống cự vừa lớn tiếng kêu cứu. Nhờ những tiếng kêu ấy, trong chốc lát, một toán kỵ sĩ chạy đến vây quanh nàng cùng gã thổ dân.

Ấy chính là vương quốc nước Casơmia vừa cùng đoàn tùy tùng đi săn về ngang qua, may mắn sao cho công chúa nước Bengan, nghe được tiếng kêu cứu của nàng liền chạy đến. Vua hỏi gã thổ dân, gã là ai, gã muốn gì ở phu nhân đang đứng kia. Gã thổ dân trả lời mặt dày mày dạn rằng đây là vợ gã, không ai được phép hỏi han về việc cãi cọ giữa vợ chồng người khác.

Công chúa tuy chưa biết rõ cương vị và danh hiệu của người vừa đến đúng lúc để giải thoát mình, vẫn cải chính ngay:

– Thưa ngài, – nàng nói – cho dù ngài là ai, mà trời đã phái đến cứu giúp tôi, xin hãy thương hại một nàng công chúa, và chớ nghe lời một tên gian trá. Xin Thượng đế giữ cho tôi khỏi phải làm vợ một tên hèn hạ và đáng khinh bỉ đến thế này! Đó là một tên phù thủy khả ố hôm nay vừa bắt cóc tôi khỏi tay thái tử nước Ba-tư, mà tôi đã đính hôn; gã mang tôi đến đây trên con ngựa thần kỳ ngài trông thấy đấy.

Công chúa không cần nhiều lời hơn để thuyết phục vua nước Casơmia tin là mình nói sự thật. Sắc đẹp, vẻ vương giả và những dòng nước mắt đã nói thay nàng. Nàng định nói tiếp, nhưng vua nước Casơmia không nghe nữa. Bất bình một cách chính đáng trước thái độ hỗn xược của gã thổ dân, vua ra lệnh vây bắt và chặt đầu gã ngay tức khắc. Mệnh lệnh ấy được thực hành chẳng khó khăn gì, vì gã thổ dân làm vụ cưỡng đoạt

ngay khi vừa ra khỏi nhà tù, trong tay không có thứ khí giới nào để chống cự.

Được giải thoát khỏi sự hành hạ của gã thổ dân, công chúa nước Bengan lại sa ngay vào một vụ khác, cũng không kém phần đau khổ cho nàng. Sau khi sai mang đến một con ngựa, nhà vua đưa nàng về hoàng cung, cho nàng ở một phòng tráng lệ nhất sau phòng của mình. Vua lại phái đến một số đông nô tì để săn sóc và hầu hạ nàng, cùng những hoạn nô làm nhiệm vụ bảo vệ. Vua thân hành dẫn công chúa đến tận gian phòng ấy, và không để cho nàng kịp mở lời cảm tạ mọi ân huệ to lớn như nàng dự định, vua nói:

– Thưa công chúa, tôi chắc nàng đang cần nghỉ ngơi. Tôi xin để nàng được thoải mái. Sáng mai, sẽ thuận tiện hơn để nàng thuật lại cho tôi nghe chi tiết về câu chuyện lạ lùng đã xảy đến với nàng.

Nói xong, vua lui ra.

Công chúa nước Bengan sung sướng không thể nào tả nổi, thấy mình, trong một thời gian rất ngắn, đã được giải thoát khỏi sự hành hạ của một con người mà nàng chỉ có thể nhìn với sự kinh tởm. Nàng tin rằng vua nước Casomia sẽ tỏ rõ hết tấm lòng hào hiệp và đưa nàng trở về với thái tử nước Ba-tư, một khi nàng trình bày cho vua rõ mình đã thuộc về thái tử như thế nào, và cầu xin vua gia ân cho việc đó. Nhưng, thật còn lâu mới thấy được hi vọng của nàng biến thành sự thực.

Quả vậy, quốc vương nước Casomia đã quyết định cưới nàng ngày hôm sau. Từ tảng sáng, vua đã ra lệnh báo tin vui bằng thanh la, trống lớn, kèn đồng và nhiều loại nhạc khí tấu nhạc mừng, làm vang lừng không chỉ hoàng cung mà cả thành phố. Nhưng, khi vua Casomia đến, – vua đã truyền báo cho mình biết trước lúc nào nàng sẵn sàng tiếp – hỏi thăm sức khỏe, và nói cho công chúa rõ, tiếng kèn tiếng trống đang vang dội kia

là nhằm làm cho buổi lễ vua kết hôn với nàng thêm trọng thể, và yêu cầu nàng tham dự, thì nàng xúc động mãnh liệt đến nỗi ngã xuống ngất đi.

Những người hầu lúc ấy có mặt, vội chạy tới cấp cứu; ngay nhà vua cũng góp sức làm cho nàng hồi tỉnh, nhưng nàng vẫn mê man một thời gian khá lâu. Cuối cùng, nàng tỉnh lại. Không chịu phản bội lời hứa đính hôn cùng thái tử Firu Sát và nhận lời tham dự lễ cưới do vua Casơmia tổ chức mà không buồn hỏi trước ý kiến mình, nàng quyết định làm ra vẻ mình bị mất trí sau cơn ngất. Từ lúc ấy, nàng bắt đầu nói những điều kỳ cục trước mặt nhà vua; nàng còn chồm lên như sắp sửa xông vào cấu xé, làm cho quốc vương Casơmia rất ngạc nhiên và buồn bực về chuyện xảy ra không đúng lúc này. Thấy nàng không tỉnh trí trở lại, vua đành để nàng với các người hầu, và ra lệnh cho họ đừng bỏ mặc mà hết sức săn sóc nàng. Ngày hôm đó, vua nhiều lần cho người tới hỏi thăm, và lần nào cũng được trả lời công chúa vẫn trong tình trạng ấy, hoặc căn bệnh có phần tăng chứ không thuyên giảm. Buổi chiều, cơn bệnh có vẻ còn nặng hơn ban sáng, thành thử, tối hôm ấy, vua nước Casơmia không hưởng được hạnh phúc như mình mơ tưởng.

Công chúa nước Bengan tiếp tục những câu nói kỳ cục và các biểu hiện khác của một người mất trí không chỉ ngày hôm sau, mà cả những ngày sau nữa cũng vậy, cho đến khi quốc vương Casơmia buộc phải triệu tập các thầy thuốc trong cung lại, nói cho họ biết về cơn bệnh của công chúa, và hỏi họ có môn thuốc gì chữa khỏi bệnh đó người không.

Các vị ngự y, sau khi tham bác ý kiến của nhau, đồng thanh đáp rằng bệnh này có nhiều loại và có nhiều mức độ khác nhau, tùy theo tính chất của nó, có những loại chữa khỏi và những loại nan y, muốn biết công chúa

mắc loại bệnh nào, cần phải để họ thăm con bệnh. Quốc vương Casomia liền truyền cho các hoạn nô đưa họ đến phòng công chúa, mỗi họ kẻ trước người sau, lần lượt vào theo phẩm trật.

Công chúa đã dự kiến điều sẽ xảy ra. Nàng sợ, nếu để cho các thầy lang đến gần người và bắt được mạch, thì kẻ ít kinh nghiệm nhất cũng có thể biết được nàng hoàn toàn khỏe mạnh và bệnh của nàng chỉ là bệnh giả vờ. Bởi vậy, các thầy thuốc vừa xuất hiện, nàng đã lên cơn dữ dội, sẵn sàng cấu xé nếu họ đến gần, đến nỗi không một vị nào có đủ gan đưa đầu ra chịu báng.

Có những vị tự cho mình tài giỏi hơn những người khác, khoe khoang rằng chỉ cần nhìn mặt con bệnh đã biết được người đó mắc bệnh gì, kê cho nàng nhiều loại thuốc. Nàng bằng lòng uống, chẳng lấy khó dễ gì vì tự biết ốm hay không, vào lúc nào là tùy mình; còn các loại thuốc kia chẳng có gì công phạt.

Thấy các ngự y không chữa khỏi bệnh cho công chúa, vua nước Casomia vời đến các vị danh y trong kinh thành, nhưng khoa học, tài nghệ và kinh nghiệm của các vị này cũng chẳng hơn gì. Vua lại mời các thầy thuốc ở các thành phố trong vương quốc, đặc biệt những vị nổi tiếng nhất. Công chúa cũng không đón tiếp họ nhã nhặn hơn các vị trước, và các loại thuốc họ kê đơn cũng đều không công hiệu. Vua lại đặc phái nhiều người sang các quốc gia, vương quốc và triều đình lân bang mang theo những giấy tờ chẩn đoán hợp thủ tục phân phát cho những thầy thuốc danh tiếng nhất, với lời hứa sẽ chịu phí tổn đi đường cho những ai vui lòng đến kinh đô nước Casomia, và thưởng thật trọng hậu cho người nào chữa khỏi bệnh công chúa.

Nhiều vị danh y cất công đi, nhưng không một ai có thể khoe khoang là mình may mắn hơn các thầy thuốc ở triều đình và vương quốc này; không một ai có thể

làm cho trí khôn nàng trở lại bình thường: điều này đâu có thể tùy thuộc ở họ và tay nghề của họ, mà ở nghị lực của chính công chúa.

Trong khoảng thời gian ấy, thái tử Firu Sát, cải trang dưới dạng một giáo sĩ, rong ruổi qua nhiều nước và đến nhiều thành phố của các nước này. Không tính tới những nỗi vất vả dọc đường, chàng chỉ lo con đường mình đi không biết có đúng hướng hay không, chỉ e chim ăn bể bắc người tìm bể đông mất thôi.

Chú ý nghe ngóng tin tức những nơi đi qua, cuối cùng chàng đến một thành phố lớn của Ấn-độ, và nghe người ta đồn đại khá nhiều về một nàng công chúa nước Bengan tự nhiên phát điên đúng vào hôm quốc vương Casơmia định tổ chức lễ cưới nàng. Nghe nói đến tên nàng công chúa nước Bengan, chàng cho đây đúng là người mình đang tìm kiếm, càng đáng tin cậy vì chàng biết ở triều đình nước Bengan không có công chúa nào khác ngoài người yêu của mình. Tin vào lời đồn đại, chàng lên đường sang ngay nước Casơmia, tới kinh đô nước đó. Đến nơi, chàng trọ ở một cái khan, và ngay hôm đó được biết chuyện nàng công chúa nước Bengan và cái chết khốn nạn của tên thổ dân bắt nàng đi trên con ngựa thần kỳ (thật đáng tội của gã). Chi tiết này càng làm cho chàng tin rằng, không còn gì nhầm lẫn nữa, đây chính là nàng công chúa chàng đang tìm, chàng còn biết thêm cả sự tốn kém vô ích của quốc vương Casơmia cho các thầy thuốc, mà không ai chữa khỏi bệnh cho nàng.

Nắm vững mọi tình tiết ấy rồi, ngay sáng hôm sau, thái tử nước Ba-tư sắm một bộ áo quần lương y, với trang phục ấy và bộ râu mà chàng để cho mọc dài trong lúc đi đường, chàng ra phố tự xưng là thầy thuốc. Nôn nóng muốn được gặp công chúa, chàng không chần chừ đến thẳng cung vua, xin gặp một vị quan. Người ta dẫn

chàng đến trước quan chưởng ấn. Chàng trình bày: có thể có người cho chàng quá bạo gan khi dám đến nhận chữa bệnh cho công chúa, sau khi bao nhiêu vị danh y đã không thành công, nhưng chàng hi vọng với các môn thuốc gia truyền và kinh nghiệm của mình, có thể sẽ chữa khỏi, chứ không như các vị trước. Quan chưởng ấn ngỏ lời hoan nghênh và nói rằng quốc vương sẵn sàng tiếp kiến; nếu chàng có thể làm cho quốc vương hài lòng thấy công chúa bình phục như trước, thì chắc chắn chàng sẽ được thưởng công trọng hậu, đúng với sự hào phóng của một vị chúa tể đất nước của ông ta. «Xin ngài hãy chờ cho một lát, – ông ta thêm – tôi xin quay trở lại ngay».

Đã lâu không có một thầy thuốc nào đến ra mắt, quốc vương Casơmia rất đau khổ, tưởng đã không còn hi vọng thấy nàng lấy lại sức khỏe như khi mình thoạt gặp, và đồng thời cũng mất cả hi vọng cưới nàng làm vợ, để chứng tỏ cho nàng thấy vua yêu nàng xiết bao. Bởi vậy, vua truyền cho quan chưởng ấn lập tức mời thầy thuốc vào.

Thái tử nước Ba-tư được đưa tới trình diện quốc vương Casơmia dưới bộ áo quần cải trang. Nhà vua không để mất thời giờ với những lời lễ dông dài, nói cho chàng rõ công chúa nước Bengan không chịu nổi các thầy lang, hễ trông thấy mặt một vị là nàng lại lên cơn, khiến cho bệnh tình càng trầm trọng. Vua sai người dẫn chàng đến một gian buồng phụ, từ đấy có thể nhìn công chúa qua một bức mành, mà không để cho nàng nhìn thấy.

Thái tử Firu Sát lên gian buồng ấy và nhận ra nàng công chúa đáng yêu của mình, dáng người uể oải, nước mắt đầm đìa, đang hát một bài khóc than số phận bất hạnh khiến cho nàng có lẽ mãi mãi không còn gặp lại người thương xiết bao âu yếm.

Xúc động trước tình trạng đáng buồn của công chúa thân yêu, thái tử không cần thêm dấu hiệu gì khác cũng đã biết ngay căn bệnh này là bệnh giả vờ, và chính tình yêu đối với chàng đã buộc nàng phải tự hãm mình trong cảnh sầu thương ấy. Chàng đi xuống, trình với nhà vua nguồn gốc chứng bệnh của công chúa không phải là nan y, và nói rằng để chữa lành bệnh, cần phải để cho chàng nói chuyện riêng tay đôi với nàng; còn về chứng nàng lên cơn mỗi khi trông thấy mặt thầy thuốc, chàng hi vọng nàng sẽ vui lòng tiếp và nghe chàng nói.

Vua sai mở cửa căn phòng của công chúa; thái tử Firu Sát bước vào. Qua bộ áo quần chàng đang mặc, nàng tưởng đấy là một ông lang; vừa trông thấy mặt, nàng đã chồm dậy như một con điên, cất lời đe dọa và chửi mắng. Điều đó vẫn không ngăn chàng tiến tới, khi đã gần, đủ cho nàng nghe tiếng, và cũng chỉ muốn để mình nàng nghe mà thôi, chàng hạ giọng nói với vẻ kính trọng: «Thưa công chúa, tôi không phải là thầy thuốc. Xin nàng hãy nhận ra thái tử nước Ba-tư đến để giải thoát nàng đây»

Nghe giọng nói và nhìn những nét của phần trên khuôn mặt, bất chấp bộ râu dài mà thái tử để mọc, công chúa nhận ra ngay, và yên tĩnh trở lại. Ngay lập tức mặt nàng lộ rõ niềm vui, điều mọi người mong mỏi nhất và cũng ít chờ đợi nhất, dấu hiệu chứng tỏ có thể nói chuyện được với nàng. Niềm vui được gặp lại người yêu làm nàng nghẹn lời, đủ thời giờ cho thái tử kể lại nỗi tuyệt vọng của mình khi tự mắt trông thấy gã thổ dân bắt cóc đưa nàng đi; quyết định của chàng từ lúc ấy từ bỏ tất cả mọi thứ trên đời để tìm cho bằng được nàng bất kỳ ở góc biển chân trời nào và giải thoát nàng khỏi tay tên gian trá; và cuối cùng, hạnh phúc làm sao, qua một chuyến đi buồn chán và vất vả,

chàng sung sướng được gặp lại nàng trong cung của quốc vương Casơmia. Nói xong những điều đó, với lời lẽ ngắn nhất, chàng yêu cầu công chúa cho biết những gì đã xảy ra, kể từ khi bị bắt cóc cho đến giờ phút sung sướng mà chàng đang được nói chuyện với nàng đây; chàng cần rõ những chi tiết đó để có những biện pháp đúng đắn, nhằm không để nàng chịu dựng lâu hơn nữa sự độc đoán của vua nước Casómia.

Công chúa nước Bengan chẳng có gì nhiều để kể lể dài dòng, bởi vì nàng chỉ cần thuật lại nàng được quốc vương Casơmia giải thoát khỏi sự cưỡng hiếp của gã thổ dân ra sao, lúc vua đi săn trở về; nhưng ngay ngày hôm sau đã bị đối xử tàn bạo bằng việc vua tuyên bố ý định vội vàng muốn cưới nàng ngay hôm đó, mà chẳng cần tới điều lịch sự tối thiểu là hỏi trước xem nàng có đồng ý hay không; thái độ hung bạo và độc đoán ấy làm nàng ngất đi; lúc tỉnh dậy nàng thấy không có cách nào khác hơn là giả vờ làm như người mất trí, coi đó là cách tốt nhất để gìn giữ trọn vẹn trinh tiết với hoàng tử mà nàng đã giao phó trái tim và niềm tin; nàng thà chết chứ không bao giờ chịu hiến thân cho một ông vua mà nàng không thể nào yêu được.

Thấy công chúa không có gì để nói hơn nữa, thái tử nước Ba-tư liền hỏi, nàng có biết gì về con ngựa thần kỳ sau khi gã thổ dân chết hay không. Nàng đáp:

– Tôi không rõ nhà vua có ra những mệnh lệnh gì về con ngựa đó, nhưng sau những điều tôi nói về nó, có thể tin là ông ta không cho đó là vật bỏ đi.

Tin rằng vua nước Casơmia đã sai cất giữ cẩn thận con ngựa, thái tử Firu Sát cho công chúa biết chàng sẽ dùng nó để đưa công chúa trở lại Ba-tư. Sau khi thỏa thuận với nhau cách thức thực hiện ý định đó mà không bị trở ngại, thái tử đặc biệt căn dặn nàng đừng

có chỉ mặc áo lót như lúc này, mà nên ăn vận đàng hoàng sáng mai để tiếp đón quốc vương Casơmia một cách lịch sự khi chàng dẫn vua tới, nhưng không ép nàng phải nói chuyện với nhà vua. Sau đó thái tử lui về.

Quốc vương Casơmia hết sức vui mừng nghe thái tử Ba-tư báo cho biết đã chữa cho bệnh của công chúa thuyên giảm khá nhiều sau buổi điều trị đầu tiên. Ngày hôm sau, vua coi chàng là vị danh y nhất thế gian, vì công chúa đã chịu tiếp vua với vẻ tỉnh táo khá nhiều, đúng như lời chàng nói.

Vua rất hoan hỉ thấy công chúa sắp lấy lại dầy đủ sức khỏe như trước đây. Sau khi khuyến khích nàng hãy cộng tác với vị danh y tài giỏi mà vua hoàn toàn tin cậy, để cho ông có thể hoàn tất việc điều trị đã mở đầu tốt đẹp. Nói xong, vua lui về ngay, không để cho nàng kịp ngỏ một lời.

Thái tử nước Ba-tư theo nhà vua tới đây, cũng lui ra khỏi buồng công chúa cùng một lúc. Tiễn vua ra về, chàng làm ra vẻ kính cẩn đúng như một ông lang tâu với một nhà vua, xin phép hỏi vì sao một nàng công chúa nước Bengan lại ở một mình trong vương quốc Casơmia, rất xa xứ sở của nàng, làm như thể công chúa chưa nói cho biết một điều gì về chuyện đó. Chàng hỏi vậy cốt hướng câu chuyện về con ngựa thần kỳ, để nhà vua tự miệng nói ra đã để nó ở đâu rồi.

Quốc vương Casơmia không rõ thâm ý của thái tử nên chẳng giữ gìn. Vua thuật lại cho chàng nghe gần như những điều công chúa đã nói, về con ngựa thần kỳ, vua đã sai cho cất vào kho tàng, coi như một vật cực kỳ hiếm, mặc dù chưa biết cách thức sử dụng nó thế nào.

– Tâu bệ hạ, – thầy lang giả vờ nói – điều bệ

hạ vừa cho biết cung cấp cho tôi phương tiện để chữa khỏi hoàn toàn bệnh của công chúa. Vì nàng được con ngựa thần kỳ ấy mang đi, nàng đã bị phép ma ám ảnh ít nhiều, chỉ có thể chữa khỏi bằng cách xông những loại hương mà tôi biết. Nếu bệ hạ thích giới thiệu với toàn thể triều đình và dân chúng ở kinh kỳ một cảnh tượng thực sự lạ lùng, thì xin bệ hạ ngày mai hãy sai mang con ngựa tới quảng trường trước hoàng cung, rồi giao cho tôi làm mọi việc. Tôi xin hứa sẽ làm cho công chúa nước Bengan trở lại hoàn toàn minh mẫn và khỏe mạnh như chưa từng thấy, ngay trước mắt bệ hạ và toàn thể mọi người. Và để cho việc đó được thật huy hoàng, có lẽ nên cho công chúa ăn vận lộng lẫy và trang điểm những ngọc ngà quý báu nhất mà bệ hạ có.

Vua nước Casơmia sẵn sàng làm những việc khó khăn hơn nhiều so với điều thái tử nước Ba-tư vừa nêu ra, để được hưởng thụ niềm vui như vua hằng mong ước, mà vua cho là sắp tới nơi rồi.

Ngày hôm sau, rất sớm, con ngựa thần kỳ đã được vua truyền lệnh cho người mang tới đặt giữa quảng trường lớn trước hoàng cung. Chẳng mấy chốc, tiếng đồn dại khắp kinh thành đấy là sự chuẩn bị cho một sự kiện cực kỳ phi thường sắp xảy ra, nhân dân từ các phố phường đổ về rất đông. Quân cấm vệ của nhà vua được bố trí canh gác để ngăn ngừa mọi sự làm mất trật tự và để chừa một khoảng trống lớn quanh con ngựa thần kỳ.

Quốc vương Casơmia xuất hiện. Sau khi vua đã an tọa trên một đàn cao giữa các đại thần văn võ trong triều, công chúa nước Bengan được tất cả người hầu mà vua cắt cử trông nom đi theo, tiến đến gần con ngựa thần kỳ. Những người hầu giúp nàng lên ngựa.

Sau khi nàng ngồi chắc trên yên, hai chân xỏ vào hai bàn đạp, tay cầm cương, vị thầy lang giả liền sai mang đến xếp chung quanh nhiều chảo đầy than đang cháy, rồi đi vòng và ném vào đấy một thứ hương liệu làm tỏa mùi thơm ngào ngạt. Rồi, làm như thể tham thiền nhập định, mắt nhìn xuống hai tay chắp trước ngực, chàng đi ba lần vòng quanh con ngựa, miệng lẩm rẩm như đọc thần chú. Các chảo than ngày càng bốc khói mù mịt với mùi hương ngạt ngào, dầy đến nỗi che khuất cả nàng công chúa cùng con ngựa. Vừa lúc ấy, chàng nhẹ nhàng phóc lên lưng ngựa, ngồi sau công chúa, tay xoay cái chốt. Khi con ngựa vừa bốc lên không, mang theo chàng cùng công chúa, chàng nói to, rất rành mạch để nhà vua có thể nghe rõ: «Này quốc vương Casơmia, khi nào ngươi muốn lấy những nàng công chúa đến cầu xin ngươi che chở, thì trước đó hãy nên học cách làm cho họ đồng tình đã».

Bằng mưu mẹo ấy, thái tử Ba-tư đã giải thoát được cho nàng công chúa nước Bengan. Cũng ngày ấy, chẳng bao lâu sau, chàng đưa nàng hạ xuống, không phải ở cung nghỉ mát, mà trước phòng riêng của vua cha. Quốc vương Ba-tư không chậm trễ, cho tổ chức lễ cưới ngay chừng nào mọi việc chuẩn bị đã xong xuôi đâu vào đấy để cho hôn lễ được thật trọng thể và huy hoàng; vua coi đó là phần đóng góp của mình vào hạnh phúc của con trai. Tuy nhiên, việc đầu tiên mà vua nước Ba-tư quan tâm vẫn là cử một sứ bộ trọng thể sang nước Bengan để thuật lại với quốc vương nước này tất cả những gì đã xảy ra và xin quốc vương chuẩn y cho việc thông hiếu giữa hai nước qua việc hôn nhân này. Vua nước Bengan, sau khi nghe rõ mọi điều, lấy làm vinh dự và vui thích nên chấp thuận ngay.

CHUYỆN HOÀNG TỬ ÁTMÉT VÀ TIÊN NỮ PARI-BANU

Tâu bệ hạ, xưa kia có một trong các đấng tiên vương của Ngài từng trị vì nhiều năm đất nước Ấn-độ. Lúc về già, Người rất hài lòng thấy ba con trai có đầy đủ các đức tính của cha, cùng với một công chúa cháu gái của mình, làm nên niềm tự hào của cả triều đình.

Hoàng tử thứ nhất tên là Hutxanh, hoàng tử thứ hai tên là Ali, hoàng tử thứ ba tên là Atmét, còn nàng công chúa tên là Nurunniha (1).

Công chúa Nurunnika là con gái người em trai của nhà vua, từng được vua ban cho một thái ấp có nhiều lợi tức lớn, nhưng đã qua đời ít lâu sau khi lấy vợ, để lại một công chúa thơ dại. Vốn thương yêu người em trai sinh thời lúc nào cũng hết sức quý trọng mình, vua đảm nhiệm việc nuôi dạy cháu gái, và vì vậy đã đưa nàng vào trong hoàng cung để được dạy dỗ cùng với ba hoàng tử. Có khuôn mặt xinh tươi cùng dáng người cân đối, công chúa lại cực kỳ thông minh, còn về đức hạnh thì nàng ăn đứt tất cả các công chúa cùng thời.

Nhà vua vẫn có ý định, chừng nào cháu đến tuổi lấy chồng, sẽ gả cho hoàng tử một nước lân bang, qua đó mà làm thông gia với quốc vương nước đó. Vua đang tính toán một cách nghiêm túc việc này thì bỗng nhận thấy cả ba con trai mình đều yêu nàng tha thiết. Điều đó làm cho vua rất đau đớn. Sự phiền muộn của vua không phải ở chỗ tình yêu của các hoàng tử ngăn cản, không để mình thực hiện việc thông hiếu với nước

(1) Nurunniha có nghĩa là ánh sáng.

lân bang như từng mong mỏi, mà hơn nữa, còn ở khó khăn đã nhìn thấy trước, làm sao cho ba chàng thỏa thuận được với nhau, ít nhất cũng là hai người em thuận nhường nàng cho anh cả. Vua nói chuyện riêng với từng hoàng tử. Sau khi giải bày cho các con rõ không thể nào một nàng công chúa có thể làm vợ cả ba người, và nếu các chàng còn giữ nỗi đam mê thì sẽ gây nên nhiều điều rắc rối, vua hết lời khuyên họ: hoặc là để cho công chúa lựa chọn muốn lấy ai tùy nàng, hoặc là cả ba chàng tự bỏ ý định của mình mà nghĩ tới những đám khác, vua sẽ cho phép tự do chọn lựa, và bằng lòng gả công chúa cho một hoàng tử nước ngoài. Nhưng, khi thấy cả ba con đều khăng khăng một mực, vua cho gọi cả ba chàng cùng đến và nói như sau:

– Các con ơi, cha không thể, vì lợi ích và sự yên vui của các con, mà thuyết phục các con chớ nên nghĩ tới chuyện yêu công chúa, cháu gái của cha và là em họ của các con nữa. Vì không muốn sử dụng quyền lực ép buộc, và cha cũng chẳng thiên vị con nào, cha vừa nghĩ ra một cách khiến cho các con cùng hài lòng và bảo vệ được sự đoàn kết nhất định phải có giữa các con; hãy nghe đây và cùng thực hiện lời cha nói. Cha thấy nhân dịp này, các con nên đi xa và riêng biệt, mỗi người đến một nước khác và không gặp nhau ở dọc đường. Các con đã biết là hơn tất cả mọi sự, cha thích sưu tập những vật hiếm và lạ, vậy thì cha hứa sẽ gả cháu gái của cha cho con nào mang về được vật hiếm hoi kỳ lạ và độc đáo nhất. Như vậy, sự ngẫu nhiên sẽ cho phép các con tự mình phán xét về tính đặc biệt của những vật các con sẽ mang về, sau khi so sánh chúng với nhau, và rồi chẳng khó khăn gì mà chẳng có thể nhường một cách công bằng cho người xứng đáng nhất. Về tiền tiêu pha dọc đường và dùng

để mua vật lạ mà các con sẽ tìm thấy, cha sẽ cho mỗi con một số tiền ngang nhau, hợp với địa vị của các con. Tuy nhiên, không được dùng số tiền ấy sắm sanh xe ngựa tùy tùng; bởi vì nếu để lộ cho người ta biết các con là ai, thì các con sẽ không còn được tự do thực hiện mục đích của mình, và cũng không có điều kiện quan sát những sự vật đáng chú ý, có ích cho chuyến đi của các con hơn.

Ba hoàng tử xưa nay vốn tuân phục mọi ý muốn của vua cha, và về phần mình, chàng nào cũng nghĩ rằng vận may sẽ giúp cho mình điều kiện để lấy được nàng Nurunniha, cho nên đều ngỏ ý sẵn sàng vâng lệnh. Không chậm trễ, nhà vua truyền giao cho mỗi người số tiền đã hứa. Ngay hôm ấy, các hoàng tử cho lệnh chuẩn bị khởi hành; họ cáo biệt trước vua cha, để ngay sáng hôm sau có thể lên đường thật sớm. Họ ra khỏi kinh thành cùng một cổng, mỗi chàng cưỡi lên một con tuấn mã yên cương đầy đủ, và đều cải trang thành nhà buôn, mỗi người chỉ có một võ quan tâm phúc theo hầu, cải trang thành đầy tớ. Ba người cùng đến nhà trạm đầu tiên, ở đây con đường rẽ làm ba ngả, để rồi, mỗi người sẽ đi theo hướng của mình, tiếp tục cuộc hành trình. Tối hôm đó, đặt làm một bữa ăn chung, họ thỏa thuận chuyến đi sẽ kéo dài một năm, và giao hẹn sẽ cùng trở về trú xá này, ai về đầu tiên sẽ chờ hai người kia, kỳ cho đủ mặt mới cùng một lúc về ra mắt cha, y như khi ra đi vậy. Sáng hôm sau, vừa tảng sáng, ba hoàng tử ôm hôn nhau, chúc nhau một chuyến đi may mắn, rồi cùng lên ngựa mỗi người đi theo một nẻo khác nhau, mà họ tự chọn.

Hoàng tử Hutxanh, người con cả, từng nghe nói nhiều đến đất đai rộng lớn, lực lượng hùng hậu, sự giàu có và phồn vinh của vương quốc Bixnaga, liền nhắm hướng biển Ấn-độ mà đi. Sau một cuộc đi chừng ba tháng,

ghép với nhiều đoàn lữ hành khác nhau, khi thì bằng sa mạc hoặc vùng núi non cằn cỗi, khi thì qua những xứ rất đông dân cư, có văn hóa cao và phì nhiêu hơn tất cả mọi nơi trên trái đất, cuối cùng đến được Bixnaga, thủ phủ của vương quốc mang cùng tên ấy, và cũng là nơi các quốc vương nước này hay đóng đô. Chàng trọ trong một cái khan dành riêng cho các thương nhân nước ngoài. Thành phố này có bốn khu chính, mỗi khu đều có cửa hiệu của các nhà buôn bày bán đủ thứ hàng; giữa bốn khu phố này có tòa lâu đài, hay đúng hơn là cung điện của các vua, chiếm một vùng đất rất rộng ở trung tâm thành phố, bao bọc bởi ba lớp tường thành và cứ cách hai dặm có một cổng ra vào. Được biết như vậy, ngay ngày hôm sau, chàng đến một trong bốn khu phố đó.

Hoàng tử không thể nhìn xem khu phố mà không đem lòng thán phục: nó rộng rãi, có nhiều đường phố ngang dọc, trên có vòm che nắng nhưng vẫn sáng sủa. Các cửa hiệu đều cùng một tầm cỡ và bố trí cân xứng; những hiệu bán cùng một mặt hàng không phân tán ra các nơi mà tập trung về cùng một dãy phố; những hiệu làm nghề thủ công cũng như vậy.

Vô số các cửa hiệu, chứa đầy cùng một loại hàng, như các loại vải vóc đẹp nhất từ các vùng trong nước Ấn-độ, những tấm vải in màu rất tươi, có hình người, phong cảnh, cây cỏ, hoa lá; những loại lụa và gấm Ba-tư, Trung Quốc cùng nhiều nơi khác; hàng sứ Nhật Bản và Trung Hoa; những tấm thảm to nhỏ đủ cỡ, tất cả cùng bày ra khiến chàng cực kỳ ngạc nhiên, tưởng khó có thể tin vào mắt mình. Nhưng, khi tới phố có các hiệu buôn vàng bạc và ngọc ngà – vì hai ngành này thường chung một nhà – chàng tưởng chừng mê mẩn khi nhìn thấy một khối lượng cực lớn những hàng mỹ nghệ bằng vàng và bằng bạc; mắt chàng lóa đi trước

ánh lấp ánh của ngọc trai, kim cương, hồng ngọc, tử ngọc, bích ngọc cùng nhiều loại đá quý khác bày lổn nhổn. Đã ngạc nhiên vì bấy nhiêu của cải tập trung một nơi, chàng còn kinh ngạc hơn nhiều khi nghĩ đến sự giàu có của cả vương quốc nói chung, bằng chứng là trừ những người theo đạo bà-la-môn hoặc thờ các thần giáo khác vốn xa lánh mọi thứ phồn hoa trên đời, khắp cả nước không một người dân bản địa nào, nam hoặc nữ, mà không đeo chuỗi ở cổ vòng tay hoặc chân, có đính châu ngọc, những thứ này càng sáng chóe bởi vì nước da họ đen nhánh.

Một đặc điểm làm hoàng tử Hutxanh rất thán phục là có rất đông người bán hoa hồng, họ chiếm số đông hơn cả trong các phố xá. Chàng cho rằng người bản địa hẳn thích loại hoa này lắm, vì không một người nào là không cầm một bó ở tay hoặc đeo thành vòng trên đầu, không một nhà buôn nào không bày nhiều lọ trong hiệu của mình, khiến cho tất cả khu phố, rộng như vậy đấy, mà vẫn sực nức mùi hoa.

Sau khi đi xem hết cả khu, từ phố này sang phố khác, lóa mắt bởi bao nhiêu là của cải, hoàng tử Hutxanh thấy cần nghỉ. Chàng ngỏ ý đó với một nhà buôn, người này rất lịch sự mời chàng vào ngồi ở cửa hiệu của mình. Chàng nhận lời. Ngồi trong hiệu buôn này chưa được bao lâu, bỗng chàng trông thấy một người rao hàng mang trên tay một tấm thảm rộng chừng sáu bộ vuông, nói muốn bán đấu giá, và đặt giá từ ba mươi túi trở lên (1). Chàng gọi người rao hàng vào cho xem tấm thảm, và thấy giá ấy quá lố, không những vì tấm thảm bé tẹo mà chất lượng cũng tồi. Sau khi xem xét kỹ, chàng bảo người rao hàng

---

(1) Mỗi túi đựng 500 đồng ê-quy; vậy tấm thảm giá 15,000 ê-quy. Túi ở đây chỉ một đại lượng, cũng như quan tiền của ta ngày trước.

mình không thể hiểu được sao một tấm thảm trải nhỏ bé và chẳng lấy gì làm đẹp thế này lại được đặt giá cao đến thế.

Tưởng hoàng tử Hutxanh là một nhà buôn, người rao hàng đáp:

– Thưa ngài, ngài cho rằng giá ấy quá cao, ngài hẳn sẽ ngạc nhiên nhiều nữa nếu biết rằng tôi được lệnh đòi cho được bốn mươi túi mới bán, và chỉ giao tấm thảm cho người nào trả đúng giá đó mà thôi.

– Như vậy là, – hoàng tử Hutxanh nói – nó có một mặt nào đó quý báu mà tôi chưa được biết.

– Ngài đoán đúng rồi đấy, thưa ngài, – người rao hàng lại nói – và rồi ngài sẽ cho giá cả ấy phải chăng nếu ngài biết rằng, cứ ngồi lên trên tấm thảm ấy, ta muốn đi đến đâu, thì lập tức nó chở ta bay đến ngay trong chốc lát, mà không bao giờ bị một trở lực nào ngăn cản.

Câu nói của người giao hàng làm cho hoàng tử nghĩ ra, vì mục đích chính trong chuyến đi này của chàng là tìm và mang về cho phụ vương một vật hiếm hoi đặc biệt chưa từng ai nghe nói tới bao giờ, vậy thì chàng không thể kiếm ra một vật nào khác làm hài lòng Người hơn. Chàng bảo người rao hàng:

– Nếu quả thực tấm thảm có đặc tính như anh vừa nói, thì không những ta tin là bỏ ra bốn mươi túi tiền để mua nó cũng không lấy gì làm đắt, mà hơn nữa, ta còn có thể bằng lòng mua với giá ấy, lại còn thưởng thêm cho anh một món đủ cho anh hài lòng.

– Thưa ngài, – người rao hàng đáp – tôi đã nói sự thật, và cũng dễ làm cho ngài tin chắc thôi. Chỉ cần ngài ngã giá bốn mươi túi, với điều kiện là tôi làm thử cho ngài coi. Bởi vì ngài không mang theo sẵn bốn mươi túi tiền, để nhận nó, tôi cần phải đi với ngài về

cái khan ngài trọ, vậy thì với sự đồng ý của ông chủ đây, chúng ta sẽ lui ra sau cửa hiệu, tôi trải tấm thảm ra ngài cùng tôi ngồi lên trên đó. Lúc ấy ngài và tôi cùng có ước mong được đến căn buồng ngài thuê; nếu chúng ta không được đưa đến đó ngay tức khắc thì coi như không có chuyện mua bán nữa, và ngài không bị ràng buộc gì. Còn về món hoa hồng, vì đã có người bán trả công cho tôi, tôi sẽ rất cảm kích mà nhận món quà của ngài như một ân huệ.

Thấy người rao hàng có vẻ nhiệt thành, hoàng tử đồng ý mua theo điều kiện vừa nói. Được phép của ông chủ, hai người lui vào nhà sau. Người rao hàng trải tấm thảm, chàng và anh ta ngồi lên trên đó. Hoàng tử vừa tỏ ý muốn được đưa về phòng riêng của mình trong khan, nhoáng một cái, chàng đã thấy mình ở trong phòng, vẫn ngồi trên tấm thảm. Vì không còn cần gì khác hơn nữa để chắc chắn về đặc tính của tấm thảm, chàng liền đếm trả cho người rao hàng bốn mươi túi tiền vàng, lại còn thưởng thêm cho anh ta hai mươi đồng nữa.

Trở thành người sở hữu tấm thảm, hoàng tử Hut-xanh cực kỳ mừng rỡ vì vừa mới tới Bixnaga đã kiếm được một vật hiếm hoi dường ấy, nhờ nó, chắc chắn sẽ lấy được nàng Nurunniha. Quả vậy, chàng cho rằng không thể nào hai chú em của mình có thể mang về sau chuyến đi của họ một vật gì khả dĩ so sánh với tấm thảm mà chàng đã may mắn mua được. Chẳng cần lưu lại lâu ở Bixnaga làm gì nữa, chàng có thể ngay ngày hôm đó ngồi lên tấm thảm và trở về nơi hẹn ba anh em đã thỏa thuận với nhau, nhưng như vậy thì chàng sẽ phải chờ quá lâu. Vốn hiếu kỳ, chàng muốn nhìn thấy quốc vương Bixnaga và triều đình của ông ta, muốn tìm hiểu

lực lượng, luật pháp, phong tục, tôn giáo và hiện trạng của nước này, chàng định bụng để ra mấy tháng đi đó đi đây.

Quốc vương Bixnaga có lệ, mỗi tuần một lần, tiếp xúc với các nhà buôn ngoại quốc. Chính dưới danh nghĩa ấy mà hoàng tử Hutxanh, không muốn để lộ mình là ai, được gặp vua nhiều lần. Vốn là một con người rất khôi ngô, cực kỳ thông minh và hết mực lịch sự (chính vì vậy mà chàng nổi bật giữa các thương nhân khác cùng vào yết kiến) chàng thường được quốc vương Bixnaga ngỏ lời nhiều hơn so với các nhà buôn khác, để hỏi chàng về vua nước Ấn-độ, ề lực lượng quân sự, các nguồn của cải và chính phủ của đế quốc này.

Hoàng tử dành những ngày khác đi xem những gì đáng chú ý nhất trong thành phố và các vùng phụ cận.

Chàng có đến xem một ngôi đền thờ tượng thần kiến trúc thật đặc biệt, rộng mỗi bề mười cánh tay (1) và cao mười lăm cánh. Vật đẹp nhất trong ngôi đền này là một tượng đúc bằng vàng khối cao tày người thật, hai mắt là hai viên ngọc được gắn vào một cách tài tình, đến nỗi bất kỳ ai đứng ở đâu mà nhìn, cũng đều tưởng như đôi mắt ấy đang ngó lại mình. Chàng còn đi xem một ngôi đền khác cũng đáng lấy làm lạ không kém. Ngôi đền này ở trong một làng. Ở đây có khu đất bằng rộng chừng mười mẫu, đúng là một khu vườn kỳ thú, điểm nhiều hoa hồng và các loại hoa khác rất đẹp mắt, chung quanh có tường cao ngang tầm tựa, nhằm ngăn không cho súc vật vào. Giữa bãi đất bằng có một nền cao bằng người, lát đá ghép với nhau một cách cẩn thận và tinh xảo đến nỗi tưởng

---

(1) Cánh tay (từ khuỷu đến hết ngón giữa), sải tay: các đơn vị đo chiều dài.

như cả nền là một phiến đá nguyên. Ngôi đền có tháp, xây chính giữa nền đá, cao tới năm mươi cánh, nhờ thế, cách xa nhiều dặm đã nhìn thấy. Dài ba mươi, rộng hai mươi cánh, xây bằng cẩm thạch đỏ cực kỳ nhẵn bóng. Trần tháp được trang trí ba hàng tranh màu sắc tươi và đẹp, và nói chung, ngôi đền nhan nhản những tranh vẽ, phù điêu, tượng gỗ, từ trên cao xuống sát đất, không hở chỗ nào không có.

Sáng sáng chiều chiều trong đền đều có cúng lễ, sau đó là các trò vui, hòa nhạc, nhảy múa, hát ca, yến tiệc. Những người lo việc thờ phụng ngôi đền cũng như dân chúng cả vùng sống nhờ vào lễ vật của rất đông người hành hương từ mọi nơi xa xôi nhất trong vương quốc đến cầu khẩn.

Hoàng tử Hutxanh còn được chứng kiến một buổi lễ trọng thể cử hành hằng năm tại triều đình Bixnaga. Tất cả các vị thống đốc các tỉnh, chỉ huy các đồn trú, đốc lý và thẩm phán các thành phố cùng những nhà tu hành bà-la-môn nổi tiếng nhất về đạo pháp, đều buộc phải về dự đông đủ lễ này. Có những người ở xa đến nỗi phải đi mất bốn tháng trời mới tới kinh đô. Cử tọa gồm không biết cơ man nào là người bản địa, tụ tập trên một cánh đồng rộng, tạo nên một cảnh tượng lạ lùng nhìn đến hút tầm mắt. Chính giữa đồng bằng ấy, có một quảng trường rất dài và rất rộng, bốn mặt có những dàn cao. Mặt chính là một khối nhà kiểu dàn dáo cao chín tầng, dựng trên bốn mươi cột, dành riêng cho nhà vua, triều đình, và các vị khách ngoại quốc được vua cho triều yết mỗi tuần một lần, bên trong có sẵn bàn ghế và được trang hoàng lộng lẫy phía ngoài vẽ tranh phong cảnh, có cầm thú, côn trùng, thậm chí cả ruồi và muỗi, tất cả đều to bằng thật. Ba mặt kia là những dàn cao ít ra bốn hoặc năm tầng, sơn vẽ đại thể như nhau. Những dàn này có cái đặc biệt là có thể

tượng gỗ một, cho tự quay quanh nó để đổi mặt chính và cách trang trí.

Hai bên quảng trường, cách nhau không xa mấy, xếp hàng một nghìn con voi mang bành đai rực rỡ, trên lưng mỗi con có một đài vuông bằng gỗ thếp vàng dành cho các nhạc công và kịch sĩ ngồi. Vòi voi, tai voi và cả mình của chúng đều được vẽ những hình thù cổ quái bằng châu sa và nhiều màu sắc khác.

Trong tất cả cảnh tượng ấy, điều làm cho hoàng tử Hutxanh khâm phục nhất kỹ xảo, sự khéo tay và tài sáng chế của những người dân bản địa, là cảnh một con voi khỏe nhất, lớn nhất trong tất cả đàn, bốn chân đứng chụm trên một cái cọc chôn thẳng đứng, cao hơn mặt đất chừng hai bộ; nó cứ theo tiết tấu nhạc mà dơ vòi đánh nhịp. Lại có một con voi khác, cũng không kém to khỏe, đứng vắt vẻo trên đầu một xà gỗ gác ngang trên cái cọc cao chừng mười bộ, đầu xà kia treo một tảng đá đồ sộ để cân bằng; trước mặt nhà vua và triều đình, chú voi này chơi bập bênh theo điệu nhạc khớp với nhịp của chú voi kia. Những người dân, sau khi buộc chặt tảng đá vào một đầu xà, xúm nhau thật đông vít đầu kia xuống để cho con voi bước lên.

Hoàng tử Hutxanh còn có thể lưu lại lâu hơn nữa ở triều đình và vương quốc Bixnaga. Còn rất nhiều điều kỳ thú khác có thể giữ chân chàng một cách thích thú cho tới ngày cuối cùng của thời hạn một năm, mà các hoàng tử giao ước sẽ gặp lại nhau; nhưng vì đã hoàn toàn thỏa thuê với những điều trông thấy và lòng luôn luôn nghĩ tới người yêu (từ khi chàng mua được tấm thảm, sắc đẹp và vẻ yêu kiều của công chúa Nurunniha lại càng nung nấu thêm tình yêu cuồng nhiệt), chàng cho rằng về gần nơi nàng ở hơn ít nữa thì tâm trí mình mới được yên tĩnh và sẽ gần gũi với hạnh phúc hơn.

Sau khi thanh toán đầy đủ với người trông nom khan số tiền thuê buồng, chàng hẹn người đó đến nhận chìa khóa treo ở trước cửa buồng, mà không nói rõ mình sẽ ra đi bằng cách nào; chàng vào buồng, đóng cửa lại, để chìa khóa ở ngoài. Chàng trải tấm thảm, rồi cũng viên võ quan theo hầu ngồi lên trên. Tập trung tâm trí lại, vừa tỏ ý ước mong một cách nghiêm túc được tới trú xá nơi đã hẹn gặp hai hoàng tử em, chàng chợt thấy mình đã tới nơi. Chàng lưu lại đây, vẫn dưới dạng cải trang thành nhà buôn, chờ hai em.

Hoàng tử Ali, người em thứ của hoàng tử Hutxanh, vốn có ý định sang Ba-tư để thực hiện ý muốn của phụ vương. Ngày thứ ba kể từ khi chia tay nhau, chàng sáp nhập vào một đoàn lữ hành lên đường sang bên nước ấy. Sau một chuyến đi gần bốn tháng, cuối cùng tới Sirazô, hồi bấy giờ là kinh đô của vương quốc Ba-tư. Vì dọc đường đã làm quen và kết bạn với một nhóm nhỏ các nhà buôn, chàng tự xưng mình là người buôn kim hoàn, và trọ chung với họ trong cùng một khan.

Ngày hôm sau, trong khi các nhà buôn khác mải tháo dỡ các hòm hàng hóa của họ, thì hoàng tử Ali chỉ cần bỏ bớt hành trang cho thoải mái, thay áo quần rồi nhờ người dẫn tới khu phố bán ngọc ngà, hàng vàng, hàng bạc, gấm vóc lụa là, cũng những thứ hàng hiếm và quý nhất. Khu phố này rất rộng, xây dựng kiên cố, trên có mái vòm đỡ bằng những trụ lớn; các hiệu buôn dàn bốn chung quanh, dọc theo các tường, cả bên trong và bên ngoài; ở Sirazô người ta quen gọi khu này là chợ trời. Thoạt tiên hoàng tử Ali đi quanh một lượt, chàng rất khâm phục trước số cực kỳ to lớn những hàng hóa quý giá nhất bày ra ở đây. Giữa đám đông những người đi đi lại lại, cầm hàng trên tay, vừa đi vừa rao giá, chàng khá ngạc nhiên thấy một người cầm một cái ống bằng

ngà dài chừng một bộ và to hơn ngón tay cái một chút, và đặt giá những ba mươi túi tiền. Lúc đầu, chàng cho rằng người này hơi lẩm cẩm. Để làm sáng tỏ, chàng vào một hiệu buôn, trỏ người rao hàng và hỏi ông chủ hiệu:

– Thưa ngài, xin ngài vui lòng cho tôi rõ, anh chàng rao bán cái ống ngà kia với giá ba mươi túi tiền, có phải đầu óc không được bình thường lắm chăng?

– Thưa ngài, – người chủ hiệu đáp – trừ phi anh ta mới mất trí từ hôm qua, tôi có thể quả quyết với ngài đấy là người rao hàng khôn ngoan nhất và được người ta mướn nhiều nhất ở đây; anh ta là người được tin cậy hơn cả khi có ai muốn bán một vật gì rất đắt tiền. Còn cái ống ngà mà anh ta rao ba mươi túi ấy, nhất định giá nó là như vậy, mà còn hơn nữa là khác, do một đặc điểm nào đấy mà ta chưa hay. Anh ta sắp trở lại đây trong chốc lát; chúng ta sẽ gọi anh ta vào và tự ngài sẽ hỏi lấy cho rõ; trong khi chờ đợi, xin mời ngài ngồi nghỉ tạm ở trường kỷ của tôi.

Hoàng tử Ali không từ chối lời mời lịch sự của nhà buôn. Lát sau, người rao hàng trở lại. Nghe nhà buôn gọi đúng tên, anh ta tới gần. Trỏ hoàng tử Ali, nhà buôn bảo:

– Ngài đây hỏi cậu có mất trí không mà đòi tới ba mươi túi tiền một cái ống ngà xem ra chẳng có mấy giá trị. Cậu hãy trả lời ngài đi. Chính tôi cũng sẽ rất ngạc nhiên về giá đó, nếu không biết trước cậu vốn là một con người khôn ngoan.

Hướng về hoàng tử Ali, người rao hàng đáp:

– Thưa ngài, ngài không phải là người đầu tiên cho tôi là điên, vì chuyện cái ống này. Nhưng, xin ngài hãy tự suy xét lấy, một khi tôi trình bày ngài nghe đặc tính của nó; tôi hy vọng lúc ấy ngài cũng sẽ tham gia cuộc

bán đấu giá này như những người mà tôi đã đưa cho xem, lúc đầu họ cũng nghĩ không tốt về tôi y như ngài.

Trước hết, thưa ngài, – người rao hàng đưa cái ống cho hoàng tử xem và nói tiếp – xin hãy chú ý cái ống này, mỗi đầu có gắn một tấm kính, và xin biết cho rằng hễ nhìn vào một đầu, mình mong muốn được thấy bất kỳ ai, thì sẽ nhìn thấy người đó ngay tức khắc.

– Ta chịu bồi thường danh dự cho anh – hoàng tử Ali nói – nếu anh giúp cho ta thấy đúng như lời anh nói.

Vì đang cầm cái ống trên tay, chàng ngắm nghía hai đầu và hỏi :

– Hãy chỉ cho ta biết, nên nhìn vào đâu để ta làm thử :

Người rao hàng chỉ dẫn. Hoàng tử nhìn vào; vừa nảy ra ý được thấy quốc vương Ấn-độ, chàng liền trông thấy ngay cha mình hoàn toàn khỏe mạnh, đang ngồi trên ngai, giữa quần thần. Bởi vì sau nhà vua, không còn ai thân thiết với chàng hơn công chúa Nurunniha, tiếp đó chàng ngỏ ý muốn thấy nàng thế là lại thấy ngay công chúa đang ngồi tươi cười vui vẻ trước bàn trang điểm, giữa đám người hầu. Hoàng tử Ali không cần thêm bằng chứng gì nữa để tin chắc cái ống này là vật quý báu nhất thời bấy giờ, không riêng ở kinh đô Sirazơ mà trong khắp vũ trụ. Chàng nghĩ rằng, nếu bỏ qua không mua thì chẳng bao giờ còn có thể gặp được một của hiếm hoi như vậy để mang về sau chuyến đi của mình, cho dù có lưu lại mười năm ở Sirazơ hoặc nơi nào khác. Chàng bảo người rao hàng :

– Ta xin gạt bỏ ý kiến không đúng của ta hồi nãy, cho rằng anh không được minh mẫn lắm, nhưng ta nghĩ anh sẽ hài lòng với cách sửa sai của ta khi ta nhận mua cái ống này. Ta sẽ không vui nếu một người nào khác chứ không phải ta mua được nó; vậy anh hãy cho ta rõ người bán định chắc giá là bao nhiêu;

như vậy, anh khỏi phải vất vả đi đi lại lại tốn hơi sức rao nhiều hơn nữa mà chỉ cần về chỗ ta, ta sẽ đếm trả cho anh đủ số tiền.

Người rao hàng thề rằng mình được lệnh bán với giá bốn mươi túi tiền; nếu chàng còn có chút nghi ngờ, anh ta xin dẫn chàng đến gặp ngay người bán. Hoàng tử tin lời, đưa anh ta đi theo; về tới khan chàng trọ, chàng đếm giao đủ cho anh ta bốn mươi túi, bằng tiền tốt và trở thành người sở hữu cái ống bằng ngà.

Mua được vật ấy rồi, hoàng tử Ali cực kỳ vui sướng. Chàng tin chắc hai hoàng tử anh và em của mình không thể nào bắt gặp một vật hiếm hoi quý hóa thế này; và như vậy, hẳn công chúa Nurunniha sẽ là phần thưởng cho chuyến đi vất vả của mình. Chàng chỉ còn việc tìm hiểu triều đình nước Ba-tư, mà không để lộ diện, và đi xem những điều kỳ lạ nhất ở Sirazơ và các vùng phụ cận, trong khi chờ đợi đoàn lữ hành mà chàng sắp nhập lên đường trở lại Ấn-độ. Chẳng bao lâu, chàng đã cùng đoàn khởi hành về nước. Chuyến đi không gặp bất trắc trừ những ngày dài đằng đẵng và nỗi mệt nhọc trên đường. Chàng may mắn về tới nơi hẹn, ở đây hoàng tử Hutxanh đã tới trước rồi. Hai anh em gặp nhau, cùng nán lại chờ hoàng tử Atmét.

Hoàng tử Atmét đã lên đường đi Xamacăng; cũng như hai ông anh, vừa tới hôm trước là hôm sau ra chợ trời. Chàng vừa bước vào chợ đã gặp một người rao hàng đi tới, tay cầm một quả táo nhân tạo, đặt giá ba mươi lăm túi tiền. Chàng giữ anh ta lại và bảo:

– Hãy đưa ta xem quả táo, và hãy nói cho ta biết do đặc tính kỳ lạ nào mà nó được rao giá cao như thế.

Đặt quả táo vào tay để cho chàng xem xét, người rao hàng thưa:

– Thưa ngài, nhìn bề ngoài thì quả táo này chẳng đáng giá bao nhiêu, nhưng xét về tính chất, cách dùng và tác dụng của nó, vì lợi ích của con người thì có thể nói rằng nó vô giá; chắc chắn người nào sở hữu nó thì sở hữu cả một kho tàng. Quả vậy, không một người ốm nào, cho dù bị bệnh nguy hiểm đến đâu, như sốt kéo dài, sốt phát ban, viêm phổi, dịch hạch hoặc những bệnh khác đại loại, thậm chí đã thập tử nhất sinh, đều được quả táo này chữa khỏi; người bệnh phục hồi hoàn toàn ngay tức khắc sức khỏe như cả đời chưa từng đau ốm bao giờ, mà hơn nữa, cách chữa lại hết sức giản đơn; tức là chỉ cần cho người bệnh ngửi quả táo. Hoàng tử Atmét nói:

– Theo lời anh thì quả táo này thật có đặc tính diệu kỳ, có thể nói nó vô giá; nhưng một người thật thà như tôi, có thể muốn mua đấy, biết căn cứ vào đâu để tin rằng lời giới thiệu của anh không giả dối hoặc quá đáng?

– Thưa ngài, – người rao hàng đáp – cả thành phố Xamacăng đều biết và chứng thực việc này. Chẳng cần đi đâu xa, xin ngài hãy cứ hỏi các vị thương nhân tụ tập ở đây; ngài sẽ nghe họ nói thế nào, hơn nữa ngài còn có thể được nhiều vị cho biết, chắc đã không còn sống đến bây giờ, nếu không được dùng môn thuốc ấy. Để ngài hiểu tường tận hơn, tôi xin nói thêm, đây là kết quả sau bao nhiêu đêm trường miệt mài nghiên cứu của một vị học giả rất nổi danh ở thành phố này, suốt đời ông ta chuyên tìm hiểu những đặc tính của thảo mộc và khoáng chất và cuối cùng đã đi tới chỗ tổng hợp được cái ngài thấy đây. Nhờ vậy, ông đã chữa khỏi nhiều con bệnh kỳ lạ ở thành phố này, khiến cho tiếng tăm của ông trở thành bất hủ. Chẳng may ông qua đời đột ngột đến mức không dùng kịp môn thuốc thần của mình, để lại người vợ góa cùng một đàn con rất đông với rất ít

tài sản, cuối cùng bà ta đành phải đi đến chỗ quyết định bán vật này để đỡ đần gia đình mẹ góa con côi.

Trong khi người rao hàng trình bày cho hoàng tử Atmét nghe về những đặc tính của quả táo nhân tạo, nhiều người dừng chân và tụ tập chung quanh, phần đông xác nhận điều anh ta nói là đúng sự thật; Vừa lúc ấy có một người nói, anh ta đang có một người bạn mắc một cơn bệnh hiểm nghèo, hiện đang gần đất xa trời, đây là một cơ hội thuận lợi để làm thực nghiệm cho hoàng tử xem. Hoàng tử Atmét liền báo người rao hàng, mình thuận mua với giá bốn mươi túi tiền, nếu anh ta cho người bệnh ngửi quả táo và chữa lành cho người đó.

Vốn đã được lệnh bán với giá ấy, người rao hàng đáp:

– Thưa ngài, chúng ta hãy đi làm cuộc thực nghiệm, rồi quả táo sẽ là của ngài. Tôi rất tin tưởng như vậy vì chắc chắn lần này nó cũng có hiệu quả như bao nhiêu lần trước, đã đưa trở lại cuộc sống bao người từng bước chân vào ngưỡng cửa của cõi chết do những căn bệnh tưởng chừng vô phương cứu chữa.

Cuộc thực nghiệm thành công. Hoàng tử, sau khi trả đủ cho người rao hàng bốn mươi túi tiền mua quả táo nhân tạo, rất nôn nóng chờ đoàn lữ hành đầu tiên lên đường trở về Ấn-độ. Trong khi chờ đợi, chàng dùng thời giờ đi xem những gì đáng gợi sự hiếu kỳ nhất ở Xamacăng và các vùng phụ cận, nhất là thung lũng Xôtđơ, gọi như vậy do tên của con sông chảy qua. Thung lũng này vẫn được người Á-rập coi là một trong bốn cõi thiên đàng trong vũ trụ, bởi vẻ đẹp của những đồng ruộng và vườn cây bao quanh các lâu đài, vị ngon ngọt của đủ loại cây trái cùng những lạc thú con người được hưởng ở đây vào mùa đẹp trời.

Hoàng tử Atmét không bỏ lỡ cơ hội cùng đoàn lữ hành về đất nước. Vượt qua mọi nỗi gian lao của một chuyến đi dài, chàng đến được trú xá, ở đây hai hoàng tử Hutxanh và Ali hoàn toàn mạnh khỏe đang đợi.

Hoàng tử Ali vừa đến trước hoàng tử Atmét ít lâu, chàng có hỏi hoàng tử Hutxanh, người tới về đầu tiên, chờ ở đây đã bao lâu. Được biết Hutxanh đã về ngót ba tháng rồi, chàng hỏi tiếp:

– Vậy ra anh không phải đi xa lắm?!

– Bây giờ thì chưa thể nói được với chú nơi ta đến, – hoàng tử Hutxanh đáp, – nhưng có thể khẳng định rằng ta phải bỏ mất hơn ba tháng mới đi được tới nơi.

– Nếu vậy thì anh chẳng lưu lại đó ít thời gian lắm sao?! – hoàng tử Ali lại nói.

– Chú em ạ, chú nhầm rồi, – hoàng tử Hutxanh nói – anh lưu lại đấy chừng bốn, năm tháng, và tại anh không muốn lưu lại lâu hơn nữa đó thôi.

– Trừ phi là anh từ đó bay về đây, – hoàng tử Ali lại nói – còn không em không thể nào hiểu nổi, như vậy thì làm sao anh có thể về đây hơn ba tháng rồi như lời anh vừa bảo.

– Anh đã nói sự thật, – hoàng tử Hutxanh nói tiếp – và đó là điều bí mật mà anh chỉ giải thích cho chú hay chừng nào hoàng tử Atmét cũng có mặt ở đây. Lúc đó anh sẽ cho hai chú biết vật hiếm mà anh mang về từ chuyến đi ấy. Về phần chú, anh không rõ chú mang về được thứ gì, hẳn là ít ỏi lắm; quả vậy, chẳng thấy hành trang của chú có gì nhiều thêm.

– Còn anh, – hoàng tử Ali đáp – chắc cũng không ngoài tấm thảm trông chẳng lấy gì làm đẹp để trên ghế anh ngồi kia mà có vẻ như anh vừa tậu được. Nhưng, vì

anh có vẻ muốn giữ bí mật vật hiến mới mang về, xin anh vui lòng cho em cũng được làm như vậy về vật hiếm của em nữa.

Hoàng tử Hutxanh nói:

– Anh cho là vật hiếm anh mang về quý báu hơn tất cả mọi vật khác, cho dù đó là cái gì; vì vậy anh chẳng khó dễ gì mà không đưa cho chú xem và chỉ cho chú rõ nó hiếm ở chỗ nào; anh tin rồi chú sẽ đồng tình với anh, chứ không lo chú cho vật của chú mang về có giá trị hơn của anh. Tuy nhiên, nên đợi hoàng tử Atmét, em út của chúng ta, có mặt ở đây thì tốt hơn, lúc đó ba chúng ta sẽ cho nhau xem những vật báu mà vận may đưa tới cho mỗi người, một cách thoải mái và có tình có lý hơn.

Hoàng tử Ali không muốn tranh luận thêm với anh, tin chắc rằng nếu đưa cái ống của mình ra thì dù nó không hơn cũng không thể nào thua kém vật báu của ông anh, vì vậy chàng thỏa thuận nên chờ hoàng tử Atmét có mặt rồi sẽ cùng phô ra một thể.

Khi hoàng tử Atmét về tới nơi, ba anh em thương mến ôm hôn nhau và cùng chúc mừng hạnh phúc được gặp lại nhau ở nơi từng chia tay năm trước. Với tư cách là anh cả hoàng tử Hutxanh cất lời, nói:

– Các em ạ, chúng ta sẽ còn khối thời giờ để thuật cho nhau nghe những điều đặc biệt trong các chuyến đi của mỗi người; giờ ta hãy nói tới việc quan trọng cần biết hơn cả. Anh tin rằng các em cũng như anh, còn nhớ rõ mục đích chính khiến chúng ta phải ra đi, vậy thì chúng ta chớ giấu nhau về vật gì chúng ta mang về được; đưa cho nhau xem, chúng ta có thể cân nhắc trước một cách công bằng, và xem thử rồi phụ vương chúng ta sẽ chuộng vật nào hơn cả.

Để nêu gương trước – hoàng tử Hutxanh nói tiếp – anh xin nói rằng vật hiếm mà anh mang về sau chuyến đi

đến vương quốc Bixnaga, là tấm thảm anh đang ngồi ở trên đây. Như các em thấy đấy, trông nó bề ngoài chẳng có gì đẹp mã, nhưng khi nghe anh trình bày đặc tính của nó rồi, các em sẽ cực kỳ thán phục bởi vì chưa từng nghe ai nói tới một vật như vậy bao giờ, và rồi các em sẽ đồng ý với anh. Quả vậy, trông nó như vậy đấy, nếu ta ngồi lên trên, y như chúng ta đang ngồi đây, và nếu ta tỏ ý muốn đưa tới một nơi xa, cho dù cách trở tới bao nhiêu, ta cũng tới được nơi đó ngay tức khắc. Anh đã làm thực nghiệm trước khi trả đủ bốn mươi túi tiền theo đúng giá của nó, mà chẳng tiếc rẻ gì. Sau khi đã biết đầy đủ những điều muốn biết về triều đình và vương quốc Bixnaga, lúc trở về, anh đã chẳng dùng tới xe cộ gì khác ngoài tấm thảm kỳ diệu này để cho anh và cả chú hầu của anh nữa về đây; chú ta có thể nói cho các em rõ đi mất bao nhiêu thời gian. Anh sẽ làm thực nghiệm cho hai em xem, chừng nào các em thấy thuận tiện. Anh chờ đến lượt các em cho biết, có mang được vật gì về khả dĩ so sánh với tấm thảm của anh hay không?

Hoàng tử Hutxanh phô trương sự quý hiếm của tấm thảm mình đến đấy là thôi. Hoàng tử Ali liền cất lời, nói với chàng như sau:

– Thưa anh, phải nhận rằng tấm thảm của anh là một trong những vật kỳ diệu nhất mà con người có thể tưởng tượng nên, nếu như nó có đặc tính như anh vừa trình bày, mà riêng em chẳng chút nghi ngờ. Nhưng em xin thú thật rằng còn có nhiều vật khác nữa, em không dám nói hơn nhưng ít ra cũng kỳ diệu bằng nó, theo một cách khác. Để được anh đồng tình, em xin nói cái ống bằng ngà của em đây, trông bề ngoài cũng như tấm thảm của anh, chẳng phải là một vật hiếm đáng cho ta chú ý nhiều. Tuy nhiên, em đã phải mua nó không ít tiền hơn tấm thảm, và em cũng hài lòng về việc mua

bán ấy chẳng kém gì anh. Người công minh như anh, chắc chắn sẽ đồng tình với em rằng em đã không bị đánh lừa, một khi anh biết rõ và thực nghiệm đặc tính của nó, cứ nhòm vào một đầu của cái ống, ta muốn nhìn thấy ai, khắc sẽ trông thấy ngay lập tức.

Đưa cái ống bằng ngà cho anh hoàng tử Ali nói tiếp:

– Em không muốn anh chỉ tin lời em nói mà thôi, cái ống đây, xin anh thử xem có phải em ép anh phải tin lời em hay không.

Hoàng tử Hutxanh đón cái ống ngà từ tay hoàng tử Ali. Muốn nhìn thấy công chúa Nurunniha và xem sức khỏe nàng thế nào, chàng ghé mắt nhòm vào một đầu ống. Hai hoàng tử Ali và Atmét, đang dán mắt vào anh, đều cực kỳ ngạc nhiên thấy chàng đột ngột biến sắc, với vẻ biểu lộ sự ngạc nhiên cực kỳ cùng nỗi buồn sâu sắc. Không để cho các em kịp hỏi, hoàng tử Hutxanh kêu lên:

– Các em ơi, thật uổng công ba anh em ta đã làm một chuyến đi vất vả dường ấy, với niềm hy vọng sẽ được thưởng công là kết hôn cùng nàng Nurunniha xinh đẹp. Nàng công chúa đáng yêu ấy không còn sống được bao lâu nữa; anh vừa trông thấy nàng nằm trên giường bệnh, chung quanh các người hầu và bọn hoạn nô đang đầm đìa nước mắt, có vẻ như đang chờ nàng trút hơi thở cuối cùng. Đây, hai em hãy nhìn nàng trong tình trạng thảm thương ấy, và hãy cùng nhỏ nước mắt khóc nàng như anh.

Hoàng tử Ali đón chiếc ống ngà từ tay hoàng tử Hutxanh và nhìn vào; chàng cũng nhìn thấy như anh và cũng biến sắc. Chàng trao tiếp chiếc ống cho hoàng tử Atmét, để cùng được thấy cảnh tượng đáng buồn thương, liên quan đến tất cả ba người.

Sau khi đón cái ống ngà từ tay hoàng tử Ali, nhìn vào và trông thấy rõ công chúa Nurunniha sắp tới lúc từ giã cõi trần, hoàng tử Atmét liền cất lời, thưa với hai anh :

– Thưa các anh, đúng là công chúa Nurunniha, đối tượng ước mơ của chúng ta, hiện đang trong tình trạng gần đất xa trời. Nhưng, theo như em được biết, chỉ cần chúng ta đừng để mất thời gian, vẫn còn có cách cứu nàng khỏi phút giây tai họa này.

Thế là hoàng tử Atmét rút từ trong mình ra quả táo nhân tạo, trỏ cho hai anh xem và nói :

– Quả táo hai anh thấy đây cũng tốn cho em bằng số tiền các anh đã dùng để mua tấm thảm hoặc cái ống bằng ngà trong chuyến đi của các anh. Hiện đang có cơ hội để các anh thấy đặc tính kỳ diệu của nó, khiến cho em không tiếc số tiền bốn mươi túi đã bỏ ra mua nó. Xin nói ngay để các anh khỏi phải chờ đợi, đặc tính ấy là đưa cho một người bệnh ngửi, dù người đó đang hấp hối bệnh cũng sẽ lành ngay tức khắc. Em tin chắc như vậy vì đã tự mình làm thực nghiệm, và em có thể lại làm thử cho các anh thấy ngay hiệu quả, qua bệnh tình của công chúa Nurunniha, nếu chúng ta khẩn trương lên để cứu sống nàng.

– Nếu quả như vậy thì, – hoàng tử Hutxanh nói – không có cách nào nhanh bằng dùng tấm thảm của anh để chở cả ba ta đến ngay trong phòng riêng của công chúa. Chớ để mất thời giờ, hai em hãy xích gần lại và ngồi lên trên tấm thảm y như anh đây; nó cũng đủ rộng để cho cả ba ta cùng ngồi thoải mái; nhưng trước tất cả mọi sự, hãy truyền cho mấy tên hầu hãy lên đường ngay và bảo chúng tìm gặp anh em ta ở hoàng cung.

Lệnh vừa nói được truyền cho những người hầu, hoàng tử Ali và hoàng tử Atmét cùng ngồi lên trên tấm thảm với hoàng tử Hutxanh. Vì cùng một mối quan tâm như

nhau, ba người cũng ngỏ ý muốn được đưa tới buồng công chúa Nurunniha. Ước mong của họ được thực hiện nhanh chóng tới mức thoát đã đến nơi muốn đến, mà chẳng hề nhận ra mình đã rời trú xá như thế nào.

Sự xuất hiện đột ngột, chẳng ai chờ đợi, của ba hoàng tử làm cho những người hầu và hoạn nô của công chúa hoảng hốt, không rõ bằng phép thần nào mà ba chàng hiện ra giữa bọn họ như vậy. Lúc đầu chưa ai nhận ra ngay; bọn hoạn nô gần như sắp bổ nhào vào ba hoàng tử coi như những người tự tiện đột nhập một nơi không được phép tới gần; nhưng chúng đã nhanh chóng nhận mặt được các hoàng tử và biết là minh nhân.

Hoàng tử Atmét vừa nhận ra mình ở trong phòng riêng của công chúa và thấy nàng đang sắp qua đời, liền đứng lên khỏi tấm thảm, cũng như hai ông anh; chàng tiến tới gần giường và đặt quả táo thần dưới mũi nàng. Lát sau, công chúa mở mắt, quay đầu ra hai bên, nhìn những người đang vây quanh, rồi ngồi ngỏm dậy đòi mặc áo, vẻ thoải mái và tỉnh táo y hệt như vừa tỉnh dậy sau một giấc ngủ dài. Chẳng bao lâu, những người hầu vui mừng nhận thấy, chính nhờ ba hoàng tử, đặc biệt là hoàng tử Atmét, cho nên nàng mau chóng và đột ngột bình phục sức khỏe như vậy. Vì nàng đòi mặc áo, các hoàng tử đành bằng lòng tỏ vấn tất với nàng niềm vui sướng được về khá đúng lúc, để góp phần, mỗi người theo cách của mình, đưa nàng thoát khỏi cơn hiểm nghèo rõ rệt. Ba chàng nồng nhiệt chúc nàng sống lâu, sau đó cả ba cũng lui ra.

Trong khi công chúa mặc áo, ba hoàng tử rời buồng của nàng đến quỳ lạy trước ngai để chào vua cha. Nhà vua đã được viên chỉ huy hoạn nô của công chúa trình bày các hoàng tử đã trở về mà không báo trước, và đã chữa khỏi bệnh cho công chúa bằng cách nào. Vua ôm hôn các con vui mừng khôn xiết, bởi cùng một lúc

vừa thấy họ trở về, vừa hay tin công chúa mà vua quý như chính con gái đẻ của mình, đã bình phục sức khỏe một cách kỳ diệu, sau khi bị các thầy lang bó tay cho là không chữa chạy được nữa. Sau những lời chào hỏi, chúc tụng lẫn nhau như lệ thường trong trường hợp tương tự, từng hoàng tử trình lên vua vật hiếm họ mang về: hoàng tử Hutxanh, tấm thảm, mà chàng đã cẩn thận mang theo khi ra khỏi buồng công chúa; hoàng tử Ali chiếc ống bằng ngà voi; và hoàng tử Atmét quả táo nhân tạo. Sau khi mỗi người giới thiệu đặc tính vật hiếm của mình và dâng tận tay cha, họ cũng xin Người cho biết vật nào quý hơn cả, và như vậy tức là tuyên bố gả nàng công chúa Nurunniha cho ai, đúng như lời hứa của Người năm trước.

Vua nước Ấn-độ, sau khi hiền hậu lắng nghe các hoàng tử nói hết mọi đặc tính hay ho của những vật báu họ mang về mà không ngắt lời, và chính vua cũng đã rõ về những gì xảy ra qua việc chữa bệnh cho công chúa, im lặng hồi lâu, như thể đang suy nghĩ xem nên trả lời thế nào. Cuối cùng, vua cất tiếng, nói những lời khôn khéo sau đây:

– Các con ạ, nếu cha có thể làm một cách công minh, thì cha đã tuyên bố con nào được rồi. Nhưng, tự các con hãy xét xem cha có thể làm như vậy được chăng? Hoàng tử Atmét à, đúng là công chúa cháu gái cha nhờ quả táo nhân tạo của con mà lành bệnh, nhưng ta hỏi con, con có thể chữa bệnh cho em được chăng, nếu trước đó không nhờ có cái ống ngà của hoàng tử Ali cho biết em con đang mắc bệnh hiểm nghèo, và không có tấm thảm của hoàng tử Hutxanh cho con phương tiện về để cứu em con nhanh chóng vậy? Còn con, hoàng tử Ali à, nhờ có cái ống bằng ngà voi của con mà ba anh em con được biết công chúa sắp qua đời, và như vậy, phải nhận rằng em con chịu ơn con nhiều lắm. Nhưng, con

cũng phải nhận rằng, biết như vậy cũng bằng vô ích thôi, nếu không có quả táo nhân tạo và tấm thảm. Và cuối cùng, con, hoàng tử Hutxanh à, công chúa sẽ là một người vong ân bội nghĩa nếu không tỏ rõ với con lòng chịu ơn vì tấm thảm, rất cần thiết để chữa bệnh cho em. Nhưng, con cũng phải nhận rằng, nó sẽ chẳng có tác dụng gì vào đấy cả, nếu không nhờ cái ống ngà voi của hoàng tử Ali để biết rằng em con đang bị bệnh và quả táo nhân tạo của hoàng tử Atmét, để chữa cho em con lành. Như vậy là cả tấm thảm, cái ống ngà voi và quả táo nhân tạo, không vật nào có tác dụng hơn vật nào, mà ngược lại đều có phần đóng góp bằng nhau, cho nên cha không thể nào gả công chúa Nurunniha cho một người; và tự các con cũng thấy đấy, kết quả duy nhất mà các con mang về sau chuyến đi, là niềm quang vinh được góp phần ngang nhau trong việc lấy lại sức khỏe cho công chúa.

Nếu quả đúng như vậy, – nhà vua nói tiếp, – các con hẳn cũng thấy rằng cha phải tìm một con đường khác để đi tới quyết định chọn người nào trong ba con. Vì cũng còn lâu mới đến tối, cha muốn làm việc đó ngay bây giờ. Vậy thì các con hãy đi đi, hãy cầm lấy cung tên và đi ra ngoài thành phố, tới bãi quần ngựa. Cha cũng sửa soạn đi tới đó ngay; cha tuyên bố sẽ gả công chúa Nurunniha cho người nào trong các con bắn tên đi xa nhất.

Ngoài ra, cha không quên cám ơn tất cả ba con nói chung và riêng từng con một, về những tặng phẩm mang về cho cha. Cha có rất nhiều vật hiếm, song không có một thứ nào có thể sánh với sự độc đáo của tấm thảm, cái ống ngà voi và quả táo nhân tạo. Ba vật này làm giàu thêm kho báu của cha, sẽ cùng giữ vị trí

hàng đầu, cha sẽ giữ gìn trân trọng không phải chỉ vì sự hiếu kỳ, mà còn vì tác dụng có lợi nhiều mặt của các vật đó.

Ba hoàng tử chẳng có gì để thưa lại về quyết định vừa rồi của nhà vua. Khi họ ra ngoài cung, người ta đưa cho mỗi người một cái cung và một mũi tên. Các hoàng tử giao cung tên lại cho một trong bọn quan hầu của mình vừa tụ tập lại khi nghe tin họ đã trở về, rồi họ cùng nhau đến bãi quần ngựa, có một đám dân chúng theo xem, đông không kể xiết.

Nhà vua cũng không để chờ lâu. Vua vừa tới nơi, hoàng tử Hutxanh với tư cách con cả, cầm cung tên và bắn đầu tiên; kế đó là hoàng tử Ali, mũi tên của chàng bay xa hơn tên của hoàng tử Hutxanh; hoàng tử Atmét bắn sau cùng, song mũi tên của chàng mất hút, và chẳng ai trông thấy nó rơi xuống đâu. Người ta xô tới, người ta tìm kiếm, nhưng cho dù cần mẫn đến mấy, và cả hoàng tử Atmét cũng tìm nữa, vẫn không thấy mũi tên ở đâu, dù xa dù gần. Mặc dù có thể tin rằng chàng là người bắn đi xa nhất, và như vậy là xứng đáng được lấy công chúa Nurunniha. Tuy nhiên cũng cần phải tìm thấy mũi tên thì mới coi như sự việc rõ ràng và chắc chắn. Chàng phân trần thế nào nhà vua vẫn một mực dứt khoát cho hoàng tử Ali thắng cuộc. Thế là nhà vua truyền cho chuẩn bị thật trọng thể. Và ít lâu sau, lễ thành hôn được tổ chức hết mực huy hoàng.

Hoàng tử Hútxanh không dự lễ ấy. Vốn say mê công chúa Nurunniha rất chân thành, rất tha thiết, chàng cảm thấy không đủ kiên nhẫn chịu đựng nổi đau buồn thấy nàng thành thân với hoàng tử Ali, mà chàng cho là, so với mình, không phải xứng đáng hơn, cũng như không phải yêu nàng trọn vẹn hơn. Hơn nữa, chàng còn cảm thấy buồn chán đến nỗi rời bỏ triều đình, khước từ quyền thừa kế ngai vàng, và bỏ đi tu theo

một dòng tu có rất đông người theo, nổi tiếng về đạo đức mẫu mực, sống xa lánh cuộc đời.

Cùng một nguyên nhân giống như hoàng tử Hútxanh, hoàng tử Atmét không dự lễ thành hôn của hoàng tử Ali và công chúa Nurunniha; nhưng chàng không tự bỏ cuộc đời như người anh cả. Vì không làm sao hiểu nổi do đâu mũi tên chàng bắn mất tăm, chàng quyết định giấu người nhà, một mình đi tìm, để tự mình khỏi áy náy. Chàng tới nơi đã nhặt được hai mũi tên của hoàng tử Hútxanh và hoàng tử Ali bắn. Từ chỗ ấy, cứ nhằm phía trước mà đi, mắt nhìn sang bên trái và bên phải, chàng đi thật xa mà vẫn không tìm thấy. Tuy nhiên, chàng vẫn tiếp tục bước cho tới những lèn đá rất cao, mà muốn đi xa hơn thì buộc phải đi vòng chứ không vượt qua được: lèn đá rất hiểm trở này ở vào một nơi cằn cỗi, cách nơi chàng bắt đầu đi chừng bốn dặm.

Bỗng hoàng tử Atmét trông thấy một mũi tên. Nhặt lên xem xét, chàng cực kỳ ngạc nhiên thấy đúng là mũi tên mình đã bắn. «Đúng nó đây rồi, – chàng nghĩ thầm – nhưng không riêng ta mà bất kỳ người nào sống trên đời này cũng không đủ sức bắn tên đi xa vậy». Vì thấy nó nằm ngang chứ không cắm mũi vào đất, chàng nghĩ hẳn nó va vào đá và bay trở lại. Chàng lại tự bảo: «Hẳn có điều bí ẩn trong một việc kỳ dị thế này, và điều bí ẩn ấy chỉ có thể có lợi cho ta mà thôi. Số mệnh, sau khi làm cho ta đau khổ bằng cách tước đoạt mất một con người mà ta hy vọng làm nên hạnh phúc cả đời mình, nay có lẽ dành một vật khác để an ủi ta chăng».

Suy nghĩ như vậy rồi, vì dãy núi đá chỗ thì nhô ra chỗ thì thụt vào thành hẻm, hoàng tử liền đi sâu vào một những hẻm ấy. Đưa mắt nhìn các ngóc ngách, chợt chàng trông thấy một cánh cửa bằng sắt, có vẻ không

có khóa. Chàng sợ cánh cửa đóng chặt, nhưng vừa đẩy, nó đã mở vào bên trong, để hiện ra một lối xuống thoai thoải, không có bậc cấp. Chàng theo đó đi xuống, tay vẫn cầm mũi tên. Chàng nghĩ mình sắp vào một nơi tối om, nhưng chẳng mấy chốc lại có ánh sáng, khác hẳn thứ ánh sáng ngoài trời. Đi chừng năm, sáu mươi bước vào một quãng rộng, chàng nhận thấy một tòa lâu đài tráng lệ, mà chàng cũng chẳng kịp có thời giờ để ngắm nghía cách kiến trúc rất đẹp. Quả vậy, vừa lúc ấy, một phu nhân vẻ người và dáng đi đường bệ, đẹp đến mức những xiêm y sang trọng nàng đang mặc cũng như những ngọc ngà châu báu nàng đang đeo cũng chẳng làm tôn thêm được chút gì, bước ra tận tiền sảnh, theo sau là một đám đông phụ nữ cũng đẹp cũng sang đến khó phân biệt được ai là bà chủ.

Vừa trông thấy phu nhân, hoàng tử Atmét rảo bước tới định làm lễ chào; về phần thiếu phụ, thấy chàng bước tới, nàng vội cất cao giọng chào trước:

– Thưa hoàng tử Atmét, mời chàng tiến vào, chúng tôi xin hoan nghênh.

Hoàng tử không kém phần kinh ngạc khi nghe gọi đúng tên mình ở một xứ chưa bao giờ nghe nói tới, mặc dù nó ở kề bên kinh đô của phụ vương mình; chàng không hiểu do đâu người thiếu phụ không quen này lại biết chàng. Cuối cùng, tới nơi, chàng quỳ gối thi lễ rồi đứng lên nói:

– Thưa bà, tôi sợ mình đã thiếu cẩn trọng khi vì hiếu kỳ mà dấn bước vào một nơi chưa quen biết, xin hết lòng cảm tạ bà đã ngỏ lời hoan nghênh. Nhưng không rõ tôi có thiếu lịch sự hay không, khi dám hỏi do đâu bà biết tôi, mà bà vừa gọi đúng tên, trong khi mãi đến bây giờ tôi mới được biết bà, dù chúng ta ở khá gần nhau?

– Thưa hoàng tử, – thiếu phụ đáp – xin mời chàng quá bộ vào phòng khách, để cho chàng cũng như tôi cùng được thoải mái hơn, rồi tôi sẽ xin trả lời câu hỏi của chàng.

Nói xong, nàng tiên lên trước, dẫn chàng vào một phòng khách, mà cách kiến trúc kỳ diệu, trần uốn thành vòm được trang trí bằng vàng và màu thanh thiên, bàn ghế cực kỳ quý giá; tất cả những thứ đó đối với chàng mới mẻ, đáng phục đến nỗi chàng kêu to chưa bao giờ thấy một phòng khách đẹp thế này, và không thể tin là có một nơi nào khác sánh bằng. Thiếu phụ nói:

– Tuy vậy; tôi xin quả quyết rằng đây là căn phòng kém nhất trong cung của tôi; và hẳn chàng sẽ đồng ý như vậy sau khi xem qua tất cả các phòng khác.

Nàng bước lên phòng khách, ngồi vào một trường kỷ, mời chàng ngồi xuống bên cạnh, rồi nói:

– Thưa hoàng tử, chàng ngạc nhiên sao tôi biết chàng mà chàng lại chưa biết tôi; một khi chàng đã rõ tôi là ai thì sẽ không còn lấy làm lạ nữa. Hẳn chàng chẳng lạ chi một điều, mà tôn giáo của chàng hằng dạy bảo, ấy là thế giới này có người mà cũng có cả thần linh. Tôi là con gái của một trong những thần linh nổi tiếng và có pháp thuật cao cường nhất. Tên tôi là Pari-Banu (1). Như vậy, hẳn chàng hết ngạc nhiên vì sao tôi biết chàng, phụ vương của chàng, các hoàng tử anh chàng và công chúa Nurunniha. Tôi biết rõ mối tình cũng như chuyến đi của chàng, mà tôi có thể thuật lại đúng mọi chi tiết, vì chính tôi đã sai người mang bán quả táo nhân tạo mà chàng mua ở Xamacăng, cũng như tấm thảm mà hoàng tử Hútxanh tậu được ở Bixnaga, và cái ống bằng ngà voi mà hoàng tử Ali mang về

---

(1) Pari và Banu là hai tiếng Ba-tư đều có nghĩa là tiên nữ.

từ Sirazơ. Chừng ấy đủ để chàng hiểu rằng không có việc gì liên quan tới chàng mà tôi không hay biết. Chỉ có nói một điều tôi nói thêm, là tôi thấy chàng xứng đáng với một số mệnh hướng hạnh phúc lớn hơn là lấy công chúa Nurunniha; và để được như vậy, lúc chàng bắn mũi tên mà chàng đang cầm ở tay kia, tôi có mặt ở trường bắn; biết trước nó không thể bay xa hơn mũi tên do hoàng tử Hútxanh bắn, tôi đã hất tung nó lên trời và đẩy cho nó bay tận núi đá, ở chỗ chàng vừa tìm lại được. Giờ chỉ còn tùy thuộc ở chàng lợi dụng cơ hội đó để được hạnh phúc hơn mà thôi.

Vì tiên nữ Pari-Banu nói câu cuối cùng này với một giọng khác hẳn, vừa âu yếm nhìn hoàng tử Atmét rồi đỏ mặt và ngó xuống, chàng chẳng khó khăn gì mà không hiểu được nàng nói đến hạnh phúc nào. Chàng nhận ra ngay giờ công chúa Nurunniha không còn có thể thuộc về mình nữa, mà tiên nữ Pari-Banu thì vô vàn hơn về nhan sắc, xiêm y, đồ trang sức cũng như trí thông minh siêu việt và của cải vô biên mà chỉ nhìn qua sự tráng lệ của cung điện này đã đủ thấy; chàng cảm tạ cái lúc chợt nảy ra ý nghĩ đi tìm lại một lần thứ hai mũi tên đã bắn. Chợt cảm thấy dấy lên trong lòng tình cảm nồng nhiệt đối với người mới gặp, chàng nói:

– Tôi sẽ tự cho mình là người trần thế hạnh phúc nhất trên đời, nếu như suốt đời được làm kẻ nô lệ của bà, được mãi mãi ngắm dung nhan kiều diễm đang làm tôi mê mẩn. Xin hãy tha thứ cho tôi dám bạo gan ngỏ lời cầu khẩn ấy, và xin chớ từ chối không cho một hoàng tử tha thiết với bà như tôi được tiếp cận.

– Thưa hoàng tử, xưa nay tôi vẫn được cha mẹ cho phép hoàn toàn làm chủ mọi quyết định của mình; vì vậy tôi không nhận hoàng tử tiếp cận gia đình tôi như một người nô lệ, mà như chủ nhân của con người tôi,

của tất cả những gì tôi có và có thể có, nếu chàng đồng ý thề lấy tôi làm vợ. Tôi hy vọng chàng không coi thường tôi vì tôi đã nói lên điều đó trước. Tôi đã nói với chàng rằng tôi được làm chủ mọi quyết định của mình. Xin nói thêm, các tiên nữ đối với đàn ông không giống như thái độ thượng tình của đàn bà nơi trần giới, những người vốn không có thói quen tỏ tình trước, và cho rằng làm như vậy là một điều sỉ nhục. Các tiên nữ chúng tôi thì tự mình nói ra trước, và người ta phải biết ơn chúng tôi về việc đó.

Hoàng tử Atmét lặng yên không đáp lời tiên nữ vừa nói. Chàng nghĩ không có cách gì tỏ rõ lòng cảm kích sâu sắc của mình hơn là tiến tới hôn gấu áo của nàng. Tiên nữ không để cho chàng kịp làm; nàng chìa tay cho chàng hôn. Chàng liền nắm lấy, xiết chặt và đặt môi lên. Tiên nữ hỏi:

– Hoàng tử Atmét, chàng có đồng ý thề, cũng như em thề không?

– Ôi, thưa bà, – hoàng tử Atmét mừng rỡ nói – còn có gì có thể làm cho tôi thích thú hơn việc đó. Vâng, hỡi bà hoàng của tôi, tôi xin thề hiến dâng nàng trọn vẹn trái tim của tôi.

– Nếu như vậy thì chàng là chồng em và em là vợ chàng. Trong tiên giới chúng tôi, các cuộc hôn nhân chỉ có vậy thôi, chẳng có lễ nghi gì khác. Nhưng nó dứt khoát và không bao giờ tan vỡ như ở người trần, dù ở họ có những nghi thức thêm thắt vào. Bây giờ, – nàng nói tiếp – trong khi người ta sửa soạn tiệc cưới của chúng mình tối hôm nay, mà chàng thì có vẻ suốt ngày chưa uống ăn gì, xin mời chàng dùng tạm một bữa nhẹ; sau đó mời chàng xem thử ý kiến của em nói rằng căn phòng này là gian kém nhất nhà có đúng hay không.

Một vài người hầu của tiên nữ có mặt trong phòng khách lúc ấy, hiểu rõ ý muốn của chủ, liền đi ra, và lát sau trở lại mang vào một số món ăn cùng rượu tuyệt vời.

Sau khi hoàng tử Atmét đã ăn uống no nê rồi, tiên nữ Pari-Banu dẫn chàng đi từ phòng này sang phòng khác, đâu đâu chàng cũng thấy kim cương, hồng ngọc, bích ngọc và đủ loại đá quý, được dùng cùng với ngọc trai, mã não, vân thạch, vân ban thạch và đủ loại cẩm thạch quý giá nhất, chưa nói tới bàn ghế, đồ đạc đắt tiền không thể nào ước lượng nổi, tất cả được sử dụng rộng rãi một cách kỳ lạ, chàng thú thật chưa bao giờ được thấy một cảnh giống thế này.

Tiên nữ liền bảo chàng:

– Thưa hoàng tử, chàng ca ngợi quá đáng lâu đài của em, tuy nó cũng khá đẹp thật đấy, nhưng chàng sẽ nói thế nào khi nhìn thấy cung điện của những vị đứng đầu các thần linh, nó còn đẹp hơn, rộng rãi hơn và huy hoàng hơn rất nhiều? Em cũng có thể mời chàng đi xem cảnh đẹp khu vườn của em, nhưng xin để một dịp khác, trời sắp tối rồi, đã đến lúc chúng ta dùng bữa.

Căn phòng tiên nữ Pari-Banu mời chàng vào, đã bày sẵn tiệc, chính là căn cuối cùng chàng chưa xem trong lâu đài, nó cũng không hề kém một phòng nào đã thấy. Vừa bước vào, chàng đã khâm phục ánh sáng của biết bao đèn nến thoang thoảng mùi trầm hương. Đèn tuy nhiều nhưng trông không loạn mắt, mà được sắp xếp cân đối, nhìn rất thích. Một tủ lớn đựng chén bát toàn bằng vàng, mà công phu chế tạo còn quý hơn cả chất liệu. Nhiều tốp nô tì, cô nào cũng đẹp như tiên và ăn mặc rất sang trọng, bắt đầu vừa hát vừa đàn, du dương trầm bổng như chàng chưa từng nghe được bao giờ. Hai người ngồi vào bàn. Tiên nữ Pari-Banu chú ý đưa từng món ngon nhất, lần lượt giới thiệu tên gọi và

mỗi chàng dũng; còn hoàng tử thì chưa bao giờ nghe nói tới và thấy món nào cũng tuyệt diệu, cứ luôn miệng khen, cho rằng những món ăn của thần tiên quả hơn đứt những thức vẫn dùng nơi trần thế. Đến khi dùng rượu, chàng cũng ngỏ ý như vậy; rồi tới lúc tráng miệng, thì loại trái cây hoặc bánh ngọt nào cũng không chê bai vào đâu được

Sau bữa ăn, tiên nữ Pari-Banu và hoàng tử Atmét rời bàn tiệc, bàn được dọn đi ngay tức khắc. Hai người ngồi xuống trường kỷ đầy tiện nghi, lưng tựa những chiếc gối bọc lụa hoa màu sắc rực rỡ, được thêu tay một cách cực kỳ tinh xảo. Lập tức một số rất đông thần linh và tiên nữ ùa vào phòng và bắt đầu một cuộc nhảy múa kỳ lạ nhất; họ cứ tiếp tục mãi như vậy cho tới khi tiên nữ Pari-Banu cùng hoàng tử Atmét đứng lên. Họ ra khỏi phòng, đi trước đôi vợ chồng mới cưới, tới tận nơi sẽ động phòng hoa chúc. Họ xếp thành hai hàng trước cửa, để cho đôi vợ chồng mới cưới đi qua giữa mà vào buồng, sau đó họ rút lui để cho chàng rể và cô dâu nghỉ.

Lễ cưới lại tiếp tục ngày hôm sau, hay đúng hơn, những ngày tiếp sau hôm cưới là một cuộc vui kéo dài liên miên, trong đó luôn luôn thay đổi: yến tiệc, tiếng hát, điệu đàn mỗi lần mỗi khác và mỗi kỳ lạ đến nỗi hoàng tử Atmét cho dù có sống cả nghìn năm trong cuộc đời trần thế, cũng không thể nào tưởng tượng được hết.

Ý định của tiên nữ không chỉ là biểu lộ với hoàng tử tình yêu chân thành và nồng nhiệt của mình; nàng còn muốn qua đó cho chàng thấy rằng, chẳng có thể mong ước gì hơn thế này ở triều đình của phụ vương chàng cũng như bất cứ nơi nào trên trái đất. ấy là chưa nói tới sắc đẹp và vẻ kiều diễm của chính nàng, vậy thì chàng sẽ chẳng có thể tìm ở đâu điều gì có thể so sánh

với hạnh phúc chàng được hưởng bên cạnh nàng, do đó sẽ gắn bó trọn vẹn và không bao giờ rời xa nàng. Nàng đã thành công. Tình yêu của hoàng tử không hề giảm bớt sau khi lấy được nàng; ngược lại, nó tăng lên tới mức cho dù nàng có thôi không yêu chàng nữa, thì chàng cũng không thể bớt yêu nàng.

Sau sáu tháng, hoàng tử Atmét, vốn là người xưa nay rất yêu kính vua cha, nảy ra lòng mong muốn được biết tin tức của Người. Do đó trong một buổi nói chuyện, chàng ngỏ ý với tiên nữ Pari-Banu, xin được về thăm nhà. Lời chàng làm tiên nữ hoảng hốt, nàng e rằng đây chỉ là một cái cớ để chàng từ bỏ nàng.

– Em có làm điều gì khiến chàng không bằng lòng, mà buộc chàng ngỏ lời như vậy? Có thể nào chàng đã quên mất lời thề nguyền, có thể nào chàng không yêu em nữa, em-người vẫn yêu chàng tha thiết? Qua thái độ của em, hẳn chàng đã tin chắc điều đó chứ?

– Bà hoàng của tôi ơi. – hoàng tử Atmét đáp – tôi tuyệt đối tin tưởng tình yêu của nàng, và tự tôi sẽ làm cho mình không xứng đáng với mối tình ấy nếu không tỏ lòng cảm kích bằng một tình yêu tương ứng. Nếu nàng bị phật ý vì lời yêu cầu của tôi, thì xin nàng hãy tha thứ, tôi sẵn sàng sửa chữa sai lầm của mình. Tôi không ngỏ lời yêu cầu vừa rồi để làm phật lòng nàng, mà duy nhất chỉ vì kính yêu phụ vương tôi, tôi biệt tích lâu thế này chắc hẳn Người buồn lắm, còn buồn phiền nhiều nữa vì tôi tin rằng Người có thể nghĩ rằng tôi không còn sống trên đời này nữa. Tôi chỉ muốn giải thoát cho cha tôi khỏi nỗi lo âu ấy. Nhưng, nếu nàng không chấp nhận cho tôi đi an ủi Người, thì tôi cũng chiều theo ý nàng, trên đời không có việc gì tôi không sẵn sàng làm để vui lòng nàng.

Hoàng tử Atmét không che giấu tình cảm chân thành của mình đối với tiên nữ, đúng như chàng vừa thổ lộ,

chàng thôi không nài thêm về yêu cầu đi thăm phụ vương nữa, và tiên nữ tỏ ra cực kỳ hài lòng về sự tuân phục ấy. Tuy nhiên, chàng không thể nào từ bỏ dứt khoát ước mong của mình, chàng cố tình thỉnh thoảng lại nói cho nàng nghe về những đức tính tốt đẹp của vua nước Ấn-độ, nhất là tình thương yêu đặc biệt của vua đối với mình, với niềm hy vọng là cuối cùng nàng sẽ chịu nhượng bộ.

Đúng như hoàng tử Atmét suy đoán, giữa những cuộc vui nhân dịp lễ thành hôn của hoàng tử Ali lấy công chúa Nurunniha, vua nước Ấn-độ quả rất buồn phiền về sự ra đi của hai người con trai. Vua vừa được biết quyết định của hoàng tử Hutxanh từ bỏ cuộc sống thế tục, cũng nơi chàng lui về ẩn dật. Là một người cha tốt, vua vẫn cho rằng không có gì hạnh phúc hơn được các con quây quần chung quanh, nhất là những đứa con xứng đáng với tình thương yêu của mình; vì vậy, những muốn hoàng tử ở lại triều đình, sớm hôm bên cạnh. Tuy nhiên vì không thể không tán thành con đường xuất gia mà hoàng tử đã tự chọn, vua đành kiên nhẫn chịu đựng sự vắng mặt của chàng. Riêng đối với hoàng tử Atmét, vua sai thi hành đủ mọi cách để biết được tin tức. Nhiều người đã được cử về các tỉnh trong khắp nước, truyền cho các quan thống đốc giữ chàng lại và buộc chàng trở lại triều đình, nhưng không mang lại kết quả. Nỗi buồn phiền của vua vì vậy không giảm bớt mà chỉ có tăng thêm. Nhiều lần, vua tâm sự với tể tướng:

– Tể tướng à, ông biết rằng Atmét là hoàng tử được ta thương yêu nhất, và ông cũng không lạ gì những biện pháp mà ta đã cho thi hành để cố tìm cho được chàng, nhưng vô hiệu. Nếu ông có lòng chăm lo tới sức khỏe của ta, thì mong ông khuyên bảo và giúp ta

một tay trong việc này

Tể tướng vốn rất thân cận với nhà vua cũng như mẫn cán trong công việc cai quản đất nước, trong khi nghĩ cách đỡ gánh nặng cho vua, chợt nhớ ra một mụ phù thủy vẫn được nhiều người ca ngợi là có lắm phép thần. Ông khuyên vua nên mời mụ đến hỏi ý kiến. Được vua chấp thuận, tể tướng cho người đi mời, rồi tự mình dẫn đến hầu vua.

Vua nói :

– Sự phiền muộn của ta về nỗi vắng hoàng tử Atmét kể từ lễ thành hôn của hoàng tử Ali và công chúa Nurunniha, mọi người đều đã rõ, ta chắc bà cũng chẳng lạ gì. Với pháp thuật và tài nghệ của bà, bà có thể cho ta biết chàng hiện ra sao chăng ? Chàng còn sống không ? Hiện đang ở đâu ? Đang làm gì ? Ta có hy vọng gặp lại hoàng tử nữa hay không ?

Mụ phù thủy đáp :

– Tâu bệ hạ, cho dù tội có tài giỏi đến đâu, cũng không thể trả lời ngay tức khắc câu hỏi của Ngài, Nhưng nếu Ngài vui lòng cho phép hoãn tới ngày mai, tôi sẽ xin trình Ngài lời đáp.

Nhà vua đồng ý với thời hạn ấy, cho mụ phù thủy về, với lời hứa sẽ trọng thưởng nếu lời đáp của mụ phù thủy hợp với mong ước của mình.

Ngày hôm sau, mụ phù thủy trở lại. Mụ được chính tể tướng dẫn vào gặp vua lần thứ hai. Mụ tâu :

– Tâu bệ hạ, vâng mệnh bệ hạ, tôi đã hết sức dùng mọi phép thuật, để tìm lời giải đáp, song chẳng biết được gì nhiều hơn là hoàng tử Atmét không chết, đó là điều rất chắc chắn. Còn như hiện chàng đang ở nơi đâu, thì tôi chịu không thể tìm ra !

Vua nước Ấn-độ buộc phải bằng lòng với câu trả lời đó, nó vẫn làm cho vua lo âu không kém trước bao nhiêu về số phận của con trai.

Lại nói về hoàng tử Atmét, chàng nói chuyện nhiều lần với tiên nữ Pari-Banu về vua Ấn-độ dù không đả động tới mong ước của mình được về thăm cha, sự cố tình ấy làm cho tiên nữ hiểu ra thâm ý của chồng. Nàng nhận ra, qua sự tự kiềm chế và nỗi lo lắm phát ý nàng, sau lần bị từ chối, tình yêu của hoàng tử đối với mình rất chân thành. Hơn nữa, nàng cũng nhận thấy mình quả thật bất công khi dùng quyền lực ngăn cản một người con thương yêu cha, buộc chàng cưỡng lại tình cảm tự nhiên của con người; vì vậy nàng quyết định chấp thuận điều mà nàng thấy rõ chàng vẫn luôn luôn ước mong nồng nhiệt. Một hôm, nàng bảo với chồng:

– Thưa hoàng tử, trước đây chàng có xin phép em về thăm phụ vương chàng, em đã lo âu một cách chính đáng rằng đây chỉ là cái cớ để chàng ruồng bỏ em. Vì mỗi một nguyên nhân ấy, em không chấp thuận. Nhưng, đến bây giờ, qua hành động và lời nói của chàng, em đã hoàn toàn tin chắc ở sự chung thủy cũng như tình yêu nồng nàn của chàng. Vì vậy, em thay đổi ý kiến là để chàng về. Tuy nhiên, em mong chàng không nên đi vắng quá lâu và mau mau trở về đây với em. Xin chàng chớ lấy thế làm phiền, cho rằng em nêu ra như vậy là em chưa tin tưởng ở chàng. Thực ra, vì đã tin tưởng chắc chắn vào lòng chung thủy của chàng nên em mới dám nói ra thôi.

Hoàng tử Atmét muốn quỳ xuống dưới chân tiên nữ để biểu hiện rõ rệt hơn lòng biết ơn của mình, nhưng nàng đã ngăn lại.

– Bà hoàng của tôi ơi, – chàng nói – tôi biết rất rõ cái ân huệ nàng vừa ban cho đáng giá như thế nào. Tôi thật không đủ lời lẽ để cảm tạ nàng như lòng tôi mong muốn. Mong nàng thấu hiểu cho, tôi van nàng đấy. Tôi biết rất rõ tâm trạng của nàng. Tôi không chút phiền lòng xin thề sẽ làm đúng điều kiện của nàng. Tôi sẵn lòng thế, bởi vì tôi không thể sống nổi nếu không có nàng. Tôi sẽ ra đi, nhưng sẽ mau mau trở lại. Nàng sẽ thấy qua việc đó, tôi không phải sợ lỗi lời thề nếu chậm trễ, mà chính là tôi làm theo tiếng nói của trái tim, muốn được trọn đời sống cùng nàng không xa cách. Nếu thỉnh thoảng có phải ra đi, chính tôi cũng rất buồn vì xa vắng nàng.

Tiên nữ Pari-Banu cực kỳ hài lòng về thái độ của hoàng tử Atmét, nàng không còn chút ngờ vực như trước, khi thấy việc chàng nôn nóng muốn về thăm vua cha là một việc đúng đắn để rút bỏ lời thề. Nàng bảo:

– Thưa hoàng tử, chàng muốn lên đường lúc nào xin tùy ý, nhưng trước hết xin vui lòng cho em được dặn đôi điều về cách nên xử sự thế nào trong chuyến đi này. Trước hết, em nghĩ rằng chàng không nên nói với phụ vương chàng về đám cưới của hai ta cũng như em là ai, chàng hiện sống nơi đâu, đã ở chốn nào kể từ ngày xa cách. Chàng hãy xin Người chỉ nên bằng lòng biết chàng hiện đang hạnh phúc, chàng không có mong muốn gì hơn nữa và lý do duy nhất khiến chàng trở lại là để Người thôi hết lo âu về số phận của chàng.

Cuối cùng, tiên nữ cấp cho chàng hai mươi kỵ sĩ cùng với ngựa tốt và yên cương đầy đủ, để theo

hầu. Khi mọi việc đã sẵn sàng, hoàng tử Atmét cáo biệt, ôm hôn vợ, và nhắc lại lời hứa sẽ trở về ngay. Người ta dẫn tới con ngựa dành riêng cho chàng. Không những được thắng yên cương lộng lẫy, nó còn đẹp hơn, có giá trị hơn bất kỳ con nào trong đàn ngựa của vua Ấn-độ. Chàng lên ngựa rất khéo, khiến tiên nữ thật hài lòng, rồi sau khi từ biệt một lần nữa, chàng ra roi.

Đường về kinh đô nước Ấn-độ chẳng xa xôi gì, hoàng tử Atmét chẳng mấy chốc đi tới nơi. Chàng vừa vào kinh thành, nhân dân vui mừng được gặp lại hoàng tử, nồng nhiệt hoan hô: một số lớn tách ra khỏi đám đông, đi theo chàng đến tận cung vua. Nhà vua cực kỳ mừng vui ôm hôn con trai, và âu yếm trách chàng đã để cho mình phiền muộn vì vắng mặt quá lâu. Vua nói thêm:

– Sự vắng mặt của con càng làm cho cha đau khổ, vì sau khi số mệnh đã định đoạt hoàng tử Ali anh con chứ không phải con được may mắn, cha càng có lý do để lo âu, nhưng e con vì tuyệt vọng mà làm liều chăng.

– Tâu bệ hạ, – hoàng tử Atmét nói – xin bệ hạ suy xét cho, sau khi mất công chúa Nurunniha, niềm ước mơ duy nhất của con, làm sao con có thể đến để nhìn hạnh phúc của hoàng tử Ali được. Nếu con tự trên đến mức ấy, thì triều đình và nhân dân kinh thành nghĩ sao về mối tình của con; cả bệ hạ nữa, bệ hạ cũng nghĩ sao?! Tình yêu là một đam mê mà không phải người ta muốn bỏ đi lúc nào thì bỏ. Nó ngự trị, nó làm chủ, nó không cho người tình chân chính có thời giờ viện tới lý trí. Bệ hạ đã biết là khi con bắn cung, đã xảy ra một chuyện kỳ lạ chưa từng đến với ai, ấy là không thể nào tìm thấy mũi tên con bắn đi, mặc dù bãi quân

ngựa rất bằng phẳng và trống trải ; điều đó làm cho con mất quyền được lấy một người tình mà con yêu thạ thiết chẳng kém gì hai anh của con . Bị sự trớ trêu của số mệnh đánh bại , con không để mất thời giờ để than vãn vô ích Không muốn để tâm trí cứ áy náy mãi về một điều không sao hiểu nổi , con tránh bọn người hầu và một mình trở lại nơi ấy để cố tìm mũi tên . Con tìm đằng trước , đằng sau , con tìm bên phải , bên trái nơi nhặt được tên của các hoàng tử anh con bắn trước , con nghĩ rằng mũi tên của con hẳn cũng rơi ở quãng này, nhưng vô ích vì không sao tìm thấy . Không nản chí, con tiếp tục cuộc tìm kiếm , con gần như cứ dóng đường thẳng mà tiến tới mãi , theo hướng bay của tên . Con đã đi được chừng một dặm , mắt chăm chú nhìn sang hai bên , thỉnh thoảng lại quay đầu xem xét thật kỹ bất cứ vật gì có hình dạng na ná mũi tện . Có lúc con suy nghĩ không thể nào mũi tên con bắn có thể bay xa đến thế , con đã đứng dừng lại và tự hỏi phải chăng mình mất trí , phải chăng mình lẩn thẩn đến mức tự cho mình có sức bật mũi tện bay xa đường ấy , mà cho đến các vị anh hùng cổ xưa nhất , danh tiếng nhất của chúng ta về vũ dũng cũng chưa bao giờ làm được. Con luận lý như vậy, và đã sắp bỏ cuộc . Nhưng con lại thấy như có một sức mạnh nào đó cứ kéo đi , con không sao cưỡng lại được . Con đi chừng bốn dặm đến nơi cánh đồng tiếp giáp với núi đá thì trông thấy một mũi tện . Con vội chạy lại , nhặt lên nhận ra đúng là mũi tện con đã bắn , nhưng đã không tìm thấy ở nơi đáng lẽ nó phải rơi . Tuy nhiên , con vẫn không hề nghĩ bệ hạ đã bất công khi tuyên bố cho hoàng tử Ali anh con thắng cuộc , con lại hiểu điều vừa xảy ra cho con một cách khác . Không nghi ngờ gì nữa , đây là một điều bí ẩn có lợi cho con , mà nhất định con phải tìm hết cách để làm cho sáng tỏ . Và quả thực con đã

làm sáng tỏ được, mà chẳng phải đi quá xa chỗ ấy, nhưng đây lại là một điều bí ẩn khác mà con van xin bệ hạ chớ cho rằng con thất lễ nếu không nói rõ ra. Chỉ xin bệ hạ biết cho, rằng tự miệng con nói là con đang sung sướng, con hài lòng với hạnh phúc của mình. Giữa niềm hạnh phúc ấy, có mỗi một điều khuấy động và khả dĩ khuấy động nó, là nỗi băn khoăn e bệ hạ lo lắng cho con, không hiểu từ ngày con biến mất và xa lánh triều đình, con sống chết ra sao. Con thấy bổn phận của con là phải trở về để bệ hạ gỡ được mối lo âu, con không thể nào trốn tránh bổn phận ấy. Đó là cớ duy nhất đưa con trở về đây. Con chỉ xin bệ hạ mỗi một ân huệ, ấy là cho phép con thỉnh thoảng được về hầu và vấn an Ngài.

– Con ạ, nhà vua đáp – cha không thể nào từ chối điều con yêu cầu, tuy nhiên cha mong muốn hơn thế nhiều, ấy là con ở lại bên cha. Ít ra con cũng nên cho cha biết nơi con ở, để có lúc nào con không đến được, mà cha cần sự có mặt của con, thì sai người đến tìm.

– Tâu bệ hạ, – hoàng tử Atmét nói – điều bệ hạ vừa dạy đó là một phần trong sự bí ẩn mà con đã tâu; con van xin bệ hạ cho phép con được im lặng về điểm đó, con sẽ năng về chầu; bất cứ lúc nào sự có mặt của con là cần, thì con chỉ lo mình quấy rầy nhiều quá, chứ không để bệ hạ phải quở trách con sao chểnh mảng.

Không muốn ép con hơn nữa về chuyện đó, vua nước Ấn-độ liền bảo hoàng tử:

– Con ạ, cha không muốn đi sâu hơn vào điều bí mật của con, cha để cho con toàn quyền định đoạt. Cha chỉ nói thêm rằng cha không có gì vui thích hơn được con về thăm, bất cứ lúc nào con về, con đều được hoan nghênh, miễn là nó không làm trở ngại tới công việc hoặc sự vui chơi giải trí của con.

Hoàng tử Atmét không lưu lại quá ba ngày ở triều đình phụ vương, chàng ra đi ngày thứ tư, rất sớm. Tiên nữ Pari-Banu càng mừng rỡ đón chàng trở về, nhất là vì không chờ đợi chàng trở về sớm vậy. Nó làm nàng tự trách sao mình lại có lúc ngờ vực lòng chung thủy mà chàng đã bao lần nặng lời thề thốt. Không che giấu hoàng tử, nàng thú thật sự yếu đuối của mình và xin chồng tha thứ. Cuộc sống chung của hai vợ chồng tâm đầu ý hợp thật tốt đẹp hoàn toàn.

Một tháng sau khi hoàng tử Atmét trở về, tiên nữ Pari-Banu nhận thấy, tuy chàng đã thuật lại đầy đủ chuyến đi và câu chuyện trao đổi giữa hai cha con cho nàng nghe, trong đó có việc chàng xin phép nhà vua được thỉnh thoảng về chầu, nhưng lại tuyệt nhiên không nhắc tới phụ vương nữa, như thể không có vua cha trên đời, khác với trước kia, chàng hay nói đến luôn; tiên nữ nghĩ rằng sở dĩ chàng làm như vậy vì nể nàng. Do đó, một hôm, nàng tìm dịp nói với hoàng tử:

– Này chàng, xin chàng nói em nghe, có phải chàng đã quên mất phụ vương của chàng chăng? Chàng không nhớ đã từng hứa sẽ thỉnh thoảng trở lại hầu thăm Người ư? Em thì em không quên điều chàng kể lại sau chuyến đi lần trước, bởi vậy xin nhắc để chàng chớ có để lâu hơn nữa mới thực hiện lời hứa của mình.

Hoàng tử cũng bắt chước giọng nói vui như tiên nữ:

– Thưa bà, tôi không hề thấy mình phạm tội chóng quên như bà nghĩ, nhưng thà chịu lời trách móc ấy cho dù mình không đáng, còn hơn là chịu sự khước từ, nếu tôi nôn nóng không đúng lúc và đưa ra một lời yêu cầu khiến bà khó khăn lắm mới chấp thuận được.

– Thưa hoàng tử, em không muốn chàng giữ ý như vậy nữa đối với em, và để cho những việc tương tự sau này không xảy ra nữa, em xin nói là: chàng không

gặp phụ vương đã một tháng rồi, em nghĩ không nên để hai chuyến viếng thăm cách nhau quá thời hạn đó. Vậy thì sáng mai chàng hãy về thăm Người, và từ nay cứ mỗi tháng chàng hãy về một lần mà không cần nói với em hoặc đợi em nhắc; em rất vui lòng chấp thuận như vậy.

Ngày hôm sau hoàng tử Atmét lên đường với đoàn tùy tùng y như lần trước nhưng lanh lợi hơn; bản thân chàng cưỡi ngựa thắng yên cương và ăn mặc còn lộng lẫy hơn trước. Chàng được phụ vương đón tiếp với cùng nỗi mừng vui và hài lòng ấy. Nhiều tháng liền, chàng trở về thăm vua cha như vậy, và mỗi lần đoàn tùy tùng càng sang trọng càng rực rỡ hơn.

Cuối cùng, một số đại thần được sủng ái của nhà vua, vốn hay suy xét uy quyền và lực lượng củahoàng tử Atmét qua vẻ bên ngoài của chàng, lợi dụng sự tin cẩn của vua để tìm cách nói xấu chàng. Họ nói vua nên cẩn thận tìm hiểu cho được hoàng tử ẩn náu ở đâu, chàng lấy đâu ra tiền để tiêu pha hoang phí như vậy, vì vua chưa phong cho chàng thái ấp cũng như cho lợi tức cố định; chàng về chầu theo cung cách ấy có vẻ như để khiêu khích nhà vua rằng không cần có lộc vua ban mình vẫn có thể sống như ông hoàng; và cuối cùng có lẽ phải đề phòng cả việc chàng xui dân chúng nổi loạn để cướp ngôi vua nữa.

Vua nước Ấn-độ không bao giờ nghĩ hoàng tử Atmét có thể làm những chuyện tày đình như bọn sủng thần cố làm cho vua tin, liền bảo:

– Các ông nhầm rồi. Con trai ta yêu ta, và ta càng tin chắc ở tình thương yêu cũng như lòng thành của nó, vì ta nhớ ra chưa bao giờ làm một việc gì khiến cho nó bất bình với ta.

Nghe đến đấy, một sủng thần chộp lấy cơ hội để thưa:

– Tâu bệ hạ, mặc dù theo sự phán đoán chung của những người thông minh nhất bệ hạ không thể nào phân xử tài tình hơn cách dàn xếp ba hoàng tử về chuyện kết hôn với công chúa Nurunniha, nhưng ai biết đâu hoàng tử Atmét cũng chịu tuân phục quyết định của số mệnh giống như hoàng tử Hutxanh? Sao chẳng có thể chàng nghĩ rằng chỉ mình mới là người xứng đáng, và bệ hạ đáng ra cần ưu đãi chàng hơn so với hai hoàng tử anh, thế mà bệ hạ đã lại giao cho số mệnh định đoạt, và như vậy là bất công đối với chàng.

Bệ hạ có thể nói rằng – lão sủng thần gian trá nói tiếp – hoàng tử Atmét không biểu lộ dấu hiệu gì bất bình, rằng nỗi lo sợ của chúng tôi là vu vơ, rằng chúng tôi hoảng hốt quá dễ dàng, và chúng tôi đã sai lầm khi tỏ ý nghi ngờ, có thể vô căn cứ, một hoàng tử do bệ hạ sinh hạ. Nhưng, tâu bệ hạ, những điều ngờ vực ấy cũng có thể có căn cứ. Bệ hạ hẳn đã biết rằng trong một việc tế nhị và quan trọng như việc này, phải tính chuyện ăn chắc nhất. Xin bệ hạ hãy suy xét, hoàng tử Atmét giấu giếm bệ hạ như vậy là để cho vui hay để lừa dối bệ hạ, và nỗi hiểm nguy càng đáng sợ vì có vẻ như hoàng tử ở không xa kinh thành là mấy. Qủa vậy, nếu bệ hạ cũng để ý như chúng tôi. Ngài sẽ có thể nhận xét rằng mỗi lần chàng về cả chàng cùng với đoàn tùy tùng đều tươi tỉnh, trang phục họ cũng như yên bành của ngựa đều sáng chóe như thể mới ra khỏi bàn tay người thợ. Ngựa của họ cũng chẳng chút mệt nhọc, như vừa đi dạo mát về. Những biểu hiện hiển nhiên ấy chứng tỏ hoàng tử Atmét ở khá gần, chúng tội tự cảm thấy khiếm khuyết trong bổn phận nếu không khép nép tâu trình hoàng thượng, vì sự tồn vong của bệ hạ cũng như của nước nhà, mà nên có những quyết định thỏa đáng.

Chờ viên sủng thần tâu hết những lời dài dòng ấy, vua cho bãi triều, và nói:

– Dù thế nào đi nữa, ta vẫn không tin rằng hoàng tử Atmét độc ác như lời các ông thuyết phục ta; tuy nhiên, ta vẫn cám ơn những lời khuyên của các ông, và ta tin rằng các ông nói ra như vậy là những ý nghĩ tốt.

Vua nước Ấn-độ nói với bọn sủng thần như vậy mà không để lộ ra là lời lẽ của họ đã gây ấn tượng đến đầu óc của mình. Tuy nhiên, vua không lấy gì làm hoảng hốt, vua quyết định sẽ cho theo dõi hành tung của hoàng tử Atmét và chỉ mình vua biết việc này. Vua sai tìm mụ phù thủy, mụ được đưa qua một cổng bí mật đến gặp vua. Vua bảo mụ:

– Bà đã quả quyết rằng con trai Atmét của ta không chết, ta biết ơn bà nhiều. Bây giờ, ta mong bà giúp ta một việc khác vì từ khi ta gặp lại được chàng, dù tháng tháng chàng về chầu ta ở triều đình, chàng vẫn chưa chịu nói cho ta rõ chàng ở đâu. Ta không muốn buộc chàng phải nói ra điều bí mật trái với ý chàng. Ta tin rằng bà khá tài giỏi, bà có thể giúp ta việc đó mà không để cho hoàng tử cũng như cả triều đình ta hay biết. Bà biết rằng hiện chàng đang ở đây; chàng có thói quen ra đi mà không cáo biệt ta cũng như một ai khác trong triều. Vậy bà chớ để mất thời giờ, ngay hôm nay, bà hãy phục bên đường, xem chàng về đâu, rồi trở lại đây trả lời ta rõ.

Mụ phù thủy đã biết được nơi hoàng tử Atmét nhặt lại được mũi tên chàng bắn. Vừa ra khỏi hoàng cung, mụ đi thẳng tới đó và nấp sau các tảng đá, sao cho không để một ai nhìn thấy.

Hôm sau, trời vừa tảng sáng, hoàng tử Atmét lại ra đi không cáo biệt nhà vua cũng như bất cứ vị triều thần nào, theo đúng lệ của chàng. Mụ phù thủy nhìn thấy

chàng tử xa đến, mụ đưa mắt theo dõi cho đến khi cả chàng cùng đoàn tùy tùng đều mất hút.

Vì dãy núi đá lăn thành một hàng rào không người trần thế nào có thể vượt qua, dù là đi bộ hay đi ngựa, bởi quá hiểm trở, mụ phù thủy suy xét chỉ có thể có một trong hai điều hoặc là hoàng tử lui sâu vào trong hang đá, hoặc là có một hầm ngầm ở dưới đất làm nơi trú ngụ của các thần linh và tiên nữ. Chờ một lúc cho hoàng tử cùng đoàn tùy tùng đủ thời giờ vào trong hang đá hoặc dưới hầm ngầm rồi, mụ ra khỏi nơi ẩn nấp và tới gần khe đá mụ vừa trông thấy họ vào, mụ cũng bước vào đó. Nhưng đi hết chỗ hẻm, nhìn khắp nơi và đi lại nhiều lần, chăm chú tìm kiếm mụ vẫn không hề trông thấy một cửa hang nào, cũng như không trông thấy cánh cửa sắt đã từng không lọt khỏi mắt hoàng tử Atmét, vì cánh cửa ấy, chỉ có đàn ông mới trông thấy được, đặc biệt là một số người mà tiên nữ Pari-Banu thích sự có mặt, còn đàn bà thì không thể nào nhìn thấy.

Mụ phù thủy biết có vất vả tìm kiếm nữa cũng vô ích thôi, đành trở về tâu hoàng đế rõ. Thuật lại xong những việc vừa rồi, mụ nói thêm:

– Tâu bệ hạ, bệ hạ có thể thấy, sau những điều tôi vừa tâu với bệ hạ rằng đối với tôi, chẳng khó khăn gì lắm việc bệ hạ giao cho tìm hiểu hành tung của hoàng tử Atmét. Lúc này tôi chưa muốn nói rõ ý nghĩ của mình, xin đợi cho đến lúc có bằng chứng đầy đủ mới xin tâu để bệ hạ rõ. Muốn vậy, chỉ mong bệ hạ hãy kiên nhẫn, cho tôi có đủ thời giờ, và xin hãy cho phép tôi được tự xoay xở mà chớ hỏi đã dùng những cách nào để biết được.

Nhà vua bằng lòng với những điều mụ phù thủy vừa tậu. Vua bảo :

– Bà là người chủ, bà hãy đi làm những gì bà thấy là thích hợp ; ta kiên nhẫn chờ đợi bà mang đến câu trả lời như đã hứa.

Để khuyến khích, vua ban thưởng cho mụ một viên kim cương rất đắt tiền, và nói thêm là sẽ thưởng mụ thật trọng hậu hơn nữa, chừng nào mụ giúp vua xong công việc hệ trọng mà vua tin tưởng, nhờ tài khéo léo, mụ có thể làm xong.

Còn hoàng tử Atmét, kể từ khi được phép của tiên nữ Pari-Banu, không tháng nào là không về chầu vua đều đặn một lần, mụ phù thủy biết vậy nên mụ kiên nhẫn chờ. Một hai ngày trước thời hạn đó, mụ đến trực sẵn ở dãy núi đá, nơi lần trước mụ đã để mất hút bóng hoàng tử và đoàn tùy tùng. Mụ chờ ở đấy, sẵn sàng thực hiện âm mưu của mình.

Ngày hôm sau, theo thường lệ, hoàng tử Atmét cùng những người hầu xuất hiện từ cánh cửa sắt rồi đi tới gần mụ phù thủy, mà chàng không biết là ai. Thấy mụ đang nằm, đầu gục xuống một tảng đá, miệng rên rỉ như đang đau đớn lắm, lòng thương hại khiến chàng quay lại và tiến tới gần, để hỏi xem mụ đau thế nào, chàng có thể làm gì giúp mụ được hay không.

Mụ phù thủy giả đau, không ngẩng đầu mà lại nhìn hoàng tử với vẻ làm tăng thêm lòng ái ngại của chàng, trả lời tiếng được tiếng mất như thể đang đứt hơi rằng mụ vừa ở nhà định vào thành phố, nửa đường chợt lên cơn sốt dữ dội, vì kiệt sức mụ đành nằm lại như chàng đang trông thấy đây, ở một nơi xa nhà cửa dân cư, không mong gì được ai cứu giúp.

– Bà cụ ơi, – hoàng tử Atmét nói – bà không quá xa nơi cứu giúp như bà tưởng đâu. Tôi sẵn sàng cho bà

thấy ngược lại, và đưa bà vào một nơi, cũng gần đây thôi, không những bà được chăm sóc hết lòng, mà còn được mau chóng chữa lành cho nữa. Muốn vậy, chỉ cần bà đứng dậy, và chịu để cho một người hầu của tôi đỡ lên ngồi kèm trên lưng ngựa.

Nghe hoàng tử nói như vậy, mụ phù thủy vốn chỉ giả đau để tìm hiểu chàng ở nơi đâu, đang làm gì, và số phận chàng hiện ra sao, không khước từ việc làm ơn đầy lịch sự đó. Để tỏ ra mình nhận lời bằng hành động chứ không phải bằng lời nói, mụ làm ra vẻ cố đứng lên, nhưng cơn bệnh quá nặng không sao trở mình nổi. Vừa lúc ấy, hai kỵ sĩ của hoàng tử xuống ngựa, vực mụ đứng dậy, và đỡ mụ ngồi lên ngựa sau lưng một kỵ sĩ khác. Hoàng tử quay lại dẫn đầu cả đoàn trở về cánh cửa sắt. Một người hầu tiến lên trước, mở cửa. Hoàng tử vào. Tới sân cung điện của tiên nữ, chàng không xuống ngựa mà sai một người hầu đi báo cho nàng biết chàng cần gặp.

Tiên nữ Pari-Banu lật đật tới, không rõ vì sao hoàng tử Atmét quay trở lại ngay như vậy. Không để cho nàng kịp hỏi lý do, chàng chỉ mụ phù thủy, mà hai người hầu của chàng đã đỡ xuống đất và đang xốc nách dìu:

– Thưa bà, xin bà hãy đem lòng thương hại bà cụ đây, giống như tôi thương vậy. Tôi vừa gặp cụ trong tình trạng bà nhìn thấy kia, và đã hứa sẽ giúp đỡ cụ. Tôi xin gởi lại bà, tin rằng bà sẽ không bỏ bà cụ, vì bản tính nhân hậu của bà cũng như vì lời khẩn cầu của tôi.

Tiên nữ Pari-Banu chăm chăm nhìn người đàn bà giả ốm trong khi hoàng tử nói. Nàng sai hai cô hầu đi theo, đỡ mụ phù thủy từ tay hai kỵ sĩ, đưa vào trong một gian buồng, dặn chăm sóc mụ chu đáo như chăm sóc chính nàng vậy.

Trong khi hai cô hầu tuân theo lệnh ấy, tiên nữ Pari-Banu đến gần hoàng tử Atmét và hạ giọng nói :

– Thưa hoàng tử, em xin ca ngợi lòng thương hại của chàng, nó thật xứng đáng với chàng cũng như dòng dõi đế vương của chàng, và em vui lòng làm theo ý định tốt lành ấy, nhưng em xin phép được nói rằng em sợ ý định ấy sẽ được trả công một cách chẳng lấy gì làm đẹp. Em không tin bà già này thật ốm đau như bà làm ra vẻ, và em sẽ nhầm to nếu không phải bà ta cố tình phục ở đấy để gây cho chàng những điều phiền muộn lớn. Nhưng xin chàng chớ vì vậy mà lo nghĩ, cho dù người ta có mưu mô gì đi nữa chàng hãy tin rằng em sẽ giải thoát cho chàng khỏi mọi cạm bẫy mà kẻ khác có thể chăng ra. Xin chàng hãy đi, hãy tiếp tục cuộc hành trình của mình.

Lời tiên nữ không làm cho hoàng tử lo lắng. Chàng nói :

– Bà hoàng của tôi ơi, tôi chưa từng làm điều gì có hại tới ai, và tôi cũng chẳng có ý định làm điều đó, vậy tôi không tin rằng ai đó lại nghĩ tới chuyện làm hại tôi. Dù thế nào chăng nữa, tôi sẽ vẫn tiếp tục làm việc lành chừng nào gặp dịp.

Nói xong chàng cáo từ. Chia tay tiên nữ, chàng tiếp tục chuyến đi bị bỏ dở vì mụ phù thủy. Chẳng bao lâu sau, chàng tới triều đình của vua cha, nhà vua tiếp đón chàng vẫn như thường lệ, cố gắng hết sức để không mảy may tỏ ra lo lắng gây nên do sự ngờ vực bởi lời lẽ của bọn sủng thần.

Trong thời gian đó, hai người hầu được tiên nữ Pari-Banu giao việc, dẫn mụ phù thủy vào trong một căn phòng rất đẹp, đồ đạc sang trọng. Thoạt tiên, họ để mụ ngồi lên một trường kỷ, lưng mụ dựa vào một chiếc gối bọc gấm nền vàng, sau đó, họ chuẩn bị một chỗ nằm trước mặt mụ, ngay trên chiếc trường kỷ ấy, bên

trên là đệm bọc sa tanh đính lụa thêu, vải trải thuộc loại tốt nhất, còn chăn là một tấm dạ vàng. Sau khi đã giúp mụ phù thủy nằm xuống – vì mụ vẫn giả vờ như vẫn còn bị cơn sốt dầy dọa nên mụ không tự mình nằm xuống được – một trong hai người hầu đi ra và lát sau trở lại, tay cầm một liều thuốc đựng trong chén sứ tuyệt đẹp. Chị đưa cho mụ và nói:

– Bà hãy dùng thứ thuốc này. Đây là nước lấy từ Giếng Sư tử đấy, loại thuốc thần làm giảm ngay bất kỳ cơn sốt nào. Chưa tới một giờ bà đã thấy công hiệu của nó.

Hai người hầu lại giúp mụ ngồi dậy, mụ phù thủy để người ta mời mọc khá lâu, làm như thể mụ rất khó chịu vì phải dùng thứ thuốc ấy. Cuối cùng, mụ cũng cầm lấy cái chén, vừa uống vừa lắc đầu, như tự mình phải cố lắm mới nuốt trôi. Hai người hầu đặt mụ nằm xuống giường, rồi đắp chăn cẩn thận cho mụ. Chị cho mụ uống thuốc bảo:

– Bà hãy nằm nghỉ, nếu muốn ngủ thì cứ ngủ. Chúng em hy vọng độ một giờ nữa, khi trở lại sẽ thấy bà hoàn toàn bình phục.

Mụ phù thủy không phải đến đây để giả ốm lâu, mà duy nhất chỉ nhằm tìm kiếm nơi trú ngụ của hoàng tử Atmét và vì sao chàng khước từ không về với triều đình của vua cha. Giờ mụ đã nắm được tin tực đầy đủ, mụ sẵn lòng tuyên bố thuốc rất công hiệu, vì mụ nôn nóng muốn được quay về ngay để báo cho nhà vua hay kết quả tốt đẹp. Nhưng, dù không muốn, mụ cũng phải chờ cho tới khi hai người hầu trở lại...

Sau thời gian đã hẹn, hai người hầu vừa tới căn phòng đã thấy mụ phù thủy ngồi dậy, áo quần tề chỉnh, mụ kêu lên:

– Ôi! thuốc mới hay làm sao. Nó công hiệu nhanh hơn lời hai chị nói. Tôi sốt ruột chờ hai chị đã khá lâu,

để nhờ hai chị đưa tôi đến gặp bà chủ đầy lòng bác ái, cho tôi được cảm ơn lòng tốt của bà vì tôi đã khỏi được cơn đau như có phép thần, xin bà cho tôi được tiếp tục đi làm nốt câu chuyện của mình

Hai người hầu này, cũng đều là tiên nữ như chủ nhân của họ, sau khi tỏ nỗi vui mừng được thấy mụ phù thủy chóng bình phục, liền đi trước dẫn đường, đưa mụ đi ngang qua nhiều gian buồng, buồng nào cũng tráng lệ như nơi mụ vừa nghỉ, để tới một phòng khách lộng lẫy nhất, bàn ghế sang trọng nhất trong toàn thể lâu đài.

Trong phòng khách, tiên nữ Pari-Banu đang ngồi trên một cái ngai đúc bằng vàng khối nạm kim cương, hồng ngọc và ngọc trai viên nào cũng to một cách kỳ lạ; hai bên tả hữu có nhiều tiên nữ, người nào cũng xinh đẹp và ăn vận cực kỳ sang. Trước cảnh huy hoàng đường bệ ấy, mụ phù thủy không chỉ lóa mắt, mụ còn khá lo sợ nữa. Sau khi quỳ xuống trước ngai, mụ không thể nào mở miệng nói nên lời để cảm ơn tiên nữ như dự định. Để đỡ cho mụ việc đó, tiên nữ Pari-Banu nói:

– Bà già ạ, tôi rất hài lòng được dịp giúp đỡ bà, và rất vui thích thấy bà đã có thể tiếp tục chuyến đi của mình. Tôi không giữ bà đâu, nhưng trước đó, xin mời bà thăm qua cung của tôi. Mời bà đi với các người hầu, họ đưa đường và chỉ cho bà xem.

Mụ phù thủy vẫn lo âu, dập đầu một lần nữa xuống tấm thảm trải dưới chân ngai, và cáo từ mà không đủ sức cũng chẳng có gan mở miệng nói một câu nào, rồi để cho hai tiên nữ đưa đi. Mụ cực kỳ ngạc nhiên, miệng không ngớt thốt những lời thán phục khi được xem hết buồng này sang buồng khác, cũng những của cải và sự tráng lệ mà chính tiên nữ Pari-Banu đã thân hành dẫn hoàng tử Atmét đi xem lần đầu tiên nàng gặp chàng. Điều làm cho mụ khâm phục hơn cả, sau khi xem toàn

bộ tòa lâu đài, là khi hai nàng tiên dẫn đường nói, tất cả những gì mụ vừa được xem chỉ là một mẩu nhỏ trong thanh thế và uy quyền của chủ nhân họ thôi; trong quốc gia rộng lớn của bà, còn nhiều lâu đài khác, mà họ không thể nói rõ là bao nhiêu, tất cả đều kiến trúc theo những dạng thức khác nhau, cái nào cũng không kém phần tráng lệ và huy hoàng. Vừa nói chuyện với bà về những đặc điểm khác, họ vừa dẫn mụ ra tới cửa sắt, nơi hoàng tử Atmét đã đưa mụ vào, rồi mở cửa chúc mụ đi đường may mắn, sau khi mụ cáo biệt và cảm ơn họ đã hết lòng chăm sóc.

Đi được mấy bước, mụ phù thủy quay lại để quan sát và nhận dạng cánh cửa, nhưng mụ không tìm thấy, nó đã trở thành vật vô hình đối với mụ, cũng như đối với mọi người đàn bà khác, như tôi đã từng nói ở trên. Như vậy, trừ mỗi một chi tiết ấy ra, mụ trở về hoàng cung, tự lấy làm bằng lòng, vì đã làm trọn công việc vua trao. Đến kinh thành, mụ theo những nẻo đường tắt, rồi qua cái cổng bí mật tới hầu vua. Trông thấy bộ mặt mụ ủ xìu vua tưởng mụ không thành công, liền bảo:

– Nhìn mặt bà, ta đã hiểu chuyến đi của bà là vô ích và bà không mang lại cho ta điều sáng tỏ mà ta hi vọng có được qua sự mẫn cán của bà.

Mụ phù thủy đáp:

– Tâu bệ hạ, tôi xin phép được tâu với bệ hạ xin bệ hạ chớ bằng cứ vào vẻ mặt mà suy xét xem tôi có hết lòng trong công việc bệ hạ hạ cố ban cho hay không, mà nên bằng vào lời trình chân thật về những điều tôi đã làm và những điều đã xảy tới cho tôi, kẻ không tiếc sức mình để xứng đáng với sự tin cậy của bệ hạ. Vẻ không vui hiện lên trên mặt tôi mà bệ hạ nhận thấy đó, là từ một nguyên nhân khác chứ không phải ở chỗ tôi đã

không thành công. Tôi hi vọng bệ hạ sẽ hài lòng về việc tôi đã làm. Tôi xin không nói nguyên nhân ấy là gì; câu chuyện tôi sắp tâu đây sẽ làm bệ hạ sáng tỏ, nếu bệ hạ vui lòng nghe cho tôi nói hết.

Thế là mụ phù thủy thuật lại cho vua nước Ấn-độ nghe, mụ đã giả vờ làm người ốm như thế nào để được hoàng tử Atmét đem lòng thương hại, dẫn vào một nơi ngầm dưới đất, thân hành giới thiệu với một tiên nữ có sắc đẹp tuyệt thế vô song và yêu cầu nàng góp phần chăm sóc mụ cho chóng phục hồi sức khỏe. Mụ lại kể đến chuyện tiên nữ ân cần ra lệnh ngay cho hai nàng tiên theo hầu hãy chăm sóc mụ cho đến khi khỏi bệnh hoàn toàn; một sự chu đáo như vậy chỉ có thể là thái độ của một người vợ đối với chồng. Mụ phù thủy cũng không quên nói qúa đi nỗi kinh ngạc của mụ khi nhìn thấy mặt tiền của tòa cung điện, mà mụ cho là trên đời này không có cái nào sánh bằng, lúc mụ giả vờ đau và được hai nàng tiên dìu hai bên như một người ốm không đủ sức lê chân nếu không có người trợ lực. Mụ lại kể tới sự chăm sóc của họ khi mụ đã được đưa vào trong buồng, liều thuốc họ cho mụ uống, khiến cho mụ khỏi bệnh ngay sau đó – khỏi cũng giả vờ như ốm – cho dù mụ chẳng chút hoài nghi về tính công hiệu của vị thuốc; rồi tới chuyện tiên nữ ngự trên một cái ngai lấp lánh châu ngọc mà giá trị vượt qua tất cả tài sản của vương quốc Ấn-độ, và cuối cùng những của cải vô biên vượt quá mọi sự tính toán, chất đầy nhiều nơi rộng lớn trong lâu đài.

Mụ phù thủy chấm dứt ở đây kết qủa của việc mụ làm rồi nói tiếp:

– Tâu bệ hạ, bệ hạ nghĩ sao về những của cải không thể nào hình dung nổi của tiên nữ? Có lẽ bệ hạ sẽ nói rằng bệ hạ lấy làm thán phục, và vui mừng về vận may

cao cả của hoàng tử Atmét con trai bệ hạ người đang cùng tiện nữ hưởng thụ chung những thứ đó. Về phần tôi, tâu bệ hạ, cúi xin bệ hạ hãy tha thứ nếu tôi dám tâu với bệ hạ rằng tôi nghĩ khác hẳn, hơn nữa tôi còn lấy làm kinh hãi là khác, khi nghĩ đến hiểm họa có thể xảy đến cho bệ hạ và đó chính là điều làm cho tôi lo âu, mà tôi không biết cách che giấu cho nên mới lộ ra mặt. Tôi muốn tin rằng hoàng tử Atmét, do bản tính tốt của chàng, không có khả năng tự mình làm một việc gì chống lại bệ hạ; nhưng ai dám trả lời về tiện nữ, do nhan sắc, sự chiều chuộng vuốt ve cũng như quyền lực mà nàng đã gây được đối với chồng, lại không khỏi gợi cho hoàng tử âm mưu độc địa phế truất bệ hạ và chiếm đoạt ngai vàng của vương quốc Ấn-độ ta?! Bệ hạ cần chú ý đầy đủ một công việc hệ trọng dường này.

Cho dù tin chắc vào bản tính tốt của hoàng tử Atmét tới đâu, vua nước Ấn-độ cũng không khỏi xúc động bởi lời lẽ của mụ phù thủy. Vua cho mụ lui ra và nói:

– Xin cám ơn bà đã vất vả vì ta, và đã cho ta biết những việc quan trọng. Ta sẽ lấy ngay ý kiến của toàn thể triều thần...

Vua liền bảo mụ phù thủy đi theo vua trở lại triều đường. Vua kể cho các vị sủng thần nghe về những điều vua mới được biết, và nói lên cả việc mình lo lắng tiên nữ làm thay đổi tính tình của hoàng tử, rồi vua hỏi họ có nghĩ ra cách nào để phòng ngừa một tai họa lớn như vậy.

Một lão sủng thần thay mặt tất cả cất lời đáp:

– Tâu bệ hạ, để ngăn ngừa tai họa mà bệ hạ đã biết kẻ có thể gây nên, kẻ đó hiện đang ở trong triều và thuộc quyền sinh sát của bệ hạ, bệ hạ còn ngần ngại gì mà không bắt giữ kẻ ấy, tôi không dám nói đưa xử tử, vì như vậy sẽ ồn ào quá, nhưng ít ra cũng giam vào ngục tối cho đến hết đời

Các sủng thần khác cũng bằng lòng ý kiến ấy.

Mụ phù thủy cho lời khuyên đó tàn bạo quá, liền xin phép nhà vua được nói:

– Tâu bệ hạ, tôi tin chắc rằng chính vì hăng hái quan tâm tới lợi ích của bệ hạ mà các vị đây bàn bạc với Ngài việc bắt hoàng tử Atmét; nhưng tôi xin các vị nhớ rằng nếu bắt giữ hoàng tử thì đồng thời ta cũng phải bắt giữ cả những người đi theo chàng, mà những người theo chàng lại là thần linh. Các vị dễ gì làm được. Họ có thể biến đi bởi vì họ có phép tàng hình. Và, trong thời gian ấy, sao họ chẳng đi báo với tiên nữ về điều sỉ nhục người ta gây ra với chồng nàng, và sao tiên nữ lại chịu để chồng bị sỉ nhục mà không báo thù? Nhưng, nếu ta có cách khác giúp bệ hạ nhẹ nhàng dập tắt những mưu đồ không hay mà hoàng tử Atmét có thể có, mà không làm cho quang vinh của bệ hạ bị ảnh hưởng và không một ai nảy chút nghi ngờ bệ hạ thì có phải tốt hơn không? Nếu bệ hạ tin ở lời khuyên của tôi vì các thần linh và tiên nữ có sức làm những việc vượt quá tầm vóc con người, bệ hạ có thể khích cho hoàng tử Atmét tự ái, bằng cách nhờ chàng, qua sự trung gian của tiên nữ, đưa lại cho bệ hạ một số điều lợi nào đó, viện lý do là nó rất cần thiết. Chẳng hạn, mỗi lần bệ hạ muốn cần quân ra trận, bệ hạ buộc phải chi tiêu một số tiền cực lớn, không những bằng nhà cửa, lán trại cho bệ hạ, và cho quân đội, mà cả lạc đà lừa ngựa và những súc vật khác, để chuyên chở những nhà cửa, lán trại ấy. Sao bệ hạ không nhờ hoàng tử, qua uy tín của chàng đối với tiên nữ, mà xin cho mình một lều vải nằm gọn trong lòng bàn tay, lại có sức che kín cả đạo quân của bệ hạ? Tôi không dám nói thêm nhiều nữa. Nếu hoàng tử mang cái lều vải đến, ta thiếu gì yêu cầu đại loại như vậy, cho đến lúc cuối cùng chàng phải gục trước những khó khăn không thể nào thực hiện nổi.

cho dù những phương tiện và sáng kiến của nàng tiên đã bắt cóc hoàng tử khỏi tay bệ hạ có phong phú tới bao nhiêu. Bằng cách đó, chàng sẽ không dám xuất hiện nữa vì xấu hổ, buộc chàng phải tự bằng lòng quanh quẩn suốt đời với tiên nữ, và thế là bệ hạ không còn phải sợ các hoạt động của chàng, và cũng chẳng ai có thể trách cứ bệ hạ phạm phải những sự việc xấu xa là làm đổ máu một đứa con trai hoặc giam giữ chàng suốt đời vào ngục tối.

Mụ phù thủy nói xong, vua hỏi các sủng thần xem ai có ý kiến gì hay hơn. Thấy mọi người cùng lặng im, vua quyết định làm theo lời khuyên của mụ phù thủy mà vua cho là đúng nhất; hơn nữa, nó còn hợp với sự mềm mỏng mà vua vẫn dùng từ trước tới nay để cai trị.

Sáng hôm sau, hoàng tử Atmét ra mắt vua, vào lúc vua đang bàn bạc việc nước với các sủng thần, hoàng tử đến ngồi cạnh vua, sự có mặt của chàng không làm gián đoạn những chuyện chẳng quan trọng gì. Nhưng cuối cùng, vua cất lời, nói với hoàng tử Atmét:

– Con ạ, trước đây khi con về, và giải thoát cho cha đỡ nỗi buồn phiền sâu sắc do việc con vắng mặt lâu ngày, con đã giữ bí mật chỗ con chọn làm nơi ẩn dật. Cha hài lòng được gặp lại con và nghe con nói rằng con đã vui lòng với số phận của mình, cha không muốn đi sâu vào điều bí ẩn của con khi hiểu rằng con không thích như vậy. Cha không hiểu tại sao con xử sự cách ấy với một người cha từ đạo ấy đến giờ vẫn luôn mong muốn góp phần vào hạnh phúc của con. Cha hiểu hạnh phúc ấy là gì, cha vui mừng vì nó, và bằng lòng quyết định của con kết hôn cùng với một tiên nữ giàu sang và oai quyền mà cha được biết. Cha tuy hùng mạnh cũng không thể nào gây dựng được cho con một cuộc hôn nhân như vậy. Nay con đã lên tới một địa vị cao sang tột độ

rồi, địa vị mà bất cứ ai khác, chứ không phải một người sinh ra con như cha đây đều có thể ganh tị, cha mong con không những tiếp tục sống hòa thuận với cha như con vẫn sống cho đến bây giờ, mà hơn nữa còn mong con sử dụng uy tín của con đối với tiên nữ, để giúp cha những thứ mà cha có thể cần. Và, ngay bây giờ, hãy để cho cha được thử thách ngay uy tín ấy của con. Con chẳng lạ gì mỗi lần có chiến tranh, phải đem quân ra trận, các tướng lĩnh, sĩ quan của cha và cả cha nữa thường gặp khó khăn vì những món chi tiêu quá đáng trong việc cung cấp đủ lán trại, lều vải cùng những lạc đà và súc vật khác để chuyên chở những thứ ấy. Nếu con có ý muốn làm vui lòng cha, thì cha tin chắc con chẳng khó khăn gì mà không nói với tiên nữ bằng lòng cho cha một lều vải nắm gọn trong lòng bàn tay, nhưng khi mở ra thì có thể che kín cả đạo quân, nhất là khi con nói cho nàng rõ cái lều vải ấy dùng để tặng cha. Khó khăn thật đấy nhưng chắc con không bị từ chối; mọi người đều rõ quyền lực của các tiên nữ có thể làm được những chuyện phi thường.

Hoàng tử Atmét không chờ đợi vua cha lại đòi hỏi ở mình một điều như vậy, mà thoạt tiên chàng cho là rất khó, nếu không nói rằng không thể có được. Quả vậy, mặc dù không phải hoàn toàn không biết quyền lực của các thần linh và tiên nữ lớn đến thế nào, chàng vẫn hoài nghi không biết có đến mức cung cấp được một lều vải như vua đòi hỏi hay không. Vả chăng, từ trước tới nay, chàng chưa bao giờ hỏi xin tiên nữ Pari-Banu, một vật gì đại loại như vậy, chàng chỉ bằng lòng với những biểu hiện tình cảm say đắm của nàng, và chàng cố hết sức đáp lại mối tình đó, không vì lợi ích nào khác là giữ được tình yêu bền vững. Bởi vậy, chàng rất bối rối không biết trả lời cha thế nào.

— Tâu bệ hạ — chàng nói — con giữ bí mật điều đã xảy ra cho con và quyết định của con sau khi tìm lại được mũi tên là vì con thấy nó chẳng quan trọng gì đáng để được tâu lên bệ hạ. Con không hiểu do đâu bệ hạ rõ điều bí ẩn ấy. Tuy nhiên, con cũng không giấu rằng những điều bệ hạ được tâu là đúng sự thật. Con là chồng tiên nữ mà người ta đã nói với bệ hạ đó, con yêu nàng, và tin chắc nàng cũng yêu con như vậy; nhưng còn về uy tín của con đối với nàng, như bệ hạ nghĩ thì con không dám chắc, vì con chưa từng đưa nó ra thử thách và con cũng chưa từng nghĩ tới nó bao giờ. Con vẫn ước mong bệ hạ không bó buộc gì con để cho con sống trong niềm hạnh phúc là yêu và được yêu, yêu một cách vô tư chứ không vì lợi ích nào khác, như con hằng tự dặn. Nhưng điều cha truyền là mệnh lệnh đối với con, mà xưa nay con bao giờ cũng coi việc vâng theo mỗi lời dạy bảo của bệ hạ là một bổn phận. Mặc dù con không muốn và rất lấy làm ngại ngùng không thể nào tả xiết, con sẽ nói với vợ con về điều mà bệ hạ đòi hỏi, nhưng con không dám hứa có đạt được hay không. Nếu rồi đây con không được vinh dự về chầu và vấn an nữa, thì đấy chính là dấu hiệu nói rằng con đã không xin được, con mong bệ hạ vui lòng tha thứ trước, và xin hiểu cho đấy là tại bệ hạ buộc con phải đi đến chỗ cùng ấy.

Vua nước Ấn-độ đáp lời:

— Con ạ, cha sẽ rất không vui lòng nếu vì việc cha yêu cầu mà cha mất niềm vui thích được gặp lại con; cha thấy là con chưa biết rõ quyền lực của một người chồng đối với vợ đó thôi. Vợ của con sẽ tỏ ra chẳng yêu thương gì chồng nhiều lắm, nếu với quyền lực một tiên nữ như nàng, nàng lại đi từ chối một điều không đáng kể mà cha yêu cầu con hãy vì cha mà ngỏ lời xin. Con hãy bỏ tính dụt dè đi, chẳng qua là tại con cứ nghĩ

con không được vợ yêu thiết tha, nồng nhiệt như con yêu vợ. Con hãy về, hãy ngỏ lời đi, rồi con sẽ thấy tiên nữ yêu con quá mức con nghĩ; và con hãy nhớ là con có khóc mẹ nói cho bú, vì không hay xin cho nên người ta mới chịu những thiệt thòi lớn. Con hãy nghĩ rằng con chẳng từ chối bất cứ một điều gì nàng đòi hỏi vì con yêu nàng, thì nàng cũng sẽ không từ chối những gì con đòi hỏi, vì nàng yêu con.

Lời lẽ của vua Ấn-độ không thuyết phục được hoàng tử Atmét. Chàng muốn thà cha đòi hỏi ở mình một điều gì khác, hơn là buộc chàng làm phật ý nàng Pari-Banu thương yêu. Buồn phiền về chuyện đó, chàng từ giã triều đình hai ngày sớm hơn thường lệ. Chàng vừa về đến nơi, tiên nữ thấy khuôn mặt chàng không rạng rỡ, liền hỏi nguyên nhân của sự đổi thay đó. Chàng không trả lời thẳng mà lại cứ hỏi thăm tình hình sức khỏe của nàng. Trước thái độ né tránh của chồng, nàng bảo:

– Em chỉ trả lời chàng chừng nào chàng đã trả lời điều em hỏi.

Hoàng tử chối quanh hồi lâu, rồi nói rằng mình chẳng làm sao cả, nhưng chàng càng chối, nàng càng thôi thúc:

– Em không thể nào nhìn thấy chàng ở trong tình trạng này. Chàng phải nói cho em rõ do đâu khiến chàng lo nghĩ, để em giúp chàng loại bỏ nó trừ phi, nó vượt quá quyền lực của em, là tin phụ vương chàng vừa qua đời. Vì, ngoài phần em góp sức, thời gian phải mang đến cho chàng niềm an ủi.

Không thể im lặng lâu hơn trước những lời năn nỉ khẩn thiết của tiên nữ, hoàng tử Atmét nói với nàng:

– Cầu mong thượng đế kéo dài tuổi thọ của phụ vương tôi, và ban phước cho Người đến trọn đời! Cha tôi hiện nay hoàn toàn mạnh khỏe, như vậy đó không phải

là nguyên nhân gây nên cho tôi điều phiền muộn mà nàng nhận thấy. Tôi buồn là vì Người buộc tôi phải làm phiền đến nàng. Trước hết, nàng đã rõ, với sự đồng tình của nàng, tôi luôn luôn cố ý che giấu hạnh phúc được sống cùng nàng, yêu thương nàng, cũng như nàng hết sức yêu thương tôi và đã cùng tôi nặng lời thệ hải minh sơn. Ấy thế mà không hiểu do đâu phụ vương tôi lại rõ chuyện.

Tiên nữ Pari-Banu ngắt lời hoàng tử:

– Còn em, thì em hiểu. Chắc chàng còn nhớ người đàn bà giả vờ làm cho chàng tưởng là đau ốm và đem lòng thương hại ấy, chính mụ ta đã tâu cho phụ vương chàng rõ điều chàng muốn giấu. Thực thế, sau khi em sai hai người hầu mang lại cho mụ uống một liều thuốc thần có thể chữa lui mọi cơn sốt, mà thật ra mụ không cần, mụ giả vờ như thang thuốc ấy chữa khỏi bệnh mụ, rồi đòi cáo biệt em để được mau chóng về trình kết quả chuyến đi của mụ. Mụ vội vã tới mức có thể ra đi mà không cần xem cung điện của em, không bảo hai người hầu nói với mụ là nó đáng được xem lắm. Nhưng, xin chàng hãy nói tiếp xem phụ vương chàng buộc chàng làm phiền em những gì. Chẳng bao giờ em phiền lòng đâu, xin chàng tin.

– Nàng ơi, – hoàng tử nói tiếp – nàng có thể nhận thấy cho đến bây giờ, tôi hài lòng vì được nàng yêu, tôi không bao giờ xin nàng một ân huệ gì khác. Khi đã có được một người vợ đáng yêu dường này, tôi còn mong muốn gì hơn nữa? Không phải tôi không biết rõ quyền lực của nàng, nhưng tôi tự thấy có nghĩa vụ không nên đưa nó ra thử thách. Bởi vậy, tôi van nàng hãy hiểu cho rằng, không phải tôi mà chính là phụ vương tôi đã ngỏ ý xin nàng, thật là chẳng phải tý nào, một lều vải có thể che nửa nắng cho Người và ca

triều đình cũng như quân đội của Người, mà có thể nắm gọn trong lòng bàn tay. Một lần nữa, không phải tôi, mà chính phụ vương tôi xin nàng ân huệ ấy.

– Thưa hoàng tử – Tiên nữ mỉm cười nói – em thật không hài lòng, sao việc nhỏ nhặt như vậy lại khiến cho chàng có vẻ bối rối và lo âu như em nhìn thấy kia. Ở đây có hai nguyên nhân cùng gây nên: một là, chàng đã tự đặt ra luật lệ chỉ có yêu em và được em yêu mà không bao giờ ngỏ lời yêu cầu nào khiến cho quyền lực của em phải đưa ra thử thách, hai là, dù chàng nói thế nào cũng mặc, em vẫn tin chắc là chàng nghĩ rằng đòi hỏi của phụ vương khiến chàng buộc em phải làm quá quyền lực của mình. Về điều thứ nhất, xin ngợi ca chàng, và em càng yêu chàng nhiều hơn nữa nếu có thể làm được như vậy. Còn về điều thứ hai, em chẳng khó khăn gì mà không làm cho chàng thấy vật nhà vua đòi hỏi em cho chàng qua là một chuyện vặt vãnh; khi cần thiết, em có thể làm chuyện khó khăn hơn. Vậy thì xin chàng hãy thư tâm, xin hãy tin rằng, chàng không chút làm phiền em, mà em bao giờ cũng cảm thấy vui thích được nhận tất cả những gì chàng muốn em vì chàng mà làm.

Nói xong tiên nữ gọi người giữ kho báu của mình tới.

– Nuốcghihan, – Nàng nói – (Nuốcghihan là tên người giữ kho), cô hãy lấy ra đây cái lều vải lớn nhất trong kho báu của ta.

Lát sau Nuốcghihan trở lại mang theo cái lều vải, không những nàng cần gọn trong tay mà nếu nắm bàn tay lại thì còn có thể giấu kín, nàng đưa cho chủ nhân mình. Tiên nữ cầm lấy đặt vào tay hoàng tử Atmet.

Khi hoàng tử nhìn thấy cái mà tiên nữ Pari-Banu gọi là lều vải lớn nhất trong kho tàng như lời nàng nói, – chàng tưởng nàng muốn trêu mình nên vẻ ngạc nhiên

lộ cả trên mặt lẫn trong thái độ. Tiên nữ trông thấy, phá ra cười ha hả và thốt lời:

— Sao! hoàng tử, chàng tưởng em muốn trêu chàng ư? chàng thấy ngay em không phải là một người thích bông đùa. Nuốcghihan, — nàng lấy lại cái lều ở tay hoàng tử đưa cho người coi kho và bảo — cô hãy dựng cái lều này lên, để hoàng tử xét xem phụ vương chàng cho là nó quá bé so với cái người đòi hỏi hay không?!

Nuốcghihan ra khỏi cung điện và đi khá xa để dựng lều. Lều dựng xong hoàng tử thấy nó không bé mà lớn tới mức hai đạo quân của vua nước Ấn-độ có thể trú lọt thỏm trong đó. Chàng liền nói với tiên nữ:

— Bà hoàng của tôi ơi, xin nàng bỏ quá cho tôi cái tội hay hoài nghi. Sau những điều thấy kia, tôi tin rằng không có việc gì nàng muốn mà nàng không làm được tới nơi tới chốn.

— Chàng thấy đấy, — tiên nữ nói — cái lều quá lớn so với mức cần thiết, nhưng nên chú ý một điều là nó có thể dãn ra hay co lại theo phạm vi vật cần che, mà người ta khỏi phải đụng tay vào.

Cô coi kho hạ lều, làm cho nó trở lại kích thước cũ, rồi mang vào đặt trong tay hoàng tử. Hoàng tử cầm lấy, không nấn ná lâu hơn nữa, ngay sáng hôm sau chàng lên ngựa, cùng đoàn tùy tùng thường lệ mang về dâng lên phụ vương.

Vẫn cho rằng một cái lều như mình đòi hỏi không thể nào có được, nhà vua cực kỳ ngạc nhiên trước sự nhanh lẹ của con trai. Vua nhận lấy, và tỏ lời thán phục về kích thước nhỏ bé của nó. Vua ngạc nhiên hơn về kích thước to lớn của nó khi cho đưa nó ra dựng ở cánh đồng mà chúng ta đã biết, hai đạo quân, đạo nào cũng lớn như đạo quân của vua, trú vào trong ấy vẫn còn rộng

rãi. Sợ vua có thể cho rằng như vậy e có phần bất tiện trong khi sử dụng chăng, hoàng tử không quên nói trước rằng kích thước của lều bao giờ cũng tương ứng với quy mô quân đội.

Bề ngoài, vua nước Ấn-độ tỏ lời cảm ơn hoàng tử đã tặng mình một món quà tuyệt diệu, và nhờ chàng thay mặt mình cảm tạ tiên nữ Pari-Banu. Để cho chàng thấy rõ hơn lòng kính nể tiên nữ, vua truyền lệnh cất giữ cẩn thận lều vải vào kho báu của mình. Nhưng, trong thâm tâm, vua cảm thấy một sự ganh tỵ sâu cay hơn cả những gì bọn nịnh thần và mụ phù thủy khêu gợi khi nghĩ rằng, nhờ có nàng tiên, con trai vua có thể làm được những việc vô cùng cao hơn khả năng của chính mình, cho dù vua đã rất hùng mạnh và giàu có. Bởi vậy, vua càng nóng lòng hơn trước tìm mọi cách làm cho chàng lâm nguy. Vua lại hỏi ý kiện mụ phù thủy. Mụ này khuyên vua nên đòi hỏi hoàng tử mang đến cho mình nước lấy từ Giếng Sư tử.

Buổi chiều, trong khi nhà vua thiết triều như thường lệ. Nhân có mặt hoàng tử Atmét ở đây, vua nói với chàng:

– Con ạ, cha đã nói rõ với con, cha biết ơn con nhiều về tặng vật mà con đã tìm được cho cha, cha coi đó là vật quý giá nhất trong kho báu của cha; bây giờ, vì cha, con hãy làm một việc nữa nó cũng sẽ làm cho cha vui thích không kém. Cha được biết tiên nữ vợ con vẫn dùng một loại nước lấy từ Giếng Sư tử, có thể chữa lành mọi cơn sốt hiểm nghèo nhất, và vì cha tin rằng sức khỏe của cha là điều rất quý báu đối với con, cho nên cha chẳng nghi ngờ gì, con sẽ xin một lọ và mang về đây cho cha, coi như một thần dược mà cha có thể cần tới bất cứ lúc nào. Con hãy làm giúp cha công việc hệ trọng ấy, cha

hết sức tin tưởng ở tình thương yêu của một đứa con thảo đối với một bậc cha hiền.

Hoàng tử Atmét cho rằng vua cha hắn bằng lòng về cái lều kỳ lạ và lợi ích của nó. Ngài sẽ không buộc chàng phải làm một việc gì khác khiến chàng phải khó xử với tiên nữ Pari-Banu, cho nên vừa nghe lời đòi hỏi mới, chàng đã sững sờ, mặc dù tiên nữ đã quả quyết là sẽ làm cho chàng tất cả những gì thuộc phạm vi quyền lực của nàng. Sau một hồi im lặng, chàng nói:

– Tâu bệ hạ, xin bệ hạ tin chắc rằng con sẵn sàng làm tất cả mọi việc khả dĩ góp phần kéo dài tuổi thọ của bệ hạ, nhưng con ước mong được làm như vậy mà không có sự giúp đỡ của vợ con, chính vì vậy mà con chưa dám hứa với bệ hạ sẽ mang được thứ nước thần ấy về. Tất cả những gì con có thể làm là con sẽ ngỏ lời xin, nhưng với tất cả sự ngại ngần như con đã làm về chuyện cái lều vậy.

Ngày hôm sau, hoàng tử Atmét trở về cạnh tiên nữ Pari-Banu. Chàng kể cho nàng nghe một cách chân thành và trung thực tất cả những việc mình đã làm và những gì đã xảy ra tại triều đình phụ vương khi chàng dâng cái lều, mà vua đã nhận với lòng cảm tạ sâu xa nàng. Chàng cũng không quên nói đến đòi hỏi mới mà nhà vua sai chàng đặt ra với vợ, rồi nói thêm:

– Bà hoàng của tôi ơi, tôi nêu ra như vậy chỉ là để thuật lại cho nàng nghe những gì đã xảy ra giữa cha tôi và tôi. Ngoài ra nàng có toàn quyền trong việc cho hay bác bỏ điều Người xin, tôi chẳng quan tâm gì về việc đó, tôi chỉ muốn điều gì nàng muốn mà thôi.

– Không không, – tiên nữ Pari-Banu đáp – em rất vui lòng thấy đức vua nước Ấn-độ biết rằng em không hờ hững với chàng. Em muốn làm vừa lòng Người. Vả cho dù mụ phù thủy có đưa ra với Người lời khuyên gì chăng nữa (em biết vua đang nghe lời của mụ), chàng

và em, chúng ta cũng không thể nào không thực hiện. Điều Người đòi hỏi khá độc ác đấy, hãy nghe đây rồi chàng khắc hiểu. Giếng Sư Tử nằm chính giữa sân một tòa lâu đài lớn, cổng ra vào được bốn con sư tử hung mãnh nhất canh giữ, cứ hai con ngủ thì hai con thức. Nhưng xin chàng chớ kinh hãi, em sẽ bày cho chàng cách đi qua giữa chúng mà chẳng gặp chút hiểm nguy nào.

Lúc ấy tiên nữ Pari-Banu đang khâu, nhân tiện bên cạnh có nhiều cuộn chỉ, nàng lấy một cuộn đưa cho hoàng tử và nói:

– Trước hết, chàng hãy giữ lấy cuộn chỉ này, lát nữa em sẽ nói với chàng cách dùng. Thứ hai, hãy cho thắng sẵn hai con ngựa, một con chàng sẽ cưỡi, còn con kia dắt theo, chở một con cừu được xả làm bốn mảnh, mà ta phải cho mổ ngay bây giờ. Thứ ba, chàng phải mang theo một cái vò để múc nước, từ giờ đến sáng mai em sẽ sai đưa vò cho chàng. Sáng mai, chàng sẽ lên ngựa thật sớm, tay dắt theo con ngựa kia. Ra ngoài cổng sắt rồi, chàng sẽ tung cuộn chỉ về phía trước, nó sẽ lăn và tiếp tục lăn mãi cho tới tận cổng lâu đài. Chàng hãy đi theo, bao giờ cuộn chỉ dừng lại, chàng sẽ trông thấy bốn con sư tử, vì cổng lâu đài để ngỏ; hai con sư tử còn thức sẽ gầm lên và đánh thức nốt hai con kia dậy. Xin chàng đừng sợ hãi, mà hãy ngồi yên trên mình ngựa và quẳng cho mỗi con một phần tư con cừu. Xong, chớ để mất thời giờ, chàng hãy nhẹ nhàng thúc ngựa đến tận giếng nước; cũng đừng đặt chân xuống đất mà vục cho đầy vò rồi nhẹ nhàng trở lại ngay: các con sư tử mải ăn, sẽ để chàng ra cổng tự do.

Sáng hôm sau hoàng tử Atmet lên đường đúng vào giờ tiên nữ Pari-Banu đã định, và thực hiện đúng từng điểm một những việc nàng dặn dò. Đến cổng lâu đài,

chàng chia cho bốn con sư tử bốn mảnh thịt, rồi sau khi dũng cảm đi qua giữa chúng, chàng vào tận giếng nước. Múc nước đầy vò, chàng trở lại, ra khỏi lâu đài bình yên vô sự giống như khi vào. Đi được một quãng khá xa, chàng quay đầu nhìn lại và thấy hai con sư tử đang chạy tới phía mình. Không sợ hãi, chàng rút kiếm ra, chuẩn bị tự vệ. Chàng nhận thấy đi theo được một quãng, một con sư tử tránh sang một bên rồi vẫy đầu vẫy đuôi tỏ vẻ nó không phải đến để chực làm hại chàng, còn con kia vẫn đi theo nó; thế là chàng tra gươm vào vỏ, và cứ vậy tiếp tục cuộc hành trình cho tới kinh thành nước Ấn-độ; hai con sư tử vẫn đi theo mãi cho tới khi chàng tới trước cửa hoàng cung. Đợi chàng vào xong, chúng mới quay trở lại con đường cũ, không khỏi gây nên kinh hoàng cho dân chúng, người thì chạy trốn về phía này, kẻ thì ẩn nấp ở phía kia mặc dù hai con vật cứ bước đều và không tỏ ra vẻ gì hung dữ.

Nhiều võ quan đến giúp hoàng tử xuống ngựa, đưa chàng đến tận nơi vua ở, tại đây vua đang bàn bạc với các sủng thần. Chàng tiến đến gần, đặt cái vò dưới chân ngai, cúi hôn tấm thảm trải trên bậc, rồi đứng lên nói:

– Tâu bệ hạ, đó là loại nước thần, mà bệ hạ muốn xếp bên cạnh những vật quý báu và hiếm hoi nhất trong kho báu của bệ hạ. Con xin chúc bệ hạ luôn luôn mạnh khỏe, không bao giờ phải dùng đến thuốc này.

Hoàng tử chúc tụng xong, vua cho ngồi bên phải mình rồi nói:

– Con ạ, ta cảm tạ món quà của con, nó cũng to lớn như nỗi hiểm nghèo mà con đã vì ta dấn thân vào (vua đã được mụ phù thủy cho hay trước về cái Giếng Sư Tử và nỗi nguy hiểm cho những ai muốn đến lấy nước ở giếng đó). Xin vui lòng cho ta biết con đã khéo léo thế nào hoặc dũng mãnh ra sao mà kết quả như vậy.

– Tâu bệ hạ, – hoàng tử Atmét đáp – con chẳng có gì đáng để bệ hạ khen ngợi, tất cả đều nhờ ở tiên nữ vợ con, con chẳng tự thấy mình có vinh quang nào khác hơn là nghe theo những lời khuyên nhủ của nàng.

Thế rồi chàng thuật lại tỉ mỉ những lời khuyên bảo của tiên nữ cũng như cách xử sự của mình. Nhà vua nghe, tuy bề ngoài tỏ vẻ rất mừng vui, nhưng bên trong rất ganh tị, – sự ganh tỵ này chỉ có tăng lên chứ không giảm bớt, – sau khi chàng nói xong, vua liền đứng dậy và cáo lui vào nhà trong, ở đây, đã có mặt mụ phù thủy mà vua vừa cho đi tìm.

Mụ phù thủy không phiền nhà vua thuật cho nghe về hoàng tử Atmét và chuyến đi thành công của chàng. Mụ đã hay tin qua lời đồn đại, nên đã chuẩn bị một mưu đồ không thể nào sai, theo như mụ nghĩ. Mụ báo cáo lại cho vua biết sự tình, và sáng hôm sau, giữa đông đủ triều đình, vua nói với hoàng tử Atmét:

– Con ạ, cha chỉ còn yêu cầu con mỗi một việc nữa mà thôi, sau đó cha chẳng đòi hỏi con hoặc tiên nữ vợ con phải vâng lời ta một điều gì khác. Con hãy đưa đến cho ta một người đàn ông thân không cao hơn một bộ rưỡi, mà râu thì dài tới ba mươi bộ, người ấy vác trên vai một thanh sắt nặng năm trăm cân, mà ông ta dùng làm một cái gậy có hai đầu, và biết nói nữa.

Hoàng tử Atmét không tin là trên đời này có một người nào diện mạo như vua vừa đòi hỏi, muốn từ tạ, nhưng nhà vua cứ nài ép, cho rằng tiên nữ có tài làm những điều còn khó tin hơn nhiều.

Ngày hôm sau, hoàng tử trở về vương quốc dưới đất của tiên nữ Pari-Banu, kể cho nàng nghe đòi hỏi mới của phụ vương, mà chàng càng không thể nào tin có được như hai đòi hỏi trước. Chàng nói thêm:

– Đối với tôi, không thể tưởng tượng được trong vũ trụ ở đâu có một loại người như thế. Chắc cha tôi muốn

thứ tôi có chịu đi tìm được con người đó hay không; hoặc, nếu có người như thế, thì mưu đồ của cha tôi là muốn hãm hại tôi. Quả vậy, làm sao người lại muốn tôi kiếm được một con người nhỏ bé đến thế, lại cầm được thanh sắt nặng như thế. Tôi phải dùng cách gì để thu phục được người đó? Nếu quả là có thực, xin nàng gợi chỉ dẫn tôi lối thoát ra khỏi việc này trọng danh dự.

– Thưa hoàng tử – tiên nữ Pari-Banu tiếp lời – xin chớ hoảng hốt. Đi lấy nước thần từ Giếng Sư tử về cho phụ vương chàng thì có trải qua nguy nan đấy; chứ tìm ra một con người như vua đòi hỏi thì không khó đâu. Con người ấy chính là anh trai Saiba của em. Mặc dù là con cùng cha, anh không giống em chút nào. Bản tính anh rất hung bạo; không có gì ngăn được anh ta làm đổ máu, nếu có điều gì xúc phạm đến anh hoặc làm cho anh bực mình. Ngoài ra, anh lại là con người tốt nhất thế giới, sẵn sàng làm giúp những gì người khác mong muốn. Diện mạo anh ta đúng như phụ vương chàng mô tả, anh chẳng có thứ khí giới nào ngoài thanh sắt nặng năm trăm cân, thiếu nó thì anh chẳng đi đến đâu, nó khiến cho ai ai cũng vì nể anh. Em sẽ mời anh đến, rồi chàng sẽ xem em có nói đúng sự thật hay không; nhưng trước hết xin chàng hãy chuẩn bị tinh thần, chớ khiếp đảm khi trông thấy hiện lên bộ mặt kỳ dị của anh.

– Bà hoàng của tôi ơi, hoàng tử Atmét đáp – nàng nói Saiba là anh ruột của nàng ư? Cho dù anh ta xấu xa và dị dạng tới đâu chăng nữa, không những tôi sẽ không khiếp sợ khi nhìn thấy anh, mà riêng điều đó thôi cũng đủ làm cho tôi yêu mến, kính trọng và coi anh như người thân gần gũi nhất của mình.

Tiên nữ sai mang ra hành lang của cung điện một cái lò nhỏ bằng vàng đựng đầy lửa và một cái hộp cũng bằng vàng. Nàng lấy từ cái hộp ra một thứ hương liệu

cất trong đó; nàng vừa ném vào lửa, một ngọn khói dày đã bốc lên.

Một lát sau, tiên nữ nói với hoàng tử Atmét:

– Thưa hoàng tử! Ông anh trai em đến kia, chàng có thấy không?

Hoàng tử nhìn, và nhận ra Saiba, người không cao hơn một bộ rưỡi, đang trịnh trọng bước tới, trên vai là chiếc côn sắt nặng năm trăm cân, râu cằm rất rậm, dài tới ba mươi bộ vểnh ra phía trước, râu mép cũng rậm rịt như vậy, xắn lên tận tai và che gần kín mặt, hai mắt như mắt lợn sâu hoắm thụt vào trong đầu; đầu thì to tướng, đội một chiếc mũ nhọn; thêm vào đó đã u trước ngực lại gù sau lưng.

Giá hoàng tử không được báo trước Saiba là anh của Pari-Banu, thì trông thấy con người ấy, chàng đã khủng khiếp; nhưng tình họ hàng làm cho chàng yên tâm, vững dạ cùng tiên nữ chờ đợi, và đàng hoàng đón tiếp anh vợ, không lộ vẻ gì sợ hãi.

Saiba vừa bước tới vừa nhìn hoàng tử Atmét với đôi mắt có thể làm chàng sởn tóc gáy, rồi hỏi Pari-Banu người này là ai. Nàng đáp:

– Thưa anh, đó là chồng em, tên chàng là Atmét, chàng là con trai vua nước Ấn-độ. Sở dĩ em không mời anh đến dự lễ cưới của chúng em, là vì em không muốn anh bỏ dở chuyến đi của anh; và em cũng vừa được biết anh trở về thắng lợi; chính vì vậy mà em dám tự tiện mời anh đến hôm nay.

Nghe nói vậy, Saiba nhìn hoàng tử bằng con mắt dịu dàng tuy nó cũng chẳng làm giảm được chút nào vẻ kiêu hùng và dữ tợn. Anh hỏi:

– Em gái à, ta có thể giúp chú ấy được việc gì? Chú cứ việc nói. Chỉ cần chú ấy là chồng của em, thì bất kỳ chú ấy mong muốn gì, anh cũng làm chú hài lòng.

– Phụ vương của chàng nảy ra sự hiếu kỳ muốn được nhìn thấy anh, – Pari-Banu đáp – em xin anh hãy cho chàng được làm người dẫn đường cho anh.

– Chú ấy cứ việc đi trước, ta sẵn sàng đi theo.

– Thưa anh – Pari-Banu nói – bây giờ quá muộn để làm chuyến đi ấy, xin anh vui lòng cho để tới sáng mai. Tuy nhiên, anh cần hiểu rõ việc gì đã xảy ra giữa vua nước Ấn-độ và hoàng tử Atmét kể từ khi chúng em thành hôn, em sẽ nói để anh nghe ngay tối nay.

Sáng hôm sau, Saiba đã biết rõ những gì cần phải biết, lên đường rất sớm, có hoàng tử Atmét đi theo, chàng sẽ giới thiệu anh với nhà vua. Họ đến kinh thành. Saiba vừa xuất hiện ở cổng thành, tất cả những người trông thấy đều hoảng kinh trước một vật xấu xí như vậy liền bỏ trốn, người này thì chui vào các cửa hiệu hoặc nhà ở rồi đóng chặt cửa lại, người khác thì tháo chạy, gặp ai họ cũng truyền nỗi khủng khiếp của mình, khiến những người này cũng bỏ chạy nốt mà chẳng ngoái cổ nhìn lại đằng sau. Do đó Saiba và hoàng tử Atmét đến đâu cũng thấy phố phường vắng teo, ngay các quảng trường công cộng và cả hoàng cung cũng thế. Lính canh cổng, đáng lẽ phải rán sức ngăn chặn Saiba, đều bỏ ngỏ cổng hoàng thành, và mỗi tên chuồn một ngả. Hoàng tử và Saiba tiến vào tận triều đường mà không gặp ai ngoài nhà vua đang ngồi trên ngai, vì quân cấm vệ đã bỏ chạy ngay khi trông thấy Saiba.

Saiba ngẩng cao đầu kiêu hãnh tiến tới sát ngai vàng, và không đợi hoàng tử Atmét giới thiệu, lên tiếng quát hỏi vua nước Ấn-độ như sau:

– Ngươi gọi ta. Ta đến đây. Ngươi muốn gì ta nào?

Nhà vua không trả lời, lại đưa tay che mắt và quay đầu đi để khỏi nhìn thấy một vật gớm ghiếc đến thế. Bất bình vì sự đón tiếp bất lịch sự và đầy xúc phạm, mặc dù mình đã theo lời mời mà chịu cất công đến đây,

Saiba giơ cao chiếc gậy sắt lên thét : «Nói đi nào» rồi giáng xuống đầu nhà vua, dập chết ngay nhà vua, trước khi hoàng tử Atmét kịp nghĩ tới chuyện xin tha tội cho cha mình. Chàng ngăn anh vợ đừng dập chết viên tể tướng, đang đứng không xa nhà vua về bên phải, bằng cách nói rằng ông này chỉ đáng khen ngợi về những lời khuyên tốt đối với vua cha mình.

– Còn bọn kia là những tên đểu pha xúc xiểm, có phải không?

Saiba vừa thét vừa dập chết các đại thần khác đứng hai bên tả hữu, tất cả đều là nịnh thần của nhà vua và kẻ thù của hoàng tử Atmét. Cứ một gậy vung lên là một tên bỏ mạng, trừ những người, nhờ không quá khiếp đảm đến nỗi cứng chân, kịp chạy thoát thân.

Cuộc hành hình ghê gớm kết thúc, Saiba ra khỏi phòng thiết triều. Đến giữa sân, chiếc gậy sắt vẫn vác trên vai mắt nhìn theo viên tể tướng đang đi theo hoàng tử Atmét, người vừa cứu ông thoát chết. Saiba hỏi :

– Ta biết ở đây còn có một mụ phù thủy nào đó, còn thù ghét hoàng tử em rể ta hơn cả bọn sủng thần xấu xa mà ta vừa trị tội kia; hãy mang mụ ấy đến đây cho ta.

Tể tướng cho người đi tìm mụ và dẫn mụ đến. Saiba liền giơ gậy sắt dập chết mụ phù thủy và bảo :

– Mày hãy đi mà học cách đưa ra những lời khuyên rắn độc địa và giả vờ làm người ốm.

Saiba nói tiếp :

– Như vậy cũng chưa phải hết đâu, ta sẽ dập chết như thế này cả thành phố, nếu mọi người không thừa nhận ngay tức khắc hoàng tử Atmét em rể của ta là vua của họ và là vua toàn nước Ấn-độ.

Lập tức, tất cả những người có mặt liền đồng thanh hô to : «Hoàng đế Atmét vạn tuế!»

Chẳng mấy chốc, cả kinh thành vang dậy tiếng hoan hô và cũng là tiếng phong vương. Saiba sai mặc hoàng bào cho hoàng tử, đặt chàng ngồi lên ngôi báu; và sau khi buộc mọi người làm lễ chúc tụng và thề trung thành với vua mới, Saiba đi đón tiên nữ Pari-Banu, em gái của mình, rước vào triều một cách cực kỳ trọng thể, phong làm hoàng hậu nước Ấn-độ.

Còn về hoàng tử Ali và công chúa Nuruanitha, vì họ chẳng hề dính dáng gì đến âm mưu chống hoàng tử Atmét, hơn nữa họ cũng không hề hay biết chuyện ấy, hoàng tử Atmét phong cho họ một tỉnh rất quan trọng kể cả thủ phủ của nó nữa làm thái ấp. Họ đến sống ở đấy đến trọn đời. Hoàng tử cũng phái một viên quan đến gặp hoàng tử Hútxanh ông anh cả, báo cho biết sự thay đổi trong triều và yêu cầu chàng hãy tự chọn lấy trong nước một tỉnh nào mình thích, để làm nơi sở hữu riêng. Nhưng hoàng tử Hútxanh lại cảm thấy hạnh phúc trong cảnh cô đơn, chàng nhờ viên quan thay lời cảm tạ nhà vua em trai của mình về nhã ý ấy, sẵn lòng thần phục và nhờ tâu rằng ân huệ duy nhất mà chàng cầu xin là được tiếp tục sống trong cảnh ẩn dật tự mình đã lựa chọn.

CHUYỆN HAI NGƯỜI CHỊ GANH TỊ VỚI CÔ EM ÚT

Tâu bệ hạ: (1)

Ngày xưa có một hoàng tử nước Ba-tư tên là Khôrusát, chàng vừa đến tuổi trưởng thành đã thích những chuyến đi chơi la cà ban đêm. Chàng thường

(1) Chuyện này do nàng Sêhêraját kể.

cùng mấy vỗ quan tâm phúc cũng cải trang đi sâu vào các khu dân cư trong thành phố. Chàng từng gặp lắm chuyện đến là kỳ cục, mà hôm nay tôi chưa kể hầu bệ hạ được, tôi chỉ thuật lại chuyện đã xảy ra cho chàng ngay chuyến xuất hành đầu tiên, từ ngày chàng lên ngôi báu thay cha trị vì đất nước. Phụ vương chàng qua đời vì tuổi tác quá cao, để lại cả vương quốc Ba-tư cho chàng thừa kế.

Sau những lễ nghi thường lệ nhân dịp đăng quang và sau khi lễ tang của phụ vương chàng kết thúc, tân vương Khôrusát, vừa vì sở thích vừa vì nghĩa vụ, muốn tự mình biết những gì xảy ra trong kinh thành, liền cùng tể tướng, ông này cũng cải trang, rời hoàng cung một đêm vào khoảng hai giờ sáng. Đi qua một khu phố của những người dân thường, đến con đường nọ, vua nghe có tiếng nói khá to. Vua tiến đến gần ngôi nhà có tiếng ồn, nhìn qua khe cửa, trông thấy ánh đèn và ba chị em gái ngồi chung trên một trường kỷ, đang chuyện trò sau bữa cơm tối. Qua lời của cô lớn tuổi nhất, vua biết ngay họ đang nói chuyện gì

– Bởi vì chúng ta đang nói chuyện ước mơ – cô này nói – vậy thì ước mơ của tôi là được lấy người thợ làm bánh mì cho nhà vua làm chồng. Rồi tôi sẽ tha hồ ăn đến thỏa thích loại bánh cực ngon mà người ta gọi rất đúng là bánh mì của ngài ngự.

– Còn em ấy à – người chị hai nói – ước mơ của em là lấy được người đầu bếp của nhà vua. Em sẽ được ăn những món nấu tuyệt diệu, bởi vì trong hoàng cung bánh mì chẳng thiếu giống, em chẳng lo không có bánh mì ăn. Thế là, chị thấy không – cô quay sang nói thêm với người chị cả – em sành hơn chị

Cô gái út, một người có nhan sắc rất đẹp, dáng điệu dễ thương và thông minh hơn nhiều so với hai cô chị, đến lượt mình ước:

– Về phần em, các chị ơi, ước mơ của em chẳng phải ít ỏi thế đâu, em còn muốn bay cao hơn nữa. Vì đây chỉ là chuyện ước mơ, vậy thì em ước được làm bà hoàng hậu, em sẽ sinh cho nhà vua một hoàng tử có mái tóc một bên là vàng một bên là bạc, khi nào nó khóc thì những giọt nước mắt đều biến thành ngọc trai và mỗi lần nó mỉm cười thì từ đôi môi đỏ như son của nó hiện lên một đóa hoa hồng vừa nở nở.

Vua Khôrusát thấy lời ước của ba cô gái, đặc biệt của cô em út độc đáo tới mức vua muốn làm cho nó biến thành sự thật. Không nói rõ suy nghĩ ấy với tể tướng, vua dặn ông hãy chú ý nhìn kỹ ngôi nhà, để sáng hôm sau, tới mời tất cả ba cô đến gặp vua.

Thi hành lệnh của nhà vua, ngày hôm sau tể tướng đến bảo ba cô là nhà vua muốn gặp. Chỉ để cho các cô vừa đủ thời giờ để mặc áo, ông dẫn họ đến hoàng cung, đưa vào ra mắt vua. Vua hỏi:

– Hãy nói ta nghe, các cô có còn nhớ những lời ước tối hôm qua, khi còn chuyện trò vui vẻ không? Chớ giấu giếm nữa, ta muốn biết rõ các cô đã nói những gì.

Lời nhà vua làm cả ba chị em hết sức bối rối, vì họ không chút chờ đợi. Họ nhìn xuống, mặt đỏ bừng, cô em út càng đỏ mặt trông càng xinh, khiến nhà vua đem lòng yêu thật sự. Vì xấu hổ, và sợ câu chuyện của mình xúc phạm tới nhà vua, ba chị em đều im lặng. Thấy vậy, vua nói cho họ yên tâm:

– Chớ có sợ, ta không cho đòi các cô tới đây để bắt tội các cô. Ta thấy câu hỏi vừa rồi của ta làm cho các cô lo âu, như vậy là ngược với ý ta, hơn nữa ta cũng đã biết người nào ước điều gì. Cô này, – vua nói tiếp – cô muốn được lấy ta làm chồng, lời ước của cô sẽ được

thực hiện ngay hôm nay; còn hai cô này, – vua nói với người chị cả và người chị hai – ta cũng cho các cô kết hôn với người thợ làm bánh cho ta và với người đầu bếp của ta.

Nhà vua vừa dứt lời, cô gái út, vội phủ phục dưới chân vua để cảm tạ. Nàng nói:

– Tâu bệ hạ, lời ước của em, mà bệ hạ đã rõ, chẳng qua là điều nói vui trong lúc chuyện trò; em không xứng đáng với vinh dự đó, xin bệ hạ hãy tha cho em tội quá bạo gan.

Hai người chị cũng muốn bắt chước em tù tạ, nhưng nhà vua đã ngắt lời:

– Không không, không thể nào khác. Lời ước của mỗi người phải được thực hiện.

Các lễ cưới được tổ chức ngay ngày hôm đó, đúng như lời truyền của nhà vua, song có sự khác biệt lớn. Đám cưới của cô út được tổ chức thật huy hoàng, kèn theo hội hè hợp với nghi tiết hôn lễ của một quốc vương Ba-tư lấy hoàng hậu nước Ba-tư, trong khi đám cưới của hai người chị chỉ được cử hành theo nghi thức hợp với địa vị của chồng họ, tức là thợ cả làm bánh mì và đầu bếp của nhà vua.

Hai người chị nhận thấy sâu sắc sự cách biệt vô biên giữa đám cưới của họ và đám cưới cô em út. Nhận xét đó làm cho họ, không những không bằng lòng vì hạnh phúc ước gì được nấy của mỗi người cũng đã cao xa nhiều lắm so với hi vọng của họ, lại còn sinh lòng ganh tị sâu cay, không những làm vẩn đục niềm vui của họ mà còn gây nên cho cô em út những điều bất hạnh lớn, nhục mạ và đau khổ không thể nào tả xiết. Lúc đầu, họ cũng chưa có thời giờ trao đổi với nhau suy nghĩ về sự lựa chọn của nhà vua mà họ cho là thiệt hại cho mình, vì họ lo sửa soạn lễ cưới. Nhưng, có dịp gặp

lại nhau mấy ngày sau đó, trong một nhà tắm công cộng mà họ đã hẹn trước, người chị cả bảo cô kia:

– Này em! Em nghĩ thế nào về con út của chúng ta? Bộ nó có đáng được làm hoàng hậu không?

– Thú thật em chả hiểu ra sao cả, – cô em đáp – em không hiểu nhà vua mê nó về nỗi gì, để đến nỗi mù quáng như vậy. Nó chỉ là một con bú dù, chị em ta đã nhìn nó chán mắt rồi. Nó chỉ có trẻ hơn hai chị em ta chút đỉnh thôi, chẳng nhẽ vì lý do đó mà nhà vua lại không chọn chị? Chị xứng đáng làm hoàng hậu, công bằng ra thì vua phải chọn chị thì mới phải.

– Em ạ, – người chị cả nói – đừng nói về chị. Chị chẳng có ý kiến gì nếu nhà vua chọn em, đằng này lại đi chọn một con bẩn như cú, do đó chị buồn phiền. Việc này em cũng như chị, chúng ta phải trả thù. Chính vì vậy mà chị cần em hợp sức với chị, việc là việc chung của cả hai chị em mà. Em có nghĩ ra cách gì làm nhục nó thì tin cho chị biết, chị hứa là về phần mình, nếu tìm ra được cách gì làm cho nó đau đớn ê chề là chị bảo em biết ngay.

Từ ngày ấy, hai chị em gặp nhau luôn, và mỗi lần gặp nhau đều bàn bạc đường đi nước bước để phá hoại hạnh phúc của hoàng hậu em gái út của mình. Họ mưu toan nhiều cách, nhưng khi tính tới chuyện bắt tay vào việc, thì cách nào cũng gặp những khó khăn quá lớn, không ai có gan làm. Tuy vậy, thỉnh thoảng họ lại cùng nhau đến thăm em út, lần nào cũng giả vờ thật khéo léo để tỏ tình thân yêu, và làm cho cô em tưởng họ vô cùng hoan hỉ được có một người em làm mẫu nghi thiên hạ như thế này. Về phần mình, bao giờ hoàng hậu cũng tiếp họ chân tình và kính trọng đúng như một đứa em hiền không vì địa vị cao sang làm cho hư hỏng, mà vẫn thật lòng thương yêu nhau như thuở còn hàn vi.

Mấy tháng sau ngày cưới, hoàng hậu thụ thai, nhà vua rất đỗi vui mừng. Niềm vui ấy không những chỉ có trong hoàng cung mà còn lan rộng khắp phố phường của kinh thành nước Ba-tư. Hai người chị đến chúc mừng em, và từ hôm ấy, nghĩ tới chuyện cần có bà đỡ sẽ giúp nàng lúc cái thai trọn ngày mãn tháng, họ xin nàng hãy chọn họ chứ đừng chọn người nào khác.

Hoàng hậu đáp rất nhã nhặn:

– Các chị ơi, em không mong gì hơn được như thế, nếu tự em có quyền lựa chọn, xin hai chị tin cho lòng em như vậy. Em vô cùng biết ơn tấm lòng tốt của hai chị, nhưng nhà vua truyền thế nào em phải vâng theo thế ấy. Xin các chị hãy nói với các anh ở nhà, cậy bạn bè quen biết cùng tâu, xin nhà vua ban cho ân huệ ấy. Nếu nhà vua nói chuyện đó với em, thì xin các chị tin rằng không những em tỏ ý vui mừng, mà còn cảm tạ Người đã chọn hai chị giúp làm bà đỡ cho em.

Hai người chồng, mỗi người đều đi tìm riêng các vị quan vẫn che chở mình dùng ảnh hưởng của họ để xin cho hai người chị gái được vinh dự làm bà đỡ cho hoàng hậu, việc làm của họ có hiệu quả. Nhà vua hứa là sẽ lưu tâm tới chuyện đó.

Nhà vua giữ lời hứa. Trong một buổi nói chuyện riêng với hoàng hậu, vua nói mình thấy hai chị gái là những người thích hợp hơn bất cứ bà đỡ xa lạ nào để giúp hoàng hậu lúc mãn nguyệt khai hoa, nhưng vua chưa muốn cử họ trước khi chưa bàn bạc với hoàng hậu. Cảm kích trước thái độ của vua đối với mình, hoàng hậu nói:

– Tâu bệ hạ, em chỉ biết sẵn sàng tuân theo mọi ý của bệ hạ, nhưng vì bệ hạ đã hạ cố nghĩ tới hai chị gái của em, em xin cảm tạ bệ hạ đã vì thương em mà quan tâm tới họ, về phần em, em không dám giấu rằng mình vui thích được hai chị đỡ đần hơn là những người xa lạ.

Thế là nhà vua cử hai người chị gái của hoàng hậu làm bà đỡ cho nàng. Từ đấy, người nào cũng ra vào cung cấm với niềm vui sướng tìm được cơ hội đúng như mong muốn để thực hiện âm mưu độc ác mà họ đã nghiền ngẫm, hòng làm hại hoàng hậu em gái út của mình.

Đủ tháng đủ ngày, hoàng hậu sinh hạ mẹ tròn con vuông một hoàng tử xinh như mộng. Nhưng sự xinh xắn và bé bỏng của cháu bé vẫn không thể làm động lòng những người chị bất nhân. Họ cuộn hoàng tử vào mấy tấm tã sơ sài, đặt vào một cái làn rồi thả trôi theo dòng nước chảy qua bên dưới cung của hoàng hậu; rồi đưa ra một con chó con chết và rêu rao rằng đó là đứa con mà hoàng hậu vừa sinh hạ. Nghe tin đáng ghét ấy, nhà vua nổi cơn thịnh nộ, và có thể đã làm cho hoàng hậu đến mất đầu, nếu không nhờ có tể tướng can gián; ông nói rằng, nếu nhà vua đổ cho hoàng hậu phải chịu trách nhiệm về những sự kỳ quái của tự nhiên, thì không thể tránh khỏi bất công.

Cái làn đựng hoàng tử được dòng nước đưa ra tận bên ngoài dãy tường thấp bao quanh cung của hoàng hậu, và tiếp tục trôi ngang qua vườn ngự uyển. Tình cờ viên quan trông nom các vườn tược của nhà vua, một trong các vị đại thần được trọng vọng nhất vương quốc, hôm đó đi dạo dọc theo bờ hào. Trông thấy cái làn nổi bồng bềnh, ông ta gọi một người làm vườn lúc ấy ở gần, trỏ cho anh ta thấy và bảo:

– Hãy mau mau lấy và mang cái làn ấy đến cho ta, thử xem trong ấy có gì.

Người làm vườn đến bên cạnh cái hào, đưa cái thuổng đang cầm ở tay khéo léo khều cái làn vào, rồi mang tới cho vị quan.

Vị quan trông nom các vườn tược của nhà vua cực kỳ ngạc nhiên thấy trong làn có một em bé, một em bé

cho dù sơ sinh điều này chỉ nhìn qua cũng đủ biết nhưng đã có những nét đẹp dễ vô ngần. Vị quan này lấy vợ đã lâu, và vẫn mong được đứa con nối dõi, nhưng trời vẫn chưa cho. Ông liền bỏ dở cuộc đi dạo, sai người làm vườn mang cái làn cùng em bé theo mình trở về nhà. Về đến nhà riêng cũng ở trong vườn ngự uyển, ông vào thẳng buồng riêng của vợ:

— Bà ơi, — ông nói — chúng ta không có con trai, trời mang lại cho ta một đứa đây này. Tôi ký thác cho bà đấy, bà hãy mau mau tìm cho nó một vú nuôi, bà hãy chăm sóc nó, coi nó như con trai chúng ta vậy; từ giờ phút này tôi công nhận nó là con trai tôi.

Bà vợ mừng rỡ đón đứa con, và rất lấy làm sung sướng được nuôi nấng nó. Vị quan không muốn tìm hiểu sâu đứa con từ đâu đến. Ông tự nhủ: «Ta thấy rõ là nó trôi từ phía cung của hoàng hậu đến, nhưng ta không có nhiệm vụ kiểm tra những gì đã xảy ra trong ấy, cũng như gây chuyện rối ren ở một nơi rất cần sự yên tĩnh».

Qua năm sau, hoàng hậu lại sinh hạ một hoàng tử khác. Hai người chị gái độc ác này cũng chẳng thương xót gì cháu bé này hơn anh của nó trước. Họ lại cho nó vào cái làn vứt xuống dòng hào; rồi rêu rao hoàng hậu lại vừa sinh hạ ra một con mèo. May mắn sao cho chú bé, vị quan trông nom vườn tược lúc ấy cũng có mặt bên dòng nước, sai vớt lên rồi mang về cho bà vợ, giao cho bà chăm sóc nó y như đứa bé trước. Bà làm việc này chính chiều theo ý tốt của chồng mà cũng là để thỏa lòng mong ước của chính mình.

Lần này, quốc vương nước Ba-tư còn bất bình với hoàng hậu hơn lần sinh đẻ trước. Vua đã thật sự đổ cơn giận lên đầu nàng, nếu những lời can gián của tể tướng không đủ sức thuyết phục vua nghĩ lại.

Hoàng hậu sinh nở một lần thứ ba nữa, lần này không phải hoàng tử mà là một công chúa. Đứa bé vô tội cũng chịu chung số phận với hai hoàng tử anh trai mình. Hai người chị quyết tâm chưa chấm dứt âm mưu xấu xa của mình chừng nào hoàng hậu chưa bị hắt hủi, bị xua đuổi và bị làm nhục. Họ lại làm như hai lần trước là thả công chúa xuống dòng nước hào. Đứa bé được cứu thoát, nhờ lòng thương xót và nhân hậu của vị quan và được nuôi nấng, dạy dỗ cùng với hai anh trai.

Cũng với việc làm vô nhân đạo, hai người lại nói năng gian trá y như hai lần trước. Họ đưa ra một mẩu gỗ, rồi quả quyết hoàng hậu vừa đẻ ra một con cá lép kẹp.

Nghe chuyện sinh nở kỳ cục này thì vua Khôrusát không sao nén giận được nữa. Vua nói:

– Hừ, con mụ này không xứng đáng làm vợ ta, nếu để mụ sống, hẳn mụ sẽ đẻ đầy cung ta những con quái vật. Không, không thể nào như vậy được, chính mụ ấy cũng là một quái vật, mà ta phải quét sạch khỏi thế gian này.

Vua tuyên án tử hình, và giao cho tể tướng thực hành lệnh đó.

Tể tướng cùng các vị triều thần có mặt lúc ấy vội phủ phục dưới chân vua, van xin vua hủy bỏ bản án. Tể tướng nói:

– Tâu bệ hạ, xin cho phép tôi được trình bày để Ngài rõ, xưa nay các đạo luật xử tử hình chỉ được đặt ra để trừng phạt các tội ác. Ba lần sinh nở của hoàng hậu, bất thường thật đấy, nhưng không phải là tội ác. Ta có thể kết tội hoàng hậu ở điểm nào trong việc này? Vô số đàn bà khác đã từng đẻ và ngày nào cũng đang đẻ như vậy. Họ đáng phàn nàn, chứ không đáng trừng phạt. Xin bệ hạ đừng nhìn mặt hoàng hậu nữa, nhưng hãy

cho bà ấy sống. Nỗi phiền muộn bị thất sủng dủ là một hình phạt khá đau đớn cho bà đến trọn đời.

Vua nước Ba-tư nghĩ lại. Thấy mình quả bất công nếu bắt hoàng hậu chịu tội chết vì đã đẻ ra những quái vật, vua liền nói:

– Thế thì hãy cho nó sống, nếu quả như lời ông nói. Ta sẽ cho nó sống, nhưng với một điều kiện là sống mà ngày nào cũng hơn một lần mong được chết. Hãy làm cho nó một túp lều bằng gỗ ở ngay cổng giáo đường chính, với một cửa sổ luôn luôn mở. Hãy giam nó vào đó với bộ áo quần xấu xí nhất. Bất cứ người hồi giáo nào đến nhà thờ cầu nguyện, đi qua đều phải nhổ vào mặt nó. Nếu ai không làm như vậy thì người đó phải chịu cùng một hình phạt ấy. Và để lệnh của ta được thi hành, ta truyền cho ông, tể tướng à, phải đặt người kiểm tra.

Giọng của nhà vua khi tuyên bố bản án này khiến tể tướng không dám hé răng. Lệnh của vua được thi hành, làm cho hai người chị gái ganh tị rất mực hài lòng. Túp lều được dựng xong ngay, và hoàng hậu quả thật đáng thương, vừa hết tuần ở cữ, theo đúng lệnh của nhà vua, đã bị bêu riếu một cách nhục nhã, làm trò cười và vật khinh khi cho mọi người qua lại. Hình phạt nàng không đáng phải chịu ấy, nàng đã chịu đựng một cách kiên nhẫn, khiến cho những người mà sự suy nghĩ lành mạnh hơn kẻ tầm thường đều đem lòng khâm phục và thương hại nữa.

Hai hoàng tử và công chúa được vợ chồng vị quan trông nom các vườn tược của nhà vua nuôi nấng và dạy dỗ trong tình thương yêu trìu mến thật sự của cha mẹ đối với con cái. Hai hoàng tử và công chúa càng lớn lên thì càng xuất hiện rõ dáng dấp con nhà, nhất là công chúa càng ngày càng đẹp hẳn lên, cả ba anh em đều ngày càng ngoan ngoãn, không bao giờ mắc vào

những chuyện dở dẩn như những đứa trẻ con tầm thường, và cũng có một vẻ gì đó chỉ có ở những chàng trai và cô gái cành vàng lá ngọc mà thôi, nhưng tính chất ấy càng làm cho hai vợ chồng vị quan càng thêm yêu mến. Để phân biệt hai hoàng tử theo tuổi tác, họ đặt tên người đầu là Batman, người thứ hai là Pecvizơ, tên mà các quốc vương nước Ba-tư thời xưa từng lấy làm niên hiệu. Còn công chúa được gọi là Parizat, cũng là tên mà nhiều hoàng hậu và công chúa nước này từng mang.

Khi hai cậu tới tuổi học hành, vị quan đón một thầy giáo về nhà dạy cho họ tập đọc và tập viết. Nàng công chúa, đến chơi xem các anh học, cũng tỏ lòng ham thích được học mặc dù còn ít tuổi hơn hai anh, đến nỗi vị quan lấy làm hoan hỉ về năng khiếu ấy, liền giao cho cùng thầy giáo ấy dạy dỗ luôn. Do lanh lợi, thông minh, cô ganh đua với hai anh thành thử chẳng bao lâu, học hành cũng tiến tới chẳng kém gì hai hoàng tử.

Từ bấy trở đi, hai cậu anh và cô em gái cùng học chung một thầy tất cả các môn nghệ thuật, địa lý, lịch sử, thi ca, khoa học, kể cả các môn khoa học huyền bí. Chẳng có môn gì ba anh em cho là khó cả, họ học hành tiến tới kỳ diệu đến nỗi các thầy giáo lấy làm ngạc nhiên, và chẳng bao lâu thú thật không chút úp mở rằng, nếu cứ theo đà này thì rồi trò sẽ giỏi hơn thầy. Trong những giờ nghỉ, công chúa học thêm âm nhạc, tập hát và chơi nhiều loại nhạc cụ. Khi các hoàng tử tập cưỡi ngựa, cô cũng không chịu để cho các anh hơn mình. Cô cũng tập cùng các anh, thành thử cũng biết cưỡi ngựa, bắn cung, ném gậy và phóng lao thành thạo như các anh; có hôm cô đua ngựa còn cho ngựa phi nhanh hơn cả hai anh.

Vị quan trông nom vườn tược của nhà vua cực kỳ mừng vui thấy các con nuôi của mình đều hoàn hảo

cả về thể chất và tinh thần, xứng đáng với số tiền chi phí mà ông đã bỏ ra để giáo dục, đạt kết quả vượt xa những gì ông mong đợi. Vì vậy, ông quyết định chi cho các con một khoản tiền còn lớn hơn nhiều nữa. Cho tới lúc bấy giờ, bằng lòng với ngôi nhà trong khu vực hoàng thành, ông không làm nhà nghỉ ở nông thôn, nay ông mua một cái không xa thành phố, kèm theo nhiều đất đai trồng trọt, đồng cỏ và rừng. Thấy ngôi nhà chưa đủ đẹp đẽ và tiện nghi, ông cho phá đi làm một cái khác đẹp nhất so với cả vùng. Ngày nào ông cũng đến để tự mình đôn đốc rất đông thợ thuyền xây dựng, và cứ một gian vừa xây xong, có thể ở tạm được là ông về ở luôn nhiều ngày ở đấy, miễn việc công cho phép. Nhờ sự cần mẫn ấy, ngôi nhà xây xong; trong khi người ta lo sắm sanh những đồ đạc bàn ghế đắt tiền nhất phù hợp với sự tráng lệ của dinh cơ, thì ông lo đôn đốc làm cái vườn, mà ông đích thân vẽ kiểu – đây cũng là việc thông thường đối với các vị quan to ở nước Ba-tư. Ông còn sửa sang thêm một khu rừng thật rộng, cho xây tường bao quanh rồi thả vào đấy nhiều loại thú rừng, để cho hai hoàng tử và công chúa, lúc nào thích thì giải trí bằng cách săn bắn.

Khi ngôi nhà ở nông thôn đã xây dựng xong xuôi đâu vào đấy và có thể ở được, vị quan già đến phủ phục dưới chân vua. Sau khi tâu bày mình đã phục vụ nhiều năm, nay tuổi già sức yếu lại ốm đau luôn, ông xin nhà vua cho phép được cáo quan, lui về nghỉ. Nhà vua bằng lòng vì vị quan đã làm tròn nhiệm vụ nhiều năm dưới triều đại của phụ vương cũng như từ ngày vua tức vị. Vua hỏi thêm ông có muốn vua trọng thưởng gì. Vị quan già đáp:

– Tâu bệ hạ tội đội ơn mưa móc của bệ hạ cũng như của tiên vương trước đây đã nhiều, nay thật không còn

ước ao gì khác hơn là được qua đời trong ân sủng của nhà vua.

Cáo biệt vua Khôrusát, ông lui về ngôi nhà ở nông thôn mà ông vừa cho xây dựng, cùng với hai hoàng tử Batman, Pecvizơ và công chúa Parizat. Bà vợ ông đã qua đời mấy năm trước. Ông mới sống với ba con được chừng năm, sáu tháng, thì một hôm lâm bệnh và qua đời đột ngột, đến nỗi không có đủ thời giờ nói qua cho họ biết về nguồn gốc thật của họ, mặc dù ông đã có dự định làm như vậy, để buộc họ tiếp tục sống như họ đã từng sống cho đến lúc bấy giờ, đúng với địa vị và điều kiện của họ mà sự giáo dục cũng như bản tính của ba anh em đã mang lại.

Hai hoàng tử Batman Pecvizơ và công chúa Parizat từ trước tới nay vẫn coi vị quan trông nom vườn tược của nhà vua là bố đẻ ra mình, hết lòng thương xót; họ tổ chức lễ tang xứng đáng với tình thương yêu và lòng biết ơn đối với người cha vừa quá cố. Hài lòng vì số tài sản lớn cha mẹ để lại, họ tiếp tục sống chung với nhau trong cảnh hòa thuận, các hoàng tử không hề có tham vọng tiến thân ra chốn triều đình, nhằm những chức trọng quyền cao mà chắc họ dễ dàng đạt được.

Một hôm, hai hoàng tử đi săn vắng, công chúa ngồi ở nhà một mình, chợt có một bà hồi giáo mộ đạo khá cao tuổi đến trước cổng và xin phép được vào cầu kinh, vì đã đến giờ. Người hầu vào xin phép, công chúa ra mời bà vào và chỉ cho bà nơi cầu nguyện mà vị quan già đã chu đáo cho xây thêm trong nhà, vì trong vùng lân cận không có giáo đường. Nàng lại truyền cho người hầu là, sau khi bà mộ đạo cầu kinh xong, anh ta mời bà đi xem ngôi nhà và khu vườn, rồi đưa bà đến gặp mình.

Bà hồi giáo mộ đạo đi vào, tới đọc kinh ở nơi cầu nguyện mà người hầu chỉ cho. Bà vừa đọc kinh xong, thì hai người hầu của công chúa chực sẵn bên ngoài đã mời bà đi thăm nhà và vườn. Bà tỏ ý sẵn sàng, họ dẫn bà đi hết buồng này sang buồng khác, đến đâu bà cũng quan sát mọi thứ như một người sành sỏi trong việc sắp xếp đồ đạc và trang hoàng nội thất. Đi xem vườn, bà ngỏ lời khen kiểu vườn rất mới, rất hài hòa, bà khâm phục người nào vẽ kiểu đấy thật là một bậc thầy thành thạo trong nghệ thuật này. Cuối cùng, bà được mời đến gặp công chúa, nàng đang ngồi đợi trong một phòng khách lớn, đẹp hơn, sạch hơn và sang trọng hơn tất cả những nơi khác bà vừa xem trong ngôi nhà.

Vừa trông thấy nhà mộ đạo, công chúa nói:

– Xin chào mẹ, mời mẹ tiến đến và ngồi xuống cạnh con. Con rất hoan hỉ có dịp được chuyện trò chốc lát, với một người như mẹ đã nêu tấm gương phó thác trọn mình cho Thượng đế, mà bất cứ người khôn ngoan nào đều phải bắt chước.

Bà mộ đạo không lên trường kỷ mà ngồi ghé vào một góc, nhưng công chúa không chịu, nàng đứng lên, bước tới gần, cầm tay bà dắt đến buộc ngồi xuống bên cạnh mình, vào chỗ ngồi danh dự. Bà mộ đạo rất xúc động trước thái độ lịch sự ấy. Bà nói:

– Thưa bà, tôi không đáng được bà đối xử trọng vọng như vậy, tôi vâng lời chỉ tại bà truyền, và vì bà là chủ nhân ở đây mà thôi.

Sau khi bà ngồi yên chỗ, trước khi đi vào trò chuyện, một người hầu mang đến đặt trước mặt bà và công chúa một chiếc bàn thấp nhỏ khảm xà cừ và gỗ mun, trên bày một đĩa sứ đầy bánh ngọt và nhiều bát sứ đựng các thứ hoa quả đang mùa cùng mứt khô và mứt ướt,

Công chúa chọn một cái bánh, đưa mời bà và nói:

– Xin mời mẹ hãy nếm thử chiếc bánh này, rồi xin mẹ chọn các thứ quả kia thứ nào thích thì dùng, sau quãng đường dài đến đây, hẳn mẹ cần phải ăn.

– Thưa bà, – bà mộ đạo đáp – tôi không quen ăn những thức sang trọng thế này; nếu tôi dùng, ấy chỉ là không thể khước từ vật mà Thượng đế ban cho qua bàn tay hào phóng của bà.

Trong khi bà mộ đạo ăn, công chúa cũng nhấm nháp chút ít để tiếp khách, rồi hỏi chuyện bà về cách hành đạo cũng như nếp sống hằng ngày của bà; bà đều trả lời rất khiêm tốn; rồi từ chuyện này sang chuyện khác, nàng hỏi bà thấy thế nào ngôi nhà vừa xem, có được hợp ý bà hay không. Bà mộ đạo đáp:

– Thưa bà, thật là người nào dở hơi mới dám chê; ngôi nhà này đẹp đẽ, sáng sủa; đồ đạc sang trọng được xếp đặt ngăn nắp, không loạn mắt; không có cách trang trí nào hơn thế được. Nó được xây cất trên một khu đất đẹp, còn khu vườn thì thật không có nơi nào nhìn thích mắt hơn và hợp với ngôi nhà hơn. Tuy nhiên, nếu bà cho phép tôi được nói thật, thì thưa bà, tôi xin mạn phép nói rằng, ngôi nhà này sẽ không có nơi nào sánh bằng, nếu như theo ý tôi, nó không thiếu ba thứ:

– Đó là ba thứ gì vậy, thưa mẹ? – công chúa Parizat hỏi.

– Xin mẹ nói cho con nghe, con xin thề trước Thượng đế, sẽ không tiếc bất cứ gì để có cho bằng được, nếu có thể làm như vậy.

– Thưa bà, – bà mộ đạo đáp – vật đầu tiên trong ba thứ đó là con chim biết nói, đó là một con chim đặc biệt tên gọi là Bunbunhêza, nó lại còn có thêm một đặc tính nữa là thu hút các loại chim chóc biết hót quanh

vàng tới hòa theo tiếng hót của nó. Vật thứ hai là cái cây biết hát, cứ mỗi ngọn lá là một cái miệng, hòa với nhau thành một bản hợp xướng có nhiều giọng khác nhau, và không bao giờ ngừng. Cuối cùng vật thứ ba là lẵn nước vàng, màu giống như vàng thật, chỉ cần có một giọt nước ấy thôi rót vào một cái bể xây sẵn thì nó lập tức sinh sôi đầy bể, rồi phun lên thành một luồng nước có nhiều tia ở ngay chính giữa bể, rơi xuống bể mà không bao giờ làm cho nước tràn bờ.

– Ôi, mẹ hiền của con ơi, – công chúa thốt lên – con hàm ơn mẹ xiết bao vì đã cho con hay về ba vật ấy! Nó kỳ lạ thật, con chưa từng nghe nói trên đời này có vật gì lạ lùng và đáng thán phục bằng ba thứ đó bao giờ. Nhưng, con chắc mẹ biết rõ ba vật đó ở đâu, vậy con chờ mẹ vui lòng bảy cho con rõ.

Để đáp ứng yêu cầu của công chúa, bà mộ đạo bảo nàng:

– Thưa bà, tôi sẽ không xứng đáng với sự hiếu khách mà bà vừa tỏ rõ với xiết bao nhân từ, nếu không đáp ứng sự hiếu kỳ của bà. Vậy thì tôi xin được nói rằng ba vật vừa nói đến ấy cũng ở tại một nơi, tận cuối cùng của vương quốc này, về phía nước Ấn-độ. Con đường đi tới đấy chạy ngang qua trước cổng nhà bà. Người nào mà bà sẽ sai đi lấy, chỉ cần đi theo hướng đó hai mươi ngày liền, rồi bất kỳ gặp ai, hỏi con chim biết nói, cái cây biết hát và lẵn nước vàng ở đâu, người ta cũng đều chỉ cho được.

Nói xong câu đó, bà đứng lên, xin cáo biệt, rồi ra khỏi nhà và tiếp tục đường đi của mình.

Công chúa Parizat đang cố ghi nhớ vào đầu lời chỉ dẫn của bà mộ đạo về con chim biết nói, cái cây biết hát và nước vàng, đến nỗi không để ý bà đã ra đi, và chỉ nhận ra khi muốn hỏi thêm đôi điều cho sáng

tỏ hơn nữa. Quả vậy, nàng cảm thấy những điều vừa nghe từ miệng bà nói ra chưa đủ để làm một chuyến đi mà không sợ tốn công vô ích. Tuy nhiên, nàng không muốn cho người chạy theo mời bà quay trở lại, mà chỉ rán sức cố nhớ đừng quên những điều bà dạy Khi cho rằng mình đã ghi nhớ đầy đủ rồi, nàng thích thú nghĩ tới lúc có được những vật kỳ diệu ấy; nhưng những khó khăn và nỗi lo sẽ không đạt được mong muốn lại khiến cho nàng rất đỗi băn khoăn.

Công chúa Parizat đang thẫn thờ với bấy nhiêu suy nghĩ thì hai hoàng tử anh trai đi săn vừa trở về. Bước vào phòng khách, họ ngạc nhiên thấy cô em gái không những không có khuôn mặt rạng rỡ như thường lệ, mà lại còn có vẻ đang suy tư, gần như buồn bã nữa. Hoàng tử Batman liền cất lời hỏi:

– Em gái của anh ơi, đâu rồi vẻ vui cười tươi tỉnh bất ly thân của em? Em khó ở chăng? Hay là vừa xảy ra một điều chi bất hạnh? Có ai làm cho em buồn bực? Hãy nói cho các anh biết, để các anh chia sẻ cùng em, để các anh tìm cách giải khuây hoặc là trả thù cho em, nếu có kẻ nào dám bạo gan xúc phạm một người ai ai cũng phải kính trọng như em.

Công chúa Parizat vẫn im lặng trong vẻ rầu rĩ; Cuối cùng nàng đưa mắt ngó hai ông anh, xong lại cúi xuống ngay, và nói rằng chẳng có chuyện gì.

– Em gái ơi, – hoàng tử Batman lại nói – chớ giấu giếm không cho các anh biết sự thật, nhất định phải có một việc gì đây, một việc nghiêm trọng nữa là khác. Có thể nào, chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi các anh xa em, em lại có sự thay đổi sâu sắc và bất ngờ như các anh đang nhận thấy kia, mà em lại bảo chẳng có chuyện gì. Em nên biết là các anh không chịu bằng lòng về câu trả lời chưa làm các anh rõ ấy đâu. Vậy thì em chớ giấu giếm hai anh nữa, trừ phi là em muốn

làm cho các anh tin rằng em không còn thương yêu, gắn bó với hai anh như từ thuở chúng ta còn thơ ấu cho đến tận bây giờ.

Công chúa, không muốn để các anh hiểu nhầm như vậy và giận mình, đành phải đáp :

— Khi em nói chẳng có chuyện gì làm cho em phiền lòng, ấy là em nói về phía các anh, chứ về phần em, em thấy nó cũng có ít nhiều quan trọng; và bởi vì anh đưa tình thương yêu gắn bó giữa ba anh em ta mà em rất tha thiết ra dọa em, thì em đành phải nói để các anh rõ vậy.

Trước đây các anh vẫn tưởng và em cũng nghĩ như các anh, rằng ngôi nhà đây mà phụ thân chúng ta cho xây cất và để lại cho chúng ta đây là đầy đủ về mọi mặt, không thiếu một thứ gì, thế mà bây giờ em được biết rằng cần có ba thứ nữa thì mới làm cho nó trở thành vô song, so với tất cả các nhà nghỉ ở nông thôn có trên đời này. Ba vật ấy là con chim biết nói, cái cây biết hát, và làn nước màu vàng giống y như vàng thật.

Sau khi giảng giải cho hai anh nghe ba vật ấy hay ho ở những chỗ nào, công chúa nói thêm :

— Chính một bà hồi giáo mộ đạo đã cho em biết chuyện đó và đã chỉ cho em nơi có ba vật ấy và con đường đi tới đó. Chắc các anh có thể cho rằng ba vật ấy chẳng lấy gì làm quan trọng lắm để làm cho nhà ta thật hoàn chỉnh, không có những thứ đó thì ngôi nhà của ta cũng đẹp lắm rồi, cho nên chẳng phải cần đến nó nữa. Các anh nghĩ thế nào tùy các anh, riêng em thì em không thể không nói với hai anh rằng, em cho rằng những thứ đó cần thiết lắm, và em chưa yên tâm chừng nào chưa thấy nó bày trong nhà này. Vậy em xin các anh cho em ý kiến là em làm cách sao để có được ba vật quý đó.

— Em gái ạ, — hoàng tử Batman lại nói — chẳng có điều gì em quan tâm mà các anh lại không. Chỉ cần em nói ra, em nôn nóng muốn có được ba vật ấy, là đủ buộc hai anh cùng quan tâm. Nhưng, không phải chỉ vì em thích mà thôi đâu, mà chính bản thân hai anh cũng nghĩ như em và cũng rất muốn được có ba thứ đó — anh tin rằng chú hai đây cũng suy nghĩ như anh. Chúng ta phải tìm mọi cách để đoạt cho được ba thứ đó, như lời em nói; vì tính chất đặc biệt của chúng đáng cho ta dùng từ đoạt. Anh sẽ lo chuyện đó. Giờ thì em hãy nói cho anh rõ nơi có các vật ấy và con đường đi tới đó, anh không chần chừ, ngay sáng mai phải lên đường ngay thôi.

Hoàng tử Pecvizo nói :

— Thưa anh, không thể nào anh vắng nhà lâu như vậy, anh là người chủ và là rường cột cả gia đình xin em gái hãy cùng với anh ngỏ lời xin anh cả hãy bỏ ý định ấy đi và vui lòng cho em được làm thay anh. Em sẽ làm trọn công việc ấy đúng như anh, mà như vậy thuận với lẽ thường hơn.

— Em à, — hoàng tử Batman đáp — anh rất hiểu ý tốt của em và tin rằng em cũng sẽ làm tốt chuyến đi này giống như anh, nhưng công việc đã quyết định rồi, anh muốn đi, và anh sẽ đi. Em hãy ở nhà với em gái chúng ta, anh không cần phải dặn dò em điều gì thêm về chuyện đó nữa.

Hoàng tử để dành cả ngày hôm đó để sửa soạn lên đường, hỏi thêm công chúa về những lời bà già mộ đạo dặn, để khỏi đi lạc đường.

Ngày hôm sau, từ sáng sớm, hoàng tử Batman đã lên ngựa; hoàng tử Pecvizơ và công chúa Parizat đều tiễn anh, ôm hôn anh và chúc anh lên đường bình yên vô

sự. Nhưng đang lúc chia tay, công chúa Parizat chợt nghĩ ra một điều chưa từng tính đến. Nàng nói :

— Anh ạ, trước đây em chưa nghĩ tới những nỗi gian nguy mà anh có thể gặp phải trong các chuyến đi, biết đâu em chẳng còn được trông thấy anh nữa ? Thôi, em van anh đấy, xin anh xuống ngựa, đừng có đi đâu nữa. Em thà không nhìn, không có con chim biết nói, cái cây biết hát và làn nước màu vàng, còn hơn là biết đâu chẳng bao giờ có dịp được gặp lại anh.

— Em gái ơi, — hoàng tử mỉm cười trước nỗi lo sợ đột ngột của công chúa Parizat — đã quyết định rồi. và cho dù chưa thì anh cũng sẽ quyết định y như vậy, và xin em hãy để cho anh đi. Những tai nạn mà em nói đó chỉ xảy đến với những người bất hạnh. Đúng là anh có thể thuộc vào hạng người không may, nhưng anh cũng có thể thuộc vào hạng người may mắn, mà trên đời những người may mắn đông hơn nhiều những người không may. Tuy nhiên chưa biết việc gì rồi sẽ xảy ra, và có thể anh ngã xuống trong công cuộc này, tất cả những gì anh có thể làm, là để lại cho em con dao đây.

Thế là hoàng tử Batman rút ra một con dao còn nguyên trong vỏ đưa cho công chúa và nói :

— Em cầm lấy, và thỉnh thoảng hãy chịu khó rút dao ra khỏi vỏ, chừng nào em thấy lưỡi dao vẫn sáng như hiện nay, thì ấy là dấu hiệu rằng anh còn sống; nhưng nếu thấy lưỡi dao có giọt máu, thì hãy nghĩ rằng anh không còn nữa, và xin hãy cầu nguyện cho anh.

Công chúa Parizat không thể đòi hỏi gì hơn ở hoàng tử Batman nữa. Chàng từ biệt hai anh em một lần cuối cùng, rồi lên đường, ngựa thắng yên cương và người võ trang đầy đủ. Chàng cứ thẳng đường mà đi, không rẽ sang trái cũng chẳng quặt sang phải, tiếp tục băng qua cả nước Ba-tư. Đi đến ngày thứ hai mươi, chàng thấy

bên đường có một cụ già bộ dạng xấu xí, ngồi dưới một gốc cây, cách không xa một túp lều là nơi trú ẩn cho cụ những lúc trở trời trái gió.

Tóc, râu cũng như lông mày của cụ đều trắng như tuyết; lông mày rủ xuống đến mũi, râu mép che kín miệng, còn râu cằm và tóc thì phủ xuống tận chân. Móng tay và móng chân của cụ cực dài; trên đầu cụ đội một chiếc nón dẹp và rộng trông như cái lọng; chẳng mặc quần áo gì ngoài một chiếc chiếu cuộn quanh mình.

Cụ già ấy là một ẩn sĩ, từ nhiều năm nay đã xa lánh cuộc đời, vì không quan tâm chút gì tới thể xác mà chỉ nghĩ tới phần hồn, thành thử cuối cùng trở thành như ta vừa thấy đấy.

Từ sáng sớm, hoàng tử Batman đã chú ý quan sát xem có gặp được ai không để hỏi thăm về điều mình muốn biết. Đến gần ẩn sĩ, chàng dừng lại, coi như đây là người đầu tiên mình gặp, rồi xuống ngựa, để cho ăn khớp với những điều bà già mộ đạo dặn công chúa Parizat. Cầm cương ngựa ở tay, chàng tiến đến gần ẩn sĩ và cất lời chào :

– Kính chào cụ. Cầu mong Thượng đế kéo dài tuổi thọ của cụ và cho cụ được vạn sự như ý.

Ẩn sĩ đáp lễ, nhưng khó nghe tới mức chàng không hiểu được chút gì. Nhận ra sở dĩ như vậy là vì râu mép che lấp mất miệng của ẩn sĩ, mà mình lại không thể bỏ đi trước khi hỏi được những điều cần biết, chàng lấy cái kéo mang theo sẵn, buộc con ngựa vào gốc cây rồi nói :

– Thưa cụ, tôi muốn thưa chuyện với cụ, nhưng bộ râu của cụ ngăn không cho tôi nghe rõ lời cụ nói, vậy xin phép cụ cho tôi được tỉa bớt râu mép cũng như lông mày, nó làm cho cụ trông giống một con gấu hơn là người,

Ẩn sĩ không phản đối, cứ để yên cho chàng làm. Tỉa xong, thấy ẩn sĩ có vẻ tươi tỉnh và trông trẻ ra nhiều so với tuổi tác, liền nói :

— Cụ ạ, giá tôi có một cái gương soi đưa cụ xem, cụ sẽ thấy mình trẻ ra đến bao nhiêu. Bây giờ cụ là một con người, trước đây thật chẳng ai nom rõ cụ là thứ gì.

Câu nói của hoàng tử Batman làm ẩn sĩ hé một nụ cười và mở lời đáp :

— Thưa ngài, cho dù ngài là ai, tôi cũng rất lấy làm cảm tạ việc ngài vừa làm cho; tôi hết lòng chứng tỏ với ngài lòng cảm kích ấy, trong phạm vi có thể làm được. Ngài đã xuống ngựa, hẳn có việc gì cần. Xin ngài hãy nói ra, nếu có thể, tôi xin hết sức giúp ngài.

Hoàng tử Bátman nói :

— Thưa cụ, tôi từ xa đến, tôi đi tìm con chim biết nói, cái cây biết hát và làn nước màu vàng. Tôi được biết những vật đó có ở đâu đây, nội trong vùng này, nhưng không rõ chỗ đích xác. Nếu cụ biết, xin cụ hãy chỉ đường cho, để không hôm nay thì ngày khác tôi có thể lấy được, khỏi tốn công sức vô ích đã làm một chuyến đi dài.

Hoàng tử để ý chàng càng nói thì cụ già càng thay đổi sắc mặt, cụ cúi nhìn xuống và bộ dạng trở nên nghiêm trang, thậm chí lặng im không đáp. Hoàng tử buộc phải nhắc lại :

— Thưa cụ, chắc cụ đã nghe rõ lời tôi. Xin cụ nói cho, cụ có biết điều tôi hỏi không, hoặc là cụ không biết thì cũng xin cho rõ, để tôi khỏi mất thời giờ mà đi tìm hỏi người khác.

Cuối cùng ẩn sĩ phá tan im lặng :

— Thưa ngài, — cụ nói với hoàng tử — tôi biết con đường ngài hỏi, nhưng tình thân hữu của tôi đối với ngài kể từ khi gặp nhau, nó lại được việc ngài làm giúp

cho gắn bó thêm, bởi vậy tôi còn phân vân không rõ có nên đáp ứng yêu cầu của ngài hay không.

– Lý do gì cản trở cụ; cụ gặp khó khăn gì mà không muốn cho tôi hay ?

– Tôi sẽ nói ngay, – cụ già đáp – ấy là nỗi hiểm nguy ngài sẽ phải trải qua lớn hơn nhiều so với điều ngài nghĩ. Trước ngài, đã có nhiều vị khác, rất đông, họ cũng không kém bạo gan và dũng cảm như ngài có thể có, đã đi qua đây và đã hỏi tôi điều ngài vừa hỏi. Tôi đã tìm đủ mọi cách để cho họ bỏ qua, nhưng họ chẳng muốn nghe lời tôi. Vì họ nài nỉ quá, tôi đã chỉ đường, mặc dù không muốn, và tôi có thể quả quyết với ngài là tất cả đều thất bại, và tôi không hề trông thấy một ai trở về. Nếu ngài còn muốn sống, và chịu nghe theo lời khuyên của tôi, thì xin ngài chớ đi xa hơn nữa; hãy quay trở về nhà ngài thôi.

Hoàng tử Batman vẫn giữ vững quyết tâm. Chàng nói với ẩn sĩ :

– Tôi muốn tin lời khuyên của cụ là chân thành, và xin cảm ơn mối tình thân hữu của cụ, nhưng cho dù nỗi hiểm nguy mà cụ nói lớn thế nào nữa, thì nó vẫn không thể làm cho tôi thay đổi ý định. Nếu có kẻ nào muốn tấn công tôi, thì tôi đã có khí giới tốt, hắn ta cũng chẳng phải dũng mãnh hoặc can đảm hơn tôi.

– Nhưng nếu những kẻ sẽ tiến công ngài, – cụ già nói – không để cho ngài nhìn thấy mặt (vì họ rất đông), làm sao ngài có thể chống cự người vô hình ?

– Điều đó đối với tôi không quan trọng, – hoàng tử đáp – cho dù cụ có thể nói những gì chăng nữa, cụ cũng không thể thuyết phục tôi thôi làm bổn phận của mình. Bởi cụ đã biết rõ con đường tôi hỏi, một lần nữa tôi van cụ hãy chỉ cho, xin đừng từ chối không giúp tôi ân huệ đó.

Cụ già ẩn sĩ thấy không thể làm gì hơn để tác động đến thái độ của hoàng tử Batman vẫn khăng khăng đòi tiếp tục chuyến đi của mình, bất chấp những lời can có quan hệ sống còn, cụ liền thò tay vào cái túi bên cạnh người, lấy ra một quả cầu, đưa cho chàng mà bảo :

— Vì tôi đã không có cách gì làm cho chàng nghe ra và làm theo lời khuyên của tôi, xin ngài hãy cầm lấy quả cầu này. Chừng nào đã lên ngựa, ngài hãy tung nó về phía trước rồi đi theo nó cho đến tận chân một quả núi đến đấy nó sẽ dừng lại. Khi quả cầu đã dừng lại rồi, ngài hãy xuống ngựa, quàng dây cương vào cổ nó, con vật sẽ đứng nguyên tại chỗ, chờ ngài quay trở lại. Trèo lên núi, ngài sẽ thấy ở bên phải và bên trái của mình rất nhiều tảng đá đen; ngài sẽ nghe vô vàn tiếng nói cất lên từ mọi phía, xỉ vả ngài đủ điều, để làm cho ngài nản chí mà không leo lên tận trên cao. Nhưng xin ngài chớ hoảng sợ, và quan trọng hơn hết cả, là xin chớ quay đầu nhìn lại phía sau; nếu không lập tức ngài sẽ biến thành một tảng đá đen, giống hệt những tảng đá mà ngài trông thấy; đó cũng đều là những vị trai trẻ như ngài, họ đã không thành công trong công việc của họ, như tôi đã nói cho ngài rõ. Nếu ngài thoát khỏi nơi hiểm nghèo ấy, mà tôi chỉ tả sơ qua thôi, để cho ngài suy xét thật kỹ, và ngài đã lên được trên núi cao, thì ngài sẽ thấy một cái lồng, trong lồng có con chim mà ngài đang tìm kiếm. Vì nó biết nói, ngài sẽ hỏi nó cái cây biết hát và làn nước màu vàng ở đâu, nó sẽ chỉ cho ngài rõ. Tôi chẳng có gì để nói thêm nữa; đó là những việc nên làm, đó là những điều cần tránh; nhưng nếu ngài muốn tin tôi, thì xin ngài hãy nghe lời khuyên mà chớ dấn thân vào chỗ làm hại cuộc đời mình. Một lần nữa, trong khi hãy còn có thời giờ để suy nghĩ, xin ngài hãy nhớ cho rằng sự tổn thất ấy là không thể nào bù đắp được, nó gắn liền với một điều kiện mà người

ta không thể nào vi phạm, cho dù chỉ vì đãng trí, như ngài có thể hiểu.

— Về lời khuyên mà cụ vừa nhắc lại, tôi bao giờ cũng hàm ơn, — hoàng tử Batman nói sau khi nhận quả cầu — nhưng tôi không thể nào nghe theo. Tôi sẽ ghi nhớ ý kiến của cụ là chớ nên ngoảnh nhìn lại phía sau khi leo lên núi. Tôi hi vọng chẳng bao lâu cụ sẽ thấy tôi trở về và cảm tạ cụ sâu xa hơn nữa về những vật mà tôi tìm được.

Cụ già ẩn sĩ không nói gì thêm, mà chỉ chúc cho điều chàng vừa nói sẽ thực hiện và cụ sẽ vui mừng được gặp lại hoàng tử. Nói dứt lời, chàng lên ngựa, cúi đầu rất thấp từ biệt ẩn sĩ, rồi tung quả cầu lên phía trước.

Quả cầu lăn đi với tốc độ mà hoàng tử Batman tung lúc đầu, khiến chàng phải thúc ngựa chạy theo cho kịp, Tới chân quả núi mà ẩn sĩ nói đến, quả cầu dừng lại. Chàng liền xuống ngựa; con ngựa đứng im không nhúc nhích ngay cả lúc chàng quăng dây cương vào cổ nó. Sau khi đưa mắt xem xét quả núi và nhận thấy những tảng đá đen, chàng bắt đầu trèo lên; chưa được bốn bước chàng đã nghe vang lên từ mọi phía những tiếng người mà cụ già ẩn sĩ đã nói tới, nhưng chàng chẳng hề trông thấy một ai. Tiếng này : "Thằng ngốc kia đi đâu ? Nó đi đâu ? Nó muốn gì ? Chớ để cho nó đi lọt", tiếng khác quát : "Bắt lấy nó, tóm cổ nó, giết chết nó đi !" Có tiếng thét vang như sấm : "Bắt lấy tên kẻ trộm ! tên giết người ! kẻ sát nhân !" Ngược lại, tiếng châm chọc mỉa mai : "Ấy chớ, chớ có động vào hãy để cho anh chàng xinh trai kia đi; đúng là người ta dành cái lồng và con chim cho chàng lấy đấy mà".

Bất chấp những tiếng la thét khó chịu ấy, hoàng tử vẫn kiên trì và cương quyết leo lên. Nhưng những lời la thét ấy càng nhiều lên gấp bội, tạo thành tiếng om sòm hỗn loạn, và gần sát chàng, cả phía trước lẫn

dằng sau, khiến chàng đâm hoảng. Chân cẳng bắt đầu run, chàng loạng choạng; chẳng mấy chốc thấy toàn thân rụng rời; quên khuấy lời dặn của cụ già ẩn sĩ, chàng quay lại, định xuống núi thoát thân; lập tức chàng hóa thành một tảng đá đen. Sự hóa kiếp này đã từng xảy ra với bao nhiêu người trước đã muốn làm công cuộc chàng đang làm; con ngựa của chàng cũng hóa thành đá nốt.

Từ khi hoàng tử Batman lên đường, công chúa Parizat vẫn đeo bên mình con dao lắp trong vỏ mà chàng đã để lại để biết anh trai còn sống hay đã chết; một ngày nhiều lần, nàng rút dao ra xem. Bằng cách đó, nàng được an ủi biết được anh hoàn toàn khỏe mạnh, nàng thường nói lại cho hoàng tử Pecvizơ rõ, cũng có khi tự chàng hỏi trước tin tức về ông anh.

Vào cái ngày tai hại mà hoàng tử Batman bị hóa thành đá, hoàng tử và công chúa đang nói chuyện về chàng như thường lệ. Hoàng tử nói :

— Em ơi, em hãy rút dùm anh con dao ra xem, để biết tin tức anh cả thế nào.

Công chúa rút dao nhìn, trông thấy đằng mũi chảy ra một giọt máu. Kinh hoàng và đau đớn, công chúa liệng con dao :

— Ôi anh thân yêu ơi, thế là em mất anh rồi, mất do lỗi ở em. Em chẳng còn được bao giờ trông thấy anh nữa. Khốn nạn cho tôi. Tại sao tôi lại đi nói chuyện với anh về con chim biết nói, cái cây biết hát và làn nước màu vàng, hay nói cho đúng hơn, tại sao tôi lại muốn biết ý kiến của người đàn bà mộ đạo xem cái nhà này đẹp hay xấu, hoàn chỉnh hay chưa hoàn chỉnh ? Cầu Thượng đế đừng cho ai hỏi ý kiến mụ ấy nữa. Đồ xảo trá, quân lừa dối, ra mụ trả ơn sự đón tiếp của ta như vậy ư ? Tại sao mụ lại nói với ta về một con chim, một cái cây, một giọt nước, tất cả đều là tưởng tượng,

như cái chết đau đớn của một ông anh thân yêu của ta cho thấy rõ; ấy thế mà đến bây giờ những thứ ấy do phép ma của mụ, vẫn còn ám ảnh đầu óc ta.

Hoàng tử Pecvizô cũng đau buồn vì cái chết của hoàng tử Batman không kém gì công chúa Parizat; nhưng, qua những lời khóc than của công chúa, chàng biết em gái mình vẫn còn thiết tha muốn có được con chim biết nói, cái cây biết hát và làn nước màu vàng; không để mất thời giờ, chàng ngắt lời em

— Em ạ, chúng ta tiếc thương anh cả Batman của chúng ta thì cũng không được gì; chúng ta có khóc than đau đớn tới đâu cũng không làm cho anh sống lại được; ý muốn của Thượng đế đã là như vậy, chúng ta phải cam chịu mà không được tìm hiểu do đâu. Tại sao bây giờ em lại hoài nghi lời bà hồi giáo mộ đạo, sau khi đã tin tưởng chắc chắn là đúng đắn và có thực ? Em nghĩ rằng bà ấy bịa ra để nói với em về ba thứ ấy sao, nếu quả là không có, với em là người đã chẳng làm gì bà mà còn đón tiếp thật lịch sự và nhân từ ? Chúng ta nên tin rằng, anh cả qua đời là do lỗi ở anh hoặc vì một tai nạn nào đó mà ta chưa biết được. Như vậy, em ơi, mong rằng cái chết của anh cả không cản trở em tiếp tục cuộc tìm kiếm của chúng ta; anh nhận sẽ làm việc ấy thay anh cả, và anh đã sẵn sàng. Gương anh cả không làm cho anh thay đổi ý kiến, ngay ngày mai anh sẽ lên đường.

Công chúa Parizat cố gắng hết sức can ngăn hoàng tử Pecvizô, nàng van anh đừng để cho em gái phải lo lắng vì có thể mất cả hai anh chứ không phải chỉ một, nhưng cho dù nàng khuyên can thế nào, cũng không lay chuyển nổi anh. Trước khi lên đường, để cho cô em gái có thể biết tin thắng lợi về công cuộc mình đang làm, cũng như hoàng tử Batman đã để lại con dao, chàng đưa cho em gái một tràng hạt gồm một trăm hạt

ngọc trai, đúng vào mục đích ấy. Trao chuỗi hạt vào tay em gái, hoàng tử nói :

— Khi anh đi vắng, em hãy lần tràng hạt này. Nếu đang lần, mà các hạt mắc cứng không thể lần trôi được nữa như thể chúng dính bết vào nhau, ấy là dấu hiệu nói rằng anh đã chịu chung số phận cùng anh cả chúng ta; nhưng hi vọng điều ấy không xảy ra, và anh sẽ có hạnh phúc được gặp lại em, mang theo về những thứ mà anh em ta đang mong ước.

Hoàng tử Pecvizơ ra đi, và đến ngày thứ hai mươi, chàng lại gặp cụ già ẩn sĩ ấy ngay ở nơi hoàng tử Batman đã gặp. Chàng tiến đến gần, chào hỏi cụ nếu biết thì xin chỉ cho chàng nơi có con chim biết nói, cái cây biết hát và làn nước màu vàng. Cụ ẩn sĩ lại nêu lên những khó khăn và tỏ lời can ngăn như cụ đã làm với hoàng tử Batman, thậm chí còn nói, cách đây chưa bao lâu có một kỵ sĩ trẻ tuổi, trông vẻ người rất giống chàng, đã tới đây hỏi đường; bởi anh ta nài nỉ quá, cụ đến xiêu lòng, đã chỉ đường, lại cho quả cầu hướng dẫn, và dặn dò những điều cần chú ý để thành công, nhưng rồi không thấy anh ta trở lại; như vậy không nghi ngờ gì nữa, anh đã chịu chung số phận với những người đi trước rồi.

— Thưa cụ, — hoàng tử Pecvizơ nói, — tôi đã biết rõ người cụ vừa nói tới là ai; đó là anh cả của tôi, tôi đã được tin chắc chắn anh đã chết, Còn chết như thế nào, đó là điều tôi chưa rõ.

— Tôi có thể nói ngài hay — cụ già ẩn sĩ đáp. — Anh ta đã hóa thành một tảng đá đen, giống như những người tôi vừa nói tới; ngay đến ngài rồi cũng sẽ bị hóa kiếp như vậy, trừ phi ngài chú ý thực hiện đúng đắn hơn những lời tôi đã khuyên anh trai của ngài, và nếu như ngài không muốn hủy bỏ quyết định của mình, là điều mà tôi một lần nữa khuyên cáo ngài.

— Thưa cụ, — hoàng tử Pecvizơ nài nỉ — tôi không làm sao nói hết lòng biết ơn của tôi đối với thiện ý của cụ muốn bảo tồn tính mạng cho tôi, mặc dù tôi với cụ chưa từng quen biết, và tôi chưa làm được việc gì đáng để cụ đoái thương; nhưng xin nói cụ rõ rằng trước khi đi tới quyết định ấy tôi đã suy nghĩ nhiều, và không thể nào hủy bỏ nó được nữa. Bởi vậy, tôi xin cụ hãy làm ơn cho tôi như cụ đã làm ơn cho anh tôi vậy. Có thể tôi sẽ thành công hơn anh trong việc thực hiện những lời căn dặn của cụ.

— Vì không có cách gì thuyết phục ngài bỏ dở công việc đang làm, nếu không vì tuổi tác quá cao mà có thể tự mình đứng dậy, thì tôi đã đứng lên trao cho ngài quả cầu mà tôi đang có đây, để nó dẫn đường cho ngài.

Không để cho cụ già ẩn sĩ nói nhiều hơn nữa, hoàng tử Pecvizơ vội vàng xuống ngựa. Cụ cũng vừa rút quả cầu ra khỏi cái túi trong còn đựng khá nhiều quả khác nữa, đưa cho chàng, rồi chỉ dẫn cách dùng, như đã từng chỉ dẫn hoàng tử Batman. Sau khi căn dặn chàng chớ có hoảng hốt lúc nghe tiếng thét gào mà không trông thấy người, cho dù những tiếng đó có dễ sợ đến đâu chăng nữa, cứ thế mà tiếp tục leo lên cho tới khi trông thấy cái lồng và con chim, cụ để cho chàng cáo biệt.

Hoàng tử Pecvizơ cảm ơn ẩn sĩ; và sau khi lên ngựa, tung quả cầu lên phía trước, rồi thúc ngựa chạy theo. Cuối cùng đến chân núi, quả cầu dừng lại, chàng xuống ngựa. Trước khi đặt bước leo lên, chàng đứng nguyên một chỗ, cố nhớ lại những lời dặn dò của cụ già ẩn sĩ. Chàng tự trấn tĩnh mình rồi leo, quyết tâm lên cho tới trên cao. Vừa đi được năm, sáu bước, chàng đã nghe rất gần, ngay sau lưng mình, có ai gọi và chửi : "Hãy chờ đây, tên cả gan kia, để tao trừng trị tội liều lĩnh của mày !"

Nghe lời xỉ nhục ấy, hoàng tử quên hết mọi lời dặn dò của ẩn sĩ. Chàng đặt tay vào đốc kiếm, rút kiếm ra và quay người lại định trả thù; nhưng chàng chưa kịp nhìn thấy có ai đi theo sau mình không thì đã hóa thành một tảng đá đen, cả con ngựa của chàng cũng hóa đá.

Kể từ hôm hoàng tử Pecvizơ lên đường, không ngày nào công chúa Parizat không đưa tay lần tràng hạt được anh trao cho lúc chia tay; và cứ lúc nào rỗi việc là lại lần từng hạt một. Ngay cả ban đêm nàng cũng không rời nó. Trước khi đi ngủ, nàng quàng nó vào cổ, để sáng mai vừa thức dậy đã đưa tay thử xem các hạt có lần được hay không. Cuối cùng, vào hôm mà hoàng tử Pecvizơ chịu chung số phận với hoàng tử Batman, bị hóa thành tảng đá đen, nàng đang cầm trong tay tràng hạt như thường lệ và đang lần; bỗng dưng nhận thấy các hạt không tuân theo ngón tay của mình nữa, nàng biết ngay ấy là dấu hiệu cho biết chắc hoàng tử Pecvizơ đã lâm nạn. Vì đã suy tính và quyết định nên làm gì trong trường hợp này, nàng không để mất thời giờ khóc than vô ích. Nàng cố gắng kiềm chế nỗi đau, và ngay ngày hôm sau, cải trang thành đàn ông, mang theo khí giới, nàng dặn người nhà chẳng bao lâu sẽ trở về, rồi lên ngựa và khởi hành, theo hướng mà hai hoàng tử anh nàng từng đi.

Vốn đã quen cưỡi ngựa trong những chuyến săn bắn giải trí, công chúa Parizat chịu đựng những nỗi vất vả đường trường giỏi hơn nhiều phụ nữ khác. Vì cũng ngày đi đêm nghỉ như hai anh, đến ngày thứ hai mươi, nàng cũng trông thấy cụ già ẩn sĩ. Đến gần, nàng xuống ngựa, và tay vẫn cầm cương ngựa, đến ngồi cạnh cụ. Sau khi chào, nàng nói :

-- Thưa cụ, xin phép cụ cho tôi được ngồi một lát bên cạnh cụ, và xin cụ làm ơn cho biết cụ có bao giờ nghe

nơi, đâu đây trong vùng phụ cận, hoặc xa hơn một ít, có một nơi có con chim biết nói, cái cây biết hát và làn nước màu vàng hay không.

Cụ già ẩn sĩ đáp :

— Thưa bà, tuy bà đã cải trang thành đàn ông, nhưng giọng nói của bà cho biết bà là nữ giới, cho nên tôi phải gọi như vậy; tôi xin cảm ơn lời chào hỏi của bà, và lấy làm hân hạnh được bà ghé nghỉ chân. Tôi có biết nơi có những vật bà vừa nói đó, nhưng bà hỏi tôi nhằm mục đích gì?

— Thưa cụ, — công chúa Parizat đáp — người ta kể cho tôi nghe thú vị quá, khiến cho tôi tha thiết muốn lấy những vật đó.

— Thưa bà, người ta đã nói đúng sự thật với bà, những thứ ấy còn lạ lùng và độc đáo hơn cả những gì người ta thuật lại; song người ta đã dấu bà những khó khăn to lớn phải vượt qua để đạt được niềm vui ấy. Nếu biết được điều này, hẳn bà đã thôi không lao vào một cuộc đi đầy vất vả và hiểm nghèo. Xin hãy tin tôi, chớ đi quá lên nữa, hãy quay trở về; và chớ có chờ đợi già này góp phần vào việc đưa bà đi tới chỗ chết.

— Thưa cụ, — công chúa lại nói — tôi đến từ xa, và tôi sẽ rất không hài lòng nếu phải trở về mà không thực hiện được ý định của mình. Cụ nói với tôi về những khó khăn và nguy cơ có thể mất mạng, nhưng cụ chưa cho biết những khó khăn ấy là gì, nó nằm ở đâu; đó là điều tôi muốn biết để xem thử có nên tin tưởng hay không ở quyết tâm, lòng dũng cảm và sức lực của mình.

Thế là cụ già ẩn sĩ kể lại cho công chúa Parizat nghe những điều cụ đã nói với hai hoàng tử Batman và Pecvizơ, lại còn nói quá đi về những khó khăn khi leo lên tận trên núi cao nơi có con chim bị nhốt trong lồng, phải làm chủ được nó, sau đó con chim sẽ chỉ cho chỗ

cái cây biết nói và làn nước màu vàng; về những tiếng gào thét ghê gớm vang lên loạn xạ từ mọi phía mà không trông thấy một người nào; và cuối cùng bao nhiêu là những tảng đá đen, đủ làm nàng cũng như bất kỳ ai khiếp đảm, khi biết được rằng bao nhiêu tảng đá là bấy nhiêu hiệp sĩ dũng mãnh đã bị hóa kiếp chỉ vì không tuân theo điều kiện chính để thành công trong công cuộc này là đừng quay lại đằng sau, trước khi lấy được chiếc lồng chim.

Cụ già ẩn sĩ dứt lời, công chúa nói :

— Theo như chỗ tôi hiểu được qua lời cụ, khó khăn chủ yếu phải vượt để thành công trong việc này, trước hết là lên cho tới nơi có lồng chim mà không hoảng sợ vì những tiếng thét la của những con người vô hình, hai nữa là đừng có quay lại phía sau. Về điều thứ hai này, tôi nghĩ là mình có thể theo được. Còn về điều thứ nhất, xin thú thật là những tiếng la thét ấy, như lời cụ nói, không có thể làm kinh hồn những kẻ vững vàng nhất. Nhưng, trong mọi công cuộc to lớn và đầy nguy hiểm không ai cấm dùng mẹo, tôi xin hỏi cụ trong trường hợp này, có dùng mẹo được hay không, điều này đối với tôi rất quan trọng.

— Bà định dùng mẹo như thế nào ? — cụ già ẩn sĩ hỏi.

— Tôi nghĩ rằng nếu lấy bông bịt tai lại, công chúa đáp — thì những tiếng thét la có lớn và đáng kinh hãi tới bao nhiêu, ấn tượng của nó cũng giảm bớt, như vậy đầu óc tôi sẽ không bị tác động, tinh thần tôi vẫn minh mẫn, và không đến nỗi quên mất lý trí.

— Thưa bà, — cụ già ẩn sĩ nói — trong tất cả những người cho tới hôm nay đã hỏi tôi con đường mà bà hỏi, tôi không rõ đã có ai dùng cái mẹo mà bà định dùng ấy hay chưa. Tôi chỉ biết là, không một người nào cho tới

hay mẹo đó, và tất cả đều bỏ mình. Nếu bà quyết giữ ý định của mình, thì bà cứ dùng thử xem, nếu may ra thì bà có thể thành công, nhưng tôi vẫn khuyên bà không nên dấn thân vào việc đó.

— Thưa cụ, — công chúa nói — không có gì có thể ngăn cản ý định của tôi; tâm linh báo cho tôi biết dùng mẹo sẽ thành công, và tôi đã quyết tâm dùng nó. Như vậy tôi chỉ còn cần biết được nên đi đường nào. Đó là ân huệ mà tôi xin cụ đừng từ chối, hãy ban cho.

Cụ già ẩn sĩ, một lần cuối, khuyên nàng hãy tự lượng sức mình. Thấy không lay chuyển nổi quyết tâm của nàng, cụ lấy ra một quả cầu, trao cho nàng mà bảo :

— Bà hãy cầm lấy quả cầu này; hãy lên ngựa rồi tung nó ra phía trước và đi theo; nó rẽ lối nào, bà cứ theo lối ấy, cho tới chân quả núi có những vật bà tìm; nó khắc dừng lại. Nó hết lăn thì bà cũng kìm ngựa, xuống ngựa và trèo lên núi. Thôi bà đi đi, bà đã biết rõ những điều còn lại, xin chú ý chớ quên.

Công chúa Parizat cảm ơn và từ biệt cụ già ẩn sĩ, rồi lên ngựa. Nàng tung quả cầu lên trước, nó lăn đến đâu nàng phi ngựa theo đến đó, cho tới lúc nó dừng lại ở chân núi.

Công chúa xuống ngựa, lấy bông nút chặt hai tai. Sau khi quan sát đúng con đường cần phải đi để lên tận trên cao, nàng mạnh bạo đều bước trèo lên. Nàng nghe những tiếng gào thét, và nhận ra quả là hai nùi bông nút tai đã giúp mình rất nhiều. Nàng càng tiến lên, những tiếng gào thét càng mạnh càng nhiều hơn, nhưng không tới mức gây ấn tượng khiến cho nàng rối trí. Nàng nghe đủ lời xỉ vả, châm chọc sâu cay về giới tính của mình, nhưng nàng chỉ mỉm cười thầm : "Những lời chửi mắng cũng như mai mỉa của các người chẳng làm cho ta bị xúc phạm, — nàng tự bảo — hãy nói tồi tệ hơn nữa đi, ta cũng chẳng cần; các người cũng

không thể ngăn ta tiếp tục đường đi của mình". Cuối cùng nàng trèo lên tận trên cao, và bắt đầu trông thấy chiếc lồng cùng con chim. Phụ họa với các tiếng la thét, con chim cũng cố làm cho nàng chùn bước. Mặc dù thân bé tẹo, nó cũng thét như sấm : "Này con điên kia, hãy lui về đi, chớ có đến gần !"

Càng phấn khởi hơn vì nhìn thấy vật ấy, công chúa rảo bước hơn. Gần tới chặng cuối của chuyến đi gian lao, mặt đất trên đỉnh núi bằng phẳng, nàng liền chạy phăng tới chụp lấy chiếc lồng và bảo con chim :

– Chim ơi, mi bị ta bắt rồi, cho dù mi không muốn; mi chẳng thoát khỏi tay ta đâu.

Công chúa Parizat gỡ những núi bông nút kín tai và nghe tiếng con chim nói :

– Thưa bà, xin bà chớ giận tôi đã phụ họa với họ để bảo tồn tự do của mình. Mặc dù bị nhốt trong lồng, tôi vẫn bằng lòng với số phận của tôi. Nhưng, bây giờ buộc phải thành nô lệ, thì tôi muốn được bà làm chủ nhân của mình; vì bà là người đã đoạt được tôi một cách dũng cảm và đàng hoàng, hơn tất cả người nào trên đời này. Từ nay, tôi xin thề trung thành tuyệt đối với bà, và xin tuân phục hoàn toàn mọi mệnh lệnh của bà. Tôi biết bà là ai, và tôi sẽ cho bà rõ chính bà cũng chưa biết mình là ai; nhưng rồi sẽ có một ngày tôi giúp bà một việc mà tôi hi vọng bà sẽ biết ơn tôi. Để bắt đầu chứng tỏ với bà lòng trung thành của tôi, xin bà cho biết bà muốn gì, tôi sẵn sàng tuân theo.

Công chúa mừng vui khôn tả xiết; càng vui mừng bởi biết vật mình vừa đoạt được phải trả bằng cái giá là cái chết của hai người anh trai vô cùng thân mến, và chính mình cũng đã trải qua biết bao mệt nhọc và hiểm

nghèo mà giờ đã thoát khỏi mới càng thấy ghê gớm. Chờ chim nói xong, nàng bảo :

– Chim ơi, đúng là ta có ý định nói cho mi rõ ta ước ao nhiều điều rất quan trọng đối với ta; ta rất hân hoan thấy tự mi bày tỏ trước với ta thiện ý của mi. Trước hết, ta nghe nói ở đâu đây có một thứ nước màu vàng có đặc tính kỳ diệu, trước mọi sự, mi hãy cho ta biết nước ấy ở đâu.

Chim chỉ cho nàng biết chỗ, cũng chẳng lấy gì làm xa, nàng đến nơi, múc đầy một chiếc lọ bằng bạc vẫn mang theo người. Trở lại với con chim, nàng hỏi :

– Chim ơi, chưa phải chỉ có thế đâu, ta còn tìm cái cây biết hát; hãy cho ta biết cây ấy ở đâu ?

Chim nói :

– Hãy quay mình lại, bà sẽ thấy đằng sau bà một khu rừng, trong rừng có cây ấy.

Khu rừng không xa. Công chúa đi tới đấy. Giữa nhiều cây cối, tiếng hòa tấu du dương làm cho nàng nhận ra cây mình đang tìm, nhưng nó rất to, rất cao. Nàng trở lại nói với chim :

– Chim ơi, ta đã tìm thấy cây biết hát, nhưng ta không thể nhổ nó lên cũng không thể mang nó đi được.

– Chẳng cần phải nhổ cây đâu, – chim đáp – bà chỉ cần bẻ lấy một cành nhỏ mang về trồng trong vườn bà; gặp đất nó khắc bén rễ, rồi chẳng bao lâu bà sẽ thấy nó lớn bằng cây bà vừa trông thấy đấy.

Khi đã có được trong tay ba vật mà người đàn bà hồi giáo mộ đạo đã làm cho nàng ước ao mãnh liệt, nàng lại nói với chim :

– Chim ơi, tất cả những gì mi vừa làm cho ta chưa đủ đâu; mi là nguyên nhân gây nên cái chết của hai anh trai ta, hiện đang ở trong số những tảng đá đen mà ta trông thấy khi trèo lên đây; ta muốn đưa hai anh ấy cùng về với ta.

Có vẻ như chim muốn thoái thác không làm vừa ý công chúa điểm này; quả vậy, nó tỏ vẻ khó khăn. Công chúa khẩn khoản :

— Chim ơi, hãy nhớ điều mi vừa nói, rằng mi là nô lệ của ta, và quả thật mi đang là thế đấy, tính mạng mi đang ở trong tay ta.

— Tôi không thể nào chối từ sự thật ấy, — chim đáp — nhưng, cho dù điều bà vừa đòi hỏi cực kỳ khó khăn, tôi vẫn làm vừa ý bà. Bà hãy đưa mắt nhìn — chim nói tiếp — xem thử có thấy một cái bình nào không.

— Ta có thấy, — công chúa nói.

— Hãy cầm lấy nó; — chim nói — khi đi xuống núi, bà hãy rót một ít nước chứa trong bình lên từng tảng đá đen; đó là cách tìm lại hai anh trai của bà.

Công chúa Parizat cầm chiếc bình, rồi mang theo cái lồng cùng con chim, lọ nước và cành cây, vừa đi xuống vừa dội nước lên từng tảng đá đen gặp bên đường; mỗi tảng đá lại hóa thành người. Vì nàng không bỏ sót một tảng nào, tất cả các con ngựa, hai hoàng tử cũng như tất cả các chàng hiệp sĩ khác, đều hiện ra. Bằng cách đó, nàng nhận ra hai hoàng tử Batman va Pecvizơ, hai chàng cùng trông thấy em, chạy đến ôm hôn. Nàng cũng ôm hai anh và ngạc nhiên hỏi :

— Các anh thân yêu, các anh làm gì ở đây vậy ?

Hai chàng đáp họ vừa ngủ dậy; nàng nói :

— Vâng, nhưng không có em, giấc ngủ của các anh còn kéo dài và có lẽ sẽ kéo dài cho tới ngày phán xét. Các anh có nhớ là các anh đến đây để tìm con chim biết nói, cái cây biết hát và làn nước màu vàng. Khi đến, các anh có trông thấy các tảng đá màu đen rải rác đó đây ? Các anh hãy nhìn xem, không còn có một tảng nào nữa. Các ngài đang đứng quanh chúng ta kia và hai anh nữa, các vị chính là những tảng đá ấy, cũng như

ngựa của các vị, chúng đang chờ các vị kia, các vị có thể nhìn thấy. Và, nếu các vị muốn biết do đâu có điều kỳ diệu ấy là tại đặc tính của nước đựng trong cái bình kia — nàng vừa nói vừa trỏ cái bình, giờ không cần tới nữa, cho nên nàng đã để lại ở chân núi — mà tôi đã dội lên từng tảng đá. Ấy là vì, sau khi bắt được con chim biết nói làm nô lệ cho mình, nó đang ở trong lồng kia, tìm được cây biết hát, mà em bẻ một cành đây, lấy được nước màu vàng đựng đầy lọ này rồi em không muốn trở về mà không đưa được các anh cùng về, cho nên đã dùng quyền lực của mình buộc con chim bày cho cách, nó phải chỉ cho em chỗ để cái bình này và cách dùng nó.

Nghe lời thuật lại, hai hoàng tử Batman và Pecvizơ rất cảm ơn công chúa em gái của mình. Các vị hiệp sĩ đứng chung quanh họ và cùng nghe được câu chuyện ấy, cũng đều cảm ơn. Họ nói rằng, chẳng những họ không dám ganh tị về việc nàng đã chiếm đoạt được những thứ mà chính họ cũng từng ao ước, mà họ không có cách nào biểu lộ đầy đủ lòng biết ơn nàng đã cải tử hoàn sinh cho, hơn là tuyên bố họ là nô lệ của nàng, và sẵn sàng làm bất cứ việc gì nàng truyền. Công chúa nói :

— Thưa các ngài, nếu các ngài chú ý những lời tôi vừa nói, các ngài hẳn đã nhận thấy tôi không có ý định nào khác trong việc làm của mình là tìm lại hai anh trai tôi; bởi vậy nếu đã xảy ra điều may mắn mà các ngài nói đó, thì các ngài cũng chẳng chút nào phải hàm ơn tôi. Tôi không dám nhận những lời khen ngợi các ngài có nhã ý nói ra và xin cảm tạ các ngài. Ngoài ra, tôi coi tất cả các ngài ai cũng là người tự do như trước khi chưa lâm nạn; tôi rất hân hoan về sự may mắn đã xảy đến với các ngài cùng một dịp với tôi. Nhưng, xin chớ nán lại lâu hơn nữa ở một nơi không

còn có gì đáng giữ chân ta lại; xin hãy lên ngựa và mỗi người hãy trở về nơi mình đã từ đó ra đi.

Tự nêu gương trước, công chúa đi lấy ngựa của mình; con vật vẫn nguyên ở chỗ nàng để nó đứng. Trước khi nàng lên ngựa, hoàng tử Batman muốn cho em đỡ nặng, bảo nàng đưa cái lồng chim cho mình mang hộ, nàng nói :

– Thưa anh, con chim là nô lệ của em, em muốn tự mình mang lấy. Nhưng nếu anh vui lòng cầm cành cây biết hát, thì nó kia. Tuy vậy, vẫn xin anh đỡ tạm cái lồng, sau khi em lên ngựa rồi, anh đưa lại cho em.

Khi nàng đã ngồi trên mình ngựa và hoàng tử Batman đã đưa trả lại cái lồng cùng con chim, nàng nói với hoàng tử Pecvizo :

– Còn anh, thưa anh Pecvizơ, có cái lọ nước vàng kia, em xin giao cho anh giữ, nếu anh không thấy bất tiện.

Hoàng tử Pecvizơ vui vẻ nhận làm việc này.

Khi hoàng tử Batman, hoàng tử Pecvizơ và tất cả các hiệp sĩ khác đã lên ngựa cả rồi, công chúa Parizat chờ cho một người nào đi lên trước, dẫn đầu cả đoàn. Hai hoàng tử muốn lịch sự nhường các vị hiệp sĩ. Các vị này, về phần mình, lại muốn nhường vinh dự ấy cho công chúa. Nhận thấy không một vị nào muốn đi trước, chờ mình làm việc đó, nàng cất lời nói với tất cả :

– Thưa các ngài, tôi chờ các ngài đi.

Một trong những vị đứng gần nàng nhất, thay mặt tất cả, đáp :

– Cho dù không biết đến vinh dự phải dành cho nữ giới, thì cũng không có vinh dự nào mà chúng tôi không sẵn sàng nhường bà, sau việc bà vừa làm ơn cho chúng tôi. Cho dù biết bà khiêm tốn, chúng tôi vẫn xin bà đừng để chúng tôi chờ lâu hơn, mà cho chúng tôi hạnh phúc được theo sau bà.

Công chúa liền đáp :

— Thưa ngài, tôi không xứng đáng vinh dự các ngài dành cho. Sở dĩ tôi phải nhận lời là tại các ngài muốn vậy.

Vừa nói, nàng vừa thúc ngựa tiến lên; hai hoàng tử cùng tất cả mọi người đi theo thành đoàn, không phân biệt.

Cả đoàn muốn ghé thăm cụ già ẩn sĩ, để cảm ơn cụ về sự đón tiếp nồng nhiệt và những lời khuyên của cụ có giá trị sống còn mà ai cũng thấy là chân thành, nhưng cụ đã qua đời, không ai biết được vì tuổi già hay vì không cần có người chỉ đường tới chỗ có ba vật mà công chúa Parizat vừa đoạt được một cách vẻ vang.

Đoàn người tiếp tục đi, nhưng mỗi ngày lại bớt đông một ít. Quả vậy, các hiệp sĩ đến từ nhiều xứ khác nhau, như tôi đã nói, cứ đến mỗi chỗ rẽ dẫn sang con đường về lại xứ sở mình, thì từng người một đến gặp công chúa cảm tạ một lần nữa, rồi cáo biệt nàng và hai hoàng tử; lần lượt hết người này đến người khác làm như vậy. Công chúa cùng các hoàng tử Batman và Pecvizơ tiếp tục đường đi của mình cho đến nhà.

Thoạt tiên, công chúa để lồng chim trong phòng khách, và bởi vì phòng khách trông ra vườn, con chim vừa cất tiếng hót, là những con họa mi, mai hoa, sơn ca, kim oanh và cơ man chim chóc các loại trong vùng kéo đến, hòa theo. Cành cây, nàng cho trồng ngay trước mặt mình, lên một bồn đất không xa nhà. Nó bén rễ và chẳng mấy chốc lớn thành một cây to, mà các lá đều cùng hát lên giai điệu và hòa tấu giống y như cây gốc. Nàng cho xây chính giữa bồn hoa một cái bể bằng cẩm thạch đẹp, rồi đổ tất cả nước vàng đựng trong lọ vào đấy. Thế là nước bắt đầu sủi phồng lên, và khi mấp mé bờ bể thì phun thành nhiều tia cao tới hai mươi bộ, rơi xuống rồi lại tiếp tục phun lên, mà không hề tràn ra ngoài bờ.

Tin tức về những điều kỳ diệu ấy lan truyền khắp vùng; và vì cổng của ngôi nhà cùng khu vườn không bao giờ đóng lại với bất kỳ ai, chẳng bao lâu có rất nhiều người ở các vùng lân cận tới xem.

Sau mấy ngày, các hoàng tử Batman và Pecvizơ hết những nỗi mệt nhọc vì chuyến đi, tiếp tục lối sống của mình. Vì săn bắn là cách giải trí thông thường, lần đầu tiên từ khi trở về nhà, họ lên ngựa đi săn, không phải trong khu rừng của mình, mà cách xa nhà chừng hai, ba dặm. Họ đang săn thì chợt quốc vương Ba-tư xuất hiện, vua cũng đang săn ở chốn này. Vừa trông thấy rất nhiều kỵ sĩ hiện ra ở nhiều nơi, biết là vua sắp tới, hai hoàng tử quyết định ngưng cuộc săn và ra về để tránh gặp vua; nhưng họ lại xáp mặt vua ngay trên đường về, ở một nơi đường hẹp đến nỗi không thể rẽ sang nẻo khác hoặc quay trở lại mà không để vua trông thấy. Trong cơn thảng thốt, họ chỉ kịp đủ thời giờ xuống ngựa, phủ phục trước mặt vua, đầu dập sát đất, và cũng không ngẩng mặt lên nhìn. Nhưng nhà vua thấy họ cưỡi ngựa tốt và ăn mặc tinh tươm không khác gì các vị trong triều, tò mò muốn xem mặt họ, liền dừng lại và truyền cho họ đứng lên.

Hai hoàng tử đứng dậy trước mặt vua, vẻ ung dung thoải mái nhưng vẫn biểu lộ sự khiêm nhường và tôn kính. Vua nhìn họ từ đầu tới chân, ngắm nghía vẻ tuấn tú khôi ngô của họ, rồi hỏi họ là ai và ở nơi đâu.

Hoàng tử Batman cất lời đáp :

— Tâu bệ hạ, chúng tôi là con trai vị quan trông nom vườn tược của bệ hạ, người qua đời gần đây, chúng tôi hiện ở trong một ngôi nhà mà cha chúng tôi cho xây dựng ít lâu trước khi từ trần, để cho chúng tôi được sống ở đấy mà chờ đến tuổi phục vụ bệ hạ, cầu xin Ngài ban cho việc làm, khi nào có dịp.

— Ta thấy có vẻ các anh thích đi săn, nhà vua lại nói.

— Tâu bệ hạ, đó là việc tập luyện rất thông thường của chúng tôi, — hoàng tử Batman đáp — tất cả mọi con dân của bệ hạ, sinh ra để sẽ phục vụ trong quân đội của Ngài, đều không thể trễ nải việc đó, theo đúng tập quán lâu đời của vương quốc ta.

Rất hài lòng về câu đáp khôn ngoan, nhà vua bảo :

— Đã vậy thì ta sẽ rất hài lòng xem các anh săn. Hãy đến đây ! các anh muốn chọn lối săn nào, tùy ý.

Hai hoàng tử lại lên ngựa đi theo nhà vua; tiến lên chưa xa, đã trông thấy nhiều thú rừng. Hoàng tử Batman chọn một con sư tử, hoàng tử Pecvizơ một con gấu. Họ cùng lao tới một lúc, với một sự dũng mãnh khiến nhà vua ngạc nhiên. Họ đuổi kịp gần như cùng một lúc hai con thú, và phóng lao một cách khéo léo đến nỗi mũi lao của hoàng tử Batman xuyên suốt qua thân con sư tử, và mũi lao của hoàng tử Pecvizơ xuyên qua thân gấu. Nhà vua nhìn thấy hai con thú theo nhau gục xuống. Không ngừng lại, hoàng tử Batman lại đuổi theo một con gấu khác, hoàng tử Pecvizơ một con sư tử khác, và chẳng mấy chốc, đã phóng lao quật chúng ngã lăn, chết ngay tại chỗ. Hai chàng muốn tiếp tục săn nữa, nhưng nhà vua không cho phép, sai gọi họ trở lại. Và khi họ đã đến xếp hàng bên cạnh mình, vua nói :

— Nếu ta để cho các anh làm, thì không bao lâu, các anh tiêu diệt hết thú săn của ta. Tuy nhiên, không phải ta muốn bảo vệ thú săn, mà chính là bảo vệ con người các anh, từ nay đối với ta rất thân thiết; ta tin chắc sự dũng cảm của các anh bây giờ làm ta vui lòng, nhưng rồi sẽ đến lúc có ích cho ta.

Cuối cùng nhà vua thấy mình có cảm tình sâu đậm với hai hoàng tử, đến nỗi ngỏ ý mời hai chàng đi theo ngay lúc đó về cung. Hoàng tử Batman đáp :

– Tâu bệ hạ, Ngài ban cho chúng tôi một vinh dự mà chúng tôi tự thấy không đáng được hưởng, cầu xin Ngài miễn cho.

Nhà vua không hiểu sao hai chàng lại khước từ một đặc ân của mình đối với họ như vậy, liền hỏi tại sao và giục họ trả lời :

– Tâu bệ hạ, chả là chúng tôi còn có một đứa em gái út, chúng tôi sống hòa thuận với nhau, không có việc gì chúng tôi làm mà không hỏi ý kiến trước của em; cũng như em chẳng làm bất cứ việc gì mà không hỏi trước ý kiến của chúng tôi.

– Ta rất khen ngợi tình huynh đệ của các ngươi, – nhà vua nói – vậy hãy về hỏi ý kiến em gái các anh, rồi ngày mai đến đây săn với ta và trả lời ta rõ.

Hai hoàng tử trở về nhà, nhưng cả hai đều quên mất chuyện gặp hoàng đế và vinh dự cùng săn với người, nên chẳng nói với công chúa điều nhà vua muốn đưa hai chàng theo mình về hoàng cung. Ngày hôm sau, họ đến chỗ vua săn. Giữa cuộc săn, vua hỏi :

– Thế nào, các anh đã hỏi ý kiến cô em gái rồi chứ? Cô có đồng ý cho ta được gặp riêng hai anh không ?

Hai hoàng tử nhìn nhau, đỏ mặt. Hoàng tử Batman nói :

– Tâu bệ hạ, chúng tôi xin Ngài tha tội cho, cả hai anh em chúng tôi đều đã quên mất.

– Vậy thì hôm nay hãy nhớ, – vua nói tiếp – và ngày mai chớ quên trả lời ta rõ.

Hai hoàng tử một lần nữa lại quên. Nhà vua đã không giận vì sự hững hờ đó, ngược lại còn lấy trong túi ra

ba quả cầu vàng nho nhỏ, bỏ vào trong áo hoàng tử Batman và mỉm cười nói :

— Những quả cầu này sẽ ngăn các anh không quên một lần thứ ba nữa để vì ta mà làm việc ta mong muốn. Tối nay, tiếng của nó rơi khỏi thắt lưng sẽ làm cho các anh nhớ ra, nếu như các anh lại vẫn còn quên như hai lần trước.

Tình hình xảy ra đúng như nhà vua đã định. Không có ba quả cầu vàng, thì hai hoàng tử hẳn đã quên không hỏi ý kiến công chúa Parizat thật. Khi hoàng tử Batman cởi áo đi ngủ, ba quả cầu rơi khỏi thắt lưng. Lập tức, chàng đi tìm hoàng tử Pecvizơ rồi hai anh em cũng đến buồng riêng của công chúa, nàng cũng chưa đi nghỉ. Họ xin lỗi đã đến quấy rầy em vào giờ muộn màng, rồi nói cho nàng nghe lý do việc mình tới, và thuật lại đầy đủ chi tiết chuyện gặp nhà vua.

Công chúa hoảng hốt khi nghe tin đó. Nàng nói :

— Gặp nhà vua đối với hai anh là điều may mắn và vinh dự, và rồi đây có thể việc gặp gỡ đó sẽ có lợi cho hai anh, nhưng đối với em đó là việc không hay và đáng buồn. Em thấy rõ, vì nghĩ tới em mà các anh đã cưỡng lại điều nhà vua muốn; em vô cùng biết ơn hai anh. Qua việc đó, em thấy rõ các anh thương em cũng như em thương hai anh vậy. Có thể nói các anh thà phạm tội khiếm nhã với nhà vua, khi đã lịch sự từ chối lời mời, còn hơn làm phương hại đến tình huynh đệ mà chúng ta đã thề cùng gắn bó. Các anh thấy rõ, nếu cứ tiếp tục đến chầu vua, rồi vô tình các anh buộc phải bỏ rơi em, để phục vụ Người. Nhưng, các anh nghĩ rằng có thể dễ dàng từ chối thẳng thừng với nhà vua điều mà có vẻ như vua mong muốn rất thiết tha ư ? Cưỡng lại ý muốn của vua là điều nguy hiểm. Bởi vậy, nếu theo tình cảm mà khuyên hai anh đừng đáp lại điều vua mong muốn, thì em hẳn sẽ làm cho các anh bị

nhà vua giận ghét, và rồi em cũng mang vạ với hai anh. Hai anh đã rõ em nghĩ như thế nào rồi. Tuy vậy, chúng ta chớ nên kết luận vội, mà nên hỏi ý kiến con chim biết nói, xem nó khuyên thế nào; nó nhìn xa, trông rộng, và nó cũng đã từng hứa là sẽ giúp đỡ khi nào chúng ta gặp khó khăn, bối rối.

Công chúa Parizat sai mang lồng chim đến. Sau khi nêu ra với chim những khó khăn của mình, trước mặt hai hoàng tử, nàng hỏi chim nên xử sự thế nào trong sự phân vân này. Chim đáp :

— Các hoàng tử anh bà phải tuân theo ý muốn nhà vua; hơn nữa, đến lượt mình, các ngài còn phải mời vua tới thăm nhà nữa.

— Nhưng, chim ơi, — công chúa lại hỏi — các anh ta và ta thương yêu nhau, không có tình anh em nào thân thiết bằng tình anh em chúng ta, rồi đây nó có bị phương hại vì chuyện ấy hay chăng ?

— Không đâu, — chim đáp — tình anh em sẽ càng đậm đà hơn.

— Như vậy, nhà vua sẽ đến thăm nhà ta, — công chúa nói.

Con chim nói rằng nhà vua tới thăm nhà này là điều rất cần thiết và mọi sự sẽ tốt đẹp hơn mà thôi.

Ngày hôm sau, hai hoàng tử Batman và Pecvizơ trở lại chỗ đi săn; nhà vua vừa trông thấy hai chàng từ xa, đã hỏi hai chàng có nhớ nói chuyện với cô em gái hay không. Hoàng tử Batman tiến đến gần, đáp :

— Tâu bệ hạ, chúng tôi sẵn sàng tuân lệnh bệ hạ. Không những chúng tôi chẳng gặp khó khăn gì mà không được em gái đồng ý, hơn nữa, em gái chúng tôi còn cho rằng việc chúng tôi chưa thực hiện ngay bổn phận đối với bệ hạ là điều đáng trách. Tâu bệ hạ, em gái chúng tôi đáng được coi trọng lắm. Nếu chúng tôi có tội, cúi xin bệ hạ tha tội cho.

— Các anh chớ lo, — nhà vua d ,—ta không những không trách việc các anh đã làm, ta còn tán thưởng nữa, và hi vọng các anh cũng coi trọng và mến yêu ta như vậy, nếu ta đáng được hưởng tình thân hữu của các anh.

Bối rối trước lòng nhân từ quá đáng của nhà vua, các hoàng tử chỉ còn biết cúi rạp mình tỏ lòng kính trọng sâu sắc của mình.

Trái với thói quen, hôm ấy nhà vua không săn lâu. Cho rằng các hoàng tử rất thông minh, tài ba và dũng mãnh, vua sốt ruột muốn được đàm đạo thoải mái hơn với hai chàng, cho nên quyết định về sớm. Vua muốn hai hoàng tử đi sát bên cạnh mình; vinh dự ấy không những làm cho các vị đại thần theo hầu vua sinh lòng ganh tị, mà ngay đến tể tướng cũng lấy làm nhục phải đi sau hai chàng.

Khi nhà vua về tới kinh thành, dân chúng đứng hai bên đường, cứ dán mắt vào hai hoàng tử Batman và Pecvizơ, tìm hiểu xem hai chàng này là ai, người trong nước hay khách nước ngoài. Số đông nói :

— Dù thế nào chăng nữa, cầu Thượng đế phù hộ cho vua ta có được hai hoàng tử khôi ngô tuấn tú dường này. Nếu như các lần sinh đẻ của hoàng hậu trước đây đều được may mắn — bà đau khổ quá lâu về chuyện ấy rồi — thì hẳn các hoàng tử cũng vào trạc tuổi hai vị này.

Việc đầu tiên của nhà vua khi về tới hoàng cung, là dẫn hoàng tử đi xem những căn phòng chính. Họ khen ngợi vẻ đẹp, của cải đắt tiền, cách trang trí tự nhiên, đúng như những người hiểu biết về những chuyện đó. Cuối cùng, một tiệc lớn được bày ra. Nhà vua muốn hai chàng cùng ngồi ăn với mình; họ định từ tạ, nhưng khi nhà vua nói rằng đây là ý muốn của vua, thì họ vâng lời ngay.

Nhà vua, vốn rất thông minh và từng học rộng biết nhiều các môn khoa học, đặc biệt là môn lịch sử, đã dự kiến là, vì khiêm nhường và kính trọng, chắc các hoàng tử sẽ không dám tự mình mở đầu câu chuyện. Để cho họ có dịp được nói, vua bắt đầu trước; và suốt bữa ăn, cho dù vua đề cập đến vấn đề gì, họ đều có thể tiếp chuyện đầy hiểu biết, thông minh, óc phán đoán và phân biệt đúng sai, khiến cho vua rất khâm phục. "Giả thử chúng là các con trai ta, – vua tự nhủ – với sự thông minh sẵn có của chúng, và được ta chăm lo giáo dục, thì cũng không thể thành thạo và thông thái hơn thế này".

Cuối cùng, vua nói với hai hoàng tử :

– Không bao giờ ta nghĩ rằng ở nông thôn lại có những chàng trai trẻ con dân ta, được giáo dục tốt, có trí thức và nhiều tài năng thế này. Cả đời ta chưa bao giờ nói chuyện với ai thú vị như với các anh; nhưng hôm nay như vậy là đủ rồi, đã đến lúc các anh để cho đầu óc thảnh thơi bằng cách dự một vài cuộc giải trí trong triều. Và vì chẳng có gì làm cho đầu óc ta thoải mái hơn âm nhạc, các anh sẽ nghe một cuộc hòa tấu và hợp xướng không đến nỗi tồi.

Nhà vua vừa dứt lời, các nhạc công đã được lệnh tiến vào và đáp lại một cách tài giỏi sự chờ đợi của mọi người. Tiếp đó, là những vai hề tuyệt vời, và cuối cùng các vũ công và vũ nữ kết thúc cuộc giải trí.

Thấy ngày sắp hết, hai hoàng tử phủ phục dưới chân vua, cảm tạ lòng nhân từ và những vinh dự vua ban cho, rồi xin phép được ra về. Nhà vua nói :

– Ta cho các anh về, nhưng nên nhớ rằng ta thân hành dẫn hai anh đến hoàng cung là để chỉ cho các anh biết đường, nhằm sau này các anh tự đến. Bao giờ các anh cũng sẽ được hoan nghênh, và các anh càng năng đến, ta càng vui lòng.

Trước khi cáo biệt nhà vua, hoàng tử Batman nói :

– Tâu bệ hạ, chúng tôi mạo muội cầu xin bệ hạ ghé qua nhà chúng tôi, nghỉ lại đây trong chốc lát, vào lần tới đây. Khi bệ hạ lại đi săn ở trong vùng ? Nhà chúng tôi tuy chẳng xứng đáng để bệ hạ đặt chân, nhưng đôi khi các vị đế vương cũng không chê nghỉ dưới một mái lều tranh.

Nhà vua đáp :

– Nhà của những người như hai anh chỉ có thể đẹp và xứng đáng với người. Ta sẽ vui lòng đến thăm, đến một nơi mà các anh và em gái các anh là những người chủ nhà. Dù ta chưa gặp mặt em gái hai anh, ta đã thấy yêu mến cô ta vì đức hạnh. Ngày kia, ta sẽ có mặt rất sớm đúng vào nơi mà ta vẫn chưa quên đã được gặp hai anh lần đầu tiên. Các anh hãy có mặt ở đây, rồi dẫn đường cho ta.

Hai hoàng tử Batman và Pecvizơ trở về nhà ngay hôm đó. Vừa tới nơi, sau khi thuật lại cho công chúa Parizat nghe sự đón tiếp vinh hạnh mà nhà vua dành cho họ, hai hoàng tử không quên nói cho em hay, họ đã mời nhà vua hạ cố ghé thăm nhà, và vua đã định ngày đến, ấy là ngày tiếp sau ngày mai đây. Công chúa nói :

– Nếu như vậy thì ngay từ bây giờ phải nghĩ tới chuyện sửa soạn một bữa ăn cho xứng đáng với nhà vua; và muốn thế, chúng ta nên hỏi ý kiến con chim biết nói, có thể nó sẽ bày cho ta vài món hợp với khẩu vị nhà vua hơn chăng.

Hai hoàng tử bảo tùy nàng lo liệu việc này; khi hai chàng lui về, công chúa liền hỏi riêng con chim :

– Chim ơi, nhà vua sẽ hạ cố ghé thăm nhà ta, chúng ta phải tiếp đãi; chim hãy bảo ta nên làm như thế nào cho vua bằng lòng.

— Thưa bà chủ hiền từ, — chim đáp — bà có khối người đầu bếp giỏi, họ hãy cố gắng làm hết sức mình. Trước hết, bà bảo họ nấu cho vua một đĩa dưa chuột nhồi ngọc trai. Sau đó, bà sẽ đưa ra mời vua đầu tiên, rồi hãy dùng các món khác.

— Dưa chuột nhồi ngọc trai ! — công chúa kinh ngạc thốt lên — chim ơi, mi nghĩ chưa tới nơi rồi, đó là một món nấu chưa từng nghe ai nói tới. Nhà vua sẽ có thể coi đó là một điều cực kỳ sang trọng, nhưng vua ngồi vào bàn để ăn, chứ đâu phải để ngắm ngọc trai. Hơn nữa, giá ta có dùng hết số ngọc nhà ta có, cũng không đủ để nhồi vào dưa chuột.

— Thưa bà chủ, — chim đáp — xin bà hãy nên làm điều tôi nói và đừng lo rồi việc gì sẽ xảy ra; nếu có, chỉ có xảy ra những việc tốt lành thôi. Còn về khoản ngọc trai, xin bà sáng mai, rất sớm, hãy đến gốc cây đầu tiên trong khu rừng nhà, ở bên phải và cho đào lên bà sẽ tìm thấy thừa ra so với mức cần thiết.

Ngay tối hôm ấy, công chúa báo cho một người làm vườn sẵn sàng, rồi sáng hôm sau dẫn anh ta ra tới gốc cây mà con chim chỉ, bảo đào đất ở gốc. Đào sâu tới một mức nào đó, người làm vườn thấy chạm phải vật rắn, và nhận ra ngay đấy là một hộp bằng vàng rộng chừng một bộ vuông, liền chỉ cho công chúa thấy.

— Chính vì việc đó mà ta đưa anh tới đây, hãy tiếp tục đào nữa đi, chú ý đừng để cho nhát cuốc làm hỏng.

Cuối cùng, người làm vườn moi lên được cái hộp, đưa cho công chúa. Cái hộp chỉ cài bằng mấy chiếc móc khá sạch sẽ, công chúa mở ra và thấy dựng đầy ngọc trai, tất cả đều to bình thường thôi, nhưng đẹp và tiện dụng vào việc định làm. Rất hài lòng vì tìm được kho báu nhỏ bé đó, nàng đóng nắp hộp lại, ôm vào tay và trở về nhà, trong khi người làm vườn lấp đất ở gốc cây lại y như cũ.

Hai hoàng tử Batman và Pecvizơ, từ buồng riêng của mình, đã nhìn thấy em gái ra vườn sớm hơn thường lệ. Mặc áo quần xong, họ tìm nhau rồi cùng ra đón em. Họ gặp nàng giữa vườn. Từ xa, họ đã trông thấy em ôm một vật gì trong tay; họ đến gần thì thấy đó là một cái hộp bằng vàng. Rất ngạc nhiên, hoàng tử Batman nói :

— Em ơi, lúc em cùng người làm vườn đi ra, anh không thấy em cầm theo vật gì, giờ em trở về lại có cái hộp này. Có phải người làm vườn tìm được kho báu rồi bảo cho em hay chăng ?

— Thưa hai anh, — công chúa đáp — hoàn toàn ngược lại. Chính em dẫn người làm vườn ra nói có cái hộp, chỉ chỗ và bảo anh ta đào. Các anh còn ngạc nhiên hơn nữa về vật em bắt được, nếu biết bên trong nó đựng thứ gì.

Công chúa mở cái hộp. Hai hoàng tử lấy làm kỳ thú khi trông thấy chứa đầy ngọc, lấy riêng từng hạt thì chẳng lấy gì làm to lắm, nhưng chúng rất có giá trị, liền hỏi do đâu công chúa biết được kho báu này, nàng đáp :

— Hai anh à, trừ phi các anh có việc gì vội, còn không, mời các anh về cùng em, em sẽ nói các anh rõ.

Hoàng tử Pecvizơ đáp :

— Có việc nào đối với các anh vội hơn là được biết rõ về việc đang làm cho các anh rất quan tâm này ? chính vì vậy mà các anh đi đón em đó.

Thế là công chúa đi giữa hai anh trai, trên đường trở vào nhà, vừa đi vừa thuật lại chuyện mình hỏi ý kiến con chim; nàng hỏi những gì, nó đáp ra làm sao, nàng không bằng lòng món dưa chuột nhồi ngọc trai, nhưng nó đã bày cho cách làm để có đủ ngọc. Hai hoàng tử và công chúa suy đi xét lại rất nhiều để đoán được ý của con chim, nó muốn dọn cho vua một món ăn như vậy, thậm chí định tìm cách để biết

cho kỹ được. Nhưng cuối cũng, họ đều kết luận là họ chẳng hiểu ra làm sao cả, tuy nhiên họ vẫn cần phải làm cho đúng từng điểm một lời khuyên của chim, không bỏ sót một chỗ nào.

Trở vào nhà, công chúa cho gọi người đầu bếp đến buồng riêng của mình. Sau khi ra lệnh làm bữa ăn theo như ý nàng để thết đãi nhà vua, nàng bảo thêm :

– Ngoài những thứ tôi vừa dặn, anh cần phải làm cho tôi một món đặc biệt để riêng nhà vua dùng, như vậy, là ngoài anh ra không ai được đụng tay vào đấy. Đó là món dưa chuột nhồi, và anh lấy số ngọc trai này để nhồi vào các quả.

Vừa nói, nàng vừa mở cái hộp trỏ cho người đầu bếp trông thấy ngọc.

Người đầu bếp chưa từng bao giờ nghe nói tới một món nhồi như vậy, thụt lùi hai bước mặt lộ vẻ cực kỳ kinh ngạc. Công chúa hiểu, liền nói :

– Tôi thấy anh cho tôi là một con điên, khi bảo anh nấu một món anh chưa từng nghe ai nói tới, và có lẽ cũng chưa từng ai nấu bao giờ. Đúng như vậy, tôi cũng hiểu như anh, nhưng tôi có ý riêng của tôi, tôi ra lệnh cho anh làm việc đó với tất cả sự minh mẫn của mình. Thôi, anh hãy đi đi, hãy cố nghĩ ra cách mà làm cho tốt; hãy mang theo cái hộp, nấu xong, nếu còn thừa ngọc thì mang trả lại tôi.

Người đầu bếp không biết trả lời thế nào, liền cầm cái hộp mang đi. Cũng trong ngày hôm ấy, công chúa Parizat truyền cho người nhà bằng mọi cách quét dọn sạch sẽ, nhà cửa vườn tược để đón vua cho thật long trọng.

Ngày hôm sau, hai hoàng tử vừa có mặt ở nơi đi săn thì quốc vương nước Ba-tư đã đến. Vua bắt đầu cuộc săn cho tới khi mặt trời lên cao, rồi truyền lệnh nghỉ.

Thế là, trong khi hoàng tử Batman đi kề bên vua, hoàng tử Pecvizơ tiến lên trước dẫn đường. Khi trông thấy ngôi nhà, chàng thúc ngựa chạy về báo cho công chúa Parizat biết vua đã tới. Những người nhà của công chúa, được nàng sai đứng sẵn ở các đường, đã về báo trước, thành thử hoàng tử thấy nàng đã đứng chờ, sẵn sàng tiếp nhà vua.

Vua tới. Vào đến sân và xuống ngựa trước tiền sảnh, đã thấy công chúa Parizat bước ra quỳ xuống dưới chân. Hai hoàng tử lúc ấy có mặt, tâu rằng đây chính là em gái mình, xin phép vua cho em được lạy chào.

Nhà vua cúi xuống nâng công chúa đứng lên. Sau một lúc ngắm và khâm phục sắc đẹp tuyệt trần, dáng điệu yểu kiều, vẻ đường bệ, và có một cái gì đó không giống thôn dã nơi nàng đang ở, vua nói :

— Hai ông anh xứng đáng với cô em, và cô em xứng đáng với hai ông anh; từ bên ngoài xét việc bên trong, ta không còn ngạc nhiên nữa tại sao hai anh không muốn làm việc gì không có sự bằng lòng của cô em nhưng ta hi vọng sẽ hiểu điểm đó sâu hơn là thoạt nhìn, sau khi đã đi xem ngôi nhà.

Công chúa liền lên tiếng :

— Tâu bệ hạ, đây chỉ là một ngôi nhà hợp với những người quê mùa như chúng tôi. Nó chẳng có gì đáng so sánh với những ngôi nhà ở tỉnh thành, chứ còn nói gì so sánh với lâu đài tráng lệ của các vị đế vương.

— Ta chưa hoàn toàn tin vào ý kiến của cô, — nhà vua nói rất nhã nhặn. — Những thứ vừa thoạt trông thấy đã khiến ta nghi ngờ lời cô. Ta dành cho mình quyền phán đoán sau khi đã xem xong. Nào, cô hãy đi lên trước, dẫn đường cho ta.

Trừ phòng khách, công chúa dẫn nhà vua đi xem hết buồng này đến buồng khác. Vua khâm phục cảnh

sắc muôn màu muôn vẻ của từng gian buồng, liền báo công chúa Parizat :

– Cô gái ơi, cô gọi đây là một ngôi nhà nơi thôn dã quê mùa ư ? Các thành phố đẹp nhất và lớn nhất chẳng bao lâu rồi sẽ vắng teo, nếu tất cả các ngôi nhà nơi thôn dã đều giống như nhà của cô. Ta không ngạc nhiên sao các vị thích sống ở đây và coi thường thành thị đến thế. Cô hãy cho ta xem vườn, ta tin rằng vườn xứng với nhà.

Công chúa mở một cánh cửa thông ra vườn, và vật đập vào mắt nhà vua đầu tiên là những tia nước màu vàng, trông giống như vàng thật. Ngạc nhiên trước một cảnh tượng mới lạ như vậy đối với mình, vua dừng lại đứng nhìn một lát rồi hỏi :

– Loại nước kỳ diệu này lấy từ đâu mà trông thích mắt vậy ? Nguồn của nó ở đâu ? Và bằng nghệ thuật nào người ta cho phun được, khiến ta không sao tin nổi có vật nào giống thế này trên đời ? Ta muốn xem vật diệu kỳ này gần hơn nữa.

Vua vừa nói vừa đi. Công chúa tiếp tục dẫn vua tới nơi trồng cây biết hát.

Tới gần, nhà vua nghe một bản hợp xướng khác hẳn những bản vua từng nghe, liền dừng lại, đưa mắt tìm xem các nhạc công ở đâu. Nhìn xa rồi lại nhìn gần vẫn không trông thấy người, trong khi bản hòa tấu nghe khá rõ, đủ để cảm thấy mê ly, vua quay lại hỏi công chúa Parizat :

– Cô gái ơi, các nhạc công ta đang nghe ấy ở đâu ? Dưới đất ư ? Vô hình ở trên không ư ? Với những giọng hát tuyệt vời và dễ thương như vậy, họ sợ gì mà không ra mặt, ngược lại, họ sẽ làm cho người nghe càng thú vị.

Công chúa mỉm cười đáp :

– Tâu bệ hạ, không phải các nhạc công đang cử bản hòa tấu bệ hạ nghe, mà chỉ là cái cây bệ hạ nhìn thấy

trước mắt; nếu bệ hạ vui lòng tiến lên bốn bước nữa thì bệ hạ hết hoài nghi, các giọng hát sẽ rõ hơn.

Nhà vua tiến lên, và say mê điệu nhạc dịu dàng tới mức nghe không biết chán. Cuối cùng, sực nhớ là cần xem nước vàng ở cạnh đấy, vua cất tiếng hỏi :

— Này cô gái, cô hãy nói ta nghe, có phải cây này tình cờ mọc trong vườn nhà cô ? Ấy là món quà của ai tặng, hay là một vật mang về từ một nước rất xa xôi ? Chắc là nó được mang từ xa lắm về, còn không, một người thích những sự hiếm lạ trong thiên nhiên như ta, hẳn ta đã nghe nói tới rồi. Tên nó là gì ?

— Tâu bệ hạ, — công chúa đáp — nó chẳng có tên gì khác hơn là cây biết hát, nó chẳng mọc ở nước ta. Kể lại chuyện do đâu có cây này ở đây e quá dài. Câu chuyện này có liên quan tới nước màu vàng và con chim biết nói, cả ba vật ấy được đưa về đây cùng một lúc; bệ hạ sẽ thấy con chim, sau khi đã nhìn nước vàng gần hơn, như ý bệ hạ muốn. Nếu bệ hạ cho việc ấy là được, thì tôi sẽ xin được vinh dự thuật lại hầu bệ hạ, sau khi bệ hạ đã nghỉ ngơi cho đỡ mệt vì cuộc săn, nhất là săn dưới nắng to.

— Cô gái ạ, — nhà vua nói — ta chẳng thấy mệt nhọc như cô nói, vì cuộc đi săn đã được thưởng công bởi những vật diệu kỳ cô vừa cho xem; hãy nghĩ tới chuyện mệt nhọc mà ta gây nên cho cô. Vậy thì hãy kết thúc ở đây, hãy xem nước vàng; ta đang muốn được nhìn và thán phục con chim biết nói.

Đến gần bể, nhà vua nhìn rất lâu các tia nước phun lên trời rồi lại rơi xuống, tạo nên một cảnh tượng diệu kỳ. Nhà vua lại vẫn hỏi công chúa :

— Theo cô, nước này không có nguồn, và không được dẫn tới từ một nước nơi nào gần đây bằng những ống ngầm; ít ra ta cũng hiểu được là nó được đưa về từ nơi rất xa lạ, y như cây biết hát kia.

— Tâu bệ hạ, — công chúa đáp — đúng như lời bệ hạ nói, điều chứng tỏ nước không được dẫn từ nơi khác tới, là cái bể này đúc liền một khối, như vậy là không thể lấy nước vào từ hai bên, cũng như từ dưới đáy. Và điều làm cho nó càng đáng thán phục nữa là, tôi chỉ đổ có một lọ vào trong bể, ấy thế mà nó sinh sôi ra nhiều như vậy đấy, bởi vì nó có một đặc tính kỳ diệu.

Cuối cùng nhà vua đi xa cái bể.

— Thôi, lần đầu tiên thế là đủ, — vua nói, — Ta hứa sẽ còn trở lại luôn. Cô hãy đưa ta đi xem con chim biết nói.

Đến gần phòng khách, nhà vua nhận thấy trên một ngọn cây không biết có man nào là chim chóc cất tiếng hót vang lừng. Vua hỏi sao chim tụ tập ở đây nhiều hơn các cây khác trong vườn, ở đó chẳng nghe có tiếng chim hót cũng như chẳng nhìn thấy một con nào.

— Tâu bệ hạ, — công chúa đáp — ấy là tại tất cả chim chóc từ các vùng lân cận đều đến để họa theo tiếng hót của con chim biết nói. Bệ hạ có thể thấy nó trong cái lồng đặt trên bậu của một cửa sổ ở phòng khách mà bệ hạ sắp vào. Nếu bệ hạ để ý, sẽ thấy tiếng hót của nó nổi bật hơn tất cả, ngay đến chim sơn ca cũng còn xa mới sánh kịp.

Nhà vua vào phòng khách. Con chim vẫn tiếp tục hót, công chúa liền cao giọng bảo :

— Hỡi nô lệ của ta, nhà vua đến đấy, hãy chúc tụng bệ hạ.

Lập tức con chim thôi hót, tất cả chim chóc cũng một loạt im tiếng. Con chim nói :

— Chúc nhà vua vạn tuế ! Cầu mong Thượng đế cho bệ hạ được phồn vinh và kéo dài tuổi thọ của bệ hạ.

Bữa tiệc được bày trên ghế cạnh cửa sổ, vua ngồi vào bàn ăn, và nói :

— Chim ơi, ta cảm ơn lời chúc tụng của mi. Ta lấy làm hoan hỉ thấy mi là hoàng đế và vua các loài chim.

Thấy trước mặt mình có một đĩa dưa chuột vua ngỡ là cũng nhồi thịt như bình thường, vua đưa tay lấy định dùng, và cực kỳ ngạc nhiên khi thấy nhồi toàn ngọc.

— Món gì mới lạ thế này ! Nhồi ngọc là có ý gì ? Ngọc thì làm sao ăn được ?

Vua nhìn hai hoàng tử và công chúa hỏi, thì con chim đã ngắt lời :

— Tâu bệ hạ, sao bệ hạ lại lấy làm ngạc nhiên đến thế vì một món ăn nhồi ngọc trai mà bệ hạ nhìn tận mắt. Thế sao ngài lại tưởng tin một cách dễ dàng hoàng hậu vợ Ngài sinh hạ một con chó, một con mèo và một khúc gỗ ?

— Ta tin, — hoàng đế đáp — bởi vì các bà đỡ quả quyết với ta như vậy.

— Nhưng bà đỡ ấy là những chị gái của hoàng hậu, — con chim nói tiếp — những người chị ganh tị hạnh phúc của cô em vì bệ hạ chọn cô em làm hoàng hậu, mà không chọn họ. Và để hả cơn điên giận của mình, họ đã lợi dụng lòng cả tin của bệ hạ. Họ sẽ thú nhận tội ác nếu bệ hạ cho tra hỏi. Hai anh em trai và cô em gái mà bệ hạ đang thấy kia đều là con của bệ hạ, mà chúng đã thả trôi sông, nhưng được vị quan trông nom các vườn tược của bệ hạ cứu sống rồi nuôi nấng và dạy dỗ nên người.

Lời con chim làm nhà vua sáng tỏ ra ngay tức khắc. Vua kêu lên :

— Chim ơi, ta chẳng khó khăn gì mà không tin ngay điều mi vừa nói cho biết. Tình cảm tự nhiên xui ta thương yêu trìu mến, quá đủ để cho ta biết ba người này là thuộc dòng máu của ta. Hãy đến đây, các con trai ! hãy đến đây, con gái ! hãy để cho cha ôm hôn, để cha biểu lộ với các con lần đầu tiên tình thâm phụ tử !

Vua đứng lên, sau khi lần lượt ôm hôn hai hoàng tử và công chúa và cũng tuôn nước mắt như các con, vua nói :

— Như thế vẫn chưa đủ các con ạ. Các con còn phải lần lượt ôm hôn nhau, không với tư cách là con của vị quan trông nom vườn tược của ta — mà ta vĩnh viễn biết ơn đã bảo tồn tính mạng các con — mà với tư cách là các con của ta, xuất phát từ dòng máu các vua nước Ba-tư, mà ta tin chắc rồi các con sẽ tiếp tục giữ vững quang vinh.

Sau khi hai hoàng tử và công chúa lần lượt ôm hôn nhau, với một sự hài lòng hoàn toàn mới như quốc vương mong muốn, nhà vua cùng họ tiếp tục ngồi vào bàn ăn. Cuối bữa ăn, vua nói :

— Các con ơi, ta đã nhận ra các con. Ngày mai, ta sẽ đưa hoàng hậu mẹ để các con tới. Hãy sẵn sàng đón tiếp mẹ.

Nhà vua lên ngựa, vội vã trở lại kinh thành. Vừa bước vào hoàng cung, vua truyền lệnh cho tể tướng hết sức nhanh chóng bắt giữ ngay hai người chị gái của hoàng hậu. Hai người bị bắt đưa ra khỏi nhà, tra hỏi riêng rẽ, thú nhận khớp với nhau, liền bị kết án phanh thây. Tất cả những việc đó đều được thực hiện xong xuôi trong vòng chưa tới một giờ.

Trong lúc đó, vua Khôrusat, được tất cả các triều thần có mặt lúc ấy theo sau, đi bộ đến tận cổng giáo đường lớn rồi tự mình đưa hoàng hậu ra khỏi nhà tù chật chội, nơi bà sống gầy mòn và đau khổ bao nhiêu năm trường. Vua ôm hôn, nước mắt lưng tròng, vì thấy bà quá tiều tụy. Vua nói :

— Ta đến xin lỗi bà về chuyện bất công mà ta đã phạm, và sửa chữa sai lầm đối với bà. Ta đã sai trừng trị những kẻ đã làm ta mê muội vì sự gian trá xấu xa, và ta hy vọng rằng bà sẽ quên đi trọn vẹn mọi việc

xảy ra khi ta tặng bà hai hoàng tử hoàn hảo cùng một công chúa rất xinh đẹp rất đáng yêu, chúng đều là con của bà và của ta. Hãy về đây với ta, hãy lấy lại địa vị xứng đáng của bà, cùng tất cả vinh dự mà bà có quyền hưởng.

Việc đó làm ngay trước mắt vô vàn dân chúng tụ tập từ mọi nơi đến, sau khi tin tức về chuyện đang xảy ra chẳng mấy chốc lan truyền khắp thành phố.

Ngày hôm sau, từ sáng sớm, nhà vua và hoàng hậu, (bà đã thay bộ áo quần nhục nhã và đau buồn bằng xiêm y lộng lẫy đúng như nghi thức) cùng với tất cả triều thần đã được lệnh đi theo, đến nhà của hai hoàng tử và công chúa. Tới nơi, vừa đặt chân xuống đất, nhà vua đã giới thiệu hai hoàng tử Batman, Pecvizơ cùng công chúa Parizat với hoàng hậu :

– Thưa bà, đây là hai hoàng tử con trai bà, và đây là công chúa con gái bà; bà hãy ôm hôn các con thật âu yếm như ta từng hôn chúng; các con đều xứng đáng với ta và với bà.

Nước mắt tuôn nhiều không thể nào kể xiết, nhất là hoàng hậu, bởi niềm an ủi và vui mừng được xiết vào lòng hai con trai và con gái từng gây nên cho mình biết bao đau khổ bao nhiêu năm dài.

Hai hoàng tử và công chúa đã sai làm sẵn một bữa tiệc lớn thết đãi nhà vua, hoàng hậu cùng tất cả triều thần. Mọi người ngồi vào bàn. Sau bữa ăn, nhà vua dẫn hoàng hậu ra vườn, chỉ cho xem cây hát du dương và ánh nước đẹp màu vàng. Còn con chim, hoàng hậu đã nhìn thấy trong lồng, và nhà vua đã tỏ lời khen ngợi trong lúc dùng tiệc. Khi không còn có gì lưu chân nữa, nhà vua lên ngựa; hoàng tử Batman đi bên phải vua, hoàng tử Pecvizơ bên trái; còn hoàng hậu có công chúa Parizat ở bên trái, đi tiếp ngay sau nhà vua. Với

trật tự ấy, theo sau là các triều thần mỗi người xếp hàng theo phẩm trật, họ lên đường trở lại kinh thành. Càng về tới gần, nhân dân ra đón càng đông, rất xa ngoài các cổng thành. Họ dán mắt nhìn vào hoàng hậu chia vui cùng bà sau những ngày dài đau khổ, cũng như nhìn hai hoàng tử và công chúa, mà họ hoan hô vang dậy. Dân chúng cũng chú ý cả con chim trong lồng, được công chúa Parizat mang theo trước ngực.

Mọi người thán phục tiếng hót của chim, nó thu hút thêm nhiều chim chóc khác. Chúng bay theo, đỗ trên các ngọn cây ở thôn quê và trên nóc nhà các phố trong kinh thành.

Hai hoàng tử Batman, Pecvizơ và công chúa Parizat được rước về triều trong cảnh huy hoàng ấy. Đến tối, cảnh huy hoàng lại có thêm vô vàn đèn đuốc và những cuộc vui chơi trong hoàng cung cũng như ngoài phố phường tiếp tục kéo dài nhiều ngày sau đó nữa.

HẾT TẬP BA

MỤC LỤC

Trang

— Alat đanh và Cây đèn thần 3
— Chuyện Ali Baba và bốn mươi tên cướp 135
— Chuyện Ali Côzia nhà buôn thành phố Batđa 178
— Chuyện hoàng tử Át mét và tiên nữ Pari-Banu 237
— Chuyện hai người chị ganh tị với cô em út 307

Chịu trách nhiệm xuất bản :

LÝ HẢI CHÂU

Biên tập nội dung	:	NGUYỄN NGỌC LÂN
Trình bày bìa	:	PHẠM NGỌC BỘI
Trình bày sách	:	TRẦN KHOÁT
Sửa bản in	:	NHẬT TUẤN

NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM — Tập III

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

In 30.200 cuốn tại Xí nghiệp Quốc doanh in số 1 TP Hồ Chí Minh

khổ 13 X 19. Số xuất bản 15A VH

In xong tháng 12-1982. Nộp lưu chiểu tháng 12-1982

VỀ TÁC PHẨM

NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM

... « Trong số các di tích tuyệt diệu của sáng tác truyền khẩu dân gian, các truyện cổ tích của nàng Sêhêrazát là di tích đồ sộ nhất...

Công trình dệt gấm bằng từ ngữ này xuất hiện từ thời tối cổ, những sợi tơ muôn màu của nó lan khắp bốn phương, phủ lên trái đất một tấm thảm từ ngữ đẹp lạ lùng. »

MÁCXIM GOÓCKI

Giá : 29đ.50